

LÊ ĐỨC THỌ

Người cộng sản kiên cường
Nhà lãnh đạo tài năng

(HỒI KÝ)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC – PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM THỊ THINH
Biên tập nội dung: TS. LƯU TRẦN LUÂN
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
TRIỆU THỊ LỮ
VÕ VĂN BÉ
PHAN THỊ HƯƠNG GIANG
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: BÙI THỊ TÁM
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: TRIỆU THỊ LỮ
PHAN THỊ HƯƠNG GIANG
VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 3000-2021/CXBIPH/7-37/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 586-QĐ/NXBCTQG, ngày 14/9/2021.

Nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-7040-5,

LÊ ĐỨC THỌ
NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG
NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG
(HỒI KÝ)

LÊ ĐỨC THỌ
NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG
NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG
(HỒI KÝ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2011

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

- CHU VĂN ĐẠT: Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương,
Chủ tịch
- PHẠM HỒNG HÀ: Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư
Tỉnh ủy Nam Định, Phó Chủ tịch
- NGUYỄN DUY HÙNG: Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản
Chính trị quốc gia - Sự thật, Ủy viên

TỔ CHỨC BÀN THẢO

- TS. HOÀNG PHONG HÀ
- LƯU VĂN LỢI
- TS. LƯU TRẦN LUÂN
- TS. NGUYỄN AN TIÊM
- TRIỆU THỊ LỮ
- PHAN HƯƠNG GIANG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Lê Đức Thọ là một người cộng sản kiên cường, một nhà lãnh đạo tài năng, một trong những học trò xuất sắc, cộng sự thân cận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có nhiều cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho ở vùng ngoại ô thành phố Nam Định thuộc phủ Thiên Trường xưa, nơi phát tích của Vương triều Trần với hào khí Đông A nổi tiếng trong lịch sử, đồng chí Lê Đức Thọ sẵn mang trong mình tinh thần yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc.

Năm 1925, khi 14 tuổi, đồng chí lên thành phố Nam Định học tập. Đây là trung tâm công nghiệp dệt lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ, một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, nơi phong trào yêu nước và cách mạng phát triển rất mạnh. Đắm mình trong phong trào sục sôi ấy, đồng chí đã sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1928, đồng chí được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tháng 10-1929 trở thành đảng viên của Đông Dương Cộng sản Đảng.

Do tích cực tham gia những hoạt động yêu nước và cách mạng, đầu tháng 11-1930, đồng chí bị địch bắt và ngày 27-1-1931 bị toà án thực dân kết án khổ sai chung thân, sau giảm xuống còn 10 năm khổ sai và đày ra Côn Đảo.

Năm 1936 được trả tự do, đồng chí trở lại quê hương Nam Định tiếp tục hoạt động cách mạng và bị mật thám Pháp bắt lại vào tháng 9-1939. Đầu năm 1940, đồng chí bị toà án thực dân kết án 5 năm tù, lưu đày tại các Nhà tù Hoả Lò - Hà Nội và Sơn La, Hoà Bình.

Tháng 9-1944 ra tù, đồng chí được điều động về công tác tại

An toàn khu của Trung ương ở vào giai đoạn cả nước đang sức sôi cao trào cách mạng.

Tháng 8-1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, Tuyên Quang để quyết định Tổng khởi nghĩa, đồng chí được chỉ định vào Thường vụ Trung ương Đảng, cùng ban lãnh đạo tối cao của Đảng lãnh đạo toàn dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do của dân tộc.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, tháng 9-1948, trên cương vị Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử làm Trưởng phái đoàn của Đảng, Chính phủ và quân đội vào kiểm tra, giúp đỡ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ. Do yêu cầu thực tiễn của chiến trường, đồng chí Lê Đức Thọ đã được Bác Hồ, Thường vụ Trung ương Đảng chấp thuận để đồng chí ở lại Nam Bộ cùng đồng chí Lê Duẩn lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cho đến ngày thắng lợi.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, sau khi cùng Xứ uỷ và đồng chí Lê Duẩn sắp xếp lại tổ chức chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới, tháng 1-1955 đồng chí tập kết ra Bắc và được phân công làm Trưởng ban Thống nhất Trung ương. Cuối năm đó, đồng chí được bổ sung vào Bộ Chính trị phụ trách công tác sửa sai trong cuộc vận động cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Từ cuối năm 1956 trở đi, đồng chí phụ trách công tác tổ chức xây dựng Đảng và giữ trọng trách này trong một thời gian dài.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, tháng 9-1960, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, làm Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng. Đồng chí tiếp tục giữ cương vị quan trọng này cho đến tháng 12-1986, được Đại hội VI của Đảng tuyên dương công trạng và cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương cùng các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng.

Sau đợt một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, do yêu cầu của chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị cử đồng chí làm Phó Bí thư Trung ương Cục để cùng đồng chí Phạm Hùng trực tiếp lãnh đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam.

Tháng 5-1968, đồng chí Lê Đức Thọ được Bác Hồ và Bộ

Chính trị gọi ra miền Bắc làm Cố vấn đặc biệt của Phái đoàn đàm phán của Chính phủ ta tại Hội nghị Pari. Tháng 6-1968, đồng chí đến Pari tiến hành cuộc đàm phán kéo dài nhất trong lịch sử các cuộc chiến tranh, trực tiếp đương đầu với những nhà ngoại giao kỳ cựu của nước Mỹ để cuối cùng đi đến ký kết Hiệp định Pari vào ngày 27-1-1973, hoàn thành được di huấn của Bác Hồ "đánh cho Mỹ cút" để tiến tới "đánh cho ngụy nhào".

Tháng 3-1975 với đòn đánh điểm huyết vào Buôn Ma Thuột, quân và dân ta đã giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, mở ra khả năng quét sạch ngụy quân, đánh đổ chế độ Sài Gòn ngay trong năm 1975.

Trước thời cơ chiến lược vừa được mở ra, cuối tháng 3-1975, đồng chí Lê Đức Thọ vào chiến trường mang theo ý chí sắt đá của Bộ Chính trị quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam và trực tiếp cùng Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam lãnh đạo, chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh giành toàn thắng.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, đồng chí được phân công làm Phó ban đại diện của Đảng và Chính phủ để ổn định tình hình miền Nam và phụ trách công tác đặc biệt. Từ năm 1978, khi bọn phản động Pônpốt - Iêng Xari cho quân xâm lược toàn tuyến biên giới nước ta ở phía Tây Nam và gây ra thảm họa diệt chủng đối với dân tộc Campuchia, đồng chí được phân công lãnh đạo cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ ở phía Tây Nam và giúp cách mạng Campuchia đánh đổ chế độ Khơme đỏ diệt chủng.

Trải qua hơn 60 năm hoạt động cách mạng lâu dài, gian khổ và rất quang vinh, đồng chí Lê Đức Thọ đã giữ những trọng trách lớn của Đảng và có những cống hiến đặc biệt quan trọng cho cách mạng Việt Nam. Đồng chí đã được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Sao vàng và nhiều phần thưởng cao quý khác. Để tưởng niệm đồng chí, thực hiện Thông báo số 29-TB/TW, ngày 20-5-2011 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 37-KH/BTGTW, ngày 20-6-2011 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí Lê Đức Thọ (10-10-1911 – 10-10-2011), nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Ban Tuyên

giáo Trung ương, các cơ quan hữu quan và gia đình tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Lê Đức Thọ - Người cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng (Hồi ký)***.

Cuốn sách gồm gần 100 bài viết chủ yếu dưới dạng hồi ký của các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ, của đồng đội, đồng chí, của những người cộng sự đã từng sống và làm việc hồi tưởng lại từ trong ký ức những hình ảnh đẹp đẽ về đồng chí Lê Đức Thọ. Căn cứ vào nội dung các bài viết, chúng tôi sắp xếp thành sáu cụm chủ đề lớn sau đây:

- *Lê Đức Thọ với cách mạng Việt Nam*
- *Lê Đức Thọ với miền Nam*
- *Lê Đức Thọ với công tác tổ chức xây dựng Đảng*
- *Lê Đức Thọ với công tác ngoại giao*
- *Lê Đức Thọ với công tác quốc phòng - an ninh*
- *Về thơ Lê Đức Thọ.*

Sự sắp xếp trên đây chỉ là tương đối vì có những bài viết đánh giá tổng quát về cuộc đời, sự nghiệp, có những bài nhiều nội dung xuyên suốt cuộc đời - sự nghiệp, có những bài viết về một chặng đường, một mặt hoạt động của đồng chí Lê Đức Thọ.

Xuất bản cuốn sách này vào đúng dịp Đảng và Nhà nước ta tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh và 21 năm ngày mất của đồng chí Lê Đức Thọ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và các tác giả xem đây như một nén tâm nhang tưởng niệm người cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng đã có công lao to lớn với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần thứ nhất

**LÊ ĐỨC THỌ
VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

**ĐẠI HỘI VI TUYÊN DƯƠNG
CÔNG TRẠNG TO LỚN VÌ ĐẢNG, VÌ DÂN
CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH,
PHẠM VĂN ĐỒNG, LÊ ĐỨC THỌ**

**(Do đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V),
Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thay mặt
Đoàn Chủ tịch Đại hội, trình bày
ngày 17 tháng 12 năm 1986)**

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Chúng ta sắp bầu các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương mới. Đó là một trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đại hội chúng ta đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp và dân tộc ta.

Trong danh sách đề cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, thể theo đề nghị của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ, Đoàn Chủ tịch Đại hội nhất trí tôn trọng quyền không ứng cử của ba đồng chí vì tuổi đã cao, sức đã yếu.

Cử chỉ cao đẹp của ba đồng chí làm nổi bật truyền thống quý báu của dân tộc ta, của Đảng ta là: Thế hệ trước ân cần dìu dắt thế hệ sau và thế hệ sau kế tục trung thành sự nghiệp của thế hệ trước.

Đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ là những học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu, là những người bạn chiến đấu gần gũi nhất của đồng chí Lê Duẩn và nhiều chiến sĩ cộng sản tiên bối.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng long trọng tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng, vì dân

của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương ba đồng chí là tấm gương chỉ công vô tư, trung với nước, hiếu với dân, là những cán bộ lãnh đạo kiên cường, giàu kinh nghiệm, những chiến sĩ cộng sản trung thực và ưu tú được toàn dân ta yêu quý, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bạn bè ta trên thế giới kính trọng.

Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho ba đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Một lần nữa, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng quý trọng và biết ơn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đối với đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ.

Kính chúc ba đồng chí mạnh khỏe, sống lâu, và trong trọng trách mới, tiếp tục cống hiến vào trí tuệ tập thể của Đảng ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr. 542 - 543.

LỜI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH
TẠI LỄ TRAO TẶNG HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG
NGÀY 20-9-1990

Thưa đồng chí Lê Đức Thọ kính mến,

Thưa các đồng chí,

Hôm nay Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và Hà Nội vui mừng họp mặt tại đây dự lễ trao tặng đồng chí Lê Đức Thọ, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Huân chương Sao vàng nhân dịp đồng chí tròn 79 tuổi (1911 - 1990).

Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một cán bộ lãnh đạo giàu kinh nghiệm của Đảng và nhân dân ta.

Trong hơn 60 năm hoạt động cách mạng gian khổ, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem hết sức lực, tài năng và trí tuệ của mình phục vụ sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta. Với trọng trách là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã làm hết sức mình, tiếp tục góp phần vào trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Bộ Chính trị.

Tấm gương về lòng trung thành, tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần kiệm liêm chính và tình thương đối với

cán bộ của đồng chí Lê Đức Thọ được toàn Đảng và toàn dân ta thương yêu và kính trọng.

Với những cống hiến to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, đồng chí Lê Đức Thọ rất xứng đáng với Huân chương Sao vàng do Đảng và Nhà nước trao tặng. Nhân dịp này, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bày tỏ lòng quý mến, biết ơn và những lời chúc mừng thấm thiết nhất đối với đồng chí Lê Đức Thọ.

Thưa anh Sáu Thọ kính mến,

Thưa các đồng chí,

Công cuộc đổi mới của Đảng ta và nhân dân ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã thu được những kết quả bước đầu quan trọng, nhưng cũng đang đứng trước những khó khăn, thử thách rất lớn. Chúng ta quyết tâm thực hiện những giáo huấn quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, noi gương cao đẹp của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ và các bậc tiền bối cách mạng khác, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân ta giành nhiều thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Xin chúc mừng đồng chí Lê Đức Thọ được vinh dự nhận Huân chương Sao vàng vào dịp kỷ niệm lần thứ 79 ngày sinh của đồng chí.

LỜI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

Tại Lễ trao tặng Huân chương Sao Vàng

*Kính thưa: - Đồng chí Nguyễn Văn Linh,
- Đồng chí Phạm Văn Đồng
và các đồng chí lãnh đạo Đảng
và Nhà nước thân mến!*

Hôm nay tôi vô cùng cảm động được nhận phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước mà các đồng chí đã trao cho tôi. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp chung, những thành tích mà anh em chúng ta đạt được từ trước đến nay là do có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, của Bác Hồ, sự hy sinh vô bờ bến của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Để xứng đáng với phần thưởng cao quý này, từ khi tham gia cách mạng cho đến nay, còn sống giờ phút nào tôi nguyện đem hết sức mình để cống hiến cho sự nghiệp cách mạng chung của Đảng và đất nước đến hơi thở cuối cùng.

Chúc đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước luôn mạnh khỏe để lãnh đạo Đảng và nhân dân ta vượt qua những khó khăn, thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI và các nghị quyết Trung ương một cách thắng lợi vẻ vang.

Xin cảm ơn các đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

THÔNG CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, QUỐC HỘI,
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM VÀ ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vô cùng thương tiếc báo tin:

Đồng chí LÊ ĐỨC THỌ

Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam;

Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam;

Huân chương Sao vàng;

Do lâm bệnh nặng đã từ trần hồi 1 giờ 25 phút ngày 13 tháng 10 năm 1990 tại Viện Quân y 108, Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Đồng chí Lê Đức Thọ, sinh ngày 10-10-1911 tại xã Định Lễ, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, nay là xã Nam Vân, huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam Ninh*. Đồng chí đã hoạt động cách mạng 64 năm liên tục, là một trong những học trò xuất sắc của

* Nay là tỉnh Nam Định (B.T).

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, có nhiều cống hiến lớn cho sự nghiệp cách mạng.

Đồng chí Lê Đức Thọ mất đi là một tổn thất lớn đối với Đảng và nhân dân ta.

Để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn đồng chí Lê Đức Thọ kính mến, Hội nghị liên tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã quyết định tổ chức lễ tang Nhà nước với nghi thức trọng thể.

Trong giờ phút đau thương này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy biến đau thương thành sức mạnh, ra sức thực hiện công cuộc đổi mới theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, QUỐC HỘI,
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Báo Nhân Dân, ngày 15-10-1990.

TIỂU SỬ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

**Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam;
nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam**

Đồng chí Lê Đức Thọ, tên chính là Phan Đình Khải, sinh ngày 10-10-1911 tại xã Định Lễ, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, nay là xã Nam Vân, huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam Ninh.

Đồng chí hoạt động cách mạng từ năm 1926, tham gia bãi khóa và dự lễ truy điệu nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh.

Năm 1928, hoạt động trong Học sinh hội, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Nam Định.

Tháng 10-1929, được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng, làm Bí thư chi bộ học sinh và phụ trách công tác thanh niên học sinh. Tháng 11-1930, bị thực dân bắt, kết án 10 năm tù khổ sai và đày đi Côn Đảo, làm Bí thư chi bộ và Thường vụ chi uỷ nhà tù.

Từ năm 1936 đến năm 1939, ra tù phụ trách công tác báo chí công khai của Đảng bộ và tham gia xây dựng cơ sở bí mật của Đảng ở Nam Định.

Từ năm 1939 đến năm 1944, bị địch bắt và bị kết án tù 5 năm tại các Nhà tù Hà Nội, Sơn La và Hòa Bình.

Tháng 9-1944, ra tù được Trung ương giao phụ trách công tác Khu An toàn của Trung ương, công tác tổ chức và huấn luyện cán bộ.

Tháng 10-1944, được chỉ định Ủy viên Trung ương Đảng

và trực tiếp phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ. Dự Hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đêm 9-3-1945 đề ra chủ trương mới phát động một cao trào cách mạng đi tới cuộc Tổng khởi nghĩa.

Tháng 8-1945, tại Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phụ trách công tác tổ chức của Đảng.

Tháng 12-1946, dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định toàn quốc kháng chiến.

Năm 1948, thay mặt Trung ương tham gia đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ vào miền Nam công tác; năm 1949, làm Phó Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ.

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Từ năm 1949 đến năm 1954, làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam.

Năm 1955, tập kết ra Bắc, làm Trưởng Ban Thống nhất Trung ương. Cuối năm 1955, được bổ sung vào Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách công tác sửa sai trong cuộc vận động cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Cuối năm 1956, làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, từ tháng 11-1956 đến năm 1961 kiêm chức Giám đốc Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương.

Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Năm 1966, kiêm chức Hiệu trưởng Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Năm 1967, được cử vào Quân uỷ Trung ương.

Sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, được Bộ Chính trị cử vào miền Nam làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Đến tháng 5-1968, được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ phụ trách công tác đấu tranh ngoại giao, làm Cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Pari bàn về lập lại

hòa bình ở Việt Nam và trực tiếp đàm phán với đại diện của Chính phủ Mỹ trong các cuộc nói chuyện riêng giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam.

Sau Hiệp định Pari về Việt Nam (1973), được cử làm Trưởng Ban miền Nam của Trung ương.

Năm 1975, được Bộ Chính trị cử vào miền Nam phổ biến nghị quyết về cuộc Tổng tiến công mùa Xuân và cùng với một số đồng chí khác thay mặt Bộ Chính trị chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Sau ngày giải phóng miền Nam 30-4-1975, làm Phó ban đại diện Đảng và Chính phủ ở miền Nam.

Tháng 12-1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

Giữa năm 1977 đến tháng 1-1979, được Bộ Chính trị phân công phụ trách công tác đặc biệt.

Năm 1980, được cử làm Bí thư Thường trực và phụ trách công tác tổ chức; tháng 10-1980, kiêm chức Hiệu trưởng Trường Chính trị đặc biệt.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982), được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, làm Bí thư Thường trực, phụ trách công tác tư tưởng, nội chính, ngoại giao. Năm 1983, được chỉ định làm Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng của Đảng.

Năm 1986, làm Trưởng Tiểu ban nhân sự Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986), được Đại hội cử làm Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong hơn 60 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem hết tâm sức, tài năng và trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của nhân dân ta. Đảng và Nhà nước ta đã tặng đồng chí Huân chương Sao vàng và nhiều Huân chương khác, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Đảng

và Nhà nước Liên Xô tặng đồng chí Huân chương Cách mạng Tháng Mười, Đảng và Nhà nước Campuchia tặng đồng chí Huân chương Ăngco.

Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí Lê Đức Thọ - anh Sáu Thọ kính mến, gắn liền với những thành quả cách mạng vĩ đại của Đảng và nhân dân ta.

Báo *Nhân Dân*, ngày 15-10-1990.

LỜI ĐIỀU

**(Do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh
thay mặt Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam đọc tại buổi lễ tang
ngày 17-10-1990)**

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đồng chí Lê Đức Thọ, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, người đảng viên cộng sản kiên cường, người cán bộ có tài năng suốt đời hy sinh chiến đấu vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc, người đồng chí, người bạn thân thiết của chúng ta, không còn nữa.

Đồng chí Lê Đức Thọ, tên chính là Phan Đình Khải, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1911 tại xã Dịch Lễ, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Định, nay là xã Nam Vân, huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam Ninh. Đồng chí tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1926. Tháng 10 năm 1929 được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng. Với 64 năm hoạt động cách mạng liên tục cho đến hơi thở cuối cùng, đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã có nhiều cống hiến lớn cho sự nghiệp cách mạng, để lại cho đồng bào, đồng chí chúng ta những tình cảm vô cùng quý mến.

Cuộc đời hoạt động kiên cường, năng động, sôi nổi với tinh thần lạc quan cách mạng của đồng chí là tấm gương sáng về lòng thiết tha yêu nước, yêu dân, về tinh thần quốc tế cao cả. Ngay từ khi còn là học sinh 15 tuổi, đồng chí đã tham gia bãi khóa, dự lễ truy điệu nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh. Bước

vào tuổi 17, đồng chí đã đứng trong đội ngũ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Được đấu tranh và rèn luyện trong tổ chức cách mạng này, đồng chí đã trở thành người cộng sản từ tháng 10 năm 1929. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, đồng chí đã hai lần bị địch bắt, cũng là hai lần bị kết án, tổng cộng 15 năm tù. Những năm lưu đầy khổ sai khắc nghiệt ở Côn Đảo, trong ngục tù Sơn La, Hòa Bình, Hà Nội, đối với đồng chí là những năm tháng được tôi luyện ý chí cách mạng bất khuất và lòng kiên trung với Tổ quốc và nhân dân.

Tháng 8 năm 1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, đồng chí được cử vào Thường vụ Trung ương Đảng, là một trong những đồng chí lãnh đạo chủ yếu cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công.

Năm 1948, theo sự phân công của Trung ương, đồng chí là người thay mặt Trung ương Đảng trong Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ vượt núi băng rừng lần lộn ngày đêm qua nhiều vùng địch tạm kiểm soát để vào công tác ở miền Nam và trở thành một trong những đồng chí lãnh đạo chủ yếu của cuộc kháng chiến chống thực dân ở Nam Bộ.

Là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1960, là Ủy viên Quân ủy Trung ương năm 1967, là Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, từ tháng 5 năm 1968 là Cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam và là người trực tiếp đàm phán với đại diện Chính phủ Mỹ trong các cuộc nói chuyện riêng, là người cùng với một số đồng chí khác thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những đồng chí lãnh đạo có công lao lớn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đóng góp lớn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Đồng chí là một cán bộ lãnh đạo có tài năng về nhiều mặt.

Trong nhiều năm phụ trách công tác tổ chức cán bộ của Đảng, là lĩnh vực công tác rất khó khăn, phức tạp, đồng chí đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích đối với công cuộc đổi mới hiện nay.

Đồng chí còn để lại cho chúng ta những vần thơ đẹp. Đồng chí đã đem hết sức lực, tài năng và trí tuệ của mình phục vụ sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta. Với trọng trách là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã làm việc hết sức mình, tiếp tục góp phần vào trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Bộ Chính trị.

Tấm gương về lòng trung thành tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần kiệm liêm chính và tình thương đối với cán bộ của đồng chí Lê Đức Thọ được toàn Đảng và toàn dân ta thương yêu và kính trọng.

Đồng chí Lê Đức Thọ kính mến,

Trong giờ phút đau thương này, chúng tôi xin chia sẻ nỗi đau buồn với gia đình đồng chí.

Chúng tôi hứa với đồng chí sẽ đem hết sức mình cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đưa công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục tiến lên giành những thành tựu mới, mang lại cơm no, áo ấm và hạnh phúc cho đồng bào ta như đồng chí suốt đời mình từng mong ước.

Xin nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Lê Đức Thọ kính mến!

Báo Nhân Dân, ngày 18-10-1990.

NHỚ VỀ ANH LÊ ĐỨC THỌ

Đỗ Mười*

Anh thuộc lớp đảng viên đầu tiên của Đảng. Với quá trình đấu tranh cách mạng kiên cường, anh đã sớm trở thành một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng giàu kinh nghiệm và có tài năng nhiều mặt. Thường anh được Đảng điều đến những nơi, những lúc và ở những khâu công tác có tính quyết định của cách mạng.

Là một trong những đồng chí lãnh đạo chủ yếu của Cách mạng Tháng Tám, anh cũng cùng với một số đồng chí khác có công lớn trong việc giúp Trung ương bố trí, phát triển lực lượng Đảng, đoàn thể, xây dựng chính quyền cách mạng ngay từ ngày đầu lập nước, bảo đảm giữ vững và phát huy thắng lợi của cách mạng, kịp thời chuẩn bị cho đất nước bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

Ở các cương vị lãnh đạo khác nhau, anh đã cùng với đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh và các đồng chí lãnh đạo khác giúp Trung ương Đảng lãnh đạo phát triển tốt cuộc chiến đấu ở miền Nam thành đồng Tổ quốc, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương lớn của tiền tuyến lớn, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tiến hành cuộc đàm phán ở Pari thắng lợi, thực hiện mục tiêu "đánh cho Mỹ cút"; tiếp đó cùng với một số đồng chí khác, thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ

* Nguyên: - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,

đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử thực hiện mục tiêu "đánh cho ngụy nhào".

Quả anh là một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng "có công lao lớn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc".

Công tác tổ chức là sự nghiệp hầu như suốt cả cuộc đời cách mạng của anh từ ngày hoạt động trong nhà tù, khi công tác ở miền Nam và khi tham gia Bộ Chính trị, anh đều được Đảng tín nhiệm giao phụ trách công tác tổ chức.

Từ Đại hội lần thứ III đến Đại hội lần thứ V của Đảng, anh đã có công trong việc giúp Trung ương chuẩn bị các Văn kiện Đại hội về xây dựng Đảng và về Điều lệ Đảng, qua đó anh đã góp phần phát triển một bước lý luận về đảng cầm quyền trên cơ sở quán triệt và vận dụng có sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Trong công tác tổ chức, anh đã tập trung sức vào việc xây dựng, quản lý và bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao, đặc biệt đã tích cực giúp Bộ Chính trị chuẩn bị tốt việc bầu cử Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào các kỳ Đại hội Đảng (từ Đại hội III đến Đại hội VI) mà anh là Trưởng Tiểu ban nhân sự.

Anh thường thẳng thắn góp ý kiến với cán bộ cao cấp phạm tiêu cực để ngăn chặn từ gốc việc phát triển tiêu cực vào trong Đảng và nhắc nhở cán bộ tổ chức: phải thực sự công minh; nếu vì "yêu nên tốt, ghét nên xấu" hoặc vì sợ bị va chạm, sợ bị oán thù dẫn đến bố trí hoặc xử lý sai cán bộ thì không thể làm cán bộ tổ chức.

Ở anh Lê Đức Thọ, chúng ta thấy sự kết hợp chặt chẽ

giữa lãnh đạo đường lối với chỉ đạo tổ chức cụ thể; giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính sáng tạo và tinh thần đổi mới trong hành động; giữa lý luận với thực tiễn; giữa lời nói và việc làm.

Anh xứng đáng là "một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại" và xứng đáng với những "công trạng to lớn vì Đảng, vì dân" mà Đại hội lần thứ VI đã tuyên dương anh.

NHỚ ANH THỌ

Võ Chí Công*

Qua các thời kỳ cách mạng, thời gian công tác của tôi đối với anh Thọ không nhiều như các đồng chí lãnh đạo khác. Tuy nhiên, thông qua những công tác chủ yếu của anh đảm nhận trước Đảng, tôi thấy anh - một cán bộ lãnh đạo của Đảng có những nét nổi bật, ngoài sự tận tụy suốt đời vì sự nghiệp chung của Đảng và dân tộc.

Anh, một nhà tổ chức lâu năm của Đảng, đã có công đóng góp quan trọng cho Đảng về đường lối chung; đồng thời xây dựng đường lối, chính sách tổ chức và cán bộ của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Trong công tác cán bộ, anh là người có tính quyết đoán trong sắp xếp, bố trí và đào tạo một đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước đáng tin cậy, bảo đảm mục tiêu chiến lược của Đảng. Anh nắm vững tâm tư, nguyện vọng, khuyết, nhược điểm của các thế hệ cán bộ, tạo được một đội ngũ cán bộ kế thừa cho các giai đoạn chung. Rất nghiêm khắc đối với sai lầm khuyết điểm, nhưng anh cũng rất khoan dung, chân tình khuyên răn, nhắc nhở và thương yêu cán bộ. Công lao của anh là chủ yếu.

Anh, một nhà ngoại giao uyên bác, sắc sảo trong đấu tranh chính trị ngoại giao khi được Đảng phân công phụ trách lĩnh vực này trong một thời gian, nhất là chỉ đạo tại Hội nghị Pari về Việt Nam.

Tính kiên quyết, khẳng khái, không khoan nhượng trước

* Nguyên: - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

kẻ thù nhằm bảo vệ chính nghĩa, lẽ phải, giữ vững nguyên tắc nhưng rất khôn khéo, mềm dẻo về sách lược, chiến thuật, làm cho kẻ thù phải khâm phục, buộc chúng phải chấp nhận. Những lời lẽ đối đáp, tranh luận, ứng xử với Kítxinhgiơ tại Hội nghị Pari để đạt kết quả về Hiệp định hòa bình chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã chứng minh bản lĩnh của con người anh. Nhiều lần anh đã điện trực tiếp hỏi tôi những diễn biến ở chiến trường để đấu tranh ngoại giao. Tôi đã góp ý kiến được anh nhất trí.

Anh, một cán bộ lãnh đạo thông minh, sáng tạo, thực tiễn, sát quần chúng, sát thực tế.

Thời gian chống Mỹ, tôi ở chiến trường Khu 5 đã nhận điện, thư của anh thay mặt Bộ Chính trị chỉ đạo, và ở Hội nghị Pari, anh luôn theo sát tình hình diễn biến ở chiến trường và hỏi ý kiến cụ thể để kết hợp đấu tranh ngoại giao với chiến đấu ở chiến trường.

Những góp ý của anh về chỉ đạo chiến trường và nhiều sáng kiến trong đấu tranh ngoại giao biểu hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng trong đấu tranh, tạo nên sức mạnh tinh thần và niềm tin vững chắc ở thắng lợi của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong chiến đấu.

Nhớ và thương tiếc anh, tôi nói lên những nổi bật của anh trong sự nghiệp cách mạng để noi gương - một cán bộ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, là học trò xuất sắc của Bác Hồ, và cũng để nhớ lại những kỷ niệm sâu sắc, đầy tình cảm khi gặp nhau ở chiến trường cũng như những ngày cùng nhau công tác.

CHIẾN TRƯỜNG LÀ NƠI GẶP GỠ

Đại tướng Văn Tiến Dũng*

Tôi đã gặp mặt và làm việc với anh Thọ trong những hoàn cảnh thật là đặc biệt.

Lần thứ nhất là tại Sơn La khi chúng tôi và một số đồng chí khác bị địch bắt và bị đày lên nhà tù ở đấy. Lúc đó, tôi còn là một thanh niên vào Đảng chưa được bao lâu nên còn thiếu kinh nghiệm. Tôi nhớ mãi lời anh dặn chỉ bảo cách đối phó với kẻ thù khi đã bị bắt. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh là hình ảnh một người cộng sản đầy nhiệt tình, sôi nổi và dễ gần.

Lần thứ hai thấy anh là trong nhà giam Sở Mật thám Hà Nội, khi tôi bị chuyển từ đây về Bắc Ninh để tòa án thực dân phong kiến xét xử và kết án tử hình. Lần này tôi chỉ kịp chào anh và nhận ở anh ánh mắt thông cảm, lo lắng và khuyến khích. Hơn cả những lời nói, ánh mắt ấy bộc lộ tình cảm sâu nặng của những đồng chí chung một lý tưởng.

Lần thứ ba đáng nhớ nhất là lần được trực tiếp cộng tác với anh dài ngày hơn, ở một nơi và một thời điểm mà con người dễ phô bày bản lĩnh và những điểm mạnh, yếu của mình: chiến trường miền Nam lúc sắp diễn ra Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Như chúng ta đã biết, tháng 1-1975, Bộ Chính trị Đảng ta quyết định thực hiện kế hoạch hai năm giải phóng miền Nam, mở đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên. Khi chúng tôi đang họp Thường trực Quân uỷ Trung ương để bàn việc thực hiện

* Nguyên: - Uỷ viên Bộ Chính trị,
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Nghị quyết Bộ Chính trị thì đồng chí Thọ bất ngờ đến cùng họp. Sau này mới hiểu vì Bộ Chính trị thấy ý định đánh trận đột phá vào Buôn Ma Thuột như gợi ý của đồng chí Lê Duẩn chưa được rõ nét trong kế hoạch tác chiến nên cử đồng chí Thọ đến để khẳng định quyết tâm đánh vào đó. Đồng chí Thọ đã sôi nổi và dứt khoát đặt vấn đề phải mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bằng giải phóng Buôn Ma Thuột. Sau đó, theo đề nghị của đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Thọ, Bộ Chính trị cử tôi cùng đoàn cán bộ vào chiến trường Tây Nguyên để chỉ đạo trực tiếp tại chỗ. Tính cách của anh Sáu là như vậy: tập thể đã quyết định thì phải chấp hành cho bằng được dù khó khăn đến mấy.

Giải phóng Tây Nguyên xong, Bộ Chính trị cân nhắc mọi mặt và thực hiện phương án giải phóng Sài Gòn sớm hơn dự kiến, nghĩa là giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa, rồi ngay trong tháng tư. Một lần nữa, Bộ Chính trị lại cử đồng chí Thọ vào gặp chúng tôi để phổ biến nghị quyết này và bàn việc nắm lấy thời cơ lịch sử này hoàn thành nhiệm vụ trọng đại giải phóng miền Nam.

Chiều ngày 7-4-1975, khi chúng tôi họp với Trung ương Cục và Quân uỷ Miền nghiên cứu tình hình, thảo luận kế hoạch của trận quyết chiến chiến lược cuối cùng thì đồng chí Thọ đến. Đây là chuyến đi công tác thứ ba vào Nam Bộ của đồng chí trong 30 năm qua kể từ khi Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ. Qua đó có thể thấy đồng chí là một người năng nổ, xông xáo, kiên nghị, thường được cử đi những nơi quyết định vào những lúc quyết định.

Cùng với các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Phan Văn Đáng, Hai Xô, tôi và Lê Ngọc Hiền..., đồng chí Thọ tới. Đồng chí Thọ phổ biến chỉ thị của Bộ Chính trị và tham gia vào quá trình thảo luận kế hoạch Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, phân tích sâu sắc các vấn đề đặt ra, đi sâu vào các khía cạnh cụ thể và cân nhắc một cách toàn diện. Đó là một quá trình lao động tập thể đầy hào hứng

nhưng rất căng thẳng vì tình hình diễn biến mau lẹ, thời cơ xuất hiện rất nhanh. Đặc biệt đồng chí Thọ và đồng chí Phạm Hùng được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định và cùng đồng chí Nguyễn Văn Linh trong việc huy động lực lượng quần chúng, hướng dẫn hình thức nổi dậy, lựa chọn thời điểm thích hợp, phối hợp với tiến công quân sự để từ trong nổi dậy, từ ngoài đánh vào, trong ngoài cùng đánh đạt được yêu cầu táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng, kết thúc một cách huy hoàng, oanh liệt cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Cho đến bây giờ, tôi thấy như còn vang vọng những lời phát biểu của đồng chí Lê Đức Thọ trong Hội nghị sơ kết chiến dịch ở Đà Lạt. Đó là sự phân tích sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa và nguyên nhân của thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nhất là lời kêu gọi nâng cao cảnh giác, tránh say sưa với thắng lợi của đồng chí mà tiếc thay có nhiều người đã lãng quên.

Những lần gặp gỡ và làm việc với đồng chí Thọ đã càng khẳng định những ấn tượng ban đầu của tôi về đồng chí: một người cộng sản trung kiên, nhiệt tình, năng động, đã quyết là làm bằng được.

Khi viết những dòng hồi ức này, tôi nhớ tới sự băn khoăn, trăn trở của anh về vấn đề đội ngũ kế thừa của cách mạng. Tôi thấy có thể thưa với hương hồn anh rằng: "Xin anh yên tâm, sự nghiệp của Đảng, của Bác Hồ và dân tộc vẫn được đặt trong những bàn tay tin cậy".

LÊ ĐỨC THỌ - NHÀ LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC

Đại tướng Lê Đức Anh*

Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà cách mạng tài năng, đức độ, được Bác Hồ và Đảng tin cậy, giao nhiều nhiệm vụ quan trọng. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Đức Thọ rất phong phú trên nhiều lĩnh vực; mặc dù chưa biết hết, nhưng tôi thấy rõ công lao to lớn của đồng chí trước hết là ở lĩnh vực xây dựng Đảng.

Trách nhiệm của đồng chí Lê Đức Thọ là phát hiện, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, chỉ đạo việc xây dựng Điều lệ Đảng và các văn kiện về xây dựng Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Cho đến nay, qua các kỳ đại hội, Điều lệ Đảng đã có những sửa đổi, bổ sung, nhưng những quan điểm cơ bản về xây dựng đảng cầm quyền theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh do đồng chí Lê Đức Thọ chỉ đạo xây dựng lúc sinh thời vẫn được giữ vững.

Đảng mạnh và không nghiêng ngả là do thực hiện đúng Cương lĩnh và Điều lệ Đảng, chính vì vậy mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã tổng kết: *xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt*.

Đồng chí Lê Đức Thọ luôn gắn công tác xây dựng Đảng với

* Nguyên: - Ủy viên Bộ Chính trị,
- Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

việc thực hiện mục tiêu chiến lược của cách mạng trong từng thời kỳ lịch sử. Tháng 9-1948, đồng chí được Bác Hồ và Thường vụ Trung ương cử vào Nam Bộ phổ biến đường lối kháng chiến cho Xứ uỷ Nam Bộ, khi đó đồng chí Lê Duẩn là Bí thư Xứ uỷ. Khoảng tháng 5-1949, đồng chí vào đến Đồng Tháp Mười. Trước khi phổ biến đường lối kháng chiến của Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ đã nghiên cứu kỹ tình hình ở một số địa phương để nắm vững những mặt mạnh, mặt yếu của phong trào. Khi đó tôi được dự Hội nghị do Xứ uỷ tổ chức, đã chứng kiến sự thẳng thắn của đồng chí Lê Đức Thọ. Bên cạnh việc biểu dương những việc làm tốt của Xứ uỷ Nam Bộ, đồng chí còn thẳng thắn phê bình những mặt còn thiếu sót hoặc chưa làm được của Xứ uỷ, trong đó có vấn đề còn xem nhẹ phong trào dân quân, xem nhẹ hoặc chưa chú ý đúng mức đến phong trào đô thị... Đồng chí Lê Duẩn cùng một số đồng chí lãnh đạo khác của Xứ uỷ đã thừa nhận, tiếp thu ý kiến phê bình chân thành của đồng chí Lê Đức Thọ và quyết tâm sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm. Sau hội nghị này, đồng chí Bí thư Xứ uỷ Lê Duẩn kiêm luôn chức vụ Trưởng phòng Dân quân Nam Bộ; đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) phụ trách thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo xây dựng cơ sở, tăng cường đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, diệt ác ôn ngay trong nội thành...

Lúc đầu khi mới vào Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ là cấp trên (Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng), nhưng sau khi được đồng chí Lê Duẩn đề nghị và được Bác Hồ cùng Thường vụ Trung ương đồng ý, đồng chí Lê Đức Thọ ở lại Nam Bộ công tác. Đồng chí đã nhanh chóng hòa mình, gắn kết với các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Đảng bộ Nam Bộ bị tổn thất khá nặng nề, nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp bị địch giết hoặc bắt bỏ tù đầy. Một tháng sau Cách mạng Tháng Tám 1945, thực dân Pháp đã gây hấn ở Nam Bộ và nhân dân Nam Bộ lại phải "đi trước", phải ngay lập tức lao vào cuộc kháng chiến chống Pháp trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn

gian khổ. Cán bộ thiếu, lực lượng thiếu, vũ khí thiếu, mọi thứ gần như đều phải tổ chức, xây dựng lại từ đầu. Sau khi bị thất bại thảm hại tại Việt Bắc Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp đã điều chỉnh chiến lược, tăng cường lực lượng quân sự ở miền Nam nhằm xây dựng miền Nam thành căn cứ vững chắc để làm bàn đạp xâm chiếm cả Việt Nam và Đông Dương. Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức đoàn thể, mặt trận đã trở thành một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Cùng với các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Kinh..., đồng chí Lê Đức Thọ chăm lo tất cả các công việc của Xứ uỷ (đồng chí đã kiêm cả chức Chính uỷ Phân khu miền Tây), nhưng trọng tâm vẫn là công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng. Theo tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Đức Thọ luôn gắn chặt công tác xây dựng Đảng với xây dựng các tổ chức đoàn thể quần chúng, tích cực vận động công nhân, nông dân, nhân sĩ, trí thức, tiểu tư sản, các chức sắc tôn giáo... tham gia kháng chiến, kiến quốc. Chính vì vậy mà phong trào kháng chiến ở Nam Bộ đã thu hút được nhiều nhà trí thức ở trong thành ra và nhiều chức sắc trong các tôn giáo đã có những hành động ủng hộ cách mạng. Nhờ vậy mà mặt trận kháng chiến Nam Bộ ngày càng lớn mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng quân sự đã được phát huy, tạo nên sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, làm cho phong trào cách mạng phát triển đều khắp toàn miền Nam.

Những thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến trường kỳ và anh dũng của quân dân Nam Bộ đã góp phần quan trọng cùng cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, còn miền Nam tuy "đi trước" nhưng phải "về sau".

Hiệp định Giơnevơ quy định ta phải tập kết quân ra miền Bắc. Lúc đầu không ai muốn tập kết vì tình cảm sâu đậm, lưu

luyện với quê hương, với đồng bào, đồng chí trong cuộc kháng chiến chín năm trường kỳ đầy gian khổ, hy sinh. Nhưng khi Bác Hồ gửi thư cho đồng bào và chiến sĩ Nam Bộ, trong thư, Bác đã phân tích rõ tình hình, giải thích rõ tại sao ta ký Hiệp định Giơnevơ và nhắc nhở vì lợi ích lâu dài của dân tộc, thì mọi người mới thông suốt vấn đề tập kết. Nhưng ai đi, ai ở? Đồng chí Lê Đức Thọ được giao nhiệm vụ gánh vác trọng trách này. Đồng chí vừa phải làm công tác tư tưởng quán triệt cho cán bộ thông suốt về tính chất lâu dài của cách mạng miền Nam, vừa xây dựng kế hoạch bố trí cho cán bộ tập kết ra miền Bắc theo phương châm: một bộ phận cán bộ nòng cốt ở lại để tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh của cách mạng miền Nam; còn đa số cán bộ tập kết ra miền Bắc để tiếp tục học tập, bồi dưỡng; bộ đội ra Bắc huấn luyện cho giỏi để sau này sẽ trở về tiếp tục phục vụ cho cách mạng miền Nam. Một bộ phận lớn vũ khí tốt và công binh xưởng được để lại, cất giấu để sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ sau này.

Cùng với số cán bộ nòng cốt được Bác Hồ và Trung ương bố trí ở lại lãnh đạo cách mạng miền Nam, trong đó có các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt..., đồng chí Lê Đức Thọ đã đề xuất kế hoạch đưa hàng vạn con em cán bộ miền Nam ra miền Bắc học tập để sau này trở lại miền Nam phục vụ cho cách mạng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị Trung ương Đảng đồng ý.

Sau khi tập kết ra miền Bắc, đồng chí Lê Đức Thọ đã nghiên cứu kỹ tình hình cả nước cùng những vấn đề của Đảng trong bối cảnh mới. Vào năm 1957, Bác Hồ và Thường vụ Trung ương điều đồng chí Lê Duẩn ra Bắc để cùng với Bác và Trung ương lo cho nhiệm vụ chung của cả nước; vì trong số các đồng chí lãnh đạo đương thời thì đồng chí Lê Duẩn là một trong những cán bộ gắn bó với cách mạng miền Nam và am hiểu tình hình cách mạng miền Nam, mà mục tiêu chiến lược của Đảng ta lúc ấy là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng là để phục vụ cho

mục tiêu chiến lược này.

Khi ra Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã mang theo bản dự thảo Đề cương *Đường lối cách mạng miền Nam*, để báo cáo với Bác. Từ thực tiễn cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã viết bản dự thảo Đề cương này và đưa ra cho nhiều cán bộ lãnh đạo thảo luận, đóng góp ý kiến để đồng chí Lê Duẩn tiếp tục bổ sung và hoàn thiện. Sau khi được nghe đồng chí Lê Duẩn trình bày bản dự thảo Đề cương *Đường lối cách mạng miền Nam*, các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh... vốn là những người đã nhiều năm gắn bó với cách mạng miền Nam và nắm rất rõ thực trạng tình hình miền Nam vô cùng phẫn khởi. Bản dự thảo Đề cương *Đường lối cách mạng miền Nam* là sự tổng kết thực tiễn bằng cả máu và nước mắt của hàng triệu đồng bào, chiến sĩ đang chiến đấu ở miền Nam và cũng chính là cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp bàn, ra được Nghị quyết 15.

Nghị quyết 15 đã đáp ứng được nỗi khát vọng, sự trông chờ của đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Đó là đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Đó là tư tưởng về ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn và đô thị liên kết, gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau. Đó là tư tưởng về thế trận của ba mũi giáp công: đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và công tác binh vận...

Ý Đảng gặp lòng dân, nên khi Nghị quyết 15 được quán triệt và triển khai thì phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, vùng giải phóng ngày càng rộng lớn và vùng tranh chấp (vùng lõm) ở Sài Gòn mới được mở ra. Thế và lực của cách mạng ngày càng được phát triển.

Việc lãnh đạo xây dựng miền Bắc và đấu tranh ở miền Nam đều nhằm vào mục tiêu chiến lược là giải phóng ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Có một vấn đề cần chú ý là chúng ta đã thực

hiện nhiệm vụ này trong một bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp. Bên cạnh những thuận lợi, cũng có rất nhiều khó khăn. Đế quốc Mỹ là một siêu cường, trong lịch sử chưa từng bị thua ai.

Các nước bạn bè trong phe xã hội chủ nghĩa tuy vẫn ủng hộ ta cả về tinh thần lẫn vật chất để kháng chiến, nhưng lo cho ta, không tin là ta có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ xâm lược. Có người đã khuyên ta nên tập trung củng cố, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nếu ta quyết tâm đánh Mỹ thì "một đốm lửa nhỏ có thể lan rộng thành đám cháy lớn...". Hoặc có người khuyên ta, nếu đánh chỉ đánh kiềm chế với quy mô cấp tiểu đội và dùng các loại vũ khí như súng trường sản xuất từ thời kỳ Nga hoàng.

Trong tình hình như vậy, để khẳng định được ý chí của toàn Đảng và Bác Hồ là quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc bằng con đường bạo lực cách mạng như thực tế lịch sử đã diễn ra, là vô cùng khó khăn.

Công việc chỉ đạo cụ thể thời kỳ đó lại càng khó khăn hơn. Năm 1964, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh được Bác và Trung ương cử vào tăng cường cho lực lượng lãnh đạo cách mạng miền Nam. Qua những kết quả thắng lợi bước đầu của quân và dân miền Nam trên chiến trường, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân là hoàn toàn có cơ sở thực tiễn và phương châm là: "Bám lấy thất lưng địch mà đánh". Lời thơ kêu gọi của Bác: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" là tư tưởng chiến lược rất sát với tương quan lực lượng ở miền Nam, đồng thời cũng thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cộng sản cao cả. Ta quyết đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào chứ không tiêu diệt ngụy quân, ngụy quyền vì họ vốn cũng là người Việt Nam, nhưng bị ép buộc, bị lầm đường, lạc lối.

Đồng chí Lê Đức Thọ được Bác Hồ rất tin cậy giao cho nhiều trọng trách, cả về công tác tổ chức, quân sự và ngoại giao để thực hiện tư tưởng chủ đạo của Bác là "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Tháng 5-1968, Bác Hồ đã cử đồng chí Lê

Đức Thọ trực tiếp sang chỉ đạo cuộc đấu tranh ngoại giao với Mỹ ở cuộc Hội đàm Pari. Với những kết quả thắng lợi của quân, dân ta trên chiến trường và sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, năm năm đấu trí kiên cường trên bàn đàm phán ở Pari, đồng chí đã góp phần vào việc ký kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ta đã buộc "Mỹ cút", còn bộ đội từ miền Bắc vào vẫn ở lại miền Nam cùng toàn dân đấu tranh. Đây là tiền đề quyết định để thực hiện bước tiếp theo là "đánh cho ngụy nhào" nhằm mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Theo Hiệp định Pari, tù binh Mỹ đã được trao trả vô điều kiện cho phía Mỹ. Khi trở về Mỹ, họ không phàn nàn gì vì trong thời gian bị giam, họ cũng đã được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Chính phủ Việt Nam, được hưởng tiêu chuẩn sinh hoạt khá cao trong khi đời sống của nhân dân và bộ đội ta còn vô cùng khó khăn, gian khổ. Ngụy quân, ngụy quyền bị bắt cũng được đối xử nhân đạo, được trả tự do. Tư tưởng nhân đạo cộng sản của Đảng thấm sâu trong toàn dân, toàn quân ta và cũng tác động mạnh mẽ tới hàng ngũ địch. Phong trào chống chiến tranh xuất hiện ở miền Nam và lan rộng tới cả Mỹ. Tình trạng đào ngũ trong lính ngụy ngày càng tăng và phong trào chống chiến tranh ở Mỹ lan rộng, làm cho hàng ngũ địch thêm rệu rã.

Sau chiến dịch mùa khô năm 1974, ta đã giải phóng được nhiều vùng quan trọng ở đồng bằng, vùng ven, vùng rừng núi, trong đó có tỉnh Phước Long. Trên cơ sở này, Bộ Chính trị đánh giá tình hình rõ hơn: Mỹ khó có khả năng can thiệp và ta giải phóng một tỉnh là khả năng hiện thực. Trên cơ sở này, đồng chí Lê Đức Thọ tán thành và nhất trí cao với phương án mà đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đề xuất: "*Giải phóng miền Nam sớm hơn*" (so với dự kiến ban đầu là hai năm).

Những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng trong những ngày đầu Xuân 1975 càng củng cố thêm quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975. Một lần nữa, đồng chí Lê Đức Thọ

lại được cử vào miền Nam cùng với các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng... thay mặt Bộ Chính trị và Bí thư thứ nhất trực tiếp chỉ đạo và chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam trước ngày sinh của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Trong công tác xây dựng Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ là người xây dựng và đấu tranh về quan điểm tư tưởng rất mạnh mẽ và thẳng thắn. Từ năm 1948 đến mãi sau này ở miền Nam, đồng chí đã được anh em gọi bằng một cái tên thân mật là anh "Sáu Búa", đó là biểu thị một sự kính trọng đối với một chiến sĩ cộng sản thẳng thắn, kiên cường, hết lòng vì sự nghiệp xây dựng Đảng, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Là một đồng chí lãnh đạo có tài năng về nhiều mặt, đồng chí Lê Đức Thọ còn có công lao lớn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Đảng và dân tộc. Đồng chí đã đóng góp xứng đáng trong việc giúp Mặt trận đoàn kết cứu nguy dân tộc Campuchia, cứu dân tộc Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng.

Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo có công lao to lớn đối với dân tộc, nhưng đồng chí ít nói về thành tích của mình, đó là một phẩm chất quý giá. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồng chí Lê Đức Thọ rất tán đồng với đồng chí Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ Lê Duẩn mỗi khi đồng chí Lê Duẩn phê phán kịch liệt chủ nghĩa cá nhân, đồng chí thường căn dặn cán bộ: *"Những người không tập trung lo việc chung, chỉ lo tạo danh vị và thu vén cá nhân thì suốt đời làm nô lệ cho bản thân mình"*. Các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh... có nét đặc biệt là tuy cá tính khác nhau nhưng đều thống nhất một mục tiêu là quyết tâm thực hiện bằng được mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc với phương châm "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", nên đã luôn đoàn kết, kề vai sát cánh bên nhau lo cho sự nghiệp chung của dân tộc.

Tôi không hiểu tường tận những trọng trách mà đồng chí Lê Đức Thọ đã làm, nhưng với những gì tôi được biết, được

chúng kiến và với tư cách là một chứng nhân của lịch sử, tôi có thể khẳng định được rằng, trong những lúc đất nước có khó khăn, thì Bác Hồ và Trung ương lại giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Đức Thọ; với tinh thần trách nhiệm cao, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm nên đồng chí đã hoàn thành xuất sắc, trong đó nổi bật là nhiệm vụ xây dựng Đảng và công tác cán bộ.

Nhân dịp sắp đến ngày kỷ niệm 12 năm¹ ngày mất đồng chí Lê Đức Thọ, tôi viết những dòng này, cho dù là còn ngắn ngủi, để nhớ về đồng chí Lê Đức Thọ - một đồng chí lãnh đạo trung kiên của Đảng, luôn kiên định mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

1. Năm 2002 (B.T).

ANH SÁU THỌ - MỘT CHIẾN SĨ CỘNG SẢN NHIỆT THÀNH, MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG

Võ Văn Kiệt*

Đã hơn năm thập kỷ trôi qua, vào một dịp hè năm 1949, lần đầu tiên tôi được gặp anh Sáu Thọ tại cuộc Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ mở rộng gần vùng đất Gò Tháp - một địa danh nổi tiếng ở Đồng Tháp Mười, nơi các cụ Thiên Hộ Dương và Đốc Binh Kiều đã từng đặt đại bản doanh để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp trong những năm giữa thế kỷ XIX.

Anh Sáu và phái đoàn của Trung ương Đảng, Chính phủ đã tới bùng binh Đồng Tháp trước đó không lâu, sau khi vượt qua hàng vạn dặm, lội suối băng rừng vượt Trường Sơn từ khu căn cứ địa Việt Bắc vào chiến trường Nam Bộ. Cùng đi với anh Sáu, còn có các anh Phạm Ngọc Thạch, Dương Quốc Chính, Lê Toàn Thư, Lưu Quý Kỳ, v.v.. Tại cuộc hội nghị này, tôi cũng có dịp được gặp các anh ấy.

Anh Sáu Thọ và phái đoàn Trung ương được đặc cử vào Nam sau chiến thắng vang dội của quân dân ta vào Thu Đông năm 1947 ở Việt Bắc, giữa lúc quân đội viễn chinh Pháp đang ra sức tăng viện mạnh trên chiến trường Nam Bộ, nhằm biến Nam Bộ thành hậu cứ cho cuộc chiến tranh xâm lược lâu dài ở Đông Dương. Chính vì vậy, sự hiện diện của anh Sáu và các đồng chí trong đoàn vào thời điểm lịch sử này rất có ý nghĩa. Chúng tôi công tác ở khắp các chiến trường rất phấn khởi khi nhận được tin này và đánh giá cao sự chi viện kịp thời đó của Trung ương.

* Nguyên: - Uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị,
- Thủ tướng Chính phủ,
- Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kể từ khi được tiếp cận anh Sáu Thọ vào dạo ấy cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi còn có nhiều dịp gặp lại anh trong các cuộc hội nghị quân - dân - chính - Đảng do Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam triệu tập tại vùng căn cứ địa ở miền Tây Nam Bộ.

Nói về anh Sáu Thọ, trước hết cần phải khẳng định công lao to lớn của anh là một trong những người lãnh đạo chủ chốt cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ - nơi đã vinh dự được Bác Hồ kính yêu tặng cho bốn chữ vàng: "Thành đồng Tổ quốc". Trong những năm chống Pháp lâu dài và gian khổ, trên chiến trường Nam Bộ đã rực sáng hình ảnh hai nhà lãnh đạo hàng đầu của cuộc kháng chiến, uy tín và tài năng, có sức thu hút sự ái mộ mạnh mẽ của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào - đó là các anh Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

Trong thời gian công tác ở chiến trường miền Tây, trong cán bộ chúng tôi, có người đã đặt cho anh Sáu Thọ cái biệt danh "Sáu Búa". Mỗi khi nghe cách gọi đùa vui thân mật theo kiểu Nam Bộ, mọi người thường thấy anh Sáu chỉ thản nhiên cười xòa. Anh Sáu Thọ là một cán bộ lãnh đạo vốn sống chan hòa tình cảm, gần bó với anh em và là người dễ gần, dễ xáp. Đối với những đồng chí có mối quan hệ thân tình, anh thường cư xử rất tự nhiên, như gọi bằng cậu, bằng thằng trong khi chuyện trò với một số cán bộ thuộc bậc đàn em của mình.

Anh Sáu Thọ còn là một nhà lãnh đạo có ý chí tiến công, lạc quan cách mạng, rất quan tâm đến thực tiễn và là người quyết đoán. Anh rất thương cán bộ, nhưng cũng hết sức nghiêm khắc đối với những lỗi lầm của họ. Anh không nể nang dung dưỡng trước những điều sai trái của cấp dưới. Chính vì vậy, một số người khi phạm phải sai lầm, khuyết điểm thường hay ngao ngán trước chiếc "búa" của anh. Tôi thích phong cách này của anh Sáu Thọ. Thật vậy, trong dân gian từ xưa đã lưu truyền câu châm ngôn hay: "Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng".

Hãy còn một điều suốt bao năm qua đã lưu lại trong ký ức tôi ấn tượng không thể phai mờ, đó là sự gắn bó đậm đà trong tình nghĩa đồng chí giữa anh Sáu Thọ và anh Ba Lê Duẩn. Đây chính là biểu tượng đẹp nhất thể hiện sự thống nhất ý chí và hành động qua những thời điểm lịch sử khác nhau ở Nam Bộ, miền Nam giữa hai anh. Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày Nam Bộ kháng chiến, 25 năm ngày giải phóng miền Nam và tròn 10 năm¹ ngày mất của anh Sáu Thọ, chúng ta hãy tưởng nhớ về một con người tiêu biểu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp oanh liệt trên chiến trường Nam Bộ và miền Nam.

Trong sự nghiệp đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, anh Sáu Thọ còn là một cán bộ lãnh đạo có những cống hiến lớn lao. Mọi người đều biết, 46 năm trước đây, sau khi ký Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, cùng với anh Ba Lê Duẩn, anh Sáu Thọ đã được uỷ thác cáng đáng một trọng trách nặng nề - vừa tham gia chỉ đạo thực hiện việc chuyển quân tập kết ra Bắc, vừa bố trí đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống bộ máy tổ chức Đảng ở miền Nam.

Có thể nói, anh Sáu Thọ và anh Ba Duẩn là những người đứng mũi chịu sào công cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ cho đến tận giờ phút chót và là những người cuối cùng bước chân lên tàu Kiliensky của Ba Lan chở quân tập kết ra miền Bắc. Trên con tàu viễn dương này đã diễn ra một cuộc chia tay âm thầm đầy xúc động giữa hai anh vào đêm hạ tuần tháng 1-1955 tại cửa sông Ông Đốc - anh Sáu trở về Hà Nội, anh Ba ở lại miền Nam.

Trong thời gian tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, anh Sáu Thọ lại vượt Trường Sơn vào chiến trường miền Nam. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân năm 1968, anh được Bộ Chính trị cử vào miền Nam làm Phó Bí thư Trung ương Cục. Lần thứ hai, anh được cử vào miền Nam để phổ biến Nghị quyết về cuộc Tổng tiến công

1. Năm 2000 (B.T).

lịch sử và cùng với một số đồng chí thay mặt Bộ Chính trị chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh, trực tiếp tham gia chỉ huy trận quyết chiến điểm cuối cùng phối hợp với tổng nổi dậy vào sào huyệt địch tại thành phố Sài Gòn giữa mùa Xuân đại thắng.

Trải qua 20 năm (1955 - 1975) lần lượt gánh vác các cương vị quan trọng của Đảng, chúng ta có thể thấy rõ cũng như trong những năm kháng chiến chống Pháp, anh Sáu Thọ trước sau vẫn là người được Bác Hồ và Bộ Chính trị giao phó những trọng trách đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo chiến trường miền Nam ở những thời điểm quyết định nhất, kể cả cuộc đàm phán ở Pari. Khi vào chiến trường anh luôn thể hiện tư tưởng tiến công nhất quán trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Vẫn tình cảm đối với anh em đồng chí, anh thân mật gọi chúng tôi là thằng cu Trà (Trần Văn Trà), thằng cu Kiệt, v.v.. Anh Sáu Thọ quả là một trong những nhà lãnh đạo có công đầu góp phần rất quan trọng vào việc lập nên những kỳ tích cả trên ba lĩnh vực: chính trị - quân sự - ngoại giao.

Sẽ là một thiếu sót lớn khi nói về anh Sáu Thọ, nếu như chúng ta không nhắc đến bản lĩnh, tài năng, công lao và thành tích xuất sắc của anh trong cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Luôn tiến công và đầy mưu lược "vừa đánh, vừa đàm" với phía Mỹ kéo dài trong hơn bốn năm trời tại Thủ đô nước Pháp. Trong lịch sử của ngành ngoại giao nước ta, Lê Đức Thọ mãi mãi xứng đáng là một nhân vật lỗi lạc trên chính trường. Theo tôi, đó là sự thật hiển nhiên đã được khẳng định.

Những điều mà tôi nói ở trên với những ấn tượng và sự hiểu biết của mình chỉ là đôi nét về chân dung anh Sáu Thọ. Tất nhiên, tôi không có ý định tô vẽ anh như mẫu người "thần tượng". Bởi xét trong quá trình tham gia lãnh đạo, trong cấp cao của Đảng và Nhà nước ta, không ai hoàn hảo đến độ là không có khuyết điểm trong đời hoạt động cách mạng của mình. Đó là sự bình thường.

Trong lãnh đạo, có đồng chí cân nhắc thận trọng là cần thiết, nhưng với mức quá thận trọng trong những tình huống

cần ứng phó kịp thời thì đôi khi lại bỏ lỡ cơ hội. Có đồng chí nhay bén, quyết đoán, song cũng có trường hợp dẫn đến chủ quan, độc đoán trong việc xử lý cụ thể. Vấn đề quan trọng là phải thấy hết và phải đánh giá đúng sự nổi trội và sự đóng góp lớn của một con người. Đây là phương pháp luận khoa học, là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng giúp cho chúng ta có được một nhân sinh quan đúng đắn trong việc nhận xét cán bộ. Không thể đánh giá con người bằng việc lấy cái nhỏ, cá biệt để thay thế cho cái lớn bao trùm.

Lê Đức Thọ là một chiến sĩ trong đội cận vệ cách mạng đầu tiên của Đảng, là một trong những người học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu. Anh đã dành hết cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng, cho Đảng, cho Tổ quốc và nhân dân.

"Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ người trồng cây". Cuộc đời, thân thế và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của anh Sáu Thọ là một tấm gương sáng đáng để cho chúng ta tôn vinh và học tập.

ANH SÁU THỌ TRONG KÝ ỨC TÔI

Phan Văn Khải*

Anh Sáu Thọ lớn hơn tôi gần hai con giáp. Xét cả về mặt tuổi đời, tuổi Đảng, công lao và thành tích cống hiến cho đất nước, cho nhân dân - đối với tôi, anh Sáu đứng vào hàng khai quốc công thần, thuộc lớp người khai sơn phá thạch, mở lối khai đường.

Tôi được nghe danh anh Lê Đức Thọ từ đầu mùa Xuân năm 1949, khi anh làm Trưởng phái đoàn Trung ương từ Chiến khu Việt Bắc vượt suối băng ngàn đi qua tỉnh Gia Định quê hương tôi, để xuống căn cứ địa Xứ uỷ Nam Bộ ở Chiến khu Đồng Tháp Mười. Khoảng 5 - 6 năm sau, khi tập kết ra miền Bắc, tôi được gặp anh trong cuộc họp mặt với một số cán bộ tại tỉnh Sơn Tây. Hôm đó anh nói chuyện rất hay, đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng đẹp. Kể từ ấy đến nay, thời gian thấm thoát trôi qua đã hơn 50 năm, nhưng hình ảnh anh Sáu trong ký ức tôi vẫn còn đọng mãi.

Sở dĩ tôi kính yêu anh Sáu Thọ, không phải vì anh có chức trọng quyền cao trong Thường vụ Trung ương Đảng từ thời kỳ tiền khởi nghĩa. Đối với tôi, Lê Đức Thọ thủy chung vẫn là một chiến sĩ mácxít kiên cường, tài năng, đức độ, tận trung với nước, tận hiếu với dân, xứng đáng là một trong những người học trò xuất sắc kế tục sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác Hồ.

* Nguyên: - Uỷ viên Bộ Chính trị,
- Thủ tướng Chính phủ.

Thời gian tôi được tiếp cận nhiều nhất với anh Sáu Thọ là vào những năm cuối thập niên 70 và trong thập niên 80, khi tôi giữ cương vị lãnh đạo trong Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và trong Ban Chấp hành Trung ương khóa VI. Cảm động biết bao, tuy tuổi cao sức yếu nhưng mỗi lần từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh, anh Sáu đều đến cơ quan Thành uỷ để nghe các đồng chí lãnh đạo chủ chốt - trong đó có tôi, báo cáo về tình hình chung. Anh quan tâm theo dõi sát sao và đóng góp nhiều ý kiến chỉ đạo sắc sảo về những bước tiến mới, cũng như sự định hướng phát triển của thành phố này. Những khi tôi ra Thủ đô công tác, anh đều nhắn tới nhà để hỏi han và dặn dò công việc rất chí tình. Điều đã gây cho tôi ấn tượng mạnh qua các cuộc gặp gỡ và tiếp xúc với anh Sáu Thọ, là tác phong công tác quần chúng hóa và tình thương yêu cán bộ sâu sắc của anh. Anh không bao giờ nói chuyện với cán bộ cấp dưới và các đồng chí kém tuổi mình bằng thái độ của người bề trên. Anh chăm chú lắng nghe ý kiến người đối thoại trong sự khách lệ động viên, qua ánh mắt và nụ cười ưu ái.

Có thể nói, một trong những bài học kinh nghiệm quý giá đầu tiên mà tôi đã học được ở anh Sáu Thọ là bài học về công tác cán bộ. Sự dày công của anh trong công tác bồi dưỡng, rèn luyện và đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, có thể ví như lòng đam mê của một nghệ nhân trong việc chăm sóc vườn lan, cây kiểng.

Do sự gần gũi, sâu sát và có tình thương yêu sâu sắc đối với cán bộ nên theo sự nhận xét của nhiều người, anh Sáu Thọ đã trở thành quyển "từ điển sống" về công tác tổ chức - cán bộ. Tôi đã được trực tiếp chứng kiến việc này trong không ít lần cùng các đoàn đại biểu tham dự các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, V, VI, đã thức tới thâu đêm để nghe anh trình bày một cách thuyết phục và giải đáp thấu lý đạt tình xung quanh những ý kiến thắc mắc về công tác nhân sự của đại hội.

Lần lúc được ngồi đối diện trao đổi với anh Sáu Thọ, do sức truyền cảm của anh, trong khoảnh khắc khiến tôi chợt quên anh là một nhân vật lịch sử đã từng lập công tích vẻ vang cả trên chiến trường và trong mặt trận ngoại giao. Trước mắt tôi, anh là một nhà sư phạm tài năng, một chuyên gia lão luyện trong lĩnh vực công tác cán bộ. Với tinh thần tôn sư trọng đạo, tôi luôn luôn nhớ mãi những bài học quý giá trong truyền thống đạo đức tổ tiên và của Bác Hồ mà anh đã tinh luyện để trang bị cho tôi trong những năm tháng làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng như tại Thủ đô Hà Nội. Giá trị tinh hoa của những bài học ấy được quán triệt vận dụng trong sự "tu thân", "tề gia" và lãnh đạo công việc chung của đất nước (tức là "trị quốc" - theo cách nói của người xưa).

Về việc tu thân, anh căn dặn tôi khi làm việc trong nước cũng như những lúc đi công tác ở nước ngoài, phải biết trui rèn bản lĩnh để tự bảo vệ mình, tránh bị thương vong bởi "dạn bọc đường", tránh rơi vào sự cám dỗ của bạc tiền và gái đẹp. Anh nêu lên những bài học kinh nghiệm nhãn tiền của một số cán bộ chỉ trong phút chốc, sự nghiệp đã bị đổ vỡ tan tành, do thiếu nghị lực để thoát ra khỏi hệ lụy của chuyện "nam nữ thường tình, anh hùng khí đoản".

Về sự "tề gia", anh nhắc nhở tôi phải quan tâm giáo dục vợ con quán triệt lời dạy: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Bác Hồ, phải tránh xa ý nghĩ "có chồng làm quan, họ hàng hưởng lộc". Anh giải thích, vì để cho những bà vợ có lòng tham thủ lợi ở các "cửa sau", nên một số đồng chí đã mang tai tiếng và bị búa rìu dư luận.

Về việc lãnh đạo công việc chung của đất nước, anh đã truyền đạt cho tôi nhiều bài học kinh nghiệm quý báu mà anh đã được tiếp nhận và trải nghiệm - nhất là trên lĩnh vực xây dựng Đảng và trong công tác đối ngoại.

Lê Đức Thọ là nhà lãnh đạo tài năng của Đảng, là nhân vật lịch sử của đất nước. Hơn 60 năm hoạt động cách mạng, anh đã tỏa sáng trong nhiều lĩnh vực hoạt động và để lại cho đời những dấu ấn không thể phai mờ: về xây dựng Đảng, trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang, trên mặt trận đối ngoại, trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của Đảng... Anh có mặt trên khắp các chiến trường trong nước và trên bán đảo Đông Dương - trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong giai đoạn hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, anh là nhà lãnh đạo có công lao lớn trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc trên chiến trường Nam Bộ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, anh làm đại diện của Thường vụ Trung ương Đảng bên cạnh Xứ uỷ Nam Bộ (1949 - 1951) và Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1952 - 1954). Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, anh làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam ở Chiến khu Bắc Tây Ninh (1968), rồi được Bác Hồ và Bộ Chính trị cử làm Cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam và là người trực tiếp đàm phán với đại diện Chính phủ Mỹ trong các cuộc nói chuyện riêng. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, anh đã cùng với một số đồng chí thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Anh Sáu Thọ chẳng những là nhà lãnh đạo, mà còn là nhà thơ. Cùng với Bác Hồ, Tố Hữu, Sóng Hồng (Trường Chinh), Xuân Thủy..., nhà thơ Trung Thành (Lê Đức Thọ) đã góp phần quan trọng vào việc hun đúc nên chất "thép" trong thơ ca cách mạng Việt Nam. Cách đây 36 năm, trong khi đi theo bước chân thần tốc của đoàn quân bách chiến để tiêu diệt kẻ thù, anh Sáu Thọ đã gửi cho đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn một bài thơ hùng tráng. Anh viết:

*Cuộc tổng tiến công đã mở màn
Quân ta thắng lớn địch hoang mang
Phen này quét hết quân xâm lược*

Bắt bọn tay sai phải cúi đầu.

Đó là tinh hoa tư tưởng yêu nước mãnh liệt, đó là khí phách cách mạng tiến công mà anh Sáu Thọ đã dày công tôi luyện suốt cả cuộc đời. Nhân kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của anh Sáu, tinh hoa tư tưởng ấy và khí phách ấy được kết thành vòng hoa lửa rực sáng tên anh giữa mùa Thu cách mạng, gợi nhớ đến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 lịch sử.

HÌNH ẢNH VÀ SỰ NGHIỆP CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ ĐÃ ĐI VÀO KÝ ỨC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ NHÂN DÂN THẾ GIỚI

Vũ Oanh*

Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những chiến sĩ cộng sản kiên cường tiêu biểu của Đảng ta trong giai đoạn lịch sử cực kỳ oanh liệt của dân tộc. Đồng chí đã có nhiều công lao to lớn, có những cống hiến xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng tổ chức Đảng, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những người học trò xuất sắc của Bác Hồ, đã mang hết tài năng, trí tuệ cùng với đồng chí cố Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến góp phần quan trọng cùng với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, hoàn thành trọn vẹn công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, viết nên trang sử chói lọi với những chiến công hiển hách của dân tộc trong thế kỷ XX, thực hiện câu thơ chúc Tết Xuân Mậu Thân năm 1968 của Bác Hồ vĩ đại:

"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.

Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,

Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!"¹.

*

* *

* Nguyên: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 426.

Trong thế kỷ XX, sự kiện lịch sử được xem là trọng đại nhất sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 là cuộc Cách mạng giải phóng dân tộc Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trực tiếp sáng lập, rèn luyện và chỉ đạo.

Do vậy, lịch sử của Đảng ta qua 70 năm đấu tranh, xây dựng và trưởng thành (1930 - 2000) đã gắn liền với lịch sử, vận mệnh của dân tộc, với những chiến thắng mang tầm vóc, ý nghĩa to lớn của thời đại, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên Hồ Chí Minh, kỷ nguyên đấu tranh cho chủ quyền độc lập dân tộc, cho tự do hạnh phúc của nhân dân, cho tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam đã giương cao ngọn cờ tiên phong trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc thuộc địa bị áp bức. Những chiến thắng, những sự kiện vĩ đại mang dấu ấn lịch sử do Đảng ta lãnh đạo tổ chức và làm nên mọi thắng lợi.

1. Cách mạng giải phóng dân tộc Tháng Tám năm 1945 ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một chính quyền dân chủ nhân dân kiểu mới, mọi quyền lực của Nhà nước là của dân, do dân và vì dân đã chứng minh và phản ánh một chân lý mang tính thời đại: với đường lối đúng đắn do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng vẫn có thể thành công trong một nước, dù là một nước nhỏ như Việt Nam.

Nó ghi nhận công lao to lớn quyết định mọi thắng lợi của Đảng Cộng sản Việt Nam là một Đảng chân chính hết lòng vì dân, vì nước, đã vận dụng một cách sáng tạo, nhuần nhuyễn học thuyết cách mạng khoa học Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của xã hội Việt Nam, của dân tộc Việt Nam, tạo nên những thắng lợi có một không hai trong lịch sử dưới ngọn cờ chỉ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nó đã tạo tiền đề và niềm tin tất thắng trong cuộc tiếp nhận và sẵn sàng đối đầu với quân thù mạnh gấp trăm lần và kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh 30

năm bảo vệ Tổ quốc, dài nhất trong lịch sử, từ 9 năm chống Pháp xâm lược đến 20 năm chống Mỹ.

2. Chiến thắng mang ý nghĩa lịch sử lớn nhất, vĩ đại nhất do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và tổ chức là cuộc đối đầu với đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai. Cùng một lúc chúng ta phải tiến hành song song hai nhiệm vụ để hỗ trợ cho nhau đánh thắng quân thù như: Miền Bắc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, ổn định mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng, động viên sức người, sức của để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Ở miền Nam phải phát triển chiến tranh du kích rộng khắp, với tinh thần đồng khởi kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, gây cho địch rối loạn mất ổn định, đánh thắng "chiến tranh đặc biệt" của địch, xây dựng và chuẩn bị lực lượng để tiến lên đánh thắng "chiến tranh cục bộ" khi đế quốc Mỹ đã phơi bày trắng trợn dã tâm xâm lược đem quân trực tiếp vào miền Nam.

3. Bằng cuộc Tổng tiến công Mậu Thân năm 1968, nổi dậy và đồng loạt tiến công từ bờ sông Bến Hải đến Sài Gòn, ta báo cho quân thù biết quyết tâm và ý chí của dân tộc Việt Nam là quyết đánh bại mưu đồ xâm lược của đế quốc Mỹ, ta sẵn sàng tiếp nhận mọi kiểu chiến tranh, mọi cách đánh vì cuộc chiến tranh chống Mỹ của dân tộc chúng ta là để bảo vệ nền độc lập, bảo vệ phẩm giá của chúng ta, một dân tộc có bốn nghìn năm lịch sử văn hiến, có truyền thống chống ngoại xâm. Từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) với hai bàn tay trắng, với vũ khí thô sơ gây gộc lúc ban đầu, nhưng cuối cùng ta đã tiêu diệt, bắt sống hàng vạn quân Pháp ở Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình Đông Dương, đánh dấu sự cáo chung vĩnh viễn chủ nghĩa thực dân xâm lược Pháp.

4. Phối hợp với miền Nam, tiền tuyến lớn của cả nước, miền Bắc ngoài việc động viên con em lên đường "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", tất cả dành cho tiền tuyến lớn miền Nam, miền Bắc cũng đã anh dũng chiến thắng chiến tranh phá hoại

của địch, chiến thắng mưu đồ dã tâm ném bom phá hoại để đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá. Miền Bắc đã bắn rơi hàng ngàn máy bay của địch, kể cả máy bay chiến lược B52, bắt sống hàng trăm phi công Mỹ, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, cam kết vĩnh viễn không dính líu can thiệp vào nội bộ chủ quyền dân tộc Việt Nam. Đây là một chiến thắng cực kỳ to lớn và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một tên đế quốc đầu sỏ đã trực tiếp mang mấy chục vạn quân xâm lược nhưng cuối cùng vẫn phải chịu thua. Thắng lợi của ta ở Hội nghị Pari là thắng lợi của trí tuệ, thắng lợi của chính nghĩa, thắng lợi của một dân tộc anh dũng và kiên cường dưới sự lãnh đạo của một Đảng chân chính có đường lối chính trị đúng đắn, sáng tạo, mà tiêu biểu là vai trò của đồng chí Lê Đức Thọ đã thắng địch trên mặt trận ngoại giao, buộc địch phải ký kết rút hết quân Mỹ về nước. Qua Hội nghị Pari, hình ảnh đồng chí Lê Đức Thọ đã đi vào ký ức của lịch sử, ký ức của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp đánh Mỹ và thắng Mỹ. Chính Hiệp định Pari đã đánh dấu thành quả của quân dân ta kết thúc chiến lược "đánh cho Mỹ cút", tạo điều kiện để hoàn thành chiến lược "đánh cho ngụy nhào", kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ở trong nước đã đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân tạo thành sức mạnh dân tộc vô địch: khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Bên ngoài, với thế giới, qua cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược đã nói lên Việt Nam là lương tâm của thời đại, cuộc đấu tranh của Việt Nam ngày càng sáng ngời chính nghĩa, chứng minh cho chân lý "không có gì quý hơn độc lập, tự do", như Bác Hồ vĩ đại đã dạy.

*

* *

Năm nay, kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng¹, ôn lại những chặng đường lịch sử oanh liệt, những thắng lợi vĩ đại của dân tộc do Đảng ta lãnh đạo và tổ chức, ta không thể nào không nhớ đến hình ảnh đồng chí Lê Đức Thọ với sự nghiệp của đồng

1. Năm 2000 (B.T).

chí đã gắn liền với những chiến thắng lịch sử ấy.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng năm 1960, tổng kết những bài học kinh nghiệm trong kháng chiến chống Pháp, xác định nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn cách mạng mới như: Miền Bắc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng hậu phương vững mạnh cho cả nước và cũng là tiền đề tạo sức mạnh để đứng vững và chiến thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại hội của chiến thắng chiến tranh xâm lược Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc thì đồng chí Lê Đức Thọ đã thay mặt Đảng tổng kết cả một giai đoạn lịch sử với những bài học kinh nghiệm mà Đảng ta đã lãnh đạo, xây dựng về mặt tổ chức, về đường lối, chính sách, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đến toàn thắng. Những bài học kinh nghiệm đó mang tính lịch sử đối với một Đảng cầm quyền đã lãnh đạo và tổ chức xây dựng đường lối và chính sách thích hợp với từng thời kỳ để giành lấy thắng lợi vẻ vang nhất trong cuộc dựng dẫu lịch sử giữa một dân tộc nhỏ bé như Việt Nam với tên đế quốc khổng lồ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Thông qua chiến thắng cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất trọn vẹn hai miền Nam - Bắc, xây dựng một quốc gia độc lập tự chủ từ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Lê Đức Thọ đã có những cống hiến to lớn trong việc xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mở ra một giai đoạn cách mạng mới, một tiền đồ tương lai xán lạn cho dân tộc.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã có những cống hiến xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng tổ chức Đảng ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở, có chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ để phục vụ nhu cầu của cách mạng, của cuộc chiến tranh yêu nước chống Mỹ dài nhất trong lịch sử dân tộc.

Sự nghiệp của đồng chí Lê Đức Thọ đã đi sâu vào trong ký ức của mọi thế hệ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh. Mãi mãi ghi nhớ những bài học kinh nghiệm của đồng chí để lại cho toàn Đảng trong công tác tổ chức xây dựng Đảng nhằm hoàn thành mọi nhiệm vụ của dân tộc và Tổ quốc giao phó như:

Bài học về xây dựng Đảng vững mạnh: Muốn xây dựng Đảng vững mạnh trước tiên phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, lãnh đạo tổ chức xây dựng đường lối, chính sách đúng đắn mang tính sáng tạo, độc lập và tự chủ và có biện pháp bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đã đề ra.

Bài học về xây dựng Nhà nước: Gắn liền việc xây dựng Đảng vững mạnh với xây dựng Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tổ chức phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân thực hiện chuyên chính theo đường lối của Đảng. Không ngừng thắt chặt mối liên hệ gắn bó giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Có như vậy mới thực hiện được chức năng và nhiệm vụ của một Đảng cầm quyền, một Đảng của dân và vì dân. Phải quán triệt tinh thần và nội dung sâu sắc: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

*

* *

Nhân ngày giỗ lần thứ 10¹ của đồng chí, xin có mấy lời tưởng nhớ đến đồng chí, đến công lao to lớn của đồng chí, người đã suốt đời ngay từ trước khi thành lập Đảng đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp xây dựng Đảng, cho cách mạng Việt Nam, cho sự nghiệp đoàn kết giữa các dân tộc.

1. Năm 2000 (B.T).

LÊ ĐỨC THỌ

NGƯỜI ĐỒNG CHÍ MẪU MỰC,

NGƯỜI ANH THÂN YÊU CỦA TÔI

Nguyễn Đức Tâm*

Các đảng viên lão thành thường nói mỗi người chúng ta có hai ngày sinh. Ngày sinh thứ nhất là ngày cất tiếng chào đời, sau đó được cha mẹ đặt tên. Ngày sinh thứ hai là ngày trở thành người cộng sản được ghi ngay trang đầu cuốn lý lịch đảng viên.

Đối với tôi, anh Lê Đức Thọ là người quyết định ngày sinh lần thứ hai, là người tạo cho tôi những cơ sở quan trọng đầu tiên để phấn đấu vươn lên và trưởng thành.

Năm 1939, anh Thọ bị đế quốc Pháp bắt lần thứ hai và giam ở Hỏa Lò, Hà Nội. Lúc này, anh đã là một đảng viên 10 tuổi Đảng, còn tôi chỉ mới là một thanh niên 19 tuổi có cảm tình với những người cộng sản.

Năm 1940, sau khi tham gia cuộc mít tinh kỷ niệm tròn 10 năm ngày Xôviết Nghệ Tĩnh, tôi bị bắt và bị kết án 10 năm tù khổ sai và bị giam ở Hỏa Lò, Hà Nội, thì anh Thọ đã bị đày lên Sơn La.

Năm 1941, đến lượt tôi bị đày lên Sơn La, đi đúng theo con đường mà đoàn tù năm trước anh Thọ đã đi. Thật là may mắn như một lương duyên kỳ ngộ, tại Nhà tù Sơn La, nơi hằng ngày diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa những người cách mạng

* Nguyên: - Ủy viên Bộ Chính trị,
- Bí thư Trung ương Đảng,
- Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

với kẻ thù tàn bạo của dân tộc, lần đầu tiên tôi được gặp anh Lê Đức Thọ lúc đó là Chi uỷ viên của chi bộ nhà tù.

Trong buổi gặp đầu tiên, anh hỏi thăm tôi tử mĩ hoàn cảnh bị bắt, gia đình, quê quán. Biết tôi quê Thái Bình, anh nhìn tôi bằng cặp mắt ấm áp và nụ cười hiền từ:

- Tổ quê Nam Định đây. Coi như đồng hương. Lên đây có gì khó khăn cứ nói với tổ.

Lúc này tôi mới 21 tuổi, chưa phải là đảng viên, lần đầu tiên phải lên chốn rừng xanh, núi đỏ, lại phải sống trong cảnh hà khắc của Nhà tù Sơn La, được gặp anh, tôi cảm thấy như có một chỗ dựa vững chắc.

Tôi không ngờ chính cuộc gặp gỡ này đã tạo nên bước ngoặt lớn trong cuộc đời tôi.

Bọn đế quốc dày ải người tù chính trị lên Sơn La hoặc các nhà tù khác như Côn Đảo, Buôn Ma Thuột, Kon Tum... chính là nhằm cách ly những người cách mạng ra khỏi nhân dân, nhằm thủ tiêu ý chí đấu tranh và giết dần giết mòn họ bằng chế độ nhà tù hà khắc.

Nhưng những người tù chính trị, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Nhà tù Sơn La do đồng chí Tô Hiệu làm Bí thư, đã dũng cảm đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của địch, biến nhà tù thành trường học cách mạng, thành nơi đào tạo cán bộ của Đảng.

Tôi lên Sơn La vừa được vài tháng thì bước ngay vào cuộc đấu tranh lớn của nhà tù ngày 13-5-1941. Cuộc đấu tranh bắt nguồn từ âm mưu của bọn cai ngục luôn tìm có khiêu khích để khủng bố tù chính trị.

Thường ngày thì mỗi buổi chiều, anh em tù chỉ phải đi hai chuyến xe nước từ Bản Giăng về nhà tên Công sứ, nhưng chiều ngày 12-5-1941, sau khi đã đi hai chuyến rồi, tên Công sứ Cút-xô (Cousseau) lại ra lệnh phải đi thêm chuyến thứ ba. Theo sự chỉ đạo của lãnh đạo nhà tù là tránh khiêu khích, nên chúng tôi lại đi chuyến thứ ba. Nhưng chuyến thứ ba mới đi đến giữa chừng dốc Bản Giăng thì Cút-xô lại cho lính khố xanh ra bảo: để

xe nước đẩy, sáng mai đi tiếp. Sau khi cơm nước xong, các cửa trại đã đóng được một lúc thì tên cai ngục thường được gọi là "sếp Di" vào mở cửa gọi: Các cậu đi xe nước cho cụ Sứ chiều nay đâu, cụ Sứ bảo phải ra chuyển tiếp xe nước cho cụ Sứ.

Thế là năm anh em chúng tôi: Tâm, Tiến, Chúc, Mao, Khánh ra dốc Bản Giăng đi tiếp xe nước ban chiều. Vừa về trại được một lúc, chưa kịp nghỉ ngơi thì "sếp Di" lại vào mở cửa gọi:

- Các cậu đi xe nước cho cụ Sứ vừa rồi đâu? Cụ Sứ ra lệnh phạt nhốt xuống hầm ngầm vì việc xe nước chiều nay đã bỏ dở một chuyến.

Sau khi xuống hầm ngầm, năm anh em chúng tôi đã quyết định tuyệt thực để phản đối thái độ vô lý của tên Cút-xô. Với miếng giấy con và mẩu bút chì, tôi đã viết báo cáo lên Ủy ban hàng trại về quyết định của chúng tôi.

Trước sự khiêu khích trắng trợn của kẻ thù, Ban lãnh đạo nhà tù quyết định tuyệt thực bắt đầu từ trưa mai để phản đối thái độ vô lý của tên Công sứ Cút-xô.

Buổi trưa ngày 13-5-1941, khi đi làm về, cơm đã bày xong ra sân nhưng anh em không ăn và gọi tên Công sứ Cút-xô vào đòi thả năm anh em bị giam dưới hầm. Tên Công sứ không chịu. Thế là cuộc tuyệt thực bắt đầu. Nhưng một điều bất ngờ đã xảy ra: Tên Cút-xô ra lệnh dồn tất cả anh em ở bốn trại (trại lớn cũ, trại 3 gian, trại 2 gian, và trại căng) tổng cộng hơn 150 người xuống hầm ngầm. Hầm ngầm sâu dưới mặt đất khoảng 2m, có 6 xà lim, mỗi xà lim rộng khoảng 60 cm, dài 2m nhưng trừ đoạn để thùng phân và nước tiểu nên chiều dài, kể cả chỗ gắn cùm, còn khoảng 1,7 - 1,8m chỉ đủ để duỗi chân. Phía bên tay trái (từ cửa hầm đi xuống) có một nền xi măng rộng khoảng 5m² và một hầm tối cũng rộng khoảng chừng ấy. Diện tích toàn bộ hầm ngầm chỉ có vậy. Ngồi chen nhau cũng đã chật như nêm cối, không có lối lên chân, trừ khoảng trống trước cửa hầm tối là có thể nằm được mười người ngược chiều nhau. Tôi là một trong những người đang bị ốm nên cũng có lúc được ưu tiên cho nằm ở đó.

Trời nóng giữa tháng 5, ngồi suốt ngày đêm chật chội như

vậy, lại bị cấm nước nên vô cùng khó chịu. Ngày đầu không có nước uống đã phải đi tiểu để lấy nước uống, nhưng sang ngày thứ hai thì nước tiểu cũng chẳng còn. Do đồng chí Tô Hiệu bị ho lao, không tham gia tuyệt thực lần này thỉnh thoảng tìm cách tiếp tế cho chúng tôi một ít nước, có khi cả một hộp sữa. Sữa thì dành cho người ốm, nước thì chia khoảng 10 - 15 người một lon sữa bò để không phải là uống mà là tắm đầu lưỡi cho dịu cơn khát một chút. Trong khoảng thời gian đó có một lần mưa rào, thế là bao nhiêu quần áo ném qua chấn song sắt cửa sổ để tắm lấy nước mưa, kể cả nước qua cống rãnh bẩn nhất chảy ra rồi vắt lấy nước chia nhau mỗi người một chút.

Đói thì còn có thể chịu được nhưng khát thì không thể chịu nổi. Nhiều anh em đã kiệt sức, trong lúc tên Cút-xô vẫn không hề tỏ ra một chút nhượng bộ. Kẻ thù muốn nhân dịp này đánh một đòn hiểm ác vào những người cách mạng. Trước tình hình ấy, Ban lãnh đạo nhà tù thấy cần phải lùi một bước kết thúc cuộc đấu tranh, bảo toàn lực lượng, chuẩn bị kỹ hơn cho cuộc chiến đấu sắp tới.

Khi lên khỏi hầm, hầu hết anh em bị say không khí và chói ánh sáng nên choáng váng lẫn cả ra trước cửa. Nhiều người không đi được, phải bò vào trong trại nằm.

Tuy cuộc đấu tranh không đạt được yêu cầu đề ra nhưng cũng giành được thắng lợi về mặt tinh thần, dù sao cũng buộc kẻ thù phải kiêng nể anh em. Các quyền lợi dần dần được trả lại như có báo *Đông Pháp* để đọc, được tự xay thóc, giã gạo, tự nấu ăn lấy...

*

* *

Lúc tôi lên Sơn La thì anh Tô Hiệu đang là Bí thư chi bộ nhà tù. Lúc này anh đã 31 tuổi, dáng người tầm thước, không gầy lắm, chỉ có ngực lép và da tái xanh. Chiều nào anh Hiệu cũng hâm hấp sốt, đêm mờ hơi trộm đỏ ra ướm dẫm lưng áo, càng rét càng ra nhiều, đến nỗi mảng ximăng chỗ anh nằm xin dần lại, rửa không sạch.

Phải thường xuyên vật lộn, chống chọi bệnh tật như vậy, nhưng hơi bớt một chút, anh Hiệu lại làm việc miệt mài, cố tận dụng đến cùng thời gian sống còn lại. Ngoài các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của chi bộ, anh dành thời gian viết tài liệu huấn luyện cho các lớp học chính trị. Nhìn anh cặm cụi ngồi viết hàng giờ, thỉnh thoảng lại ho rũ rượi, mọi người vừa cảm phục lại vừa xót thương. Tài liệu viết xong, thông qua Ban lãnh đạo, anh Thọ trực tiếp giao cho tôi cùng một số đồng chí khác chép lại để làm tài liệu học tập lâu dài.

Những đợt anh Hiệu ốm nặng, theo yêu cầu của đại diện nhà tù, sếp ngục chấp thuận cho một người tù trong các trại thay nhau ra săn sóc anh cả ngày lẫn đêm. Sau này nhân có tiền lệ đó, mặc dù bệnh anh Hiệu chưa đến nỗi nào, các anh vẫn xin ra phòng cách ly với anh Hiệu, lấy cố săn sóc người ốm để bàn bạc công tác lãnh đạo. Người thường hay lui tới anh Hiệu là anh Lê Đức Thọ. Chúng tôi biết đó là những lúc hai anh bàn bạc công tác lãnh đạo cuộc đấu tranh trong nhà tù. Thời gian này anh Thọ được tổ chức cử ra làm bồi cho sếp ngục Lơông, với nhiệm vụ theo dõi thái độ, biến chuyển của địch từng ngày, từng giai đoạn, đồng chí Xuân Thủy được phân công chuyên cắt cỏ ngựa và làm vệ sinh chuồng ngựa cho tên công sứ, anh Nguyễn Lương Bằng làm công tác y tế, anh Nguyễn Cơ Thạch làm công việc văn phòng. Do được phân công làm việc trên nên anh Thọ lấy được báo chí tiếng Pháp chuyển cho chi bộ dùng làm tài liệu nghiên cứu chủ trương, đường lối của địch ở chính quốc và ở Đông Dương; anh cũng được đi lại tương đối dễ dàng, kể cả ngoài nhà tù trong phạm vi trên dưới 2 km. Do đó anh có điều kiện liên lạc với một số đầu mối cơ sở quần chúng đã được thiết lập trong giới công nhân viên chức tòa sứ và tri châu. Có lần chúng tôi đi xe củi về muộn, anh Lê Đức Thọ ra tận đầu dốc nhà tù đón chúng tôi. Anh nói trong tâm trạng nửa lo, nửa mừng: "Bọn mày về muộn làm tao lo quá, cứ sợ xảy ra việc gì."

Còn thằng Lobông thì đứng ngồi không yên. Nó chỉ sợ bọn mày bỏ trốn"... "Đó là những thông tin rất quan trọng mà lãnh đạo nhà tù cần biết để bổ sung vào kế hoạch lâu dài".

Trong hơn hai năm ở Sơn La, tôi luôn được anh Thọ quan tâm giúp đỡ, đặc biệt qua thử thách của cuộc đấu tranh tuyệt thực tháng 5-1941, tôi lần lượt được Ban lãnh đạo nhà tù tổ chức vào các nhóm trung kiên 1, rồi trung kiên 2.

Mặc dầu vậy, sau hai năm ở Sơn La, tôi vẫn chưa được kết nạp vào Đảng. Nếu xét về lý lịch thì có thể nói tôi là vào loại I. Bố tôi là đảng viên năm 1930, là bí thư chi bộ địa phương, và từ cuối năm 1939 đến cuối năm 1944 cũng ở trong nhà tù của bọn đế quốc. Nhưng không vì thế mà tôi được ưu tiên hơn. Anh Thọ động viên tôi: "Càng qua thử thách, càng vững vàng, mình đã có lý tưởng thì phải kiên trì". Anh Thọ nêu trường hợp một đồng chí cũng là người Thái Bình, ở ngoài đã là đảng viên chính thức, đã từng là Tỉnh uỷ viên lâm thời, thế mà vào tù vẫn phải qua thử thách để kết nạp lại. Giọng anh thân ái, nhẹ nhàng như lời bảo ban của một người anh thân thiết.

Tháng 7-1943, kẻ địch chuyển tôi từ Nhà tù Sơn La về Nhà tù Hòa Bình. Lúc này Chi bộ Nhà tù Hòa Bình lại do anh Lê Đức Thọ làm Bí thư. Và chính tại đây, một bước ngoặt lớn đã đến với cuộc đời tôi. Tháng 3-1944, tôi được kết nạp vào Đảng.

*

* *

Về Hòa Bình, anh Thọ vẫn tiếp tục giao cho tôi quản lý tài liệu mặc dầu lúc này tôi vẫn chưa phải là đảng viên. Cho ai mượn phải có ý kiến của anh Thọ, quy định là phải đọc vào ban đêm để giữ bí mật tuyệt đối, không để bọn cai ngục bắt được. Xem xong, tôi có nhiệm vụ thu lại để chuyển cho người khác hoặc cất giữ vào một nơi thật kín đáo. Khi giao nhiệm vụ này cho tôi, anh Thọ nói:

"Người cách mạng bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào cũng phải chăm lo việc học tập để nâng cao trình độ, để cống hiến được nhiều hơn cho phong trào".

Tháng 9-1944, anh Thọ hết hạn tù. Hôm chia tay, anh căn dặn tôi nhiều điều, trước mắt là phải tiếp tục giữ vững ý chí chiến đấu vì thời gian ở tù của tôi còn dài, án 10 năm khổ sai mới được 4 năm. Anh dặn tôi phải chăm lo xây dựng mối đoàn kết trong chi bộ, trong nhà tù và phải luôn luôn dựa vào ý kiến tập thể nhưng phải kiên quyết trong lãnh đạo. Sở dĩ anh dặn kỹ điều này vì anh dự kiến rồi sẽ có lúc tôi phải đảm nhận vai trò lãnh đạo trong chi bộ nhà tù. Anh bảo làm cách mạng, hằng ngày phải đối mặt với kẻ thù hung bạo, phải có tính quyết đoán mới có thể đối phó kịp trong những tình huống khẩn trương, phức tạp.

Sau này nhớ lại những lời dặn của anh Thọ, đối chiếu với thực tiễn công tác của mình, tôi càng nghiệm ra anh Lê Đức Thọ vốn là một con người có đầu óc tổ chức bẩm sinh. Ngay từ năm 1943 ấy, những dự kiến của anh về sự phát triển của Nhà tù Hòa Bình, về những dự đoán và lời khuyên của anh đối với bản thân tôi là đúng.

Thay anh Thọ làm Bí thư chi bộ Nhà tù Hòa Bình là anh Vũ Dương (sau này là Phó Ban Tổ chức Trung ương), sau anh Vũ Dương là anh Huấn. Đến đầu năm 1945, anh Huấn sắp hết hạn sẽ ra tù và chuẩn bị bàn giao cho tôi.

*

* *

Sáng ngày 9-3-1945, không khí ở Nhà tù Hòa Bình bỗng có một cái gì khác lạ. Mãi tới 8 giờ 30, cửa trại giam vẫn chưa mở. Khoảng 9 giờ thì tên cai ngục hốt hơ hốt hải vào báo: "Nhật đảo chính Pháp rồi các ông ạ".

Khoảng nửa tháng sau thì bọn Nhật quyết định thả tất cả tù nhân ở Hòa Bình cho về địa phương. Nhưng trước khi ra về chúng tôi còn vào kho lấy gạo rồi sang bên tỉnh đấu tranh đòi tên Sủu, Tỉnh trưởng, phát tiền để thuê phương tiện về Hà Nội. Chúng tôi đi bằng thuyền từ Bến Ngọc, ghé qua thị xã Sơn Tây, Việt Trì, rồi về bến Phúc Xá - Hà Nội.

Đến bến Phúc Xá, Nhật xem giấy tờ (giấy tờ do bọn Nhật

cấp trước khi thả) rồi xếp canô cho đi Tân Đệ để về Thái Bình, Nam Định... Một số về miền Trung và các tỉnh khác.

Khi ghé qua thị xã Sơn Tây, tôi đã bắt được liên lạc với đồng chí Lê Quang Hòa, đồng chí Hòa bảo tôi cứ về nhà, sẽ có người đến liên lạc.

Về đến nhà, bà con họ hàng, hàng xóm đến thăm, tôi mang về một túi gạo, chia cho mỗi người một bát đem về nấu cháo. Mãi sau này, sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi, tôi về thăm quê, bà con vẫn nhắc đến bát gạo hồi đó.

Tôi về nhà khoảng gần một tuần thì đồng chí Quang Chất đến bắt liên lạc. Thế là tôi lại từ giã bà nội, bố mẹ và gia đình ra đi. Đồng chí Nguyễn Chương, lúc này là cán bộ Xứ uỷ được cử về lập Tỉnh uỷ lâm thời Thái Bình và chỉ định tôi làm Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời. Lúc này đã là tháng 4-1945. Thế là chỉ trong vòng một năm, từ khi vào Đảng, tôi từ một đảng viên dự bị trở thành một Bí thư Tỉnh uỷ. Tỉnh uỷ lâm thời họp phiên đầu tiên ở nhà đồng chí Ba Thu (thuộc xã Động Trung - Kiến Xương) quyết định một số việc cần tiến hành ngay.

Sau khi lập Tỉnh uỷ lâm thời, tôi được phân công mở lớp huấn luyện cho cán bộ các địa phương về chương trình Việt Minh và công tác thanh vận. Những kiến thức học được trong những năm ở Sơn La, Hòa Bình đã giúp tôi rất nhiều trong công việc.

Trong lúc phong trào lên nhanh, vừa công tác, tôi vừa nhớ đến anh Lê Đức Thọ. Rõ ràng không được sự bồi dưỡng chu đáo của anh trong nhà tù thì tôi khó mà đảm nhiệm được trọng trách hôm nay.

Ngày 19-8-1945, khởi nghĩa thắng lợi ở Thái Bình.

Sau khởi nghĩa có bao nhiêu việc phải giải quyết:

- Đẩy mạnh sản xuất, cứu đói.
- Về đối ngoại, hiện có khoảng một trung đoàn quân Tưởng thay mặt quân đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật ở Thái Bình đang gây ra bao rắc rối.
- Bọn Quốc dân Đảng trong tỉnh dựa vào quân Tưởng hoạt động chống phá chính quyền mới, phải có biện pháp kiên quyết

để chặn đứng sự phá hoại của chúng.

- Sau lũ lụt phải có kế hoạch huy động lực lượng để hàn khẩu những đoạn đê vỡ ở Đìa (Hưng Nhân), Mỹ Lộc (Thư Trì).

- Phát triển các lớp bình dân học vụ.

Đó là những công việc cấp bách hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Để làm những việc trên, vấn đề quan trọng là phải củng cố tổ chức Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan, các đoàn thể, trước mắt phải lựa chọn bố trí một số cán bộ về các phủ, huyện để làm bí thư. Tôi được phân công thực hiện nhiệm vụ này.

Đến tháng 10-1945, Tỉnh uỷ lâm thời quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ Thái Bình để kiểm điểm những việc làm từ sau khi thành lập Tỉnh uỷ lâm thời, bàn những việc làm sắp tới. Tại Đại hội, tôi chính thức được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ Thái Bình.

Lúc này, anh Lê Đức Thọ là Thường vụ Trung ương Đảng phụ trách công tác tổ chức, theo dõi rất sát phong trào ở Thái Bình. Được tin tôi đã là Bí thư Tỉnh uỷ, anh Thọ phấn khởi gửi lời hỏi thăm và biểu dương. Chắc hẳn anh vui lắm và tự hào lắm về người thanh niên non trẻ ở trong tù năm nào từng được anh dìu dắt giúp đỡ, nay đã tiến bộ vượt bậc.

Thời gian tôi công tác ở Thái Bình chưa được bao lâu thì đến cuối tháng 8-1946, tôi được Trung ương chỉ định vào Xứ uỷ Bắc Kỳ và điều đi phụ trách hai tỉnh Phúc Yên và Vĩnh Yên. Tôi bàn giao công việc Bí thư Tỉnh uỷ Thái Bình cho anh Ngô Duy Đông, lên gặp anh Lê Đức Thọ ở số nhà 100 phố Hàng Lọng để nhận nhiệm vụ. Vì tình hình đang rất khẩn trương, anh Thọ chỉ gặp tôi khoảng 10 phút, chủ yếu là căn dặn những điểm cần chú ý trong nhiệm vụ mới. Đến cuối năm 1946, sau khi chia xứ thành các khu, tôi được bố trí về Khu 1, phụ trách Phúc Yên, Thái Nguyên và ngay sau đó lại được phân công phụ trách Cao

Bằng, Bắc Kạn. Sau khi sáp nhập Khu 1 và Khu 12 thành Liên khu 1, tôi được chỉ định là Liên khu uỷ viên phụ trách Bắc Giang, Hải Ninh. Nhưng chỉ ít ngày lại được tăng cường trực tiếp làm Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Kạn. Tháng 12-1948, được bầu vào Thường vụ Liên khu uỷ 1, sau đó phụ trách Văn phòng Liên khu uỷ. Lúc này anh Thọ đã lên đường vào Nam Bộ.

Cuối năm 1949, tôi được bổ nhiệm làm Phó Trưởng Ban Đảng vụ Trung ương (sau đổi thành Ban Tổ chức Trung ương do anh Lê Văn Lương làm Trưởng ban).

Điều làm tôi hết sức cảm động là ngoài sự tận tình giúp đỡ trong công tác chung, khi có điều kiện, anh Thọ còn quan tâm cả chuyện hạnh phúc riêng của tôi.

Nhớ một lần, khi tôi đang là Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Kạn về dự một cuộc họp cán bộ do Trung ương triệu tập ở chân núi Tam Đảo, anh Thọ hỏi tôi:

- Chuyện vợ con thế nào rồi? Có đám nào chưa?

Tôi cười nói vui với anh:

- Anh cứ điều tôi đi lung tung thế này thì làm gì có điều kiện, có cô nào dám lấy!

Quả thật trong vòng có hai năm, từ năm 1946 đến năm 1948, tôi được điều động đi hầu như khắp miền Bắc, từ miền xuôi đến miền ngược, từ đồng bằng Khu 3 đến núi rừng Việt Bắc. Có nơi chưa ấm chỗ đã có lệnh lên đường.

Thấy tôi nói vậy, anh Thọ cũng cười vui:

- Công việc cách mạng là thế. Những ngày đầu bao giờ cũng hết sức bề bộn. Lênin nói: Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn nhiều. Ở Việt Nam mình vừa qua giành chính quyền tương đối thuận lợi, nhưng chính vì thế mà cái khó dồn hết cho bây giờ. Chịu khó vượt qua giai đoạn này, tình hình sẽ sáng sủa hơn...

Rồi anh cười vỗ vai tôi:

- Nhưng không vì thế mà quên chuyện hạnh phúc riêng tư, năm nay cậu bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? Gần ba mươi phải không

(lúc này tôi đã 28). Tính chuyện vuông tròn được rồi đấy.

Sau đó anh giới thiệu cho tôi một chị công tác bên Hội Phụ nữ, nhưng ngay phút đầu, tôi đã thấy không hợp và từ chối khéo. Nhưng anh Thọ bảo:

- Tại sao lại không hợp, cứ thử gặp xem nào, tao sẽ bố trí.

Thế nhưng lần này "ông mối" không thành công.

Bằng đi một thời gian, tôi lại gặp anh Thọ trong một cuộc hội nghị ở Liên khu 1. Đạo đó vào khoảng giữa năm 1948, anh lại hỏi tôi về chuyện hạnh phúc gia đình và giới thiệu cho tôi một cô ở Hội Liên hiệp Phụ nữ Bắc Ninh. Lần này thì "ông mối" thành công.

Tháng 2-1949, nhân cuộc họp của Liên khu uỷ, đám cưới của tôi được tổ chức. Đám cưới do anh Nguyễn Khang, Bí thư Liên khu uỷ làm chủ hôn. Anh Đinh Đức Thiện lúc này là Thường vụ Khu uỷ phụ trách tổ chức, lo cho đám cưới chúng tôi rất chu đáo. Hình như anh Thiện được anh Thọ giao cho nhiệm vụ "đặc biệt" này. Tôi nhớ là có vài ba dãy bàn bằng gỗ mộc, trên bàn có mấy đĩa kẹo vừng, có vài đĩa lạc. Vui nhất là tiết mục hái hoa dân chủ do anh Thiện thiết kế. Thời kỳ đầu kháng chiến, đây là tiết mục khá phổ biến, hầu như cuộc vui nào cũng có.

Nhà cô dâu ở Yên Phong, do hoàn cảnh chiến tranh, bố mẹ không lên được, nên anh Nguyễn Tuân, Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Ninh đang dự hội nghị Liên khu uỷ thay mặt cho nhà gái.

Đám cưới tuy không có anh Thọ nhưng hai vợ chồng tôi nhắc đến anh nhiều. Con đường cách mạng đã đưa tôi đi từ hạnh phúc chung đến hạnh phúc riêng và trên con đường đó, chính anh Lê Đức Thọ là người đã từng bước dẫn dắt cuộc đời tôi. Cả gia đình tôi thương nhớ anh khôn nguôi!

Cuối 1980, sau hơn 11 năm làm Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ninh, tôi được Trung ương điều về làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Vừa về đến Hà Nội, chưa kịp thu xếp chỗ ăn, chỗ ở,

anh Thọ giao nhiệm vụ cho tôi giúp các anh Lê Văn Lương, Chu Huy Mân khẩn trương chuẩn bị công tác nhân sự cho Đại hội V. Trong quá trình chuẩn bị, anh Thọ luôn nhắc chúng tôi phải chú ý phương châm: thận trọng, dân chủ. Trong từng trường hợp một, với cương vị là Trưởng Ban nhân sự Đại hội, anh Thọ đều bố trí thời gian nghe một cách chăm chú và hỏi lại cặn kẽ những chi tiết còn chưa thật rõ. Trường hợp nào anh cũng nêu câu hỏi: "Ý kiến cơ sở như thế nào?" và nếu có vấn đề còn phân vân, anh kiên quyết đề nghị cơ quan tổ chức phải thẩm tra lại. Và sau khi đã cân nhắc kỹ mọi mặt, anh quyết định một cách dứt khoát. Đặc biệt đối với các đồng chí được giới thiệu vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì anh càng thận trọng xét đi xét lại rất kỹ lưỡng, báo cáo với Bộ Chính trị rồi trao đổi lại với từng người một, cứ như vậy đến khi có sự nhất trí trong Bộ Chính trị rồi mới giới thiệu ra Trung ương.

Đến Đại hội VI, về cơ bản cũng làm phương pháp trên, nhưng đặc biệt ở Đại hội này, việc lựa chọn Tổng Bí thư gặp khó khăn nhất. Qua nhiều lần trao đổi riêng với từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư đều chưa nhất trí. Một lần tôi nói riêng với anh Thọ, tình hình khó khăn quá, anh nên nhận chức Tổng Bí thư đi, để thống nhất ý kiến hơn. Anh Thọ gạt đi, anh nói: Mình đã nhiều tuổi, sức khỏe cũng kém, để đồng chí khác làm tốt hơn.

Anh Thọ vẫn kiên trì giữ ý kiến để anh Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư, và Trung ương đã bổ sung anh Linh vào Bộ Chính trị theo dự kiến trước, lúc này anh Linh đã được điều từ trong Nam ra làm Thường trực Ban Bí thư.

Do phương pháp chuẩn bị kỹ như vậy, nên cuối cùng đã có sự nhất trí trong Bộ Chính trị và Trung ương để trình ra Đại hội và kết quả như chúng ta đều biết.

NHỮNG KỶ NIỆM THÂN YÊU CỦA TÔI

Hoàng Tùng*

Quê tôi ở làng Tảo Môn, huyện Lý Nhân, cách thành phố Nam Định một giờ đi bộ. Khi đã lớn, tôi đọc báo được biết những vụ xử án những người cộng sản và Quốc dân Đảng, chuyện Nguyễn Thái Học tàng hình. Năm 1930, nghe tin đồn về việc cộng sản treo cờ đỏ ở giữa dây điện bắc qua sông bến đò Tân Đệ.

Năm 1935, ở xóm tôi có hai người cộng sản làm công nhân ở mỏ Cẩm Phả, tham gia bãi công, bị tù ba năm. Hết hạn tù, hai anh bị quản thúc ở làng. Một anh hàng xóm nói với tôi: thằng Tỉnh, thằng Thân nói chuyện cộng sản rất hay. Hai anh nhiều lần nhờ tôi viết đơn bằng tiếng Pháp gửi Công sứ Hà Nam xin việc làm, nhưng không được trả lời. Trong lúc nhàn rỗi, Tỉnh thường qua nhà tôi nói chuyện về Đảng Cộng sản, Quốc dân Đảng, Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam Quốc tế và nhiều vấn đề khác. Các anh cho biết Trần Văn Lan, Ủy viên Trung ương năm 1930, Trần Quang Tạng, Xứ ủy viên lâm thời năm 1931, người làng Hữu Bị bên kia sông Châu, đã vận động tổ chức một nhóm phản đế ở làng tôi. Sau khi hai anh này bị bắt, nhóm này không hoạt động nữa, Tỉnh và Thân chưa chủ động lập ra tổ chức mới.

Cuối năm 1936, Trần Hữu Lợi ở Nhà tù Côn Đảo được "ân xá" về làng, Tỉnh giới thiệu tôi với Lợi. Qua nhiều lần nói chuyện, Lợi giới thiệu tôi với Đặng Hữu Rạng (sau này đổi tên là Việt Châu và Trần Bảo) thường gọi là Năm Hoạt. Sau này tôi mới biết anh thứ nhất là Bí thư Tỉnh ủy, anh thứ hai là Tỉnh ủy viên Nam Định.

* Nguyên: - Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách công tác tư tưởng,

Hai anh bảo tôi muốn hoạt động cách mạng cần phải tìm được việc làm ở thành phố. Nhờ một nhà giáo giới thiệu, tôi được nhận làm giáo viên Trường tiểu học tư Minh Tân, ít lâu sau làm công ở nhà máy Dệt rồi dạy các lớp tiểu học kiêm thư ký ở Trường trung học tư Collégium Paul Doumer. Tôi vừa tiếp tục học thêm và được giới thiệu với Nguyễn Duy Tri tức Hải, thay Đặng Việt Châu, làm Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Bí thư Khu uỷ C đến cùng ở với tôi ở phố Harmand. Tri giao cho tôi viết và in truyền đơn, áp phích, di diễn thuyết, lãnh đạo nhóm thanh niên dân chủ của thành phố, phần đông là học sinh Trường Thành Chung, trong số đó có Phạm Văn Cương (Nguyễn Cơ Thạch). Từ năm 1937 đến tháng 9-1939, thỉnh thoảng tôi đến hiệu sách "Phan Khải" của Phan Đình Khải ở phố Hàng Thao mua sách, báo do Đảng phát hành. Phan Đình Khải sau này là Lê Đức Thọ, lúc ấy được phân công hoạt động công khai nhân danh cựu chính trị phạm, đồng thời tham gia một số công tác bí mật. Những lần gặp nhau, Khải nói với tôi về những vấn đề chính trị mới xảy ra, thủ đoạn của bọn đế quốc, bọn mật thám, khuyên tôi không nên tiếp xúc nhiều với những đồng chí hoạt động công khai như Đặng Châu Tuệ, Bùi Xuân Mẫn, hai anh này đang chuẩn bị xin phép *xuất bản một tờ báo đặt tên là Việt Nam thông chí*, nhưng bị Pháp bác bỏ. Ngoài công tác với nhóm thanh niên, tôi nhiều lần làm việc với Ngô Quỳnh (Ngọc Du), Tỉnh uỷ viên bí mật, Phan Đình Đống (Mai Chí Thọ) đã là đảng viên, tiếp xúc với tôi cho xem báo bí mật và cùng với Quỳnh giới thiệu tôi với Trọng (Nguyễn Văn Dương), người thay Tri làm Bí thư Tỉnh uỷ Nam Định kiêm Bí thư Khu uỷ C, chuẩn bị kết nạp tôi vào Đảng. Đúng ngày hẹn gặp Bí thư Tỉnh uỷ để làm thủ tục vào Đảng, thì trước giờ hẹn, Nguyễn Văn Khương (Song Hào) và Đống bị bọn mật thám bắt cùng với Trọng và vợ là Sửu. Một người trong tổ chức vội vã đến báo cho tôi lúc ấy đang ở chung với mấy giáo viên tại gác nhà in Lạc Vân, phố Hàng Tiệm, không

nên đến Nam Định (Maurice Long) vì bọn mật thám vẫn bí mật rình ở đó. Sau tháng 9-1939, Thanh niên dân chủ đổi tên thành Thanh niên phản đế. Tôi vẫn phụ trách tổ chức này cho đến tháng 5-1940 thì bị bắt.

Do sự phản bội của Trọng và Tri, gần như toàn bộ các tổ chức cách mạng của bốn tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình bị phá vỡ, trên 500 người bị bắt, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Bình - Ngô Duy Phồn bị địch đánh chết vì anh nhất định không khai ra những điều bí mật của cách mạng.

Tra tấn, hỏi cung những người hoạt động bí mật, địch phát hiện những hoạt động không công khai của những người hoạt động công khai, Phan Đình Khải, Đặng Xuân Thiều cùng một số đồng chí khác, bị bắt từ tháng 9 năm 1939, đã bị kết án hoặc không bị kết án đang ở nhà tù Hỏa Lò, lại phải đưa về Sở Mật thám Nam Định để hỏi cung thêm và đối chất. Phan Đình Khải bị tra tấn rất dã man, vẫn không khai về hoạt động bí mật của mình. Sau một lần bị đánh đau trả về buồng giam, trông thấy tôi trong lỗ cửa một buồng khác, anh nói nhỏ: "Phải dũng cảm, khai thì chết bỏ mẹ đấy". Khải, Quỳnh là những đồng chí sắt đá, không khai những điều nguy hiểm.

Ba anh em Khải, Dinh (Đinh Đức Thiện), Đống (Mai Chí Thọ) và một số đồng chí cùng làng Dịch Lễ bị vào tù. Vụ án kéo dài 13 tháng. Mọi người đều bị tra khảo rất độc ác. Nhiều người giữ vững được tinh thần. Căn cứ vào những lời khai của Trọng và Tri, 57 người bị kết án từ 5 năm đến chung thân khổ sai, lên Tòa án thượng thẩm ở Hà Nội, Dinh và một số đồng chí khác trắng án. Số bị kết án cả cũ lẫn mới đều bị đày đi Sơn La.

Trong thời gian ở Nhà tù Nam Định, những người tù chúng tôi tổ chức một cuộc sống có trật tự với tinh thần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, bảo vệ danh dự của những người cách mạng. Những người tù chưa thành án, mỗi tuần được nhận quà của gia đình qua tay bọn lính gác. Những người có quà góp lại chia đều cho mọi người. Anh em Khải là những người nhận được nhiều quà gia đình hơn nhiều người khác.

Chúng tôi tổ chức việc học chính trị, lý luận bằng những hình thức linh hoạt từng nhóm nhỏ hoặc nói chuyện giữa hai người, Khải rất cần mẫn giúp đỡ lớp trẻ chúng tôi. Năm 1944, Khải hết hạn tù 5 năm, trở về hoạt động.

Tháng 3-1945, tất cả tù chính trị ở Nhà tù Sơn La, trừ nhóm thân Nhật, qua thương lượng với viên Công sứ đòi họ tha chúng tôi. Chúng tôi để lại trên mười người giúp họ tổ chức chống Nhật hoặc dẫn đường cho họ chạy. Được giải thoát, tôi về Bắc Ninh, được tham gia Tỉnh uỷ. Mấy tháng sau, được gọi về giúp việc Trung ương, tham gia Ban chỉ huy đội công tác, phụ trách Khu an toàn ở ngoại thành Hà Nội (nơi ở chính của các đồng chí Trung ương). Tôi lại gặp Khải, nhưng đã đổi tên là Thọ, là Uỷ viên Trung ương Đảng và là người phụ trách trực tiếp đội công tác chúng tôi, phần lớn là những người mới ở tù Sơn La về. Thường xuyên ở Xù, Gạ (xã Phú Thượng ngày nay), chỉ có Trường Chinh, Lê Đức Thọ. Còn Hoàng Quốc Việt được Bác Hồ phái đi công tác một thời gian ở Trung Quốc. Nguyễn Lương Bằng đi công tác luôn ở nhiều nơi để chấp nối các đồng chí cũ và làm công tác tài chính của Đảng và Việt Minh, thường ký tên vào tín phiếu là Triệu Vân, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thọ rất yêu quý tôi vì là bạn cũ, song rất nghiêm khắc trong công tác, nhất là công tác bí mật mà anh có nhiều kinh nghiệm.

Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, tôi được điều đi công tác ở Hà Nội, Hải Phòng, các tỉnh duyên hải Bắc Bộ, Liên khu 3.

Năm 1948, tôi lại được gọi về công tác ở Trung ương lúc này ở Định Hóa - Thái Nguyên, được phân công làm Phó Trưởng Ban Đảng vụ, dưới quyền Trưởng ban Lê Đức Thọ. Tình cảm giữa hai chúng tôi vẫn như xưa, dù anh đã được làm Uỷ viên Thường vụ Trung ương tại Hội nghị Tân Trào. Cả Ban chỉ có năm người ở trong đình bản Bắc, xã Bình Thành, huyện Định Hóa.

Sau giờ làm việc buổi chiều, anh và tôi thường ra khu rừng thoáng đãng trao đổi với nhau về mọi chuyện, kể cả chuyện riêng tư.

Mùa hè năm 1948, tôi tiễn anh đến làng Đục Khê, huyện Mỹ Đức, gần Chùa Hương để vào Nam công tác.

Sau này, từ năm 1954 đến năm 1986, chúng tôi lại công tác bên nhau, tuy cách nhau về cấp bậc. Mỗi khi gặp nhau, sau công việc, lại quay sang xưng hô mày tao, nói chuyện riêng tư.

NHỚ ANH SÁU THỌ

Hồng Hà*

Thị xã Nam Định có Trường Thành Chung được thành lập từ năm 1920. Vào năm học 1937 - 1938, trường sở mới được xây cất ở đầu đường Cổng Hậu rất khang trang và bắt đầu nhận học sinh nữ. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phong trào cách mạng trong công nhân, học sinh, trí thức của Nam Định lan rộng. Tôi đang học năm thứ nhất Trường Thành Chung, trong lúc anh ruột tôi là Hà Văn Lộc¹ học năm thứ tư. Bỗng một buổi chiều, mật thám Pháp ập vào trường bắt đi một số anh năm thứ tư: Phan Đình Đống², Phạm Văn Cường³, Nguyễn Bá Huấn⁴, Vũ Quốc Uy và Hà Văn Lộc. Tôi chạy về nhà báo tin đã thấy gần chục tên mật thám Pháp, Việt đang lục soát gia đình tôi, dỡ lung tung các hòm tủ, ngăn kéo, các chồng sách vở để tìm tài liệu, truyền đơn cách mạng.

Tên ác ôn Pháp Pholotô đưa các học sinh bị bắt về giam ở Ty an ninh Nam Định mà dân quen gọi là Ty mật thám, đóng ở một phố vắng nhất và ghê rợn nhất của Nam Định. Hằng ngày tôi xách cặp lồng cơm đến Ty an ninh để nhờ chuyển vào phòng giam anh tôi. Một buổi sáng, trong lúc chờ lấy lại chiếc cặp lồng, tôi thấy bọn mật thám xốc nách một người tù trạc ba mươi tuổi, mặc áo cánh ngắn màu trắng dẫn đi về phía cổng. Chiếc áo người tù chỉ còn một cúc cài, để lộ một phần ngực có nhiều vết

* Nguyên: - Bí thư Trung ương Đảng,
- Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng.

1. Túc Thép Mới.
2. Túc Mai Chí Thọ.
3. Túc Nguyễn Cơ Thạch.
4. Túc Hoàng Nguyên.

tím đỏ. Dáng cao cao, cái đầu ngẩng lên hiên ngang, cặp mắt như có lửa nhìn thẳng vào bọn mật thám, người tù ấy bước lên chiếc xe hòm chờ sẵn ngoài cổng để đến một nhà tù khác.

Tôi hỏi người "loong toong" đi qua:

- Ông ấy là ai vậy?

Người đó trả lời:

- Đấy là một cộng sản gan lì lắm. Bị đánh bao nhiêu trận, vẹo cả ngực, mà vẫn không chịu khai. Tên ông ta là Phan Đình Khải.

Chiến sĩ cộng sản Phan Đình Khải ở Nam Định ngày ấy đọng mãi trong tôi hàng chục năm sau này như là hình ảnh một nhà cách mạng kiên cường chống đế quốc.

Gần 30 năm sau, tôi vinh dự được đi theo anh Phan Đình Khải, tức anh Lê Đức Thọ, đáp máy bay rời Hà Nội đi Pari tham gia công tác trong Đoàn đại biểu Chính phủ ta đàm phán với đoàn đại biểu Chính phủ Mỹ. Anh Sáu Thọ, chúng tôi quen gọi anh Lê Đức Thọ như thế, được Bác Hồ và Bộ Chính trị cử làm Cố vấn đặc biệt của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại cuộc Hội đàm Pari do Bộ trưởng Xuân Thủy, làm trưởng đoàn. Nhưng trong nội bộ, anh Sáu Thọ là người lãnh đạo chính của đoàn, phụ trách tổ chức các cuộc tiếp xúc bí mật với đoàn Mỹ, song song với các cuộc họp Việt - Mỹ diễn ra công khai ở Trung tâm hội nghị quốc tế phố Clêbe, Pari.

Anh Sáu Thọ và những người cùng đi lên đường với khí thế phấn chấn sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Khác với Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương năm 1954, Hội nghị Pari về Việt Nam năm 1968 là cuộc đàm phán trực tiếp giữa Việt Nam và Mỹ, không có nước thứ ba can dự. Ta hoàn toàn độc lập tự chủ về đường lối, chiến lược và đối sách đàm phán. Ta tự quyết định công việc của ta, đồng thời tích cực tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa khác và bầu bạn năm châu. Trong hoàn cảnh nội bộ phe xã hội chủ nghĩa nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, cuộc đàm phán của ta với Mỹ khi bắt đầu chưa có ngay sự hiểu biết

thấu đáo ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa.

Anh Sáu Thọ ghé lại Bắc Kinh, Mátxcơva rồi tới sân bay Brêtinhi, Pari, chiều ngày 3-6-1968, xuất hiện trước rất đông nhà báo quốc tế. Phía Mỹ đánh giá cao việc Ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ đến Pari, báo hiệu cuộc đàm phán Việt - Mỹ sẽ tiến triển có thực chất. Anh Sáu Thọ thường xuyên đi đi về về giữa Pari và Hà Nội để xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị. Tháng 2-1970, anh từ Hà Nội đến Pari để dự Đại hội Đảng Cộng sản Pháp. Anh ăn nghỉ tại nhà khách của Tòa thị chính Ivry, ngoại ô Pari, do một đảng viên cộng sản Pháp làm thị trưởng. Anh gọi tôi, lúc đó đang làm việc ở đoàn đàm phán ta, đến giúp về thông tin hoạt động của anh ở Đại hội Đảng Cộng sản Pháp.

Chúng tôi ở tầng hai của nhà khách Ivry. Điều bất tiện là cầu thang và sàn gác đều lát gỗ, khi đi lại gây ra những tiếng cọt két. Anh Sáu Thọ thường hay mất ngủ nếu có tiếng động. Chúng tôi bảo nhau không đi lại trên gác trước buồng ngủ của anh vào lúc tối đêm. Sau các buổi họp ở Đại hội Đảng Cộng sản Pháp, anh Sáu Thọ trở về nhà khách làm việc, chuẩn bị cho cuộc gặp ở Pari với tiến sĩ H. Kítxinhgiơ, Cố vấn đặc biệt về an ninh quốc gia của Nhà Trắng Mỹ, theo đề nghị của Kítxinhgiơ. Cuộc gặp lần đầu tiên giữa Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ diễn ra bí mật tại nhà số 11 phố Đác-tê, thị xã Choisy Le Roi, một phố nhỏ, yên tĩnh ở gần trụ sở đoàn đàm phán ta.

Hai con người ấy, với những lý tưởng, mục tiêu rất khác nhau, đã gặp nhau, tranh cãi với nhau rất quyết liệt suốt ba năm trời để tìm một giải pháp cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

H. Kítxinhgiơ viết trong hồi ký: "Tóc hoa râu, đường bệ, Lê Đức Thọ bao giờ cũng mặc bộ đại cán màu xám hoặc marông, đôi mắt to và sáng, ít khi để lộ sự cuồng tín đã thúc đẩy ông hồi mười sáu tuổi đi theo phong trào du kích cộng sản chống Pháp. Ông lúc nào cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một hai lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng của ông một cách tận tụy và khéo léo".

Tại trụ sở đoàn đàm phán ta ở số 8 đường Nguyễn soái Lơcléc, thị xã Choisy Le Roi, mỗi khi thấy anh Sáu Thọ đi đi lại lại trên sân đất nện, chúng tôi hiểu anh đang suy nghĩ về bước đấu tranh sắp tới với Mỹ. Một lần thấy tôi đi qua sân, anh gọi lại nói chuyện. Lững thững đi dọc ngôi nhà hai tầng nơi anh ở, nguyên là nhà của cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp Môrítxơ Tôrê, anh Sáu Thọ hỏi công việc chính của tôi ở Pari là gì? Tôi báo cáo rằng chủ yếu tôi viết bài cho báo *Nhân Dân* và đã gửi fax về Hà Nội một số bài. Tôi đưa anh xem thẻ ngoại giao số 4114 và thẻ nhà báo của tôi đều do Bộ Ngoại giao Pháp cấp. Tôi hứng thú kể thêm với anh: có thẻ ngoại giao được hưởng nhiều ưu đãi như được ra vào tự do Trung tâm hội nghị quốc tế, được miễn phí khi ra các sân bay ở Pari để tiễn hoặc đón ai và khi đi thăm các bảo tàng, triển lãm, hội chợ, cung văn hóa,...; nếu phải trả tiền thì giá khá đắt.

Anh Sáu Thọ nghe xong bảo tôi:

- Nhiệm vụ chính của cậu ở Pari là tiếp xúc các nhà báo quốc tế, thu thập tin tức, tình hình; còn viết bài cho báo *Nhân Dân* là thứ yếu.

Tôi hiểu ra và coi đây là chỉ thị của Đoàn đàm phán. Ngay hôm sau, anh Sáu Thọ dặn đồng chí tài vụ của đoàn thường xuyên cấp cho tôi một khoản tiền phrăng Pháp để dùng vào việc giao tiếp với các nhà báo nước ngoài, kể cả nhà báo Mỹ, đang theo dõi Hội nghị Pari về Việt Nam.

Chiến tranh Việt Nam là đề tài lớn hằng ngày của các đài, báo nhiều nước trên thế giới. Các nhà báo viết về Việt Nam hoạt động ở Pari rất sôi nổi, đa dạng và phong phú. Nhiều nhà báo đi đi lại lại thường xuyên giữa Pari và Sài Gòn, giữa Pari và Oasinhton. Hằng ngày gặp nhau ở các quán cà phê và hiệu ăn Pari, các nhà báo kể cho nhau nghe biết bao nhiêu tin tức sốt dẻo và những câu chuyện lý thú ở cả hai phía Việt Nam và Mỹ. Mỗi lần chúng tôi mời các nhà báo nước ngoài đi ăn hiệu, đợi khách về, chúng tôi nán lại để lấy tờ hóa đơn của hiệu ăn đem về nộp cho anh Châu, tài vụ của đoàn, để làm các thủ tục thanh toán.

Có nhà báo nước ngoài từ Sài Gòn trở lại Pari đã gửi cho chúng tôi những tấm ảnh quý giá về các căn cứ Mỹ. Các nhà báo Mỹ từ Oasinhton, Niu Oóc trở lại Pháp giúp chúng tôi hiểu rõ hơn tính chất, quy mô và ảnh hưởng của các cuộc biểu tình lớn ở Mỹ chống chiến tranh Việt Nam và của việc Níchxơn đưa ra chủ trương "rút quân nhỏ giọt" khỏi miền Nam Việt Nam.

Tôi đến dự các cuộc họp báo của sứ quán Mỹ và nghị quyền Sài Gòn ở Pari, ra sân bay Óocly (Orly) quan sát, lấy tin khi Níchxơn, Nguyễn Cao Kỳ tới Pari và nghe trực tiếp những phát biểu của họ.

Anh Sáu Thọ đã sớm thấy sự lợi hại của làng báo Pari và đã chỉ cho tôi cách làm báo không theo khuôn mẫu cũ ở một hội nghị quốc tế như Hội nghị Pari về Việt Nam.

*

* *

Ta và Mỹ ngồi vào bàn đàm phán với những chiến lược và mục tiêu hoàn toàn khác nhau. Đối với ta, vấn đề cơ bản nhất là Mỹ rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, còn quân ta ở đâu cứ ở đấy. Đối với Mỹ, vấn đề cơ bản nhất là rút hết quân Mỹ mà vẫn giữ được nghị quyền, nghị quân ngày càng mạnh lên ở miền Nam Việt Nam hòng chia cắt lâu dài nước ta. Do đó cuộc đàm phán Việt - Mỹ hết sức gay go, căng thẳng và phức tạp. Mỗi bên chỉ giành được trên bàn đàm phán những gì mà mình đã giành được trên chiến trường. Để ép ta đi vào giải pháp có lợi cho Mỹ, phía Mỹ tìm mọi cách tranh thủ bè bạn ta hòng giảm sự giúp đỡ cho nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Năm 1971, anh Lê Đức Thọ đã thẳng thắn cảnh cáo Henri Kítxinhgiơ như sau:

- Trong mấy năm nay, các ông đã chạy vạy chỗ này, chỗ khác để tìm ra lối thoát, nhưng không biết các ông có rút được kinh nghiệm hay không? Thực ra các ông uống công vô ích, làm phức tạp thêm vấn đề cho các ông. Không có cách thần kỳ nào để giải quyết vấn đề Việt Nam ngoài cách đàm

phán nghiêm chỉnh với chúng tôi ở Hội nghị Pari trên cơ sở những đề nghị của chúng tôi và những đề nghị của các ông. Trong một ván cờ, quyết định thắng bại phải là người trong cuộc, không có cách nào khác. Chúng tôi độc lập giải quyết vấn đề của chúng tôi.

Đầu năm 1972, tôi trở về Hà Nội. Một buổi sáng, anh Sáu Thọ gọi dây nói mời tôi đến ngay nhà anh ở phố Nguyễn Cảnh Chân. Tôi tới nơi, anh liền nói đến việc hôm trước, Tổng thống Níchxơn đã đến thủ đô một nước bạn. Về tức giận, anh phân tích tính xảo quyệt và sự thâm độc của Níchxơn. Bỗng anh hỏi tôi:

- Ở Hà Nội hiện có cuộc triển lãm nào về lịch sử hay văn hóa dân tộc không?

Tôi trả lời đang có triển lãm điêu khắc dân gian Việt Nam tại Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Anh Sáu Thọ bảo tôi trong vòng một giờ thu xếp để anh đến thăm triển lãm nói trên. Tôi vội liên lạc ngay bằng dây nói với họa sĩ Trần Văn Cẩn, Tổng Thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam, và anh Nguyễn Văn Y, Giám đốc Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Cả hai anh đến ngay Viện Bảo tàng để đón và hướng dẫn anh Lê Đức Thọ đi thăm.

Chăm chú xem các phòng trưng bày điêu khắc gỗ các thế kỷ XVI, XVII, XVIII, các phiến đoạn chạm khắc cổ phản ánh tinh thần bất khuất, lạc quan yêu đời của nhân dân ta, anh Sáu Thọ căn dặn Viện Bảo tàng giữ gìn tốt các di sản văn hóa dân tộc. Rồi anh nói đồng dặn trước các cán bộ mỹ thuật và nhân viên bảo tàng:

- Những tác phẩm điêu khắc gỗ dân gian trưng bày ở đây thể hiện phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta mà ngày nay chúng ta đang kế thừa và phát huy đến mức độ cao: trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phải chiến đấu quyết liệt với một tên đế quốc xâm lược hung bạo nhất là đế quốc Mỹ, nhân dân ta luôn giữ vững một phong thái bình tĩnh, lạc quan, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng.

Anh Sáu Thọ dặn tôi chép nguyên văn đoạn phát biểu nói trên gửi ngay cho Thông tấn xã Việt Nam để đăng trên các báo. Đây là cách Lê Đức Thọ trả lời cho Níchxơn biết thái độ của Việt Nam.

NGƯỜI ĐỒNG CHÍ CHÂN TÌNH

Mười Hương*

Trong đời hoạt động cách mạng của mình, tôi có nhiều kỷ niệm sâu đậm với anh Sáu Thọ. Tôi chỉ kể ở đây vài sự kiện có ấn tượng mạnh nhất đối với bản thân và cả những người thân trong gia đình tôi cho tới ngày nay.

Trước năm 1945, tôi công tác ở An toàn khu của Trung ương. Lúc ấy Bác Hồ vẫn ở Việt Bắc, còn Thường vụ Trung ương Đảng vẫn ở xung quanh Hà Nội vì ta chủ trương sẽ khởi nghĩa đầu tiên ở Hà Nội. Bác Hồ bảo Trung ương phải ở gần đầu não địch (Hà Nội) thì mới nắm vững những biến động của địch để chỉ đạo phong trào sát và kịp thời. Theo gợi ý của Bác, An toàn khu của Trung ương Đảng được bố trí ở hai bên bờ sông Hồng thuộc vùng Đông Anh, Hoài Đức, Phúc Yên và được đặt ở nơi giáp ranh các tỉnh, vì ở đó chính quyền địch thường kiểm soát lỏng lẻo và khi có động, ta cũng dễ chuyển sang địa bàn bên cạnh. Tuy ở xa nhưng Thường vụ Trung ương vẫn liên lạc được với các địa phương Bắc, Trung, Nam thuận tiện và luôn giữ liên lạc chặt chẽ với Bác Hồ theo một đường dây riêng, đặc biệt. Thường thì Thường vụ ít đón các đồng chí ở tù ra đến thẳng An toàn khu. Nhưng năm 1944, tôi được chỉ thị đón một cán bộ đến An toàn khu. Tôi đoán là cán bộ quan trọng của Trung ương nên mới có ngoại lệ đó. Sau này tôi mới biết đó là anh Lê Đức Thọ. Tôi đón anh Thọ ở gốc cây gạo bên đò Xù (Phú Xá). Tôi cho một cháu thiếu niên ra quan sát trước. Cháu về thuật lại là có

* Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

một ông da trắng lấm, mặc áo dài, khăn đóng, đeo kính râu. Nhận đúng dáng người, tôi tới trao đổi ám hiệu và đưa anh Thọ sang sông về nghỉ trong một nhà cơ sở của Đảng. Đó là gia đình bà Thìn ở Đông Anh.

Anh Trường Chinh đến gặp anh Lê Đức Thọ và một tuần sau, anh Trường Chinh họp Ban cán sự An toàn khu, cử anh Thọ phụ trách công tác của Đội. Công tác Đội của Trung ương gồm anh Trần Độ, Trần Cự và tôi. Thường vụ Trung ương giao cho công tác Đội những nhiệm vụ đặc biệt trong đó có công tác bảo đảm bí mật, an toàn cho An toàn khu. Anh Độ, anh Cự đã biết anh Thọ thời còn ở Nhà tù Sơn La. Anh Cự kể anh Thọ chính là Phan Đình Khải ở trong Xứ uỷ cùng hoạt động thời Mặt trận bình dân với anh Đặng Việt Châu ở Nam Định.

Ở An toàn khu lúc bấy giờ rất khó khăn, trời rét nhưng không có chăn, cả bốn anh em chúng tôi thường nằm úp thìa và đắp chung một chiếc chiếu. Anh Thọ người cao, nằm thẳng thì lạnh không ngủ được. Thấy vậy gia đình bà Thìn rất nghèo có dệt một chiếc chăn chiên nhường cho anh Thọ, nhưng anh từ chối. Mỗi tháng Đảng cấp sinh hoạt phí cho mỗi người một đồng bạc Đông Dương, nên hàng ngày anh em chúng tôi ăn cháo, ăn khoai là chủ yếu, song rất vui và hết mực thương yêu, chăm sóc lẫn nhau.

Anh Thọ thường phải đi họp luôn, có lần họp Thường vụ tại Đình Bảng (Bắc Ninh) để bàn tình hình, chủ trương, hành động của ta trong bối cảnh Nhật - Pháp đánh nhau. Anh có hỏi tôi đóng vai nào cho họp để đi lại công khai vì tôi thông thạo Hà Nội. Tôi bảo anh cứ cải trang thầy cúng là họp nhất vì anh Thọ trắng trẻo. Anh Thọ mặc áo dài, khăn tay đỏ, mang theo Kinh, mũ rất giống một ông thầy cúng.

Tôi nhớ một lần anh Thọ giao cho tôi chọn địa điểm và tổ chức lớp học ngắn ngày để quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 về chuyển biến tình hình và chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám. Tôi chọn một địa điểm ở Hoài Đức. Tính anh Thọ rất cẩn thận, chặt chẽ, cặn kẽ và chu đáo, nên khi

giao việc anh luôn dặn dò chi tiết và sau đó lại trực tiếp kiểm tra xem cấp dưới có thực hiện đúng các nguyên tắc về an toàn, bảo mật không. Sau khi tổ chức lớp học thành công, anh Thọ rất phấn khởi vỗ vai tôi nói: "Cậu làm được đấy, cậu rất cẩn thận". Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, các đồng chí lãnh đạo ở Nam Bộ xin tôi vào công tác trong đó vì tôi có kinh nghiệm hoạt động nội thành, xây dựng An toàn khu và công tác bảo vệ lãnh đạo Trung ương. Các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt bàn với anh Thọ để cử tôi vào Nam Bộ. Bác Hồ cũng đồng ý. Nhưng một anh bạn thân của tôi đã từng có dịp vào công tác ở Nam Bộ lại khuyên tôi hãy cân nhắc cho kỹ, xem làm được thì hãy nhận không thì sẽ mang tiếng cán bộ từ Trung ương vào. Lý do cơ bản mà anh bạn tôi nêu ra là ở Nam Bộ anh em làm việc theo phong cách khác với ngoài này, địa bàn hoạt động lại cũng khác, đối tượng cũng khác trước rất nhiều, nhìn chung công tác rất phức tạp và khó khăn, khó có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Trong lúc tôi đang băn khoăn thì anh Thọ trao đổi với tôi thật chân tình: "tao sống với mày, tao biết mày rất cần cù, không đòi hỏi gì cả, khi phải dẫn đo thì mày luôn nhận phần thiệt về mình. Có thể ban đầu có người chưa hiểu, nhưng sau sẽ hiểu và giúp đỡ thôi. Mày cứ đi đi". Rồi anh động viên tôi: "Mày ít nói, kiên trì làm việc, trong đó lại đang cần người có kinh nghiệm công tác đô thị, công tác bảo vệ cơ quan lãnh đạo, xây dựng An toàn khu, tao tin anh em sẽ hiểu và ủng hộ mày".

Trung ương nói tôi đi 6 tháng rồi sẽ trở ra Hà Nội, nhưng khi vào trong đó anh Ba Duẩn và các anh ở Trung ương Cục tín nhiệm giữ tôi ở lại luôn và tôi cũng không đi tập kết vào thời điểm tháng 9-1954. Tôi hoạt động trong Nam đến giữa năm 1958 thì bị địch bắt. Bọn công tác đặc biệt của Ngô Đình Cẩn bắt được một người khai tôi là cán bộ tình báo. Chúng bắt tôi ở Sài Gòn, nhưng đưa ngay ra Huế giam để khai thác và cũng là để cách ly khỏi cơ sở cũ. Anh Thọ luôn luôn quan tâm theo dõi công tác của tôi. Anh là người biết đầy đủ tin tức về tôi. Sau này tôi được biết chính anh Thọ đã trực tiếp ba lần đến nhà báo tin cho thím

tôi và vợ tôi biết: lần đầu báo tin tôi bị địch bắt đưa đi mất tích, lần thứ hai báo có khả năng đã bị đầu độc ở trại Phú Lợi và lần thứ ba đến báo tin vui: "Muời Hương còn sống, anh em sẽ tìm mọi cách "chạy" để giải thoát nhân cơ hội Diệm - Nhu bị lật đổ và sẽ chỉ thị bố trí để Muời Hương ra ngoài này". Đến nay đã mấy chục năm trôi qua mà thím tôi và vợ con tôi vẫn còn bồi hồi nhớ những lần anh Thọ đến thăm gia đình tôi, động viên mọi người tin tưởng. Thím tôi nhắc lại câu chuyện anh Thọ đến lần thứ hai: vì đã nhiều năm không có tin tức gì về tôi, tưởng tôi đã bị địch đầu độc giết hại, nên khéo gợi ý thím tôi khuyên vợ tôi có định hướng cho tương lai vì vợ tôi còn trẻ, tương lai còn dài".

Sau khi tôi được giải thoát, tôi được lệnh ra Bắc ngay theo đường Phnôm Pênh. Tôi phải nằm chờ năm tháng để làm giấy tờ hợp lệ coi như Việt kiều về thăm quê hương để phòng trường hợp trở về Nam sẽ có giấy tờ hợp pháp. Trong thời gian 5 tháng ở Phnôm Pênh, tôi lại bị mất liên lạc với miền Bắc, các anh lại tưởng tôi bị bắt lại. Khi tôi đi máy bay đến Quảng Châu, anh Mẫn là Tổng lãnh sự không biết tôi là ai, lại không có điện báo của trong nước, nên lại sợ tôi là biệt kích. Thật may, tôi lại gặp được anh Lê Văn Lương lúc này đang thăm Quảng Châu. Anh Lương giới thiệu tôi với anh Mẫn, nên anh hết lo ngại. Tôi về Hà Nội cùng chuyến bay của anh Lê Văn Lương và anh Ung Văn Khiêm.

Vì tôi hoạt động bí mật ở miền Nam, nên chỉ có anh Thọ theo dõi và nắm vững hoạt động của tôi. Biết tôi đã về tới Hà Nội, anh xin phép được vắng cuộc họp của Bộ Chính trị hôm đó để tới K.5 thăm tôi ngay. Cuộc hội ngộ hết sức xúc động. Anh Thọ nói với tôi: "Tao lại mắc sai lầm với mày là vừa giải quyết cho Trang (tên vợ tôi) đi học y ở Tiệp Khắc. Đáng ra đã chỉ thị cho mày ra, thì phải để vợ mày ở lại; nhưng cũng vì 5 tháng nay không có tin tức gì của mày, tưởng mày lại bị bắt lại. Hơn nữa vợ mày còn trẻ, cơ sở đề nghị cho đi đào tạo ở nước ngoài". Anh Thọ còn đưa cho tôi cuốn sách *Hoa sữa* viết về vợ tôi ở Bệnh viện Nhi đồng để tôi biết về công tác của vợ tôi ở miền Bắc và

nói: "Mày xem cuốn sách này sẽ thấy nó làm việc tốt lắm và viết về mày rất đúng tính cách của mày". Anh bảo tôi về nhà anh ở để đón con tôi đến gặp. Anh còn nói: "Bác Hồ vẫn hỏi thăm Mười Hương" và sau đó đã bố trí cho tôi gặp Bác Hồ. Được gặp Bác Hồ là một niềm hạnh phúc vô cùng lớn lao đối với tôi sau những năm tháng hoạt động bí mật xa Trung ương.

Anh Thọ là người rất tâm lý và chu đáo. Anh nói với tôi: "Mày xứng đáng được nghỉ ngơi để lấy lại sức, sẽ thu xếp cho mày đi Đức hoặc đi Liên Xô nghỉ theo lời mời hằng năm của bạn dành cho cán bộ của ta đi nghỉ và tham quan. Đi Đức nghỉ thì tốt vì Bùi Lâm, bạn thân của mày, đang là đại sứ. Vừa dịp có lời mời của Liên Xô, đoàn anh Nguyễn Đức Thuận sẽ đi Liên Xô. Anh Thọ bố trí cho tôi đi cùng đoàn với anh Thuận và anh cũng điện cho Sứ quán ta ở Tiệp Khắc giúp cho vợ tôi sang Liên Xô. Sau nhiều năm tháng xa cách, hai vợ chồng tôi mới lại được gặp nhau. Tôi luôn nhớ sự chăm sóc tận tình của anh Thọ đối với chúng tôi.

Sau năm 1975, tôi được phân công phụ trách công tác nội chính của Đảng và tôi lại có nhiều dịp được làm việc trực tiếp với anh Thọ. Một trong những trọng tâm của công tác nội chính thời kỳ này là giải quyết vấn đề di tản, đoàn tụ gia đình và vấn đề con lai. Kẻ địch lợi dụng chuyện này để xuyên tạc, làm rùm beng và gây rối tình hình ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi xin gặp anh Thọ để trình bày phương hướng giải quyết và xin ý kiến chỉ đạo, anh Thọ nhất trí và xin ý kiến Bộ Chính trị giao cho bên Ngoại giao và Công an thực hiện chủ trương cho đoàn tụ gia đình với số người đã đi di tản từ trước và sau ngày 30-4-1975. Do phía Mỹ và một số nước khác làm thủ tục nhiều khô và kéo dài chậm chạp nên việc giải quyết bị ách tắc. Những gia đình thuộc diện đoàn tụ không biết lý do này đã kêu ca, oán trách phía Việt Nam. Tôi lại đề xuất ý kiến với anh Thọ và được anh nhất trí với phương án: công khai công bố chủ trương và cả danh sách người đủ tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình để họ yên tâm tin tưởng Chính phủ Việt Nam thực tâm và nghiêm chỉnh thi

hành hiệp định đã ký, không gây cản trở gì; còn thời gian giải quyết nhanh hay chậm là tùy thuộc hoàn toàn vào phía Mỹ và các đối tác khác. Kết quả là tình hình nhanh chóng ổn định.

Việc giải quyết vấn đề con lai cũng vậy. Anh Thọ nghe báo cáo cụ thể và đồng ý với chủ trương cho đoàn tụ gia đình. Anh còn gợi ý nên tổ chức họp báo với phóng viên báo chí nước ngoài để nói rõ chủ trương của ta, tranh thủ dư luận, đồng thời gạt bỏ được những ý đồ của đối phương muốn lợi dụng những vấn đề nhân đạo để gây rối tình hình. Anh Thọ khen tôi có cách nhìn, cách làm đúng đắn, minh bạch, hợp tình, hợp lý. Tôi nghĩ sự chỉ đạo của Bộ Chính trị trong đó có anh Thọ là sáng suốt và kịp thời giúp cho các ngành chức năng giải quyết được nhanh gọn những vấn đề tuy không lớn, nhưng rất nhạy cảm đó.

Năm 1976, Bộ Chính trị dự kiến sẽ đưa tôi vào danh sách bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trên yêu cầu phải có hồ sơ về thời kỳ tôi ở tù. Anh Cao Đăng Chiếm đi tìm mãi không ra hồ sơ, vì tôi không hề khai báo nên không có tài liệu gì. Anh Cao Đăng Chiếm hỏi anh Năm Xuân (anh Mai Chí Thọ). Anh Năm Xuân trao đổi với anh Nguyễn Văn Linh, anh Linh nói: "Cứ hỏi thẳng Mười Hương, việc gì phải ngần ngại sợ Mười Hương tự ái". Anh Linh và anh Chiếm đã trực tiếp hỏi tôi về chuyện hồ sơ, tôi nói là thật ra khi tôi bị bắt, tôi mang theo giấy tờ giả tên là Trần Ngọc Trí (Trí là tên anh tôi). Anh Chiếm tìm ra hồ sơ ngay, tôi không hề khai báo điều gì, tuyệt đối trung thành với Đảng.

Trung ương gọi tôi ra Hà Nội, anh Thọ gặp tôi vui mừng lắm, vì đã tìm được hồ sơ xác minh tôi kiên trung, bất khuất, nên mới có thể giới thiệu vào Ban Chấp hành Trung ương được. Anh nói: "Tìm được hồ sơ của mày, tao mừng "húmm"!". Tôi hỏi anh Thọ: "Nếu không tìm được hồ sơ, các anh có tin dùng tôi không?". Anh Thọ cười và nói: "Vẫn tin dùng, song chưa thể giới thiệu để bầu vào Ban Chấp hành Trung ương được. Nhưng phải tìm cho được hồ sơ nếu không ra Đại hội hỏi, Trung ương làm sao giải thích được, mày phải đứng vào vị trí tao mới hiểu được".

Tôi nghĩ anh xử sự như vậy vừa thấu tình, vừa bảo đảm nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Nhớ lại những ngày anh đang lâm bệnh nặng và sắp ra đi, bà Thìn, cơ sở nuôi anh Thọ và chúng tôi, đến thăm anh. Trước hết bà muốn thăm sức khỏe của anh và sau nữa tuy không thể nào tin được, song bà vẫn băn khoăn muốn hỏi thẳng anh về một dư luận: "Ông Thọ giàu lắm, bây giờ có cả tài khoản gửi ngân hàng nước ngoài!". Khi nắm bàn tay người mà lâu nay bà hằng tôn kính, đang trước giờ chuẩn bị đi xa, bà cầm lòng, đắn đo không hỏi gì. Tuy rất mệt, nhưng anh Thọ vẫn nhay cảm, nhìn bà, anh biết bà có điều gì đó băn khoăn chưa muốn nói. Anh hỏi:

- Tôi ốm lắm, chị có điều gì thắc mắc thì cứ nói ra, tôi sẽ nhờ anh em giúp chị.

Bà Thìn vội trả lời:

- Tôi không có điều gì thắc mắc đâu.

Anh Thọ một lần nữa ân cần hỏi bà:

- Nhìn chị, tôi biết chị đang có điều gì muốn nói, chị cứ nói đi.

Đến lúc này bà Thìn vừa khóc, vừa kể lại dư luận mà bà nghe được. Anh Thọ nghe xong, cười ra tiếng và nói:

- Ôi tưởng gì, có thể thôi à! Thế thì tôi hỏi lại chị: chị có tin không?

Bà Thìn trả lời:

- Tôi không tin, không bao giờ tin. Tôi mà tin thì tôi đã không đến đây thăm anh.

Anh Thọ nói:

- Thế thì tốt, nếu chị tin tôi thì tôi không phải giải thích với chị nữa.

Một thời gian ngắn sau đó, anh Thọ ra đi.

Sau ngày anh mất, lại có thêm những chuyện đồn thổi này khác về anh. Lúc đầu do chưa nắm được đầy đủ thông tin, tôi cũng có băn khoăn đôi chút. Nhưng sau khi đã tìm hiểu rõ sự việc và hồi tưởng lại toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của anh mới thấy hết *"tám gương về lòng trung thành, tận tụy*

với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần kiệm liêm chính và tình thương đối với cán bộ"¹ của anh Lê Đức Thọ. Những chuyện đồn thổi về anh thực ra chỉ là những câu chuyện dựng đứng, vu oan, xuất phát từ những động cơ cá nhân không trong sáng. Nhớ lại những lúc tôi gặp trực trở, anh vẫn thường nói với tôi:

- Mày yên tâm! Cây ngay không sợ chết đứng.

Anh Sáu ơi, tôi cũng muốn nói với anh: Anh hoàn toàn thanh thản mà yên nghỉ, cây ngay không sợ chết đứng mà anh.

Đã tròn 10 năm² ngày anh Thọ đi xa. Hồi tưởng lại những năm tháng được sống với anh, được làm việc liên lương hay không liên lương với anh, tôi vẫn luôn thấy hình ảnh của anh SÁU THỌ động viên chỉ bảo, chăm sóc tận tình lớp cán bộ chúng tôi. Trong hơn 60 năm hoạt động cách mạng, đúng như trong Tiểu sử đã viết, anh Lê Đức Thọ "đã đem hết tâm sức, tài năng và trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của nhân dân ta... Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí Lê Đức Thọ - anh Sáu Thọ kính mến, gắn liền với những thành quả cách mạng vĩ đại của Đảng và nhân dân ta"³.

1. Báo Nhân Dân, ngày 18-10-1990.

2. Năm 2000 (B.T).

3. Báo Nhân Dân, ngày 15-10-1990.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ VÀ QUÊ HƯƠNG NAM ĐỊNH

Phạm Hồng Hà *

I- QUÊ HƯƠNG, GIA ĐÌNH, VÀ THỜI TUỔI TRẺ HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG SÔI NỔI TẠI QUÊ NHÀ

1. Đồng chí Lê Đức Thọ tên thật là Phan Đình Khải, sinh ngày 10-10-1911 tại xã Định Lễ, huyện Mỹ Lộc, nay là xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Nam Định là tỉnh nằm ở phía nam đồng bằng sông Hồng, trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, kể từ khởi nguồn văn minh lúa nước sông Hồng đến thời đại Hồ Chí Minh, thiên nhiên, hào khí quê hương và sức người bao thế hệ đã tích tụ, hun đúc nên một vùng đất "địa linh nhân kiệt", một truyền thống tự cường, văn hiến, yêu nước và cách mạng. Đây cũng là nơi phát tích của Vương triều Trần tồn tại 175 năm với những chiến công, những dấu ấn huy hoàng trong lịch sử dân tộc. Nam Định cũng là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, sớm tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, sớm hình thành những tổ chức cộng sản đầu tiên của Đảng. Kể từ khi có Đảng, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Nam Định đã có những đóng góp rất quan trọng cho cách mạng, và các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất non sông và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với bề dày lịch sử và văn hiến, vùng đất này đã sinh ra những vị vua anh minh, các anh hùng

hào kiệt, nhiều nhà chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, nghệ thuật... kiệt xuất, tiêu biểu của đất nước.

Xã Nam Vân có một vị trí quan trọng là cửa ngõ phía nam của thành phố Nam Định, nơi có các đường giao thông thủy, bộ lớn đi qua.

Từ đời Trần, đất Nam Vân đã được quy hoạch trong hành cung Thiên Trường mở rộng. Sông Vị được đào nối Thiên Trường - Tức Mặc với sông Đào, thông về sông Đáy và đã hình thành nên bến Đò Quan nổi tiếng.

Nằm giữa bốn bề sông nước, nhân dân Nam Vân rất tích cực trong công việc trị thủy, đã cùng với nhân dân các vùng lân cận đắp đê sông Hồng (bấy giờ gọi là sông Đĩnh Nhĩ), đê sông Vị Hoàng, đê Hồng Đức (kéo dài từ Quảng Ninh, qua Nam Định đến Ninh Bình), để ngăn lũ, bảo vệ xóm làng.

Nam Vân là một làng quê văn hiến, hương ước của làng có từ rất sớm, quy định chặt chẽ từ tổ chức xã hội đến việc giữ gìn truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của làng, đồng thời khuyến khích sự học hành và tinh thần lao động. Với bề dày hơn một nghìn năm lịch sử, Nam Vân đã hình thành một vùng văn hóa phong phú, đa dạng và có bản sắc; với những di tích, đình chùa, đền miếu, những sự tích về các địa danh, con người như "Văn Khẩu", chùa Bồ Đề, Cồn Cái, cánh đồng Quan Thượng, tướng quân Kiều Công Hãn, bà Hoàng Phi, vợ vua Lý Nhân Tông, Thái sư Dương Quế Công Lại Thế Vinh và nhiều lễ hội văn hóa dân gian, dân ca, hò vè đặc sắc.

Truyền thuyết dân gian kể rằng: Xưa đoàn thuyền chiến của Vua Hùng 18, xuôi sông Hồng qua cửa Tuần Vương, gặp sóng to, gió cả, nước xoáy, thuyền trôi dạt vào bãi Ngô Xá, dân làng ra sức trợ giúp. Nhờ đó, thuyền Vua Hùng 18 kịp đuổi theo giặc. Nhân dân trong làng được triều đình khen thưởng về tinh thần yêu nước, trung quân. Đặc biệt thế kỷ XIII, dưới triều Trần, nhân dân Nam Vân với hào khí Đông A sôi sục đã cùng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân

nhân dân cả nước anh dũng chiến đấu lập nên những chiến công hiển hách, ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông xâm lược, bảo vệ vững chắc giang sơn, bờ cõi.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhiều thanh niên trai tráng của Nam Vân xung phong gia nhập đoàn quân Nam tiến của Hoàng giáp Phạm Văn Nghị vào Nam đánh giặc. Nhân dân Nam Vân đã kê vai sát cánh cùng quân dân Thành Nam chiến đấu bảo vệ thành khi thực dân Pháp đánh chiếm thành Nam Định, tham gia đội quân của Thượng biện - Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi đóng ở tả ngạn bến Đò Quan đánh tàu chiến của quân địch. Khi Thành Nam thất thủ, Thượng biện Vũ Hữu Lợi đưa quân về đóng ở chùa Ba Xá thôn Thượng Hữu - Nam Vân chống giặc và được nhân dân Nam Vân tận tình che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng. Nhiều con em Nam Vân đã bí mật tham gia vào các cuộc khởi nghĩa do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo.

Đầu thế kỷ XX, cùng với các địa phương trong tỉnh, nhân dân Nam Vân ủng hộ mạnh mẽ phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng và phong trào bất hợp tác với Pháp do Phan Chu Chinh phát động, tích cực tham gia các phong trào đấu tranh sôi nổi của công nhân Thành Nam, các hoạt động cách mạng, các tổ chức cứu quốc, Việt Minh, trong các cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945 và Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, là địa bàn bị địch chiếm đóng, khủng bố dã man, Đảng bộ Nam Vân đã lãnh đạo nhân dân phát triển chiến tranh du kích, phá tề, trừ gian, chống địch càn quét, lập nên những chiến công vẻ vang, giải phóng quê hương.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Nam Vân với tinh thần "Tất cả vì miền Nam ruột thịt" đã tích cực tham gia nhiều phong trào thi đua sôi nổi: "Thanh niên ba sẵn sàng", "Phụ nữ ba đảm đang"... vừa sản xuất vừa chiến

đầu, đóng góp nhiều sức người, sức của cho chiến trường.

Hai mươi lăm năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ và nhân dân xã Nam Vân đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, giành nhiều thành tích góp phần phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Đồng chí Lê Đức Thọ sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho thanh bạch, gia giáo.

Ông nội của đồng chí Lê Đức Thọ là cụ Phan Đình Diễn, sinh năm 1852. Ngay từ nhỏ, cụ đã sớm được cha mình truyền thụ cho nếp thi thư, gia giáo và cần mẫn học tập. Sau khi thi hương không đậu, cụ mở trường dạy học và làm thuốc chữa bệnh. Cụ vốn tính nhân hậu, sống hoà thuận, hiếu nghĩa trong gia đình và làng xóm, tích cực làm việc thiện. Năm 1890 mất mùa, cụ bỏ ra một số tiền lớn để làm sổ đình điền giúp dân, bán đi một mẫu ruộng để lấy tiền đắp đường. Có đường mới thuận tiện đi lại, nhân dân đã phấn khởi mừng cụ bức lụa đề ba chữ "Công ư dân", nghĩa là có công với dân.

Trong nghề làm thuốc, cụ luôn giữ đạo lý cứu người làm gốc, tận tình cứu chữa cho bệnh nhân, không câu nệ, nề hà, đặc biệt là đối với những người dân nghèo khó. Cụ là người cần kiệm, công tâm, cương trực và luôn bên vực người lương thiện.

Cụ thường khuyên răn con cháu chăm lo làm những việc công ích cho đời. Đặc biệt cụ rất quan tâm đến việc học hành của con cháu. Các con cháu đến tuổi đi học đều được cụ khai tâm qua sách *Tam thiên tự*, mời các nhà giáo có tiếng dạy chữ cho con cháu. Được cụ rèn rũa, chăm lo, con cháu cụ ai cũng được học hành, nhiều người đã đậu cử nhân, tú tài, nhiều cháu con đã nuôi chí lớn hoạt động cách mạng giúp dân, giúp nước.

Cụ mất năm 1923, thọ 71 tuổi. Biết ơn cụ, nhân dân trong xã đã lập cụ làm Hậu thần và dựng bia ghi công đức tại đình làng. Hàng năm đến ngày giỗ cụ đều tổ chức tế lễ, tri ân.

Thân phụ của đồng chí Lê Đức Thọ là ông Phan Đình Quế,

sinh ngày 2-8-1882, là người tính bộc trực, khảng khái nhưng sống hoà thuận, gần gũi trong gia đình, họ hàng và làng xóm. Thuở nhỏ ông theo cha học chữ Nho, rồi làm môn sinh của cụ Tư Đặng người xã Đặng Xá. Năm 1909, ông được nhân dân bầu làm Hương trưởng, rồi sau được bầu làm Chánh hương hội ở xã. Tuy là một hào lý của làng nhưng ông rất trung thực, liêm khiết, luôn đứng về phía nhân dân, bênh vực, bảo vệ dân.

Ông đã đóng góp nhiều công sức, tiền bạc chấn chỉnh các công việc hương chính, kiến thiết, xây dựng làng xã như tu bổ, mở mang đình chùa, cầu cống... Sau khi theo anh ruột là quan Tổng đốc Phan Đình Hộc đi quân thứ đánh giặc có công, ông đã được thưởng hàm cửu phẩm. Ông mất ngày 3-4-1928, thọ 46 tuổi.

Thân mẫu của đồng chí Lê Đức Thọ là bà Đinh Thị Hoàng, sinh ngày 8-10-1882, quê ở xã Đồng Lạc, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Bà tính tình hiền hậu, tháo vát, đảm đang, hết lòng thương yêu chồng con, gắng sức cùng chồng xây dựng cơ nghiệp và nuôi dạy con cái... Bà sớm có tư tưởng tiến bộ, khi biết các con trai mình tham gia hoạt động cách mạng, bà đã âm thầm ủng hộ. Bản thân bà cũng tham gia cách mạng, nuôi dưỡng, bảo vệ nhiều cán bộ của Đảng, trong đó có các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng...

Do có nhiều đóng góp với cách mạng, đặc biệt là công lao nuôi dưỡng những người con cách mạng ưu tú, bà đã được tặng Bằng Có công với nước. Bà còn vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng lụa may áo.

Bà mất ngày 4-2-1956, hưởng thọ 74 tuổi.

Ông Phan Đình Quế và bà Đinh Thị Hoàng sinh được tám người con: năm người con trai và ba người con gái. Được sự quan tâm, chăm lo, dạy bảo của ông bà, cả tám người con đều chăm lao động, chịu khó học hành, hiếu lễ với cha mẹ, lễ phép với người trên. Đặc biệt trong số tám người con thì ba người: Phan Đình Khải (tức đồng chí Lê Đức Thọ), Phan Đình Đình (tức đồng chí Đinh Đức Thiện), Phan Đình Đống (tức đồng chí

Mai Chí Thọ) là Ủy viên Trung ương Đảng, trong đó đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Mai Chí Thọ là Ủy viên Bộ Chính trị và đều được phân công giữ những trọng trách lớn của Đảng và Nhà nước.

3. Thời thơ ấu cho tới năm 14 tuổi, đồng chí Lê Đức Thọ sống với gia đình tại quê nhà.

Năm 1925, đồng chí theo học tại Trường tiểu học Cửa Bắc, thành phố Nam Định, trọ tại nhà ông chú Phan Đình Ngô ở phố Hàng Cau - khu phố buôn bán sầm uất của thành phố lúc bấy giờ.

Ở tuổi học trò, đồng chí Lê Đức Thọ đã chứng kiến các phong trào đấu tranh liên tiếp, mạnh mẽ của công nhân thành phố Nam Định, điển hình là cuộc đấu tranh của 2.500 công nhân Nhà máy Sợi nổ ra ngày 30-4-1925 đòi tăng lương và phản đối việc sa thải thợ, đã gây tiếng vang lớn, khiến thực dân Pháp hết sức lo sợ. Phong trào phát triển trong công nhân và lan nhanh ra các tầng lớp nhân dân khác. Trong các trường học, học sinh bí mật chuyền tay nhau đọc các sách báo yêu nước, tiến bộ như báo *Người cùng khổ* (Le Paria), báo *Thần Chung*, *L'An Nam*, *Việt Nam hồn* và nhiều tác phẩm văn học yêu nước như *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc, *Tiếng cuốc kêu* của Việt Yên, đã có ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức, tư tưởng của nhiều người, nhất là với lớp trí thức trẻ như đồng chí Lê Đức Thọ.

Năm 1925, cụ Phan Bội Châu, một chí sĩ yêu nước lỗi lạc của Việt Nam bị thực dân Pháp bắt ở Trung Quốc, đưa về nước chờ ngày xét xử. Cả nước dậy lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ đòi ân xá cho cụ Phan. Đông đảo thanh niên, công nhân, học sinh Nam Định đã ký đơn gửi toàn quyền Pháp đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu. Tại phiên tòa xét xử cụ Phan, tú tài Nguyễn Khách Doanh, người làng Dầm, xã Nam Bình, huyện Nam Trực đã tự nguyện xin được chịu án thay cụ Phan.

Năm 1925, cụ Phan Chu Trinh về nước sau hơn 10 năm bị lưu đày và qua đời vào tháng 3-1926, gây xúc động lớn trong nhân dân cả nước. Lễ truy điệu cụ Phan được tổ chức trọng thể

ở khắp mọi nơi. Tại Nam Định, nhà cầm quyền Pháp đã ngăn cấm việc tổ chức lễ truy điệu cụ Phan, điều đó đã gây phần nộ trong nhân dân Nam Định, tất cả các trường học ở thành phố Nam Định nhất loạt bãi khóa, một số giáo sư Trường Thành Chung, một số nhà Nho tiến bộ có uy tín và đông đảo nhân dân lao động đã tích cực đấu tranh buộc nhà cầm quyền Pháp phải nhượng bộ, đồng ý cho tổ chức lễ truy điệu cụ Phan. Đồng chí Lê Đức Thọ đã hoà mình vào phong trào học sinh yêu nước Thành Nam, nhiệt tình hưởng ứng các hoạt động bãi khóa, dự lễ truy điệu Phan Chu Trinh tại nghĩa trang Bắc Tế, thành phố Nam Định.

Đến giữa năm 1927, ở Nam Định đã hình thành một số chi hội của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó có chi hội học sinh Trường Thành Chung mà nòng cốt là Học sinh đoàn. Từ Trường Thành Chung, Học sinh đoàn lan nhanh sang các trường học khác. Năm 1928, được thầy giáo Nguyễn Văn Tiến dìu dắt, đồng chí Lê Đức Thọ được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và trở thành một nhân cốt tích cực của Trường tiểu học Cửa Bắc.

Những năm 1929 - 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nam Định, phong trào cách mạng có bước chuyển mạnh. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy Đèn, công nhân Nhà máy Sợi, toàn thể thợ nhuộm, nữ công nhân máy Lờ... Hoạt động của Học sinh đoàn càng sôi nổi, đồng chí Lê Đức Thọ cùng với các đoàn viên, thanh niên cảm tình cách mạng đã tổ chức rải truyền đơn ở nhiều đường phố, cổ vũ tinh thần đấu tranh của công nhân, vạch mặt kẻ thù đàn áp phong trào. Với tinh thần, nhiệt huyết cách mạng và những hoạt động rất sôi nổi, tích cực, tháng 10-1929, người thanh niên ưu tú Lê Đức Thọ được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng.

Từ một thanh niên yêu nước trở thành đảng viên cộng sản là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời của đồng chí Lê Đức Thọ.

Được tổ chức phân công phụ trách công tác thanh niên,

học sinh, đồng chí Lê Đức Thọ chuyển sang học ở Trường tư thực Avonia (Avenir). Đồng chí dành nhiều thời gian hoạt động phát triển tổ chức Hội, tuyên truyền sách báo yêu nước và cách mạng như tờ báo *Thanh niên*, cuốn *Đường Cách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Thời gian này, đồng chí đã tuyên truyền giác ngộ và tổ chức được nhóm Học sinh Đoàn gồm: Phan Văn Tùng, Dương Khắc Niệm, Trần Đức Quý và nhiều người khác. Sau một thời gian tích cực hoạt động, tại Trường Avonia đồng chí đã tổ chức được một chi bộ, lúc đầu có bốn đảng viên do đồng chí làm Bí thư.

Không chỉ tuyên truyền giác ngộ thanh niên, học sinh ở thành phố, mỗi dịp về nghỉ hè ở quê nhà, đồng chí Lê Đức Thọ rất chú ý tuyên truyền cách mạng cho lớp thanh niên, cho những người ruột thịt trong gia đình mình như Phan Đình Dinh (tức Đình Đức Thiện), Phan Đình Tạc, Phan Đình Thiệu và Ngô Văn Ngoạn - những người đã tổ chức và thành lập chi bộ Đảng ở Định Lễ ngay từ năm 1930.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 13 Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Đảng bộ Nam Định mở một đợt hoạt động mạnh tại thành phố; các chi bộ nhà máy, trường học, đường phố cùng đồng loạt hành động. Đêm ngày 6, sáng ngày 7-11-1930, đồng chí Lê Đức Thọ cùng các đảng viên trong chi bộ học sinh đi rải truyền đơn và treo cờ Đảng ở nhiều đường phố và cũng tối hôm đó, gần như cùng một lúc các đảng viên và quần chúng cách mạng đã gây nhiều tiếng nổ lớn. Năm giờ sáng 7-11 giữa lúc công nhân Nhà máy Sợi đang đổi ca thì pháo lại nổ vang, công nhân hò reo náo nhiệt. Sự kiện này làm náo động Thành Nam, bọn địch hoảng hốt lòng sục ráo riết khắp nơi, bắt 54 đảng viên và quần chúng cách mạng, trong đó có đồng chí Lê Đức Thọ. Khám nơi ở của đồng chí tại nhà ông chú Phan Đình Ngô ở phố Hàng Cau, mật thám thu được nhiều sách báo cách mạng như *Tia đỏ*, *Tin tức*, *Tranh đấu*, *Người lao động*, *Cộng sản huấn luyện*. Đồng chí bị địch giam tại Sở Mật thám, mặc dù bị tra tấn dã man nhưng đồng chí vẫn kiên cường

chịu đựng, kiên quyết bảo vệ đồng chí và cơ sở cách mạng. Sau khi hỏi cung và tra tấn hơn 1 tháng, chúng đưa đồng chí giam riêng ở xà lim, còng 2 chân suốt 3-4 tháng ròng. Ngày 27-1-1931 chúng đưa đồng chí ra xử ở Tòa án Nam Định và bị kết án tù khổ sai chung thân. Đồng chí làm đơn chống án, tòa thượng thẩm tại Hà Nội đã giảm án xuống 10 năm khổ sai, đây là mức án cao nhất của vụ án này. Giữa năm 1931, đồng chí bị đày ra nhà tù Côn Đảo.

Năm 1936, trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta và được sự ủng hộ tích cực của phong trào Bình dân Pháp, nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương buộc phải trả lại tự do cho một số lớn tù chính trị, trong đó có đồng chí Lê Đức Thọ .

Ra tù, trở về Nam Định, đồng chí Lê Đức Thọ tiếp tục hoạt động cách mạng. Sau khi bắt được liên lạc với các đồng chí hoạt động công khai ở Nam Định (đồng chí Mẫn Cò, đồng chí Phúc, đồng chí Trí và đồng chí Hoạt (tức Bảo, là Xứ uỷ viên phụ trách Nam Định) và được giao phụ trách công tác báo chí công khai của tỉnh Nam Định và tham gia xây dựng cơ sở bí mật của Đảng ở địa phương. Đồng chí đã mở đại lý phát hành sách báo cánh tả mang tên Phan Khải, sau đổi tên Tin tức, công khai tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, giới thiệu đường lối, chủ trương của Đảng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh kết hợp hoạt động công khai và bí mật, vừa giác ngộ công nhân, học sinh, vừa tổ chức xây dựng cơ sở bí mật.

Ngày 31-7-1939, mật thám bất ngờ lục soát, khám xét nhà cửa và bắt 22 đảng viên và quần chúng cách mạng, trong đó có đồng chí Lê Đức Thọ đưa về giam giữ tại Sở Mật thám Nam Định, đến ngày 1-8 mới thả. Ngay sau khi được thả, đồng chí Lê Đức Thọ đã gửi bức điện cho Toàn quyền Đông Dương với nội dung "chúng tôi cực lực phản đối việc khám nhà và bắt người hàng loạt ngày 31-7-1939. Chúng tôi cho rằng đó là việc làm trái với tự do dân chủ".

Biết rõ đồng chí Lê Đức Thọ là người lãnh đạo phong trào cách mạng công khai ở Nam Định nên mặc dù phải trả lại tự do

cho đồng chí, bọn mật thám vẫn ngày đêm theo dõi, bám riết mọi hoạt động của đồng chí và đại lý sách báo cánh tả. Ngày 9-9-1939, cùng một lúc chúng mở hàng loạt vụ khám xét, bắt đồng chí Lê Đức Thọ cùng hầu hết các đảng viên quân chúng cốt cán hoạt động công khai. Ngày xử án, đồng chí Lê Đức Thọ cùng các chiến sĩ cách mạng đã dựa vào việc nghị định ngày 28-9-1939 của Toàn quyền Đông Dương "cấm lưu hành và tàng trữ sách báo cộng sản" chưa đủ hiệu lực để tự cãi cho mình ngay tại phiên tòa và kháng án lên Tòa Thượng thẩm. Trước lý lẽ sắc bén của đồng chí Lê Đức Thọ và những chiến sĩ cộng sản, tòa án thực dân buộc phải tha bổng và chỉ xử án treo phần lớn những người bị bắt. Nhưng ngay sau đó, dựa vào nghị định ngày 21-1-1940 "tập trung các phần tử nguy hiểm cho an ninh", chúng bắt lại đồng chí Lê Đức Thọ, kết án 5 năm tù và đưa đi giam giữ ở Hà Nội, Sơn La và Hoà Bình.

Truyền thống văn hiến, yêu nước của quê hương, truyền thống của dòng họ, gia đình đã ảnh hưởng sâu sắc tới tuổi thơ của đồng chí Lê Đức Thọ, đó chính là những mạch nguồn tươi mát nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, thương dân của đồng chí.

Những năm tháng tuổi học trò và tuổi trẻ hoạt động cách mạng sôi nổi, phong phú tại quê nhà đã góp phần tôi luyện ý chí cách mạng, tinh thần kiên trung, bất khuất, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng và nhân dân; bồi đắp trí tuệ và phẩm chất cách mạng để đồng chí bước tiếp trên con đường cách mạng vinh quang và trở thành người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng, một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

4. Sau này, trong phần lớn cuộc đời cách mạng của mình, do sự phân công của Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ không hoạt động ở địa bàn Nam Định, nhưng đồng chí luôn dành cho quê hương những tình cảm mặn nồng, sâu đậm

"Trở về thăm lại quê hương,

Sáu mươi năm mấy đoạn trường đã qua.

Đường đi ngàn dặm dù xa,

Tình quê vẫn thấm lòng ta dạt dào"¹.

Có lẽ, trên những chặng đường cách mạng chông gai, gian khổ, dù ở trong lao tù của đế quốc, trên đường hành quân hay những chiến trường ác liệt, trong sâu thẳm lòng mình, đồng chí vẫn dạt dào nỗi nhớ quê hương vì ở đó có làng quê chôn rau cắt rốn, có người mẹ hiền yêu dấu luôn thương yêu, động viên, khích lệ đồng chí. Yêu con và yêu nước, mẹ đã trở thành người cùng chí hướng với con mình.

"Hiểu con mẹ lại càng thương,

Thương con, thương nước vẫn vương trong lòng.

Thế rồi mẹ lại chờ mong,

Mừng con đi tiếp chặng đường con đi.

Sớm khuya đồng chí đi về,

Mẹ nuôi, mẹ giấu một bề thủy chung".

Ở đó còn có những người thầy thương kính, bạn cũ, trường xưa:

"Mái trường thuở ấy Thành Nam,

Câu thơ thầy giảng chứa chan nghĩa đời"².

Và bạn bè, đồng chí của một thời thanh niên sôi nổi:

"Nhớ ngày Đảng mới dựng lên,

Truyền đơn, cờ đỏ treo trên phố này.

Nhớ khi báo Đảng công khai,

Phong trào hoạt động trong ngoài hăng say"³.

Trong tình quê hương, đồng chí Lê Đức Thọ dành cho đồng chí Trường Chinh những tình cảm thân thương, kính mến:

"Nhớ người lãnh đạo tài năng,

Khởi nghĩa Tháng Tám thành công lấy lòng.

Đời anh sóng gió đã từng,

Đường đi trọn vẹn một lòng thủy chung"¹.

1. Bài thơ *Tình quê hương* của đồng chí Lê Đức Thọ tặng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Định.

2,3. Bài thơ *Tình quê hương*; bài *Nghĩa tình* của đồng chí Lê Đức Thọ tặng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Định.

Yêu quê hương tha thiết, đồng chí càng tự hào về truyền thống anh hùng của quê hương mình:

"Quê ta truyền thống Bạch Đằng,
Biết bao liệt sĩ, anh hùng phơi thời"².

Và cảm hận lũ giặc xâm lược, đàn áp dân mình:

"Quê hương mấy chục năm trời,
Bao phen bão táp dập vùi gian nan.

Quân thù tàn bạo dã man,
Hàng trăm đồng chí bắt giam cực hình"³.

Đồng chí vui mừng khôn xiết khi quê hương được giải phóng:

"Nước nhà giải phóng từ đây,
Non Côi sông Vị ngày nay vững bền"⁴.

Và ngày càng đổi thay tươi đẹp:

"Nhớ xưa đói rét lang thang,
Cánh đồng chiêm trũng nước tràn mênh mông.

Ngày nay lúa trở đầy đồng,
Nhà ai mái đỏ, vườn trồng đầy cam"⁵.

Đồng chí mong mỗi quê hương mình đổi mới:

"Làm sao đồng lúa thêm xanh,
Vải thêm áo mới cho anh cho nàng.

Trẻ em thêm sách học, thêm trường,
Bệnh viện đủ thuốc, đủ giường khang trang"⁶.

Những lần trở về thăm quê hương của đồng chí luôn để lại cho Đảng bộ và nhân dân Nam Định ấn tượng khó phai về tình cảm thấm thiết, sâu sắc của một người con xa quê. Lần nào cũng vậy, đồng chí luôn dành thời gian lắng nghe, chú ý tìm hiểu thực tiễn đời sống nhân dân, năng lực lãnh đạo của cán bộ địa phương, nắm bắt tình hình phát triển của Nam Định và có ý kiến động viên, chỉ đạo. Năm 1963, đồng chí Lê Đức Thọ cùng với Bác Hồ và đồng chí Lê Văn Lương về dự Đại hội Đảng bộ Nam Định lần thứ V, đồng chí căn dặn: "Các đồng chí và nhân

1,2,3,4,5,6. Bài thơ *Tình quê hương* của đồng chí Lê Đức Thọ tặng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Định.

dân Nam Định đấu tranh cách mạng rất anh dũng. Chúng ta đã dành được nhiều thắng lợi vẻ vang. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, chúng ta cần phải dũng cảm tiến lên để giành những thắng lợi cách mạng to lớn hơn nữa".

Trong bài phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh năm 1976, đồng chí Lê Đức Thọ đã nhấn mạnh: "Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc một cách quyết định vào trình độ mọi mặt và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên". Những lời căn dặn, chỉ đạo, cổ vũ của đồng chí cho tới nay vẫn mang tính thời sự, vẫn là những yêu cầu cấp thiết và là tài sản tinh thần quý giá, là nguồn động viên to lớn khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

II- HỌC TẬP VÀ PHÁT HUY TINH THẦN CÁCH MẠNG VÀ TẤM GƯƠNG CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN NAM ĐỊNH QUYẾT TÂM PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG NAM ĐỊNH GIÀU MẠNH, VĂN MINH

Là một tỉnh, một Đảng bộ giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, quê hương, Đảng bộ và nhân dân Nam Định luôn vô cùng tự hào và vinh dự vì nơi đây đã có nhiều chiến sĩ cách mạng kiên cường đi theo tiếng gọi của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng ta và Bác Hồ kính yêu; anh dũng chiến đấu, hy sinh quên mình vì độc lập, tự do của dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc tế cao cả và vì quê hương Nam Định thân yêu. Trong những lớp người đó, có nhiều đồng chí đã trở thành những nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng, những nhà lãnh đạo tài năng, kiệt xuất của Đảng và Nhà nước ta, những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, tiêu biểu là đồng chí Trường Chinh - nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí Lê Đức Thọ - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương của

Đảng và nhiều đồng chí cách mạng tiền bối khác.

Cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách cao đẹp của các đồng chí là tài sản vô giá, làm rạng danh cho quê hương, đất nước và là những tấm gương sáng để Đảng bộ và nhân dân Nam Định học tập và noi theo.

Hiện nay, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Định đang tích cực thực hiện kế hoạch kỷ niệm 100 năm ngày sinh đồng chí Lê Đức Thọ (10-10-1911 – 10-10-2011) nhằm tưởng nhớ, tôn vinh người con ưu tú của quê hương, phát động phong trào thi đua yêu nước, học tập và noi gương tinh thần cách mạng của đồng chí Lê Đức Thọ và các bậc lãnh đạo tiền bối, quyết tâm xây dựng quê hương Nam Định ngày càng giàu mạnh, văn minh, trong đó tập trung thực hiện tốt vào một số nội dung trọng tâm là:

1- Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo trung thành với sự nghiệp cách mạng, hết lòng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Đây là khâu then chốt để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ trong tình hình mới. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII chỉ rõ: Tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến mạnh hơn trong công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, năng lực lãnh đạo và đội ngũ cán bộ. Trước hết cần nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, tính thực tiễn của công tác chính trị, tư tưởng; kiên định nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời vận dụng sáng tạo trong các điều kiện cụ thể của địa phương. Thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên; kịp thời uốn nắn những lệch lạc, kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động của các thế lực thù địch trong lĩnh vực tư tưởng. Tiếp tục xây dựng tổ chức đảng, trọng tâm là tổ

chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt coi trọng vai trò tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng viên thể hiện ở phẩm chất trung thành, tận tụy với đất nước, nhân dân, có năng lực chuyên môn, tinh thần kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ, như lời căn dặn của đồng chí Lê Đức Thọ: "Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc một cách quyết định vào trình độ mọi mặt và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên lúc này cần có lý luận cách mạng, hiểu biết về chuyên môn, khoa học - kỹ thuật và văn hóa, đồng thời phải nâng cao trình độ tổ chức thực hiện đi kịp với nhiệm vụ chính trị của Đảng".

2- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nam Định giàu mạnh, văn minh. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã xác định: "Tích cực huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, coi trọng phát huy nội lực văn hóa, giáo dục và lợi thế về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, kinh tế biển để tạo bước phát triển mới, nhanh, mạnh và vững chắc về kinh tế - xã hội. Phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng bộ và nhân dân, chủ động nắm bắt và tạo dựng thời cơ, phấn đấu rút ngắn khoảng cách về phát triển kinh tế so với tốc độ, trình độ chung của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ".

Để thực hiện mục tiêu đó, những định hướng phát triển cơ bản của tỉnh là: Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển toàn diện ngành nông nghiệp sản xuất hàng hoá; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật, quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững. Tập trung đầu tư, phát triển, đưa công nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ lực, góp phần chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu thu ngân sách. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp động lực, công nghiệp công nghệ cao để có sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đồng thời phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp thu hút nhiều lao động để thúc đẩy phát triển

tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và giải quyết việc làm, nhất là ở khu vực nông thôn. Tiếp tục thúc đẩy các ngành, lĩnh vực dịch vụ phát triển, phục vụ tốt cho sản xuất kinh doanh và nâng cao đời sống theo hướng hiện đại, văn minh. Tập trung cải tạo, nâng cấp, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Coi trọng, phát huy thế mạnh về văn hóa, giáo dục, trong đó chú trọng kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc và quê hương Nam Định; giữ vững thành tích, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các cấp học. Trước mắt, trong 5 năm tới tập trung: Xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng chỉ đạo của Trung ương và điều kiện cụ thể của tỉnh. Phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp hỗ trợ. Phát triển kinh tế biển, trong đó tập trung xây dựng Khu kinh tế tổng hợp Ninh Cơ. Xây dựng thành phố Nam Định sớm trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh, trung tâm vùng nam đồng bằng sông Hồng.

3- Thực hiện dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Bài học rút ra từ cuộc đời hoạt động cách mạng cũng là điều đồng chí Lê Đức Thọ luôn quan tâm nhắc nhở là "phải hết sức gần gũi quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng". Học tập tinh thần ấy của đồng chí, trong nhiều năm qua, Đảng bộ Nam Định luôn xác định phải nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị về vai trò, nhiệm vụ của công tác dân vận; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn công tác dân vận với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan công quyền, của cán bộ, đảng viên. Khắc phục tình trạng giản đơn, hình thức, hướng các hoạt động về cơ sở, thực hiện tốt phương châm "Gần dân, sát dân, nghe dân nói, nói cho dân hiểu và làm cho dân tin"; đi sâu nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và quần chúng

nhân dân; phản ánh, đề xuất, tham mưu với cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc cụ thể của địa phương, đơn vị. Cùng với thực hiện tốt dân chủ, các cấp ủy, chính quyền đang bằng nhiều biện pháp quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; tập trung giải quyết việc làm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách xã hội; quan tâm chăm lo các gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với nước, người nghèo và trẻ em; đẩy mạnh các phong trào đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện và xây dựng cộng đồng.

4- Tăng cường, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chủ quyền đất nước, trong đó chú trọng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân làm nền tảng cho chiến lược bảo vệ Tổ quốc; tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ, lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với yêu cầu củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh tuyến biển..

Chủ động, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các loại tội phạm. Giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn, không để bị động, bất ngờ.

Tuy Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã xác định những mục tiêu tổng quát, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn 2010 - 2015, nhưng Đảng bộ nhận thức sâu sắc rằng, quá trình tổ chức triển khai, thực hiện để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, biến quyết tâm chính trị thành hiệu quả thực tiễn là một trong những khâu quyết định nhất. Ở đây, Đảng bộ Nam Định càng thấm thía những lời căn dặn và học tập tinh thần cách mạng và kinh nghiệm lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Thọ,

một con người, như đánh giá của nhiều bạn chiến đấu, nhiều nhà lãnh đạo của Đảng là: "được Đảng điều đến những nơi, những lúc và ở những khâu công tác có tính quyết định của cách mạng" mà cụ thể là phải lường trước được những khó khăn, thử thách:

"Xây chủ nghĩa xã hội
Còn lắm bước chông gai
Đường đi không thẳng tắp
Quanh co còn kéo dài".

Nhưng phải nắm vững quy luật phát triển và có tinh thần lạc quan, cách mạng:

"Qua đêm là ngày đến
Mưa tạnh đẹp bầu trời
Cỏ cây tràn nắng mới
Chuyên càn chim ca vui".

Có tinh thần quyết tâm cao:

"Khó khăn không chùn bước
Không chán nản chờ thời".

Có cách nhìn toàn diện:

"Quan điểm phải toàn diện
Không chỉ nhìn một nơi".

Hành động linh hoạt, quyết đoán, kịp thời và sáng tạo:

"Chủ động và sáng tạo
Chính xác và kịp thời
Quyết định thật dứt khoát
Đừng nể nang xong xuôi
Chớ vội vàng do dự
Không "đánh trống bỏ dùi".

Phải có kế hoạch cụ thể, kiểm tra, đôn đốc, thường xuyên rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình:

"Kế hoạch cho đồng bộ
Bước đi cụ thể rồi
Phải tập trung dứt điểm

Tổng kết rút kinh nghiệm
Phổ biến cho kịp thời".

Mọi hoạt động phải bảo đảm nguyên tắc Đảng:

"Giữ tập trung dân chủ
Có cơ chế hợp thời
Chống gia trưởng độc đoán
Lắng nghe hết mọi nơi".

Phát huy vũ khí phê bình, tự phê bình:

"Tự phê bình không lời
Có ưu thì có khuyết
Chớ ngại mắc điều sai
Dám nhìn thẳng sự thật.

...

Ngã xuống thì đứng dậy
Biết tiến thì biết lui".

Giữ vững tình đồng chí và sự đoàn kết trong Đảng:

"Đoàn kết là sức mạnh
Quyết tiến tới tương lai".

Đây là những tổng kết vô cùng sâu sắc của đồng chí Lê Đức Thọ trong bài thơ "Lẽ sống" của đồng chí, với Đảng bộ và nhân dân Nam Định không chỉ là lẽ sống mà còn là phương châm, quan điểm, hành động vì nó đúng trong bất kỳ hoàn cảnh, thời điểm cách mạng nào. Thật là một bài học lớn từ đồng chí Lê Đức Thọ mà Đảng bộ Nam Định, cán bộ Nam Định cần học tập để vượt lên thách thức, khó khăn, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, xây dựng quê hương Nam Định ngày càng giàu mạnh, văn minh, như ý nguyện thiết tha của đồng chí Lê Đức Thọ kính mến.

TUỔI TRẺ CỦA ANH PHAN ĐÌNH KHẢI TRONG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TẠI QUÊ HƯƠNG NAM ĐỊNH

Trần Minh Ngọc*

Tại xã Định Lễ, huyện Mỹ Lộc thuộc quê hương Nam Định, vốn có truyền thống yêu nước, hiếu học với nhiều danh nhân văn võ của cả nước, Phan Đình Khải được sinh ra và lớn lên trong một gia đình Nho giáo, nền nếp, hội tụ được tư chất thông minh, hiếu học và giàu lòng nhân ái. Ngay từ ngày còn thơ ấu ở quê nhà, Phan Đình Khải đã được tận mắt chứng kiến cảnh những tá điền lao động quần quật, đầu tắt mặt tối quanh năm mà cuộc sống vẫn chìm trong cơ cực đói rách.

Năm 1925, già biệt quê hương Định Lễ lên Thành Nam, thành phố dệt để học tại Trường tiểu học Cửa Bắc (tức Juile Ferry), được chứng kiến cảnh sống xa hoa của bọn thực dân, quan lại cùng kiếp sống lam lũ, đói nghèo của những công nhân, dân nghèo thành thị, càng khiến cho Phan Đình Khải hết sức xót xa.

1. Lúc Phan Đình Khải lên thành phố Nam Định đi học cũng là lúc phong trào đấu tranh đòi thả nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh của nhân dân và học sinh Thành Nam diễn ra sôi động. Anh hòa mình vào phong trào học sinh yêu nước, biểu tình, bãi khóa với tư tưởng chỉ học thôi mà cứ để cho đất nước đắm chìm trong nô lệ thì làm sao xứng đáng với truyền thống quê hương, đất nước.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định.

Từ cuối năm 1926, nhiều học sinh tham gia phong trào bãi khóa bị chính quyền thực dân phong kiến đuổi học đã tìm đường sang Trung Quốc học tập tại các lớp học của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Được kết nạp vào tổ chức này, các thanh niên đem chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc (thể hiện trong cuốn *Đường Cách mệnh*) về tuyên truyền vận động quần chúng tiến hành cách mạng theo lập trường vô sản. Một nguồn sinh lực mới bổ sung cho tinh thần yêu nước của Phan Đình Khải khiến bầu máu nóng của anh thêm sôi sục. Năm 1928, anh tích cực hoạt động trong Học sinh hội dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh nhà. Lý tưởng cộng sản được xác định; tháng 10-1929, người thanh niên ưu tú Phan Đình Khải được thầy giáo Nguyễn Văn Tiến, giáo viên Trường Tân Tiến giới thiệu và kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng, tại chi bộ trường Cửa Bắc.

Để làm nhiệm vụ mới phụ trách công tác thanh niên học sinh, Phan Đình Khải xin chuyển sang học ở Trường tư thực Avonia (Avenir). Những năm 1929 - 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Nam Định, phong trào công hội, nông hội, tổ chức học sinh đoàn phát triển mạnh. Đồng chí Phan Đình Khải đã tuyên truyền giác ngộ và tổ chức được nhóm "học sinh Đoàn" gồm các anh Phan Văn Tùng, Dương Khắc Niệm, Trần Đức Quý và nhiều người khác. Cùng thời gian trên tại Trường Avonia, đồng chí đã tổ chức được một chi bộ lúc đầu có bốn học sinh do đồng chí làm bí thư.

Không chỉ tuyên truyền, giác ngộ thanh niên học sinh ở thành phố, mỗi dịp về nghỉ hè ở quê nhà, Phan Đình Khải đều chú ý tuyên truyền tư tưởng cách mạng cho lớp thanh niên trẻ, cho những người ruột thịt trong gia đình mình như Phan Đình Dinh (tức Đình Đức Thiện), Phan Đình Tạc, Phan Đình Thiệu và Ngô Văn Ngoạn - những người đã tổ chức và thành lập chi bộ Đảng ở Định Lễ ngay từ năm 1930.

Nhiệt huyết cách mạng sục sôi đã đem đến cho thời học

sinh của Phan Đình Khải những tháng ngày đầy ý nghĩa. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 13 Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Nam Định chủ trương mở đợt hoạt động mạnh tại thành phố để khuếch trương thanh thế của Đảng trong quần chúng. Các chi bộ nhà máy, trường học, đường phố cùng đồng loạt hành động. Tối ngày 6 và 7, đồng chí Phan Đình Khải cùng các đảng viên trong chi bộ học sinh đem truyền đơn đi rải và treo cờ Đảng ở nhiều đường phố và cũng tối hôm đó, gần như cùng một lúc, các đảng viên và quần chúng cách mạng đã gây sáu tiếng nổ lớn. Năm giờ sáng 7-11, giữa lúc công nhân Nhà máy dệt sợi đang đổi ca thì hai quả pháo bồ và một tràng pháo nổ vang, công nhân hò reo náo nhiệt. Sự kiện này làm náo động Thành Nam, bọn địch hoảng hốt đưa lính đi lùng sục ráo riết khắp nơi, bắt 54 đảng viên và quần chúng cách mạng, trong đó có đồng chí Phan Đình Khải. Khám nơi ở tại nhà chú ruột Phan Đình Ngô ở phố Hàng Cau, mật thám thu được nhiều sách báo cách mạng như *Tia đỏ*, *Tin tức*, *Tranh đấu*, *Người Lao khổ*, *Cộng sản huấn luyện*.

Chúng giải đồng chí về giam tại Sở Mật thám, ở đó Chánh Thanh tra Đolooéc đã dùng mọi cực hình để tra tấn Phan Đình Khải, nhưng đồng chí đã bất chấp mọi cực hình, quyết không khai báo bất cứ một người nào, một cơ sở nào của Đảng cũng như những nhiệm vụ mà Đảng giao cho mình. Thấy không khai thác được gì, một tên lấy cung nói: "Một đồng đội của ông đã khai hết những hoạt động của ông rồi. Ông dừng quanh co". Đồng chí Phan Đình Khải kiên quyết trả lời: "Nếu có ai đó nói khác với những điều tôi nói thì đó là một sự vu cáo".

Sau khi hỏi cung và tra tấn hơn một tháng, chúng đưa đồng chí giam riêng ở xà lim, cùm hai chân suốt ba, bốn tháng ròng. Ngày 27-1-1931, chúng đưa đồng chí ra xử ở Tòa án Nam Định. Mặc dù đồng chí không nhận những hoạt động trong Đảng Cộng sản nhưng với những tang vật và những điều chúng nắm được, đồng chí Phan Đình Khải bị kết án tù khổ sai chung

thân. Khi đồng chí ký đơn chống án, chúng giải đồng chí lên Hà Nội xét tại Tòa Thượng thẩm; án được giảm xuống 10 năm khổ sai. Đây là mức án cao nhất của vụ án này. Giữa năm 1931, đồng chí bị đày ra Nhà tù Côn Đảo. Năm ấy đồng chí tròn 20 tuổi... Năm 1936, trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta và được sự ủng hộ tích cực của phong trào Bình dân Pháp, nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương buộc phải trả lại tự do cho một số lớn tù chính trị, trong đó có đồng chí Phan Đình Khải.

2. Trở về Nam Định, đồng chí Phan Đình Khải sớm bắt liên lạc với các đảng viên cũ tiếp tục hoạt động; đồng thời tìm cách an ủi người mẹ thân yêu là cụ Đình Thị Hoàng đã ngày đêm cầu trời khấn Phật, thường xuyên lên chùa để cầu xin cho con mình được thoát khỏi nhà tù. Lúc đó cụ Đình Thị Hoàng là bà quả phụ của cụ Phan Đình Quế, một mình nuôi dạy tám người con. Đồng chí Phan Đình Khải đã dùng lý lẽ, tình cảm và thực tế cảnh áp bức nô lệ của thực dân để giác ngộ mẹ và từ đó, cụ đã động viên con cháu hoạt động cách mạng và trở thành bà mẹ cơ sở, có công nuôi dưỡng, bảo vệ nhiều cán bộ của Đảng, trong đó có các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Linh, Bùi Lâm... Thật là vinh dự cho quê hương Địch Lữ, Mỹ Lộc, Nam Định đã có một gia đình hầu hết là cán bộ thoát ly, trong đó có ba đồng chí trải qua quá trình hy sinh phấn đấu lâu dài, trong nhà tù và trên các chiến trường ác liệt nhất, đã được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà có hai người là Ủy viên Bộ Chính trị. Riêng cụ Đình Thị Hoàng đã được Đảng, Nhà nước tặng Bằng "Có công với nước".

Sau khi bắt được liên lạc với các đồng chí hoạt động công khai của Nam Định (đồng chí Mẫn Cò, đồng chí Phúc, đồng chí Trí...), đồng chí bắt được liên lạc với đồng chí Hoạt (tức Bảo, sau này là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Công đoàn), lúc đó là Xứ ủy viên phụ trách Nam Định; đồng chí được giao phụ trách công tác báo chí công khai của tỉnh Nam Định và tham gia xây dựng cơ sở bí mật của Đảng ở địa phương. Một đại lý phát hành sách

báo cánh tả mang tên "Phan Khải", sau đổi tên "Tin tức" được thành lập nhằm công khai tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, giới thiệu đường lối, chủ trương của Đảng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh kết hợp hoạt động công khai và bí mật. Đồng chí Phan Đình Khải đã vừa giác ngộ công nhân, học sinh, vừa tổ chức xây dựng cơ sở bí mật. Chính trong thời gian này, đồng chí thường xuyên lui tới gia đình đồng chí Lê Văn Lương (đang mang án tử hình, giam ở Côn Đảo) và đặc biệt liên hệ với nhà văn Nguyễn Công Hoan, khích lệ, giúp đỡ tư liệu cho nhà văn này xây dựng hoàn thành tác phẩm *Bước đường cùng*.

Là một cán bộ chủ chốt lãnh đạo phong trào đấu tranh công khai thời kỳ 1936 - 1939, đồng chí cùng các đảng viên đã khéo léo hướng phong trào đấu tranh của nhân dân Thành Nam theo hướng dân sinh, dân chủ, buộc Công sứ Alơ măng phải tỏ ra "biết điều" chịu nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ mà quan trọng nhất là phải thực hiện cải cách "thuế đình". Cho là Alơ măng bất lực, thực dân Pháp tìm cách điều đi nơi khác và đưa Lốt De về thay. Nhân dịp này, Tỉnh uỷ Nam Định đã chỉ đạo các đảng viên hoạt động công khai, lấy tư cách là Mặt trận dân chủ tổ chức một cuộc biểu tình với danh nghĩa "đưa tiền" Công sứ Alơ măng, cuộc biểu tình được tổ chức ngay tại sân ga Nam Định có hàng nghìn quần chúng mọi tầng lớp tham dự... Đồng chí Phan Đình Khải thay mặt quần chúng nói lời "tiễn biệt", đồng thời nêu những yêu cầu bức thiết của nhân dân Nam Định đối với nhà cầm quyền địa phương. Đây là cuộc biểu tình hợp pháp lớn nhất thời kỳ 1936 - 1939. Bọn mật thám rất tức tối nhưng không làm gì được.

Từ khi về Nam Định (tháng 3-1938), Lốt De tìm mọi cách ngăn chặn và khủng bố phong trào cách mạng. Cùng với hàng loạt chính sách phản động, chúng ra lệnh đình bản báo *Tin tức* - tờ báo công khai của Đảng. Thực hiện chủ trương của Đảng phản đối lệnh đó, ngày 18-10-1938, đồng chí Phan Đình Khải và Bùi Xuân Mẫn với danh nghĩa là đại diện nhân dân lao động

Nam Định đã gửi cho Toàn quyền và Thống sứ bản yêu cầu đòi bãi bỏ lệnh đình bản báo *Tin tức* và đòi công bố các quyền tự do dân chủ ở Đông Dương. Lúc này nguy cơ Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng tới gần. Tình hình thế giới, trong nước và ở Nam Định rất căng thẳng. Bọn phản động thuộc địa đã thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ và ngày càng bóp nghẹt phong trào cách mạng. Định biết rõ đồng chí Phan Đình Khải là người phụ trách phong trào công khai ở Nam Định, nên đã theo dõi ráo riết đại lý sách báo "Phan Khải", là trụ sở báo chí công khai của Đảng ở nhà số 2 phố Nhà Thờ, thành phố Nam Định. Ngày 9-9-1939, khi đồng chí Phan Đình Khải vừa bước vào trụ sở báo thì bất ngờ bị bắt. Định nhốt ngay vào xà lim ở Nhà tù Nam Định. Đồng chí bị định tra tấn dã man, hòng tìm ra những cơ sở cách mạng của Đảng, nhưng chúng không khai thác được gì trước khí phách bất khuất của đồng chí Phan Đình Khải. Đồng chí bị kết án 5 năm tù, và bị giải lên giam ở Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Đến cuối năm 1940, đồng chí bị thực dân Pháp đày đi Nhà tù Sơn La.

Một quãng đời tuổi trẻ gắn bó sinh tử với phong trào cách mạng Thành Nam, đồng chí Phan Đình Khải đã anh dũng, bất khuất, đem hết nhiệt tình, trí lực phấn đấu cho lý tưởng cộng sản và trở thành một trong những cán bộ chủ chốt của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Chính những năm tháng hoạt động không mệt mỏi, không quản khổ ải hy sinh, vào tù ra tội qua các phong trào ở Nam Định, và trong các nhà tù trên đây đã tôi rèn bản lĩnh, bồi đắp trí tuệ cách mạng để sau này đồng chí trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, xuất sắc của Đảng. Đồng chí Lê Đức Thọ đã được Đảng ta tuyên dương những công trạng to lớn vì Đảng vì dân tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Với đồng chí Phan Đình Khải, tức đồng chí Lê Đức Thọ kính mến, Đảng bộ và nhân dân Nam Định rất tự hào về người con ưu tú của quê hương đã tiếp nối cha ông, làm rạng danh thêm cho mảnh đất Nam Định vốn đã nổi tiếng

có nhiều anh hùng hào kiệt và danh nhân của ngàn năm văn hiến và đã trở thành một nôi cách mạng đã nảy sinh ra nhiều nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc của Đảng mà tiêu biểu nhất là đồng chí Trường Chinh kính mến.

MỘT CUỘC GẶP GỖ

Nhà văn Lê Minh

- Số mình chỉ được ở nhà hướng Tây.

Cha tôi¹ thường nói như một lời vổ vể, mỗi khi nửa đêm nóng quá tôi giẫy đạp lục xục trong giường và cuối cùng cha tôi phải buông bút bế tôi ra vại nước. Cơn nóng dịu xuống lúc về sáng.

Căn nhà gác nhỏ số 7, có cầu thang đi riêng xuống cửa mở thẳng ra hè đường, rất giống một loạt nhà trong cùng dãy, đều thuê của Cha xứ đạo. Nhà trông thẳng hướng mặt trời chiều, gay gắt nắng lửa.

Chợ Rong về chiều càng lao xao tấp nập người và hàng, đồ biến từ các huyện đánh bắt được theo xe khách lúc này mới gồng gánh đổ vào chợ tỉnh... Mùi tôm tép, cá, rạm tanh mặn ươn nồng vì một ngày chịu nắng. Đến nổi buổi chiều tối nhìn vào nhà chợ, trong ánh đèn mờ ảo chỉ còn thấy trổng trơ những bàn sạp, những cọc lều, những lá rác nhưng cái mùi chợ kia thì vẫn dai dẳng bốc lên nồng nặc thấm ướp suốt một dãy nhà trông xuống chợ Rong. Bên kia nhà chợ cách một con đường lớn là nhà chợ vải và hoa quả, ngược lại, sáng sủa, khô ráo, bước vào đã thơm ngát như dâu dây có hoa ngâu, hoa huệ. Hương chuối ngự chỉ riêng chợ Rong mới có, sao mà ngọt ngào, sao mà thanh khiết. Nhà phía bên ấy thuê đắt tiền hơn.

Một người khách lạ đến thăm cha tôi. Ông không phải là thầy giáo, vì không thấy nói gì chuyện lớp học. Cũng không

1. Nhà văn Nguyễn Công Hoan.

phải là người trong họ Xuân Cầu ra, vì nếu thế mẹ tôi đã biết. Nhưng thân thiết mức nào mà khi người khách ra về rồi, cha mẹ tôi không hết thăm thì vui vẻ. Trong câu chuyện của hai người thường nhắc một tên họ rất lạ. Cũng cái tên họ ấy, tôi nghe mẹ đọc trên chiếc phong bì thư cha tôi sắp đem gửi. Cũng cái tên họ ấy, mỗi lần ông khách tới thăm, trong câu chuyện của hai người thường nhắc đến. Rồi một hôm, bà nội tôi từ quê xuống. Trong những toan tính của người lớn tôi chấp nhận được, cộng với trí tưởng tượng của trẻ thơ, tôi hiểu rằng người chú ruột của tôi đi biệt tích từ khi tôi chưa có mặt trên đời này, mà cả nhà ai cũng nhắc trong những ngày đoàn tụ để xót thương, sắp trở về đến nhà. Người khách đã cho tôi tưởng tượng ra như vậy. Người khách đã bày cách cho cha tôi làm đơn và bà nội tôi điểm chỉ. Đơn gửi Mặt trận Bình dân Pháp đề nghị can thiệp cho chú được phóng thích. Chú đã mang một tên họ khác để không ai đoán nhận được tông tích: Phạm Văn Khương¹, số tù 6214, đảo Côn Lôn. Người khách cũng mới từ đảo Côn Lôn trở về. Cha tôi gọi ông theo cách xưng hô thân mật: Anh Khải². "Anh Khải" người dong dỏng cao, cao hơn cha tôi, nhưng trẻ hơn cha tôi nhiều. Té ra "anh Khải" cũng người tỉnh này, nhà ở bên kia Đồ Quan, lại là anh ruột anh Đống³, học trò của cha tôi và học cùng lớp với chú Bông tôi. Đều đã là người thân trong nhà cả.

"Anh Khải" vẫn đến với cha tôi và bao giờ cha cũng sai tôi những việc lấy thuốc lá, lấy trà, mặc dù tôi còn rất bé. Đó chứng tỏ một niềm vui của cha tôi, điều cha tôi quý khách. Câu chuyện giữa hai người nghiêm trang, đôi lúc xúc động, và lần nào cũng vậy, sau khi tiễn khách ra về, cha tôi ngồi vào bàn, điều thuốc lá trên tay, cha tôi nhìn đi đâu, đang nghĩ gì? Chắc là người chú ruột biệt tích của tôi đã lên tàu thủy và sắp về đến nhà rồi. Bao nhiêu tưởng tượng hân hoan nảy nở trong óc tôi về giây phút đầu tiên chú hiện ra trước ô cửa kia, với cái đầu húi trọc, với cái

1. Túc Lê Văn Lương.

2. Túc Lê Đức Thọ.

3. Túc Mai Chí Thọ.

áo trắng dính số tù trước ngực. Chắc chắn bà nội tôi sẽ bật khóc òa nức nở.

Cha tôi cặm cùi trước bàn. Gần như không đứng dậy. Gần như không biết gì xảy ra xung quanh. Khói thuốc lá mù mịt trong phòng đến nỗi mẹ tôi kêu lên vì ngột. Chỉ có tôi được mon men đến gần, gọi cha đi ăn cơm, giục cha đứng dậy nghỉ. Nhưng cha chỉ thả tay xuống xoa đầu tôi:

- Con ngoan, đi chơi đã,

Tiếng ngòi bút loạt xoạt ngày đêm trên trang giấy. Liên trong nửa tháng, một cánh tay cha tôi bại đi nhúc nhối.

- Sao thế, cha đau lắm ư?

Cha tôi cười:

- Con đừng đứng chỗ này này. Thế, thế. Hết đau rồi.

Cái quả đấm nhỏ xíu chỉ bằng quả ổi của tôi làm cho cha tôi buồn buồn và bật lên tiếng cười.

- Cha ơi, có khách.

Tiếng chuông đồng rung leng keng. Cha tôi xuống gác. Và người khách vụt bước vào.

Một thất vọng lớn cho tuổi thơ của tôi, không có chuyện ân xá nữa. Người lớn nói với nhau như thế sau khi khách ra về. Tất cả đổ vỡ. Những người cộng sản bị bắt trở lại rồi, hoặc sẽ bị đầy đi càng. Cuốn tiểu thuyết cha tôi mới cho ra đời liên bị cấm. Cha tôi phải thi hành lệnh rời khỏi Nam Định tức khắc.

Chẳng thể bao giờ ngờ được, ít lâu sau, chính bà nội tôi đã tay nải lên đường lặn lội đến tận cảng Bá Vân để thăm những người bạn con mình đã bị bắt trở lại. Lúc về, bà cầm thư đi phân phát đến từng gia đình cho anh em, mà suốt thời gian ở quây quần trên cảng, anh em đã gọi bà bằng cái tên thiêng liêng, đầm ấm: Mẹ.

Ngày nay nghĩ lại tôi vẫn sửng sốt. Ngay từ những ngày xa xưa ấy trong xã hội Việt Nam đã ngấm ngấm nảy sinh một quan hệ ruột thịt giữa người với người, mỗi quan hệ không bắt đầu từ một dòng máu, hoặc từ đồng tiền và địa vị như mô hình xã hội đương thời. Đã là tù thì còn có địa vị gì nữa. Nhưng một

sự thức dậy đột ngột đã làm cho bà tôi nhận biết, có mối hòa hợp tự đáy lòng mình với lý tưởng của con, bà tôn trọng và từ đó kính phục cuộc đời hy sinh của tất cả các bạn con. Bất chấp bọn mật thám đương theo dõi và triệt hạ gia đình mình, bà đã làm một việc mà xã hội ngày ấy người ta cho là đại đột. Những người tiếp tục đến tụ hội ở nhà với chú Bông tôi, bà che chở. Bà thường nhắc hỏi về "anh Khải". Như xưa kia "anh Khải" đã mang bóng dáng người con trai mất tích của bà đương ở tù chung thân ngoài đảo Côn Lôn, bóng dáng người cháu kêu bà bằng dì ruột là anh Tô Hiệu, mà "anh Khải" cũng rất thân ngoài Côn Đảo, sau này đã chết trong Nhà ngục Sơn La.

Sự kiện Mặt trận Bình dân ở Pháp lên nắm chính quyền và ở Đông Dương, nhiều chính trị phạm được ra khỏi các nhà lao về địa phương gây phong trào, "anh Khải" được trở về Nam Định, đã tạo nên những vang động sâu xa trong lòng mỗi người thuộc gia đình chúng tôi như thế.

Một đoạn trong *Đời viết văn của tôi* (Nguyễn Công Hoan): "Từ khi tôi được theo dõi các cuộc đình công của công nhân đòi quyền lợi kinh tế và chính trị, các cuộc điều tra của Chính phủ bình dân, phái đoàn Gôđa, Vian sang Đông Dương, từ khi tôi thích đọc các sách báo của Mặt trận dân chủ thì tôi bắt đầu yêu công nhân. Tôi tìm hiểu anh em thợ thuyền Nhà máy sợi và Nhà máy tơ. Tôi xin gia nhập chi nhánh Pháp của Đảng công nhân quốc tế SFIO tức Đảng Xã hội Pháp và dịp kỷ niệm Quốc tế Lao động năm 1938, tôi được cử vào ban trật tự trong cuộc biểu tình lớn ngày 1-5 tại khu Đấu Xảo Hà Nội".

"Càng gần gũi anh em chính trị phạm cũ, nhất là anh Phan Đình Khải hay đến chơi với tôi, tôi càng hiểu chủ nghĩa cộng sản là nhân đạo, và đấu tranh giai cấp chính là đấu tranh giải phóng cho đất nước, cho quảng đại nhân dân".

"Nhưng mặt khác, tôi càng hiểu cộng sản, càng yêu cộng sản, thì bọn cầm quyền ở Nam Định cũng càng hiểu tôi và càng không yêu tôi. Chúng cho tôi là người cộng sản trá hình, là đảng viên Đảng Xã hội để hoạt động công khai.

"Tôi là "một tay cộng sản nguy hiểm, cần tống ra khỏi nơi tập trung thợ thuyền này" (nguyên văn hồ sơ bí mật ở Sở Mật thám). Cho nên Nha học chính Bắc Kỳ, theo lệnh của thống sứ, đuổi tôi ra một hòn đảo xa xôi, hẻo lánh là đảo Trà Cổ. Nghị định thuyền chuyển ký trước ngày nghỉ hè mấy hôm, bắt tôi rời khỏi Nam Định lập tức".

"Thì ừ, ông cộng sản cho mày xem". Suốt nghỉ hè, tôi ngồi lỳ tại Nam Định. Tôi viết cuốn *Bước đường cùng*, một truyện dài về nông dân, để trang trải món nợ lòng đối với anh em cộng sản ở Nam Định. Cái "sự kiện vùng dậy" của anh Pha chưa đúng với thực tế hồi bấy giờ, nhưng cuối cùng tôi cứ cho anh nông dân vùng dậy. Đó là vì tôi đã chịu ảnh hưởng trong các sách báo cộng sản hồi bấy giờ".

*

* *

Anh Khải thật hồ hởi khi nhắc một kỷ niệm sâu sắc trong đời anh khi tôi hỏi chuyện anh. "Làm sao mà tôi quen biết anh Hoan ư? Chính là vì có Khương. Tôi ra Côn Đảo trước Khương".

Anh kể tiếp: "Đoàn 89 tù cộng sản vừa dự phiên tòa đại hình đặc biệt mở tại Sài Gòn, ngày 14-5-1939 ra đến đảo, đã gây một chấn động lớn trong anh em. Đoàn tù có mấy anh án chém được Quốc tế đỏ can thiệp hạ xuống chung thân. Tôi ở cùng banh với Khương, một trong những người tù án chém ngày đó, nhưng ở khác khám. Phải nói rằng, anh em ai cũng quý Khương. Riêng tôi, rất phục tinh thần dũng cảm của anh. Khương là một tấm gương về sự hy sinh. Con người của anh công tâm, giản dị, ăn ở với ai cũng có tình, con người tốt lắm. Sống với ai cũng được người ta thương. Hai đứa tôi thân nhau. Năm 1936 Mặt trận Bình dân lên, tôi được phóng thích. Tôi hỏi Khương: Gia đình mày còn ai không? Lần này về tao sẽ đi tìm. Từ khi bỏ nhà vào Sài Gòn hoạt động, Khương giấu biệt tông tích để khỏi lụy đến gia đình. Anh ruột của Khương là anh Nguyễn Công Hoan đang dạy học ở Nam Định. Nam Định lại chính quê tôi.

Được Đảng phân công hoạt động công khai và trực tiếp ở tỉnh nhà, tôi liên lạc với anh Hoạt tức Trần Bảo, lúc ấy là Xứ uỷ viên phụ trách Nam Định, Thái Bình. Rồi qua Đống, em trai tôi, bạn học với Nguyễn Công Bông là em út của Khương; hai cậu này cũng rất thân nhau. Thế là tôi bắt liên lạc với Bông và đến anh Hoan. Tôi kể với anh những chuyện về Khương. Tôi nhận xét anh Hoan là người điềm đạm, nói năng chắc chắn, anh là người đã được giác ngộ cách mạng.

Tôi đến anh Hoan luôn, ở căn gác số 7 phố chợ Rồng. Anh hỏi tôi nhiều về phong trào công nhân, về tình hình các nhà tù Côn Đảo, Sơn La, về tình hình công nhân máy sợi, máy tơ, công nhân ngoài mỏ. Tôi đã chuyển nhiều báo chí đến cho anh đọc. Tôi bàn với anh Hoạt tìm mọi cách giúp anh Hoan tiếp xúc được rộng rãi với công nhân. Lúc ấy tôi chỉ nghĩ, anh đã giác ngộ, cần để anh hiểu về chủ nghĩa cộng sản. Hoàn cảnh anh không đi hoạt động thoát ly được thì tham gia phong trào công khai. Còn tôi giới thiệu Bông để anh Hoạt tổ chức hoạt động bí mật và đưa vào Đảng.

- Có phải vì anh là người thích thơ phú nên ngày ấy đã gần bó với anh Hoan?

- Hoàn toàn không phải thế. Hoạt động bí mật nên phải dựa vào gia đình các đồng chí, đó là nơi tin cậy. Tôi không hề nghĩ rằng gặp anh Hoan để ảnh hưởng gì đến bước đường viết văn của anh Hoan.

- Vậy anh có đọc *Bước đường cùng* chứ?

- Có. Tôi đọc ngay từ ngày ấy. Các tư liệu giúp anh Hoan hiểu về đời sống công nhân, một phần là do tôi đưa đến. Sau này trong kháng chiến chống Pháp, đôi lần tôi cũng gặp anh Hoan, vẫn như xưa, vui vẻ, tin cậy và thân tình. Song chỉ một thời gian ngắn tôi đã chuyển công tác vào mặt trận miền Nam, rồi sau này khi anh Hoan mất, tôi ở mặt trận Tây Nam. Rất tiếc là không được gặp anh lần cuối cùng. Nhưng trước sau như một, tôi rất quý trọng anh. Chính vì hồi ấy mật thám theo dõi tôi,

biết tôi thường đến anh Hoan, nên tên anh đã vào sổ đen của Sở Mật thám. Anh Hoan có nói đến một bước chuyển quan trọng trong đời viết văn của anh thời kỳ Mặt trận Bình dân, và nhắc đến tên tôi. Nhưng tôi nghĩ, đó chỉ là một phần, còn là do ảnh hưởng của cao trào cách mạng và do anh Hoan đã tự hào về nhân cách người em ruột, người ấy là bạn tù rất thân của tôi...

Quả thật tôi đã bàng hoàng trước câu chuyện giản dị trên đây khi được nghe kể lại: Một cao trào cách mạng. Những nhân cách cộng sản. Thôi thúc một tấm lòng yêu nước. Cuộc gặp gỡ giữa cao trào chính trị với nhà văn trong tình huống cách mạng hết sức đặc biệt ấy, đã tạo nên những rung động ngân vang trên những trang viết.

Hành động "vùng dậy" của nông dân Pha trong *Bước đường cùng*; hành động phản kháng đến cùng của Sáng, chị phu mỏ; nhân vật Pha trở thành công nhân hầm lò, đứng trong tổ chức của giai cấp, đấu tranh quyết liệt chống bọn bóc lột cường quyền, đề cương chi tiết đã hoàn thành của cuốn tiểu thuyết tiếp theo: *Bước đường ngoặt*. Tất cả đã chứng minh một sự kiện vượt mình, một biến động lớn trong chọn lựa nhân vật, trong quyết định số phận nhân vật, trong khuynh hướng phát triển tiểu thuyết: Nhà văn dám dấn thân và sức sáng tạo bật dậy.

Lịch sử văn học Việt Nam cho đến hôm nay có lẽ cũng mới chỉ có một cuộc gặp gỡ này, một nhà văn với cao trào cách mạng, trong một tình huống đặc biệt của cách mạng. Cuộc gặp tự nhiên như con sông nhỏ hòa vào trong con sông lớn tan trong nhau ở khúc chảy xiết.

Cái đẹp đến, chẳng bao giờ cần sự sắp đặt.

Cái đẹp xuất hiện, không bao giờ tuân theo ý định có trước chủ quan...

Cái đẹp bình dị chỉ nảy sinh trong sự chân thành của tấm lòng. Chính vì lẽ đó, mối tình đã long lanh tồn tại. Căn nhà nhỏ số 7 nhìn xuống chợ Rồng, trở thành nơi chứng kiến.

NHỚ VỀ ANH LÊ ĐỨC THỌ NHỮNG NGÀY Ở NHÀ TÙ HÒA BÌNH (1943 - 1944)

Bình Phương*

Vào những năm 1939 - 1944, sau khi Mặt trận Dân chủ nhân dân Đông Dương bị giải tán, hầu hết các cơ sở Đảng trong toàn quốc bị thực dân Pháp khủng bố rất gắt gao. Cán bộ, đảng viên bị bắt hàng loạt đưa vào các nhà tù, số cán bộ hoạt động ở ngoài còn quá ít.

Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh tháng 5-1941, và nhất là khi Hồng quân Liên Xô bắt đầu phản công mãnh liệt trên khắp các mặt trận xuất hiện khả năng quân đồng minh sẽ chiến thắng bọn phát xít Đức - Ý - Nhật, nhu cầu về cán bộ để lãnh đạo và phát triển phong trào, đón thời cơ giành chính quyền, đòi hỏi rất khẩn trương. Công tác đào tạo cán bộ của Đảng làm không kịp, việc bổ sung cho các ban lãnh đạo từ Trung ương đến các cấp gặp nhiều khó khăn.

Ngày 3-8-1943, Chi uỷ Nhà tù Sơn La đã tổ chức vượt ngục cho các đồng chí Nguyễn Lương Bằng (tức Sao Đỏ), Nguyễn Tuấn Đáng (tức Trần Đăng Ninh), Nguyễn Văn Trân, Lưu Đức Hiếu. Cuộc vượt ngục này tuy chưa có sự chỉ đạo của Thường vụ Trung ương nhưng Chi uỷ Nhà tù Sơn La đã có kế hoạch tổ chức lãnh đạo chặt chẽ nên đã thành công. Kết quả đó cho thấy có khả năng tổ chức vượt ngục lấy cán bộ từ trong các nhà tù ra

* Nguyên: - Uỷ viên Trung ương Đảng,
- Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

là hoàn toàn có thể làm được. Do đó, cuối năm 1943, Thường vụ Trung ương đã quyết định chủ trương tổ chức vượt ngục lấy cán bộ trong các nhà tù đế quốc để tăng cường cán bộ có khả năng cho phong trào, kiện toàn các cấp uỷ Đảng để đón lấy thời cơ đang diễn biến có lợi cho ta. Đó là một chủ trương sáng suốt, kịp thời, có ý nghĩa chiến lược, chuẩn bị lực lượng cán bộ cho Cách mạng Tháng Tám thành công trong cả nước.

Nhà tù Sơn La và Nhà tù Hòa Bình là một trong những nơi có nhiều cán bộ được rèn luyện, thử thách, có trình độ chính trị và kinh nghiệm đấu tranh, bị đế quốc Pháp bắt và giam giữ ở đây. Chi bộ Đảng ở hai nhà tù này cũng được xây dựng vững vàng nên được Thường vụ Trung ương trực tiếp chỉ đạo các cuộc vượt ngục.

Thực hiện chủ trương này của Trung ương, vào đầu năm 1944, Thường vụ Xứ uỷ đã cử tôi, lúc đó là Phó Bí thư Tỉnh uỷ Hà Đông, Trưởng ban cán sự An toàn khu của Xứ uỷ, lên phụ trách tỉnh Hòa Bình đồng thời kiêm làm tổ trưởng tổ vượt ngục hai nhà tù Sơn La và Hòa Bình để bàn cách phối hợp tổ chức các cuộc vượt ngục cụ thể.

Ở Nhà tù Hòa Bình, từ cuối năm 1942 đến đầu năm 1943, trên 200 tù chính trị, trong đó có Chi bộ nhà tù với trên 20 đảng viên do đồng chí Phan Đình Khải (tức Lê Đức Thọ) làm Bí thư, bị đế quốc Pháp chuyển thành nhiều đợt từ Nhà tù Sơn La về giam ở Nhà tù Hòa Bình, để chuyển ra Côn Đảo, âm mưu giết hại dần số tù này.

Về đến Hòa Bình, áp dụng kinh nghiệm ở Nhà tù Sơn La, Chi bộ nhà tù đã bí mật ra tờ báo tay làm tài liệu tuyên truyền giáo dục đảng viên, quần chúng. Các đồng chí đã tìm mọi cách để gần gũi, tuyên truyền giác ngộ cách mạng, trước tiên là binh lính coi tù, các công chức nhỏ ở trường tiểu học, nhà thương, tầng lớp lao động, tiểu thương... Chi uỷ cũng đã cử cán bộ đi liên lạc với một số cơ sở cách mạng ở thị xã Hòa Bình, qua đó

Chi bộ nhà tù đã chấp nối được với Xứ uỷ Bắc Kỳ và Trung ương Đảng. Chỉ trong vòng nửa năm từ khi có Chi bộ nhà tù hoạt động trên địa bàn thị xã, lại có cán bộ của Đảng ở trên củ về trực tiếp chỉ đạo, phong trào cách mạng ở thị xã Hòa Bình đã có bước phát triển quan trọng.

Thực hiện nhiệm vụ của Trung ương và Xứ uỷ giao cho, khi lên đến thị xã Hòa Bình, tôi đã thông qua một số cơ sở cách mạng là binh sĩ, công chức để tìm cách gặp trực tiếp đồng chí Lê Đức Thọ.

Trước đây, trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, mỗi người ở một địa phương khác nhau, anh Thọ bị đế quốc Pháp bắt đày đi Côn Đảo, rồi Sơn La, Hòa Bình, nên chúng tôi chưa có dịp gặp nhau. Lần này khi tiếp xúc với anh Thọ, truyền đạt chủ trương của Trung ương về việc giải thoát một số cán bộ ở nhà tù, tôi thấy anh là một con người hiểu rất rõ về tình hình trong nước và quốc tế lúc đó. Anh rất nhạy cảm, đặc biệt là về nhu cầu cán bộ để tăng cường cho phong trào cách mạng đang sôi sục, anh rất tán thành chủ trương của Trung ương. Mọi công việc chuẩn bị cho các đồng chí trốn tù được anh Thọ và các đồng chí trong Chi bộ phối hợp cùng với tổ chức Đảng ở địa phương thực hiện một cách khẩn trương, chu đáo, theo đúng kế hoạch đã định.

Vào một đêm đầu năm 1944, năm đồng chí trong đó có các đồng chí: Bùi Quang Tạo, Nguyễn Hữu Hiệt... được Chi bộ nhà tù quyết định vượt ngục, đã bí mật ra cửa suối Chì bên bờ tả ngạn sông Đà, mà bọn coi ngục không hề hay biết. Tại đây đã có thuyền của cơ sở chờ sẵn đón năm đồng chí xuôi theo dòng sông Đà về bến Trung Hà (Sơn Tây), rồi các đồng chí đi về cơ sở của Xứ uỷ và Trung ương an toàn. Ngày hôm sau, bọn thống trị đã huy động gần như toàn bộ guồng máy từ tỉnh, châu Kỳ Sơn và các xã xung quanh để truy lùng tù trốn nhưng đều vô hiệu.

Có thể nói Chi bộ Nhà tù Hòa Bình mà đồng chí Lê Đức

Thọ làm Bí thư lúc đó, là nơi đầu tiên thực hiện thành công chủ trương của Trung ương về việc giải thoát cán bộ ở nhà tù ra. Thời gian sau, một số nhà tù khác trong toàn quốc khi biết Trung ương có chủ trương này đã chủ động liên lạc với Đảng bộ tại địa phương để tổ chức vượt ngục. Có nơi làm khá tốt như Chợ Chu, đã tổ chức cho 12 đồng chí trốn ra an toàn.

Sau khi năm đồng chí trốn khỏi Nhà tù Hòa Bình chỉ có một ngày, bọn Pháp lại đưa một số đoàn tù chính trị từ Nhà tù Sơn La qua Hòa Bình về Hà Nội để đưa đi Côn Đảo. Đoàn tù này do đồng chí Ngô Ngọc Du (tức Quỳnh) làm Bí thư chỉ bộ đi đường. Thường vụ Trung ương đã chỉ thị cho tôi phải tìm mọi cách liên lạc với đồng chí Du để tổ chức cho một số đồng chí chạy trốn ngang đường. Nhưng chúng tôi chưa kịp bàn bạc phối hợp thì có một đồng chí trong đoàn tù tự động chạy và bị địch bắt lại, nên chỉ uỷ sợ bị lộ phải quyết định cho ba đồng chí chạy tiếp theo và các đồng chí đó đã trốn thoát.

Sau hai lần có tù vượt ngục ở đất Hòa Bình, bọn mật thám Pháp đã bắt đầu chú ý, một mặt chúng lùng sục ráo riết hòng vây bắt lại các đồng chí trốn tù, mặt khác tìm cách để khám phá ra tổ chức của Đảng chuyên trách vượt ngục. Thấy có hiện tượng bị lộ, khoảng tháng 5-1944, Thường vụ Trung ương và Bí thư Xứ uỷ đã điều tôi đi làm Trưởng ban cán sự tỉnh Phú Thọ, đồng thời làm nhiệm vụ chấp nối với Nhà tù Sơn La để tìm cách tiếp tục đưa một số đồng chí ở đây vượt ngục.

Cơ sở đầu tiên mà tôi bắt liên lạc ở Phú Thọ là đồng chí Nguyễn Văn Dĩ (tức Trần Quang Bình, sau này là Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện) do đồng chí Lê Đức Thọ, Bí thư chỉ bộ Nhà tù Hòa Bình giới thiệu. Đồng chí Nguyễn Văn Dĩ là công

nhân cơ khí ở Nhà máy xe lửa Gia Lâm hoạt động cách mạng ở đây rồi bị địch bắt giam ở Nhà tù Sơn La, sau đưa về Hòa Bình, hết hạn tù, đồng chí trở về quê. Khi tôi về làm Bí thư thì đồng chí Dĩ được chỉ định làm Ủy viên Ban cán sự.

Cuối năm 1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt - Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ lên họp với Ban cán sự tỉnh Phú Thọ phổ biến một số chủ trương của Trung ương trong tình hình mới và chỉ thị cho tôi liên lạc với Nhà tù Sơn La. Đồng chí Lê Đức Thọ, lúc đó đã ra tù, cùng với đồng chí Hoàng Quốc Việt tham gia chỉ đạo công tác vượt ngục. Đồng chí đã phổ biến cho tôi về kinh nghiệm đối phó với mật thám Pháp, cách tiếp cận với chỉ huy nhà tù, việc chuẩn bị mọi mặt khi có tình huống xấu xảy ra và trong trường hợp quân Nhật đảo chính Pháp thì ta liên minh với Pháp đánh Nhật.

Lên đến Sơn La, theo kinh nghiệm của đồng chí Lê Đức Thọ, tôi đã tìm cách liên lạc được với đồng chí Nguyễn Khắc Xứng (tức Lê Thanh Nghị), Bí thư chi bộ và đồng chí Nguyễn Trọng Cảnh (tức Trần Quốc Hoàn), Phó Bí thư chi bộ nhà tù. Tôi đã truyền đạt lại ý kiến của Thường vụ Trung ương và cùng với các đồng chí bàn cách tổ chức vượt ngục và xây dựng cơ sở Sơn La. Tháng 1-1945, đồng chí Lê Thanh Nghị hết hạn tù, có nhiều khả năng bọn Pháp sẽ đưa đi an trí ở một nơi nào đó. Chúng tôi đã nhất trí tổ chức cho đồng chí Nghị trốn ngang đường, và đồng chí đã trốn thoát về Thượng Hội (Hà Đông).

Sau khi đồng chí Lê Thanh Nghị đi, đồng chí Trần Quốc Hoàn được cử làm Bí thư chi bộ đã cùng ban lãnh đạo Nhà tù Sơn La tiếp tục chuẩn bị cho công cuộc vượt ngục. Đúng lúc đó, cuộc đảo chính Nhật - Pháp nổ ra, nhân lúc bọn địch hoang mang dao động, các đồng chí thấy không cần thiết phải tổ chức vượt ngục theo kế hoạch cũ nữa, mà áp dụng sách lược của Trung ương, liên minh với Pháp đánh Nhật.

Dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, ban đại diện nhà tù đã đàm phán với quân Pháp ở Sơn La, hai bên đã nhất trí lập ra một

đoàn cán bộ biết tiếng Pháp ở lại Sơn La hợp tác với họ đánh Nhật. Các đồng chí đó là Nguyễn Đức Quý, Chu Đình Xương, Nguyễn Duy Thân, Đào Năng Thai... Mỗi người đều được Pháp trang bị vũ khí tiểu liên hiện đại..., đồng thời tên Chánh xứ Sơn La còn giao cho Lơ Mông, giám thị trưởng nhà tù đưa toàn bộ Nhà tù Sơn La ra Tạ Bú, đi Ngọc Chiến để lên Nậm Khắt, một vùng rộng lớn Sơn La - Yên Bái giáp nhau, nay gọi là huyện Mường Chải, nơi đây có địa hình hiểm trở.

Nhưng sau đó, bọn chỉ huy Pháp ở Sơn La dao động, thay đổi ý kiến, tìm cách chạy sang Trung Quốc. Từ đó, đoàn cán bộ của ta tiếp cận với Pháp phải bỏ họ, và tên Lơ Mông giám thị cũng chia tay với đoàn tù Mường Chải. Cuộc liên minh với Pháp Đờ Gôn đánh Nhật đang triển khai phải ngừng lại. Đoàn tù của ta tiếp tục đi về Cao Phạ, Tú Lệ, Gia Hội rồi chia làm ba toán đi về căn cứ địa Nang Xa - Hiền Lương, Hạ Hòa và ra Sông Thao về xuôi hoàn toàn thắng lợi.

Cũng trong thời gian Nhật đảo chính Pháp, một số cốt cán trong Mặt trận Việt Minh thị xã Hòa Bình đã họp bàn và chủ trương phát động quần chúng khởi nghĩa ngay sau cuộc đảo chính nổ ra. Nhờ nắm được chủ trương của Trung ương do các đồng chí cấp trên phổ biến; nhân được Trung ương cử lên Hòa Bình, tôi đã nói với các đồng chí rằng phải đợi thời cơ chín muồi, nếu tổ chức khởi nghĩa ngay trong dịp này ở thị xã Hòa Bình thì sẽ thất bại và sẽ bị kẻ địch khủng bố khốc liệt. Các đồng chí đã thống nhất với nhận định trên và quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa.

Trong cuốn sơ thảo *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Hòa Bình năm 1939 - 1945*, tập I, xuất bản năm 1988 có đoạn viết: "sự nhận định và quyết định sáng suốt, đúng đắn đó không chỉ tránh được sự đổ máu đáng tiếc, mà còn đưa phong trào cách mạng thị xã đi vào con đường giành nhiều thắng lợi vững chắc ở thời kỳ tiền khởi nghĩa".

Đó là một phần công tác cán bộ của Đảng ta chuẩn bị cho

cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám thành công mà tôi có vinh dự được đóng góp. Cũng trong thời gian này, tôi đã có dịp trực tiếp làm việc với đồng chí Lê Đức Thọ, thấy ngay từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí đã thể hiện một tầm nhìn chiến lược sắc bén, tinh thần chiến đấu kiên cường và khả năng tổ chức chặt chẽ, được thể hiện một cách sâu sắc hơn trong các công tác đầy trọng trách sau này.

NHỚ ANH LÊ ĐỨC THỌ NHỮNG NĂM THÁNG ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Lê Trang*

Những cảm tưởng đầu tiên

Chúng tôi gặp anh, một trong những giảng viên chính trị trong lớp Trần Phú I, lớp của Xứ uỷ Bắc Kỳ tổ chức ở thị xã Hà Đông, trong lúc khắp nơi còn không khí tung bừng thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Những bài giảng súc tích mới mẻ về công tác Đảng, lịch sử cách mạng, tình hình nhiệm vụ mới do nhiều người thầy đã được huấn luyện ngay trong các nhà tù của đế quốc, được tôi luyện trong các nhà tù, và quá trình công tác, trong đó có bài của anh Lê Đức Thọ đã đem lại cho chúng tôi cái hào hứng của những học viên đang khao khát học lý luận chính trị có hệ thống, tuy đây mới là lớp ngắn ngày, tổ chức cấp tốc.

Vừa phụ trách lớp Trần Phú này vừa trực tiếp giảng nhiều bài, người lãnh đạo mới ngoài 30 tuổi, với nội dung súc tích, chỉ cầm trên tay một tờ dàn bài ngắn, có nhiệt tình say sưa, cách phân tích hùng biện đã để lại ấn tượng sâu sắc về cái vốn chính trị dồi dào của anh và về phong cách gần gũi thân tình đối với đàn em mới ở độ tuổi 20.

Tôi lại về Văn phòng Xứ uỷ Bắc Kỳ sau một thời gian công

* Nguyên: - Uỷ viên Ban Đảng vụ trực thuộc Ban Tổ chức Trung ương,
- Tham tán công sứ tại Liên Xô,
- Đại sứ Việt Nam tại Ba Lan,
- Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

tác ở Sơn Tây. Những ngày công tác phụ trách Văn phòng, cơ quan ở gần nơi ở và làm việc của anh Thọ, người giảng viên chính trị lại vừa đang giữ trọng trách Thường vụ Trung ương Đảng trực tiếp phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ, kiêm cả phụ trách công tác tổ chức của Đảng.

Trong những tháng ngày cuối năm 1946, không khí Thủ đô trở nên nóng bỏng khẩn trương do những hành động khiêu khích của Pháp. Vào trung tuần tháng 12, nhiều cơ quan giúp việc Trung ương, xứ uỷ, bộ, ban, ngành đã đi vào quân sự hóa tổ chức lại cho phù hợp với thời chiến. Những cuộc hội nghị và hội ý, hội báo mà anh Thọ tham dự ở cấp lãnh đạo trước quy định thời gian hàng tháng, hàng tuần, nay ngày càng "dầy" hơn, khẩn trương hơn. Anh Thọ di chuyển luôn, ít ở cơ quan.

Trưa ngày 18-12, tôi đang dự họp ở Liên khu 1 nội thành thì có điện thoại gọi về Uỷ ban Bảo vệ thành và ngay sau đó, tôi được lệnh theo giao thông liên lạc ra nhận nhiệm vụ khác. Về tới một làng ven đô (Vạn Phúc), tôi được anh Thọ gặp ngay. Mấy phút giao việc ngắn gọn rồi anh Thọ phải đi gặp Bác ở gần đó. Tiễn anh ra sân, từ đây tôi là thư ký riêng, anh Thọ còn nắm chặt tay tôi và chỉ lên gác căn nhà trước mặt: "Đây là nơi Bác và Thường vụ Trung ương làm việc, nơi Bác hoàn thành dự thảo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*".

Đêm 19-12-1946, xẩm tối của một ngày lịch sử, mở sang một giai đoạn mới, cả bộ máy phục vụ của Trung ương Đảng và Bác Hồ hành quân chuyển tiếp, tiến về ven sông Đáy Hà Đông, tới địa bàn mới, chứng kiến những giây phút lịch sử mở đầu cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, với Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vô cùng ấm áp và xúc động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ban đầu anh chọn khâu công tác tổ chức cấp bách nhất: Anh lo trước hết là chỉ đạo chọn địa điểm, tiếp tế vận chuyển, bảo đảm giao thông liên lạc... cho những chặng đường cơ quan đầu não ta chuyển dần lên căn cứ địa kháng chiến chính. Bao công việc với tính chất dịch chuyển luôn luôn chuyển động phải làm nhanh chóng, luôn luôn có đột xuất. Cần có một đội công tác thông hiểu

địa bàn, có ý thức bảo mật, năng động tháo vát đảm nhiệm. Đội công tác gồm một số cán bộ địa phương, đã được Thường vụ Trung ương sử dụng suốt chặng đường dài lên Việt Bắc: đó là các anh Mười Hương, chị Hán, chị Lịch (Ngôn), các anh Nhi, Võ, Tinh, Trần Triệu... sau này đều hoàn thành trọn vẹn công việc được Trung ương giao. Từng bước anh Thọ tiếp tục giúp Thường vụ Trung ương kiện toàn sắp xếp, trước tiên là bộ máy lãnh đạo kháng chiến, lập "Trung kiên chỉ đạo", điều cán bộ bổ sung cho bộ máy bảo vệ Thủ đô, củng cố sắp xếp những cán bộ lãnh đạo, từng khu kháng chiến sau này sáp nhập thành Liên khu.

Cơ quan Trung ương di động và ở phân tán từ xã Phú Đình, Diêm Mạc đến Bình Thành, Sơn Phú... với những xóm hẻo lánh như Tỉn Keo, Khuôn Tát (nơi ở và làm việc của Bác, nơi các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp... thường đến làm việc với Bác Hồ), Bản Bắc (nơi ở và làm việc của Bác Tôn và gia đình), Đồng Chấn, Đồng Vượng (nơi ở và làm việc của các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt). Những nơi đây đã được ghi như những địa danh lịch sử của căn cứ địa, một trong những An toàn khu trong kháng chiến chống Pháp.

Suốt chặng đường từ Thủ đô lên căn cứ địa Việt Bắc diễn ra nhiều Hội nghị Thường vụ Trung ương, Xứ uỷ, Hội nghị toàn quốc quyết định những vấn đề có tính chiến lược. Ngay trong những ngày đầu vào căn cứ địa chính (Định Hóa - Thái Nguyên), anh Thọ đã giúp Bác, anh Trường Chinh, Thường vụ Trung ương tổ chức sớm Hội nghị cán bộ Trung ương từ ngày 3 đến ngày 6-4-1947 ở Ý Lan (ven sông Tuyên Quang) và từ đó đến ngày anh được Bác Hồ và Bộ Chính trị cử vào miền Nam tham gia lãnh đạo kháng chiến ở đó (cuối năm 1948). Anh đã liên tục tham gia công việc chỉ đạo cuộc kháng chiến trường kỳ; vừa làm công tác tổ chức cụ thể, vừa làm tham mưu chiến lược.

Phong cách cách mạng, tư duy biện chứng

Qua mấy chục năm công tác tổ chức, anh Thọ thấy rõ tầm

quan trọng có ý nghĩa quyết định của công tác xây dựng Đảng. Thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ, anh đã cùng tập thể lãnh đạo, góp phần quan trọng trong việc thực hiện công tác hàng đầu này. Trong từng bộ máy chủ chốt, anh hết sức quan tâm đến sự đoàn kết hài hòa cán bộ cũ và mới, đồng thời luôn có ý thức trẻ hóa, khuyến khích những tài năng xuất hiện. Anh có phong cách gần gũi cởi mở, chăm sóc cả sức khỏe và gia đình; mạnh dạn giao công việc. Như một cầu nối giữa Trung ương và bao cán bộ cấp dưới, anh trao đổi bằng "thư công tác". Nhiều đêm anh trực tiếp bóc thư tay của cán bộ gửi về, vì nhiều thư nên anh thường nêu ý cho thư ký viết trả lời, xem lại rồi ký gửi kịp thời. Anh khuyến khích thảo luận dân chủ dù có lúc cọ sát ý kiến căng thẳng nhằm tìm ra chân lý, quan điểm đúng. Tôi còn nhớ cử chỉ thân tình và cương trực của anh khi tiếp xúc riêng cũng như trong hội nghị. Trong nhiều hội nghị cán bộ, anh thường quan tâm tới từng đồng chí khi họ phát biểu, anh thấy một số đồng chí thường "ngồi im" không đào sâu suy nghĩ, hay lấy ý kiến người khác. Một lần, anh nói với một đồng chí Xứ uỷ viên: "Tôi thấy anh thường làm thay Chủ tịch! Từ nay anh nên chú ý góp thêm ý kiến riêng của mình".

Về rèn luyện phẩm chất, anh thường giúp đỡ cán bộ, đảng viên tự rèn luyện mình. Anh nhấn mạnh: cần suốt đời phát huy, tự phê bình, học tập lời dạy và noi gương đạo đức của Bác Hồ, Đảng cầm quyền phải luôn chống bệnh quan liêu, địa vị hiếu danh, "gái và tiền" là hai cái cạm bẫy nguy hiểm nhất, làm đảng viên tha hóa, có khi có người phản bội cách mạng.

Điều quan trọng là phải có tư duy biện chứng khi đánh giá từng người cán bộ, đảng viên; phải xét qua hiệu quả công tác và dựa vào phán xét của quần chúng ở cơ sở. Có lúc anh nói: Đánh giá mỗi con người cán bộ suy ngẫm cho cùng chỉ kết luận đầy đủ và chính xác nhất về phẩm hạnh... khi họ đã nhắm mắt xuôi tay trong 6 tấm.

Trong những năm 1947 - 1948, cùng Ban Thường vụ

Trung ương, anh Thọ đã thấy tổ chức Đảng phải mạnh để chuyển nhanh sang giai đoạn mới. Nắm sát tình hình phát triển Đảng ở các địa phương, anh thấy khá phổ biến ở nhiều nơi là bệnh hẹp hòi nên số lượng đảng viên phát triển quá chậm, tuy có những nơi kết nạp ầu. Anh đề nghị Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị về Xây dựng Đảng thành một Đảng quần chúng và tiếp đó ra Chỉ thị về Xây dựng chi bộ tự động công tác. Anh thường nhấn mạnh việc kết nạp đảng viên mới phải theo tiêu chuẩn; anh quan tâm giúp Trung ương kiện toàn Ban Tổ chức Trung ương; trong Ban Tổ chức có Ban Đảng vụ làm công tác nội bộ, anh giao cho tôi làm Trưởng Tiểu ban chi bộ trong Ban Đảng vụ và chỉ thị chúng tôi phải thường xuyên đi về cơ sở, nhất là khu du kích và căn cứ du kích ở đồng bằng Liên khu 3, nơi đang chiến đấu ác liệt, để kiểm tra giúp đỡ địa phương và rút kinh nghiệm.

Gần gũi thương yêu dân và cán bộ

Bất kỳ ở nơi nào từ đồng bằng, trung du đến Việt Bắc, ở những nơi dân cư thưa thớt, anh Lê Đức Thọ đều tranh thủ ngoài giờ làm việc, tiếp xúc với dân. Từ ngày rời Vạn Phúc đến Bản Bắc cho tới ngày anh tạm biệt vào Nam cuối năm 1948, anh đã sống hòa mình với những gia đình nơi mình tạm trú như những người trong một nhà... Thấm thía nhất là hai cái Tết đầu tiên ăn Tết với dân ở Quốc Oai, Sơn Tây (Tết Đình Hội, 2-1947), ở Định Hóa, Thái Nguyên (Tết Mậu Tý, 2-1948). Chúng tôi nhớ lại một kỷ niệm đẹp tại nhà anh La Công Đường. Mồng 3 Tết, anh Thọ có một cuộc trao đổi tâm tình với bà mẹ thân sinh anh Đường.

Bên lửa hồng nhà sàn ấy, cụ bà vừa bế cháu vừa cầm tay anh Thọ, và hỏi:

- Đã mấy Tết cán bộ xa nhà rồi? Liệu bao giờ mới về xuôi gần gia đình?

- Thưa mẹ, năm nay là Tết thứ hai, tôi xa gia đình nhưng

ở đây với Mẹ Việt Bắc, thật là ấm lòng.

Anh mỉm cười và nói tiếp: Bao giờ nước nhà độc lập hoàn toàn, giặc Pháp rút về thì anh em lại về xuôi. Câu chuyện kéo dài trong không khí gia đình sưởi ấm lòng người ở cái nhà sàn ấy giữa khu rừng hẻo lánh Việt Bắc.

Nhà thơ Lê Đức Thọ đã ghi tâm tình này trong những dòng thơ đầy xúc động:

...

Tôi thương cụ lận đận

Cụ thương tôi giải sầu

Giờ đây bao bà mẹ

Trần ngập một tình thương

Những chàng trai vì nước

Sống cái Tết tha hương.

(Những mảnh lòng xuân, 10-2-1948)

Ở Việt Bắc, bệnh sốt rét rừng có lúc lây lan trong cơ quan, anh Thọ cùng anh Nguyễn Lương Bằng thường xuyên chăm lo từng viên thuốc, ống tiêm Quinacrin (lúc đó có lúc rất thiếu), bát cháo nóng cho anh em ốm đau. Khi đi xa, công tác phí từ Trung ương uỷ viên đến cấp dưới đi bộ hay đi xe đạp đều chung một chế độ ở mức tối thiểu (thường đủ chi mỗi bữa một bánh chưng nhỏ, vài quả chuối tây hoặc bát chè đỗ đen...).

Một đặc tính nổi lên ở anh Thọ là đi vào tâm tư tình cảm từng người, nhất là những anh chị em chưa lập gia đình. Chỉ trong vài năm khi anh là Uỷ viên Thường vụ Trung ương phụ trách tổ chức, chúng tôi thấy "ông mối" này có tài tác động, "ghép" không ít cặp nam nữ thành lập gia đình riêng. Nổi lên trong năm 1947, 1948 là đám cưới anh Lê Văn Lương (bao năm gian khổ, tù đày Côn Đảo, hơn 30 tuổi rồi) và chị Bích Thuận, cán bộ văn phòng; anh Dương Văn Phúc, một chiến sĩ văn thư làm cơ yếu có lúc kiêm cả giữ tiền, tận tụy, liêm khiết kết hôn cùng chị Tôn Thị Hạnh, con gái yêu quý của Bác Tôn.

Những cuộc vui đều được tổ chức giản dị, gọn nhẹ, tiết kiệm. Chúng tôi không thể quên đám cưới hiếm hoi ở căn cứ địa không có cỗ bàn linh đình. Trong lễ cưới anh Lương - chị Thuận, thấy không có hoa quả, anh Thép Mới và một số thanh niên cơ quan nẩy ra sáng kiến tìm từ rừng cọ bên đồi, một bó hoa riêng đỏ tươi thắm và mấy quả bưởi rừng Bình Thành... Một tiểu đội phù rể bất ngờ xếp hàng, trình trọng dâng hoa cô dâu chú rể giữa tiếng hoan hô sôi nổi của mọi người. Bữa tiệc có xôi đỗ và măng xào; tráng miệng là cà phê đường đen Thanh Hóa, đựng trong cốc cửa ra từ cây nứa, cây vầu trong rừng, nhưng tình cảm đại gia đình thấm thía.

Thật là một bất ngờ đầy thú vị đến với tôi. Khi công tác ở Mátxcova năm 1968, tôi lại gặp anh sau hơn 20 năm, nhưng ở một chiến trường khác: ở "bàn Hội nghị". Người chiến sĩ cách mạng này đã gần 60 tuổi, đầu đã bạc phơ, nay lại nhận trọng trách ngoại giao: là Cố vấn đặc biệt của Đoàn ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam.

Qua Sứ quán ta tại Mátxcova, anh dành thì giờ tranh thủ hỏi han tình hình quan hệ ta và bạn, những tin tức mới liên quan đến sự ủng hộ, viện trợ của bạn cho chiến trường miền Nam, hậu phương miền Bắc; anh đã nắm khá sâu tình hình các động thái của Mỹ ở các địa bàn, kể cả ở Liên Xô, Ba Lan..., hỏi khá kỹ và nghe chúng tôi kể chi tiết về những cuộc tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ tại Mátxcova năm 1967.

Anh tâm sự: "Tôi như "con dao pha" làm ngoại giao thực thà là còn như mới, còn ít kinh nghiệm. Mặt trận này không kém phức tạp, nhưng Bác và Đảng giao việc phải xông ra mà gánh mọi việc cùng đoàn anh Xuân Thủy". Vẫn nụ cười tươi rói, giọng nói trong trẻo, anh tin là với những thắng lợi ở chiến trường, với tài ngoại giao của Bác Hồ, Bộ tham mưu đối ngoại dày dặn kinh nghiệm, phái đoàn Xuân Thủy lại có tập thể

mạnh, ta nhất định sẽ thắng địch mặc dù đối phương hiện còn nhiều mưu mẹo, đàm phán trên thế mạnh trong khi nó đã sa lầy ở chiến trường...

Tết Bính Dần (1986), sau 40 năm, anh Thọ lại về Vạn Phúc kể từ Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (12-1946). Hồi tưởng lại biết bao kỷ niệm xưa, qua những dòng thơ đầy xúc động, anh nói: "Trận thắng hôm nay là trận thắng cuối cùng". Tết này (Bính Dần, 1986), người chiến sĩ kiên trinh, tóc nay đã bạc, chân đi vẫn vững chắc vượt suối trèo đèo trên con đường Việt Bắc, bao lần chống gậy qua lại dãy Trường Sơn, xông tới chiến trường ác liệt nhất, với hình ảnh đầy ấn tượng như hai câu thơ tặng chiến sĩ Trường Sơn của Tố Hữu:

*Anh đi xuôi ngược tung hoành
Bước dài như gió lay thành chuyển non.*

Trở lại Vạn Phúc, khoảng cách 40 năm trời như ngắn lại. Bao hình ảnh xưa còn in sâu trong tâm khảm anh, trong đó là hình ảnh Bác và cả Bộ tham mưu chiến lược tài năng của Bác Hồ. Bồi hồi nhớ thương Bác nay đã đi xa, anh Thọ thốt ra tự đáy lòng mình:

*Bốn mươi năm, một giấc mơ
Buông không lặng lẽ, bây giờ là đây.*

...

*Tưởng như Bác vẫn ngồi đây ngày nào
Nắng xuân thắm cảnh hoa đào
Ra về lòng những nao nao nhớ Người.*

"Kỷ niệm xưa"

(Vạn Phúc, mùng 3 Tết Bính Dần)

Ngay sau Tết này, anh Thọ tiếp tục gặp một số đồng chí cùng xuất phát từ Vạn Phúc ngày kháng chiến toàn quốc (19-12-1946). Cùng nhau có những phút "hàn huyên", "ôn cố tri tân". Trong một cuộc gặp gỡ cuối cùng anh tặng tôi cuốn *Thơ Lê Đức Thọ* mới xuất bản.

*

* *

Nhiều năm công tác với anh Lê Đức Thọ, trong thời điểm năm mới của năm bản lề chuyển sang thiên niên kỷ mới, trong những kỷ niệm 10 năm¹ anh vĩnh viễn ra đi, chúng tôi thấy lòng băng khuâng tưởng nhớ sâu sắc tới người thầy học chính trị và cũng là một trong những người anh cả là chiến sĩ kiên cường, tấm gương trong sáng.

1. Năm 2000 (B.T).

NHỚ ANH SÁU THỌ

Vũ Kỳ*

Tôi rất nhớ anh Sáu Thọ vì từ ngày tôi được vinh hạnh trở thành thư ký riêng của Bác Hồ (tháng 8-1945), tôi đã được biết về anh. Tôi xin trích nhật ký ngày 18 và 19-12-1946 để nói về Bác Hồ kính yêu đã có những học trò thân tín trong những tháng năm lịch sử.

"Ngày 18-12-1946

Từ 6 giờ 30, lính Tây mũ đỏ lại bao vây trụ sở Công an Hàng Đậu, 11 giờ, tên đại úy Sutiông trong Ban Liên Kiểm Pháp ở Hà Nội, báo tin cho Ban Liên Kiểm ta biết là lính Pháp đã chiếm đóng Nha Tài chính và yêu cầu ta phá các ụ chiến đấu. Chỉ ba tiếng sau, vào lúc 14 giờ, chúng đã cho xe thiết giáp và lính tới chiếm đóng luôn. 24 giờ 15, Liên Kiểm Pháp lại trắng trợn báo tin cho ta: "Trong ngày 18-12, Công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ giữ an ninh trật tự. Nếu tình hình này kéo dài, thì bắt đầu từ ngày 20-12-1946 quân đội Pháp sẽ đảm nhiệm việc trị an ở thành phố Hà Nội".

Đó thực chất là một tối hậu thư. Tối hậu thư của một kẻ tự cho mình là có sức mạnh, muốn làm gì thì làm... Những nét đậm chiều xuất hiện trên gương mặt gầy của Cụ Hồ, Bác làm việc nhiều hơn, thức khuya hơn. Có đêm hầu như không ngủ. Hai tuần nay, các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp thường đến họp bàn với Bác. Khi đến từng người, khi đến cả ba anh. Thấy Bác ngày một gầy yếu, các anh nhắc chúng tôi phải chú ý bồi dưỡng thêm cho Bác. Đây cũng là vấn đề chúng

* Nguyên Thư ký của Bác Hồ.

tôi thường xuyên quan tâm, nhưng từ ngày anh Nguyễn Lương Bằng được chỉ thị của Bác quay trở lại Việt Bắc để chuẩn bị cơ sở kháng chiến lâu dài thì việc chăm sóc sinh hoạt hằng ngày cho Bác cũng gặp khó khăn hơn. Vẫn vui vẻ, Bác động viên mọi người: "Cố gắng cho khỏe để còn kháng chiến trường kỳ"...

Sáng nay, Bác bảo tôi ra Bắc Bộ phủ hỏi anh Hoàng Minh Giám về việc giao thiệp với Xanhtơni. Dọc đường thấy nhân dân tản cư rất đông, các khu phố đào đường đắp ụ, ngăn không cho bọn Pháp tự do đi lại, Chính phủ tiếp tục kêu gọi dân chúng bình tĩnh. Bọn Tây càng làm già. Những phố Tây đều có lính Tây đứng gác. Chúng mang xe bọc thép đến, đặt cả súng máy giữ đường. Ở phố Khâm Thiên, chướng lữ đồ sộ, chôn dựng đứng những cây gỗ to và cao. Sinh hoạt trong thành phố hầu như thay đổi hẳn. Ngoài đường ít gặp cụ già, đàn bà và trẻ em, chỉ thấy thanh niên, cả trai lẫn gái đều hăng, nhất là tự vệ thành, người súng dài, người súng ngắn... rất hiên ngang. Ở đầu phố Hàng Đào, trên bức tường căng một tờ báo rất to, mỗi chữ bằng bàn tay, kêu gọi nhân dân sẵn sàng. Phía trước các nhà đều có khẩu hiệu: "Thề chết không làm nô lệ!".

Quá trưa về tới nhà, thấy các anh đang họp với Bác ở trên gác, tôi báo cáo nội dung anh Hoàng Minh Giám nói về tình hình Xanhtơni đang tìm cách trì hoãn việc nói chuyện với ta. Tôi cũng tường thuật lại không khí căng thẳng của Hà Nội, bất cứ lúc nào cũng có khả năng bùng nổ, Bác và các anh chú ý nghe. Bác hỏi tôi: khẩu hiệu "Thề chết không làm nô lệ!" có nhiều không? Khi nghe tôi trả lời ở mạn phố Hàng Đào, Hàng Ngang,... hầu như nhà nào cũng có, thấy ánh mắt Bác vui lên.

Đêm nay, Bác lại thức khuya. Ngọn đèn dầu tỏa một vùng sáng nhỏ, Bác ngồi xõm trên giường, mắt nhắm chiêu nhìn vào mảnh giấy trước mặt. Phía Hà Nội súng nổ nhiều hơn các đêm trước. Chiếc bút học sinh trong tay Bác, ngồi bằng sắt, bắt đầu

viết những dòng chữ đầu tiên của một lời hịch lịch sử: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Đêm nay, viết xong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Bác thanh thản ngả mình trên chiếc giường gỗ. Khi tôi lại thu xếp tài liệu cất vào cặp cho Bác, đã nghe tiếng Bác thở đều.

Một giấc ngủ ngon đang đến với Bác.

Tôi trở ra đứng một lúc lâu ở cửa sổ, nhìn về phía Hà Nội, nơi đang có tiếng súng nổ và những đường đạn rực sáng bay ngang dọc trên bầu trời...

Tôi quay lại nhìn về phía giường Bác đang nằm, sợ tiếng súng làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của Người. Nhưng không! Người con vĩ đại của dân tộc vẫn đang ngon giấc sau khi đã để lại cho các thế hệ mai sau một lời hịch bất hủ: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Ngày 19-12-1946

Mới tờ mờ sáng, Bác đã gọi tôi chuẩn bị giấy bút để làm việc. Sớm nay trời lạnh, gió lùa qua khe cửa sổ làm rung rinh ngọn đèn dầu. Bác bảo tôi xích ghế lại gần, đọc cho tôi viết thư gửi cho Thủ tướng Lêông Blum. Bác đọc thẳng bằng tiếng Pháp. Đôi chữ tôi phải hỏi lại để viết cho thật đúng. Bóng Bác mặc áo khoác in to trên tường, vẫn vững, không thấy động đậy. Ai mà nghĩ được Cụ Hồ đang làm việc lúc này trong căn gác xép nhà "Cậu Tú" ở Vạn Phúc nhỉ? Giờ này, bà con làng xóm đang yên giấc.

Viết xong, tôi đọc lại một lần cho Bác nghe. Bác xem lại một lần nữa, không có lỗi nào.

Sáng nay, bọn Pháp lại gửi tiếp cho ta "tối hậu thư" thứ ba, đòi ta phải đình chỉ mọi hoạt động kháng chiến, đòi tước vũ khí các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Chúng đe dọa nếu trong vòng 24 giờ không thực hiện những yêu cầu trên, quân Pháp sẽ hành động. Lập tức Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi một bức điện cho các đồng chí Bí thư tỉnh uỷ và chỉ huy trưởng 12 chiến khu trong cả nước: "Quân Pháp đã hạ "tối hậu thư" đòi

tước vũ khí của quân đội, tự vệ, công an ta. Chính phủ ta đã bác tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong vòng 24 giờ là cùng, chắc chắn quân Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: "Tất cả hãy sẵn sàng".

Buổi trưa, Bác không nghỉ. Bác xem lại *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và chuẩn bị cuộc họp hẹn vào buổi chiều.

14 giờ 30 phút, các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp hầu như đến cùng một lúc, mặc dầu Bác đã có quy định là mỗi lần đến họp, mỗi người phải đến cách nhau ít nhất 5 phút. Nhưng có lẽ do tầm quan trọng của cuộc họp, trước sự thôi thúc của tình hình, các anh đã không chú ý điều đó.

Cuộc họp không kéo dài, đồng chí Trường Chinh báo cáo về nội dung chủ yếu của đường lối kháng chiến toàn dân toàn diện và trường kỳ. Đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo những vấn đề chính về tình hình và kế hoạch quân sự.

Sau khi trao đổi ý kiến, Bác kết luận là tình hình không cho phép nhân nhượng nữa. Trước âm mưu xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, chúng ta quyết định kháng chiến trong cả nước. Tuy khó khăn, gian khổ nhưng cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân ta nhất định thắng lợi.

Về văn bản dự thảo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, đồng chí Lê Đức Thọ có đề nghị thêm vào 5 chữ được Hội nghị nhất trí hoàn toàn.

Trong Hội nghị, đồng chí Trường Chinh được phân công chuẩn bị bản dự thảo về vấn đề "Toàn dân kháng chiến" (công bố vào ngày 22-12-1946). Đồng chí Võ Nguyên Giáp được phân công chuẩn bị và đọc bản hiệu triệu ngay sau khi Hà Nội nổ súng. Giờ nổ súng được quyết định vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946, bằng việc công nhân Nhà máy điện Yên Phụ phá máy. Điện tắt là hiệu lệnh thống nhất chung cho toàn thành phố Hà Nội, đồng thời cũng là hiệu lệnh chung cho cả nước nhất tề đứng dậy đánh giặc, cứu nước.

Để cuộc tiến công được nổ ra đồng loạt chung trong cả nước, Hội nghị còn quyết định thông báo cho các nơi chú ý theo

dõi Đài Tiếng nói Việt Nam. Khi nghe đài phát đi câu "Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Xin trân trọng mời đồng bào cả nước nghe Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh". Đó chính là hiệu lệnh tổng tiến công mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

Do có sự chuẩn bị chu đáo, và đã có sự nhất trí từ trước về chủ trương, đường lối, nên cuộc họp chỉ diễn ra trong vòng 45 phút.

15 giờ 15 phút tan họp. Các anh lần lượt xuống thang gác ra về. Anh Trường Chinh vẫn trầm ngâm, suy nghĩ. Lúc anh em chào, anh mới giật mình, đáp "À! Chào các đồng chí". Không như mọi lần, bao giờ anh cũng chủ động chào trước, miệng cười rất tươi. Còn anh Lê Đức Thọ thì dằng cỗi mở vổ vào vai tôi, tươi cười và hỏi: "Thế nào? Sửa soạn xong cả rồi chứ". Rồi vội bước theo anh Trường Chinh.

Anh Văn, coi bộ bí mật lắm, đầu đội mũ cát hơi sụp xuống, kính đen đeo ngay từ trong nhà, áo Padoxuy khoác ngoài dài quá khổ, bước ra sau cùng, không nói năng gì và cũng vội đi xuống.

Bác ung dung bình thản tiếp tục ngồi viết một lúc nữa.

Viết xong, Bác tự thu xếp tài liệu vào cặp, rồi gọi tôi bảo: "Các chú sửa soạn đi nhé, chiều tối nay chúng mình chuyển".

Thế thôi! Thế cũng đủ hiểu.

Lúc đó là 18 giờ 45 phút.

Bác Hồ ở và làm việc tại địa điểm làng Vạn Phúc 16 ngày.

NHỚ ANH SÁU

Vũ Mão*

*Đất nước khắc ghi tên tuổi anh
Phong trần một thuở rạng uy danh
Xông pha chiến trận lòng can đảm
Thao lược mình tường trong đấu tranh.*

*Cát bước ra đi tuổi thiếu thời
Tháng năm lặn lội khắp muôn nơi
Màn đêm bao phủ đau khôn xiết
Nhiệt huyết hiến dâng cả cuộc đời.*

*Xuôi ngược Bắc Nam khắp chiến trường
Tù đầy gian khổ sóng trùng dương
Vì dân vì nước lòng son sắt
Trí tuệ, đức tài một tấm gương.*

*Nam Bộ bưng biển bao mến thương
"Thành đồng Tổ quốc" mấy kiên cường
Con đường cách mạng đầy gian khó
Ném mật nằm gai trải gió sương.*

*Vững chí bền gan Lê Đức Thọ
Phi thường nghị lực sức bình sinh*

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Ủy viên Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội.

*Anh luôn có mặt nơi đầu sóng
Xứng với niềm tin Hồ Chí Minh.*

*Mái ấm tình quê đầm thiết tha
Phù sa đỏ thắm nắng chan hòa
Ỗ thơ dào dạt hồn bay bổng
Thơm ngát vườn xuân hương sắc hoa.*

*Nhân hậu bao dung sống hết mình
Nắng mưa dầu dãi vẫn kiên trinh
Chân thành mẫu mực nên nghiêm khắc
Gắn bó keo sơn trọn nghĩa tình.*

*Công tích lớn lao ba mặt trận¹
Pari tỏa sáng một vì sao
Vững vàng thế đứng cao mưu trí
Chính nghĩa Việt Nam đáng tự hào.*

*Còn nhớ thắm sâu lời tâm sự
Anh em thân thiết gọi vui vui:
"Thưa anh Sáu Búa" nghe ngồ ngộ
Có thể, đôi khi cũng ngậm ngùi.
Ngày ấy bài thơ: Xuân nhớ Bác
Khát khao đổi mới hướng tương lai
Chạnh lòng ai đó trong giây lát
Lịch sử đậm ghi: Ai đúng, sai?*

*Hậu thế rồi đây thấu hiểu anh
Suối ngàn ấm áp mát trong lành
Tâm hồn bình dị tình chung thủy
Góp ánh hào quang rạng sử xanh.*

1. Ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao.

QUÊ TA THÊM SÁNG TÊN NGƯỜI

*Kính dâng anh linh đồng chí Lê Đức Thọ
nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh*

Phạm Quốc Khánh

*Về Nam Định, qua Thành Nam yêu dấu,
Xứ sở sản sinh những nhân tài.
Vật đổi sao dời, gió sương bão táp,
Danh nhân, anh hùng, sử sách vẫn còn đây.
Có một con người không trượng nguyên, tiến sĩ,
Chưa phải vĩ nhân, không học vị cao.
Lòng yêu nước, trái tim và trí tuệ,
Thế giới lưu danh, cả đất nước tự hào!
Đi theo Bác Hồ từ buổi ban đầu,
Ném mìn nằm gai, tù đầy đau khổ.
Ra chiến trường hay nghị bàn thương lượng,
Vẫn ngồi ngồi chói sáng một niềm tin.
Trước bàn đàm phán Pari, bên cờ sao thắm đỏ,
Có một con người - Lê Đức Thọ - Việt Nam.
Đôi mắt kẻ thù mưu thâm, kế độc,
Đánh thép vạch trần bộ mặt kẻ xâm lăng!
"Điện Biên Phủ trên không" oanh liệt,
Ngón đòn thù hiểm độc đã tan tành.
Muôn mũi tiến công đều nhằm về hướng giặc
Chúng phải quy hàng trước chính nghĩa Việt Nam!
Thế giới nghiêng mình trao Giải thưởng Nôben,
Thật diệu kỳ Việt Nam nay có một.*

*Lời chối từ... cả hành tinh sửng sốt,
Nhận ra tầm cao một nhân cách Việt Nam!
Trăm năm, chí khí tạc vào đây,
"Đường ra tiền tuyến" cánh thơ bay.
Mãi bên chiến sĩ nơi "Điểm tựa",
Tổ chức, ngoại giao rất toàn tài.
Địch Lễ dâng đời, hiến nước non,
Họ Phan còn mãi mãi huy hoàng.
Có một người con - Lê Đức Thọ,
Sáng giữa trang vàng sử Việt Nam.*

Nam Định, ngày 19-8-2011

Phần thứ hai

LÊ ĐỨC THỌ VỚI MIỀN NAM

ĐI THEO PHÁI ĐOÀN ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ VÀO NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

Lê Toàn Thư*

Đó là vào khoảng giữa tháng 9-1948, phái đoàn xuất phát từ căn cứ địa của Trung ương Đảng và Chính phủ ở Việt Bắc, và đến khu căn cứ địa của Xứ uỷ Nam Bộ và Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ vào đầu năm 1949. Khi đi cũng như khi đến, đều không có thông tin trên báo chí và đài phát thanh. Thế mà địch vẫn biết có một phái đoàn quan trọng của Trung ương vào công tác tại Nam Bộ. Chúng luôn theo dõi, rình rập, đánh phá hòng chặn đường và "tóm bắt" phái đoàn.

Vào đầu tháng 9-1948, chỉ cách ngày phái đoàn lên đường độ 10 ngày, tôi được điều động từ Văn phòng Tổng bộ Việt Minh sang Ban Tổ chức Trung ương Đảng làm Thư ký riêng cho đồng chí Lê Đức Thọ, lúc đó là Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách công tác tổ chức và dân vận của Trung ương. Đồng chí Lê Đức Thọ cho tôi biết: "Trung ương cử một phái đoàn vào công tác tại Nam Bộ. Cậu sẽ đi, làm thư ký cho tôi. Mọi việc chuẩn bị tôi đã giao cho Văn phòng Trung ương Đảng, các ban, ngành lo liệu và đã xong xuôi... Chỉ một việc quan trọng là chờ anh Trường Chinh chỉnh lý xong dự thảo Đề cương "Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam", do anh soạn thảo là chúng ta lên

* Nguyên: - Xứ uỷ viên dự khuyết,
- Phó trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra - Dân vận Xứ uỷ Nam Bộ.

đường. Chúng ta mang theo văn kiện này vào cho các đồng chí Nam Bộ".

Tôi biết lúc đó đồng chí Trường Chinh và các đồng chí giúp việc, đặc biệt là Trần Quang Huy, làm việc ngày đêm rất khẩn trương để hoàn chỉnh và in ấn xong tài liệu này để phái đoàn Trung ương đem vào Nam Bộ.

Phần tôi, chẳng phải chuẩn bị gì cả! Đồng chí Lê Đức Thọ giao cho tôi ba cái gói riêng biệt, đã bao bọc, niêm phong kỹ lưỡng và cho biết: một là tài liệu chỉ thị, nghị quyết, văn kiện của Trung ương, khi tới Nam Bộ mới lấy ra làm việc; hai là một số bạc Đông Dương, khi có lệnh của tôi mới được chi dùng; ba là một số vàng cho Xứ uỷ Nam Bộ. Đây là những vật bất ly thân, tôi phải bảo vệ chúng như bảo vệ tính mạng của mình.

Trong những ngày chờ lên đường, đồng chí Lê Đức Thọ toàn hỏi về cán bộ, số cán bộ ở tù Côn Đảo chung với tôi đang công tác ở Nam Bộ.

Tài liệu lịch sử *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam* đã xong.

Vào một tối, trong sân Văn phòng Trung ương Đảng diễn ra lễ tiễn chúng tôi vào Nam. Dự lễ tiễn, có các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, v.v.. Tại tiệc trà này, chưa có hai anh Phạm Ngọc Thạch và Dương Quốc Chính. Mãi tới khi tới bờ sông Lô, đoàn anh Thạch và đoàn anh Chính mới nhập vào.

Toàn đoàn đã xuôi dòng sông Lô trong xanh, hai bên bờ rừng rậm, núi cao hùng vĩ, rồi xuôi tiếp theo dòng sông Hồng, sông Đáy, về tới tận Vân Đình, lúc đó sầm uất, thuộc tỉnh Hà Đông, đến căn cứ của Khu uỷ Khu 3, lấy thêm cán bộ giúp việc và nghỉ ngơi độ mười ngày, cho cán bộ nào cần về thăm nhà thì về...

Tại căn cứ Khu uỷ Khu 3, tôi mới biết rõ phái đoàn gồm:

- Đồng chí Lê Đức Thọ, Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng, Trưởng phái đoàn về mặt Đảng.

- Đồng chí Phạm Ngọc Thạch, lúc đó là Thứ trưởng Phủ Thủ tướng, làm Trưởng phái đoàn về mặt Chính phủ.

- Đồng chí Dương Quốc Chính (tức Thiếu tướng Lê Hiến Mai) đại diện Bộ Tổng chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cán bộ cùng đi giúp việc tổng cộng 30 người, gồm thư ký, y sĩ, bảo vệ, cần vụ... Nhiều nhất là cán bộ quân sự. Có những đồng chí vừa tốt nghiệp Trường Sĩ quan Lục quân Trần Quốc Tuấn, đi với đồng chí Dương Quốc Chính.

Đây là lần đầu tiên tôi được đi chung một chặng đường dài từ Việt Bắc vào Nam Bộ với đồng chí Phạm Ngọc Thạch mà tôi vô cùng thân thương, quý mến và kính phục.

Sắp tròn 50 năm rồi, tôi còn nhớ hình ảnh Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch tươi vui, mặc quân phục, chân đi giày săngđá - giày của lính Tây, để có đinh để bám đất (nhưng đi trên sỏi đá lỏm chổm thì trơn trượt), vai quàng cây súng các bin báng xếp, ba lô trên vai, luôn luôn đầu trần, cùng chúng tôi trèo đèo, lội suối, băng rừng, chịu đựng gian khổ hơn ai hết... Thật là một đồng chí tuyệt vời!

Đoàn chúng tôi tới Vân Đình (Hà Đông) vào sáng sớm tinh mơ. Khoảng 9 giờ hôm ấy, địch thả quân nhảy dù xuống càn quét, lùng sục bắn phá.

Tại căn cứ Khu uỷ Khu 3, có cuộc họp toàn đoàn. Tôi được chỉ định làm Bí thư Chi bộ và là Trưởng đoàn cán bộ đi đường. Thế là, cùng với nhiệm vụ bảo vệ các vật bất ly thân trong ba lô, tôi còn thêm hai nhiệm vụ nữa cũng nặng nề không kém. Rất mừng là tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, tất nhiên với sự cộng tác, giúp đỡ, thương yêu của tất cả đồng chí trong đoàn.

Dọc đường từ Việt Bắc xuôi các dòng sông êm ả lớn nhỏ, rồi nào là ô tô, xe goòng, thuyền độc mộc, bè đố suối, đi ngày đêm, vượt không biết bao dốc đứng, đèo cao, biển rộng mới tới được Đồng Tháp Mười, căn cứ địa thần thánh của Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ. Biết bao chuyện vui, buồn, mà vui là chính, buồn chỉ chút chút thôi, không sao kể xiết. Nhưng nếu không kể gì, e thiếu sót, chỉ xin kể vài câu chuyện lớn thôi...

Đoàn thường phải lên đường vào sâm sẫm tối, để phòng máy bay địch bắn phá. Khi tới thị xã Thanh Hóa, đoàn từ giả đường sông, đi đường bộ về căn cứ Khu uỷ Khu 4. Tại đây chúng tôi dừng chân vài ngày để thực hiện một công việc quan trọng do Bác Hồ và Chính phủ giao cho phái đoàn Chính phủ - đó là lễ trao quân hàm Thiếu tướng cho đồng chí Nguyễn Sơn, lúc đó là Tư lệnh Quân khu 4. Đông đảo nhân dân, bộ đội, các bộ, các ban, ngành, đoàn thể Khu 4 và tỉnh Thanh Hóa tham dự.

Tôi ở trong hậu trường, dự cuộc hội ý ngắn trước khi phái đoàn Trung ương và tướng Nguyễn Sơn ra mắt công chúng. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy bộ quân phục cấp tướng. Sao mà nó đẹp thế, lấp la lấp lánh, "chói lợi ánh hào quang", trên người một vị tướng cao to, oai phong lẫm liệt, mà rất mực bình dị, với gương mặt rạng rỡ niềm vui với đôi mắt sáng quắc. Trong hậu trường, tôi mới thấy được tính tươi trẻ, hồn nhiên, bình dị, tình cảm chan hòa thân ái, bình đẳng giữa các cán bộ cao cấp gánh vác trọng trách của Đảng. Tôi không thể nào quên được niềm vui hôm đó của tướng Nguyễn Sơn. Đồng chí đứng trước gương, sửa sang quần áo, mũ mào cho chỉnh tề rồi trịnh trọng bước tới trước mặt Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, vòng hai tay trước ngực nói: *"Muôn tâu "Bệ hạ", như tôi đây Thừa tướng, xin báo cáo "Bệ hạ".* Mọi việc đã sẵn sàng. Xin chờ lệnh "Bệ hạ". Rồi đồng chí làm bộ vuốt râu dài, đá chân lên quay một vòng 180°, đứng nghiêm giờ tay chào Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đúng theo kiểu nhà binh, mời phái đoàn ra lễ đài dự cuộc mít tinh... Mọi người cười rộ, thật vui vẻ.

Đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất phái đoàn Chính phủ do Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm Trưởng đoàn hoạt động công khai trước công chúng. Từ sau đó, phái đoàn Trung ương Đảng cũng như Chính phủ chỉ làm việc nội bộ với các đồng chí khu uỷ, tỉnh uỷ và phụ trách chính quyền, quân đội dọc đường đi.

Từ huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trở vào (trừ vùng tự do của Liên khu 5 gồm một phần phía nam của tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, bắc Phú Yên) là vùng

bị địch tạm chiếm. Đoàn phải leo núi, băng rừng, lội suối, phần nhiều là đi qua những vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Tối bắc Khánh Hòa, một bộ phận nhỏ gồm ba đồng chí trong phái đoàn Trung ương với vài cán bộ giúp việc (trong đó có tôi) đi đường biển, xuất phát từ Hòn Hèo (bắc Khánh Hòa) qua nhiều chặng suốt dọc ven biển miền Trung, vào tận Xuyên Mộc (Bà Rịa), lại đi bộ, đi xuống trên các kinh rạch, tới Đồng Tháp Mười. Bộ phận còn lại, đông hơn, tiếp tục đi và hai bộ phận đã gặp nhau đông đủ, không thiếu một ai, tại căn cứ của Xứ uỷ Nam Bộ ở Đồng Tháp Mười, trên kinh Ba và các kinh rạch lân cận.

Thế là cuộc hành trình đã tới đích!

Nhưng công việc của phái đoàn mới thực sự bắt đầu từ đây.

Anh Thọ và anh Ba Lê Duẩn, lúc đó là Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, cùng các đồng chí Thường vụ Xứ uỷ gặp nhau ở đâu, bàn luận, quyết định những gì tôi không biết được. Nhưng qua thực tế tình hình, tôi thấy sự việc diễn ra như sau:

Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ đã tổ chức một cuộc họp rộng rãi, trọng thể, thân mật để đón tiếp, hoan nghênh phái đoàn Trung ương để thông báo tình hình cho nhau và nghe Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch trình bày chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng và Chính phủ.

Sau đó, tôi không được gặp lại Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch nữa. Đồng chí ở lại bên Ủy ban, tiếp tục làm việc một thời gian ngắn. Rồi theo yêu cầu tha thiết của đồng chí, được sự đồng ý của anh Lê Đức Thọ và anh Ba, đồng chí chuyển về công tác ở Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và miền Đông Nam Bộ. Đồng chí Phạm Ngọc Thạch ở luôn trên đó cho tới khi trở ra Trung ương lúc nào tôi không được biết. Đồng chí Dương Quốc Chính và các cán bộ cùng đi thì về ở bên Bộ Tư lệnh Quân khu 8, làm việc tại đó.

Anh Lê Đức Thọ được bố trí ở gần anh Ba để thường xuyên trao đổi, bàn luận công việc.

Còn tôi được về ăn, ở, làm việc tại Văn phòng Xứ uỷ với đồng chí Thượng Vũ (tức Nguyễn Văn Kính) lúc đó là Uỷ viên Thường vụ, Thường trực Xứ uỷ cùng vài ba anh em ở văn phòng và cấp dưỡng.

Lần đầu tiên tôi gặp anh Tư Thượng Vũ - một đồng chí lãnh đạo hiền từ, giản dị, nói năng mạch lạc, đôi khi vừa nói vừa cười hồn nhiên, có khi cười to rất sảng khoái. Da anh trắng, mắt sáng, dáng cao, mảnh khảnh, rất dễ gần, rất dễ thương...

Anh hỏi thăm tôi về quá trình công tác, về tình hình miền Bắc, về tình hình sức khỏe Bác Hồ, các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt và tình hình đường đi của chúng tôi. Anh khuyên tôi yên tâm công tác, dần dần sẽ hiểu tình hình Nam Bộ và quen biết anh chị em cán bộ chung quanh Xứ uỷ. Rồi anh cho biết: công việc sẽ nhiều đấy. Anh nói ít, đọc nhiều, viết nhiều, trả lời công văn, thư từ các nơi gửi tới (tự anh viết, ngắn gọn, trên những mẫu giấy nhỏ, nét chữ rất rõ ràng đều đặn, sáng sủa, dưới ký tên Thượng Vũ...). Từ đó, tôi thường xuyên làm việc dưới sự chỉ đạo của anh, anh Thọ và anh Ba, cho tới khi anh tập kết ra Bắc năm 1955...

Có thể nói, phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ trên thực tế đã chia ra thành ba bộ phận riêng:

Đồng chí Trưởng phái đoàn Chính phủ, Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đi công tác Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và miền Đông.

Đồng chí Dương Quốc Chính gắn chặt với Bộ Tư lệnh Nam Bộ và Quân khu 8.

Đồng chí Lê Đức Thọ gắn chặt với Xứ uỷ Nam Bộ.

Về phần tôi, ba nhiệm vụ nặng nề gánh vác dọc đường đi, nay đã được hoàn tất. Không còn là chi bộ đi đường nữa, phái đoàn và cán bộ tùy tùng đã phân tán làm ba. Tài liệu "Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam", các văn kiện mật của Trung ương Đảng đã được trao cho Văn phòng Xứ uỷ, Ban Tuyên huấn và các đoàn thể (lúc này Xứ uỷ chưa có Ban Tổ chức, Ban Dân vận...).

Tôi được giữ lại các tài liệu về xây dựng Đảng, về công

vận, nông vận, thanh vận, phụ vận, tôn giáo vận... Nhiều lắm!

Tiền Đông Dương, vàng được trao lại anh Thọ để anh trao cho Xứ uỷ.

Theo lệnh của anh Thọ, tôi vẫn còn làm thư ký của anh. Tôi về Văn phòng Xứ uỷ, một văn phòng rất gọn nhẹ, đơn sơ, đóng trong nhà đồng bào trên kinh Ba Tháp Mười. Tôi ăn cơm chung với các đồng chí Thượng Vũ, Long, Tín, Lễ...; cơm, canh do đồng chí Chi chăm lo (đồng chí Chi sau Hiệp định Giơnevơ tập kết ra Bắc tiếp tục làm cấp dưỡng ở Bộ Ngoại giao). Các bữa ăn rất thịnh soạn so với hồi tôi ở Việt Bắc. Ngày nào cũng có cá, lươn, mắm, rau bông súng, rau muống... Tôi đặc biệt nhớ món canh chua me, lươn nấu với rau muống.

Một đêm tại Văn phòng Xứ uỷ, lần đầu tiên tôi gặp lại đồng chí Lê Duẩn, sau nhiều năm xa cách. Tôi ôm chầm lấy anh, muốn khóc! Anh gầy quá, tươi cười vỗ vỗ vào lưng tôi. Đêm đó tôi được ngủ chung trên một bộ ván với anh Ba. Anh hỏi tôi nhiều, biết tới đâu, tôi trả lời tới đó...

Anh hỏi tôi, đại ý: Anh có biết Trung ương đánh giá công tác của chúng tôi trong này thế nào, mà cử phái đoàn vào công tác không? Chúng tôi phấn đấu hết mình để không phụ lòng tin cậy của Bác, của Trung ương.

Tôi trả lời: Thưa anh, trước khi lên đường, tôi chỉ được anh Thọ cho biết: "Trung ương ít hiểu tình hình Nam Bộ quá. Bên Bộ Tổng Tư lệnh thì có biết nhiều tình hình hơn, vì có liên lạc thường xuyên vào, ra, nắm tình hình và lấy báo cáo. Bên Đảng thì ít quá. Anh Ba là trụ cột trong đó, không thể đi được. Anh Phạm Hùng, anh Hà Huy Giáp đang trên đường ra Trung ương. Trung ương cử tôi (Lê Đức Thọ) đi chuyến này, chắc ở lại lâu".

Anh Ba nói: Chúng tôi trong này, đúng là xa Trung ương lắm, mặc dù có điện đài liên lạc thường xuyên, nhưng làm sao nói hết được. Có nhiều việc, nhiều vấn đề xảy ra cấp bách, phải căn cứ vào đường lối chung của Trung ương mà giải quyết cho kịp thời, không thể chờ chỉ thị của Trung ương. Chiến trường Nam Bộ rộng lớn lắm, rất gay go, phức tạp. Có những

vấn đề lớn phải có chủ trương, giải pháp đúng đắn, kịp thời, nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến cuộc kháng chiến cho toàn quốc.

Chúng tôi suy nghĩ mãi, làm sao thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết của Bác và Trung ương. Làm sao đoàn kết với Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo, Bình Xuyên, người Hoa, người Khơme, nhân sĩ, trí thức (trong này đông lắm, quan trọng lắm!). Phần lớn có tinh thần dân tộc, yêu nước thương dân, kính trọng Bác Hồ, nhưng nhiều người chưa hiểu chủ nghĩa cộng sản, thậm chí chống cộng sản nữa. Chúng ta còn phải làm việc rất nhiều để tranh thủ thêm họ, trung lập hóa những người lưỡng chừng, cô lập phần tử xấu.

Đối với anh em trong Đảng Dân chủ ở Nam Bộ, chúng ta cũng còn làm việc nhiều. Anh chị em rất tốt, rất yêu nước, nhưng có những người chưa hiểu Đảng ta, chưa hiểu chủ nghĩa cộng sản, muốn tranh giành, chia quyền lãnh đạo cách mạng với Đảng ta...

Công, nông thì gắn bó với Đảng ta, đi theo Đảng. Ta phải tiếp tục nâng cao giác ngộ cách mạng của họ, phải tìm mọi cách đem lại lợi ích thiết thân cho họ.

Quân đội thì vừa xây dựng vừa đánh giặc, ta đã có dân quân, du kích, bộ đội địa phương ở khắp các chiến trường. Nhưng còn phải lo nâng cao chất lượng, đào tạo cán bộ... Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ gồm nhiều vị có uy tín lớn, có năng lực, quán xuyến công việc chính quyền rất tốt, rất sáng tạo, rất tin tưởng vào Bác Hồ... Chúng ta rất tin cậy họ. Xứ ủy có anh Ung Văn Khiêm và anh Phạm Hùng làm việc bên đó.

Đảng bộ đã có hệ thống đến tỉnh, huyện, xã, ở nội thành Sài Gòn ta cũng có cơ sở. Tuy nhiên đảng viên còn yếu và ít. Phải chăm lo xây dựng, củng cố và phát triển Đảng, các cấp ủy và chi bộ.

Các đoàn thể quần chúng cũng đã có, nhưng hoạt động chưa thiết thực, cần tìm tòi nội dung, hình thức hoạt động thiết thực của các đoàn thể quần chúng. Rồi anh Ba nói tiếp: "Anh

Thọ và các anh vào trong này là lực lượng cán bộ tăng cường cho Nam Bộ. Tôi sẽ xin Trung ương cho các anh ở luôn trong này làm việc". Và anh hỏi tôi: "Đã có vợ con gì chưa?". Tôi báo cáo: "Chưa ạ!". Anh Ba khen: "Thế là tốt! Sẽ lấy vợ Nam Bộ nhé!".

Kỷ niệm một đêm ngủ chung với anh Ba yêu quý, học một bài cơ bản sâu sắc, nhớ đời về tình hình và công tác cách mạng ở Nam Bộ. Thật là bổ ích và vô cùng sung sướng.

Hai anh em nằm bên nhau, trần trọc, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Tuy nhắm mắt nhưng dường như không ngủ... Sáng sớm tinh mơ, chúng tôi thức dậy tập thể dục, rồi anh Ba lại xuống xuống cà rèm, đến một cơ quan nào đó của Xứ uỷ...

Sau đó ít ngày, một đêm nọ, đồng chí Thượng Vũ và các đồng chí Văn phòng Xứ uỷ kéo nhau đi dự lễ thành hôn của đồng chí Phạm Ngọc Thảo với đồng chí Phạm Thị Nhiệm, suốt đêm không về. Tôi và đồng chí Chi (cấp dưỡng) ở lại thủ trại...

Sáng tinh mơ, tôi thả bộ ra cầu mống (gần kinh Ba) chơi, xem đồng bào đi chợ, làm vườn và để tìm hiểu địa hình, địa vật phòng khi có giặc ruộng bố biết đường mà chạy. Bỗng nghe đồng bào kêu: "Địch nhảy dù hướng Cái Bè (xã Mỹ Quý)! Chắc sẽ càn lớn".

Tôi nhìn lên trời, cách không xa tôi lắm, hàng trăm chiếc dù từ từ rơi xuống, và nghe tiếng súng nổ ran. Tôi vội chạy về Văn phòng, cùng đi với đồng chí Chi đưa tài liệu, giấy tờ, đồ dùng cần thiết xuống xuống, đợi lệnh sơ tán. Một lúc sau thì anh Ba, anh Thọ, anh Thượng Vũ, các đồng chí Văn phòng cũng về tới, tạm thời sơ tán qua kinh Bùi, lau sậy vô cùng rậm rạp... Các đồng chí bên quân sự cho biết địch càn quét lớn, bao gồm thủy, lục, không quân, đánh phá Đồng Tháp Mười, các cơ quan đầu não của Nam Bộ..., Xứ uỷ nên ra khỏi vùng Đồng Tháp Mười. Thế là một cuộc hành quân lợi bùng suốt đêm, lên tới Long Châu Tiền an toàn dưới sự hướng dẫn của đồng chí Cao Đăng Chiếm, lúc đó là Giám đốc Quốc gia Tự vệ cuộc Nam Bộ, cùng với một tiểu đội chiến sĩ võ trang.

Địch hoàn toàn thất bại, không đạt được mục đích. Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ lại trở về căn cứ Đồng Tháp Mười làm việc, nhưng nhận định rằng: Không thể yên ổn làm việc lâu dài ở căn cứ Đồng Tháp Mười được, sẽ bị địch thường xuyên uy hiếp. Vì vậy, Xứ uỷ quyết định dời toàn bộ cơ quan đầu não của Nam Bộ về miền Tây, xây dựng căn cứ địa lâu dài và vững chắc, nơi có vùng tự do rộng lớn, dân cư đông đúc và có truyền thống cách mạng.

Tôi được đi theo anh Thọ, anh Duẩn, anh Thượng Vũ, cùng nhiều đồng chí khác, bọc qua Campuchia về miền Tây Nam Bộ, nơi có điều kiện tương đối ổn định để triển khai mọi mặt công tác.

Về miền Tây Nam Bộ, tôi không còn ở Văn phòng Xứ uỷ nữa, mà ở chung với anh Thọ, là thư ký của anh và giúp anh trong công tác Đảng, tổ chức cán bộ và dân vận. Anh Thọ bắt đầu rà soát lại cán bộ các khu uỷ, tỉnh uỷ, Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn. Anh Thọ bàn với anh Ba, Thường vụ Xứ uỷ kế hoạch chấn chỉnh, củng cố, tăng cường chất lượng các cấp uỷ, xây dựng lề lối làm việc, nền nếp báo cáo thỉnh thị, quan hệ làm việc giữa Xứ uỷ với cấp dưới trực tiếp và các ban, ngành, đoàn thể trực thuộc.

Văn phòng Xứ uỷ được tăng cường. Một số ban chuyên môn giúp việc Xứ uỷ được thành lập như Ban Đảng vụ (sau đổi thành Ban Tổ chức - Kiểm tra), Ban Dân vận, lúc đầu cùng chung với Ban Tổ chức - Kiểm tra, sau tách ra thành một ban riêng. Các Ban Công vận, Nông vận, Phụ vận, Thanh vận, Tôn giáo vận, Hoa vận, Khơme vận, v.v. được tăng cường hoặc được thành lập mới.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ uỷ đối với các mặt công tác được tăng cường chặt chẽ, sát sao hơn. Phong trào kháng chiến có những chuyển biến tích cực, mạnh mẽ hơn!

Xứ uỷ tính đến việc mở lớp huấn luyện bồi dưỡng, nâng cao trình độ và đào tạo cán bộ, giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức - Kiểm tra, cùng Văn phòng Xứ uỷ chuẩn bị chương trình huấn

luyện, tuyển chọn cán bộ đi học, chuẩn bị địa điểm, lo vật chất cho lớp học... Năm 1950, Trường Huấn luyện cán bộ mang tên đồng chí Trường Chinh, khóa 1 được mở. Hàng trăm học viên của các tỉnh, thành từ Bình Thuận trở vào tận mũi Cà Mau đã lần lượt đến học (Trường Trường Chinh tiếp tục mở lớp cho tới khóa 3).

Tôi xin trở lại nói về phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ. Từ khi Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch lên Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và miền Đông hoạt động và sau khi Thường vụ Xứ uỷ, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ chuyển về miền Tây, thì theo tôi trên thực tế không còn phái đoàn nữa. Đồng chí Lê Đức Thọ hoạt động với tư cách là Đặc phái viên của Thường vụ Trung ương Đảng, gắn chặt với Xứ uỷ do đồng chí Lê Duẩn là Bí thư. Đồng chí Thọ không tham gia Xứ uỷ nhưng tham gia mọi sinh hoạt của Xứ uỷ.

Đồng chí Dương Quốc Chính cũng hoạt động như một Đặc phái viên của Bộ Tổng chỉ huy, nhưng dưới sự chỉ đạo, phân công trực tiếp của đồng chí Lê Đức Thọ, đồng chí Lê Duẩn và cùng với Xứ uỷ xuống công tác ở miền Tây cho tới ngày tập kết ra Bắc.

Phái đoàn tuy không có tuyên bố giải thể, nhưng trên thực tế mỗi người nhận công tác khác nhau, theo sự bố trí của Trung ương và Xứ uỷ.

Về miền Tây một thời gian ngắn, vào cuối năm 1949, tôi được bổ sung làm Uỷ viên dự khuyết Xứ uỷ Nam Bộ.

Anh Thọ cho tôi ra "ở riêng", làm Phó Trưởng ban Thường trực Ban Đảng vụ, rồi Ban Tổ chức - Kiểm tra - Dân vận của Xứ uỷ do anh Thọ làm Trưởng ban. Về sau, tôi còn làm việc ở nhiều ban khác nữa, không tập kết ra Bắc mà tiếp tục ở lại Nam Bộ giúp việc anh Lê Duẩn.

Vinh dự lớn của tôi là đã góp phần cống hiến nhất định đối với phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ vào công tác Nam Bộ năm 1948, đã trở thành một cán bộ của Nam Bộ thành đồng, của dân tộc và của Đảng, dưới sự dạy dỗ, dìu dắt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

ANH SÁU THỌ VÀ NAM BỘ MẾN YÊU

Trung tướng Dương Quốc Chính*

Năm 1948, tôi được gọi về Chiến khu Việt Bắc để đi vào Nam Bộ, trong phái đoàn quân - dân - chính - đảng, có đồng chí Lê Đức Thọ, Thường vụ Trung ương Đảng dẫn đầu. Đại diện quân đội là tôi lúc đó đang làm Chính uỷ Liên khu 1, đại diện Chính phủ là đồng chí Phạm Ngọc Thạch, Thứ trưởng Phủ Thủ tướng. Chúng tôi đi vào dịp trung thu. Cả đoàn hẹn nhau tập kết ở Đặng Giang. Tôi đi chưa đến Vân Đình thì địch nhảy dù xuống đây tàn phá dữ dội. Chúng tôi đi bộ xuống Ninh Bình, từ đó đến bến cầu Yên vào Thanh Hóa. Đến Thanh Hóa, đoàn tổ chức lễ thụ phong quân hàm thiếu tướng cho đồng chí Nguyễn Sơn, một trong mười tướng đầu tiên của nước ta. Thiếu tướng Nguyễn Sơn có vẻ tâm tư, đồng chí Lê Đức Thọ gặp động viên tướng Nguyễn Sơn hãy cố gắng xây dựng quân đội cho tốt. Đảng và quân đội sẽ không bao giờ quên công lao của đồng chí. Đồng chí Lê Đức Thọ và chúng tôi gặp đồng chí Nguyễn Chí Thanh, lúc đó là Bí thư Khu 4. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh báo cáo tình hình Khu 4 chuẩn bị kháng chiến. Chúng tôi góp ý kiến và truyền đạt ý kiến của Bác và Thường vụ Trung ương.

Làm việc ở Thanh Hóa xong, chúng tôi đi Nghệ - Tĩnh, ở đây cả đoàn lên thăm đền thờ Phan Đình Phùng, thăm đồn Linh Cảm, nơi có cơ sở Chu Lễ, vừa in tiền vừa thử nghiệm sản xuất bom bay. Anh em thử bom bay cho đoàn xem, nhưng thử

* Nguyên: - Uỷ viên Trung ương Đảng,
- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

nghiệm lần ấy không thành công lắm.

Đoàn tiếp tục đi vào Quảng Bình đang bị địch tạm chiếm. Cả đoàn vượt dải Trường Sơn hùng vĩ. Mọi người đi trên đường khá vất vả. Đồng chí Lê Đức Thọ có sáng kiến là làm một tờ báo lấy tên là *Băng Ngân*. Mỗi người làm một bài gửi cho chủ bút Lê Đức Thọ. Qua mỗi chặng nghỉ, anh em ngồi lại đọc báo và cười vui. Có điều đáng lưu ý là đến tỉnh nào, đoàn cũng nghe báo cáo về tình hình kháng chiến của quân, dân, chính và góp ý kiến về các mặt. Những vấn đề của Đảng và chính trị, đồng chí Lê Đức Thọ góp ý kiến rất tỉ mỉ.

Qua Quảng Trị, đoàn đi khá gian khổ. Địch đã mang một tiểu đoàn ra phục kích cả tháng trời ở đường 9 để diệt phái đoàn ta, nhưng đoàn vẫn vượt qua một cách an toàn. Đồng chí Lê Nam Thắng, lúc đó là chỉ huy ở Quảng Trị mang quân đi đón đoàn ở đường 9. Bắt đầu từ chặng đường này là chặng đường gian khổ. Địch đã chiếm hoàn toàn Quảng Trị, ta đóng ở chiến khu Ba Lòng. Muối, rồi thực phẩm không có để ăn. Chúng tôi quyết định mua một con bò để làm ruốc cho đoàn, nhưng thực ra là để bồi dưỡng cho anh em Quảng Trị.

Trên đường đi, anh Thọ yếu nhất, có lẽ 9-10 năm tù dày đã ảnh hưởng đến sức khỏe của anh. Lúc đó anh Thọ mới 37 tuổi. Anh Phạm Ngọc Thạch và tôi khỏe hơn, có lúc cũng bị ốm đau quặt ngă. Đến Phong Điền, tôi bị ốm phải nằm lại. Anh Thọ rất quan tâm nên cử đồng chí Phạm Ngọc Thạch là bác sĩ, và một sinh viên y khoa ở lại chăm sóc tôi, còn đoàn đi trước. Đoàn qua Thừa Thiên, các anh Trần Sâm, Hoàng Anh, Trần Quý Hai ra đón. Đến Quảng Nam - Đà Nẵng, anh Trần Đình Tri ra đón, sau đó chúng tôi đi Tam Kỳ bằng một toa xe nhỏ trên đoạn đường sắt còn lại. Nhiệm vụ của đoàn trong chuyến đi vào Quảng Ngãi là trao quyết định thành phần Ủy ban Kháng chiến Khu 5 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký. Chúng tôi đến ăn Tết tại nhà riêng đồng chí Phạm Văn Đồng, Bí thư Khu uỷ Khu 5. Lúc này đồng chí Nguyễn Duy Trinh là Phó Bí thư khu, cụ Lê Đình Thám là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến khu. Bữa cơm ở

nhà anh Đồng giản dị nhưng ấm cúng. Sau đó anh Thọ và tôi đi thăm triển lãm tơ lụa. Lúc này thủ đô tơ lụa đã chuyển về Khu 5. Anh Thọ động viên anh em. Tết năm 1949, anh em trong đoàn tập kịch, học nhạc sau đó biểu diễn cho đồng bào ở Quảng Ngãi xem. Có một người Nhật ở lại theo ta kháng chiến chống Pháp, tôi chỉ nhớ tên Việt của anh ta là Hồ Chí Long, thiếu tá Nhật. Anh Thọ gặp anh Đồng, sau đó bàn bạc với tôi có nên nhận Hồ Chí Long hay không. Đồng chí Thọ gặp Hồ Chí Long hỏi:

- Tại sao anh muốn đi Nam Bộ?

Hồ Chí Long tâm sự hết với đoàn ta, cuối cùng Khu uỷ đồng ý cho đi. Sau này Hồ Chí Long hy sinh ở chiến trường Nam Bộ.

Qua Bình Định đến Phú Yên, đoàn gặp Phòng liên lạc miền Nam do anh Khâm phụ trách. Đoạn đường này là đoạn đường gay go gian khổ. Anh Thọ rất chú ý đến việc phân công, bố trí để bảo đảm an toàn cho đoàn đi. Trên đường đi từ trạm nọ đến trạm kia có ký hiệu sẵn là một bó lá xanh buộc lên cây, nếu mất, không dừng lại mà cứ đi thẳng lên trạm trước. Sáu anh em liên lạc đã bị giết dọc đường từ cực Nam Trung Bộ vào Nam Bộ. Có lần anh Lê mang vàng chui vào một hầm có nắp đá, địch đi lại trên nóc hầm mà không phát hiện ra anh. Một đêm vượt qua sông Cần Giuộc, nước sông rút đi, chúng tôi bị sa lầy vì con nước chưa lên. Chúng tôi lội xuống bùn mà đi, hai người xốc nách kéo anh Thọ lết qua bùn. Đến Đồng Tháp Mười đúng vào tháng 5-1949, gặp các đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ uỷ, anh Phạm Hùng phụ trách Công an Nam Bộ, anh Phạm Bạch, Chủ tịch, đoàn làm lễ trao bức thư của Bác Hồ cho cụ Cao Triều Phát là Trưởng phái Cao Đài mười hai, phái hợp nhất. Thư động viên đồng bào đạo Cao Đài kháng chiến. Sau khi đoàn vào, Nam Bộ tổ chức hai hội nghị: Hội nghị quân sự miền Nam và Hội nghị quân - dân - chính. Anh Lê Duẩn và anh Lê Đức Thọ chủ trì hội nghị. Sau đó đồng chí Lê Duẩn điện ra Việt Bắc

đề nghị với Bác và Trung ương để đoàn được ở lại tăng cường cho miền Nam. Trung ương đồng ý. Tôi được điều về làm Chính uỷ Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Anh Phạm Ngọc Thạch được điều về làm Chủ tịch Sài Gòn - Chợ Lớn. Anh Lê Đức Thọ làm Phó Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ.

Năm 1951, do tình hình kháng chiến có nhiều khó khăn, Liên khu Nam Bộ được chia ra làm hai phân liên khu: phân liên khu Đông và phân liên khu Tây. Đồng chí Lê Duẩn phụ trách phân liên khu Đông, đồng chí Lê Đức Thọ phụ trách phân liên khu Tây hay còn gọi là Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc đó phụ trách tuyên huấn Liên khu uỷ đóng tại miền Tây cùng với đồng chí Lê Đức Thọ. Năm 1951, ở chiến khu Việt Bắc diễn ra Đại hội lần thứ II của Đảng, đồng chí Lê Duẩn và cả anh Sáu Thọ đều không ra được. Đến năm 1953, khi miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất thì đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ chủ trương Nam Bộ không cải cách ruộng đất như miền Bắc vì ở Nam Bộ, bọn địa chủ, phản động đều đã chạy. Đất đai đã được chia cho nông dân một phần quan trọng. Trong khi đó, ở miền Bắc, địa chủ vẫn còn ở trong lòng kháng chiến. Năm 1955, khi tập kết ra Bắc, đồng chí Lê Đức Thọ đã được bổ sung vào Bộ Chính trị và được phân công làm Trưởng ban sửa sai cải cách của Đảng.

Đồng bào Nam Bộ trong những ngày kháng chiến gọi anh Thọ là anh Sáu Búa - Sáu Thọ mến yêu vì anh là người hay nói thẳng và đã nói cái gì là làm đến cùng. Anh hết lòng thương yêu đùm bọc đồng chí cũng như đồng bào.

Vĩnh Quang Lê ghi

ĐẾN ĐÔNG THÁP MUỖI

Lê Hồng Lĩnh*

Tháng 9-1948, Bác Hồ và Trung ương Đảng cử một phái đoàn cấp cao vào Nam Bộ. Phái đoàn gồm các đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Thường vụ Trung ương, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương lãnh đạo; Phạm Ngọc Thạch, Thứ trưởng Chủ tịch phủ; Dương Quốc Chính, Thiếu tướng Chính ủy Khu Việt Bắc.

Cuối tháng 9, đi từ Việt Bắc, phái đoàn đã đến chợ Xê, huyện Mỹ Đức thì dừng lại mấy hôm để anh Thọ làm việc với Khu ủy Khu 3 và tỉnh Lương Hà (Hà Nội và Hà Đông) và làm lễ cưới cho anh Lê Quang Đạo với chị Nguyệt Tú.

Phái đoàn Trung ương đến Thanh Hóa thì tổ chức lễ thụ phong quân hàm Thiếu tướng cho Khu trưởng Khu 4 Nguyễn Sơn. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch thay mặt Chính phủ làm chủ lễ và trao danh thiếp của Bác Hồ gửi Nguyễn Sơn.

Vào cuối tỉnh Hà Tĩnh, tại xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, phái đoàn dừng lại mấy ngày chuẩn bị lương thực, thực phẩm mà vượt Trường Sơn và cũng để nhận 80 kg vàng ở Sở Tài chính Trung Bộ đưa vào chi viện cho Nam Bộ.

Cuối năm 1948, phái đoàn gặp đồng chí Phạm Văn Đồng và phu nhân khi đến Tam Kỳ trên đường đồng chí ra Trung ương nhận nhiệm vụ Phó Thủ tướng.

Phái đoàn đến căn cứ Liên khu 5 ở An Sơn, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi thì đúng vào năm mới 1949. Phái đoàn

* Nguyên: - Cán bộ Phái đoàn kiểm tra Trung ương Đảng và Chính phủ,
- Bí thư Văn phòng Chính ủy Nam Bộ, thư ký đồng chí Lê Duẩn.

ở lại đây một thời gian để các đồng chí lãnh đạo Đoàn làm việc với Liên khu 5 và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 gồm các đồng chí Nguyễn Chánh, đồng chí Trần Lương, đồng chí Nguyễn Đôn...

Vào đến Bắc Khánh Hòa thì phái đoàn tạm thời thôi đi bộ. Anh Cả Khâm (Nguyễn Văn Khâm), Trưởng ban Liên lạc miền Nam thu xếp cho phái đoàn đi thuyền ven biển để vào Nam Bộ. Cả phái đoàn chia ra làm ba đoàn cho gọn nhẹ để đi vào làm ba đợt cách nhau, bảo đảm an toàn. Đoàn một gồm các đồng chí lãnh đạo, có thêm anh Lê Toàn Thư, anh Vũ Quang Triệu, anh Hồng Châu, anh Tiệp, anh Ban y tá và hai đồng chí bảo vệ là anh Thành và anh Trụ. Đoàn hai do tôi - Lê Hồng Lĩnh - phụ trách, có các anh Lưu Quý Kỳ, Nguyễn Văn Mẫn, Nguyễn Phổ và ba đồng chí liên lạc. Đoàn hai mang ít tài liệu và 40 kg vàng. Đoàn ba do anh Trần Quang Lê phụ trách gồm anh Lê Văn và anh em nhân viên liên lạc, mang rất nhiều tài liệu và 40 kg vàng.

Tháng 4-1949, đoàn các đồng chí lãnh đạo đã đến Đồng Tháp Mười và cơ quan Xứ uỷ ở vùng Gò Tháp. Tháng 5, đoàn hai chúng tôi mới tới nơi. Tháng 6, đoàn ba mới tới. Đoàn ba bị địch phục kích ở Cà Ná, Ninh Thuận khi mới từ thuyền lên bờ. Nhìn anh Trần Quang Lê quần áo bị rách, ba lô lỗ chỗ mấy vết đạn mới biết anh em đã phải gian nan lắm mới vượt được vòng vây.

Đoàn các đồng chí lãnh đạo đến Đồng Tháp Mười chưa được mấy hôm thì một cuộc lễ chưa từng có được tổ chức ở đây.

Đây là lễ đón tiếp phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ và là lễ chính thức thụ phong quân hàm Trung tướng cho Tư lệnh Nam Bộ Nguyễn Bình.

Cuộc lễ diễn ra trên một vùng đất khô ráo phía nam kinh Dương Văn Dương vào cuối tháng 4-1949. Tham dự cuộc lễ, thay mặt Xứ uỷ có đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Ung Văn Khiêm, đồng chí Nguyễn Thanh Sơn, đồng chí Thượng Vũ, đồng chí Nguyễn Thị Thập. Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ có Chủ tịch Phạm Văn Bạch, Phó Chủ tịch Phạm Ngọc Thuần,

Ủy viên Nội vụ Ung Văn Khiêm, Ủy viên Ngoại vụ Nguyễn Thanh Sơn, Giám đốc Sở Công an Diệp Ba, Giám đốc Sở Tư pháp Lê Đình Chi, Giám đốc Sở Thông tin Huỳnh Tấn Phát, Giám đốc Sở Y tế Nguyễn Văn Hưởng. Về phía Bộ Tư lệnh Nam Bộ có Tư lệnh Nguyễn Bình, Chính ủy Phạm Ngọc Thuần, Phó Tư lệnh Lê Duẩn, Tham mưu trưởng Nguyễn Chánh, Chủ nhiệm Chính trị Nguyễn Long. Về các đoàn thể cách mạng có Đoàn Thanh niên do anh Trần Bạch Đằng phụ trách, Đoàn Phụ nữ Nam Bộ do chị Mười Thập đứng đầu. Đại diện nhân dân ba xã Tháp Mười, Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập cũng có mặt tham dự. Cả Tiểu đoàn 404 chủ lực của Nam Bộ do anh Nguyễn Đức Hình làm Tiểu đoàn trưởng, anh Nguyễn Văn Sơ làm Chính trị viên với đội ngũ chính tề đã có mặt từ đầu.

Phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ có các đồng chí lãnh đạo Lê Đức Thọ, Phạm Ngọc Thạch, Dương Quốc Chính và đồng chí Lê Toàn Thư, Vũ Quang Triệu.

Sau lễ chào cờ và cuộc duyệt binh trang nghiêm, Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch thay mặt Chính phủ long trọng đọc bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Gửi các Ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ, các tỉnh, quận và xã ở Nam Bộ"*, đề ngày 15-9-1948, trong đó Người khẳng định: "Trong mọi việc, chúng ta chỉ có một mục đích, là phụng sự đồng bào, phụng sự Tổ quốc. Chúng ta chỉ có một phương châm, là chí công vô tư"¹.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đọc tiếp *"Thư gửi nam nữ thanh niên và nhi đồng Nam Bộ"* của Bác Hồ. Bác động viên: *"Các cháu phải dũng cảm tiến lên, làm cho xứng đáng là con cháu của Phù Đổng Vương, của Trần Quốc Toản. Cho xứng đáng là thanh niên và nhi đồng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thống nhất và độc lập"*².

Sau tiếng hô vang: Nghiêm! Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ long trọng tuyên bố chính thức phong tặng quân hàm Trung tướng cho Tư lệnh

Nguyễn Bình, đặt lòng tin của Chính phủ và quân đội vào vị trí Trung tướng đầu tiên và độc nhất của quân đội lúc này trong sự nghiệp chỉ huy lực lượng vũ trang nhân dân Nam Bộ, Thành đồng Tổ quốc, đánh thắng thực dân Pháp ở nơi địa đầu đất nước.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đọc tiếp *Thư gửi các tướng sĩ Vệ quốc quân và dân quân du kích Nam Bộ* cũng đề ngày 15-9-1948 của Bác Hồ, trong đó Bác căn dặn: "Trong phong trào Thi đua ái quốc, *luyện quân lập công* ngày nay, tôi mong các đồng chí cố gắng phát triển các ưu điểm, sửa chữa các khuyết điểm, để làm cho bộ đội ta thật xứng đáng là bộ đội của một nước Dân chủ Cộng hòa, xứng đáng với nhiệm vụ vẻ vang là giải phóng Tổ quốc và bảo vệ nhân dân"¹.

Trung tướng Nguyễn Bình đã rất xúc động, hết lòng cảm tạ Bác Hồ và Chính phủ đã trao tặng quân hàm Trung tướng, nhận rõ nhiệm vụ nặng nề của người thứ hai trong hàng ngũ tướng lĩnh của toàn quân, hứa sẽ không ngừng trung với nước, hiếu với dân, kiên quyết dẫn dắt quân đội và dân quân toàn Nam Bộ đánh thắng quân Pháp ở địa bàn xa Trung ương nhất. Trung tướng hiệu triệu toàn quân ra sức luyện quân lập công, miệt mài luyện tập xây dựng lực lượng, dũng cảm và mưu trí chiến đấu bảo vệ nhân dân, giải phóng Tổ quốc, làm vẻ vang Nam Bộ đi đầu trong kháng chiến.

Những tiếng vỗ tay hoan hô vang dậy với những tiếng kèn đồng thúc giục, càng làm náo nhiệt cuộc lễ lịch sử này giữa căn cứ Đồng Tháp Mười bao la.

Phải đến 15 ngày sau cuộc lễ, đoàn hai chúng tôi mới tới Đồng Tháp Mười. Chúng tôi chuyển tài liệu cho phái đoàn và 40 kg vàng cho ngân khố Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ xong thì về ở tạm tại trụ sở Phụ nữ Nam Bộ ở xã Hậu Thạnh trên bờ kinh Dương Văn Dương. Trụ sở đang vắng chủ vì các chị đang đi công tác và xuống cơ sở.

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 498, 501.

Trong khi chúng tôi chờ đợi để nhận phân công công tác mới, anh Lưu Quý Kỳ có nhã ý là tổ chức cuộc nói chuyện về *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam* cho các đồng chí nhà văn, nhà báo và các nghệ sĩ ở Đồng Tháp Mười. Cuộc nói chuyện đã diễn ra trong một hội trường tranh tre lá, có những hàng ghế làm bằng các tấm ván thô. Các văn nghệ sĩ đã đến khá đông, có tới năm, sáu chục người. Anh Ba Lê Duẩn nghe nói có cuộc nói chuyện về *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam* cũng tới dự. Đây là lần đầu tiên chúng tôi được gặp anh Ba. Anh mặc bộ bà ba nâu, người cao hơi gầy nhưng có đôi mắt đặc biệt sáng. Tôi và anh Lưu Quý Kỳ đến chào anh Ba, anh ra hiệu cho anh Kỳ cứ tiếp tục nói chuyện và ngồi vào một cái ghế ở gần phía cuối.

Anh Lưu Quý Kỳ đã được thảo luận nhiều về *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam*, khi ở vùng tự do Khu 4 tại Thanh Hóa. Anh đã được nghe anh Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng nói về *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam*. Bản thân anh Lưu Quý Kỳ cũng là một nhà hùng biện. Với vốn lý luận về văn hóa rất dày, anh Kỳ nói chuyện rất hấp dẫn và thuyết phục. Tóm tắt lại anh nói văn hóa phải có nội dung khoa học, hình thức dân tộc và phục vụ đại chúng... Văn hóa phải: Khoa học - Dân tộc - Đại chúng.

Anh Lưu Quý Kỳ vừa nói xong, anh Ba ở cuối hội trường giơ tay phát biểu: "Dân tộc chỉ hình thức thôi à?". Ý của anh Ba là văn hóa phải có nội dung dân tộc, dân tộc là nội dung, không phải chỉ là hình thức.

Về nhà, anh Kỳ nói với tôi: "Khi nghe anh Ba hỏi vậy, mình toát mồ hôi ra, anh Ba nói đúng, dân tộc không chỉ là hình thức của văn hóa. Phải là nội dung của văn hóa".

Anh Kỳ đưa cho tôi quyển sách *Luận văn nghệ vấn đề* của Mao Trạch Đông viết bằng chữ Hán, tôi cũng biết võ vẽ chữ Hán. Tôi đọc thấy: Văn hóa nội dung khoa học, hình thức dân tộc,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 499 - 500.

phục vụ đại chúng, mới thấy rằng anh Ba Lê Duẩn có sự độc lập suy nghĩ rất sâu sắc, đúng đắn.

Ý kiến của anh Ba được anh Lưu Quý Kỳ báo cáo ra Trung ương. Dự thảo *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam* đã được chấn chỉnh và ghi rõ nội dung dân tộc.

Cuộc nói chuyện của anh Lưu Quý Kỳ ở bên bờ kinh Dương Văn Dương vào giữa tháng 5-1949 dẫn tới sự góp ý độc đáo của anh Ba Lê Duẩn là cái mốc dẫn tới sự hoàn thiện của *Đường lối cách mạng văn hóa Việt Nam* của Đảng ta.

Đến tháng 6-1949 thì tất cả Phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ từ các đồng chí lãnh đạo đến các cán bộ, nhân viên, liên lạc đều đã đến Đồng Tháp Mười. Đoàn quân báo có Cục phó Hoàng Minh Đạo và anh Nguyễn Quế (Nguyễn Hồng Quân), anh Phạm Dân - Hoa kiều vụ đã đến kịp. Cả đoàn gồm bốn mươi cán bộ tiểu đoàn, đại đội do các đồng chí Hùng Thế Bằng, Trung đoàn Phó, đồng chí Phạm Hồng Sơn, Tiểu đoàn trưởng phụ trách - đoàn mà Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh cho đi theo Phái đoàn Trung ương để tăng cường cho Nam Bộ, đi suốt dọc Trường Sơn cũng đã tới Đồng Tháp Mười.

Từ thời gian ấy, công tác kiểm tra của Phái đoàn được triển khai rộng rãi. Các đồng chí lãnh đạo phân công nhau, anh Sáu Thọ làm việc với anh Ba và Xứ uỷ, anh Tư Thạch làm việc với Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính, anh Dương Quốc Chính làm việc với Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Cán bộ của Phái đoàn chúng tôi cùng một số cán bộ của đoàn Bộ Tổng tư lệnh được phái đi các địa phương và đơn vị bộ đội ở Khu 7, Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Khu 8.

Sau một thời gian gần hai tháng đi kiểm tra các địa phương, đơn vị, chúng tôi, cán bộ chính trị hay quân sự đều tập trung báo cáo với anh Sáu Thọ.

Ngày 9-9-1949 đã diễn ra cuộc hội nghị lớn chưa từng có ở Nam Bộ: Hội nghị cán bộ quân sự toàn Xứ. Hội nghị được tiến hành tại một hội trường mới dựng lên ở giữa hai xã Hậu Thành và Nhơn Hòa Lập phía bờ nam kinh Dương Văn Dương.

Dự hội nghị về Xứ Quân uỷ và Bộ Tư lệnh Nam Bộ có: đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ Quân uỷ, Phó Tư lệnh Nam Bộ, đồng chí Nguyễn Bình, Tư lệnh Nam Bộ, đồng chí Phạm Ngọc Thuần, Chính uỷ Nam Bộ. Cơ quan Tham mưu có đồng chí Nguyễn Chánh, cơ quan Chính trị có đồng chí Nguyễn Long, cơ quan Phòng Dân quân có Lê Thám, Lê Dũng.

Phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ có đồng chí Lê Đức Thọ, đồng chí Phạm Ngọc Thạch, đồng chí Dương Quốc Chính và một số cán bộ tùy tùng Lê Toàn Thư, Lê Hồng Lĩnh...

Khu 7 và Khu Sài Gòn - Chợ Lớn có các đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Nguyễn Văn Trị, Tô Ký, Phan Trọng Tuệ, Huỳnh Văn Một, Nguyễn Văn Dung, Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Lung, Vũ Huy Xứng, Bùi Thanh Khiết. Cán bộ các trung đoàn có các đồng chí Nguyễn Văn Thi, Hứa Văn Yên, Trần Văn Đẩu, Nguyễn Văn Huột, Nguyễn Văn Truyện, Nguyễn Văn Công, Nguyễn Văn Bảo...

Khu 8 có các đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, Nguyễn Đăng, Đinh Ngọc Thủy. Cán bộ các trung đoàn có các đồng chí Đồng Văn Cống, Nguyễn Văn Thời, Nguyễn Hữu Xuyến, Dương Cự Tầm, Lê Quốc Sản, Phan Vân, Nguyễn Thông, Nguyễn Quang Việt, Nguyễn Văn Sĩ.

Khu 9 có các đồng chí Nguyễn Văn Trấn, Võ Quang Anh, Nguyễn Xuân Hoàng. Cán bộ trung đoàn có các đồng chí Tào Ty, Hứa Bá Lộc, Huỳnh Thủ, Nguyễn Văn Sa, Hồ Hùng, Bửu Vinh, Đào Công Tâm.

Đồng chí Lê Duẩn đã đọc một báo cáo rất quan trọng. Đồng chí chỉ ra đế quốc Pháp đã thực hiện chiến tranh tổng lực từ càn quét đàn áp khủng bố, đến phá hoại kinh tế và tổ chức bộ máy gián điệp để bình định cho được Nam Bộ, nhưng có đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và được nhân dân ủng hộ, ta đã duy trì và đẩy mạnh chiến tranh du kích tiến lên đánh một số trận lớn ở Khu 7, Khu 8 và Khu 9. Đồng chí đã tổng kết: "Nam Bộ ít rừng núi, bộ đội ta phải dựa vào căn cứ do rừng người chiến đấu tạo nên và dùng phương pháp xoay vòng tròn

để đánh giặc". Nhắc nhở các cán bộ khắc phục tư tưởng cá nhân, cục bộ địa phương cản trở sự thống nhất tập trung nhằm xây dựng bộ đội chủ lực lớn mạnh để học tập đánh vận động, đồng chí động viên: "Các đồng chí có muốn mưu đại sự nghiệp không? Mưu đại sự nghiệp cá nhân là tầm thường".

Sau Hội nghị quân sự Xứ, Bộ Tư lệnh Nam Bộ được tổ chức lại. Trung tướng Nguyễn Bình vẫn làm Tư lệnh nhưng anh Ba Lê Duẩn chuyển sang làm Chính uỷ Nam Bộ. Thiếu tướng Dương Quốc Chính làm Phó Tư lệnh. Tôi được giao nhiệm vụ Bí thư Văn phòng Chính uỷ Nam Bộ và làm Thư ký riêng cho anh Ba.

Báo cáo của đồng chí Bí thư Xứ uỷ được toàn thể cán bộ hoan nghênh nhiệt liệt. Các đồng chí lãnh đạo của phái đoàn kiểm tra của Trung ương Đảng và Chính phủ hết sức khen ngợi.

Ở Đồng Tháp Mười, vào giữa năm 1949 diễn ra Hội nghị cán bộ toàn Xứ. Hội nghị được tổ chức ở phía bờ bắc kinh Nguyễn Văn Tiếp. Lúc hội nghị đang tiến hành thì địch tràn vào phía nam kinh Nguyễn Văn Tiếp kéo dài. Bộ đội ta ở phía này, nòng cốt là Tiểu đoàn 307, đã ngăn chặn và đẩy lùi địch ở Ba Sao, bảo vệ cho hội nghị được tiến hành bình thường và suôn sẻ. Trong cuộc chiến đấu đẩy lùi quân giặc, đồng chí Đỗ Huy Rùa, Tiểu đoàn trưởng 307 đã anh dũng hy sinh.

Dự hội nghị, về phía Xứ uỷ có các đồng chí Lê Duẩn, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Thanh Sơn, Thượng Vũ, Mười Cúc, Phan Trọng Tuệ, Nguyễn Văn Vịnh, Nguyễn Thị Thập, Nguyễn Văn Trán, Nguyễn Văn Trí. Các khu uỷ có các đồng chí Hoàng Dư Khương, Nguyễn Văn Dự, Vương Nhị Chi. Hội nghị cũng có mặt các đồng chí Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính hoặc Uỷ viên Thường vụ các Tỉnh uỷ, Thành uỷ Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Châu Tiên, Long Châu Hậu, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá...

Phái đoàn Kiểm tra Trung ương Đảng và Chính phủ có các

đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Ngọc Thạch, Dương Quốc Chính và bốn cán bộ Lê Toàn Thư, Trần Quang Lê, Lê Hồng Lĩnh, Vũ Quang Triệu.

Thay mặt phái đoàn Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ đọc bức thư của Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi Xứ uỷ Nam Bộ và đọc báo cáo kiểm tra của phái đoàn.

Trong thư của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh viết: "Cuộc kháng chiến Nam Bộ thật có tính chất nhân dân kháng chiến, tự dân đứng dậy xông lên để tự vệ bằng mọi cách, với mọi sáng kiến, mọi khả năng...", "Cuộc kháng chiến Nam Bộ mạnh chính là ở tự động, không ỷ lại, tự lực cánh sinh", "Chiến tranh du kích Nam Bộ mạnh chính là ở chỗ lấy dân làm gốc", "Từ không có núi rừng hiểm trở mà tạo nên rừng người, núi người".

Phát biểu đánh giá phong trào cách mạng và kháng chiến và sự lãnh đạo của Xứ uỷ, đồng chí Lê Đức Thọ đã khen ngợi phong trào cách mạng và kháng chiến từ tình hình phức tạp đã được sàng lọc và cải tạo trở nên thuần nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sự phát triển ngày một rộng mạnh.

Đồng chí Lê Đức Thọ phát biểu rằng Xứ Đảng bộ đã đoàn kết được đông đảo công nhân, nông dân và đặc biệt gia tăng trí thức tin tưởng và tự nguyện chịu sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ đã thực hiện tốt chính sách đoàn kết tôn giáo, nổi bật là đối với Công giáo và Phật giáo.

Bộ đội Nam Bộ đặc biệt dũng cảm trong chiến đấu và với sự mưu trí, sáng tạo đã làm nòng cốt cho phong trào dân quân được xây dựng phát triển, đã tạo thành phong trào toàn dân đánh giặc, duy trì và phát triển chiến tranh du kích rộng rãi ở rừng núi, đồng bằng và cả ở đô thị, đồng thời đã có những trận đánh lớn Cổ Cò, Giồng Dứa, Mộc Hóa, La Ngà, Tầm Vu, Sóc Xoài, thực hiện đúng phát triển du kích chiến, học tập đánh vận động trong điều kiện thuận lợi.

Về thiếu sót, trong việc thực hiện chính sách dân tộc, ta chưa tiến được vào các vùng sâu, vùng xa ở vùng rừng núi miền

Đông Nam Bộ để đồng bào còn chịu sự đàn áp và lừa gạt của đế quốc Pháp. Đối với chính sách đoàn kết của Đảng, vụ "thanh trừ Bình Xuyên" mặc dù đặt mục đích là diệt trừ những tên phản động trong lực lượng Bình Xuyên, là sai lầm cả về chủ trương và biện pháp. Hậu quả không chỉ là chuyện Bảy Viễn mang một số quân chạy theo Pháp mà còn di họa vào phong trào đô thị Sài Gòn.

Trong một thời gian dài, Xứ Đảng bộ đã không nắm cương vị lãnh đạo, để cho Xứ uỷ Đảng dân chủ đòi chia quyền lãnh đạo với Đảng ta, với tư cách là một Đảng lãnh đạo trong Mặt trận Việt Minh, đã để cho Đảng Dân chủ mở rộng lực lượng quần chúng tổ chức Thanh niên Dân chủ, Phụ nữ Dân chủ như tổ chức Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc. Mặc dù Xứ uỷ đã khéo lãnh đạo thuyết phục và giải quyết xong, nhưng đây là một bài học cần nhớ.

Chủ trương đấu tranh kinh tế với địch, bao vây kinh tế địch là đúng nhưng cũng phải có tổ chức giao lưu kinh tế giữa vùng ta và vùng địch thích hợp với tình hình vì lợi ích của kháng chiến và của nhân dân vùng giải phóng.

Chỉ thị 4/NV có mặt tích cực là kêu gọi được nhiều người, nhiều nhân sĩ, trí thức ra kháng chiến, nhưng có thiếu sót là tạo sơ hở cho địch đưa tay chân vào phá nội bộ ta, nhất là làm hỏng cơ sở cách mạng ở nhiều nơi trong thành phố.

Về mặt khuyết điểm, đồng chí Lê Đức Thọ còn có một số nhận xét khác khá nghiêm khắc.

Sau khi đồng chí Lê Đức Thọ phát biểu, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Xứ uỷ đứng ra nhận hết những khuyết điểm, kể cả những nhận xét nghiêm khắc mà đại diện Trung ương đã vạch ra, hứa sẽ tìm cách khắc phục.

Đây là bài học tôn trọng và phục tùng sự lãnh đạo của Trung ương Đảng.

Trong thời gian diễn ra Hội nghị Xứ uỷ lần này, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ Chợ Lớn đã gặp anh Ba và nói: "Từ khi anh Thọ

vào, các đồng chí các tỉnh về cứ đến thăm gặp gỡ và nói chuyện với anh Thọ, không thấy mấy ai đến với anh Ba". Anh Ba mới nói: "Chú này tầm bậy! Anh em đến thăm đông và gặp gỡ anh Thọ là việc rất tốt, tỏ lòng ngưỡng mộ, tin tưởng Trung ương, sao chú lại có chuyện so sánh kỳ lạ như vậy".

Sau một thời gian tìm hiểu sự lãnh đạo của Xứ uỷ và trao đổi với anh Ba Lê Duẩn, anh Lê Đức Thọ đã nói với chúng tôi đại ý: "Người thay thế anh Trường Chinh chỉ có thể là anh Lê Duẩn".

Đây là một phát hiện rất quan trọng của con người dường như nắm rường mối tổ chức của Đảng. Sau này, khi mới chớm phát hiện những sai lầm trong cải cách ruộng đất, đồng chí Lê Đức Thọ đã đề nghị Bác gọi anh Ba đang làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ ra giúp Bác. Và anh Ba đã đảm nhiệm tuyệt vời nhiệm vụ Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư của Đảng từ năm 1960 đến năm 1986, nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong thư đề đạt về nhân sự cho Đại hội II của Đảng, anh Thọ viết về anh Nguyễn Văn Linh như sau: "Mười Cúc thì triển vọng lắm, nhưng còn quá trẻ...".

Anh Lê Đức Thọ cũng phát hiện ra là anh Phạm Hữu Lầu đã là một đồng chí Trung ương nhưng khi ra tù, Trung ương không nhớ để đồng chí tham gia Trung ương. Thời gian Đại hội II sắp đến, anh Thọ chỉ có thể đề nghị anh Lầu vào danh sách các ứng cử viên của Trung ương mới. Trước mắt, anh Thọ đề nghị Xứ uỷ cử anh Phạm Hữu Lầu làm Bí thư, Chủ tịch tỉnh căn cứ Đồng Tháp lớn, sau đó làm Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch tỉnh Mỹ Tho lớn gồm ba tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Gò Công. Khi anh Phạm Hùng - Uỷ viên Trung ương đang làm Giám đốc Sở Công an chuyển về làm Bí thư Phân Liên khu miền Đông, anh Phạm Hữu Lầu đã thay thế làm Giám đốc Sở Công an Nam Bộ.

Anh Phạm Hữu Lầu là một đồng chí lãnh đạo vững vàng, tài năng. Đồng chí bệnh nặng và mất quá sớm.

Cũng tại căn cứ Đồng Tháp Mười, anh Ba Lê Duẩn đón

tiếp phái đoàn của Bộ Tổng Tư lệnh vào kiểm tra về việc chuẩn bị tổng phản công của Nam Bộ. Phái đoàn do đồng chí Trần Mạnh Quỳnh làm Trưởng đoàn, có đồng chí Trần Thế Môn và một số cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn. Quan điểm của anh Ba là tổng phản công phải chủ yếu căn cứ vào thực lực bên trong của ta, không thể dựa chính vào tình hình bên ngoài ảnh hưởng vào. Cho nên anh Ba nêu khẩu hiệu cho Nam Bộ là: "Tích cực cầm cự để tiến lên chuẩn bị tổng phản công".

Tôi biết anh Trần Mạnh Quỳnh là Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ An khi tôi học đệ tứ Trường Côle Vinh và tham gia Thanh niên phản đế. Tôi hỏi anh Mạnh Quỳnh: "Anh vào kiểm tra anh Ba à?", anh Quỳnh nói: "Không, tao vào tao học anh ấy".

Cuối năm 1949, nhân mùa nước lớn chưa rút, các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ, Uỷ ban và Bộ Tư lệnh Nam Bộ rút về vùng tự do Khu 9. Căn cứ Đồng Tháp Mười lúc ấy chỉ còn là căn cứ của Khu 8 và sau đó là căn cứ của hai tỉnh lớn Mỹ Tho và Long Châu Sa.

Nhớ khi lần đầu tiên vào Đồng Tháp Mười, tôi lấy làm lạ: "Trống trải thế mà có thể là căn cứ lâu dài của Xứ uỷ, Uỷ ban và Bộ Tư lệnh Nam Bộ?".

Cánh đồng trũng rộng lớn mà người Pháp gọi là "plaine des Jones" (đồng cỏ lác) mà là căn cứ chính của Nam Bộ suốt mấy năm trời. Tôi cứ suy nghĩ mãi về điểm này. Anh Ba nói: "Nam Bộ ít rừng núi, bộ đội ta phải dựa vào căn cứ do rừng người tạo nên". Đúng là rừng người Đồng Tháp Mười đã che bộ đội, ngăn quân giặc.

Dân Đồng Tháp Mười thừa thớt, nhưng đây là những con cháu của Thiên Hộ Dương, Đốc Binh Kiều, những người đã tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ, những người thích sống tự do xa sự khống chế của thực dân, phong kiến, những người dám chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt nơi "muối kêu như sáo thổi, đũa lênh như bánh canh", sống và lao động trong vùng sinh lầy, nước phèn, nửa năm khô cằn, nửa năm nước nổi. Những người dân kiên cường ấy lại được sinh hoạt, rèn luyện trong các đoàn

thể cách mạng thanh niên, phụ nữ, nông dân, được tổ chức phần lớn vào dân quân, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn dân bảo vệ căn cứ. Phong trào phòng gian, giữ bí mật cũng được phát động trong cơ quan, bộ đội và nhân dân.

Quân địch đóng cứ điểm Mộc Hóa ở gần biên giới Campuchia, như một dao găm sau lưng căn cứ. Nhưng Mộc Hóa chỉ trở nên một đồn binh bị cô lập bị lưới chiến tranh nhân dân bao vây, chỉ được tiếp tế định kỳ bằng đường sông Vàm Cỏ Tây. Mỗi lần tàu địch tiếp tế cho Mộc Hóa là mỗi lần quân và dân ta được báo động sớm theo tiếng mõ dây chuyền.

Nhân dân Đồng Tháp Mười đã cùng bộ đội địa phương tiến hành chiến tranh du kích ở vùng đồng nước sinh lầy, lợi dụng các kinh rạch, bờ lau, bình bát... mà vây đánh địch xâm nhập, càn quét.

Đồng Tháp Mười là căn cứ lòng người, nhưng cũng có yếu tố địa hình. Điều đặc biệt là các lợi thế của địa hình được dân nâng lên, thế trống trải của địa hình lại được lòng người che chở.

NHỮNG ẤN TƯỢNG VỀ ANH SÁU THỌ

Võ Quang Anh*

Đồng chí Phan Đình Khải cùng ở tù với tôi tại Nhà tù Sơn La gần hai năm (1942 - 1943) nhưng rất ít gặp nhau, vì đồng chí Khải được đưa đi làm công việc biệt lập chỉ tối mới về ngủ trong trại giam. Sau đó tôi và anh em tù chính trị án nặng trên 10 năm khổ sai đều bị Pháp đưa đày ra Côn Đảo. Mãi đến gần cuối năm 1949, tôi được Đảng báo tin có Phái đoàn Trung ương vào Nam Bộ do đồng chí Lê Đức Thọ làm Trưởng đoàn, mà đồng chí Thọ chính là đồng chí Phan Đình Khải.

Chúng tôi, những cán bộ ở Khu 9 Nam Bộ rất háo hức mong đoàn xuống cái chiến khu ở tận cùng đất nước này. Kể từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, sau khi đồng chí Hoàng Quốc Việt, đại diện của Trung ương vào công tác ở Nam Bộ trở về Bắc, thì Khu uỷ, Quân khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 9 chưa được đón tiếp một phái viên nào của Trung ương và Bộ Quốc phòng Tổng Tư lệnh. Thế mà lần này, trong Phái đoàn Trung ương còn có một thiếu tướng làm Phái viên của Bộ Quốc phòng Tổng Tư lệnh là đồng chí Dương Quốc Chính (tức Phường) cũng là bạn tù cũ của chúng tôi ở Sơn La.

Háo hức sắp được gặp bạn tù cũ sau bao năm xa cách một phần, nhưng phần chính là mừng sẽ được đón những tin mới nhất từ Trung ương Đảng, Chính phủ và từ Bác Hồ kính yêu. Đồng thời tin rằng sẽ được giải đáp những thắc mắc có ở chúng tôi, trong quá trình thực thi chỉ thị, nghị quyết của Trung ương những năm qua.

* Nguyên: - Chính uỷ Bộ Tư lệnh Quân khu 9,
- Uỷ viên Thường vụ Khu uỷ Khu 9.

Món quà mà tôi đón được đầu tiên là "Bài phát biểu của đồng chí Lê Đức Thọ ở Hội nghị Xứ uỷ tháng 9-1949" tại Đồng Tháp Mười. Đọc bài phát biểu ấy, tôi sáng tỏ thêm nhiều vấn đề của Nghị quyết Trung ương nói về giai đoạn chiến lược "Tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển mạnh sang Tổng phản công" với phương châm chiến lược "vấn lấy du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ, tập dượt đánh vận động khi điều kiện cho phép". Điều quan trọng khác là bài phát biểu của đồng chí Thọ đã nhấn mạnh, lực lượng vũ trang Nam Bộ phải ráo riết thực hiện những nhiệm vụ thiết yếu trước mắt để phối hợp với chiến trường chính tạo thế mới, lực mới nhằm làm chuyển biến thực sự giai đoạn tích cực cầm cự và làm tốt công việc chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Đồng chí nhắc nhở: Tích cực cầm cự trên cả chiến trường toàn quốc. Đặc biệt ở Nam Bộ, càng phải đẩy mạnh du kích chiến hơn nữa, phối hợp chặt chẽ ngày càng hiệu quả hơn giữa tác chiến phá hoại và địch ngụy vận; luồn sâu vào hoạt động ở vùng địch hậu, phá tan âm mưu của đế quốc Pháp "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", nhất quyết ta không để cho địch tự do vơ vét người và của ở Nam Bộ tập trung ra đánh chiến trường chính.

Trước đó, hồi đầu năm 1949 ở Hội nghị Quân sự Nam Bộ và hồi tháng 3 ở Hội nghị Quân sự Quân khu 9, chúng tôi đã nghiên cứu, thảo luận và mổ xẻ tương đối kỹ về chuyển giai đoạn chiến lược và phương châm chiến lược mà Nghị quyết Trung ương đã đề ra. Nhưng sau khi đọc bản báo cáo nói trên của đồng chí Thọ, tôi mới chú ý hơn đến đề phòng lệch lạc thiên về nói nhiều đến "chuẩn bị tổng phản công" và "học tập đánh vận động chiến" mà coi nhẹ "tích cực cầm cự" và "lấy du kích chiến là chính".

Thực ra, từ tháng 2 đến tháng 10-1949, ở Quân khu 9 chỉ mới làm được việc phổ biến Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Quân sự Nam Bộ, đồng thời mở đợt "Rèn cán chỉnh quân" trong lực lượng vũ trang quân khu, chưa có hoạt

động nào thể hiện sự lệch lạc cụ thể về đường lối và phương châm mới.

Đến cuối năm 1949, trong cuộc Hội nghị đại biểu mở rộng của Khu Đảng bộ Khu 9, tôi được Khu uỷ phân công viết và đọc báo cáo về tình hình địch - ta vừa qua và nhiệm vụ sắp tới của lực lượng vũ trang Quân khu 9, sau khi đồng chí Bí thư Khu uỷ đọc báo cáo chung.

Thực tình tôi có hồi hộp lúc bắt đầu đọc báo cáo, vì bản dự thảo tôi gửi xin ý kiến bổ khuyết của các đồng chí Thường vụ khu uỷ viên chưa được ai góp ý, mà nay lại có sự hiện diện của hai đồng chí lãnh đạo cấp trên là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

Ngay sau khi tôi đọc xong báo cáo, người đầu tiên phát biểu nhận xét là đồng chí Lê Đức Thọ. Đến bây giờ sau 50 năm, tôi chỉ còn nhớ đại khái: đồng chí khen tôi đã nêu rõ được tình hình quân sự ở Quân khu 9, nói lên được chỗ yếu, chỗ mạnh của địch và của ta, đặc biệt là đề ra được phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp phải thực hiện trong thời gian tới, phù hợp với đặc điểm hoàn cảnh, nhằm đẩy mạnh du kích chiến, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng ba thứ quân, mở rộng vùng giải phóng, đẩy mạnh hoạt động ở vùng hậu địch, giành giật lại khối đồng bào bị địch mua chuộc, khống chế...

Quả lúc đó tôi không nghĩ đến được khen mà chỉ mong khỏi bị chê trách sai phạm mà thôi.

Liên sau đó, Hội nghị nghỉ giải lao, tôi được đồng chí Lê Đức Thọ ngoắc lên chỗ đồng chí ngồi. Đây là phút tái ngộ đầu tiên giữa hai chúng tôi kể từ khi chia tay ở Nhà tù Sơn La, nên tôi không khỏi cảm động. Đồng chí Thọ tỏ lời mừng thấy tôi tiến bộ trong lúc ở xa Trung ương, mong tôi cứ đà này cố gắng làm tốt công tác được giao.

Cũng trong Hội nghị này của Khu, trong ngày các đại biểu họp tổ để thảo luận thì anh Duẩn và anh Thọ dự cuộc họp Thường vụ Khu uỷ (cũ) tiến hành kiểm điểm. Thật là đột ngột cho tôi và có lẽ cả Thường vụ Khu uỷ khi nghe anh Duẩn chỉ định: "Đồng chí Anh chủ trì cuộc họp!". Tôi bối rối nhìn anh Thọ

thì anh lại cười và vui vẻ bảo: "Ừ, đồng chí Anh làm đi!". Tôi chỉ còn biết nghe theo và để lần lượt tự phê bình và phê bình từ các đồng chí: Nguyễn Văn Vực, Trần Văn Hiến, Văn Viên, Trần Văn Đại, Nguyễn Văn Trấn, những đồng chí trong Thường vụ Khu uỷ đương nhiệm. Rồi đến đồng chí Vương Nhị Chi và tôi là hai Khu uỷ viên cũng họp kiểm điểm. Đến nay, viết lại việc này, tôi cũng không hiểu tại sao anh Duẩn và anh Thọ lại cho tiến hành một cuộc kiểm điểm cấp uỷ không tiền khoáng hậu như vậy. Các Khu uỷ viên dự kiểm điểm không ai được báo trước để chuẩn bị bản tự phê bình và phê bình. Nếu là cuộc kiểm điểm Ban Chấp hành Khu uỷ, thì còn thiếu vắng một số Khu uỷ viên là Bí thư Tỉnh uỷ. Chỉ định tôi chủ trì cuộc họp này là phá vỡ nguyên tắc tổ chức, vì tôi chỉ là Khu uỷ viên, trong lúc hai đồng chí Bí thư và Phó Bí thư cùng dự họp. Thật là một việc lạ đối với tôi. Tuy vậy tôi cũng cố trấn tĩnh làm việc cho được suôn sẻ.

Cuối cùng, anh Duẩn nhân danh Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ tuyên bố Xứ uỷ quyết định rút đồng chí Trấn về Nam Bộ, cử đồng chí Vương Nhị Chi đảm nhiệm chức Bí thư Khu uỷ và cử đồng chí Anh vào Thường vụ Khu uỷ phụ trách quyền Chính uỷ Bộ Tư lệnh Quân khu 9, còn các đồng chí Hiến, Vực, Đại vẫn giữ trách nhiệm cũ trong Ban Thường vụ. Quyết định này đã được công bố sau đó trong cuộc Hội nghị.

Từ ấy đến tháng 5-1950, trong Hội nghị tổng kết Chiến dịch TOFACO (Sóc Trăng), tôi mới gặp anh Thọ đến dự buổi họp cuối cùng. Tôi đã báo cáo tóm tắt diễn biến cuộc Hội nghị và mời đồng chí Phó Bí thư Xứ uỷ phát biểu huấn thị cho anh em chúng tôi. Chính nhờ sự phân tích rõ cái được và cái kém của chiến dịch một cách đúng mức và công bằng, nên những đồng chí đã tham gia chiến dịch này không chủ quan và bớt hậm hực về những lời phê phán quá nặng về lý thuyết, nhấn mạnh những cái kém của những cán bộ mới ở Bắc vào phát biểu trước đó.

Về những năm sau tại Nam Bộ, tôi chỉ được gặp anh Sáu Thọ ở những hội nghị do Xứ uỷ Nam Bộ hoặc Trung ương Cục

miền Nam triệu tập. Và mỗi lần như vậy, tôi đều thấy mình thu nhận thêm được nhiều điều bổ ích về nhận thức đối với đường lối, chủ trương, quan điểm, lập trường của Đảng và tác phong của người đảng viên cộng sản.

Lớp cán bộ cấp dưới chúng tôi ở Nam Bộ lúc bấy giờ thường rỉ tai nhau: Bọn mình có cái may là được anh Ba Duẩn sáng suốt trong việc đề xuất chủ trương, phương hướng. Còn anh Sáu Thọ thì tổ chức tốt việc thực hiện, hai người bổ sung cho nhau càng làm cho cấp dưới tin tưởng, tín nhiệm thêm.

Từ năm 1953 trở về sau ở Nam Bộ, tôi không có dịp gặp anh Thọ, vì nơi tôi công tác xa Trung ương Cục miền Nam, nhưng vẫn thường nhận được điện chỉ đạo của anh. Với cương vị là Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm Chính uỷ Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây, trong những đợt tiến công phá ngục năm 1953 - 1954, anh đã có vai trò chỉ đạo sát sao việc hoạt động hợp đồng thống nhất của Quân - Dân - Chính - Đảng trong toàn Khu.

Quả thực, nếu không có anh, rồi anh Ung Văn Khiêm thay anh làm Chính uỷ trong Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây thì ở một cấp khu, với bộ máy kháng chiến đơn độc chỉ có cơ quan Bộ Tư lệnh Khu, còn lại là các cơ quan của Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ (khác hẳn với Phân liên khu miền Đông), chắc chắn khó tạo được sự phối hợp, kết hợp tốt để có thể đối chọi với Pháp - ngụy.

Anh Thọ, hồi kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ còn có biệt danh được anh em đặt là "anh Sáu Búa", nhưng đối với tôi chưa bị anh "búa" lần nào. Phải chăng đó cũng là một kỷ niệm đáng nhớ.

Đó là những ấn tượng tốt đẹp của tôi đối với anh Sáu Thọ.

NHỚ ANH SÁU LÊ ĐỨC THỌ

Lữ Minh Châu*

Gần đến kỷ niệm ngày sinh lần thứ 100 của anh Sáu Thọ (10-10-1911 – 10-10-2011), tôi nhớ đến anh như một người thầy, người lãnh đạo có lý, có tình luôn quan tâm đến cán bộ.

Có thể nói những bước ngoặt quan trọng trong quá trình hoạt động của tôi đều có "hình bóng" của anh Sáu Thọ, xin anh nhận nơi người học trò, người em này một nén hương tưởng nhớ từ tấm lòng nhân kỷ niệm ngày sinh của anh.

I

Tôi biết anh từ năm 1950, khi cơ quan Xứ uỷ Nam Bộ chuyển từ căn cứ Đồng Tháp Mười (Khu 8) về vùng U Minh miền Tây Nam Bộ (Khu 9). Lúc bấy giờ, tôi công tác tại Văn phòng Khu uỷ Khu 9. Năm 1950, một số cán bộ Văn phòng Khu uỷ Khu 9 chuyển về Văn phòng Khu uỷ Nam Bộ (sau đổi thành Trung ương Cục miền Nam), trong đó có tôi. Đây cũng là thời gian tôi thường xuyên tiếp xúc, gần gũi các anh lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, trong đó có anh Sáu Thọ, qua các buổi làm việc, sinh hoạt cơ quan và qua các cuộc hội nghị chuyên đề do Trung ương Cục chủ trì nên tôi hiểu được đức độ, tài năng và sự cống hiến của anh đối với miền Nam.

Tuy nhiên, mỗi người một hoàn cảnh, suy tư nên có những ý kiến khác nhau về anh là lẽ thường. Có người "không thích"

* Nguyên: - Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Bộ trưởng - Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,
- Phó Trưởng ban Tài chính đặc biệt trực thuộc Trung ương Cục miền Nam.

thì cho rằng anh quá khắt khe, chỉ "búa" mà ít quan tâm đến hoàn cảnh cụ thể của từng cán bộ, cho nên khi xử lý có trường hợp thiếu công bằng, thiếu chính xác... nhưng rất nhiều người, trong đó có tôi cho rằng nghiêm khắc và "búa" đối với những sai lầm của cán bộ phạm sai lầm trong công việc là cần thiết, anh Sáu "búa" nhưng có tấm lòng, xuề xòa. Bao che sai lầm của cán bộ chỉ làm hại họ và làm yếu Đảng.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, tôi tưởng không còn có dịp gặp anh nữa vì công việc mỗi người khác nhau. Không ngờ vào một ngày cuối năm 1958, anh Hai Hùng (Phạm Hùng), thủ trưởng trực tiếp của tôi cho tôi biết anh Sáu Thọ xin tôi làm thư ký cho anh Sáu vì người thư ký của anh được cử đi học nước ngoài. Tin này đến với tôi thật đột ngột, nên tôi không biết nói sao khi nghe anh Hai Hùng báo tin. Tôi vẫn nghĩ tôi ra Hà Nội không phải đi tập kết thông thường như anh chị em khác mà chỉ tạm thời để trở về miền Nam trong Phái đoàn đại diện Bộ Tổng Tư lệnh bên cạnh Ủy ban Quốc tế tại Sài Gòn. Nhưng khi phía Pháp buộc phải chấp nhận để phái đoàn đại diện Bộ Tổng Tư lệnh vào Sài Gòn thì họ lại hạn chế số lượng, chỉ có 16 người chứ không như dự kiến ban đầu là trên 20 người. Do đó, tôi không vào Sài Gòn mà về làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Hai Hùng tại Ban Thống nhất trực thuộc Thủ tướng Chính phủ để nghiên cứu tình hình miền Nam, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho hiệp thương theo Hiệp định Giơnevơ (ta biết Mỹ - ngụy cố tình phá hoại nhưng phải chuẩn bị để chủ động). Khi hiệp thương sau hai năm để thống nhất đất nước theo Hiệp định Giơnevơ không xảy ra và Phái đoàn đại diện Bộ Tổng Tư lệnh bên cạnh Ủy ban Quốc tế tại Sài Gòn không trụ lại được mà phải rút toàn bộ về Hà Nội thì nguyện vọng xin được đi học, nhất là học về kinh tế của tôi lúc bấy giờ càng tăng lên.

Vì nguyện vọng xin đi học đã ấp ủ từ lâu nên tôi bị bất ngờ khi nghe anh Hai Hùng nói ý của anh Sáu Thọ. Bất ngờ vì tôi chưa bao giờ dám nghĩ đến điều đó, tôi mạnh dạn báo cáo với anh Hai Hùng:

- Tôi rất mừng vì anh Sáu hiểu và tin tôi, nhưng tôi rất muốn đi học, xin anh nói giùm với anh Sáu.

- Muốn đi học là chính đáng, nhưng tôi đã hứa cho cậu sang làm với anh Sáu, vậy cậu trực tiếp trình bày với anh Sáu, tôi sẽ nói thêm để cậu được đi học, học xong về làm với anh càng tốt hơn - anh Hai Hùng ôn tồn nói.

Trên đường từ nhà anh Hai Hùng về, tôi miên man suy nghĩ, nửa mừng nửa lo. Mừng vì anh Sáu hiểu và tin, lo vì không biết xin đi học có được không? Học xong, nếu về làm với anh Sáu, tôi cũng vui lòng.

Một buổi sáng chủ nhật, tôi đến nhà anh Sáu.

- Anh Hai Hùng có nói về công việc sắp tới của cậu chưa? - anh Sáu hỏi sau khi hỏi thăm công việc và sức khỏe của tôi.

- Thưa anh, anh Hai có nói anh xin tôi về làm với anh - tôi chậm rãi trả lời.

- Ý cậu thế nào?

- Được anh Sáu quan tâm, tôi rất mừng và cảm ơn anh Sáu, nhưng tôi còn nhiều yếu kém, sợ không giúp được nhiều cho anh, do đó xin anh cho tôi được đi học Trường đại học Kinh tế sắp mở khóa đầu tiên tại Hà Nội - tôi tha thiết trình bày.

- Nguyên vọng của cậu là chính đáng, học xong không chỉ về làm với tôi mà còn cho miền Nam sau này, khi đất nước thống nhất.

Trầm ngâm một lúc, anh nói:

- Thôi được, tôi sẽ nói lại với anh Hai Hùng cho cậu đi học.

Thế là tôi được đi học Trường đại học Kinh tế tại Hà Nội. Học gần một năm thì tôi được chọn đi học về tài chính - ngân hàng tại Trường đại học Tài chính Mátxcova (Liên Xô).

Đây là ấn tượng sâu sắc đầu tiên của tôi đối với anh Sáu, người lãnh đạo Đảng cấp cao mà lại tin một cán bộ bình thường như tôi lúc bấy giờ, chịu nghe và giải quyết thỏa đáng nguyện vọng chính đáng của cán bộ, luôn tạo điều kiện để cán bộ tiến bộ, phục vụ đất nước... Có lẽ vậy nên không ai có thể không công nhận công lao to lớn của anh trong việc quy hoạch, đào tạo

đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước từ trước tới nay.

II

Cuối năm 1964, tôi về nước sau gần 5 năm học tại Liên Xô, anh Sáu lại lo cho tôi lần thứ hai, lần này không phải về làm việc với anh mà làm trực tiếp cho miền Nam đang chiến đấu quyết liệt chống Mỹ, cứu nước.

Vừa về đến Hà Nội thì ngay ngày hôm sau, anh Sáu Triêm (Phan Triêm, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng) báo cho tôi biết anh Sáu Thọ và anh Hai Hùng cần gặp tôi.

Tôi đến gặp anh Sáu Thọ trước.

- Cậu muốn đi học tiếp hay về Nam công tác? - Sau khi hỏi thăm việc học, gia đình trong Nam của tôi, anh Sáu hỏi.

- Thưa anh, xin anh cho tôi về Nam - Tôi trả lời ngay không chút đắn đo, do dự.

- Vậy thì tốt, anh Hai Hùng cũng có ý định cử cậu vào Nam vì trong đó đang cần người như cậu để triển khai một số việc cho miền Nam. Nhiệm vụ cụ thể như thế nào, anh Hai Hùng sẽ giao cho cậu. Những việc làm cụ thể nếu có gì chưa rõ, cậu phải hỏi cận kề anh Hai Hùng để nắm vững, về trong đó mà làm. Trước khi đi, cậu đến gặp tôi để xem có gì tôi dặn thêm - anh Sáu nói.

Tạm biệt anh, lòng tôi đầy phấn khởi vì các anh tin mình và vì mình được về Nam. Ngày hôm sau, tôi đến gặp anh Hai Hùng và được anh giao nhiệm vụ, chỉ vẽ tỉ mỉ, chu đáo những việc cần phải làm khi ở Hà Nội và việc phải làm khi về Nam. Tất cả những điều tôi phải làm do anh Hai Hùng dặn đều nhằm mục đích là cùng với một số anh em trong Nam tổ chức đường dây bí mật trong nội thành để tiếp nhận an toàn tiền (chủ yếu là ngoại tệ) của Trung ương chi viện cho miền Nam.

Tôi tranh thủ tối đa thời gian và các điều kiện sẵn có lúc bấy giờ để hoàn thành nhanh và bí mật việc chuẩn bị để lên đường càng sớm càng tốt. Nhưng không may là đường công khai về Nam bị trục trặc, cuối cùng tôi phải đi bộ theo đường Trường Sơn.

Trước khi lên đường, tôi xin gặp anh Sáu theo lời dặn của anh.

- Khi nào cậu lên đường? Mọi việc cậu chuẩn bị chu đáo cả chứ? - Anh Sáu hỏi.

- Thưa anh, mọi việc anh Hai Hùng dặn, tôi đã chuẩn bị xong, vài hôm nữa là lên đường.

- Cậu đi về Nam bằng cách nào?

- Theo dự kiến và đã chuẩn bị đi công khai bằng máy bay qua nước thứ ba, nhưng đường đi bị trục trặc, không đảm bảo an toàn, nên phải đi bộ theo đường Trường Sơn.

- Đi bộ sẽ lâu, rất vất vả, nguy hiểm dọc đường. Dạ dày của cậu lâu nay thế nào rồi, sức khỏe liệu có đảm bảo không?

- Thưa anh, tôi đi được, chờ thông đường công khai thì không biết đến bao giờ - Tôi xúc động vì sự quan tâm của anh.

- Đi được càng sớm thì càng tốt, vì trong đó đang cần cậu để triển khai công việc, nhưng cũng phải giữ gìn sức khỏe, dạ dày của cậu đã mổ cắt 2/3 rồi, không được chủ quan. Lâu nay cậu có tin tức gia đình trong Nam không?

- Cảm ơn anh Sáu quan tâm, tôi có nhận thư của vợ tôi theo đường nội bộ qua Campuchia. Nói chung, gia đình vẫn vững vàng bám trụ hoạt động.

- Môi trường hoạt động sắp tới của cậu là nội thành, hằng ngày phải đương đầu với địch nên thế hợp pháp phải thật vững vàng: gia đình, nghề nghiệp, việc làm... Riêng về gia đình, tôi sẽ nói trong đó bố trí đưa vợ cậu về sống và hoạt động hợp pháp với cậu.

Tôi mừng quá vì bài toán khó mà tôi băn khoăn chưa có lời giải thì anh Sáu đã thấu hiểu và cho lời giải thỏa đáng quá sức tưởng tượng của tôi. Anh Sáu nói là làm, sau đó gần một năm, bất ngờ vợ tôi đến Phnôm Pênh (Campuchia) với tôi do Ban An ninh Trung ương Cục miền Nam tổ chức đón và đưa đến mà trước đó tôi không hề hay biết. Có gia đình, có con thì thế hợp pháp càng vững. Nhờ đó gia đình tôi về Sài Gòn hoạt động công

khai, hợp pháp với địch cho đến ngày giải phóng miền Nam vẫn an toàn, không bị lộ.

Hôm đó tôi được anh Sáu mời ở lại dùng cơm với gia đình. Bữa cơm ấm cúng, thăm tình thầy trò, tình đồng chí.

Sau Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, từ thành phố Sài Gòn, tôi về Trung ương Cục miền Nam để báo cáo tình hình thì tôi gặp anh Sáu tại nhà anh Hai Hùng. Anh ôm tôi và nói nhiều lời tốt đẹp về hoạt động của đơn vị chúng tôi - Ban Tài chính đặc biệt trực thuộc Trung ương Cục miền Nam với bí số N 2683 (đơn vị chuyên lo tiếp nhận, chuyển đổi ra nhiều loại tiền khác, bảo quản, vận chuyển giao cho các đầu mối: Ban Kinh tài R, Cục Hậu cần Miền, các khu... theo kế hoạch của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam). Và năm 2009, đơn vị với bí số N 2683 đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Dù ở xa nhưng anh vẫn quan tâm và hiểu công việc của cán bộ. Điều này thật không phải cán bộ lãnh đạo cấp cao nào cũng được như vậy.

III

Giữa năm 1986, tôi nhận được điện của Ban Tổ chức Trung ương gọi ra Hà Nội có việc cần. Lúc bấy giờ tôi đang là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Cầm bức điện mặt do Văn phòng Thành uỷ trao mà lòng tôi rất băn khoăn, không biết có chuyện gì? Chiều hôm đó, Đài truyền hình, Đài phát thanh công bố quyết định của Bộ Chính trị bổ nhiệm tôi làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nay là Thống đốc) thì tôi mới hiểu ra Hà Nội chắc là do việc này.

Đến Hà Nội đúng hẹn, tôi gặp anh Nguyễn Đức Tâm, sau đó anh Tâm báo anh Sáu Thọ muốn gặp tôi. Tôi đến nhà anh Sáu Thọ.

- Cậu đã gặp anh Tâm chưa? - anh Sáu hỏi.

- Thưa anh, tôi đã gặp và anh Tâm đã giải thích cho tôi biết vì sao Bộ Chính trị quyết định bổ nhiệm tôi làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà chưa trao đổi trước với tôi, đồng thời động viên tôi cố gắng làm.

- Ngành ngân hàng đang cần đổi mới, đang cần có những biện pháp tích cực, hữu hiệu để góp phần khắc phục tình trạng lạm phát đang ngày càng tăng, tiền mặt đang thiếu nghiêm trọng không đảm bảo cho chi trả, cho sản xuất và lưu thông hàng hóa... Với kinh nghiệm thu thập được từ những việc đã làm có kết quả tại Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, cậu cần nhân rộng ra trong cả nước để góp phần khắc phục khó khăn đang ngày càng tăng do sai lầm về giá - lương - tiền hiện nay. Việc này khó, nhưng phải làm. Nếu cần tôi góp ý thì đến gặp tôi lúc nào cũng được.

- Thưa anh, nhiệm vụ mới này thật khó đối với tôi vì tôi chưa có sự chuẩn bị trước. Tôi có được một số kinh nghiệm về đổi mới hoạt động ngân hàng, nhưng kinh nghiệm đó chỉ là kinh nghiệm của một địa phương, của cấp thi hành. Nhưng Bộ Chính trị đã quyết định, dù khó tôi cũng xin chấp hành và cố gắng cùng với anh chị em trong ngành hoàn thành nhiệm vụ.

- Cậu chưa nên nhận việc cụ thể ngay, nên dành vài tháng đầu đi cơ sở nắm tình hình, kể cả cán bộ rồi hãy trực tiếp điều hành công việc cụ thể.

Những điều anh Sáu chỉ bảo, tôi cố gắng làm, duy chỉ có việc chưa nên điều hành công việc cụ thể ngay mà để đi cơ sở nắm tình hình thì không thực hiện được bao nhiêu vì công việc phức tạp thúc bách hằng ngày trong thời kỳ lạm phát ngày càng tăng, buộc thủ trưởng phải quyết định. Tôi đành phải vừa điều hành công việc cụ thể vừa tranh thủ tìm hiểu thêm. Có gì khó khăn, nhất là về tổ chức, cán bộ, tôi báo cáo và xin ý kiến anh Sáu. Mỗi lần tôi xin ý kiến, anh chỉ bảo rất tận tình.

Nhờ tôi có một ít kinh nghiệm cụ thể, nhờ quyết tâm, kiên trì và nhất là nhờ gắn kết được trong Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, với anh chị em cốt cán và với anh chị em trong ngành

nên khó khăn dần được khắc phục, hoạt động ngân hàng đi dần vào ổn định. Trong nhiều việc đã làm, có hai việc tôi thấy đáng nhớ nhất là:

- Phối hợp với các ngành liên quan có những giải pháp tổng hợp để chặn đứng và kéo khá nhanh tỷ lệ lạm phát xuống;

- Đồng thời cùng với anh chị em tập trung nghiên cứu để giải trình, thuyết phục cấp trên cho thí điểm việc mà chúng tôi cho là "khâu đột phá" đầu tiên và cơ bản để đổi mới tổ chức và hoạt động ngân hàng là tách chức năng quản lý nhà nước với nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ ra thành hệ thống ngân hàng hai cấp: Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Thương mại.

Chủ trương này được nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao lúc bấy giờ, trong đó có anh Sáu Thọ ủng hộ, nên ngày 3-7-1987, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ký ban hành Quyết định số 218/CT cho phép Ngân hàng làm "thử" (thí điểm) việc chuyển hoạt động của ngân hàng sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sau mấy tháng thí điểm, ngày 26-3-1988, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lại ký ban hành Nghị định số 54/HĐBT về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành hai cấp. Hệ thống ngân hàng hai cấp tồn tại đến ngày nay.

Anh Sáu đã vĩnh biệt chúng ta, nhưng tên anh và công lao của anh, nhất là công lao về tổ chức và cán bộ đối với Đảng, đối với đất nước thì không ai có thể viện lý này hay lý khác để phủ nhận hoặc làm giảm công lao đó được.

TÔI LUÔN NHỚ ĐẾN ANH

Ung Ngọc Ky*

Tôi rất ít có cơ hội được tiếp xúc, làm việc với anh Sáu Lê Đức Thọ.

Trong suốt ba mươi năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tôi chỉ hai lần được tiếp xúc với anh: một lần tại chiến khu Đồng Tháp Mười, năm 1949 trong kháng chiến chống Pháp và một lần nữa, cũng là lần cuối cùng, tại chiến khu Dương Minh Châu năm 1968 trong kháng chiến chống Mỹ. Chỉ hai lần thôi, và lần tiếp xúc thứ hai lại vô cùng ngắn ngủi, song ấn tượng tốt đẹp của tôi đối với anh Sáu, dù năm tháng đã qua lâu, vẫn không phai nhạt.

Khoảng những tháng đầu năm 1949, Trung ương cử một phái đoàn ba người gồm Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, anh Sáu Lê Đức Thọ, và Thiếu tướng Dương Quốc Chính, do Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm Trưởng đoàn, vào chiến khu Đồng Tháp Mười - lúc ấy được xem như là "thủ đô" của Nam Bộ - để giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ. Một cuộc mít tinh trọng thể, đông hàng ngàn người, được tổ chức vào một buổi chiều tối tại một địa điểm trên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp, cách không xa chợ Cái Bè, để nồng nhiệt chào mừng phái đoàn. Vì đây là lần đầu tiên kể từ khi nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (từ ngày 23-9-1945), những vị đại diện *chính thức, công khai*

* Nguyên: - Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy viên thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam,
- Thứ trưởng Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

của Trung ương vào Nam Bộ, và vì đây cũng là lần đầu tiên giữa chiến khu Đồng Tháp Mười có một cuộc mít tinh long trọng đông hàng ngàn người như vậy, cho nên tên tuổi của các vị trong phái đoàn bùng sáng lên và ảnh hưởng của cuộc mít tinh được dư luận bàn tán trong nhiều ngày. Tuy Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch là Trưởng đoàn và tên tuổi luôn luôn được quý trọng ở Nam Bộ nói chung, ở Sài Gòn - Chợ Lớn nói riêng, song dư luận trong các giới kháng chiến lúc ấy vẫn xem Lê Đức Thọ là một nhân vật trung tâm, nhân vật quan trọng nhất của phái đoàn Trung ương vì người ta hiểu chính anh là người mang vào Nam Bộ "án soái" của Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhân vật mà cho đến lúc ấy được các giới kháng chiến và nhân dân Nam Bộ vô cùng ngưỡng mộ và tuyệt đối tin tưởng, một niềm ngưỡng mộ và tin tưởng thiêng liêng như đối với các nhân vật huyền thoại trong sử sách. Do đó, tuy chưa được tiếp xúc với anh Sáu Lê Đức Thọ, từ xa, người ta vẫn có tình cảm, lòng tin tưởng và niềm kính trọng đối với anh, người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bỗng một buổi chiều, không báo trước, anh Sáu Lê Đức Thọ thân tình đến thăm cơ quan chúng tôi, do anh Huỳnh Tấn Phát, Giám đốc Sở Thông tin tuyên truyền Nam Bộ đưa đến. Đó là vào khoảng tháng 7, tháng 8-1949, chỉ một thời gian ngắn sau khi giặc Pháp nhảy dù đánh phá chiến khu Đồng Tháp Mười. Cơ quan chúng tôi, Kỳ uỷ Nam Bộ Đảng Dân chủ Việt Nam, đóng trên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp cách ngã tư Mỹ An vài cây số.

Giản dị trong bộ đồ bà ba đen với chiếc khăn rằn quấn cổ và chân đất như chúng tôi, như tất cả mọi người kháng chiến thuở ấy, với nụ cười rộng mở vốn có của mình, qua sự giới thiệu của anh Huỳnh Tấn Phát, anh Sáu đến bắt tay và ôm từng người chúng tôi trong Ban Thường vụ Kỳ uỷ Nam Bộ Đảng Dân chủ Việt Nam - Nguyễn Việt Nam, Vương Văn Lễ và tôi - như đối với những người thân lâu ngày gặp lại, chứ hoàn toàn không với hào quang của một vị đại diện đầy uy đức của Trung ương.

Rồi anh bước sang lớp huấn luyện chính trị ở bên cạnh, chào anh chị em học viên. Tất cả lớp học đồng loạt đứng phắt dậy chào anh, hết sức ngạc nhiên và rất xúc động. Vẫn với nụ cười rạng rỡ, anh đưa tay lên cao chào anh chị em học viên và nói thân tình: "Các đồng chí cứ tự nhiên. Tôi chỉ đến thăm anh em Kỳ uỷ và lớp học của các đồng chí". Một tràng pháo tay vang dội nổi lên, xen lẫn những tiếng hoan hô nồng nhiệt chào mừng anh. Ai nấy nhìn nhau vui cười, cảm thấy hạnh phúc và vinh dự được nhân vật quan trọng nhất của phái đoàn Trung ương bắt gặp đến với mình một cách rất thân tình như vậy.

Thấy chúng tôi đọc khá nhiều sách báo tiếng Pháp, nhất là sách về chủ nghĩa Mác - Lênin của Nhà xuất bản Xã hội ở Pháp (Editions Sociales) - hồi ấy sách báo chính trị tiếng Việt từ Trung ương vào còn rất hiếm - anh Sáu cười: "Các anh đọc nhiều quá..." và, vẫn tươi cười, anh nói khiêm nhường: "Tôi chỉ đọc chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử". Chúng tôi hiểu anh Sáu ngầm nhắc mình: "Hãy chú ý nhiều đến chủ nghĩa này, nền tảng quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học". Và, như hiểu được niềm tin tưởng cùng lòng tôn kính của chúng tôi đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh Sáu nói: "Bác Hồ thường nói: Phương pháp cách mạng là mối quan hệ biện chứng giữa quyết tâm, tin tâm (lòng tin của nhân dân) và đồng tâm". Trong câu chuyện với chúng tôi, không dưới một lần, anh Sáu nói vui vẻ: "Không hiểu sao, đến bây giờ, các anh vẫn chưa phải là đảng viên cộng sản. Tôi nghĩ rằng các anh đã phải là đảng viên cộng sản". Khi anh Nguyễn Việt Nam, lúc ấy là Bí thư Kỳ uỷ, đáp: "Chúng tôi tham gia cách mạng muộn quá" thì anh Sáu, với nụ cười rất tươi và rất hiền, mượn lời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đối với các vị nhân sĩ trí thức, Bác Hồ an ủi: Làm cách mạng không tính kẻ trước người sau. Tham gia sau mà nhiệt tình công tác cách mạng thì cũng có công với nước như người tham gia lâu năm". Rồi anh tiếp: "Chắc các anh biết Chế Lan Viên, anh ấy có hai câu thơ nổi tiếng tự giải tỏa mặc cảm của mình, mà đồng thời cũng giải tỏa tâm tư mặc cảm của những vị nhân

sĩ trí thức, vì lẽ này lẽ khác, chưa tham gia Đảng:

Ta đến muộn, đừng lo, Người vẫn đợi

Với Bác Hồ, Người thương nhất kẻ đi sau.

Chúng tôi cùng cười rất vui.

Câu chuyện thân tình kéo dài gần hai tiếng đồng hồ, không theo một đầu đề trọng tâm nào. Rõ ràng, anh Sáu Lê Đức Thọ chỉ thân mật đến thăm Kỳ uỷ chúng tôi với thái độ và tình cảm của một người anh lớn, lâu ngày về thăm những người em của mình trong gia đình. Vì vậy, dù đây chỉ là lần đầu gặp nhau, anh em Ban Thường vụ Kỳ uỷ chúng tôi thấy dễ dàng gần gũi, cảm mến anh, tin cậy anh như những tấm lòng đến với những tấm lòng.

Điều làm cho chúng tôi càng ngạc nhiên và quý mến anh là lúc đến giờ cơm chiều, nhìn thấy anh em bên lớp học dọn cơm, anh Sáu nói rất tự nhiên: "Đến giờ cơm rồi, thôi ta cùng đi ăn!". Ba anh em trong Thường vụ Kỳ uỷ chúng tôi nhìn nhau vừa sửng sốt, vừa hết sức bối rối! Do anh Sáu đến thăm đột xuất, không một lời báo trước, chúng tôi hoàn toàn không chuẩn bị gì, càng không có một ý thức nào dám mời anh dùng cơm với chúng tôi. Một lẽ nữa, hồi ấy chúng tôi sống rất kham khổ, sau trận nhảy dù đốt phá của giặc Pháp vừa rồi thì lại càng sống kham khổ, thiếu thốn hơn. Gạo thì còn lẫn nhiều hạt thóc (do không kịp sàng sảy), thức ăn thì chỉ với món cá khô kho với rau muống cắt ngoài đồng sau nhà. Rất may là hôm ấy vừa nhận được một hũ tương ngon của cô Hai Thanh Vân gửi tặng Kỳ uỷ lúc ban trưa. Sau trận đốt phá của giặc Pháp, chúng tôi chỉ tập trung lo kịp bàn ghế để cho lớp huấn luyện chính trị của Kỳ uỷ không bị gián đoạn, chưa kịp lo bàn ăn, cho nên anh chị em học viên và cả anh em Kỳ uỷ chúng tôi cứ dọn cơm ngay dưới đất, cùng ngồi chồm hồm mà ăn.

Hiểu được tâm trạng băn khoăn, lo lắng của chúng tôi, anh Sáu càng thân tình: "Ta cùng ngồi dưới đất ăn với anh chị em cho vui". Rồi anh chủ động kéo anh Huỳnh Tấn Phát, anh Nguyễn Việt Nam, anh Vương Văn Lễ và tôi cùng ngồi chồm

hổm xung quanh mâm cơm đã dọn sẵn cho Kỳ uỷ ngay bên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp. Riêng Nguyễn Việt Nam, chỉ còn một chân do bị thương trong trận tấn công đêm đầu tiên vào Sài Gòn sau ngày 23-9-1945, phải ngồi bệt xuống đất. Ôi! không khí bỗng nhiên sao mà vui vẻ, đầm ấm lạ thường! Gió thổi từ cánh đồng bát ngát sau nhà, gió từ kênh Nguyễn Văn Tiếp thổi lên buổi chiều hôm ấy sao mà mát mẻ, dễ chịu đến vậy! Câu chuyện càng lúc càng vui. Trong chén cơm còn lẫn nhiều hạt thóc, thức ăn chỉ có cá khô kho, tương với rau muống luộc, nhưng bữa cơm ăn sao mà ngon và đậm đà tình nghĩa vậy! Vừa gắp từng hạt thóc trong chén cơm, anh Sáu vừa kể lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rất phù hợp với bữa cơm đạm bạc hôm ấy: "Ai chẳng muốn no cơm ấm áo. Nhưng sinh hoạt vật chất, hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm tốt hay xấu sẽ truyền đến ngàn đời sau".

Chúng tôi càng lúc càng thấm thía rằng, anh Sáu Lê Đức Thọ, tuy danh nghĩa là đến thăm thân mật đột xuất anh em chúng tôi, tuy không có một vấn đề nào được nêu ra, câu chuyện của anh tuy có vẻ tản mạn, nhưng rõ ràng trong từng lời tưởng chừng như bất chợt của anh đều đựng một ý nghĩa cao quý là dìu dắt, nâng đỡ, hướng dẫn anh em chúng tôi tiến lên theo con đường của Bác.

Năm mươi một năm đã qua rồi, nhưng buổi gặp gỡ vô cùng ấm áp của anh Sáu Lê Đức Thọ buổi chiều hôm ấy bên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp giữa chiến khu Đồng Tháp Mười lộng gió năm 1949, như còn hiển hiện với bao mối cảm hoài trong tâm trí tôi.

Từ đó, 19 năm sau, tôi mới có dịp gặp lại anh. Đó là sau đợt 2 của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

Trong một buổi giao ban buổi sáng của Trung ương Cục miền Nam tại chiến khu Dương Minh Châu do anh Phạm Hùng chủ trì, anh Sáu Lê Đức Thọ từ Trung ương mới vào, đến dự.

Sau buổi giao ban, anh đến cuối bàn bắt tay tôi (lúc này, từ ở đầu bàn với anh Phạm Hùng, vẫn với nụ cười rộng mở và

tươi tắn, như thuở nào, anh đã giơ tay và gật đầu chào tôi). Trong lúc tôi đứng dậy chào anh thì anh thân thiết ôm tôi, như 19 năm trước anh đến thăm Kỳ uỷ ở chiến khu Đồng Tháp Mười, và nhã nhặn hỏi: "Anh có thường được tin của chị và các cháu không?". Tôi rất xúc động, chưa kịp đáp thì anh hỏi tiếp, vừa đủ cho tôi nghe: "Anh có muốn ra thăm chị và các cháu không?". Tôi bỗng nhiên thấy như choáng váng, tai như ù đi, đứng lặng không biết trong mấy giây. Giữa đông người, tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh, thưa: "Anh Sáu có thu xếp cho tôi được gặp trong 5 - 10 phút được không?". Anh cười, vỗ vai tôi và đáp ngay: "Sáng mai nhé, 10 giờ". Rồi quay sang đồng chí thư ký luôn đi bên cạnh, anh dặn: "Cậu nhớ nhé".

Năm 1960, vợ và hai con trai tôi, đứa 8 tuổi, đứa nhỏ 6 tuổi, được đưa ra miền Bắc cùng với một số chị và các cháu. Đã tám năm rồi, tôi nhớ vợ con quặn thắt ruột gan! Cứ mỗi lần nhận được thư nhòa nước mắt của vợ tôi (thư nào cũng thế) kèm thư của hai con tôi, nhất là những dòng chữ nguệch ngoạc thơ ngây của đứa con út tôi (sau này là nhà văn Ung Ngọc Trí), tôi không sao cầm nổi được nước mắt. Tôi thậm ước mơ có một dịp nào đó, nhân một chuyến đi công tác, sẽ được ra thăm vợ con ở Hà Nội. Nay anh Sáu hỏi tôi đứng vào nguyện vọng cháy bỏng của mình!

Đêm hôm đó, một cuộc đấu tranh nội tâm dữ dội chưa từng có diễn ra trong đời tôi.

Đợt 3 của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 đang được chuẩn bị ráo riết. Trong hai đợt rồi, ta đã đạt được nhiều thắng lợi to lớn, vang dội, nhưng cũng đã phải hy sinh, tổn thất rất nhiều. Với đợt 3 này, địch đã hết bị bất ngờ, cuộc đấu tranh sẽ vô cùng ác liệt và những hy sinh, tổn thất phía ta sẽ không lường hết được. Tôi là một thành viên trong Ban Thường trực của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; lại cách đây ít hôm, Trung ương Cục vừa thành lập một Ban mới, *Ban chỉ đạo chính quyền* do anh Trần Nam Trung, Uỷ viên Thường vụ Trung ương Cục làm Trưởng ban,

trong đó có tôi và vài đồng chí nữa. Nhiệm vụ của Ban này là nghiên cứu giúp Trung ương Cục ráo riết chỉ đạo xây dựng chính quyền cách mạng ở cơ sở và ở một số tỉnh, thành phố để làm nền tảng cho việc thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời sau này. Công việc mới được bắt đầu nghiên cứu, chưa được triển khai một chút nào.

Trong bối cảnh như vậy, tôi phải tạm gác mọi trách nhiệm để yên bình, ung dung đi ra Bắc sum vầy với vợ con ư? Tôi vô cùng bứt rứt, nhiều lần tự hỏi và tự trả lời trong đêm ấy một cách hết sức vất vả, khổ sở. Tôi cảm thấy hổ thẹn với biết bao đồng chí, đồng bào đã oanh liệt ngã xuống trong hai đợt tấn công vừa qua, và chắc chắn rằng sẽ còn nhiều người nữa anh dũng hy sinh trong đợt 3 này (sự thật sau này diễn ra đúng như vậy).

Ôi! Thời điểm lịch sử sao mà oái oăm, thử thách đến vậy!

Tôi tự thấy mình không xứng đáng nếu sẽ tạm ra đi trong lúc này để sum họp gia đình, dù chỉ là trong một thời gian ngắn để rồi sau đó trở lại chiến trường.

Tôi quyết định không đi! Hình ảnh vô cùng thân yêu của vợ tôi, của hai con tôi như chập chờn hiển hiện nhòa trong nước mắt tôi. Tôi khổ sở quá, đau đớn quá!

Cơn sốt rét rừng được tạm lắng vài tuần lễ nay bỗng trở dậy, dập tôi mê man cho đến tận buổi chiều hôm sau.

Vậy là tôi để lỡ cơ hội "ngàn năm có một"! Tôi đành phụ tấm lòng vàng ngọc của anh Sáu vậy.

Rồi ít hôm sau đó, anh Sáu Lê Đức Thọ phải vội vã trở ra Trung ương để chuẩn bị đi làm Cố vấn cho phái đoàn ta sắp đi họp ở Pari do đồng chí Xuân Thủy làm Trưởng phái đoàn.

Từ đó, tôi không còn dịp nào được gặp anh Sáu nữa! Nhưng tình cảm của anh đối với tôi thì vẫn thủy chung. Năm 1971, anh tận tình giúp đỡ vợ tôi, lúc ấy đã 48 tuổi, được vượt đường Trường Sơn về sum họp với tôi ở cơ quan Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Với một phụ nữ cỡ tuổi ấy được phép vượt đường Trường Sơn là rất hiếm. Do đó, anh Sáu đã chỉ đạo anh Dương Quốc Chính, lúc ấy là Bộ trưởng Bộ

Xã hội và Thương binh, cho vợ tôi được hưởng quy chế của một trưởng đoàn, có được một người mang vác và phục vụ, có chế độ ăn uống thuốc men riêng. Một trưởng đoàn với chỉ có một người! Anh chị Dương Quốc Chính cũng vốn sẵn có mối quan hệ tốt đẹp với vợ chồng tôi nên việc ấy được giải quyết thật mỹ mãn. Nhờ đó, vợ tôi mới vượt được nỗi đường Trường Sơn năm ấy.

Cho đến bây giờ, mỗi lần nhắc đến anh Sáu Lê Đức Thọ là vợ chồng tôi dào dạt một niềm quý mến và biết ơn anh vô hạn. Và hôm nay, ghi lại mấy dòng này, tôi bồi hồi đốt nén hương lòng hoài niệm anh, một bậc lão thành cách mạng nguyên huân có nhiều phẩm chất cao quý, xứng đáng là một trong những học trò xuất sắc của Bác Hồ.

NHỮNG LẦN GẶP ANH SÁU

Tô Bửu Giám*

Tôi không có tham vọng viết dù chỉ một phần nhỏ nhận xét, đánh giá về cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của anh, những thành tích phong phú, nổi tiếng trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao, xây dựng Đảng, dân vận của anh mà chỉ xin ghi lại những lần được gặp anh, nghe lời chỉ dạy của anh qua những lần tiếp xúc và làm việc với anh. Những lần gặp này đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong cuộc đời công tác của tôi.

GẶP ANH LẦN THỨ NHẤT

Tôi may mắn được gặp anh Sáu (anh Lê Đức Thọ, tôi gọi là anh Sáu từ lần gặp đầu tiên đến khi anh qua đời) khi được chọn học lớp chính trị trung, cao cấp đầu tiên của Nam Bộ năm 1949 trong kháng chiến chống Pháp. Tôi nói may mắn vì đây là lớp đầu tiên (khóa I) của Trường Trường Chinh ở miền Nam (gồm Nam Bộ và các tỉnh cực Nam Trung Bộ, có các cán bộ tình nguyện quân Campuchia). Tôi nói là may mắn là vì khóa học này có những cán bộ lớn tuổi, tuổi Đảng có người còn hơn tuổi đời của tôi, có nhiều đồng chí là Khu uỷ viên, Bí thư các tỉnh uỷ, có người là cán bộ quân sự nổi tiếng trong kháng chiến chống Pháp như anh Bảy Cống (Đồng Văn Cống ở Bến Tre), anh Ngô Hồng Giỏi, anh Huỳnh Thủ... ở miền Tây, anh Sáu Tú vào Đảng năm 1929 ở Khu 6, anh Dụ vào Đảng năm 1930, Bí thư Tỉnh uỷ Tây Ninh.

* Nguyên: - Phó Văn phòng Trung ương Cục miền Nam,
- Phó Bí thư Tỉnh uỷ Hậu Giang,

Điều may mắn nữa là khóa này có nhiều thầy nổi tiếng như đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Dương Quốc Chính (tức Thiếu tướng Lê Hiến Mai) đại diện cho Bộ Tổng Tư lệnh trong phái đoàn Trung ương Đảng, Chính phủ và Quân uỷ Trung ương vừa vào Nam.

Khóa học có 16 bài gồm triết học mácxít (trong bài giảng gọi là phương pháp suy luận), kinh tế chính trị học, chủ nghĩa Lênin, tình hình nhiệm vụ cách mạng hiện nay và các chủ trương, công tác cụ thể. Anh Sáu giảng về tình hình nhiệm vụ hiện nay và một số vấn đề về lịch sử Đảng.

Anh nói nhanh, giọng Bắc nên tôi rất vất vả để nghe và ghi lời giảng giải của anh.

Trong khóa học có nhiều chuyện hay, chuyện vui, chuyện quậy phá nhau của các "học trò già" đối với bạn học, cả với giảng viên, nổi nhất trong các buổi văn nghệ hằng tuần của học viên. Trong các buổi diễn văn nghệ nghiệp dư ấy có tiểu phẩm, nói thơ kiểu thơ Sáu Trọng, thơ Hai Miêng nổi tiếng của dân gian Nam Bộ kể về những nhân vật đặc biệt của khóa học, trong đó nói về các "học trò già" như trêu chọc anh Hai Thúc:

Trong rừng con khỉ đánh đu,

Có chàng Cò Thúc con cu xanh lè.

Còn có cả chuyện các bạn học ở tổ 2 của đồng chí Cò Thúc bị anh em quậy phá, đổ nguyên bình mực Waterman vào bụng anh.

Tổ 4 của tôi có đồng chí cũng được một câu nêu danh:

Lê Văn¹ tổ bốn cũng ghê

Hai tuần mười bốn bữa luy² benhê³ có một lần.

Riêng anh Sáu (được mệnh danh là Sáu Búa) cũng được bốn câu:

- Trợ lý của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

1. Lê Văn, học viên cấp tiểu đoàn trưởng, thư ký đồng chí Thiếu tướng Dương Quốc Chính.

2. Luy: tức lui - tiếng Pháp có nghĩa là nó, anh ấy...

3. Benhê: tiếng Pháp baigner có nghĩa là tắm.

*Ông bèn lặn¹ búa Trung ương,
Ở trong bằng thép bọc nhung ở ngoài.
Thăng tay đập những quấy sai,
Nhưng xoa lại khéo, êm tai, ấm lòng.*

GẶP ANH LẦN THỨ HAI

Sau khóa học, tôi trở về Khu 9, tiếp tục công tác huấn luyện phần triết học tại trường mácxít (công khai gọi là Trường Chính trị miền Tây). Nhờ được bồi dưỡng ở Trường Trường Chinh - nhất là bộ môn phương pháp suy luận, công tác giảng dạy của tôi thêm phần hấp dẫn.

Đang lúc say sưa làm việc của mình, tôi bất ngờ nhận được công văn điều về Văn phòng của Xứ uỷ Nam Bộ (lúc bấy giờ đã chuyển về Khu 9). Cùng lúc đó Khu uỷ Khu 9 được giải thể. Đồng chí Bí thư Khu uỷ Khu 9 được điều về làm Giám đốc Phân Phòng quân giới Nam Bộ vì anh là công nhân.

Tôi buồn ngủi, buồn phải xa trường Mácxít khu, không làm công tác giảng dạy nữa, một công việc tôi rất yêu thích.

Được đưa về Văn phòng Xứ uỷ, tôi đã gặp đồng chí Chánh Văn phòng Xứ uỷ là Phan Triêm, rồi gặp đồng chí Thượng Vũ, Phó Bí thư phụ trách Thường trực Xứ uỷ dặn dò, trao trách nhiệm làm thư ký riêng cho đồng chí Phạm Hùng (lúc bấy giờ là Uỷ viên Thường trực Xứ uỷ kiêm Phó Giám đốc Sở Công an Nam Bộ). Sau đó, một đồng chí của Văn phòng Xứ uỷ đưa tôi đến gặp anh Sáu. Anh Sáu vui vẻ hỏi thăm về công tác đã qua của tôi, rồi nói:

- Hỏi là hỏi vậy, chứ tôi đã nắm rõ về cậu qua đồng chí Trần (tức là đồng chí Vương Nhị Chi - Bí thư Khu uỷ 9, thủ trưởng của tôi).

Anh nói tiếp:

- Tôi và anh Thượng Vũ (Phó Bí thư Xứ uỷ kiêm Giám đốc Trường Trường Chinh) qua xem xét các đồng chí học viên trẻ

1. Lặn: lặn lưng - dặt búa trong lưng.

khóa I, chọn cậu về giúp việc cho đồng chí Phạm Hùng. Anh Hai (đồng chí Phạm Hùng) cần người tín cẩn và trung thực. Anh Hai rất cẩn thận và chặt chẽ trong công việc. Về công việc giúp anh Hai, tôi chỉ nêu một điểm. Giúp việc cho anh Hai, cậu sẽ biết nhiều việc. Cậu sẽ giữ tài liệu của anh Hai và được dự nhiều cuộc họp của anh Hai. Do đó, *phải cẩn thận và giữ bí mật tuyệt đối* công việc mình được biết. Cụ thể phải làm gì, anh Hai sẽ chỉ thị cho cậu và cậu phải cố gắng làm đúng. Tôi muốn nhắc thêm là bí thư (thư ký riêng lúc bấy giờ gọi là bí thư) của đồng chí lãnh đạo, cậu phải quán xuyến mọi việc từ ăn, ở, đi lại, đến giờ giấc làm việc, nghỉ ngơi giải trí của thủ trưởng để thủ trưởng an tâm, tập trung suy nghĩ những việc lớn của cách mạng. Cậu phải quản lý các đồng chí bảo vệ, cần vụ sao cho đoàn kết với nhau để cùng nhau phục vụ anh Hai cho tốt. Người bí thư hơn người vợ ở chỗ là phải hiểu, cùng lo, cùng nghĩ những gì mà thủ trưởng đang lo lắng, suy nghĩ và liệu trước để đáp ứng những điều mà thủ trưởng cần nhưng chưa nêu ra.

Những lời anh Sáu dặn sao mà nhẹ nhàng và đậm tình ấy cho tôi, một lính trẻ giống như những lời căn dặn của mẹ cho con gái trước khi về nhà chồng.

Tôi khắc sâu trong lòng những lời chỉ bảo chân tình ấy và cố gắng thực hiện, tất nhiên chưa đầy đủ do trình độ và khả năng mình. Là thư ký riêng của các anh lãnh đạo Xứ uỷ Nam Bộ, rồi Trung ương Cục miền Nam thời chống Pháp, chúng tôi thường được dự các cuộc hội nghị của các anh lãnh đạo. Lúc rảnh rỗi, ngồi với nhau trao đổi kinh nghiệm công tác, anh Bảy Khương (Ung Văn Khương), một trong những Bí thư của anh Sáu, tâm sự với tôi:

- Làm nghề này, cực không sợ, gò bó không sợ, nhưng khổ nhất là biết nhiều chuyện quá. Mình là máy phát nay lại làm máy thu. Thu mà không phát được chịu không nổi. Chắc mình phải xin anh Sáu cho xuất khỏi nghề này.

Riêng tôi sợ nhất và khổ nhất là không đáp ứng được yêu

cầu là cùng lo, cùng suy nghĩ những gì thủ trưởng đang suy nghĩ, mặc dù anh Hai Phạm Hùng hết sức nâng đỡ và tạo mọi điều kiện để tôi được tiến bộ hơn.

GẶP ANH LẦN THỨ BA

Lần thứ ba, tôi được anh Sáu chỉ dạy là vào năm 1953, lúc anh Hai đang công tác ở Phân liên khu miền Đông Nam Bộ. Lúc đó, anh Sáu đang trên đường ra Trung ương công tác ghé làm việc với anh Hai tại chiến khu Dương Minh Châu. Cùng đi với anh Sáu lúc ấy, tôi nhớ ngoài những đồng chí cần vụ, bảo vệ, có anh Nguyễn Văn Mẫn, anh Trần Hữu Phước - Bí thư của anh Sáu và y sĩ Trịnh Kim Cang.

Trong lúc chờ đợi bố trí bảo vệ đường vượt Trường Sơn ra Trung ương, để giải trí, anh Hai đưa anh Sáu xem truyện thơ *Một thời chiến đấu vì dân, vì nước* của tôi (bút danh lúc đó là Nguyễn Tao Phùng). Truyện thơ dài gần 2.000 câu, tên gọi ban đầu là *Tiểu sử Hồ Chủ tịch diễn ca*, thể song thất lục bát, sau được anh Hai đổi tên là *Một thời chiến đấu vì dân, vì nước* và đề lời tựa. Sách do Ty Thông tin Mỹ Tho ấn hành (gửi vào Sài Gòn với bìa sách là *Đời cậu Ba*). Anh Hai đưa anh Sáu xem để giải trí, nhưng tôi không ngờ được anh Sáu xem kỹ, có đánh dấu và chữa một số vần chưa thỏa đáng.

Một hôm, anh Sáu đến lều của tôi ngồi chơi và nói:

- Tôi không ngờ cậu cũng làm thơ. Chủ đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân rất thích. Những chỗ chưa đạt về vần và từ ngữ, tôi đã chữa trong tập thơ rồi. Cậu xem lại nếu thấy tốt hơn thì dùng. Theo tôi nếu viết cho bà con nông dân Nam Bộ đọc nên dùng thể lục bát, kiểu nói thơ Lục Vân Tiên. Viết thể song thất lục bát theo kiểu diễn ca này không hợp lắm. Về cấu trúc truyện thơ, cậu viết liên tù tì đọc rất mệt không biết nghỉ lúc nào. Nên phân đoạn như thơ Lục Vân Tiên, từng hồi, mỗi hồi khoảng 40 - 50 câu để người đọc ngâm nga có thể dừng lại

để tạm nghỉ, sau đó đọc tiếp. Về ngôn ngữ nên dùng chữ nôm na quen thuộc với dân.

Tôi rất xúc động ghi nhớ lời anh. Trong truyện thơ sau này viết về phụ nữ Nam Bộ, tên sách là *Bà má miền sông Hậu* dài 4.400 câu, tôi đã làm theo thể lục bát, cũng chia thành chương, hồi như anh Sáu chỉ dẫn. Về câu chữ, vần điệu, mỗi lần viết, tôi đều nhớ tới lời anh cố gắng không ép vần, không dùng từ ngữ xa lạ với nông dân.

Truyện thơ này được xuất bản và tái bản lần thứ hai năm 1979 (10.000 bản) phát hành chủ yếu ở các tỉnh miền Tây, xuất bản lần thứ ba năm 2003. Đây là một kỷ niệm sâu sắc của tôi về anh Sáu.

GẶP ANH LẦN THỨ TƯ

Lần thứ tư, tôi được gặp anh Sáu năm 1958, khi tôi đang học khóa I - khóa lý luận do các giáo sư Liên Xô và Trung Quốc giảng dạy ở Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương tại Hà Nội. Anh Sáu vào trường gọi tôi đến, bảo anh và anh Hai Phạm Hùng có ý định phân công tôi làm thư ký riêng cho anh Ba Lê Duẩn nay đã về Trung ương công tác. Tôi rất bất ngờ và thưa với anh rằng: "Tôi có nguyện vọng học xong lý luận xin về miền Nam công tác. Nguyện vọng của tôi là như thế nhưng nếu Đảng quyết định thì tôi chấp hành".

Tuy nói như thế, tôi chuẩn bị tư thế sẽ về làm việc với anh Ba nhưng không ngờ, khi học xong, tôi lại được phân công học tiếp lý luận ở Liên Xô trong đoàn nghiên cứu sinh gồm 14 đồng chí. Sau khi toàn đoàn chúng tôi thi xong phần tối thiểu phó tiến sĩ, tôi lại được Trung ương cho phép cùng 6 đồng chí khác ở lại chuẩn bị bảo vệ luận án phó tiến sĩ. Nhưng sau đó, Trung ương quyết định rút các đoàn học lý luận Mác - Lênin ở Trường Đảng cao cấp và Viện Hàn lâm khoa học xã hội Liên Xô về nước, vì lúc ấy Khơ-rút-xốp - Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô theo chủ nghĩa xét lại.

GẶP ANH LẦN THỨ NĂM

Về nước, tôi được phân công vào miền Nam công tác. Một buổi chiều cuối tháng 4-1964, anh chị Phạm Hùng có nhã ý tổ chức một bữa cơm gia đình tiễn tôi lên đường Trường Sơn vào Nam.

Bữa ăn tại nhà anh chị Hai, tôi rất bất ngờ là có anh Sáu. Cùng dự hôm đó có các anh Đào Hoàng Thủy, Trần Hữu Phước, hai người bạn thân thiết của tôi.

Anh Hai, thủ trưởng cũ của tôi từ năm 1950, trước khi bắt đầu ăn, nói:

- Ngày kia chú em (anh Hai thường gọi tôi như thế) bắt đầu gian khổ, vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu. Để chúc chú em lên đường chân cứng đá mềm, gia đình có bữa cơm nhẹ chia tay với chú. Rất may, hôm nay, anh Sáu đến làm việc với tôi, tôi có mời anh Sáu đến chung vui vì anh Sáu là người từ đầu đã chăm sóc, dìu dắt, nâng đỡ chú trên mỗi bước đi của chú.

Anh Sáu nói tiếp:

- Trước đây cậu có nguyện vọng là học tập lý luận và sau đó vào Nam chiến đấu. Nay đã học xong trong nước rồi sang Liên Xô học tiếp bốn năm, nay được về Nam phục vụ. Như vậy, cả hai nguyện vọng đã đạt. Thôi về Nam cố gắng phục vụ cho tốt. Chiến trường gian khổ nhưng phải cố gắng vượt các khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ Đảng giao cho. Chúc cậu mạnh luôn và công tác tốt.

Tôi rất xúc động nói:

- Tôi được như ngày nay là nhờ sự chăm sóc, chỉ dạy của hai anh. Xin hứa sẽ cố gắng làm hết sức mình để không phụ lòng tin cậy của hai anh. Khi đi, tôi chỉ còn tiếc một điều là chưa hoàn tất việc học của mình, phải chi anh Sáu cho bảo vệ xong luận án thì hay quá vì tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng.

Anh Sáu cười và nói ngay:

- Hay ho gì cái bằng phó tiến sĩ của chủ nghĩa xét lại. Đưa cậu đi học cốt là để cậu nắm nội dung thực chất chủ nghĩa Mác - Lênin, chớ đâu phải để có bằng cấp.

Anh Hai cũng cười xòa và nói thêm:

- Như thế là kết quả học tập của chú em chưa tốt nhé!
Nhớ Bác Hồ dạy: Học để hiểu, để làm việc cho dân, phục vụ cho đất nước chỗ đâu phải để làm quan. Học cốt là để làm người chỗ đâu phải để lấy bằng cấp.

Tôi đỏ mặt, cười trừ, nghĩ rằng bao nhiêu đồng chí đang chiến đấu, sống chết trong Nam, có được học như mình đâu. Đã được học, nâng cao kiến thức mà còn tiếc bằng cấp, học vị chẳng phải là phụ lòng các đồng chí, phụ sự chăm sóc của Đảng hay sao.

Năm lần gặp anh Sáu, tuy thời gian rất ngắn, trừ lần thứ nhất, lúc học ở khóa I Trường Trường Chinh là dài nhất, trên ba tháng, nhưng lúc ấy nghe giảng bài và cong lưng ghi chép là chính, còn là những lần gặp anh rất ngắn, gần như độc thoại, anh nói, tôi lắng nghe, nhưng những lời chỉ dạy ân cần của anh đã thấm sâu vào lòng tôi, đã để lại dấu ấn trong đời công tác của tôi, tôi không bao giờ quên.

Năm nay, kỷ niệm 100 năm ngày sinh của anh, tôi nhớ đến anh, thấy hiện ra trước mặt tôi không phải là thủ trưởng, người lãnh đạo cao cấp mà là một người thầy, người anh chân tình, rất thẳng thắn mà mỗi lời nói là một ân tình chứ không phải là nhát búa như có người đã gọi anh. Cũng cần nói thêm là mỗi bức thư tôi gửi đến anh đều được anh trả lời (tất nhiên không phải chính tay anh viết mà do thư ký của anh ghi lời anh, anh ký tên).

Tôi mãi mãi nhớ anh, nhớ những lần gặp gỡ, nhớ những lời dặn dò, chỉ dạy của anh.

VÀI KỶ NIỆM VỀ ANH SÁU THỌ

Trần Quang Lê*

Tôi có may mắn được gần gũi anh Sáu Thọ khá lâu. Từ cuộc Nam tiến suốt dọc đường Trường Sơn cũ (đường mòn Hồ Chí Minh thời chống Pháp) đến khi phục vụ anh Sáu tại Văn phòng Xứ uỷ. Rồi được anh Sáu, anh Ba đưa sang phụ trách Ban Dân vận Trung ương Cục. Kế đến cùng tập kết ra miền Bắc, được đưa về công tác ở Tạp chí *Cộng sản*, cho đến khi nghỉ hưu. Những kỷ niệm về anh Sáu có nhiều. Ở đây tôi chỉ xin nêu vài sự kiện có ấn tượng mạnh không theo thời gian mà theo sự việc.

BÀI HỌC VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN

Sau Đại hội lần thứ II của Đảng (2-1951), Trung ương Cục miền Nam được thành lập gồm các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh.

Tháng 5-1951, tôi được Trung ương Cục điều sang làm Phó Ban Dân vận Trung ương Cục, Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Nam Bộ thay đồng chí Nguyễn Đức Thuận.

Trước khi đi, anh Ba Duẩn, anh Sáu Thọ gọi tôi đến gặp. Sau khi hỏi thăm sức khỏe và công tác của tôi, anh Ba hỏi tôi: Đảng điều động anh sang làm công tác dân vận - mặt trận Nam Bộ, anh nghĩ sao về đường lối công tác mặt trận?

Với vẻ tự tin, tôi trả lời: - Dạ thưa, dựa vào sự liên minh công nông và lao động trí óc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tranh

* Nguyên Phó Ban Dân vận Trung ương Cục miền Nam - Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Nam Bộ.

thủ tầng lớp trung gian, phân hóa hàng ngũ địch để tập trung hóa, đánh vào kẻ thù chính.

- Điều đó tôi biết rồi. Anh nói đến lý thuyết của Lý Duy Hán chứ gì - Anh Ba ngắt lời tôi và nói: - Tôi muốn hỏi ở Nam Bộ, làm công tác dân vận - mặt trận, cụ thể anh cần nắm vấn đề gì?

Thế là tôi toát mồ hôi lúng túng: Tưởng rằng nói đúng đường lối là thoát nạn. Ai dè anh Ba lại hỏi thực tế và cụ thể của công tác dân vận - mặt trận ở Nam Bộ.

Thấy tôi đang suy nghĩ, anh Ba nói: Tôi đề nghị anh nắm cụ thể hai vấn đề lớn: Vấn đề nông dân và vấn đề tôn giáo.

- Về vấn đề *nông dân*, anh Ba nói: Nông dân Nam Bộ vốn rất cực khổ, vừa bị phong kiến bóc lột, vừa bị đế quốc đè nén, chưa kể bị tư sản bóc lột. Xưa kia họ phải sống ở những "nhà đá" (chỉ cần đập một cái là đổ): Nam Bộ phì nhiêu, tôm cá đầy đồng, nhưng đầy đồng cho ai? Từ Cách mạng Tháng Tám, nông dân được giải phóng, lại được tạm chia ruộng đất, nên nông dân rất tích cực cách mạng. Bộ đội của ta cũng là người nông dân mặc áo lính thôi. Cuộc kháng chiến của ta phải trường kỳ, cũng là vì phải đưa trình độ nông dân vốn thấp kém lên khoa học hiện đại. Vì vậy nông dân rất gắn bó với chế độ; họ không phải là hậu bị quân của cách mạng, mà chính họ là chủ lực quân của cách mạng. Nông dân và công nhân đều là chủ lực quân của cách mạng.

- Còn vấn đề *tôn giáo* ở Nam Bộ. Cũng có khác với miền Bắc mà anh đã công tác; ở miền Bắc chỉ có hai tôn giáo chính là: Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Trong Nam, ngoài Phật giáo, Thiên Chúa giáo, còn có Cao Đài, Hòa Hảo, Tứ ân hiếu nghĩa, Tịnh độ cư sĩ, v.v.. Tín đồ tôn giáo cũng là những nông dân nghèo: đều có lòng yêu nước, trừ số ít bị mua chuộc. Chỉ vì trước kia cuộc sống của họ bị bế tắc, không có lối ra, nên đành tìm vào tôn giáo, để trông chờ cuộc sống tốt đẹp mai sau. Ngay đến "củ Nừng" (búi tóc), họ cũng cố giữ lại, không chịu hót tóc theo lối Tây. Đó cũng là điểm tích cực trong đường lối tiêu cực của họ.

Anh cần nghiên cứu kỹ để khai thác mặt yêu nước, mặt tích cực của họ sao có lợi cho cách mạng.

Còn *trí thức* Nam Bộ xuất thân từ nhiều nguồn gốc, nhiều nước khác nhau. Chịu ảnh hưởng của nền dân chủ tư sản, đầu óc họ bị *libéral* (tự do) hơn, hiểu đế quốc hơn và dám đấu tranh hơn. Khác với trí thức miền Bắc, ít nhiều chịu ảnh hưởng của phong kiến hơn.

Kể đó anh Sáu Thọ nói cho tôi nghe về các đoàn thể và cán bộ mà tôi sẽ cùng làm việc. Đó là các đoàn thể Công, Nông, Thanh, Phụ, Công giáo, Cao Đài, Giải liên, HUHI (thiếu số Vận - Hội ủng hộ Issarak) Đảng Dân chủ.

Anh Sáu nói: Ta đang có Ban điền chủ vận, động viên điền chủ hiến điền, giảm tô có kết quả. Nhưng "cậu" nên nhớ công tác điền chủ vận muốn có kết quả tốt phải dựa trên cơ sở củng cố được Nông hội, tranh thủ được nông dân. Một số cán bộ Nông hội còn hữu khuynh. Một số cán bộ khác có quan điểm, làm việc theo bề nổi, hình thức, không dựa vững trên cơ sở công nông. Trong vấn đề tôn giáo vận cũng vậy, anh Sáu nói đa số quần chúng là nông dân. Ta phải vừa tranh thủ các tầng lớp bên trên, vừa phải chăm lo đời sống vật chất, văn hóa cho các tầng lớp bên dưới. Tôi thấy cán bộ ta có hành động không đúng. Ban đêm đi công tác, gõ cửa nhà dân xin ngủ nhờ qua đêm. Vừa bước vào trong nhà thấy lá "trần điều", hoặc cò "thiên nhãn", vội bỏ ra đi, rất sai lầm. Gây nên kỳ thị tôn giáo kéo dài. Địch muốn chia rẽ dân tộc ta, ta lại mắc vào âm mưu của địch. Ta có sáp lại gần thì mới cảm hóa được họ. Đối với Đảng Dân chủ, cần đối xử dân chủ bình đẳng tôn trọng lẫn nhau. Là trí thức, họ dễ nhận ra con đường đúng đắn. Tóm lại mỗi tầng lớp, mỗi giai cấp có những yêu cầu khác nhau, cần phải đi sâu, đi sát để tìm ra tiếng nói chung có lợi cho cách mạng.

Thế là chỉ chừng hai tiếng đồng hồ, tôi được thụ huấn, học được nhiều vấn đề. Từ lập trường, quan điểm, đến phương pháp công tác mà từ trước chưa từng được nghe.

"TÔI ĐỐI Ý KIẾN"

Tháng 10-1950, Xứ uỷ triệu tập Hội nghị tổng kết công tác dân vận - Mặt trận Nam Bộ. Thành phần hội nghị gồm các đại biểu đoàn thể cấp Nam Bộ, Ban Dân vận - Mặt trận Nam Bộ, Ban Tuyên huấn Xứ uỷ, các bí thư Tỉnh uỷ, Thường vụ Tỉnh uỷ phụ trách dân vận - mặt trận, tuyên huấn, v.v..

Hội nghị do các đồng chí Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Kinh điều khiển. Báo cáo của Mặt trận Nam Bộ, do đồng chí Nguyễn Văn Phát, Tổng Thư ký Mặt trận đọc, điểm tình hình hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể từ năm 1946 đến năm 1950 và đề ra đường lối công tác mới.

Báo cáo được cán bộ hội nghị góp ý bổ sung ngay tại chỗ. Gay cấn và sôi nổi nhất là vấn đề lập trường của Đoàn Thanh niên Việt Nam ở Nam Bộ. Diễn tiến hội nghị đang diễn ra suôn sẻ, bỗng nhiên đồng chí K đứng lên phát biểu:

- Tôi đề nghị xem lại đoạn nói về lập trường của Đoàn Thanh niên Việt Nam ở Nam Bộ nên vẫn là dân chủ mới hay là xã hội chủ nghĩa. Là vì trong khu kháng chiến, tình hình tư tưởng của thanh niên được Đảng và kháng chiến rèn luyện, giáo dục, nay đã thay đổi, không nên cứ bo bo với lập trường dân chủ mới mà nên là xã hội chủ nghĩa. Ngay như Đảng Dân chủ Nam Bộ cũng đang chuyển từ lập trường dân chủ mới sang xã hội chủ nghĩa.

Thấy có vẻ hợp lý với tình hình cụ thể ở Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ phát biểu đồng tình. Tôi liền đứng lên phát biểu:

- Tôi đề nghị vẫn giữ lập trường dân chủ mới là vì Đoàn Thanh niên Việt Nam ở Nam Bộ bao gồm cả thanh niên vùng căn cứ và vùng tạm bị chiếm. Nếu ta để là xã hội chủ nghĩa thì làm sao thu hút được thanh niên ở thành thị. Hơn nữa Đoàn Thanh niên Việt Nam ở Nam Bộ là một bộ phận của Đoàn Thanh niên Việt Nam, ta phải theo đường lối chung của cả nước.

Ý của tôi lập tức bị đồng chí K. phản bác:

- Chúng ta cần phải rất thực tế với tình hình cụ thể diễn

biển. Trong vùng ta, thanh niên hầu hết vào tổ chức, một lòng, một dạ đi theo Đảng. Số tích cực đã tòng quân tham gia bộ đội, số còn lại tăng gia sản xuất nuôi quân, phát triển kinh tế theo đường lối của Đảng. Trong vùng tạm bị chiếm, thanh niên đi theo Việt Minh chống Pháp, chống Mỹ.

Tôi đứng lên định phát biểu thì đồng chí Lê Đức Thọ giơ tay ra hiệu và nói:

- Cậu Lê ngồi xuống để cậu K. nói.

Cứ thế cuộc tranh luận kéo dài tới 20 phút. Hội trường ngồi im theo dõi - thì đồng chí Nguyễn Đức Thuận đứng lên nói:

- Tôi đồng ý với ý kiến anh Lê. Nói rằng thanh niên ở vùng ta đã vào tổ chức hết, thanh niên ở thành thị đi theo Việt Minh cả có đúng không? Đoàn Thanh niên Việt Nam ở Nam Bộ là một bộ phận của Đoàn Thanh niên Việt Nam Trung ương thì phải theo đường lối của Trung ương.

Giữa lúc ấy đồng chí Nguyễn Văn Kính quay sang trao đổi với đồng chí Lê Đức Thọ. Thì đồng chí Lê Đức Thọ liền nói:

- Thôi cậu K không phát biểu nữa. Tôi đổi ý kiến, tôi tán thành ý kiến của anh Lê và anh Thuận. Ngồi đây làm sao ta biết được thanh niên vùng ta đã vào tổ chức hết, thanh niên ở đô thị đi theo Việt Minh cả. Hơn nữa ta phải làm việc theo tổ chức. Bao giờ ở Trung ương cho mở Đại hội toàn quốc của Thanh niên Việt Nam, thay đổi lập trường của Thanh niên Việt Nam thì Nam Bộ mới làm theo được. Thanh niên cứu quốc theo lập trường xã hội chủ nghĩa là đúng rồi. Còn Thanh niên Việt Nam theo lập trường dân chủ mới thì mới thu hút được rộng rãi thanh niên ở đô thị.

Cuộc tranh luận chấm dứt. Tôi rút ra một điều: không phải anh Sáu không chịu nghe cán bộ. Khi cán bộ nắm vững vấn đề, dám kiên trì và mạnh dạn đấu tranh cho lẽ phải thì anh Sáu sẵn sàng ủng hộ cho lẽ phải.

HỌC VIÊN GUỒNG MẪU

Sau khi tập kết ra Bắc được vài năm, chúng tôi gồm 600

cán bộ miền Nam và một số cán bộ miền Bắc theo học lớp chính trị cao cấp đầu tiên khóa I của Trường Nguyễn Ái Quốc (1957 - 1959).

Đội ngũ giáo sư của trường đều là chuyên gia giỏi về lý luận do các Đảng Cộng sản Liên Xô và Trung Quốc cử sang.

Đội ngũ giảng viên về môn lịch sử Đảng ta, gồm những cán bộ lãnh đạo cấp cao trong Bộ Chính trị: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, v.v..

Ngoài số học viên của chúng tôi được chính thức cử đi học, còn có thêm một số "học viên đặc biệt" ngồi học trên lầu. Trong số "học viên đặc biệt" này có một học viên theo học rất đều đặn, ghi chép các bài giảng rất tỉ mỉ, nghiên cứu cần mẫn, luôn luôn ngồi hàng đầu và đến lớp rất đúng giờ. Đó là đồng chí Lê Đức Thọ.

Khi kết thúc khóa học, những chuyên gia của các Đảng bạn xúc động phát biểu: Chúng tôi đánh giá rất cao tinh thần chăm chỉ và cần mẫn học tập lý luận của đồng chí Lê Đức Thọ.

Đến môn giảng về lịch sử của Đảng ta thì đồng chí Lê Đức Thọ lại lên bục giảng hết sức nhiệt tình. Với vốn kiến thức phong phú và dày dặn kinh nghiệm trong công tác thực tiễn, đồng chí đã truyền đạt đến học viên những bài học hết sức quý báu của Đảng ta trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng trải qua các giai đoạn lịch sử cách mạng.

Vào một buổi sáng ngày chủ nhật, tôi đến thăm đồng chí Lê Đức Thọ và tỏ ý khen anh dù giữ cương vị cao mà vẫn chăm chỉ theo học như một học viên thực thụ. Anh thân mật nói với tôi rằng: Nếu không chịu khó học tập, như lời giáo huấn của Lênin thì làm sao mà theo kịp bước tiến cách mạng và làm tròn trách nhiệm của người lãnh đạo.

BỐN ÔNG THẦY

Sáng mồng 1 Tết Canh Ngọ (27-1-1990) tôi đến chúc Tết anh Sáu. Đang ngồi nói chuyện ở phòng khách thì đồng chí

Phan Hiền, rồi phái đoàn Hà Nội do đồng chí Phạm Thế Duyệt dẫn đầu cũng đến chúc Tết. Khi cả đoàn ra về thì anh Sáu kéo tôi lại và nói chiều thứ bảy tới (3-2-1990) đến ăn cơm với anh chị Sáu.

Đúng hẹn, anh Sáu gọi tôi vào phòng khách. Anh hỏi về công tác và cuộc sống. Anh dặn dù nghỉ hưu, nhưng cứ tiếp tục phấn đấu làm tròn nhiệm vụ của người đảng viên. Trong bầu không khí thân mật, anh nói: "Có lúc mình hiểu lầm cậu, cũng chỉ do những thông tin không đúng". Rồi anh tâm sự: "Mình làm việc mấy chục năm liền, cống hiến hết mình, thành tích có, sai lầm cũng có. Nếu không tỉnh táo, thận trọng thì sẽ có hại".

Hồi chỉnh đốn Đảng, lúc này đang có dư luận các đảng bộ đều có hai mặt. Bên ngoài là cộng sản, bên trong là Quốc dân Đảng. Mình cho cậu T. đi thực tế điều tra, xem xét. Một thời gian, cậu T. về báo cáo:

- Đúng như dư luận nói, các đảng bộ đều là hai mặt anh Sáu ạ.

Tôi nói ngay:

- Tôi không nghe lời cậu. Kết luận như vậy thì còn gì là Đảng nữa. Làm sao lại có kháng chiến thắng lợi, làm sao chế độ còn tồn tại như bây giờ. Tất nhiên không tránh khỏi, nơi này, nơi khác, có vấn đề sơ hở để địch xen vào. Nhưng đâu phải là tất cả. Nếu nghe theo cậu mà xử lý thì tình hình sẽ ra sao? Phải nhìn toàn diện, nghiên cứu cân nhắc kỹ càng rồi mới đánh giá kết luận.

Từ vấn đề này, anh vui miệng nói với tôi: "Xã hội ta hiện nay có bốn ông thầy. Một là *thầy giáo* được nhân dân kính trọng, hai là *thầy thuốc* được nhân dân quý mến, ba là *thầy cúng*, vẽ chuyện ăn tiền, cần giải quyết dần, bốn là *thầy dùi*, cần thận trọng, cảnh giác. Đó là những cán bộ thân cận, mà mọi người thường gọi là quân sư quạt mo, những chuyên viên giúp việc. Mình thì bận nhiều việc, làm sao đi hết mọi chỗ, mọi nơi được. Phải dựa vào những cán bộ này, được việc cũng có, hỏng

việc cũng có. Ví dụ mình định đề bạt một anh cán bộ có năng lực, có văn hóa, thì chuyên viên giúp việc nói: Đúng là anh ta có trình độ, có năng lực, nhưng đi tới đâu là chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết tới đó. Thế là mình chững lại. Rồi định đề bạt một cán bộ thành phần cơ bản, có đạo đức, hiền lành thì anh ta lại nói: Anh ta hiền lành quá, chẳng có ý kiến gì lạ, kém năng lực, làm sao mà chỉ đạo được. Chẳng lẽ ta lại đặt một ông Phật vào đó sao. Thế là mình dè dặt.

Như vậy đó, nếu không tỉnh táo, thận trọng, cân nhắc kỹ càng vì lợi ích của cách mạng, xem xét cán bộ trên nhiều mặt, cơ bản và không cơ bản, tham khảo bàn bạc, thì sẽ có hại...".

Qua sự việc trên, tôi nghĩ trong tình hình hiện nay, việc sử dụng chuyên viên cố vấn là cần thiết, nhưng điều quan trọng là vấn đề lựa chọn dùng cán bộ. Cần người có lương tâm, trách nhiệm, trong sáng, có phẩm chất, kết hợp với việc bàn bạc tập thể, công khai là cần thiết.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

MỘT TRONG NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO

CHỦ YẾU NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

Nguyễn Linh*

Sau thất bại nặng nề của cuộc tấn công chiến lược lên Việt Bắc mùa Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp phải từ bỏ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, buộc chuyển sang đánh kéo dài, thực hiện chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt", thi hành "chiến tranh tổng lực", bình định củng cố mở rộng vùng tạm chiếm, đánh phá cơ sở kinh tế, chính trị và lực lượng hậu bị của ta. Địch chuyển trọng tâm bình định vào miền Nam, áp dụng chiến thuật "khóa then cửa" bao vây, chia cắt các chiến trường của ta. Đến giữa năm 1948, địch đã đạt được kết quả ở nhiều nơi theo ý đồ trên.

Về phía ta, ngày 15-1-1948, Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng đã đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ, kế hoạch cho giai đoạn mới, giai đoạn giằng co quyết liệt giữa ta và địch, song so sánh lực lượng đã bước đầu thay đổi có lợi cho ta. Một nội dung quan trọng được hội nghị đặc biệt bàn định là công tác vùng sau lưng địch, phát triển chiến tranh du kích khắp nơi, "biến hậu phương địch thành tiền phương ta", phân tán và làm suy yếu tối đa lực lượng địch.

Trong thời điểm và yêu cầu lịch sử đó, để nắm đầy đủ tình hình và tăng cường sự chỉ đạo đối với chiến trường xa xôi nhất đã anh dũng mở đầu cuộc kháng chiến, Trung ương Đảng và Bác Hồ cử một phái đoàn, đứng đầu là đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy

* Nguyên: - Cán bộ Phái đoàn Kiểm tra Trung ương Đảng và Chính phủ,

viên Ban Thường vụ Trung ương vào Nam Bộ. Cùng lúc đó, Xứ uỷ Nam Bộ cũng đã cử một phái đoàn do đồng chí Phó Bí thư Nguyễn Đức Thuận và đồng chí Trần Bửu Kiếm đại diện Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ dẫn đầu ra báo cáo và làm việc với Trung ương và Chính phủ. Trên đường đi, hai phái đoàn đã gặp nhau tại Vân Đình, tỉnh Hà Đông. Thật đúng là những ý tưởng lớn gặp nhau.

Lên đường từ căn cứ địa Việt Bắc vào giữa tháng 9-1948, phái đoàn đồng chí Lê Đức Thọ đã vượt ngàn dặm đường, khi "xẻ dọc Trường Sơn", khi cuôi sóng Biển Đông, xuyên qua nhiều vùng địch tạm chiếm. Tới đầu năm 1949, phái đoàn đặt chân đến Đồng Tháp Mười, căn cứ địa nổi tiếng của Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ.

Đảng bộ, quân và dân Nam Bộ, trước hết ở vùng căn cứ địa phấn khởi chào đón phái đoàn đầu tiên của Trung ương Đảng và Chính phủ. Trong những cuộc mít tinh và hội nghị cán bộ do Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ triệu tập, phát biểu của đồng chí Lê Đức Thọ với giọng nói sôi nổi, trình bày những nhận định của Trung ương về tình hình nhiệm vụ của đất nước, phân tích những thắng lợi buổi đầu của kháng chiến, biểu dương ý chí, sự sáng tạo của Đảng bộ, quân và dân Nam Bộ, đã cổ vũ mạnh mẽ mọi người. Việc truyền đạt cặn kẽ, sinh động của đồng chí Lê Đức Thọ về đường lối, chính sách, đặc biệt là đường lối đại đoàn kết dân tộc của Trung ương Đảng và Bác Hồ kết hợp với bài phát biểu tiếp thu, quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo chung gắn với thực tiễn chiến trường của đồng chí Bí thư Xứ uỷ Lê Duẩn, thực sự đem đến một luồng sinh khí mới, một sức mạnh trí tuệ mới trong cán bộ, đảng viên và các nhân sĩ, trí thức.

Đồng chí Lê Duẩn có tâm tình với một cán bộ trong phái đoàn: "Anh Thọ và các anh vào đây là một lực lượng cán bộ lớn tăng cường cho Nam Bộ. Tôi cùng Xứ uỷ sẽ xin Trung ương cho các anh ở luôn trong này cùng làm việc".

Từ đó cho tới khi kết thúc cuộc kháng chiến chín năm,

đồng chí Lê Đức Thọ luôn kề vai sát cánh cùng đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí trong Xứ uỷ - Trung ương Cục miền Nam. Đồng chí thường nói với cán bộ giúp việc: "Mình với anh Ba kết hợp chặt chẽ, bổ sung cho nhau thì thật phù hợp. Anh Ba nắm và chỉ đạo các vấn đề chiến lược còn mình thì cố gắng triển khai tổ chức thực hiện những ý tưởng, chủ trương có tầm vóc lớn, đầy sáng tạo của anh Ba". Cũng từ đây, cái tên "anh Sáu Thọ" được cán bộ, chiến sĩ, đồng bào nơi đặt cơ quan làm việc thường gọi vừa quý trọng, vừa thân thương bên cái tên "anh Ba Duẩn", "anh Hai Hùng", "anh Tư Kính", "anh Ba Khiêm", "anh Hai Bạch"...

Ngoài việc tham gia lãnh đạo chung, đồng chí Lê Đức Thọ được phân công trực tiếp phụ trách công tác tổ chức, kiểm tra, xây dựng Đảng và công tác dân vận, mặt trận. Nhân đây có thể nói, phần lớn thời gian hoạt động từ khi Đảng nắm chính quyền cho tới mấy năm cuối đời làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ với cương vị Uỷ viên Bộ Chính trị liên tục được giao phụ trách công tác tổ chức cán bộ - xây dựng Đảng. Đồng chí có một bề dày kiến thức và kinh nghiệm hoạt động cách mạng, thuộc lớp chiến sĩ cận vệ đầu tiên của Đảng: 15 tuổi đã tham gia phong trào học sinh yêu nước bãi khóa và dự lễ truy điệu nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh. Bước sang tuổi 17 vào Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, 18 tuổi trở thành đảng viên Cộng sản (năm 1929). Cũng như nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp khác, đồng chí Lê Đức Thọ đã trải qua trường học ác liệt của lao tù đế quốc: Côn Đảo, Sơn La, Hòa Bình, Hà Nội. Trong 15 năm, hai lần bị địch bắt. Tháng 12-1944, sau khi ra tù được mấy tháng, đồng chí được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tới tháng 8-1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào tỉnh Tuyên Quang, đồng chí được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng, trở thành một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng.

Cán bộ lãnh đạo và cán bộ chính trị, quân sự trung, cao

cấp ở Nam Bộ, từng dự các hội nghị hay theo học Trường Đảng Trường Chinh, các lớp "rèn cán, chỉnh quân" rất hồ hởi nghe những bản báo cáo tổng kết hay chuyên đề, những bài giảng, bài nói chuyện giàu tính chiến đấu, giàu tính thực tiễn của đồng chí Lê Đức Thọ trên nhiều lĩnh vực như xây dựng Đảng, quân sự, Mặt trận dân tộc thống nhất, liên minh công nông, xây dựng nền kinh tế, văn hóa kháng chiến...

Ngoài ra, đồng chí Lê Đức Thọ còn viết rất nhiều chuyên luận đăng trên các báo *Nội san* của Xứ uỷ - Trung ương Cục, *Nhân dân miền Nam*, *Thống nhất*, *Nghiên cứu* nhằm bồi dưỡng nhận thức đường lối, chính sách, uốn nắn những lệch lạc, đúc kết phổ biến các kinh nghiệm, các bài học phong phú, sáng tạo của các đảng bộ, quân và dân Nam Bộ trong phát triển lực lượng, chủ động chiến trường, trong công tác địch - nguy vận đi đôi với tác chiến để làm tan rã, suy yếu kẻ thù, trong xây dựng cuộc sống kháng chiến...

Năm 1954, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn cuối cùng.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí Lê Đức Thọ khản trương giải quyết biết bao công việc bề bộn như phổ biến, giải thích thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ, chuẩn bị tinh thần và giải quyết các chế độ, chính sách đối với nông dân và nhân dân vùng giải phóng trước khi chính quyền kháng chiến kết thúc nhiệm vụ tập kết quân đội và một lực lượng cán bộ cùng con em ra Bắc vừa để giúp sức xây dựng miền Bắc, vừa để đào tạo nhân lực sau này trở về góp sức chiến đấu giải phóng và xây dựng quê hương; bố trí tổ chức, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở lại với phương thức hoạt động mới để tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh sẽ rất ác liệt, lâu dài trong tình thế mới ở miền Nam dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ Nam Bộ mới thành lập, đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn.

Một cán bộ lão thành cách mạng, hoạt động suốt 30 năm chiến trường ở Nam Bộ có nói với chúng tôi: "Phân nửa cuộc đời cách mạng của ông Sáu trực tiếp chăm lo cho Nam Bộ, cho miền

Nam, qua ba lần vào Nam ra Bắc: năm 1949 đến 1954; năm 1968 sau Tổng tấn công Tết Mậu Thân, rồi sang Paris đã chỉ đạo cuộc đấu tranh ngoại giao của hai phái đoàn ta; đầu 1975 lại vào tham gia chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh, kết thúc cuộc kháng chiến thắng lợi trọn vẹn. Nhìn thấy ông Sáu đầu đã bạc trắng, mắt đã yếu mờ mà lòng càng trọng, càng thương. Mình có lần phạm lỗi, bị ông thay mặt Trung ương "xáng" cho một án kỷ luật. Nhưng nói gì thì nói, vượt lên tất cả, sự nghiệp và con người ông Sáu được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, trong đó có bà con, đồng chí Nam Bộ tuyên dương, tri ân là đương nhiên, thuận tình và phải đạo".

Quả vậy, cống hiến trên 60 năm của đồng chí Lê Đức Thọ đối với đất nước, nhân dân, đối với Đảng là lớn. Con người anh Sáu có những nét đẹp rất đáng quý. Ai đã gần anh thời chín năm đều thấy anh rất giàu cảm xúc, giàu tình thương và rộng lượng bao dung đối với cán bộ, chiến sĩ dù là lớn hay nhỏ, dù là cấp cao hay cấp thấp.

Trên đường thiên lý trải dài qua đất nước vào Nam, mắt thấy, tai nghe, tâm cảm nhiều cảnh tình và hoạt động của quân, dân các miền trong chiến đấu, sản xuất và xây dựng cuộc sống mới, anh Sáu đã sáng tác nhiều bài thơ xúc động, ngợi ca chiến sĩ, đồng bào, đồng chí. Trong số đó, có bài thơ *Em bé liên lạc* được dư luận đánh giá cao cả về tư tưởng và nghệ thuật. "Văn là người" thì đọc tập thơ *Những nẻo đường* của đồng chí Lê Đức Thọ, do Nhà xuất bản Văn học tuyển chọn và xuất bản đầu những năm 80 của thế kỷ XX, có thể hiểu chừng nào con người anh Sáu. Vậy mà vì sao, thời đó cán bộ lại trù mến đặt biệt hiệu cho anh là "ông Sáu Búa" cũng như đặt "ông Hai Đen" cho đồng chí Phạm Hùng. Đó là vì khi đả kích, lên án kẻ địch thì anh Sáu nói rất quyết liệt, khi phê phán những sai lầm, những thói hư tật xấu trong nội bộ và của cán bộ thì anh Sáu nói rất mạnh, rất rất như búa bổ. Song thật ra, khi phải xử lý kỷ luật, thì thường anh Sáu tỏ ra nhẹ nhàng và chiếu cố đến hoàn cảnh cụ thể của từng người. Chúng tôi nhớ mãi chuyện một cán bộ có hành vi sinh

hoạt không lành mạnh với chị chủ nhà vào một đêm nọ. Hôm sau, anh Sáu kêu tối phê phán vuốt mặt không kịp, rồi nhẹ nhàng nói: "Cậu đã 30 tuổi, không chịu lấy vợ để túng bí làm ầu. Phải kỷ luật thì cậu đau mà mình cũng buồn lắm. Bây giờ lo kiếm vợ đi, mình và các anh sẽ tiếp lo cho!".

Sau này, tại một hội nghị cán bộ ở Hà Nội, có lần anh Sáu tâm tình: "Hiểu và đánh giá đúng cán bộ khó lắm. Ai gần gũi mình nhiều bằng vợ, vậy mà chính tôi có vài điều đơn giản về người vợ sau hơn hai chục năm chung sống mới thấy, mới biết! Vì vậy, trong việc sắp xếp hay xử lý cán bộ khó tránh được sai sót, thậm chí sai sót nghiêm trọng. Vấn đề là phải luôn luôn rà đi soát lại, lắng nghe và dựa vào tập thể".

Những năm ở bưng biền cũng như khi làm việc ở Hà Nội, anh Sáu thường căn dặn cán bộ giúp việc: "Các thư từ cán bộ, chiến sĩ, đồng bào gửi tới, phải cố gắng giải quyết kịp thời, trả lời nhanh chóng. Đừng bao giờ để bà con, anh em chán ngán thất vọng khi đề đạt ý nguyện lên cấp trên".

Anh sống rất giản dị, liêm khiết. Thời kháng chiến, đóng cơ quan trong nhà dân từ trên Đồng Tháp Mười hay xuống vùng U Minh miền Tây, bữa cơm thường ngày của anh cũng đại thể như các anh em giúp việc, quanh quẩn cá kho, cá chiên, cá nấu canh chua đi kèm có các loại rau vườn, rau đồng hay rau rừng. Quần áo gồm vài bộ bà ba đen, khăn rằn và có lẽ độc đáo nhất là đôi guốc mộc bất ly thân khi ở nhà, kể cả sau này ở biệt thự tại Hà Nội.

Đồng chí Lê Đức Thọ, tên thật là Phan Đình Khải, sinh ngày 10-10-1911, tại quê hương Nam Định, đã vĩnh viễn yên nghỉ. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí đã được đúc kết, tuyên dương trong *Điều văn* mà Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại lễ truy điệu trọng thể ở Hà Nội, ngày 17-10-1990: "Là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã có nhiều cống hiến lớn cho sự nghiệp cách mạng", "một trong những đồng chí lãnh đạo chủ yếu của cuộc kháng chiến chống thực dân ở Nam Bộ", "là một trong những

đồng chí lãnh đạo có công lao lớn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước". "Tấm gương về lòng trung thành tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần kiệm liêm chính và tình thương đối với cán bộ của đồng chí Lê Đức Thọ được toàn Đảng và toàn dân ta thương yêu và kính trọng"!

*

* *

Đầu tháng 1-1990, tôi được tới thăm anh Lê Đức Thọ tại khu vực T78 ở Thành phố Hồ Chí Minh, khi anh vào nghỉ ở đây, tránh cái rét Hà Nội không có lợi cho sức khỏe người cao tuổi.

Mấy ngày trước buổi hẹn đó, tôi nghĩ tới nghĩ lui: ngoài việc thăm hỏi sức khỏe và gia đình anh, mình có nên và có thể hỏi anh những vấn đề gì? Là người cán bộ của Đảng, hơn nữa là người đã từng công tác trong một cơ quan Xứ uỷ Nam Bộ, sau là Trung ương Cục miền Nam, mà anh là thủ trưởng trực tiếp trong những năm kháng chiến chống Pháp, ai mà không suy nghĩ, trăn trở nhiều trước những điều nọ tiếng kia, nhất là sau Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Với anh Sáu, đã hơn bốn năm tôi chưa có dịp được gặp. Tôi cứ miên man trong hồi tưởng những tháng năm qua, kể từ lần đầu tiên được gặp anh vào đầu hè năm 1948 trong Hội nghị Tổ chức Trung ương gồm đại diện Ban Tổ chức các Liên khu uỷ từ Liên khu 4 trở ra. Dự họp có các đồng chí Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương và đồng chí Phó Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ Nguyễn Đức Thuận ra làm việc với Thường vụ Trung ương Đảng. Khi đó tôi mới 20 tuổi, lần đầu tiên được gặp nhiều vị lãnh đạo cấp cao của Đảng, cảm thấy thật vừa vinh hạnh, vừa ngỡ ngàng, lúng túng. Vậy mà tôi lại được giao đọc báo cáo về vấn đề xây dựng chi bộ xã lãnh đạo sản xuất, đời sống và chiến đấu trong vùng tạm bị chiếm và vùng giáp ranh. Mặc dù đã được Ban Tổ chức Liên khu uỷ I chỉ đạo, và tôi đã đi vào vùng tạm bị chiếm Nam phần Bắc Ninh, nghiên cứu một thời gian. Bản báo cáo đã sẵn sàng, song tôi vẫn hơi

run. Có lẽ thấu hiểu tâm trạng tôi, đồng chí Lê Đức Thọ vỗ vai tôi động viên, đồng chí Trường Chinh lại tươi cười nói: "Đồng chí còn trẻ quá mà sao giống đồng chí Thorez thế, cứ mạnh dạn báo cáo đi Petit Thorez à".

Sau khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ nói: "Từ thời tiền khởi nghĩa đến nay, ta bận bao nhiêu việc lớn, cấp bách, bữa nay mới nghe công tác xây dựng Đảng ở cơ sở trong tình hình nhiệm vụ mới trong kháng chiến, thật thú vị, mới mẻ". Đồng chí Trường Chinh cũng nói: "Đúng, nhiều cái mới cần phải đi sâu, tổng kết, nhân rộng, khác với xây dựng Đảng thời chưa có chính quyền, chưa kháng chiến". Đến bữa ăn, tôi cố ý lẩn vào bàn ngồi với các cán bộ cùng cỡ ở các Liên khu bạn, thì đồng chí Lê Đức Thọ tới kéo tôi sang bàn các đồng chí lãnh đạo cao và nói: "Petit Thorez ngồi đây để các anh vừa ăn vừa hỏi thêm". Cuộc họp này, ngoài sự bổ ích về nghiệp vụ, để lại trong tôi ấn tượng có thể nói là "đầu đời". Là lớp đảng viên trẻ, tôi vốn có lòng sùng kính đối với các vị tiền bối cách mạng, các vị lãnh tụ của Đảng đã hoạt động dày dạn trong "bóng tối". Nào ngờ, các đồng chí thân tình, vui vẻ, cười đùa cởi mở và giao tiếp trân trọng với cán bộ cấp dưới, cán bộ mới mà tuổi đời có thể ở hàng con, cháu hay nhiều lắm chỉ bằng em út.

Ít tháng sau, tôi được tin đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu một phái đoàn của Trung ương Đảng và Chính phủ về Nam Bộ. Tôi không ngờ là năm sau, tôi cũng được Trung ương điều động vào công tác trong ấy, và làm việc tại Ban Tổ chức Xứ uỷ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của anh. Nhớ những năm tháng công tác dưới quyền anh, và được anh dạy bảo, dẫn dắt, nhớ lại những lần nghe anh truyền đạt chỉ thị, nghị quyết của Đảng hay tổng kết công tác, kể cả đọc một số bài báo anh viết, và nhớ cả một ít lần được anh tiếp kiến thân tình, tôi thấy nổi bật ở anh một tư duy nhạy bén bám sát thực tế. Anh thường không nói dưới dạng lý luận lớp lang, song nội dung trình bày giàu tính chỉ đạo thực tiễn với những lời lẽ nhiều khi nôm na, dân dã, dùng nhiều thành ngữ dân gian quen thuộc, nên người nghe dễ nhập tâm.

Chẳng hạn như anh bảo: "Sau khi có đường lối, chủ trương đúng, kế hoạch sát hợp thì cán bộ quyết định tất cả. Nhưng đánh giá, sắp xếp cán bộ giỏi lắm chỉ đúng 70, 80%". Anh em chúng tôi có người thắc mắc: "Vậy không được, phải bảo đảm đúng 100%". Anh trả lời: "Người lãnh đạo ai không muốn thế; mình nói theo thực tế vì hiểu đúng, hiểu sâu một con người là khó lắm, khó nhất. Ai mà gần gũi vợ bằng chồng, thế mà mình đây có vài điều đơn giản của vợ mà sau 20 năm chung sống mình mới biết! Vấn đề là công tác tổ chức cán bộ của chúng ta phải thường kỳ rà soát để kịp thời sửa đổi".

Những bài nói, bài viết của anh còn rất giàu tính chiến đấu, tính phê phán. Cộng với giọng nói lớn, rõ ràng, sôi nổi, những lời lẽ của anh phân tích, lên án âm mưu, thủ đoạn của địch càng thêm sắc sảo, quyết liệt; những lời anh phê phán thói hư, tật xấu của cán bộ, đảng viên lắm khi rất mạnh, rất rát. Bởi vậy, trong kháng chiến ở Nam Bộ, cán bộ triu mến đặt biệt hiệu cho anh là "ông Sáu Búa" cũng như đặt biệt hiệu "ông Hai Đe" cho đồng chí Phạm Hùng. Tính cách chủ động, quyết liệt đó của anh đối với địch, sau này lại thể hiện rõ qua những mẫu chuyện kể anh đối đáp và đấu thắng thường với Kítxinhgiơ tại Hội nghị Pari. Song đối với cán bộ, nhân viên dù là cấp cao hay cấp thấp, thực ra những ai đã gần anh thời "9 năm" đều thấy anh rất giàu tình cảm, giàu tình thương và rộng lượng, bao dung. Tôi đã không chỉ một đôi lần được tham dự, chứng kiến anh phê phán, xử lý cán bộ trung, cao cấp có sai phạm về đạo đức. Những lời lẽ của anh có lúc như búa bổ, song vẫn hàm chứa sự thông cảm và thể tất, nhất là việc anh dùng nhiều thành ngữ dân gian đúc kết từ cuộc sống thường tình, sự phê phán trở nên mềm mại, thân tình. Chẳng hạn như: "... Phải kỷ luật, cậu đau thì mình cũng buồn. Cậu đã trên 30 tuổi, mình hiểu cái cảnh... "hăm". Vậy nên lo kiếm vợ đi để đừng làm ầu, mình và các anh sẽ tiếp lo cho". Tôi và vài anh em thường rủ rỉ với nhau: Nghe ông nói thì như đang xấn tay áo lên để thôi, song khi ổng xử thì lại buông chùng tay áo xuống.

Sau này tôi mới được biết đồng chí Lê Đức Thọ từng làm bài "Em liên lạc" được dư luận đánh giá cao cả về tư tưởng và nghệ thuật. Đã nói "văn là người" thì đọc thơ *Trên những nẻo đường* của anh do Nhà xuất bản Văn học tuyển chọn và xuất bản đầu những năm 80 thế kỷ XX, càng thêm hiểu anh Sáu giàu cảm xúc, giàu tình thương. Với đời riêng của tôi, vợ chồng tôi không bao giờ quên được anh Sáu, anh Tư Thượng Vũ, anh Hai Hùng cùng đi tới nhà ông bà nhạc tương lai của tôi, để vừa thay mặt cơ quan, vừa thay mặt gia đình của tôi ở ngoài Bắc, hỏi vợ cho tôi. Riêng anh Sáu, dù bận việc, vẫn ưu ái dành thì giờ làm chủ hôn lễ cưới của chúng tôi.

*

* *

Với tôi, cái hồi tưởng đó, tôi tự nhủ trước khi được anh tiếp kiến, tôi có thể thành thực và mạnh dạn hỏi và trao đổi với anh những điều day dứt trong tâm tư của mình.

Thấy anh gầy yếu hơn trước, nhất là khi nghe anh nói vừa mới bị chảy máu mũi nhiều ngày và các bác sĩ bảo đó là điều may mắn mà máu thoát ra con đường như vậy, tôi lại ngần ngại, sợ nêu ra những vấn đề dễ xúc động. Nhưng qua những lời anh thăm hỏi tôi và vợ con, cùng với thái độ thân tình như xưa của anh: "Trông cậu hồi này khỏe, khá hơn hẳn với hồi 1985 mình mới vào thăm cậu ở Bệnh viện Chợ Rẫy, cứ tưởng cậu bị ung thư! v.v.", tôi lại như được khuyến khích. Anh nói: "Mình chắc chẳng còn sống được bao lâu nữa, có lẽ chỉ tính tháng, chứ không tính năm được. Cậu có điều gì muốn nói thì cứ nêu ra, mình không quên tính hay hỏi của cậu đâu". Được lời như cởi tấm lòng, theo chuẩn bị, tôi chỉ nêu một câu khái quát: "Tại sao, một đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng như anh, suốt đời phấn đấu hy sinh cho dân tộc, cho Đảng trên nhiều mặt, công trạng nhiều và lớn, mà cuối đời lại bị tiếng nặng tiếng nhẹ của một số người?". Anh đáp liền: "Vấn đề cậu đặt ra, chính mình cũng đã tự vấn lâu nay. Mình nhớ đã nhiều lần nói với cậu và với anh em làm công tác cán bộ; hiểu con người, hiểu cán bộ,

đánh giá và sắp xếp đúng 100% rất khó, cực kỳ khó. Trong việc ấy, cái trí, cái tâm, cái đức của con người làm công tác tổ chức cán bộ phải cao, phải sáng. Mình vẫn nhớ lời cậu kể về một đồng chí phụ trách tổ chức ở tỉnh Đồng Nai nói: "Có lẽ khi Tỉnh uỷ bàn việc sắp xếp cán bộ đầu ngành, nên họp tại nghĩa trang liệt sĩ, để thấy cả nước chiến đấu hy sinh cho Đồng Nai chứ không chỉ có những đồng chí quê ở đây hay "trụ" ở tỉnh này". "Nghề tổ chức cán bộ là một nghề dễ "ân oán". Đánh giá, sắp xếp, đưa lên đưa xuống, đưa vào, đưa ra dù đúng cũng có khi bị "oán" vì một số anh em ít nhiều vẫn so bì ầm ứ, tức tối. Huống hồ có đôi khi do thiếu sâu sát hay vì định kiến hoặc cả nể, quá tin... đưa tới sự bố trí công tác hoặc xử lý sai gây ra những hậu quả phức tạp". Rồi anh kể một đôi trường hợp cụ thể để chứng minh.

Cuộc trò chuyện đã kéo dài hai tiếng đồng hồ. Bên ngoài, hoàng hôn sắp buông xuống. Đồng chí bảo vệ từ phòng bên ra đứng phía sau anh, làm hiệu cho tôi ra về. Tôi cũng sợ anh mệt nên dợm đứng lên, anh ấn tôi ngồi xuống và quay lại đồng chí bảo vệ: "Cậu ấy là cán bộ đã làm việc nhiều năm với tôi và đã lâu không gặp, cứ để chúng tôi hàn huyên thêm một lúc nữa".

Tôi không ngờ, đây là lần cuối cùng trong đời tôi được gặp anh.

ANH SÁU THỌ VỚI SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG Ở MIỀN NAM

Phạm Chấn Hưng*

Nhìn lại quá trình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thống nhất Trung ương đã đảm nhiệm trọng trách công tác tổ chức cán bộ, phục vụ cho nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, điều động thường xuyên cán bộ dân - chính - đảng vào chiến trường miền Nam, tăng cường cho các mặt hoạt động cách mạng từ cơ sở đến huyện, tỉnh, khu và cơ quan Trung ương Cục miền Nam. Tám vạn cán bộ do Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thống nhất Trung ương điều động vào các chiến trường B1 (Khu 5), B2 (Nam Bộ), B3 (Tây Nguyên) đã tỏa ra khắp các tỉnh miền Nam, anh chị em đã vượt qua mọi khó khăn, đi bộ nhiều tháng trời, trèo đèo lội suối, sốt rét rừng, thiếu ăn nhưng vẫn một lòng quyết tâm vượt Trường Sơn vào chiến trường, làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta, công tác tổ chức, cán bộ của Đảng đã đóng vai trò rất lớn, hết sức quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh

* Cán bộ cách mạng lão thành.

Nguyên: - Phó Vụ trưởng Vụ Miền Nam - Ban Thống nhất Trung ương;
- Phó Cục trưởng Cục Đón tiếp cán bộ B - Ban Tổ chức Trung ương.

Lê Đức Thọ cùng Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt quan tâm công tác tổ chức cán bộ nói chung và cán bộ cho chiến trường miền Nam nói riêng, vì đây là vấn đề mấu chốt, là cốt lõi của mọi vấn đề trong chiến lược, sách lược của đường lối cách mạng Việt Nam, quyết định sự thành công của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tài thao lược của Bác Hồ là phát hiện hiền tài và sử dụng hiền tài ngay từ những ngày đầu bước vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Anh Lê Đức Thọ là một trong những người được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương giao phụ trách công tác tổ chức và huấn luyện cán bộ, công tác An toàn khu lâu nhất từ tiền khởi nghĩa (1944) và là một trong những đồng chí lãnh đạo cấp cao của Trung ương đã kinh qua thực tiễn chiến trường Nam Bộ, có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức, cán bộ của Đảng ta. Anh được trực tiếp làm việc nhiều năm với Chủ tịch Hồ Chí Minh, và là một trong những học trò xuất sắc của Người. Anh đã học tập được cách hiểu người, sử dụng người, đào tạo người hiền tài cho đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện qua tài năng về đào tạo, huấn luyện tổ chức, bố trí, điều động cán bộ hợp khả năng, hợp môi trường. Anh Lê Đức Thọ thể hiện rất rõ vai trò người đứng đầu Ban Tổ chức Trung ương Cục những năm 1949 - 1954 và Trưởng ban Tổ chức Trung ương những năm 1956 - 1979 trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Là Trưởng ban Tổ chức Trung ương, anh đặc biệt chăm lo công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức, cán bộ phục vụ cách mạng miền Nam; đồng thời còn đề xuất chủ trương thành lập Vụ Miền Nam và Cục Cán bộ B trực thuộc Ban Tổ chức Trung ương để chăm lo nghiên cứu tình hình tổ chức cán bộ miền Nam, giúp Ban Tổ chức Trung ương điều động cán bộ tăng cường cho các chiến trường, cũng như đón tiếp, chăm sóc cán bộ từ chiến trường ra miền Bắc chữa bệnh, học tập và công tác.

Tuy được Bộ Chính trị phân công phụ trách nhiều lĩnh vực khác nhau: tổ chức, ngoại giao, an ninh, v.v., nhưng trong công tác tăng cường cán bộ cho miền Nam, anh có phong cách làm việc rất sâu sát. Ngoài việc thường xuyên đọc những bản báo cáo, anh còn trực tiếp bàn bạc cụ thể với chúng tôi, cán bộ lãnh đạo cấp dưới để nắm tình hình cụ thể. Dù bận nhiều việc nhưng anh vẫn dành nhiều thời gian gặp gỡ với anh chị em cán bộ từ chiến trường miền Nam ra, ân cần thăm hỏi, chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho các anh chị em từ tiền tuyến về hậu phương và chuẩn bị lên đường trở lại tiền tuyến. Anh chị em miền Nam thường gọi anh với cái tên thân mật là "anh Sáu Thọ" và tên đó đã gắn bó với anh suốt chín năm Nam Bộ kháng chiến và thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Tình hình cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn mới sau khi có Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (13-1-1959), đây là Nghị quyết về đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam. Nghị quyết nêu rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, dựa vào lực lượng của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ quyền thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Nghị quyết 15 như luồng sinh khí mới thổi vào cách mạng miền Nam, mở hướng đi mới cho nhân dân miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà.

Từ Cục Chuyên gia thuộc Phủ Thủ tướng, tôi được điều về Vụ Miền Nam thuộc Ban Thống nhất Trung ương rồi sang Ban Tổ chức Trung ương, chuyên trách công tác tổ chức, cán bộ miền Nam cho đến ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Trung ương Đảng rất quan tâm đến công tác tổ chức, cán bộ phục vụ cách mạng miền Nam nên tôi có điều kiện được tiếp xúc, làm việc với anh Lê Đức Thọ. Khi làm việc với anh, chúng tôi vẫn thường gọi tên thân mật là "anh Sáu Thọ" vì anh luôn giữ đúng nguyên tắc trong công việc nhưng cũng là người rất chân tình,

cởi mở và thẳng thắn. Vì vậy, anh Sáu Thọ đã tạo được mối quan hệ gần gũi, chân thành, đem lại hiệu quả công việc rất tốt.

Tôi nhớ lại những năm 60, 70 thế kỷ XX, khi làm việc với chúng tôi, anh Sáu tìm hiểu tình hình tổ chức, cán bộ miền Nam rất kỹ và nắm chắc tình hình. Anh rà soát, kiểm tra lại những vấn đề cũ để xem có khó khăn vướng mắc gì không? Nếu có thì trao đổi ngay để cùng bàn cách tháo gỡ, giải quyết luôn. Vấn đề nào chưa thể giải quyết được ngay, anh hẹn trả lời sau, nhưng thường là cho ý kiến rất sớm. Anh Sáu vẫn thường nói với chúng tôi: "Tôi và các đồng chí cùng ăn cơm miền Bắc nhưng làm việc miền Nam. Bác Hồ vẫn nhắc nhở thường xuyên quan tâm giải quyết tốt mọi yêu cầu cho chiến trường miền Nam, mau chóng thống nhất nước nhà, đồng bào miền Nam thoát cảnh đau thương để Bác sớm được vào thăm đồng bào miền Nam". Với tinh thần làm việc như vậy, sau cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh và thời gian làm việc của anh Sáu với bộ phận chuyên trách về miền Nam nhiều hơn trước. Tuy bận nhiều trọng trách khác của Trung ương, nhưng anh Sáu vẫn dành thời gian để theo dõi rất sát tình hình diễn biến trên chiến trường miền Nam. Anh trực tiếp đi vào chiến trường để nghiên cứu thật kỹ tình hình, đặc biệt là công tác tổ chức, đào tạo lớp cán bộ trẻ, chú trọng thường xuyên công tác xây dựng Đảng để kịp thời điều động bổ sung cán bộ cho chiến trường miền Nam.

Trong công tác tổ chức, cán bộ phục vụ cách mạng ở miền Nam, anh Sáu thường đưa ra những ý kiến chỉ đạo rất cụ thể, cùng chúng tôi xem xét, thông qua từng kế hoạch cán bộ hàng quý, hàng năm, đề ra phương hướng và tiêu chuẩn điều động cán bộ tăng cường cho từng vùng, từng chiến trường ở miền Nam, sao cho phù hợp để phát huy hiệu quả, hạn chế hy sinh, tổn thất trên chiến trường.

*

* *

Là nhà giáo tham gia cách mạng rất sớm, từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong suốt cuộc đời tham gia cách mạng, tôi làm công tác tổ chức là chủ yếu. Khi được điều động sang Ban Tổ chức Trung ương chuyên lo công tác tổ chức, cán bộ miền Nam, tôi có dịp được làm việc trực tiếp với anh Sáu nhiều năm. Mỗi khi làm việc với chúng tôi, hoặc khi có đoàn cán bộ từ chiến trường ra Bắc, anh trực tiếp xem xét danh sách cán bộ trung, cao cấp bổ sung cho chiến trường, nghe báo cáo lý lịch và hoàn cảnh cụ thể của cán bộ. Đối với cán bộ cao cấp, anh gặp mặt từng người, nghe ý kiến đề xuất của từng đồng chí. Anh thường đến thăm các lớp huấn luyện cán bộ chuẩn bị vào chiến trường, nghe cán bộ đề đạt ý kiến, nguyện vọng trước khi vượt Trường Sơn. Nắm được tình hình cụ thể ấy, anh Sáu đã làm việc lại với Ban Huấn luyện và phục vụ cán bộ B để động viên chúng tôi phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, giải quyết tốt những vấn đề tồn tại để tập trung chăm sóc tốt nhất cho anh chị em về tinh thần cũng như vật chất trước khi vào chiến trường.

Để nắm rõ tình hình và yêu cầu của chiến trường, anh Sáu Thọ yêu cầu Ban Thống nhất và Ban Tổ chức Trung ương cử cán bộ của Ban vào nghiên cứu tại chỗ tình hình miền Nam để kịp thời chỉ viện, đúng yêu cầu cho hoạt động của chiến trường. Dích thân anh đã vào miền Nam gặp gỡ cán bộ, nắm tình hình cụ thể và trực tiếp làm việc với các đồng chí Trung ương Cục miền Nam. Nhờ đó, việc chỉ đạo của Trung ương đối với miền Nam sâu sát hơn, đáp ứng tốt các yêu cầu của chiến trường, thúc đẩy hoạt động của các chiến trường miền Nam, đối phó hiệu quả hơn với âm mưu và hành động của địch, làm cho chúng bị động, lúng túng, tạo thế tiến công ngày càng mạnh mẽ của lực lượng cách mạng.

Đối với cán bộ công tác ở chiến trường ra miền Bắc chữa bệnh, công tác và học tập đều được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung

ương Đảng và anh Lê Đức Thọ hết sức quan tâm. Các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng thường xuyên gặp mặt thăm hỏi anh chị em, ngay từ khi vừa đặt chân ra miền Bắc. Anh Lê Đức Thọ lãnh đạo Ban Tổ chức và Ban Thống nhất Trung ương tận tình chăm sóc, tạo điều kiện tốt nhất để chữa bệnh, bồi dưỡng sức khỏe cho anh chị em từ chiến trường ra Bắc. Ngoài việc gặp gỡ thăm hỏi chung, anh Sáu Thọ còn trực tiếp gặp từng cán bộ cao cấp, cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh nghe báo cáo tình hình công tác cụ thể ở ngành, địa phương cũng như tình hình cán bộ, quần chúng ở miền Nam, ghi nhận những ý kiến đề xuất để phục vụ cho công tác nghiên cứu lãnh đạo của Trung ương.

Đối với các đồng chí cán bộ miền Nam ra công tác, gặp và báo cáo tình hình với Trung ương, xin chỉ viện cho chiến trường, được Trung ương chú trọng những yêu cầu cụ thể, anh Sáu trực tiếp giao nhiệm vụ cho các ngành liên quan, tạo điều kiện giải quyết sớm nhất, tốt nhất các yêu cầu chỉ viện cho chiến trường.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt, nhận thấy yêu cầu chữa bệnh, học tập của cán bộ chiến trường miền Nam ra Bắc ngày càng nhiều, anh Sáu đã chỉ đạo Ban Tổ chức, Ban Thống nhất, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục cùng các ngành liên quan xây dựng Bệnh viện E Hà Nội, Bệnh viện Nam Khê Sơn ở Quế Lâm (Trung Quốc), Trường Nguyễn Ái Quốc IV và dành riêng Trường phổ thông lao động Trung ương để đáp ứng kịp thời các yêu cầu trên.

Theo yêu cầu của cán bộ B (cán bộ chiến trường miền Nam), nhiều đồng chí tham gia kháng chiến liên tục, suốt chín năm kháng chiến chống Pháp đến kháng chiến chống Mỹ không có điều kiện học hành, họ có tinh thần yêu nước, đấu tranh rất anh dũng với kẻ thù nhưng trình độ văn hoá thấp, có người chưa đọc thông viết thạo nên hạn chế trong công tác, nhất là đối với công tác tổ chức. Nhận được yêu cầu ấy, Ban Tổ chức Trung ương đã cho phép các đơn vị điều dưỡng cán bộ B (gọi là K: K5,

K15...) mở các lớp bồi dưỡng văn hóa tại chỗ cho anh chị em để vừa bồi dưỡng sức khỏe, vừa học tập văn hóa. Anh Sáu rất quan tâm và chỉ đạo thực hiện ngay việc mở lớp bồi dưỡng sức khỏe và trình độ văn hoá, nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ tổ chức ở cơ sở tại chiến trường miền Nam. Nhờ vậy, nhiều đồng chí cán bộ cơ sở miền Nam, trong đó có nhiều cán bộ người dân tộc thiểu số rất phấn khởi, nhiều người là thương binh hoặc bị bệnh nặng vẫn kiên trì điều trị, cố gắng vượt qua đau đớn, bệnh tật, tích cực tham gia đều đặn các lớp học văn hóa, tổ chức tại các đơn vị điều dưỡng của cán bộ chiến trường miền Nam ra Bắc. Nhiều đồng chí cán bộ khi ra Bắc chỉ có trình độ lớp 1, lớp 2 nhưng lúc trở về miền Nam đã có trình độ văn hóa cấp II, trình độ lý luận chính trị sơ cấp. Một số đồng chí cũng nhờ được bồi dưỡng văn hóa như vậy đã có trình độ cao hơn, trong đó có một số đồng chí được đào tạo lên đến bậc đại học, phục vụ đắc lực cho việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng và tiếp tục giữ trọng trách của Đảng, Nhà nước giao phó đến nay. Những anh chị em được bồi dưỡng sức khỏe, học tập văn hóa tại các đơn vị điều dưỡng trong chiến tranh tại miền Bắc đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ trở lại chiến trường, sức khỏe được tăng cường, học lực được nâng lên, các đồng chí đó rất phấn khởi, công tác hiệu quả hơn.

Trong những năm chiến tranh, dưới sự chỉ đạo của Trung ương mà trực tiếp là anh Lê Đức Thọ, các ban, ngành đã đón tiếp, chăm sóc *20.500 cán bộ* từ các chiến trường miền Nam ra Bắc chữa bệnh và học tập; xây dựng được *25 đơn vị đón tiếp, điều trị điều dưỡng và học tập* cho cán bộ tổ chức; *7.000 cán bộ* đi học ở các trường văn hóa, trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trường lý luận chính trị; *4.000 cán bộ* được bố trí đi chữa bệnh, tham quan nghỉ mát, học tập ở nước ngoài.

Nhớ về anh Sáu Thọ - đồng chí Lê Đức Thọ, một Trưởng ban Tổ chức Trung ương tận tụy với công tác tổ chức, cán bộ nói chung và đặc biệt là công tác tổ chức, cán bộ miền Nam nói riêng - một người anh luôn luôn hết lòng vì miền Nam ruột thịt

thân yêu, tôi hồi tưởng và viết lại để thấy được tình cảm và trách nhiệm của đồng chí Lê Đức Thọ với công tác tổ chức, cán bộ miền Nam và với sự nghiệp cách mạng miền Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

NHỮNG NĂM THÁNG SỐNG BÊN ANH CÒN NHỚ MÃI

Trần Hữu Phước*

Cách đây 48 năm, vào một đêm thượng tuần tháng 5-1952, tôi theo đồng chí Tư lệnh phó Nguyễn Chánh đi dự cuộc họp của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ. Cấp trên giao nhiệm vụ cho tôi phải cố gắng ghi chép đầy đủ những lời phát biểu của anh Sáu. "Anh Sáu" là tên mà cán bộ và đồng bào dùng để thân mật gọi đồng chí Lê Đức Thọ, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam kiêm Chính uỷ Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây.

Khi chúng tôi vừa tề tựu tới nơi họp, một chiếc xuống ba lá từ từ rẽ nước, lướt trên những ngọn rau dừa và nhẹ nhàng cập bến. Từ dưới xuống, một người đàn ông tuổi trạc tứ tuần, thân hình mảnh khảnh, mặc bộ áo quần bà ba đen, tay cầm xác cốt nhanh nhẹn bước lên bờ. Thoạt trông, tôi biết ngay đó là đồng chí Lê Đức Thọ - vì ảnh anh đã được treo nhiều nơi trong những vùng căn cứ địa kháng chiến.

Tuy mới được gặp mặt lần đầu, nhưng tôi đã nhanh chóng bị anh thu phục cảm tình bằng những nụ cười đôn hậu và vì giọng nói có sức truyền cảm mạnh mẽ. Tư duy quân sự sắc sảo và trí nhớ lạ lùng của anh thể hiện trong bài phát biểu ứng khẩu kéo dài 1 giờ 32 phút, đã được những cây bút bi của tôi thay phiên nhau thâu tóm trong bản ghi nguyên văn bằng tốc ký.

Liên tiếp những tuần sau đó, đồng chí Nguyễn Chánh cử

* Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng Khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam,

tôi đi ghi chép những bài phát biểu của anh trong các cuộc hội nghị quân sự. Thế rồi một ngày kia, bất chợt tôi vinh hạnh được đón nhận niềm vui lớn: Anh Sáu gửi cho tôi hai trăm đồng "bạc Cự Hồ" để bồi dưỡng và điều tôi về làm việc bên cạnh anh. Năm ấy, tôi 17 tuổi. Theo bước chân anh, tôi đã đến nhiều nơi trên chiến trường Nam Bộ và vùng Đông Bắc Campuchia. Sau khi tập kết ra miền Bắc, tôi vẫn tiếp tục làm việc với anh thêm một số năm.

Nghiên cứu về anh Sáu Thọ, cho dù ở bất cứ góc độ nào, mọi người có dịp hiểu biết về anh đều thấy rõ: Anh là một trong những người học trò xuất sắc của Bác Hồ, đã hóa thân trong tư tưởng và tình cảm thiêng liêng của Bác: "Miền Nam luôn luôn ở trong trái tim tôi".

Sau chiến thắng Việt Bắc vang dội của quân dân ta vào thu - đông năm 1947, chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của quân đội viễn chinh Pháp bị thất bại nặng nề. Từ chỗ tiến công để thắng nhanh ở Bắc Bộ, địch buộc phải rút quân ở Việt Bắc, tăng viện vào Nam Bộ, nhằm biến Nam Bộ thành căn cứ quân sự, chính trị, kinh tế, nơi dự trữ lương thực của thực dân Pháp để thôn tính cả Việt Nam và Đông Dương. Chính trong thời điểm lịch sử đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng cử anh Sáu Thọ vào chiến trường Nam Bộ.

Từ giã chiến Khu Việt Bắc vào mùa đông năm 1948, trải qua ngót một năm trường nằm sương gối đất, vượt suối trèo đèo, anh Sáu Thọ đã tới chiến khu Đồng Tháp Mười vào khoảng tháng 5-1949. Cuộc "trường chinh" lịch sử này, đã khơi dậy trong tâm hồn anh nguồn thi hứng lớn lao. *Trên những nẻo đường*¹ vào Nam, anh đã sáng tác được nhiều bài thơ chiến đấu có giá trị cao, cả về nội dung tư tưởng và nghệ thuật biểu hiện. Trong số đó, có bài *Em liên lạc* là bài thơ kháng chiến đầu tiên của Việt Nam được dịch ra tiếng nước ngoài và đăng trên tờ *Sự*

- Nguyên Thư ký đồng chí Lê Đức Thọ.

1. Đây là nhan đề tập thơ của đồng chí Lê Đức Thọ xuất bản vào cuối năm 1950.

thật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Liên Xô.

Từ khi vào tới chiến trường Nam Bộ cho tới lúc kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, với cương vị là Phó Bí thư Xứ uỷ, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam kiêm Chính uỷ Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây, anh Sáu Thọ luôn luôn kề vai sát cánh với anh Ba Lê Duẩn và các đồng chí trong Xứ uỷ, Trung ương Cục chỉ đạo tài tình cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt của nhân dân Nam Bộ.

Sự hiện diện của anh Sáu Thọ và đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ ngay từ những ngày đầu tiên trên chiến trường miền Nam, đã được quân dân Nam Bộ hân hoan chào đón và nồng nhiệt hoan nghênh. Cách đây 50 năm, báo *Thống Nhất* số 13, ấn hành vào tháng 5-1950, đã viết: "Mùa xuân năm 1950, Nam Bộ đã thu được nhiều chiến thắng oanh liệt, Chiến dịch Cầu Kè chưa dứt tiếng súng chiến thắng thì Chiến dịch Cầu Ngang đã mở ra, rồi đến Chiến dịch Cao Lãnh... Giữa lúc Nam Bộ đang trên đà chiến thắng, thì Trung ương cử một phái đoàn do đồng chí Lê Đức Thọ lãnh đạo vào truyền đạt những chủ trương mới của Trung ương.

Hội nghị kháng chiến hành chính toàn Nam Bộ khai mạc ngày 4-4 trong một bầu không khí phấn khởi và tin tưởng, dưới sự chủ tọa danh dự của phái đoàn Chính phủ Trung ương... Bài thuyết trình của đồng chí Lê Đức Thọ về tình hình Đông Dương đã phân tích rành mạch giai đoạn qua, chỉ rõ những đặc tính chuyển qua giai đoạn mới, và vạch ra những nét lớn về chủ trương công tác của Nam Bộ trong năm 1950".

Bốn tháng sau cuộc hội nghị quan trọng này, bằng tư duy lý luận quân sự sắc sảo, anh Sáu Thọ đã viết bài chuyên luận dài hơn 7.500 chữ đăng liên tiếp trên hai số báo *Thống Nhất*, số 15 và 16, ấn hành từ ngày 15-8 đến ngày 15-9-1950, nhằm phân tích những nguyên nhân thắng lợi và rút ra bảy bài học kinh nghiệm quý báu trong việc chỉ đạo "chiến dịch mùa Xuân" 1950 ở Nam Bộ.

Trải qua bảy năm lặn lội trên mảnh đất tận cùng phía Nam Tổ quốc, bên cạnh những bản báo cáo chuyên đề súc tích

trình bày tại các cuộc hội nghị do Xứ uỷ, Trung ương Cục, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ, cũng như do Bộ Tư lệnh các khu, phân liên khu và các cơ quan dân vận - mặt trận tổ chức, anh Sáu Thọ còn thuyết trình nhiều bài giảng hàm chứa những nội dung phong phú cả về lý luận và thực tiễn tại Trường Đảng của Trung ương Cục miền Nam (Trường Trường Chinh) và trong các lớp "rèn cán, chỉnh quân" của bộ đội ta. Với tinh thần chiến đấu cao và bằng một nhãn quan chính trị sắc bén, các bài giảng của anh đã nêu bật lên những chủ đề tư tưởng nóng bỏng như: Vấn đề xây dựng Đảng, quân đội và mặt trận dân tộc thống nhất vững mạnh để tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ; vấn đề cấp đất cho nông dân để củng cố nền tảng vững chắc của khối công nông liên minh trong cách mạng dân tộc - dân chủ; vấn đề mở rộng và phát triển chiến tranh du kích; vấn đề xây dựng nền kinh tế kháng chiến và đẩy mạnh công cuộc kháng chiến trong các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, v.v..

Đặc biệt, từ giữa năm 1950 đến mùa xuân năm 1953, anh Sáu Thọ đã viết nhiều bài chuyên luận đăng trên các báo *Nhân dân miền Nam*, *Thống Nhất*... để đúc kết những kinh nghiệm thực tiễn sống động trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang nhằm kịp thời phổ biến cho các chiến trường. Trong hàng loạt bài viết của mình, anh Sáu đã phân tích sâu sắc những bài học kinh nghiệm phong phú của quân, dân Nam Bộ trong việc phát động chiến tranh du kích nhằm phá bao vây, chống càn quét để giành quyền chủ động trên chiến trường; những kinh nghiệm trong việc tiến hành công tác địch ngụy vận đi đôi với tác chiến để làm tan rã hàng ngũ kẻ thù, v.v..

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cùng với đội ngũ cán bộ và chiến sĩ miền Nam, anh lên đường tập kết ra miền Bắc. Với cương vị Trưởng ban Thống Nhất và Trưởng ban Tổ chức Trung ương, anh đã xả thân làm việc ngày đêm theo khẩu hiệu "Tất cả vì miền Nam ruột thịt". Tôi còn nhớ rõ, trong những năm 1955 - 1956, khi tập đoàn Ngô Đình Diệm lê máy

chém đi khắp nơi, ra sức mở các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" để dìm cách mạng miền Nam trong biển máu, lòng phần nộ của anh sôi sục như sóng trào bão dậy. Anh đã từng thức thâu đêm, tự tay miệt mài viết đề cương đấu tranh võ trang để trình lên Bộ Chính trị. Anh ao ước được "xẻ dọc Trường Sơn" lần thứ hai để đến với đồng bào miền Nam đang trong cơn nước sôi, lửa bỏng. Nhưng tiếc thay, chứng đau đường ruột kinh niên đã làm cản ngại bước chân anh.

Hướng về Nam, ngày ngày anh đã dốc biết bao tâm huyết vào việc chăm lo tổ chức và gây dựng một đội ngũ cán bộ ưu tú vững mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, nhằm kịp thời chi viện cho nhu cầu của công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời, anh ra sức tuyển chọn hàng vạn cán bộ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc cho đi bồi dưỡng văn hóa, lý luận và nghiệp vụ ở trong nước cũng như ở nước ngoài, đào tạo họ thành những nhân tài để sau này trở về phục vụ đắc lực cho công cuộc tái thiết quê hương.

Đối với anh em bầu bạn đang quên mình chiến đấu ở trong Nam, anh đặc biệt quan tâm săn sóc gia đình của những đồng chí ấy bằng tấm lòng đầy nghĩa nặng ơn sâu. Cho đến nay, tuy một sự việc đã trôi qua hơn bốn chục năm trời, nhưng mỗi lần nhắc lại, tôi vẫn còn bồi hồi xúc động. Đó là, vào một buổi sáng mùa xuân năm 1957, anh xin phép không dự một phiên họp của Ban Bí thư Trung ương Đảng để đích thân đưa đứa con trai anh Trần Quốc Thảo vào chữa bệnh tại Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, tuy rằng việc đó anh đã phân công cho tôi từ buổi chiều ngày hôm trước.

Với cương vị là người đứng đầu bộ máy công tác tổ chức cán bộ của Đảng ta, mỗi tuần anh nhận được hàng trăm lá thư từ khắp mọi miền đất nước, anh nói với tôi thật cảm động: Những lá thư nào ngoài phong bì đề mấy chữ "Kính gửi anh Sáu" thì để dành riêng cho anh đọc, vì anh biết rõ rằng đó là thư của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam yêu quý gửi cho anh.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu

Thân năm 1968, theo tiếng gọi của chiến trường miền Nam, anh lại lên đường vào tuyến lửa. Ít lâu sau đó, khi đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, anh đã được Bộ Chính trị uỷ thác một trọng trách lớn lao là trực diện đấu tranh với kẻ thù trên mặt trận ngoại giao, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị trên chiến trường, nhằm nhanh chóng "đánh cho Mỹ cút". Với tư cách là Cố vấn đặc biệt, anh đã cùng đoàn đại biểu Chính phủ ta hoàn thành xuất sắc cuộc đấu tranh dũng cảm và đầy mưu lược "vừa đánh, vừa đàm" kéo dài suốt trong 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

Ngày 25-1-1973, hai ngày sau khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký tắt giữa anh và Cố vấn Tổng thống Mỹ Kítxinhgiơ, tôi đã gặp anh tại Mátxcova. Nhìn chiếc nhẫn quen thuộc làm bằng xác máy bay chiến đấu Mỹ mà anh đang đeo trên tay và cây bút máy giắt nơi túi áo vừa ký tắt tại bàn Hội nghị Pari, tôi đã ngã vào lòng anh với những dòng nước mắt chảy dài vì xiết bao tự hào và xúc động. Một nhà báo Pháp nói với tôi rằng: "Xưa nay, chưa từng có một dân tộc bị xâm lược nào trên thế giới lại chủ động đưa bản Hiệp định buộc kẻ thù xâm lược phải ký kết thừa nhận những quyền dân tộc cơ bản của mình và phải đơn phương rút hết quân đội về nước".

Mùa Xuân năm 1975, thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, anh lại mang hành trang lần thứ ba để lên đường xung trận. Cùng với Bộ Tư lệnh và Đảng uỷ "Chiến dịch Hồ Chí Minh", anh đã trực tiếp tham gia chỉ huy trận quyết chiến chiến lược cuối cùng tiến hành tổng công kích vào sào huyệt của địch tại thành phố Sài Gòn để thực hiện hoài bão lớn lao mà Bác Hồ kính yêu đã hằng mong ước: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng đã phấp phới tung bay trên nóc Phủ Tổng thống ngụy, báo hiệu ách đô hộ 117 năm của chủ nghĩa đế quốc đã vĩnh viễn cáo chung trên đất nước ta. Giữa ngày hội lớn của giai cấp

công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, ngày 1-5-1975 cùng với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong Trung ương Cục miền Nam, anh đã nức lòng phấn khởi đón đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Tôn Đức Thắng trong vòng tay thân thiết của mình tại sân bay Tân Sơn Nhất, chào mừng giang sơn gấm vóc từ Bắc chí Nam đã được thu về một mối.

*

* *

Vốn là một nhà lãnh đạo tài ba, anh Sáu Thọ vinh dự được đảm nhiệm nhiều trọng trách lớn lao trong các lĩnh vực đấu tranh xung yếu: quân sự, chính trị, ngoại giao... Tuy nhiên, những người được dịp cộng sự với anh đều thấy rõ: trong cuộc sống thường ngày, anh là một cán bộ sinh hoạt giản dị, liêm khiết, luôn luôn quan tâm đến mọi người, và giàu lòng bác ái vị tha. Ý thức giai cấp và quan điểm quần chúng của anh thể hiện một cách sinh động trước hết đối với đội ngũ cán bộ và chiến sĩ làm việc bên cạnh anh. Thật vậy, tất cả anh chị em chúng tôi đều được anh quan tâm săn sóc kể cả về cuộc sống vật chất lẫn tinh thần. Có lần tôi đột ngột bị bệnh, không ngờ anh đã đích thân đến bộ phận bảo vệ sức khỏe Trung ương để tìm bác sĩ chữa bệnh cho tôi. Đồng chí Hai Đố, một cán bộ cần vụ lão thành công tác lâu ngày với anh khi nghỉ hưu đã được anh đối xử chu toàn như một thân nhân.

Ở anh, việc quan tâm đến đồng chí, bạn bè đã trở thành một đức tính, một nhu cầu không thể thiếu được của cuộc sống tình cảm. Anh thường căn dặn chúng tôi: "Tất cả những thư từ của đảng viên và cán bộ từ các nơi gửi đến, phải cố gắng giải quyết kịp thời và trả lời nhanh chóng. Đừng bao giờ để cho các đồng chí của chúng ta phải sống trong tâm trạng khắc khoải đợi chờ, hoặc bị thất vọng khi đề đạt ý nguyện lên trên". Những ngày chủ nhật và ngày nghỉ lễ, anh thường dành thời gian vào bệnh viện để ướm cán bộ bị ốm đau, hoặc thăm

viếng gia đình cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc, những cơ sở có công đối với cách mạng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa cũng như trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Cảm động biết bao, những năm tháng cuối đời, sức khỏe của anh càng suy giảm, việc đi lại không dễ dàng như trước, nhưng anh vẫn cố gắng vào nhà thương hoặc đến tận gia đình để thăm một số cán bộ lão thành cách mạng nghỉ hưu. Phẩm chất quý báu khác của anh đáng để cho chúng ta học tập là tuy địa vị "chức trọng quyền cao", nhưng không bao giờ anh sử dụng sức mạnh quyền uy với mọi người. Việc ý thế cậy quyền đối với anh là điều vô cùng cấm kỵ. Lúc mới tập kết ra Bắc, anh được Trung ương cấp nhà tại Thủ đô Hà Nội. Gánh vác công vụ nặng nề khiến anh phải thức khuya dậy sớm. Đã vậy, đêm đêm tiếng động ồn ào của môi trường xung quanh làm cho anh bị mất ngủ triền miên. Qua thăm dò, tôi phát hiện được một ngôi nhà yên tĩnh - nơi làm việc của một số chuyên viên Bộ Quốc phòng. Sau khi nghe tôi trình bày, anh đắn đo suy nghĩ và hết sức băn khoăn. Cuối cùng anh dặn: Cậu hãy giúp mình viết một lá thư để gửi anh Văn (tức Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp).

Nhận được thư anh, anh Văn cử ngay đồng chí thư ký riêng là Đại tá Hoàng đến gặp chúng tôi. Đại tá Hoàng báo cáo rõ: Ý định đổi nhà của anh đều được các đồng chí trong Quân uỷ nhất trí tán thành và hoàn toàn ủng hộ. Lúc bấy giờ anh mới thực sự yên tâm để cho chúng tôi bắt tay vào việc chuẩn bị chuyển sang nhà mới. Đây là ngôi nhà mà anh đã sống và làm việc từ năm 1958 cho đến những phút giây cuối cùng khi quả tim anh ngừng đập.

Về cuộc sống riêng, anh Sáu Thọ tiếp thu sâu sắc nếp sống cần, kiệm, liêm, chính truyền thống của cha ông. Việc ăn uống của anh thật là giản dị. Chúng tôi không bao giờ quên những ngày đóng cơ quan tại nhà dân ở những vùng Tân Bằng, Biển Bạch, Cán Gáo, Ngang Dừa, Đầm Cùng, Cái Keo, Bà Hính, Tân Đức, Tân Thuận, Tân Duyệt... bữa cơm thường ngày của anh quanh quẩn chỉ có vài con cá sặc kho, chiên hoặc nấu canh, ăn

với các loại rau đồng, rau vườn và rau rừng như: rau muống, rau dứa, bông súng, rau má, đọt nhãn lồng, lá xoài non, rau ráng, đọt choại... Còn y phục của anh vẫn vẹn chỉ có mấy chiếc áo sơ mi và vài bộ đồ "đại cán" dùng để sử dụng chung cho cả tú mùa.

*

* *

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, cuộc kháng chiến chống Pháp đã lui vào dĩ vãng. Anh Sáu Thọ cũng đã từ biệt thế giới này để đi vào cõi vĩnh hằng. Hôm nay viết về anh và bồi hồi nhớ lại hình ảnh thân thương của anh giữa những tháng năm không thể nào quên của thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, trong lòng tôi dâng lên niềm xúc động khôn nguôi. Cho dù năm tháng qua đi, nhưng đúng như đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã viết: "Tấm gương về lòng trung thành tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần, kiệm, liêm, chính và tình thương đối với cán bộ của đồng chí Lê Đức Thọ được toàn Đảng và toàn dân ta thương yêu và kính trọng".

MỘT BƯỚC NGOẶT TRONG CUỘC ĐỜI

Dương Đình Thảo*

Mãn khóa học ở Trường Đảng Trường Chinh (khóa I) vào đầu năm 1950, tôi được phân công về làm Bí thư (như chuyên viên) cho đồng chí Lê Đức Thọ, mà chúng tôi đã quen gọi là anh Sáu. Trước đó mấy ngày, anh Ba (tức anh Lê Duẩn), Bí thư Xứ ủy, có biết tôi từ Hội nghị cán bộ Thành ủy thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn hồi tháng 4-1947, vui vẻ nói: "Anh về làm việc với anh Sáu, tốt lắm, sẽ học được nhiều đấy!".

Đúng như anh Ba nói, đối với tôi, khóa học ở Trường Đảng Trường Chinh, thời gian công tác với anh Sáu và sinh hoạt Đảng bộ Văn phòng Xứ ủy, sau này là Văn phòng Trung ương Cục - Ủy viên Ban kháng chiến hành chính Nam Bộ là một khóa học bổ túc rất bổ ích. Thêm một bước ngoặt trong cuộc đời tôi mở ra từ đây. Và vốn liếng hành trang tiếp nhận từ anh Sáu còn tiếp tục được bổ sung dài dài, ngay cả sau khi tôi chuyển sang làm những công tác khác, cho đến ngày nhận được bức thư cuối cùng tự tay anh Sáu viết, từng chữ còn sắc nét. Đó là bức thư đề ngày 3-9-1990, mỗi lần xem lại, tôi không nén được xúc động khi đọc đến những câu như: "Không biết mình sẽ ra đi lúc nào, nên mình viết sẵn thư này cho cậu... viết thư này cho cậu trong những ngày sắp ra đi, mình nhớ lại biết bao kỷ niệm không bao giờ quên của những năm kháng chiến chống Pháp, lúc ở Hội nghị Pari và thời gian vừa qua...". Anh Sáu nói "thời gian vừa qua" để rồi sau đó một tháng vài ngày, anh ra đi! Thấm thoát rồi sẽ đến ngày giỗ anh Sáu lần thứ 10. Bản thân

* Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

tôi có thêm thời gian 10 năm để nhận thức sâu hơn tầm vóc của một sự nghiệp, suy ngẫm bình tĩnh về một con người cộng sản.

CÂY VÀ RỪNG

Khi về làm việc với anh Sáu, cùng với tình cảm thương nhớ chiến trường, nhớ đồng đội, đồng bào, người thân ở Chợ Lớn, Miền Đông, tôi còn có nỗi băn khoăn không đủ sức đảm đương công việc sẽ được giao phó. May thay anh Sáu đã cho tôi có được tháng rộng ngày dài để tiếp cận công việc và cũng may thay tôi bắt gặp ở đồng chí Trần Quang Lê¹, được anh Sáu giao cho trách nhiệm như "một tiểu đội trưởng", tấm lòng của người đàn anh, tận tình dìu dắt tôi trong công tác và đặc biệt chăm lo bồi dưỡng chúng tôi về lý luận, quan điểm, phương pháp tư tưởng (lúc đó chưa có khái niệm "tư duy")... Tôi nhớ mãi câu nói của anh Lê: "Ở cương vị thừa hành - tôi đang làm chính trị viên cấp tiểu đoàn - quen thấy cây mà không thấy rừng. Về giúp cho công tác lãnh đạo ở cương vị của anh Sáu, thì phải học thấy rừng và thấy cây. Làm việc với anh Sáu dần dần sẽ quen thôi".

Anh Sáu thường nhắc chúng tôi nhớ lời Bác Hồ căn dặn: làm việc gì cũng phải tính đến ba yếu tố: thời gian, không gian, đối tượng. Bao giờ anh Sáu cũng đòi nắm tình hình chung gắn với thời điểm cụ thể, đối tượng cụ thể. Có thấy rừng và thấy cây của phía ta và của phía địch (từ tướng Salan, làm Phó Tổng tư lệnh rồi Tổng tư lệnh sau khi Đờlát Đờátxinhi chết, đến tướng Nava), nghiên cứu, phán đoán ý đồ, chủ trương của chúng với chiến trường chính Bắc Bộ và đối với chiến trường Nam Bộ, anh Sáu mới cùng Xứ uỷ, Xứ quân uỷ và Trung ương Cục (từ sau Đại hội Đảng lần thứ II vào tháng 2-1951) đề ra những chủ trương xác đáng đồng bộ về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội cho các ngành quân, dân, chính, đảng ở các cấp và cho từng chiến trường, cả về mặt tổ chức, như xây dựng Phân liên khu miền Đông, Phân liên khu miền Tây, sáp nhập tỉnh, sắp xếp lại

1. Sau làm Phó Ban Dân vận Trung ương Cục miền Nam.

lực lượng vũ trang, nâng cao tính cơ động tác chiến của lực lượng chủ lực, xây dựng, phát triển bộ đội địa phương, dân quân du kích, đẩy mạnh chiến tranh du kích luôn vào địch hậu, mở rộng công tác dân vận, địch vận... Nhờ có đường lối, chủ trương phù hợp cho vùng căn cứ, vùng giáp ranh và vùng còn tạm bị chiếm, nhất là cho thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, các tỉnh lỵ, vùng có đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số, v.v., mà từng bước ta giành lại quyền chủ động trên chiến trường, có thêm thế và lực hiệp đồng với chiến trường chính, và khi thời cơ đến góp phần có hiệu quả vào chiến thắng Điện Biên Phủ và thắng lợi trên bàn Hội nghị Giơnevơ, tháng 7-1954.

Được may mắn là một người trong cuộc, tôi đồng tình và rất cảm ơn đồng chí Nguyễn Văn Linh, đang là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong lời điệu đã ghi nhận công lao của anh Sáu là "một trong những đồng chí lãnh đạo chủ yếu của cuộc kháng chiến chống thực dân ở Nam Bộ".

Đồng chí Trần Quang Cơ, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, qua "năm năm trời" làm việc với anh Sáu ở Hội đàm Pari, và được dự những cuộc họp bí mật giữa anh Sáu với Kítxinhgiơ, cũng đã học ở anh Sáu bài học tương tự như bài học cây với rừng của tôi: "Để chuẩn bị trước khi vào mỗi lần đàm phán, đồng chí Lê Đức Thọ đều đòi hỏi nghiêm khắc tuân thủ nguyên tắc bất di bất dịch: phải bàn bạc thông qua được phần I là phân tích, nhận định tình hình thì mới được phép bàn sang phần II là chủ trương đấu tranh... tức là phải biết địch, biết ta".

Sau ngày giải phóng Xuân 1975, tôi mừng xiết bao khi bắt gặp trong Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), mấy ngày trước khi ký Hiệp định Giơnevơ tháng 7-1954, có một đoạn: "... có người thấy thắng luôn, muốn đánh bừa, đánh đến cùng, họ chỉ thấy cây không thấy rừng, chỉ thấy Pháp rút mà không thấy âm mưu của chúng; chỉ thấy Pháp không thấy Mỹ"¹. Niềm vui

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 318.

này của tôi được nhân lên khi đọc câu của Lênin chế giễu những người "không biết khoa học là gì" đã đưa "nhà lý luận" đến chỗ "chỉ thấy *cây* không thấy *rừng*"¹.

Trong lần gặp một số đồng chí trong Ban Thường vụ Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh (sáng 30-12-1988) tôi có dự, anh Sáu lại nhắc: "Nhìn thấy cá nhân mà không thấy tập thể thì như thấy *cây* mà không thấy *rừng*".

Bài học "rừng" và "cây" đã trở thành nếp nghĩ của tôi trong những năm công tác ngoại giao cũng như trong những công tác khác nhau từ sau ngày 30-4 lịch sử. Nó giúp cho tôi tự giải đáp nhiều vấn đề trong công tác và trong cuộc sống luôn luôn đổi mới.

CÁI CHIÊNG VÀ TIẾNG CHIÊNG

Giữa lúc vận nước đang như ngàn cân treo sợi tóc, hồi cuối năm 1945, Nam Bộ và Nam Trung Bộ vừa đứng lên chống thực dân Pháp, trả lời câu hỏi của báo chí về vấn đề ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng"³. Từ sau ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chiêng Việt Nam đã từng mấy phen được gióng lên trong ngoại giao hòa đàm dẫn đến Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, Tạm ước ngày 14-9-1946 và sau chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ là Hiệp định Giơnevơ 1954 mở ra một bước ngoặt mới trong phong trào cách mạng Việt Nam và quá trình sụp đổ không cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ.

Mười bốn, mười lăm năm sau, tuy hai mà một, *chiêng* Việt Nam của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và của Mặt trận Dân tộc giải phóng, sau là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, lại được gióng lên trong hòa đàm bốn bên. Có thực lực, có chiêng rồi, Bác Hồ và Bộ Chính trị Trung

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.29, tr. 385.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổđ*, t.4, tr. 126.

ương Đảng với bản lĩnh chính trị, tầm nhìn xa thấy rộng đã chủ động chọn đúng thời cơ, chọn địa bàn và chọn đúng người đưa chiêng đi đánh và giành thắng lợi.

Chiêng Việt Nam do Bộ trưởng Xuân Thủy của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Phó Chủ tịch của Đoàn Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng Trần Bửu Kiếm và người kế tục là Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam gióng lên trên diễn đàn công khai tại Trung tâm Hội nghị quốc tế phố Clêbe. *Chiêng* Việt Nam còn được gióng lên trong diễn đàn bí mật giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Mỹ. Linh hồn và nhân vật chính tại diễn đàn này là Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ - anh Sáu Thọ, không chỉ cán bộ từ trong nước ta gọi như vậy, mà bà con Việt Nam, cán bộ làm công tác Việt kiều tại chỗ ở lứa tuổi 30 trở lên cũng thân mật gọi như vậy.

Về nội dung hội đàm, nhiều đồng chí cùng dự hội đàm bí mật đã có viết ra trên sách báo. Nhưng cần hiểu hòa đàm thực chất là những trận "giáp lá cà" liên tục để giành từng ý, từng chữ, từng câu bằng hai thứ tiếng, lắm khi phải tính cả đến "thì" của động từ ("đang" hay "sẽ")... thì mới thông cảm *người đánh chiêng* lúc nào thần kinh cũng căng thẳng, nhưng lại phải tỉnh táo, nhạy bén thường trực như một người cao cờ đủ sức tiên liệu năm, bảy nước đi. Và khác với người đánh cờ, người thương lượng còn phải thể hiện thái độ theo đòi hỏi của tình huống, tôi không nói "tự kiềm chế", mà là chủ động tỏ thái độ.

Chúng ta hãy nghe cố vấn của phái đoàn Mỹ Henri Kítxinhgiơ nói về tính chất của đấu tranh giữa hai bên trong quyển sách loại hồi ký dưới nhan đề: *Henri Kítxinhgiơ ở Nhà Trắng 1968 - 1973*: "Trong hơn ba năm¹ Lê Đức Thọ và cả chính tôi đã bắt sức đề kháng của mỗi chúng tôi chịu đựng thử thách ghê gớm, mưu toan đánh sập thành trì của bên kia, tìm cách dồn đối phương vào chân tường. Ngoại giao giữa kẻ thù là

1. Từ năm 1969 đến năm 1972.

một công việc giết người, càng nguy hiểm hơn nếu nó tự đặt dưới dấu hiệu một cuộc hòa giải"¹. Chỉ có thể hiểu đó là lời lẽ của một kẻ xâm lược thú nhận mưu đồ ngoan cố trên bàn thương lượng, thử thách người đối thoại như thế nào. Còn việc ông Thọ đấu tranh kiên trì bằng mọi cách để đòi kẻ xâm lược phải rút quân, chấm dứt xâm lược, công nhận các quyền dân tộc cơ bản của đất nước mình, thì sao lại nói "dồn đối phương vào chân tường"? Và chúng ta cũng nên nghe Kítxinhgiơ nhận xét ông Lê Đức Thọ. Dù có muốn "lật lọng"; "đổi trắng thay đen" (như anh Sáu đã nói thẳng với Kítxinhgiơ), không từ bỏ ảo tưởng thương lượng trên thế mạnh..., Kítxinhgiơ cũng không thể không thừa nhận: "Thọ đứng vững trên lập trường của ông ta..."²; "... ông ta không hề lay chuyển trong cách định nghĩa khu phi quân sự"³; "Thêm một lần nữa tôi đánh giá thấp Lê Đức Thọ"⁴; "Hà Nội (qua Lê Đức Thọ) muốn giữ cái quyền được di chuyển quân sự qua khu phi quân sự - một kiểu nhào lộn ngoại giao duyên dáng (charmante acrobatie diplomatique) để có địa bàn rộng hơn cho việc xâm nhập"⁵...

Một sự việc được Kítxinhgiơ kể ra cũng giúp hiểu thêm "người của ta". Kítxinhgiơ tặng quà cho Bộ trưởng Xuân Thủy và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, với Lê Đức Thọ tặng sách ảnh về Trường Đại học Havót để cho ông "có tư liệu nghiên cứu về Trường Đại học này, trong trường hợp ông chấp nhận ý kiến của tôi đến thuyết trình về chủ nghĩa Mác - Lênin"⁶. Một dịp khác, Kítxinhgiơ có nói với anh Sáu và anh Xuân Thủy: "Lênin nói: một bước tiến, hai bước lùi. Tôi học tập Lênin đấy!". Anh Sáu nói lại: "Chủ nghĩa Lênin phải vận dụng linh hoạt. Còn ông thì máy móc". Kítxinhgiơ buộc phải nói: "Thế thì một vài phiên họp nữa chúng tôi sẽ học tập Lênin tốt hơn"¹. Về sau đúng là Kítxinhgiơ có mời anh Sáu sang giảng bài về chủ nghĩa

1,2,3,4,5,6. H. Kítxinhgiơ: *Ở Nhà Trắng*, Bản dịch tiếng Pháp, Nxb. Fayard, 1979, tr. 1412, 1488, 1495, 1496, 1500, 1476.

1,2. Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 117 - 118, 1412.

Mác - Lênin ở Trường Đại học Havót.

Mỗi phiên họp là một trận đấu trí, kéo dài 4, 5, 6 tiếng, căng nhất là trong tháng 10-1972. Đạt kỷ lục dài nhất là phiên họp đã đưa hai bên đến sự nhất trí về những vấn đề cơ bản trong Hiệp định đã diễn ra từ 9 giờ sáng ngày 11 đến 2 giờ sáng ngày hôm sau. Kítxinhgiơ "thở phào" đã ghi "thương lượng một mạch 16 giờ liền và trên thực tế là 22 giờ trong 30 giờ vừa qua"². Còn đồng chí Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ cho biết: "Đồng chí Lê Đức Thọ... không nghỉ ngơi lấy một phút và vẫn tỉnh táo đấu tranh, không cho phép mình có một lời lẽ nào sơ hở, sai sót trên bàn đàm phán với đối phương"³. Tôi tính anh Sáu lúc đó vừa tròn 61 tuổi (10-1911 – 10-1972).

Hai đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng - Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sử dụng diễn đàn hòa đàm công khai và địa bàn Pari trung tâm điểm của châu Âu có Mỹ, qua đấu lý và bằng nhiều hoạt động ở ngoài hội trường, đã góp phần tranh thủ thêm thế và lực có lợi cho hai đoàn và cho cả chiến trường. Thế và lực đó ở ngay trên nước Mỹ, vô tận từng nhà, ào vào quốc hội. Kítxinhgiơ bao nhiêu lần phải kêu than chính quyền Níchxơn ngày càng bị lên án, bị cô lập: Dư luận công chúng trên thế giới gây sức ép đối với chúng tôi, mà không với Hà Nội và còn sẽ tăng thêm sức ép đó không sao đỡ nổi (fatalement)⁴. Và khi Níchxơn bác bỏ đề nghị của Kítxinhgiơ xuất hiện trên đài truyền hình chuẩn bị dư luận cho hành động ném bom điên cuồng, man rợ dịp Noël năm 1972, y phải tự an ủi: Có lẽ Níchxơn đã có lý, khi tính toán đâu còn dư luận công chúng nào để mà tranh thủ¹.

Nói về tiếp xúc bí mật, cùng với anh Xuân Thủy và có một

3. Báo *Nhân Dân*, ngày 17-10-1990.

4. Xem: Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari, Sđd*, tr. 1484 - 1490.

1. Xem: Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari, Sđd*, tr. 1484 - 1490.

ban tham mưu hùng hậu, anh Sáu vừa lo toan giải quyết các vấn đề thăm dò ý đồ, khả năng của đối phương và tính toán những con bài của bên mình có thể quăng ra và vào thời điểm nào của thế trận ba mũi giáp công quân sự, chính trị, ngoại giao. Từ Pari, anh Sáu, với trách nhiệm trong Bộ Chính trị, còn tham gia ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo chiến trường để hiệp đồng đánh - đàm, tạo điều kiện cho thương lượng và trước hết cho chiến trường đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị.

Trong phạm vi bài này, nói riêng về anh Sáu, với cống hiến của anh vào thắng lợi ký kết Hiệp định Pari và những cống hiến khác cho cách mạng ở miền Nam, anh rất xứng đáng "là một trong những đồng chí lãnh đạo có công lao lớn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước" đúng như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã nêu cao trong lời diếu đưa tiễn anh.

Về Hiệp định Pari, tôi không thể không kể một mẩu chuyện như sau: Sau khi Hiệp định được ký kết, tôi được điều về làm Người phát ngôn của Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị quân sự hai bên ở Tân Sơn Nhất. Trong một cuộc tiếp xúc, một đại tá quân đội Sài Gòn đặt ra với tôi câu hỏi: "Tại sao quân đội Mỹ và đồng minh rút rồi, mà quân đội miền Bắc vẫn ở lại miền Nam? Giả dụ chúng tôi không tự kiểm chế mà đưa quân vượt khu phi quân sự, thì các ông có chấp nhận được không?". Tôi trả lời, không phải lên giọng: "Cầm chắc là phía Mỹ và các ông không tôn trọng Hiệp định và trên thực tế các ông đã có hành động vi phạm rồi. Còn như theo cái giả dụ mà ông đưa ra, nếu các ông dám làm, thì cầm chắc quân đội của các ông không qua khỏi khu phi quân sự được đâu, còn có bộ phận nào lọt qua được, thì cũng cầm chắc sẽ không còn mạng nào để quay trở về". Viên đại tá Sài Gòn cười miễn cưỡng rồi rút êm. Trong giây phút đó, trong tôi lâng lâng niềm tự hào và lòng biết ơn vô hạn đối với lực lượng vũ trang Việt Nam trên hai miền thân thương, đối với đồng bào, đồng chí, nhất là trong

vùng tạm bị chiếm ròng rã ba mươi năm dài đằng đẳng! Và càng thấm thía hơn cái giá phải trả và bản lĩnh để có được Hiệp định Pari làm vũ khí cho bên có chính nghĩa, có nhân dân.

Ghi lại mấy dòng này, tôi tự khắc sâu hơn trong lòng niềm biết ơn đối với Bác Hồ, Đảng và dân tộc mình đã đúc nên *Chiêng Việt Nam*, đã chọn đúng *người mang chiêng* đi đánh và *người được chọn* cũng đã gióng lên những *tiếng chiêng* diệu kỳ.

QUAN ĐIỂM THỰC TIỄN

Điều gì làm cho tôi thấy dễ gần với anh Sáu trong khóa học ở Trường Trường Chinh và ngay trong những tuần lễ đầu khi về làm việc với anh, điều đó phải qua tháng năm, nhiều sự việc, những dịp chuyện trò như tâm sự, tôi mới dần dần đi tới tự lý giải được. Có nhiều điều, trong đó tôi bắt gặp quan điểm thực tiễn có tính hệ thống ở anh Sáu, sau này gọi là tư duy thực tiễn.

Trước hết tôi biết anh Sáu có tự quy định cho mình chế độ tự học: nghiên cứu, tham khảo sách kinh điển, tư liệu chuyên đề, khảo sát thực tế, đối thoại... Những chuyến đi theo anh Sáu để dự Hội nghị tổ chức cán bộ, Hội nghị công tác chính trị, công tác đảng, tổng kết chiến dịch, Hội nghị quân, dân, chính, đảng ở xã... là những lớp bổ túc kiến thức, quan điểm, lập trường cho tôi. Những vấn đề thực tiễn sinh động được anh Sáu gạn lọc, hệ thống hóa, nâng lên thành bài học kinh nghiệm làm sáng tỏ thêm đường lối, chủ trương mang tính quan điểm, tính lý luận. Chuyện *cây* với *rừng* kể trên đây cũng là chuyện rèn luyện quan điểm thực tiễn.

Đơn cử một việc rất nhỏ: sau sự kiện Phước Long đầu năm 1975, chiến trường miền Nam sôi động dồn dập lên, có ý kiến hỏi có nên cho đào lại hầm hố cá nhân, thủ lại còi báo động vào 12 giờ mỗi ngày không? Anh Sáu cho rằng dứt khoát không làm, vì Mỹ không có khả năng can thiệp lại, chớ có làm điều gì khiến cho kẻ thù lầm tưởng ta "vừa đánh vừa run". Quan điểm thực tiễn đã ngăn chặn một việc tuy nhỏ, mà nếu để xảy ra, thì tác hại đâu phải nhỏ.

Sau ngày giải phóng 30-4-1975, tôi có được nghe anh Sáu giải đáp những vấn đề được đặt ra trong Hội nghị cán bộ (đầu tháng 7-1975) học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 16. Toàn văn bài nói chuyện của anh toát lên quan điểm thực tiễn sâu sắc, dù có những vấn đề phải đợi đến Đại hội VI của Đảng, những Đại hội kế tiếp và cho đến bây giờ, ánh sáng chân lý mới lóe ra. Tôi xin ghi lại một số ý của anh như sau:

Anh nêu nội dung của từng nhiệm vụ và cách đặt vấn đề sao cho có hiệu quả: vấn đề rất cấp bách đối với Đảng bộ miền Nam là nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng về đường lối, chính sách, nhất là học tập công tác quản lý kinh tế. Vấn đề này chúng ta thiếu sót nhất.

Anh đặt vấn đề kinh tế và đời sống là *vấn đề then chốt hàng đầu* và cũng là *vấn đề khó khăn nhất*, không phải chỉ do khó khăn khách quan mà còn ở bản chất của vấn đề, giai đoạn mới đòi hỏi tập trung cho sản xuất, tập trung lo đời sống của quần chúng. Anh Sáu nhắc nhở vấn đề xây dựng kinh tế là vấn đề rất mới mẻ đối với chúng ta và thẳng thắn nhìn nhận: "Ngay bản thân chúng tôi bao nhiêu năm rồi ở miền Bắc, đã xây dựng chủ nghĩa xã hội... mà còn có cái bỏ ngõ...". Anh Sáu nhắc đi nhắc lại kinh tế có quy luật của nó, khác hẳn với quy luật đánh địch, nắm được quy luật đó là khó không phải dễ, phức tạp lắm, cho nên vấn đề này là *vấn đề then chốt hàng đầu* của chính quyền cách mạng mà cũng là *vấn đề khó khăn nhất*. Sau này đọc Lênin, tôi mới biết Lênin cũng đã có lời cảnh báo: "Sai lầm mà chúng ta đã mắc phải vì đã đem áp dụng kinh nghiệm trong thời kỳ đấu tranh quân sự và chính trị vào lĩnh vực kinh tế, đã sản sinh tác hại của nó; đó là một sai lầm nghiêm trọng nhất, một sai lầm căn bản, mà ở mỗi bước đi, chúng ta vẫn còn tiếp tục mắc phải..."¹.

Anh Sáu quan tâm căn dặn phải hết sức tỉnh táo, thận

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr. 389.

trọng trong chủ trương, chính sách có liên quan đến con người thuộc các đối tượng khác nhau, phải thâm nhập quần chúng, đi cơ sở. Trong tình hình còn nhiều mặt phức tạp ngày giải phóng, trong việc khai thác những hồ sơ khai báo của những phần tử chiêu hồi phản bội, anh chỉ rõ phải phân biệt chỗ đúng, chỗ sai và những điều bịa đặt dựng lên, cho nên phải hết sức tỉnh táo.

Về mặt tổ chức, anh nêu ra những vấn đề cần phải cân nhắc: Chính phủ Cách mạng lâm thời có thể làm một số nhiệm vụ trong giai đoạn này, nhưng phải gấp rút hình thành một chính quyền cấp Trung ương Cục hoạt động một thời gian, qua thời kỳ cải tạo, tình hình ổn định và lúc bấy giờ Trung ương trực tiếp với tỉnh.

Trong quan điểm thực tiễn của anh Sáu, không chỉ có lý mà còn có tình, về phạm trù quy luật có quy luật kinh tế, quy luật xã hội, quy luật tình cảm... gắn với quy luật tổ chức.

QUAN ĐIỂM THỰC TIỄN - TƯ DUY ĐỔI MỚI

Nhân dịp Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc kết thúc năm học 1983 - 1984, anh Sáu đến nói chuyện về "Một số vấn đề kinh tế - xã hội trước mắt" thể hiện rõ ý chí và tình cảm của anh Sáu hướng tới Đại hội VI của Đảng. Anh Sáu lưu ý người nghe là cán bộ của Trường và học viên là cán bộ chủ chốt của Đảng, Nhà nước, đoàn thể: "Còn hơn một năm rưỡi nữa mới họp Đại hội lần thứ VI, nhưng ngay từ bây giờ chúng ta đã phải bắt đầu tổng kết tình hình, mà chỉ mấy tháng nữa là chúng ta phải đưa vào Báo cáo chính trị để thảo luận. Lúc đó chúng ta lại có dịp đánh giá tình hình một lần nữa và đó là sự đánh giá của toàn Đảng"¹.

Ngay từ thời điểm đó, anh Sáu đã phê phán "những hiểu

1,2,3,4,5,7. Lê Đức Thọ: *Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 461 - 462, 461, 468, 475, 462, 493 - 494.

biết và kinh nghiệm của chúng ta về quản lý kinh tế chưa có bao nhiêu, nhận định của chúng ta lại chưa sát với tình hình thực tiễn, còn nóng vội, chủ quan, dẫn đến kế hoạch xây dựng đất nước thiếu căn cứ vững chắc..."². Do "dám nhìn thẳng vào sự thật"³ mà anh chỉ rõ: "Đã là thời kỳ quá độ thì vấn đề nào cũng khó vì nó chưa ổn định, chưa định hình, đương còn biến động. Do đó phải đặt vấn đề cho đúng, phải thật công phu"⁴.

Những vấn đề được anh đề cập cũng sẽ là những vấn đề mà Đại hội VI của Đảng sẽ thảo luận và ra nghị quyết mở ra một bước ngoặt về chất trong lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Anh đặc biệt ghi nhận "trước hết là những năng động, sáng tạo của một số thành phố, địa phương"⁵, giữa lúc còn có những ý kiến rất khác nhau, anh nêu nhận xét và kết luận: "Cách làm đó của một số thành phố và một số tỉnh⁶ không phải là điển hình cá biệt mà có tính phổ biến"⁷. Ý kiến này của anh Sáu là một sự ủng hộ vô cùng quý báu đối với những gì mà anh Mười Cúc - Nguyễn Văn Linh, đương kiêm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã trình bày trong Hội nghị Đà Lạt tháng 7-1983, mà những người trong cuộc quen gọi là "Sự kiện Đà Lạt"⁸.

Anh Sáu phác họa cơ cấu kinh tế trong bước đi ban đầu, vấn đề thị trường, về giá cả phải "đi đến một giá"¹, vấn đề quản lý, phân cấp quản lý lấy tính hiệu quả làm tiêu chuẩn chủ yếu.

Trong bài nói chuyện, anh Sáu còn có những lời như lời cảnh báo: "... quan liêu, bao cấp rất nặng trong bộ máy lãnh đạo và quản lý của Nhà nước... Bộ máy lãnh đạo và quản lý công kênh, quan liêu bao cấp như vậy, thì dưới cơ sở dễ tự do, tùy tiện"²; "Người đến báo cáo thấy anh thích nghe báo cáo thể nào

6. Anh chỉ rõ tên Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Nam - Đà Nẵng, Long An (T.G).

8. Nguyễn Văn Linh: *Hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 162.

1,2,3,4,5,6. Lê Đức Thọ: *Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Sđđ, tr. 506, 485, 481, 486 - 487, 468, 470.

thì họ sẽ báo cáo theo kiểu đó. Thông tin như vậy rất nguy hiểm"³; "công tác cán bộ là khó nhất... vấn đề cán bộ lại càng khó khăn, phức tạp vì có anh luồn lọt, xiên xẹo, rất phức tạp... còn có những hiện tượng "ô, dù" đủ kiểu"⁴.

Trong khi anh nhắc nhở "không phải nhìn vào sự thật mà run sợ, bi quan, dao động và chùn bước lại"⁵, anh cũng nghiêm khắc phê phán những trường hợp tiêu cực đến tê liệt như "lúc nào... cũng nói khâu phân phối lưu thông là nóng bỏng, nhưng hình như bỏng quá, nên nó tê đi, không thấy bỏng và cũng không biết nóng"⁶.

Đến khi toàn Đảng, được sự hưởng ứng rộng rãi của các giới đồng bào, có cả đồng bào yêu nước đang sinh sống ở nước ngoài bước vào ngày tháng sôi động tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tư duy và những ý kiến của anh phục vụ công cuộc đổi mới càng thêm sắc nét và được trân trọng giới thiệu trong tập sách *Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng*".

Anh Sáu tiếp tục nêu rõ: "Không coi nhẹ thành tựu, ưu điểm, nhưng phải nhìn thẳng vào khuyết điểm, khó khăn"⁷, "khó khăn lớn nhất, tập trung nhất là tình hình kinh tế, đời sống, xã hội..., các mặt mất cân đối lớn còn nghiêm trọng..."⁸ và anh cũng tiếp tục phê phán sai lầm "duy trì quá lâu một cơ chế tập trung quan liêu bao cấp"¹.

Anh nhấn mạnh: "Đánh giá đúng tình hình là điều vô cùng hệ trọng trong lãnh đạo"² và "nhất thiết phải bắt đầu từ việc tạo ra trong Đảng một bầu không khí thật sự chan hòa, dân chủ... không nên có lối làm việc "giữ miếng" nhau, nể nang nhau, né tránh nhau"³. Anh nêu thứ tự của một số nhiệm vụ cấp bách về xây dựng Đảng: *thứ nhất*, sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn bộ máy, bố trí đúng cán bộ; *thứ hai*, thực hiện tự phê bình

7,8. Lê Đức Thọ: *Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 35, 17.

1,2,3,4,5,6,7. Lê Đức Thọ: *Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng*, *Sđd*, tr. 16, 35, 28 - 29, 20, 19, 24, 24 - 25.

và phê bình, nâng cao chất lượng đảng viên, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong Đảng; *thứ ba*, đổi mới phong cách và lề lối làm việc. Trong việc "thực hiện một bước sự chuyển tiếp cán bộ, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong lãnh đạo của Đảng", "kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ già và cán bộ trẻ"⁴, anh tha thiết đặt vấn đề "phải mạnh dạn đào tạo, sử dụng và đề bạt lớp cán bộ trẻ để thay thế, nếu không chúng ta sẽ bị hẫng, công tác lãnh đạo sẽ gặp nhiều khó khăn"⁵.

Nhất quán trong việc khẳng định "tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng", anh không né tránh sự thật: "Các cán bộ chủ chốt, các cơ quan lãnh đạo cấp trên phải gương mẫu tự phê bình và phê bình - lâu nay ta chưa làm được như vậy, chính điều đó cũng hạn chế tự phê bình và phê bình..."⁶. Phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đảng viên và quần chúng tha thiết với sự nghiệp xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với công cuộc đổi mới, anh nhắc nhở: "Nếu cán bộ chủ chốt và cơ quan lãnh đạo cấp trên không gương mẫu tự phê bình và phê bình thì không thể mở ra phong cách mới thật sự dân chủ trong Đảng và sẽ làm tắc ngay tự phê bình và phê bình"⁷.

Qua một số điểm nêu trên, tôi có suy ngẫm: tuy không tránh khỏi những mặt còn hạn chế nhưng những vấn đề cấp bách về kinh tế, xã hội, về xây dựng Đảng do anh Sáu đặt ra có kết hợp lý luận với thực tiễn, nhất là lấy tính hiệu quả làm tiêu chuẩn đánh giá đúng sai là một sự đóng góp rất đáng được trân trọng cho Đại hội VI của Đảng và đã được Đại hội VI của Đảng khẳng định, bổ sung. Rất tiếc anh Sáu ra đi mà chỉ mới thấy được những điểm báo hiệu đất nước bắt đầu trở mình vào những năm đầu của thập kỷ 90 thế kỷ XX.

MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN

Mở đầu đoạn nói về tình nghĩa làm người và làm người cộng sản của anh Sáu, tôi xin trích câu sau đây trong *Mình tâm*

*Bầu giám*¹ do văn hào Trương Vĩnh Ký dịch: "... tố nhờn nan, tố tố nhờn nan, vi nhờn nan, vi nhờn nan..." (làm người đã khó rồi, làm người cho xong lại càng khó hơn nữa! - Làm người thật khó, làm người thật khó!).

Làm người đã là khó, làm người cộng sản càng khó hơn và làm người cộng sản suốt đời gánh vác những trọng trách như anh Sáu càng khó biết bao.

Tôi có nghe nhiều đồng chí cách mạng lão thành tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến trực tiếp với anh Sáu. Tôi được dự nhiều buổi anh Sáu làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy.

Đáp lại bức thư của anh Sáu viết cho tôi, tôi có viết một bức thư, khi nhận, anh Sáu bảo đọc cho cả gia đình nghe. Trong thư có đoạn: "Từ mỗi anh², tôi tiếp nhận những cái mạnh về tâm hồn, tư duy, tính Đảng, lối sống... đồng thời tôi cũng thẳng thắn phát biểu ý kiến của tôi, phản ánh dư luận đối với từng anh, vì các anh là sự nghiệp chung... Những ý kiến của tôi phát biểu về từng con người, anh Sáu có thể tin không vì cái gì khác hơn là vì cái chung, vì anh Sáu nữa, anh Sáu cần được thông tin vô tư".

Tôi xin ghi lại mấy dòng trên để nói trước mắt tôi đang ở tuổi xấp xỉ tám mươi, hình ảnh của anh Sáu hiện lên là hình ảnh của một người cộng sản với những phẩm chất cộng sản. Sở dĩ tôi đã dám phát biểu ý kiến một cách thẳng thắn với anh, có những ý kiến khác, thậm chí trái với ý của anh, không phải vì tôi có tính Đảng cao mà vì tôi tin ở tính Đảng của anh. Đầu năm 1954, trong lúc phải gấp rút chuẩn bị ra Trung ương, anh không quên viết mấy dòng gửi lại để "xin lỗi vì đã có lần nóng nảy" với tôi. Tôi thiết nghĩ đâu phải chỉ đối với tôi, anh mới có cử chỉ trung thực như vậy, mà trên thực tế trước hội nghị hay trò chuyện tâm sự, anh cũng đã thẳng thắn nhìn nhận trong khi phát biểu ý kiến, giải quyết công việc trong 10 lần cũng có

1. Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, năm 1991, tr. 150.

2. Anh Sáu và nhiều anh lãnh đạo khác (TG).

lần sai, khi sắp xếp, bố trí cán bộ trong 10 trường hợp chỉ mong đúng được 7. Tôi tự nói với tôi sở dĩ có những trường hợp anh Sáu phạm sai sót ở những mức độ khác nhau, chính là do thiếu thông tin, hoặc nhận thông tin sai lạc, trong khi anh chủ quan nghĩ rằng anh làm việc "rất thận trọng", "có trách nhiệm cao với tổ chức" và thực lòng của anh là như vậy.

Chính anh cũng thừa nhận "thực tế không phải không có trường hợp do thông tin sai lệch, cho nên hiểu không đúng và do đó nhận xét đánh giá sai cán bộ"¹.

Bên cạnh những sai lệch khó tránh khỏi, công bằng mà nói, anh Sáu có công lớn góp phần phát hiện, bồi dưỡng, cất nhắc mấy thế hệ cán bộ chủ chốt cao, trung cấp, trong đó số đông giữ được phẩm chất, phát huy tác dụng. Tôi nhớ rất rõ Tết Bính Dần năm 1986, anh Sáu là người chủ động tham khảo đề xuất ý kiến để Bộ Chính trị, Trung ương Đảng thảo luận nhất trí giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, đương kiêm Bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, ứng cử chức vụ Tổng Bí thư trong Đại hội Đảng lần thứ VI. Thiết nghĩ đó cũng là một đóng góp của anh Sáu vì Đảng, vì đất nước.

Tâm hồn của anh Sáu không chỉ dồn vào công tác mà còn được bay bổng trong những bài thơ chan chứa nghĩa tình và trách nhiệm. Anh sáng tác thơ theo nhu cầu thẩm mỹ, nhu cầu tự thể hiện. Tôi thông cảm cái chân chất, cái thủy chung và con người anh trong thơ:

*Nhẹ như gió thoảng ngoài kia
Giọng hò mái đẩy thuyền về bến xa
Nghiêng nghiêng chiếc nón bài thơ
Xanh xanh tà áo ước mơ những gì*
(Bình Trị Thiên)

Tàu thuyền xuôi ngược hôm mai

1. Lê Đức Thọ: *Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng*, Sđd, tr. 22.

*Câu ca vọng cổ giọng ai ngọt lành
Đôi bờ in bóng dừa xanh
Lưng trời cánh én tin xuân đang về*
(Cửu Long)

*Bao năm cay ngọt đã từng
Nhà cao cửa rộng nay đừng vội quên*
(Không thể nào quên)

Tình nghĩa của anh trong câu thơ và lời nói được thể hiện bằng hành động. Trước khi viết những dòng này, qua điện thoại, tôi có hỏi lại nhà thơ Bảo Định Giang (có công lớn trong việc chăm lo chính sách đối với anh em văn nghệ sĩ công tác ở chiến trường miền Nam) về công tác của nữ đồng chí Nhị Hà trước khi trở về Nam và trao đổi ý kiến với nhau về việc anh Sáu lo cho Nhị Hà sang Liên Xô chữa bệnh, cho Nghệ sĩ Nhân dân Quốc Hương (đã được phát hiện mang bệnh hiểm nghèo) sang Cộng hòa dân chủ Đức chữa bệnh. Nói chuyện xong, một lúc tôi nghe điện thoại reo và ở đầu dây, anh Bảo Định Giang gọi lại, với giọng nói chậm rãi quen thuộc, anh nhắc anh Sáu còn quan tâm giúp đỡ giải quyết nhiều trường hợp khác nữa!

Đúng, làm người thật khó! Nhưng anh Sáu đã làm người và người cộng sản, chấp nhận quên mình vì hạnh phúc của đồng bào, của thế hệ hôm nay và mai sau.

Ở Trường Nguyễn Ái Quốc, anh đã nói rất thanh thản: "Rồi đây, một số đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước già tuổi sẽ ra đi. Chúng ta có lo lắng, cái lo đó là khách quan, là chính đáng. Nhưng chúng ta có cả một tập thể cách mạng, có sức mạnh chung, chúng ta tin sự nghiệp cách mạng của chúng ta nhất định sẽ thắng lợi vẻ vang". Nay anh và nhiều anh chị đã lần lượt ra đi. Trong sức mạnh tập thể của thế hệ hôm nay còn có sức mạnh trí tuệ, tấm gương sống, chiến đấu của các thế hệ đi trước, trong đó có anh Sáu Lê Đức Thọ thân thương.

MÃI MÃI KÍNH MẾN VÀ QUÝ TRỌNG ANH

Đỗ Duy Liên*

Anh Lê Đức Thọ, anh Sáu Thọ - người đồng chí và là người anh mà tôi rất kính mến; kính mến anh vì anh đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho Tổ quốc, cho cách mạng, cho Đảng, cho dân.

Tôi còn nhớ, từ những tháng năm kháng chiến chống Pháp, trong một số anh từ Trung ương vào Nam Bộ cùng kháng chiến chung với chúng tôi có anh Sáu Thọ. Với sự non nớt của tuổi trẻ mới giác ngộ, tôi cứ nghĩ các anh cấp cao như anh Sáu, chắc là rất nghiêm khắc, oai vệ... mình phải giữ một khoảng cách không dám đến gần, nhưng không phải. Anh Sáu rất bình dị, xuề xòa trong giao tiếp với anh chị em, nói chung là không khác gì với các bạn đồng lứa với tôi lúc đó.

Không chỉ trong kháng chiến chống Pháp mà đến cuộc kháng chiến chống Mỹ hết sức ác liệt - giữa chiến trường gian nguy ấy, tôi lại được gặp anh Sáu; lần này thì anh em thân thiết lắm rồi. Cũng chấp nhận bom đạn, căng thẳng suốt ngày đêm như chúng tôi. Anh tỏ ra thông cảm và càng thương chúng tôi hơn.

Như trước đây, lần này tôi cũng không được làm việc gần anh, phải lo hành trang trở vào nội thành Sài Gòn công tác và lần ấy không may mắn tôi lại bị địch bắt vào tù.

Năm 1968, ra tù, tôi được phân công ra Hà Nội để đi công tác ở nước ngoài; tôi lại có dịp gặp anh Sáu. Gặp tôi, anh rất vui mừng, vui vì mối thân tình quen biết cũ, mừng vì biết tôi vừa

* Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

thoát khỏi tay kẻ thù. Anh cho đưa ngay tôi vào kiểm tra sức khỏe và điều trị bệnh ở Bệnh viện Việt - Xô (nay là Bệnh viện Hữu Nghị). Anh dặn dò tôi phải yên tâm điều trị, thật khỏe mới đi công tác. Thỉnh thoảng anh đích thân vào bệnh viện thăm tôi.

Khi được phân công công tác, tôi tham gia trong Đoàn đại biểu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ở Hội nghị Pari, anh gọi tôi đến để trực tiếp dặn dò, anh nói tôi vừa phải tham gia đóng góp ý kiến cho Đoàn, nhưng việc chính mà anh giao là đi vận động quần chúng cả trong bà con Việt kiều và cả trong nhân dân Pháp, tạo sự ủng hộ cao để làm hậu thuẫn tối đa cho tiếng nói của ta trên bàn hội nghị.

Trong những tháng ngày ở xứ người lạ lẫm, có điều gì đó làm cho tôi không thích nghi được. Tôi nhớ chiến trường, nhớ các đồng chí ở nhà, nhớ chồng, nhớ con. Có lẽ các anh hiểu được tâm trạng của tôi, nên cả anh Sáu Thọ, anh Xuân Thủy đều rất quan tâm đến tôi, luôn luôn hỏi han và động viên, săn sóc tôi rất chu đáo. Tình cảm ấm áp đó đã giúp tôi ổn định dần... thì một mất mát lớn trong cuộc đời lại ập đến với tôi: chồng tôi đã hy sinh trong chiến trường miền Nam.

Lúc đầu, anh Sáu Thọ và các anh không cho tôi biết, dặn dò anh chị em trong đoàn, ai biết cũng phải giữ kín. Một thời gian sau, anh Sáu gặp tôi và thông báo cho tôi rằng: ở nhà kêu tôi về, tôi mừng vui không thể nói hết được, khắp khối để sớm trở về miền Nam. Về đến nhà, có bè bạn, có con bên cạnh, các anh chị mới cho tôi biết tin buồn. Chính lúc đó tôi mới hiểu được cách thu xếp tế nhị, chu đáo, hiểu được tình cảm của các anh lãnh đạo, trong đó anh Sáu là người có trách nhiệm cao nhất.

Sau đó, mỗi lần ở Hội nghị Pari về Hà Nội, không lần nào anh không gọi tôi đến thăm, có khi đón cả các con tôi cùng đến. Anh an ủi vỗ về tôi và bảo tôi phải luôn luôn là người đảng viên dũng cảm.

Tuy không làm việc trên bàn hội nghị nữa, nhưng tôi vẫn theo dõi tìm hiểu diễn tiến của hội nghị. Cho đến bây giờ, mỗi

khi nghĩ đến, tôi không thể quên được một nỗi lo lắng trong lòng, tình cảm vừa xót xa thương anh vừa khâm phục khi biết rằng tuổi anh đã cao, sức anh đã yếu, nhất là tôi biết thần kinh của anh không dễ dàng chịu được sự căng thẳng, thế mà hằng tuần, hằng tháng anh vẫn cứ phải ngồi hàng chục giờ liên tục đấu trí, mà sức căng thẳng lên đến tột độ với tên cố vấn Mỹ, một tên vừa xảo quyệt lại còn rất sung sức. Tôi thực sự khâm phục anh. Dựa vào thế thắng lợi của ta ở chiến trường miền Nam, bằng sự bình tĩnh, tỉnh táo, kiên định, khôn ngoan, anh luôn ở thế tấn công, anh dồn kẻ địch vào thế bị động. Nhờ vào thắng lợi to lớn ở chiến trường, các anh chị ở Hội nghị Pari, dưới sự chỉ đạo của anh Sáu đã khai thác dồn ép buộc địch phải nhượng bộ, và Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết.

Tôi biết, chính những tháng ngày căng thẳng đến tột đỉnh đó đã cướp đi của anh nhiều tuổi thọ. Anh Sáu đã cống hiến vô điều kiện cho Tổ quốc, sự nghiệp cách mạng và công lao to lớn của anh đã được Đảng và nhân dân tôn vinh.

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất, tôi lại có dịp được gặp anh Sáu. Tôi biết anh thương tôi nên lần nào vào thành phố công tác, anh cũng kêu tôi, anh Dương Đình Thảo, anh Tư Thắng... đến thăm. Anh dặn dò chu đáo về những việc phải ghi nhớ trong quá trình làm việc. Có một lần anh giao cho tôi chuẩn bị để đưa anh đến thăm một số gia đình liệt sĩ vào dịp 27-7. Tôi đưa anh đi huyện Nhà Bè, thăm một bà mẹ liệt sĩ, anh xúc động cầm tay bà cụ để cảm ơn sự hy sinh của người mẹ liệt sĩ. Anh biết tôi đang làm công tác thương binh xã hội, nhưng vẫn dặn tôi phải nhớ làm chu đáo công tác chính sách đối với gia đình liệt sĩ và thương binh.

Trong hàng núi công việc đè nặng lên trách nhiệm của anh, anh vẫn nhớ đến từng cán bộ. Anh theo dõi, anh biết tôi làm việc có kết quả và có trách nhiệm ở thành phố, nên đã chấp thuận cho đề bạt tôi lên một trách nhiệm cao hơn. Anh đích thân đến nhà thăm tôi và thông báo quyết định đó. Tôi tràn

tình với anh về hoàn cảnh của tôi và xin anh cho tôi được ở lại vị trí công tác cũ. Cứ tưởng anh Sáu là "ông Sáu Búa" thì không dễ gì lay chuyển, nhưng không, anh đã lắng nghe. Thấy tôi nói thật lòng nên anh chấp thuận.

Anh đi xa đã lâu rồi, và cũng đã lâu rồi, tôi thầm ao ước có dịp nào đó được nói tình cảm của tôi, lòng biết ơn của tôi với anh. Tôi lớn dần trong nhiệm vụ cách mạng, có phần cố gắng của tôi, nhưng còn nhờ nhiều bài học của các đồng chí xung quanh, trong đó có tính chiến đấu, tính quyết đoán, tình cảm và sự quan tâm đến các đồng chí xung quanh của anh Sáu Thọ là những bài học quý.

Thưa anh Sáu, nếu anh đứng đâu đây, anh theo dõi và đọc những dòng tôi đang viết này, xin anh hãy cười, nụ cười đôn hậu của anh từ những năm nào xa lắm rồi phải không anh - với một người học trò bé nhỏ, bao giờ cũng quý trọng anh.

BÊN ANH

Trần Thanh Phan

Đầu năm 1968, đồng chí Lê Đức Thọ (anh Sáu), Ủy viên Bộ Chính trị vào R làm Phó Bí thư Trung ương Cục. Lúc này anh Sáu không khỏe, chưa thích nghi ngay được với môi trường khí hậu, thời tiết ở rừng rậm, nước độc. Thư ký của anh cho tôi biết anh Sáu là người rất yêu thơ. Ở Hà Nội, sau những giờ làm việc, lúc giải trí hay nghỉ ngơi, anh Sáu thường tìm đọc, hoặc nghe ngâm thơ trên đài và thỉnh thoảng làm thơ. Mỗi lần chăm sóc sức khỏe cho anh, bác sĩ đều mở cátset đã ghi sẵn những giọng ngâm thơ anh ưa thích, vặn nhỏ vừa đủ để anh nghe, vì đó cũng là một trong những cách trị liệu góp phần làm giảm bệnh mất ngủ thường xuyên của anh.

Vốn biết tôi đã cùng công tác tại Văn phòng Trung ương Đảng năm 1955, thư ký của anh nhờ tôi tìm giúp những bài thơ hay nói về miền Nam để phục vụ anh Sáu giải trí và chữa bệnh.

Một tuần sau, vào buổi tối, tôi được gọi sang gặp anh Sáu. Tôi chưa kịp chào thưa thì anh đã bảo những bài thơ tôi gửi cho anh, anh đọc, nghe, ngâm gần hết. Anh nói những bài thơ của một số tác giả như Bảo Định Giang, Lê Anh Xuân, Viễn Phương, Hoài Vũ... nói chung là tốt về nội dung và ý thơ, rồi đột nhiên anh hỏi tôi có thích, có yêu thơ không? Tôi thưa với anh rằng, vì yêu thơ nên từ hồi còn là học sinh đến khi tham gia kháng chiến, tôi thường sưu tầm, ghi chép lại những bài thơ mà tôi tâm đắc. Thời gian ở Văn phòng Trung ương Cục, thỉnh thoảng cao hứng, tôi cũng có làm một số bài nhưng chỉ để tự sự

và lưu niệm cho riêng mình hoặc trao đổi thân mật với bạn bè yêu thơ. Vừa dứt lời, thấy bác sĩ đến, tôi định ra về, thì anh bảo tôi nán lại vài phút và dặn dò, động viên tôi giúp việc cho anh Bường thật tốt. Anh Bường là một đồng chí chân chất, là một lãnh đạo hoạt động lâu năm được Trung ương tin yêu, đồng chí quý mến, được làm việc, tiếp cận với anh, tôi sẽ học tập được nhiều điều, nhiều kinh nghiệm để rèn luyện bản thân và áp dụng trong công tác.

Được tin anh Sáu trở ra Hà Nội chuẩn bị đi Pháp trên cương vị Cố vấn đặc biệt của phái đoàn ta tại Hội nghị Pari, tôi sang chào tạm biệt anh. Anh lại gợi chuyện về thơ, bảo tôi nếu có những bài thơ hay trong Nam thì nhớ gửi ra cho anh. Anh nhờ anh Tư Thắng, Ban An ninh R, lúc ấy cũng có mặt, chụp ảnh và tôi một kiểu ảnh. Thư tôi gửi ra Bắc cho gia đình thì nhờ anh Bảo chuyển hộ. Có dịp thuận tiện, anh sẽ đến thăm gia đình tôi.

Một sáng ở R, đọc tin tức được biết "ông Lê Đức Thọ" và phái đoàn ta đã đến Pháp dự Hội nghị Pari, tôi vội viết vài dòng thơ tựa đề *Nhớ anh* gửi ra Bắc cho anh. Lúc đồng chí Mai Chí Thọ đi họp ở Trung ương trở về, anh Sáu có nhắn lời thăm tôi, cho biết đã nhận được các bài thơ tôi gửi cho anh và gửi tặng tôi một chiếc đồng hồ Liên Xô mà mãi đến nay tôi còn trân trọng giữ gìn như một bảo vật quý giá cho riêng mình. Năm 1974, tôi được ra Bắc trị bệnh và không quên mang theo nhiều bài thơ của các tác giả tên tuổi ở miền Nam theo lời dặn của anh khi tạm biệt anh ở R năm xưa. Biết tôi vừa ra Bắc, anh Sáu cho Ban Thống nhất đón tôi đến gặp anh tại nhà riêng. Một sáng mùa thu Hà Nội, lần này đến thăm và trước khi chào tạm biệt anh Sáu ra về, trong tôi vẫn còn lâng lâng lắng đọng kỷ niệm năm xưa ở R như khi đến thăm chào trước khi anh trở lại miền Bắc:

Giữa rừng bát ngát mênh mông

Bên anh vẫn sưởi ấm lòng kính yêu.

Vâng! Dù nay anh đã đi xa, mãi mãi vẫn "bên anh".

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ NHỮNG NĂM THÁNG Ở ĐỒNG THÁP MƯỜI

Lê Vĩnh Tân*

Sáu mươi ba năm trước đây, sau chiến thắng vang dội của Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, Bác Hồ và Trung ương Đảng ta nhận định: Năm 1947, quân Pháp đã bị thất bại nặng cả trên hai lĩnh vực chính trị và quân sự. Về mặt chính trị, thất bại trong việc dựng lên chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Xuân. Trong lĩnh vực quân sự, thất bại qua các cuộc hành quân càn quét tiêu diệt cơ quan lãnh đạo đầu não của ta ở chiến khu Việt Bắc và căn cứ địa Đồng Tháp Mười.

Tuy nhiên với tư duy quân sự sắc bén, Trung ương nhận định thu đông năm 1948 quân viễn chinh Pháp sẽ ra sức thực hiện kế hoạch bình định nhằm triệt phá nguồn nhân lực, vật lực của ta ở vùng trung du Bắc Bộ và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, tạo điều kiện cho chúng tập trung quân lực để tác chiến trên chiến trường chính - chiến trường Bắc Bộ. Chính vì vậy, Trung ương yêu cầu: "Nam Bộ hãy đánh mạnh hơn nữa để chia sẻ gánh nặng cho chiến trường Bắc Bộ".

Đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đảng vụ kiêm Trưởng Ban Dân vận Trung ương và Phái đoàn Chính phủ Trung ương đã lên đường vào Nam Bộ trong thời điểm lịch sử ấy. Cùng đi với đồng chí Lê Đức Thọ, có Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - Thứ trưởng Phủ Chủ tịch, với danh nghĩa đại diện Chính phủ và Thiếu tướng Lê Hiến Mai

(Dương Quốc Chính), với danh nghĩa đại diện Bộ Tổng Tư lệnh. Số cán bộ tùy tùng khoảng 30 người.

Phái đoàn đã nằm sương gối đất, lội suối trèo đèo tiến hành một cuộc hành quân gian khổ, đi dọc theo chiều dài của sáu chiến khu, vượt qua những khu rừng đại ngàn trùng điệp nằm trên dãy Trường Sơn và đi xuyên qua một số vùng địch hậu gặp nhiều hiểm nguy bất trắc, với lộ trình ước tính khoảng 3.500 kilômét. Rồi đại bản doanh Ban Thường vụ Trung ương Đảng ở Định Hóa - Thái Nguyên giữa mùa Thu năm 1948, Phái đoàn đã tới kênh Ba Tháp - Đồng Tháp Mười vào cuối mùa khô năm 1949 (khoảng hạ tuần tháng 4 dương lịch).

Ba mươi bảy năm sau chuyến đi không thể nào quên ấy, ngày 15-3-1985, trong khi trả lời phóng viên Sylvana Foa của hãng Thông tấn xã Mỹ (UPI), đồng chí Lê Đức Thọ đã hồi tưởng lại: "Từ Việt Bắc vào chiến khu Đồng Tháp Mười, trên đường đi không những phải vượt qua rừng núi hiểm trở, mà còn qua cả những vùng có địch, cho nên đoàn tôi đi có hai, ba người hy sinh. Bản thân tôi cũng suýt chết".

Ngay trong chặng đường đầu, khi đồng chí Lê Đức Thọ ghé qua Vân Đình - Hà Đông để làm việc với Khu ủy Khu 3, Phái đoàn ta đã bị địch phát hiện. Ngày 20-9-1948, chúng huy động 1.300 quân, bất ngờ cho lính dù nhảy xuống Vân Đình để thực hiện kế hoạch "đánh úp" chớp nhoáng. Tuy nhiên, cuộc tấn công đã bị thất bại hoàn toàn. Bảy tháng sau, khi đồng chí Lê Đức Thọ và Phái đoàn đặt chân lên căn cứ địa Xứ ủy Nam Bộ chỉ được khoảng hơn 5 tuần lễ, từ ngày 2 đến ngày 8-6-1949, địch đã mở cuộc càn quét lớn vào Đồng Tháp Mười với 4.000 quân, có xe lội nước, tàu chiến, máy bay và lính dù. Nhưng chúng đã bị Tiểu đoàn 404 bảo vệ căn cứ của Nam Bộ, Tiểu đoàn chủ lực 307 của Khu 8, Tiểu đoàn 309 của tỉnh Mỹ Tho phối hợp chặt chẽ với dân quân, du kích của xã căn cứ đánh trả

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

quyết liệt. Bốn trăm tên địch và 6 xe lội nước đã bị tiêu diệt. Báo *Thông Nhất* tháng 6-1949 đã viết: "Trận tấn công vào Đồng Tháp Mười tháng 6-1949 là trận tấn công lớn nhất và cũng là thất bại đau đớn nhất của quân Pháp ở Nam Bộ... Mục tiêu của trận tấn công này là nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến, nhất là Phái đoàn Chính phủ Trung ương mới vào Nam Bộ".

Việc Phái đoàn Chính phủ Trung ương do đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu vào chiến khu Đồng Tháp Mười giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp trong toàn quốc bước sang năm thứ tư, là một trong những sự kiện lịch sử quan trọng trên chiến trường Nam Bộ. Nó đã thổi một luồng sinh khí mới và gây niềm tin tưởng mạnh mẽ trong quân và dân ta, nhất là trong đội ngũ cán bộ quân, dân, chính, đảng ở các địa phương, các ngành, các cấp.

Điều vui mừng nhất đối với cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta ở căn cứ địa kháng chiến Đồng Tháp Mười nói riêng và trên chiến trường Nam Bộ nói chung, là đã được đồng chí Lê Đức Thọ trao tận tay bốn lá thư của Bác Hồ viết tại núi rừng chiến khu Việt Bắc ngày 15-9-1948.

Trong *Thư vào Nam*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nhân dịp phái đoàn của Chính phủ vào Nam, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm toàn thể đồng bào...

Đã hơn 3 năm, đồng bào và chiến sĩ Nam Bộ đã và đang anh dũng kháng chiến để giữ vững nền độc lập, thống nhất và dân chủ...

Trong mùa *Thi đua ái quốc* đang sôi nổi khắp cả nước, tôi mong rằng đồng bào Nam Bộ sẽ hăng hái tham gia, về quân sự cũng như về chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v.." ¹.

Trong *Thư gửi các Ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ, các tỉnh, quận và xã ở Nam Bộ*, Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 495 - 496.

viết: "Nhân dịp phái đoàn của Chính phủ vào Nam, tôi gửi lời thân ái chào toàn thể Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính các tỉnh, quận và xã...

Mặc dầu ở xa Chính phủ Trung ương, các Ủy ban Nam Bộ trong hơn 3 năm nay đã đảm đương công việc hằng ngày với một tinh thần dũng cảm và thống nhất. Một số ủy viên các cấp tỉnh, quận và xã đã oanh liệt hy sinh vì Tổ quốc, và đã nêu cao chí khí xung phong của dân tộc ta... Vì vậy, nhiệm vụ của các Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp là phải phát động phong trào *Thi đua ái quốc*, toàn diện và toàn dân, để đưa kháng chiến mau đến thắng lợi, thống nhất và độc lập mau đến thành công"¹.

Trong *Thư gửi tướng sĩ Vệ quốc quân và dân quân du kích Nam Bộ*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nhân dịp phái đoàn Chính phủ vào Nam, tôi gửi lời thân ái thăm các đồng chí...

Đã hơn 3 năm nay, bộ đội và dân quân Nam Bộ đã lập nhiều chiến công vẻ vang, và đã trưởng thành trong khói lửa. Các đồng chí đã thực hiện được kế hoạch cướp khí giới địch đánh lại địch, áp dụng triệt để chiến thuật vận động du kích, và phá hoại hậu phương địch...

Trong phong trào *Thi đua ái quốc*, *luyện quân lập công* ngày nay, tôi mong các đồng chí cố gắng phát triển các ưu điểm, sửa chữa các khuyết điểm, để làm cho bộ đội ta thật xứng đáng là bộ đội của một nước Dân chủ Cộng hòa, xứng đáng với nhiệm vụ vẻ vang là giải phóng Tổ quốc và bảo vệ nhân dân"².

Trong *Thư gửi nam nữ thanh niên và nhi đồng Nam Bộ*, Bác Hồ viết: "Nhân dịp phái đoàn Chính phủ vào Nam, Bác gửi lời thân ái thăm các cháu...

Trong phong trào *Thi đua ái quốc* này, Bác mong các cháu sẽ cùng với thanh niên và nhi đồng toàn quốc, hăng hái xung phong. Các cháu phải dũng cảm tiến lên, làm cho xứng đáng là con cháu của Phù Đổng Vương, của Trần Quốc Toản.

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 497 - 498, 499 - 500.

Cho xứng đáng là thanh niên và nhi đồng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thống nhất và độc lập"¹.

Nhằm biểu thị niềm tin mãnh liệt và lòng tôn kính sâu xa của các tầng lớp nhân dân Nam Bộ, của quân và dân chiến khu Đồng Tháp Mười đối với Trung ương, một cuộc mít tinh trọng thể của Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ đã được tổ chức gần chợ Cái Bèo (nay thuộc xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh) để chào mừng đồng chí Lê Đức Thọ và Phái đoàn Chính phủ.

Từ khi đặt chân lên kênh Ba Tháp đến lúc di chuyển xuống căn cứ địa U Minh ở miền Tây Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ đã đảm nhận trọng trách đại diện Thường vụ Trung ương Đảng bên cạnh Xứ ủy Nam Bộ. Đồng chí đã tỏa sáng trên nhiều lĩnh vực hoạt động và để lại những ấn tượng đẹp trong các cơ quan quân, dân, chính, đảng. Tác phong công tác và phong cách lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Thọ đã thể hiện đậm nét tư tưởng "*Sửa đổi lối làm việc*" của Bác Hồ. Sinh hoạt giản dị, gần gũi quần chúng nhân dân, sâu sát đảng viên, cán bộ, coi trọng việc tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất đạo đức, kiên định với lập trường quan điểm, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, giữ vững ý thức tổ chức và kỷ luật... Đó là những giá trị tinh hoa về đạo đức của đồng chí Lê Đức Thọ đã được phát sáng ở chiến khu Đồng Tháp Mười. Với cương vị phụ trách công tác tổ chức, huấn luyện và đào tạo, đồng chí Lê Đức Thọ là người có công trong việc phổ cập và giáo dục tư tưởng "cần, kiệm, liêm, chính", "chí công vô tư" của Bác Hồ cho đảng viên, cán bộ trên chiến trường Nam Bộ.

Cùng với đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Lê Đức Thọ đã nêu gương sáng trong việc xây dựng hạt nhân đoàn kết vững chắc trong cơ quan lãnh đạo đầu não cuộc kháng chiến chống Pháp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 501.

trên chiến trường Nam Bộ, biến Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam thành một khối thống nhất ý chí và hành động. Năm tháng đi qua, cho đến ngày nay, nhân dân Nam Bộ và quân dân tỉnh Đồng Tháp nhìn về quá khứ vẻ vang, rất tự hào về hai nhà lãnh đạo lỗi lạc của thời kỳ kháng chiến chống Pháp trên chiến trường Nam Bộ - Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Lê Duẩn là một kiến trúc sư trưởng tài ba vạch ra những ý tưởng chiến lược đúng đắn để chỉ đạo cuộc kháng chiến. Lê Đức Thọ, là người lãnh đạo kiên cường giàu kinh nghiệm, nhà tổ chức đầy bản lĩnh và tài năng. Cống hiến của đồng chí Lê Đức Thọ tại chiến khu Đồng Tháp Mười thể hiện nổi bật trong công tác tổ chức - cán bộ và trong lĩnh vực hoạt động quân sự.

Trong công tác tổ chức cán bộ, cùng với Ban Thường vụ Xứ ủy, ngay sau khi đến chiến khu Đồng Tháp Mười, đồng chí Lê Đức Thọ đã tiến hành rà soát để củng cố bộ máy tổ chức của các đơn vị trực thuộc Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ được thực sự vững mạnh cả về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức theo phương châm "tinh binh tinh cán" của Bác Hồ. Đi đôi với việc củng cố, đồng chí Lê Đức Thọ đã xúc tiến việc thành lập một số đơn vị mới nhằm đáp ứng việc thực hiện những nhiệm vụ cấp bách - như thành lập Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra Xứ ủy, trường Đảng mang tên Trường Chinh để bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các địa phương và các ngành quân, dân, chính, đảng, v.v.. Điều quan tâm đặc biệt của đồng chí Lê Đức Thọ là dốc sức vào việc củng cố sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong các lực lượng vũ trang, đối với ba thứ quân trên chiến trường.

Trong lĩnh vực quân sự, khi đồng chí Lê Đức Thọ và Phái đoàn Chính phủ vào đến chiến khu Đồng Tháp Mười, quân Pháp trên chiến trường Nam Bộ đang ra sức thực hiện kế hoạch bình định lấn chiếm mới nhằm thực hiện bốn mục tiêu: Xây dựng một hệ thống tháp canh dày đặc mang tên tướng Đồ la Tua

(De la Tour) trên các trục lộ giao thông; sử dụng lực lượng quân địa phương kết hợp với lính tháp canh tại chỗ thường xuyên càn quét nhằm khống chế quần chúng và đánh bật cán bộ, đảng viên ta ra khỏi địa bàn; dùng xe lội nước kết hợp với thủy, lục, không quân tổ chức các cuộc hành quân càn quét lớn tấn công các cơ quan lãnh đạo đầu não kháng chiến tại chiến khu Đồng Tháp Mười; phá hoại kinh tế, ngăn chặn các đường giao thông tiếp tế lương thực, thực phẩm cho kháng chiến.

Việc thay đổi chiến thuật của địch có kết quả đáng kể. Hệ thống tháp canh đặc biệt gây cho ta nhiều khó khăn. Trong báo cáo về tình hình Nam Bộ gửi ra Trung ương, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy Nam Bộ nhận xét: "Trải qua những trận càn quét của giặc, nhân dân nói chung, trong khoảng năm 1949 phần đông có phần mệt mỏi". Trước tình hình đó, Xứ ủy Nam Bộ và đồng chí Lê Đức Thọ - đặc phái viên của Trung ương xác định nhiệm vụ quân sự cấp bách phải kiên quyết đánh bại kế hoạch bình định mới của địch. Nhằm phá vỡ hệ thống tháp canh De la Tour, trong bài chuyên luận về quân sự đăng trên báo *Thống nhất* số 15 và 16 năm 1950, đứng trên quan điểm thực tiễn và biện chứng, đồng chí Lê Đức Thọ đã phân tích thấu đáo những nhược điểm cơ bản trong hệ thống tháp canh này. Đồng chí viết: "Quân địch ở Nam Bộ đã tự hào rằng cái hệ thống phòng ngự bằng đồn bốt và tháp canh dọc theo các đường giao thông là bất khả xâm phạm, nhưng chúng có biết đâu rằng chính cái hệ thống phòng ngự đó mang sẵn trong nó bao nhiêu nhược điểm. Nhược điểm thứ nhất, là tinh thần quân đội của chúng bạc nhược và do lực lượng của chúng phân tán mỏng manh lại càng thêm bạc nhược hơn nữa. Nhược điểm thứ hai, là lực lượng của chúng bị phân tán. Quân của chúng trước đây tập trung từng tiểu đoàn, trung đoàn đến đại đoàn, nay phải phân tán ra từng trung đội, tiểu đội đến từng tổ 5 - 6 tên để bảo vệ những nơi chúng tạm chiếm. Trong lúc đó chúng ta

biết tập trung lực lượng trên chiến trường để đánh lực lượng địch phân tán. Hệ thống phòng ngự của địch sẽ bị bộ đội ta chặt ra từng khúc để bao vây, cô lập và tiêu diệt. Nhược điểm thứ ba, vì phân tán lực lượng để chiếm đóng sâu vào nội địa ta, sự tiếp viện của địch gặp nhiều trở ngại về phương tiện chuyên chở và giao thông. Nhược điểm thứ tư, trong mấy năm chiến tranh, quân số của địch vừa chết vừa bị thương hàng vạn, số quân tham gia phản chiến ngày một tăng, lại gặp khó khăn về tài chính nên địch không thể bổ sung thêm quân số. Tuy quân chính quy của ta ít hơn địch, nhưng chúng ta biết tập trung lực lượng của các thứ quân nên chiếm ưu thế trên chiến trường để tiêu diệt địch".

Nhờ dựa trên cơ sở của sự phân tích chính xác đó, quân và dân ta đã phát huy cao độ nhân tố về chính trị và tinh thần trong các chiến dịch quân sự liên tiếp nổ ra giữa thu đông năm 1949 và xuân hè năm 1950. Chiến thuật đặc công đánh tháp canh nổi tiếng cũng đã được ra đời trên cơ sở của tư duy quân sự đó. Ngay trong chiến dịch Cầu Kè diễn ra 40 ngày trên địa bàn của ba huyện Cầu Kè, Tiểu Cần và Cầu Ngang (tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh) từ ngày 7-12-1949 đến 16-1-1950 nhằm mục tiêu làm đến tan rã hệ thống đồn bốt tháp canh, phá thế kim kẹp, quân ta đã diệt và bức rút 56 tháp canh của địch. Thực tiễn trên đây cho thấy rõ, chẳng những trong hoạt động chính trị mà cả trên lĩnh vực quân sự, tư duy lý luận và công tác chỉ đạo thực tiễn của đồng chí Lê Đức Thọ rất sắc sảo, nhạy bén.

*

* *

Lê Đức Thọ là một chiến sĩ cộng sản kiên trung, là học trò xuất sắc của Bác Hồ, là người có công trong việc tham gia lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến toàn quốc tháng 12-1946. Đồng chí đã được Bác Hồ phái vào Nam để tăng cường cho chiến trường Nam Bộ

trong những tháng năm gian khổ của cuộc kháng chiến chống Pháp. Viết đầy đủ về đồng chí ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng đại diện cho Trung ương bên cạnh Xứ ủy Nam Bộ từ năm 1949 đến năm 1951 và là Bí thư Trung ương Cục miền Nam từ năm 1952 đến năm 1954, là việc rất khó, cho dù chỉ đóng khung trong phạm vi của chiến khu Đồng Tháp Mười. Một điều ai cũng có thể cảm nhận được là đồng chí Lê Đức Thọ đã tỏa sáng trong nhiều lĩnh vực hoạt động và để lại những ấn tượng không thể phai mờ trên chiến trường Nam Bộ, trong ký ức và tình cảm của đồng chí và đồng bào trên mảnh đất tận cùng phía Nam của Tổ quốc.

Năm năm sau ngày đất nước thống nhất, khi đó đồng chí Lê Đức Thọ sắp 70 tuổi. Nhớ chiến khu xưa, đồng chí đã về lại mảnh đất Gò Tháp và dòng kênh Ba lịch sử ở tại xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười hiện nay để thăm căn cứ địa kháng chiến của Xứ ủy Nam Bộ ngày trước, thăm đồng chí và đồng bào đã cùng mình một thời nằm sương gối đất, dãi nắng dầm mưa. Bâng khuâng nhìn cảnh cũ, xúc động nhớ tới những kỷ niệm xưa, đồng chí Lê Đức Thọ đã cảm tác viết một bài thơ nhan đề là *Đồng Tháp*:

*Tôi từ Việt Bắc vào Đồng Tháp,
Căn cứ năm nào để đánh Tây.
Má Chín, kinh Ba - ôi nhớ mãi,
Đâu còn mong gặp má hôm nay.*

*Ba lăm năm ấy nhiều thay đổi,
Đánh Pháp thua rồi, đánh Mỹ thua.
Đồng Tháp xuân về, trang sử mới,
Nghĩa tình trọn vẹn vẫn như xưa.*

Cảm động biết bao, tình cảm của đồng chí Lê Đức Thọ đối với quân và dân chiến khu Đồng Tháp Mười trước đây cũng như đối với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày nay, là "nghĩa tình trọn vẹn", son sắt thủy chung. Tình cảm của quân

và dân chiến khu Đồng Tháp Mười trước đây cũng như tình cảm của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày nay đối với đồng chí Lê Đức Thọ, mãi mãi là "nghĩa tình trọn vẹn vẫn như xưa". Tôi xin mượn câu thơ đẹp ấy của đồng chí Lê Đức Thọ để kết thúc bài viết này.

Phần thứ ba

**LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC
TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG**

VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG

Tô Huy Rúa*

Nhiều năm qua, trong suy nghĩ và tình cảm của chúng ta, đồng chí Lê Đức Thọ luôn luôn là một trong những nhà lãnh đạo tài năng thuộc lớp cán bộ đầu tiên của Đảng và là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1926, lúc mới 15 tuổi đồng chí đã giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng. Năm 18 tuổi (tháng 10-1929), đồng chí đã trở thành đảng viên cộng sản. Trong những năm hoạt động cách mạng, lúc công khai cũng như khi bí mật hay trong những năm tháng bị giam cầm, đồng chí đã sớm thể hiện khả năng thiên bẩm trong tư duy chiến lược và năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn cùng bản lĩnh cách mạng, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Là một cán bộ lãnh đạo tài năng trên nhiều lĩnh vực: quân sự, ngoại giao, tổ chức..., đồng chí đã được Đảng và Bác Hồ tin nhiệm giao nhiều trọng trách của Đảng, của đất nước. Ở cương vị công tác nào, đồng chí cũng tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần lạc quan cách mạng và một dũng khí chiến đấu kiên cường, đầy nhiệt huyết, sẵn sàng xả thân vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng đầy sóng gió vào Nam, ra Bắc, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem hết tâm sức, tài năng và trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng về

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương.

vang của Đảng, vì độc lập, tự do của đất nước, của dân tộc. Nhớ về đồng chí Lê Đức Thọ, cán bộ, đảng viên và nhân dân luôn nhớ đến những đóng góp to lớn của đồng chí với cách mạng Việt Nam trong vai trò của một nhà tổ chức, một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của cách mạng trên chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ; một nhà ngoại giao tài ba, sắc sảo. Trong đó, gần cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng chí đã dành nhiều thời gian, tâm sức cho công tác tổ chức xây dựng Đảng. Có thể nói, trên nhiều cương vị công tác quan trọng, tên tuổi của đồng chí Lê Đức Thọ đã gắn liền với những thành quả vĩ đại trong nhiều giai đoạn của cách mạng Việt Nam.

Ngay trong những năm tháng hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Lê Đức Thọ đã thể hiện "một tầm nhìn chiến lược sắc bén, tinh thần chiến đấu kiên cường và khả năng tổ chức chặt chẽ". Vào những năm 1939 - 1944, sau khi Mặt trận dân chủ nhân dân Đông Dương bị giải tán, hầu hết các cơ sở đảng trong toàn quốc bị thực dân Pháp khủng bố rất gắt gao, cán bộ, đảng viên bị bắt hàng loạt, số cán bộ hoạt động ở ngoài còn rất ít. Chính trong thời điểm đó, Mặt trận Việt Minh được thành lập (tháng 5-1941), nhu cầu về cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng, chuẩn bị thời cơ giành chính quyền rất cấp thiết. Việc bổ sung cán bộ cho các ban lãnh đạo từ Trung ương đến các cấp gặp nhiều khó khăn. Cuối năm 1943, Thường vụ Trung ương đã quyết định chủ trương tổ chức vượt ngục cho cán bộ đang bị giam cầm trong các nhà tù đế quốc để tăng cường cán bộ cho phong trào và kiện toàn các cấp ủy đảng, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng đón lấy thời cơ đang có lợi cho ta. Đó là một chủ trương sáng suốt, kịp thời, có ý nghĩa chiến lược. Với vai trò là Bí thư chi bộ Nhà tù Hòa Bình, đồng chí là người lãnh đạo thực hiện thành công chủ trương trên, đã giải thoát nhiều cán bộ trong nhà tù, tăng cường lực lượng cho cách mạng, chuẩn bị tiến hành Tổng khởi nghĩa.

Tháng 8-1945, tại Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, đồng chí Lê Đức Thọ được cử vào Ban Thường vụ

Trung ương Đảng; tháng 12-1946, đồng chí dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định toàn quốc kháng chiến. Đồng chí đã giúp Trung ương bố trí, phát triển lực lượng Đảng, đoàn thể, chính quyền, đặc biệt là phụ trách công tác chuyển bộ máy kháng chiến từ Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc để tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã có nhiều đóng góp to lớn, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân Nam Bộ từ giữa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ; nhiều năm sống, hoạt động và chiến đấu cùng nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho đến thắng lợi vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tháng 9-1948, đồng chí Lê Đức Thọ được phân công là Trưởng phái đoàn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào Nam Bộ công tác, làm Trưởng Ban Đảng vụ kiêm Trưởng Ban Dân vận Xứ ủy Nam Bộ. Sau khi nghiên cứu kỹ, nắm chắc tình hình cách mạng miền Nam, đồng chí khẳng định: "Phải xây dựng, củng cố Đảng trong lực lượng vũ trang, trong công an, trong vùng bị địch tạm chiếm, phát triển Đảng phải luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng, phải dìu dắt đảng viên mới trong công tác thực tế, phải mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho họ. Phải luôn luôn chăm lo củng cố chi bộ, đề phòng bọn địch chui vào trong Đảng, phá hoại Đảng từ bên trong". Đồng chí đã chủ động cùng Thường vụ Xứ ủy rà soát, nắm lại cán bộ chủ chốt của các cấp ủy trong các khu ủy, tỉnh ủy, Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định; từng bước kiện toàn bộ máy lãnh đạo Xứ ủy, chấn chỉnh lề lối làm việc, khẩn trương triển khai một số biện pháp cấp bách nhằm chấn chỉnh, kiện toàn một số cấp ủy, đồng thời, đồng chí Lê Đức Thọ và Thường vụ Xứ ủy luôn giữ vững nguyên tắc báo cáo, xin chỉ thị của Thường vụ Trung ương và Bác Hồ về những vấn đề cần thiết. Các hoạt động ấy đã trực tiếp củng cố, phát triển lực lượng của cách mạng miền Nam và bảo đảm sự

lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Thường vụ Trung ương Đảng, của Bác Hồ đối với chiến trường miền Nam.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cách mạng của Đảng ở miền Nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã chủ động đề xuất với Thường vụ Xứ ủy mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của cán bộ tỉnh, khu, lấy tên là Trường Trường Chinh. Bản thân đồng chí đã trực tiếp tham gia giảng dạy với những bài giảng hàm chứa những nội dung phong phú, sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Từ năm 1950 đến năm 1954, hàng trăm cán bộ trung, cao cấp đã được huấn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đáp ứng cho nhu cầu của cách mạng miền Nam.

Trong cuộc kháng chiến khốc liệt chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, tương quan lực lượng giữa ta và địch vô cùng chênh lệch, có thời kỳ, nhiều cơ sở đảng bị xóa, số đảng viên tại miền Nam từ 50.000 đồng chí (năm 1954) đến năm 1959 chỉ còn lại 7.000 đồng chí, số cán bộ đảng viên bị giết, bị tù ngày càng nhiều. Chính trong thời điểm hiểm nghèo đó, được Trung ương giao nhiệm vụ chăm lo công tác tổ chức xây dựng Đảng phục vụ cách mạng miền Nam, đồng chí đã đề xuất việc thành lập Vụ miền Nam và Cục Cán bộ B trực thuộc Ban Tổ chức Trung ương để giúp Đảng điều động cán bộ tăng cường cho các chiến trường cũng như đón tiếp, chăm sóc cán bộ từ chiến trường ra miền Bắc chữa bệnh, học tập và công tác. Với phong cách làm việc sâu sát, đồng chí luôn đưa ra những ý kiến chỉ đạo cụ thể, thông qua từng kế hoạch, đề ra cách thức, tiêu chuẩn điều động cán bộ tăng cường cho từng vùng, từng chiến trường, sao cho phát huy hiệu quả, hạn chế hy sinh, tổn thất. Đồng chí trực tiếp thông qua danh sách cán bộ trung, cao cấp bổ sung cho chiến trường, lắng nghe ý kiến đề xuất và nguyện vọng của từng cán bộ, kịp thời động viên tinh thần cũng như vật chất trước khi cán bộ vượt Trường Sơn vào chiến trường. Bản thân đồng chí cũng được Trung ương cử vào miền Nam nắm tình hình, trực tiếp cùng làm việc với các đồng chí Trung ương Cục miền Nam, nhờ đó, việc chỉ đạo của Trung ương đối

với miền Nam được sâu sát hơn, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của chiến trường, bảo đảm sự thắng lợi trong hoạt động quân sự của ta trên các chiến trường miền Nam.

Trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cán bộ công tác ở chiến trường ra miền Bắc chữa bệnh, công tác và học tập đều được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và đồng chí Lê Đức Thọ hết sức quan tâm. Trước những yêu cầu chi viện cho chiến trường, thay mặt Trung ương, đồng chí trực tiếp giao nhiệm vụ cho các ban, ngành, tạo điều kiện giải quyết sớm nhất, tốt nhất các yêu cầu chi viện đó. Trong những năm chiến tranh chống đế quốc Mỹ, các ban, ngành đã đón tiếp, chăm sóc 20.500 cán bộ từ chiến trường miền Nam ra Bắc chữa bệnh và học tập; xây dựng được 25 đơn vị đón tiếp, điều trị, điều dưỡng và học tập cho cán bộ; trên 7.000 cán bộ được đi học ở các trường văn hóa, trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trường lý luận chính trị; 4.000 cán bộ được bố trí đi chữa bệnh, nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ở nước ngoài.

Đầu năm 1955, đồng chí từ Nam Bộ tập kết ra miền Bắc. Năm 1956, khi Trung ương phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và củng cố tổ chức, Bác Hồ và Bộ Chính trị đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Đức Thọ làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương kiêm Trưởng ban Chỉ đạo công tác sửa sai. Tình hình tổ chức đảng lúc này gặp rất nhiều khó khăn, nhiều cơ sở đảng ở nông thôn bị nghi ngờ, nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp bị bắt tù, bị nghi oan... Thực hiện chủ trương kiên quyết sửa sai của Bộ Chính trị và Bác Hồ, Ban Tổ chức Trung ương do đồng chí Lê Đức Thọ làm Trưởng ban đã cử hàng nghìn cán bộ của Trung ương về địa phương, cơ sở xin lỗi dân và minh oan cho cán bộ. Đồng chí đã tập trung sức cho công tác sửa sai, từng bước củng cố lại tổ chức cơ sở đảng và phục hồi danh dự, minh oan cho hàng nghìn cán bộ, đảng viên, khôi phục được lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng.

Trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ đặc biệt quan tâm nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở của

Đảng. Ngay trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở miền Bắc, đồng chí đã đề xuất và chỉ đạo thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở "bốn tốt" (sản xuất, chiến đấu tốt; chấp hành chính sách tốt; công tác quần chúng tốt và củng cố Đảng tốt). Cuộc vận động đã đem lại những kết quả quan trọng: tổ chức cơ sở đảng được củng cố, phát huy tác dụng lãnh đạo sâu sát, toàn diện đối với mọi hoạt động ở cơ sở, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và chính sách của Đảng, của Nhà nước, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Thông qua thực tiễn cuộc vận động, nhiều cấp ủy đảng đã khắc phục được thái độ xem nhẹ công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của tổ chức cơ sở đảng, quan tâm chỉ đạo củng cố cơ sở đảng. Đó là một bài học kinh nghiệm quý, mang ý nghĩa thời sự cho đến hôm nay.

Mùa Xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi vẻ vang, đất nước ta được thống nhất. Tình hình, nhiệm vụ mới đặt ra những yêu cầu mới to lớn đối với công tác tổ chức. Một trong những vấn đề lớn và khó nhất lúc đó là điều động, bố trí lại cán bộ đáp ứng những nhiệm vụ mới. Ngay sau giải phóng, Ban Tổ chức Trung ương đã tham mưu cho Trung ương điều động hàng trăm cán bộ cao cấp, hàng vạn cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn cho miền Nam, bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Một bài học cực kỳ sâu sắc trong công tác tổ chức, cán bộ là với tầm nhìn xa, trông rộng, Đảng, Bác Hồ đã dày công đào tạo, rèn luyện một đội ngũ đông đảo cán bộ là con em miền Nam ở miền Bắc và các nước xã hội chủ nghĩa. Đó là một lực lượng quan trọng để bố trí, sắp xếp cán bộ cho miền Nam sau giải phóng. Thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, đồng chí Lê Đức Thọ đã cùng các đồng chí trong Trung ương, trong Bộ Chính trị và đội ngũ những người làm công tác tổ chức xây dựng Đảng nhanh chóng giải quyết hàng loạt vấn đề cấp bách, như: xây dựng và củng cố hệ thống chính trị thống nhất trong cả nước,

trong đó bao gồm việc xây dựng các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp ở vùng mới được giải phóng; nhanh chóng bắt tay vào công tác chuẩn bị nhân sự cho Quốc hội và Chính phủ khi đất nước thống nhất; chuẩn bị Đại hội IV của Đảng.

Kinh qua nhiều môi trường hoạt động thực tiễn và các chiến trường, học tập được cách hiểu người, sử dụng người, đào tạo người hiền tài cho đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tính cách quyết đoán, trung thực, nghiêm khắc với cán bộ, bản thân và cả gia đình trong thực hiện nhiệm vụ cũng như trong cuộc sống, với nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong công tác tổ chức, đồng chí Lê Đức Thọ đã góp phần to lớn đặt nền móng cho công tác tổ chức xây dựng Đảng và tổ chức của cả hệ thống chính trị ở nước ta; trong đó, đồng chí đã tập trung sức vào việc xây dựng, quản lý và bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng. Đặc biệt, từ Đại hội III đến Đại hội VI của Đảng, với vai trò Trưởng Tiểu ban nhân sự, đồng chí tận tụy đến tận nơi xem xét, cân nhắc thận trọng trước khi giới thiệu cán bộ vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, giúp Bộ Chính trị chuẩn bị tốt nhân sự cho lựa chọn, bầu cử Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào các kỳ đại hội Đảng. Đồng chí luôn nhắc nhở cán bộ tổ chức phải chú ý phương châm: thận trọng, dân chủ; lắng nghe ý kiến cơ sở, ý kiến tập thể. Sau khi đã cân nhắc mọi mặt, với trách nhiệm được giao, đồng chí thể hiện chính kiến một cách dứt khoát. Theo đồng chí, điều quan trọng nhất của việc chuẩn bị nhân sự cấp cao của Đảng là phải biết lắng nghe nhiều ý kiến của cán bộ các cấp, không nghe một chiều hoặc ý kiến của một, hai cá nhân. Phải đặt yêu cầu hàng đầu, quyết định là chất lượng cán bộ, nhất là tiêu chuẩn đức tài khi chọn cán bộ tham gia cấp ủy, tham gia hệ thống chính trị.

Với phương pháp làm việc khoa học, thái độ nghiêm túc, sâu sát trong công việc, nắm vững ưu, khuyết điểm, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ; tôn trọng, lắng nghe, tiếp thu ý kiến của đồng sự, của cấp dưới; quyết đoán trong sắp xếp, bố trí, kiên trì trong tham mưu, đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

đồng chí Lê Đức Thọ đã góp phần tích cực xây dựng được đội ngũ cán bộ bảo đảm tính kế thừa và sự vững vàng của Đảng trong mọi tình thế. Đồng chí Lê Đức Thọ đặc biệt quan tâm xây dựng, đào tạo, lựa chọn đội ngũ cán bộ trẻ tuổi để chuẩn bị cho các giai đoạn cách mạng tiếp theo, tính toán đến cả một số đồng chí có triển vọng chuẩn bị cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước. Trong những thập kỷ 60 - 80 thế kỷ XX, nhiều cán bộ ưu tú ở các ngành, các địa phương đã được phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, đề bạt và trưởng thành, góp phần bảo đảm thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp giải phóng đất nước và hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả dân tộc. Trong kết quả này, có công lao đáng kể của đồng chí Lê Đức Thọ.

Trên cương vị người phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của Đảng trong nhiều năm, đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đóng góp quan trọng cho Đảng trong việc hoạch định đường lối, chính sách về tổ chức, cán bộ của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và chỉ đạo tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Tư tưởng, tác phong, phương pháp làm việc của đồng chí Lê Đức Thọ để lại nhiều bài học quý cho những người làm công tác tổ chức.

Để làm tốt việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của toàn Đảng, của hệ thống chính trị, đồng chí Lê Đức Thọ luôn dành nhiều thời gian, tâm sức cho công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tổ chức xây dựng Đảng. Xác định việc tham mưu nhận xét, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ có phần trách nhiệm rất lớn của đội ngũ này, đồng chí luôn đòi hỏi tất cả cán bộ, đảng viên của ngành tổ chức phải đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu từng cán bộ thuộc trách nhiệm quản lý, phải nắm chắc kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ được Đảng giao phó, ưu điểm, khuyết điểm, triển vọng của cán bộ đó. Đồng chí phê bình cách quản lý hời hợt, chỉ đánh giá cán bộ trên lý lịch "chết" mà không sâu sát công việc của cán bộ, báo cáo chung chung về "lập trường, quan điểm" mà không nắm chắc phẩm chất, năng lực và tính cách của cán bộ thông qua

việc thực hiện các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Đồng chí cũng phê phán tình trạng sự vụ, kinh nghiệm chủ nghĩa. Đồng chí yêu cầu phải hướng công tác tổ chức vào phục vụ nhiệm vụ chính trị, đề xướng xây dựng quy hoạch cán bộ, phát hiện và bồi dưỡng cán bộ kế cận, chủ động chuẩn bị cán bộ cho những nhiệm vụ tương lai.

Đồng chí luôn đòi hỏi anh em công tác ở ngành tổ chức của Đảng phải ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, trau dồi đạo đức cách mạng, rèn luyện phong cách làm việc sâu sát, cụ thể, phương pháp tư duy đúng đắn, khoa học khi xem xét con người. Đồng chí luôn nhắc nhở cán bộ tổ chức phải trung thực, công tâm, khách quan, đối xử với cán bộ không được xen cảm tình hoặc thành kiến cá nhân, phải khiêm tốn, không được cậy quyền thế, không được lộng quyền.

Từ thực tiễn nhiều năm là người đứng đầu cơ quan tổ chức của Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ đã có những nhận xét rất khái quát và cũng rất thực tiễn về công tác cán bộ, đó là: Nếu có ai hỏi tôi trong công tác cách mạng có việc gì khó? Tôi sẽ trả lời: khó nhất là công tác cán bộ vì công tác này vừa cụ thể do có quan hệ trực tiếp đến sự trưởng thành của một người nhất định, lại vừa trừu tượng do khó có thể cân, đong, đo đếm được năng lực, phẩm chất, bản lĩnh của cán bộ, đó là còn chưa nói tới câu: "cai quan định mệnh". Cho nên, khi làm công tác cán bộ, phải theo dõi thường xuyên, sâu sát cán bộ, đánh giá cán bộ qua kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ được giao, qua phẩm chất, lối sống; phải nghe nhiều "tiếng chuông", phải khơi dậy và phát huy được ưu điểm của cán bộ... Vì khó khăn như vậy nên trong công tác đề bạt cán bộ nói chung, nếu đúng được 80% là tốt rồi.

Từ Đại hội lần thứ III đến Đại hội lần thứ V của Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ đã chủ trì việc tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, trực tiếp trình bày các báo cáo quan trọng này trước Đại hội, qua đó, đồng chí đã góp phần phát triển một bước lý luận về Đảng cầm quyền trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác -

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Những tư tưởng quan trọng trong công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác tổ chức xây dựng Đảng nói riêng đã được khẳng định, đó là: Kiên trì khẳng định tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng, từng bước hệ thống hóa, hoàn thiện các nguyên tắc cơ bản thể hiện bản chất của Đảng; phát triển lý luận về xây dựng Đảng với tư cách là một Đảng cầm quyền đưa đất nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa; đổi mới công tác tổ chức gắn liền với đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, đưa công tác tổ chức đi trước một bước nhằm thúc đẩy đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Không chỉ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ rất quan tâm đến việc chỉ đạo tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức xây dựng Đảng, giáo dục, đào tạo cán bộ tổ chức, công tác tư tưởng trong công tác tổ chức. Những năm công tác ở cương vị Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, đồng chí có nhiều bài nói, bài viết có tính tổng kết về công tác tổ chức có giá trị chỉ đạo thực tiễn, có tính chiến đấu cao, phê phán những nhận thức sai lầm trong công tác tổ chức, được nhiều cán bộ, đảng viên quan tâm, nghiên cứu.

Trong quá trình đảm trách công tác tổ chức xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng, đồng chí Lê Đức Thọ luôn tâm niệm một cách nhất quán về mục tiêu, nhiệm vụ của công tác tổ chức xây dựng Đảng là: Công tác tổ chức xây dựng Đảng phải phục vụ đường lối chính trị; xác định lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; trong công tác xây dựng Đảng, cần coi trọng nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ là trọng tâm, cán bộ cấp chiến lược là quyết định. Những quan điểm, giải pháp và kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức, cán bộ của đồng chí Lê Đức Thọ cho tới nay vẫn còn nguyên giá trị lý luận và giá trị thực tiễn, và đó là những bài học kinh nghiệm bổ ích, quý báu đối với công cuộc đổi mới hiện nay.

Nhìn lại cuộc đời 64 năm hoạt động cách mạng, hơn 20 năm gắn bó với công tác tổ chức xây dựng Đảng của đồng chí Lê Đức Thọ, Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận những đóng góp to lớn của đồng chí vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc nói chung và công tác tổ chức xây dựng Đảng nói riêng. Ở đồng chí Lê Đức Thọ, chúng ta thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa năng lực hoạch định, xây dựng đường lối với tài năng chỉ đạo, tổ chức cụ thể; giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính sáng tạo và tinh thần đổi mới trong hành động; giữa lý luận với thực tiễn; giữa lời nói và việc làm. Đồng chí xứng đáng là "một trong những người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại", xứng đáng với những "công trạng to lớn vì Đảng, vì dân" mà Đại hội lần thứ VI đã khẳng định, xứng đáng với niềm tin yêu, kính trọng của đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức và của hàng triệu trái tim con người Việt Nam.

VAI KỶ NIỆM NHỎ VỀ NGƯỜI ANH LỚN CỦA NGÀNH TỔ CHỨC

Lê Đức Bình*

I

Tôi được gặp anh Lê Đức Thọ lần đầu tiên vào mùa xuân năm 1947. Ngày đó Tỉnh uỷ Lào Cai cử tôi đi dự lớp huấn luyện của Trung ương Đảng mở ở huyện Quốc Oai gần Chùa Thầy. Lớp có khoảng 30 học viên lựa chọn từ các tỉnh miền Bắc. Anh Thọ phát biểu khai mạc lớp học, đại ý nói về tầm quan trọng của việc đào tạo cán bộ, mặc dù cuộc kháng chiến vừa bắt đầu, công việc đang rất bế bộn nhưng Trung ương vẫn quyết định mở lớp huấn luyện để đào tạo bồi dưỡng cán bộ, coi đây là một công việc rất cần kíp của cách mạng, của kháng chiến. Anh cho biết lớp học này được Trung ương đặt tên là lớp Trần Thành để tưởng nhớ người chiến sĩ quyết tử quân đã ôm bom ba càng diệt xe tăng địch và anh dũng hy sinh trong những ngày đầu kháng chiến của Thủ đô.

Anh Trường Chinh giảng nhiều buổi cho lớp chúng tôi về đường lối, chủ trương kháng chiến chống Pháp - mà sau này là nội dung chính tác phẩm nổi tiếng của anh: *Kháng chiến nhất định thắng lợi*. Anh Hoàng Quốc Việt giảng về công tác quần chúng của Đảng. Còn anh Lê Đức Thọ giảng về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ. Những bài giảng của

* Nguyên: - Phó trưởng Ban thứ nhất Ban Tổ chức Trung ương Đảng những năm 1982 - 1986,
- Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, VI, VII,
- Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

anh Thọ dễ hiểu, thiết thực, giàu vốn sống thực tiễn, rất bổ ích cho những cán bộ trẻ chúng tôi ngày đầu hoạt động cách mạng. Anh nói giọng sang sảng, sôi nổi, gây ấn tượng mạnh mẽ. Giờ giải lao, anh thăm hỏi, trò chuyện vui vẻ thân mật với học viên.

Hội trường lên lớp mượn nhờ ngôi đình làng, còn ăn ở thì nhờ nhà dân. Buổi tối, mỗi tổ học viên quây quanh một chiếc đèn dầu học bài. Điều kiện sinh hoạt, ăn ở rất thiếu thốn, nhưng ai ai cũng hăng say học tập. Một số học viên lớp này về sau trở thành những cán bộ cao cấp của Đảng, như anh Lê Thành, Ủy viên Trung ương Đảng khóa III, Trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương, anh Nguyễn Tuấn, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh và có thời gian làm Thứ trưởng Bộ Công nghiệp, v.v..

Lớp học được chừng một tháng thì giặc Pháp mở cuộc tấn công đánh rộng ra vùng Hà Đông - Sơn Tây. Chúng tôi được lệnh di chuyển ngay trong đêm; mọi học viên ba lô lên vai đi bộ suốt đêm và cả ngày hôm sau qua thị xã Sơn Tây, lên Trung Hà, vượt sông Đà sang Hưng Hóa. Lớp học tiếp tục thêm ít ngày rồi bế mạc sớm hơn dự định.

Tôi trở về công tác ở địa phương được ít lâu, đến mùa thu năm đó (1947), Trung ương lại mở lớp huấn luyện. Vì lớp trước tôi học dở dang nên Tỉnh ủy Lào Cai quyết định cử tôi đi học tiếp.

Lớp huấn luyện này mở tại một khu rừng thuộc huyện Định Hóa trong căn cứ địa Việt Bắc. Lớp được lấy tên Tô Hiệu - một đồng chí lãnh đạo của Đảng đã hy sinh tại Nhà tù Sơn La. Hội trường được dựng bằng tre nứa lá, ẩn mình giữa rừng cây um tùm; học viên ăn ở nhờ mấy nhà sàn của đồng bào dân tộc gần đó. Cũng như lớp trước, anh Thọ khai mạc nói rõ mục đích của lớp và xác định nhiệm vụ học tập của chúng tôi. Các đồng chí lãnh đạo của Đảng phân công nhau đến giảng bài. Anh Thọ vẫn là giảng viên chính về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ. Lớp này có thêm anh Lê Văn Lương giảng cho chúng tôi về nguyên lý của chủ nghĩa Lênin. Thời gian lớp này

dài hơn và nội dung có phần rộng và sâu hơn. Trong cách giảng dạy có sự gần gũi giữa giảng viên và học viên. Khi đang nghe giảng, học viên có gì thắc mắc có thể nêu câu hỏi luôn. Cả trong giờ nghỉ giải lao, chúng tôi cũng quây quần quanh giảng viên hỏi và trao đổi ý kiến trong bầu không khí cởi mở và thân mật. Tôi là một trong những học viên mạnh dạn nêu lên với giảng viên nhiều câu hỏi về những vấn đề tôi chưa hiểu rõ. Có lẽ thấy tôi ham nghiên cứu, ham học hỏi nên ngoài việc trả lời trực tiếp, anh Thọ và anh Lương còn đưa cho tôi mượn đọc thêm một số sách nói về chủ nghĩa Mác - Lênin viết bằng tiếng Pháp. Buổi tối bên bếp lửa nhà sàn, tôi say sưa đọc; thích nhất là cuốn *Histoire du Parti Communiste (b) de l'URSS* (Lịch sử Đảng Cộng sản (bôn-sơ-vích) Liên Xô) và cuốn *Principes du Léninisme* (Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin). Với trình độ chính trị có hạn ngày đó tôi chưa hiểu sâu nhưng những bài giảng ở lớp và mấy cuốn sách đó đã mở ra cho tôi nhiều hiểu biết mới mẻ.

Lớp học được hơn một tháng thì giặc Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn mở đầu cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc. Trung ương quyết định kết thúc sớm lớp học để chúng tôi trở về địa phương công tác. Trước khi chia tay chúng tôi, anh Thọ căn dặn về công tác gặp vấn đề gì khó khăn, chưa hiểu thì cứ gửi thư liên hệ với anh hoặc các anh lãnh đạo khác.

Tôi trở về Lào Cai được ít ngày thì giặc Pháp từ Lai Châu đánh sang. Chúng tôi tổ chức cuộc chiến đấu ở địa phương. Cũng dịp này Tỉnh uỷ chúng tôi nhận được bản Chỉ thị của Thường vụ Trung ương, trong đó có căn dặn phải nắm vững quy luật của chiến tranh. Chúng tôi không hiểu nội dung là gì. Nhớ lời anh Thọ dặn, tôi mạnh dạn viết thư hỏi anh. Chỉ ít lâu sau, tôi nhận được thư trả lời của anh thăm hỏi động viên tôi công tác, kèm theo một tài liệu đánh máy vài trang giải thích về quy luật của chiến tranh; tôi còn nhớ tài liệu đó mở đầu bằng trích dẫn lời của Clôdovít, đại ý: "Chiến tranh là sự kế tục của chính trị bằng phương tiện khác".

Cũng trong khoảng thời gian này, tôi được nghiên cứu loạt

bài của anh Thọ viết trên Tạp chí *Sinh hoạt Đảng* về vấn đề phát triển và củng cố Đảng.

Có thể nói những bài học nhập môn về công tác xây dựng Đảng tôi đã thu nhận được từ người thầy đầu tiên là anh Lê Đức Thọ.

Nhớ lại thời kỳ này, tôi thấy rằng trong điều kiện những ngày đầu kháng chiến khó khăn gian khổ như vậy mà Trung ương Đảng vẫn quyết tâm mở liên tiếp các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ, và anh Thọ là người trực tiếp tổ chức chỉ đạo các lớp huấn luyện này với tất cả nhiệt tình chăm sóc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng. Cũng một phần quan trọng nhờ đó mà lớp cán bộ trẻ chúng tôi đã được trưởng thành.

Tôi cũng có ấn tượng sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội, về mối quan hệ giữa các đồng chí lãnh đạo với lớp cán bộ trẻ chúng tôi ngày ấy thật là gần gũi, cởi mở, rất dân chủ. Ước mong sao ngày nay giữa những người cộng sản, giữa cấp trên và cấp dưới cũng giữ được mối quan hệ dân chủ, tin cậy và những tình cảm đồng chí, đồng đội thấm thiết như vậy, loại bỏ được mọi sự xa cách quan dạng.

II

Năm 1958, tôi nhận được quyết định của Ban Bí thư điều động về công tác ở Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Lúc này anh Thọ từ chiến trường miền Nam ra được Bộ Chính trị phân công trở lại làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Anh Thọ bàn với lãnh đạo và một số cán bộ trong Ban trước tình hình cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới cần mở hội nghị tổ chức toàn quốc để đánh giá tình hình và bàn định nhiệm vụ công tác tổ chức sắp tới. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh, Ban Tổ chức Trung ương đã khẩn trương chuẩn bị hội nghị. Tại hội nghị, anh đã trình bày đề án, phân tích tình hình công tác tổ chức những năm qua, khẳng định những thành tựu, rút kinh nghiệm những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức,

nêu lên chủ trương cần chuyển hướng công tác tổ chức và cán bộ theo yêu cầu cách mạng trong thời kỳ mới, phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, tăng cường giáo dục về chủ nghĩa xã hội cho cán bộ, đảng viên, điều động và bố trí lại cán bộ, tiến hành đào tạo bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị mới, nhất là về xây dựng và phát triển kinh tế... Bản đề án được hội nghị nhất trí và đánh giá cao, có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng đối với công tác tổ chức cán bộ trong thời kỳ mới.

Tiếp đó anh Thọ chỉ đạo cán bộ trong Ban tập trung lực lượng vào việc chuẩn bị Dự thảo Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng sẽ họp vào năm sau. Anh cho ý kiến cần tổng kết công tác xây dựng Đảng từ sau Cách mạng Tháng Tám đến giải phóng miền Bắc để rút ra những bài học kinh nghiệm cho thời kỳ mới đồng thời với việc nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng cho phù hợp với những biến đổi mới của tình hình và nhiệm vụ cách mạng.

Tại Đại hội III của Đảng (1960), anh thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày Báo cáo về xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng. Bản Báo cáo đã khẳng định những thành tựu to lớn về xây dựng Đảng ta đồng thời phân tích sâu sắc những khuyết điểm trong xây dựng Đảng, có nơi có lúc hữu khuynh, có nơi có lúc "tả" khuynh, mà quy lại là bắt nguồn từ không quán triệt đầy đủ tính chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng trên các lĩnh vực tư tưởng và tổ chức. Đây quả là vấn đề cơ bản và trung tâm của công tác xây dựng Đảng không chỉ ở thời điểm đó mà lâu dài về sau, cho tới các Đại hội Đảng gần đây vẫn được đề cập tới. Báo cáo còn tổng kết thực tiễn chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, về phê bình và tự phê bình, về đoàn kết thống nhất trong Đảng, về tăng cường mối liên hệ ruột thịt giữa Đảng và nhân dân, chống quan liêu mệnh lệnh, xa rời quần chúng là căn bệnh nguy hiểm của Đảng cầm quyền. Báo cáo và Điều lệ Đảng đã xác định Đảng Lao

động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Điều lệ Đảng xác định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, và thôi không nêu tư tưởng nào khác như bản Điều lệ được thông qua ở Đại hội II năm 1951 nữa.

Đại hội III của Đảng đã thành công rực rỡ. Đại hội đã xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà. Đồng thời, Bản Điều lệ (sửa đổi) và Báo cáo về xây dựng Đảng đã được Đại hội nhất trí thông qua. Điều đó ghi nhận một bước trưởng thành mới của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng. Nhưng việc khắc phục triệt để những khuyết điểm và nhận thức mơ hồ nói trên không phải dễ dàng trong chốc lát như thực tiễn những năm sau này chứng tỏ.

Sau Đại hội Đảng, anh Thọ chấp nhận nguyện vọng của tôi xin chuyển sang hoạt động trên lĩnh vực kinh tế. Đến năm 1963, tôi nhận được quyết định của Ban Bí thư điều động tôi trở lại công tác ở Ban Tổ chức Trung ương. Anh Thọ giải thích cho tôi là Ban cần tăng cường công tác nghiên cứu tổng kết để đào tạo bồi dưỡng nâng cao dần trình độ lý luận và thực tiễn của đội ngũ cán bộ tổ chức, khắc phục tình trạng sự vụ, kinh nghiệm chủ nghĩa trong công tác tổ chức. Anh cho biết anh và lãnh đạo Ban quyết định đưa tôi về Ban để phụ trách *Vụ biên soạn* được thành lập với ba nhiệm vụ chính: nghiên cứu tổng kết công tác xây dựng Đảng từ ngày thành lập Đảng đến nay, thành lập Trường Tổ chức Trung ương và xuất bản Tạp chí *Xây dựng Đảng*, nhằm góp phần nâng cao chất lượng chính trị và chuyên môn của đội ngũ cán bộ tổ chức. Một số cán bộ có trình độ lý luận chính trị và khả năng biên tập như anh Đặng Hồng Tinh, anh Đào Duy Cận, anh Hòa, anh Vũ Thọ... được điều động về công tác ở Vụ Biên soạn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Thọ, anh em chúng tôi tổ

chức sưu tầm nghiên cứu các văn kiện của Đảng, các tác phẩm, bài nói bài viết của Bác Hồ, của anh Lê Duẩn, anh Trường Chinh và các đồng chí lãnh đạo Đảng qua các thời kỳ có liên quan đến công tác xây dựng Đảng. Chúng tôi gặp gỡ các cán bộ lão thành cách mạng và cộng tác với Viện nghiên cứu Lịch sử Đảng để tìm hiểu về công tác xây dựng Đảng ở các thời kỳ lịch sử trước đây. Sau gần hai năm làm việc khẩn trương, anh em chúng tôi đã nghiên cứu và biên tập xong Báo cáo về công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử từ ngày thành lập Đảng đến nay, ưu điểm, khuyết điểm và một số bài học kinh nghiệm chủ yếu. Báo cáo đã được anh Thọ và lãnh đạo Ban ngày ấy thông qua. Tài liệu này đã giúp ích cho việc biên soạn các bài giảng về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ ở Trường Tổ chức sau này.

Tiếp đó, anh em chúng tôi biên soạn giáo trình và năm 1965 mở lớp đầu tiên bồi dưỡng cán bộ tổ chức các tỉnh, thành và các bộ, ngành Trung ương. Anh Thọ khai mạc lớp học và giảng bài đầu tiên về nhiệm vụ và yêu cầu rèn luyện tu dưỡng của người cán bộ tổ chức. Chúng tôi mời các đồng chí lãnh đạo Ban và một số ngành đến giảng cho một số bài hoặc báo cáo bổ sung. Chúng tôi rút kinh nghiệm từng bước, hoàn thiện giáo trình, nâng cao chất lượng học tập. Ủy ban Kiểm tra Trung ương ngày ấy rất đồng tình với việc làm của anh Thọ và Ban Tổ chức Trung ương, đã phối hợp lập thành Trường Tổ chức - Kiểm tra Trung ương thuộc sự chỉ đạo chung của hai Ban. Trường tiến dần tới mở lớp riêng cho từng loại đối tượng: lớp cho cán bộ tổ chức tỉnh, thành, huyện riêng, lớp cho cán bộ tổ chức của các bộ riêng, lớp tổ chức riêng, lớp kiểm tra riêng. Mỗi lớp chừng hai - ba tháng, mỗi năm mở hai - ba lớp. Cán bộ rất hoan nghênh việc mở Trường Tổ chức - Kiểm tra Trung ương. Ngày đó chỉ với vài cán bộ mà mở được trường lớp như vậy thật là một cố gắng lớn; có lẽ đây là trường chính trị có biên chế nhỏ nhất vào những năm đó.

Cũng sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, theo tình

thần chỉ đạo của anh Thọ, đã cho ra đời Tạp chí *Xây dựng Đảng* - cơ quan hướng dẫn công tác tổ chức - xây dựng Đảng của Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Số đầu tiên ra mắt vào đúng lúc Mỹ bắt đầu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chúng tôi biên tập một số bài bàn về chuyển hướng công tác tổ chức - xây dựng Đảng bảo đảm hai nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Tạp chí mở nhiều chuyên mục: có luận văn truyền đạt và hướng dẫn quán triệt đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác xây dựng Đảng, có bài viết của các đồng chí lãnh đạo ở ngành, địa phương và cơ sở giới thiệu và trao đổi kinh nghiệm về công tác tổ chức, có mục giới thiệu lần lượt học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng của Bác Hồ về xây dựng Đảng. Tờ tạp chí được cán bộ trong ngành hồ hởi đón nhận, đánh giá là có nội dung thiết thực bổ ích, số lượng phát hành tăng nhanh.

Khoảng hai năm sau, công việc của Trường Tổ chức - Kiểm tra Trung ương và Tạp chí *Xây dựng Đảng* đều đã phát triển và đi vào nền nếp. Lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương quyết định tách ra thành hai đơn vị riêng trực thuộc Ban. Đến đây Vụ Biên soạn đã hoàn thành nhiệm vụ giao cho nó ban đầu, được quyết định giải thể.

Anh Thọ rất quan tâm đến tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức - xây dựng Đảng, giáo dục đào tạo cán bộ tổ chức, công tác tư tưởng trong công tác tổ chức. Những năm này anh có khá nhiều bài nói, bài viết đăng trên báo *Nhân Dân*, trên Tạp chí *Học tập* (sau này là Tạp chí *Cộng sản*) có tính tổng kết về công tác tổ chức, có giá trị chỉ đạo thực tiễn, có tính chiến đấu cao phê phán uốn nắn những nhận thức sai lầm trong công tác tổ chức, được nhiều cán bộ, đảng viên quan tâm nghiên cứu.

Theo tôi nhận thức, trong những năm chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh và sau đó là đồng chí Lê Duẩn cùng tập thể Bộ Chính trị đã rất quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, đã hình thành hệ thống quan điểm, nguyên tắc, phương châm về xây dựng Đảng khá hoàn chỉnh từ

vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về Đảng vào thực tiễn Việt Nam. Trong đó, anh Lê Đức Thọ có phần đóng góp tích cực.

III

Mùa Xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi vẻ vang, Tổ quốc ta được thống nhất trong độc lập tự do. Nhưng nhân dân ta hưởng hòa bình chưa được bao lâu thì Pôn-pốt nặng đầu óc dân tộc cực đoan đã gây ra cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam xâm phạm chủ quyền lãnh thổ và tàn sát dã man đồng bào ta. Chúng ta tỏ rõ thiện chí, cố gắng thương lượng giải quyết hòa bình các tranh chấp nhưng không thành. Bên nước Lào anh em, các thế lực đế quốc cùng bè lũ phỉ tay sai ráo riết hoạt động phá hoại. Trên biên giới phía Bắc nước ta những ngày đó, tình hình cũng diễn biến rất phức tạp - như mọi người đều biết.

Tình hình, nhiệm vụ mới lại đặt ra những yêu cầu mới to lớn về công tác tổ chức. Vấn đề lớn và khó nhất về tổ chức lúc đó là điều động bố trí lại cán bộ đáp ứng những nhiệm vụ mới về tăng cường cho các huyện, xã biên giới và làm nghĩa vụ quốc tế giúp cách mạng Lào và Campuchia. Đảng cần điều động hàng nghìn, hàng nghìn lượt cán bộ, đảng viên đi làm các nhiệm vụ trên, lại trong điều kiện cán bộ, bộ đội và nhân dân ta vừa ra khỏi hai cuộc kháng chiến cứu nước lâu dài, mọi người mới được sống trong hòa bình, các gia đình đoàn tụ chưa được bao lâu. Nhưng nhờ lòng yêu nước, tinh thần quốc tế trong sáng, tính tổ chức kỷ luật cao của cán bộ, đảng viên ta, mọi người đều xác định được trách nhiệm của mình, nghiêm chỉnh chấp hành nhiệm vụ mới mà Đảng giao cho. Tôi cũng nghĩ sự chỉ đạo thực hiện đầy quyết tâm, sự đôn đốc ráo riết cùng với uy tín của anh Lê Đức Thọ đã góp phần không nhỏ vào thành công của những cuộc điều động cán bộ quy mô rất lớn ngày ấy.

Theo phương hướng chỉ đạo của anh Thọ vạch ra, anh em trong Ban Tổ chức Trung ương chúng tôi lập kế hoạch cụ thể,

tính toán nhu cầu cán bộ cho các huyện và xã biên giới căn cứ theo đề xuất của tỉnh vùng này, phân bổ chỉ tiêu điều động cho các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Khu 4 cũ, rồi xét duyệt danh sách từng người bảo đảm chọn đúng cán bộ tốt đủ tiêu chuẩn quy định. Có tới mấy trăm huyện uỷ viên ở các tỉnh, thành miền xuôi đã được điều động lên củng cố biên giới phía Bắc. Công việc quy mô lớn như vậy nhưng đã được hoàn thành trong có vài tháng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ lúc đó.

Ở Lào, trước tình hình phức tạp do các thế lực phản động trong và ngoài nước gây ra, Đảng Nhân dân cách mạng Lào yêu cầu Việt Nam đưa chuyên gia sang giúp. Đảng ta đã đáp ứng yêu cầu của bạn cử chuyên gia sang giúp trên một số lĩnh vực. Năm 1978, theo chỉ thị của anh Thọ, Ban Tổ chức Trung ương đã cử đoàn chuyên gia tổ chức sang giúp bạn kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng. Đoàn gồm có tôi, anh Vũ Oánh - Vụ trưởng, anh Đức - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ Nghệ Tĩnh, rồi tiếp sau có anh Quán - Vụ trưởng và một số đồng chí khác.

Ở Campuchia, những cán bộ, đảng viên tốt ly khai với Pôn-pốt từ nhiều nguồn đã tập hợp nhau, tổ chức lại Đảng, chính quyền, Mặt trận và quân đội cách mạng Campuchia. Theo yêu cầu của bạn, Đảng và Chính phủ ta đã cử chuyên gia sang giúp trên một số lĩnh vực công tác mà bạn chưa có nhiều kinh nghiệm.

Ban Tổ chức Trung ương theo chỉ đạo của anh Thọ cũng đã san sẻ một phần cán bộ chủ chốt sang giúp bạn về công tác xây dựng Đảng. Từ cuối năm 1978, anh Vũ Oanh, Phó ban, các anh Vụ trưởng Lê Huy Bảo, Đặng Hồng Tinh, Lê Dân và nhiều vụ phó, chuyên viên đã được cử đi giúp bạn. Tới cuối năm 1979, khi anh Vũ Oanh và mấy anh trên do nhu cầu công tác phải về nước, thì theo chỉ thị của anh Thọ, tôi lại từ Lào chuyển qua làm Phó Ban B 68 kiêm trưởng đoàn chuyên gia tổ chức giúp Campuchia. Rồi lần lượt nhiều đồng chí vụ trưởng, vụ phó, chuyên viên của Ban như anh Oánh, anh Hà, anh Hoàng, anh

Cần... sang tham gia đoàn chuyên gia tổ chức cùng với tôi. Mấy năm sau khi bạn đã trưởng thành, các đoàn chuyên gia chúng ta hoàn thành nhiệm vụ lần lượt rút về nước.

Đảng ta đã giúp cách mạng Lào và Campuchia với tinh thần quốc tế trong sáng, với tấm lòng bè bạn thủy chung. Anh Lê Đức Thọ đã đóng góp một phần tích cực vào sự nghiệp đó.

IV

Trên cương vị người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của Đảng trong nhiều năm, anh Thọ đã dành nhiều công sức vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta.

Anh đòi hỏi các đồng chí làm công tác quản lý cán bộ ở Ban Tổ chức Trung ương phải đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu từng cán bộ thuộc trách nhiệm quản lý, hiểu rõ quá khứ đã dành, mà phải nắm chắc việc thực hiện nhiệm vụ hiện nay được Đảng giao phó, kết quả hoàn thành, ưu điểm, khuyết điểm thế nào, triển vọng ra sao. Anh phê bình cách quản lý hời hợt chỉ đánh giá cán bộ trên lý lịch "chết" mà không sâu sát công việc của cán bộ, báo cáo chung chung là "cán bộ tốt", là "lập trường vững" hoặc "chưa vững" mà không nắm chắc phẩm chất và năng lực của cán bộ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước.

Anh phê phán tình trạng sự vụ, kinh nghiệm chủ nghĩa "dảng vụ đơn thuần", anh đòi hỏi cán bộ tổ chức phải nắm chắc, bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng, phải hướng công tác tổ chức vào phục vụ nhiệm vụ chính trị. Anh đề xướng phải xây dựng quy hoạch cán bộ, phải phát hiện và bồi dưỡng cán bộ kế cận, phải chủ động chuẩn bị cán bộ trong những nhiệm vụ tương lai, không bị động, nước đến chân mới nhảy.

Anh luôn đòi hỏi anh em công tác ở Ban Tổ chức Trung ương phải ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, trau dồi đạo đức cách mạng, rèn luyện phong cách làm việc sâu sát, cụ thể, có phương pháp tư tưởng đúng, khoa học khi xem xét sự

vật và con người. Anh chú trọng nhắc nhở cán bộ tổ chức phải trung thực, công tâm, khách quan, đối xử với cán bộ không được xen cảm tình hoặc thành kiến cá nhân, phải khiêm tốn, không được cậy quyền thế, không được lộng quyền.

Công tác cán bộ rất quan trọng mà cũng thật là khó. Đánh giá cán bộ cho chính xác đã không dễ, sử dụng, bố trí cán bộ cho đúng lại là cả một khoa học và nghệ thuật của người lãnh đạo.

Trong đội ngũ cán bộ ở mấy thập kỷ 60 - 80 thế kỷ XX, nhiều đồng chí ưu tú ở các ngành, các địa phương đã được phát hiện, bồi dưỡng, đề bạt và trưởng thành. Tôi nghĩ trong này có phần công lao đáng kể của anh Thọ.

Người đời bên cạnh mặt mạnh không ai là không có mặt yếu. Trong hoạt động cách mạng, bên cạnh ưu điểm, không ai là không có khuyết điểm. Trong công tác cán bộ - một công tác rất khó khăn, lại càng như vậy. Bên cạnh nhiều việc làm đúng, làm tốt, có trường hợp này hoặc trường hợp nọ, do không được thông tin đầy đủ hoặc trong bối cảnh lịch sử cụ thể nào đó, dẫn tới sự đánh giá cán bộ thiếu chuẩn xác, sự bố trí sử dụng sai hoặc không phù hợp, kỷ luật quá nặng hoặc quá nhẹ..., âu cũng là điều khó tránh hoàn toàn được. Điều quan trọng là phải có tấm lòng trong sáng, công tâm, cố gắng không để xảy ra những khuyết điểm lớn gây hậu quả nặng nề, và một khi thấy sai phải nghiêm túc sửa chữa. Qua một số năm sống và làm việc gần anh Lê Đức Thọ, tôi nghĩ anh là một con người như vậy.

Vào những ngày đầu của năm 2000 này, trong không khí vui mừng kỷ niệm lần thứ 70 ngày thành lập Đảng, tôi ghi lại mấy dòng hồi ức về anh Lê Đức Thọ với tấm lòng kính trọng một người anh lớn của Ban Tổ chức Trung ương, của ngành tổ chức của Đảng ta.

NHỚ ANH LÊ ĐỨC THỌ

Nguyễn Đình Hương*

Tôi được phục vụ công tác cho anh Thọ trong nhiều năm kể từ năm 1956 cho đến lúc anh lâm bệnh hiểm nghèo. Trong quãng thời gian đó có lúc anh Thọ được Bộ Chính trị phân công vào công tác ở miền Nam, đi đàm phán với Mỹ ở Hội nghị Pari, đi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; thời gian tôi ở gần anh nhất là từ sau năm 1976, vào các thời điểm mà tôi và một vài anh em khác được phân công giúp anh Thọ chuẩn bị Đại hội lần thứ IV, rồi Đại hội lần thứ V, và lần thứ VI của Đảng. Qua thời gian giúp việc cho anh Thọ chuẩn bị nhân sự cho ba Đại hội Đảng, có thời gian vì công việc quá nhiều và dồn dập nên tôi phải đến làm việc tại nhà riêng anh Thọ. Đây là chưa kể công việc hằng ngày, công tác cán bộ cũng khá nhiều việc. Trong niềm thương tiếc vô hạn của tôi đối với anh Sáu Thọ, tôi chỉ xin viết một số nét mà anh Sáu Thọ đã để lại trong ký ức của tôi. Qua mấy chục năm phục vụ công tác nhân sự, bên cạnh anh, tôi thấy rõ anh là một cán bộ lãnh đạo xuất sắc và có nhiều tài năng. Là một đồng chí lãnh đạo trong Ban Thường vụ Trung ương, trong Bộ Chính trị phụ trách công tác tổ chức của Đảng nhiều năm nhất, anh đã dốc hết công sức của mình để chăm lo cho công việc chung của Đảng và cho công tác xây dựng Đảng. Chỉ riêng công tác cán bộ, tôi thấy ở anh mấy nét nổi bật sau:

- Một là tính quyết đoán cao, dám chịu trách nhiệm, không trù trừ, không tránh né và cũng dám nhận cái sai về phía mình,

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương Đảng,
- Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

không đổ lỗi cho người khác. Anh thường tâm sự với chúng tôi: làm công tác cán bộ đã khó nhưng hiểu cán bộ lại là điều khó hơn, "thức lâu mới biết đêm dài", nói chung đánh giá cán bộ đúng 70 - 80% cũng là tốt rồi. Bởi vì: trong thực tế đã diễn ra có cán bộ khi chưa có quyền lực thì khác, khi đã có quyền lực rồi thì mới bộc lộ hết khuyết tật; có cán bộ trong điều kiện thuận buồm xuôi gió thì không sao, song khi không được thỏa mãn tham muốn của mình thì lại buồn phiền, bất mãn, oán trách tổ chức. Cố nhiên nói 70 - 80% không có nghĩa là nói đến diện cán bộ chủ chốt nhất trong Bộ Chính trị, các đồng chí chủ trì cơ quan cấp cao của Nhà nước.

- Hai là làm việc rất tập trung, không phân tán. Anh cho rằng nếu việc gì cũng làm, thì chẳng có việc gì làm đến nơi đến chốn. Vào dịp chuẩn bị nhân sự Đại hội Đảng, anh dành hầu như 70 - 80% thời gian cho công việc đó; có lúc anh tâm sự, tập trung làm đến như vậy mà còn có sai sót.

- Ba là rất cụ thể, không chỉ nghe qua cơ quan chức năng báo cáo. Khi có vấn đề gì quan trọng, anh trực tiếp đến kiểm tra tận nơi. Tôi còn nhớ có lần một cán bộ bị bắt, khai ra cho một đồng chí bộ trưởng. Chưa tin báo cáo của cơ quan chức năng, anh xuống tận nơi và trực tiếp hỏi cán bộ đó; kết quả đã giải oan cho đồng chí bộ trưởng. Những trường hợp tương tự, anh đều trực tiếp kiểm tra lại để hiểu thực chất vấn đề.

- Bốn là tính thẳng thắn, bộc trực đối với cán bộ; khi có dư luận về chuyện này chuyện khác thì anh mời lên hỏi và nói thẳng. Anh thường nhắc nhở anh em chúng tôi là phải khách quan, trung thực và thương yêu cán bộ, không được nói điều xấu của cán bộ với người khác khi không có mặt người cán bộ đó, điều tối kỵ đối với cán bộ làm công tác tổ chức là "yêu nên tốt, ghét nên xấu". Khi anh được Trung ương phân công phụ trách tổ chức, điều đầu tiên là chọn cán bộ làm Phó trưởng Ban. Có những lúc cân nhắc ba, bốn người mới chọn một. Anh ghét nhất là tính nói dối, không trung thực, trước mặt cán bộ thì nói tốt cho được lòng, vắng mặt thì lại nói khác, kể cả trong cuộc

sống hằng ngày, nếu cán bộ không trung thực mà được giao giữ chức vụ lãnh đạo sẽ rất không tốt. Anh thường nhấn mạnh tính trung thực của cán bộ, kể cả đối với người giúp việc cho anh.

- Năm là rất nghiêm khắc với sai lầm, nhưng lại rất bao dung độ lượng đối với cán bộ thành khẩn nhận sai lầm; ở nhiều trường hợp cán bộ có khuyết điểm, anh yêu cầu phải kiểm điểm đến nơi đến chốn, nói thẳng với cán bộ, không xuê xoa mơn trớn. Nếu qua nhắc nhở đôi ba lần mà cán bộ không sửa chữa thì phải có xử lý nghiêm; ngược lại, nếu cán bộ biết được sai lầm và quyết tâm sửa thì thái độ của anh là khuyến khích, giúp đỡ, thân ái, không định kiến. Có cán bộ bị kỷ luật mà hoàn cảnh gia đình có khó khăn, anh nhắc nhở Ban Tổ chức giúp đỡ, không vì cán bộ phạm khuyết điểm mà xa lánh và không quan tâm đến cuộc sống của anh em. Anh thường dặn là làm cách nào để ngăn chặn được cán bộ phạm sai lầm mới là tốt, còn để cho cán bộ phạm sai lầm phải xử lý thì chẳng hay gì. Có những việc rất nhỏ mà tôi còn nhớ mãi: đó là những cán bộ khi được giao chức vụ thì chị vợ thường lợi dụng cương vị của chồng để làm những điều không hay, gây tai tiếng; ngoài việc trực tiếp gặp cán bộ để nhắc nhở nếu cần, anh thường bảo chúng tôi một năm phải gặp các chị đó và nhắc nhở khéo để các chị giữ uy tín cho chồng.

- Chính anh cũng rất mẫu mực và nghiêm khắc đối với gia đình. Anh sống rất giản dị từ ăn, mặc, đi lại đến cả trang bị trong nhà, cũng không đòi hỏi cầu kỳ. Anh thường nhắc nhở chị và các cháu phải giữ gìn không được sử dụng quá tiêu chuẩn mà Đảng, Nhà nước đã quy định. Tôi được làm việc nhiều ngày tại nhà riêng của anh, nên được gần gũi những người trong gia đình, kể cả các đồng chí thư ký, bác sĩ, bảo vệ, nhân viên phục vụ; các đồng chí đều thừa nhận ở anh Sáu Thọ tấm gương sáng về lối sống lành mạnh và giản dị.

Vào thời gian chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng lần thứ VII, anh Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư có yêu cầu anh đóng góp ý kiến; song lúc này bệnh tình của anh ngày một nặng, anh thấy không còn điều kiện để đi sâu sát cán bộ nữa nên chỉ dặn dò

anh em chúng tôi những điều mà anh muốn nói trong công tác nhân sự và xây dựng Đảng nói chung.

Anh Thọ đã đi xa nhưng công lao của anh đối với Đảng, với đất nước, tài năng và đức độ của anh còn để lại những hình ảnh tốt đẹp trong nhiều cán bộ, nhất là những cán bộ đã từng công tác với anh hoặc giúp việc anh trong những năm chiến tranh ác liệt, trong công tác tổ chức, trong Hội nghị Pari và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Anh Sáu Thọ kính mến!

Xa anh đã 10 năm¹, sắp đến ngày giỗ anh, những đồng chí lãnh đạo, bạn bè của anh, và những người đã giúp việc anh đang nhớ về anh. Mỗi người xuất phát từ lòng thương nhớ anh và gọi lại những ký ức về anh để viết. Trong khuôn khổ của một quyển sách nhiều người viết về anh, tôi cũng chỉ viết những điều in đậm vào ký ức của tôi trong những năm tháng giúp việc anh về công tác cán bộ.

Công lao và sự nghiệp cống hiến của anh đối với Đảng và đất nước hết sức to lớn về nhiều mặt. Trong một cuốn sách này làm sao mà chúng tôi viết hết được. Càng thương anh bao nhiêu, càng nhớ lại những lời anh dặn bấy nhiêu. Mong anh nhận lấy ở chúng tôi tấm lòng chân thành và thương nhớ anh vô hạn.

1. Năm 2000 (B.T).

ANH LÊ ĐỨC THỌ - TÍNH KIÊN ĐỊNH CÁCH MẠNG VÀ TINH THẦN ĐỔI MỚI QUA BỐN LẦN CHUẨN BỊ VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG

Lê Huy Bảo*

Tôi được giao trực tiếp và cùng với các đồng chí có trách nhiệm của Ban Tổ chức Trung ương Đảng giúp đồng chí Lê Đức Thọ chuẩn bị Điều lệ Đảng và các Văn kiện về xây dựng Đảng tại các Đại hội lần thứ III, lần thứ IV và lần thứ V của Đảng. Đến Đại hội lần thứ VI, anh Lê Đức Thọ chỉ làm Trưởng Tiểu ban nhân sự Đại hội, nhưng vì vấn đề nhân sự có liên quan đến vấn đề đổi mới cơ cấu tổ chức các cơ quan Trung ương nên anh đã phối hợp với anh Nguyễn Đức Tâm chỉ đạo việc xây dựng Nghị quyết số 34-NQ/TW (tháng 7-1986) của Bộ Chính trị về kiện toàn tổ chức và qua đó cho ý kiến cả về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Các Văn kiện Đại hội là công trình tập thể của toàn Đảng, do Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội Đảng quyết định cuối cùng. Tuy nhiên người chịu trách nhiệm trước Trung ương về dự thảo văn kiện, tổng hợp, phân tích lý lẽ về các ý kiến khác nhau để đề nghị tập thể quyết định, giữ vai trò quan trọng. Anh Lê Đức Thọ đã làm tốt các khâu này: Các nội dung quan trọng thể hiện trong các dự thảo do anh chịu trách nhiệm chỉ đạo và các ý kiến do anh đề xuất, ủng hộ và đề nghị tiếp thu, đã được Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội các cấp và toàn quốc về cơ bản chấp nhận.

Qua các Văn kiện nói trên nổi lên mấy điểm lớn về tính

* Nguyên Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.

kiên định cách mạng và tinh thần đổi mới trong công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức mà anh Lê Đức Thọ là một đồng chí tiêu biểu.

Một là: Kiên trì khẳng định tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng và từng bước hệ thống hóa, hoàn thiện các nguyên tắc cơ bản thể hiện bản chất của Đảng.

Trong thập kỷ 60 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xét lại hiện đại xuất hiện rõ ở một số đảng anh em. Kiên trì những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện mới của một nửa đất nước được giải phóng, với đường lối đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, và thực tế khách quan ở cả hai miền đất nước, Đảng ta cần và có điều kiện để làm rõ tính chất Đảng, nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, ngăn chặn những thiên hướng, nhận thức sai lầm đã và có thể xảy ra trong Đảng.

Điều lệ Đảng do Đại hội Đảng lần thứ III thông qua khẳng định: "ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân..."¹. "Đảng đại biểu quyền lợi của giai cấp công nhân, đồng thời đại biểu quyền lợi của nhân dân lao động và quyền lợi của dân tộc"². Tại Đại hội lần thứ IV, V, VI của Đảng, Điều lệ Đảng được sửa đổi lại: "Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc".

Cũng chính từ Đại hội lần thứ IV, trên cơ sở tổng kết toàn diện tính chất Đảng và nghệ thuật chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, Đại hội đã đưa vào Điều lệ Đảng một cách toàn diện các nguyên tắc cơ bản cả về chính trị, tư tưởng và về tổ chức, các phương châm xây dựng Đảng, với những nội dung mới để bảo đảm bản chất của Đảng với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân đã cầm quyền.

1,2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr. 777.

Về chính trị, tư tưởng khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, chỉ ra các yếu tố bảo đảm cho Đảng có đường lối độc lập, tự chủ đúng đắn, nhằm ngăn chặn nguy cơ sai lầm về đường lối của Đảng cầm quyền, khẳng định nguyên tắc kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh nước lớn. Về tổ chức, ghi rõ các nguyên tắc toàn diện bảo đảm cho Đảng thực sự là một khối thống nhất ý chí và hành động, có liên hệ chặt chẽ với nhân dân trong điều kiện mới.

Điều lệ đã ghi rõ các phương châm xây dựng Đảng một cách đồng bộ bảo đảm cho việc chỉ đạo công tác xây dựng Đảng được đúng đắn, được tiến hành một cách chủ động và có sáng tạo. Các phương châm cũng chính là những nguyên tắc về chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, vì nếu làm sai lệch một phương châm nào đó, công tác xây dựng Đảng nhất định sẽ chệch sang mặt này hay mặt khác và do đó cũng không bảo đảm tốt bản chất của Đảng.

Việc khẳng định những nguyên tắc, phương châm trên đây một cách đúng đắn phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam là một bước tiến mới về lý luận của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng. Không phải ngẫu nhiên mà có Đảng anh em đã cho đăng toàn văn phần mở đầu "Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng" trong Điều lệ của Đảng ta, sau Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Với các quy định mới trong phần mở đầu của Điều lệ Đảng, Đảng ta vẫn khẳng định được bản chất giai cấp của Đảng, đồng thời cũng khẳng định vai trò lịch sử của mình đối với dân tộc, được nhân dân thừa nhận là Đảng của chính mình, của dân tộc mình, không biến Đảng thành "Đảng toàn dân", một nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô và một số đảng khác.

Hai là: Góp phần phát triển lý luận về xây dựng Đảng của một Đảng cầm quyền đưa đất nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng khi đề cập đến *cơ cấu tổ chức* bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân dưới chế độ ta chỉ rõ: "Trong cơ cấu tổ chức chung của cả xã hội, Đảng, Nhà nước, nhân dân là một tổng thể thống nhất, trong đó Đảng là người lãnh đạo, nhân dân lao động là người làm chủ tập thể, Nhà nước là người quản lý"¹.

Chính trên quan điểm này về một Đảng cầm quyền, Đảng ta là Đảng đầu tiên trong các đảng mácxít cầm quyền đã đưa vào Điều lệ Đảng một chương riêng với tiêu đề: "Sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức nhà nước và tổ chức quần chúng". Nội dung của chương này thực chất là khẳng định nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị. Chính dự thảo Điều lệ của Đảng Cộng sản Liên Xô lúc chuẩn bị cho Đại hội XXIX (trước khi Đảng này sụp đổ năm 1991) mới bổ sung chương này.

Các nội dung, nguyên tắc về xây dựng Đảng và nhiều quy định cụ thể được đề cập trong các Điều lệ Đảng và các báo cáo về xây dựng Đảng, và về sửa đổi Điều lệ Đảng tại bốn kỳ Đại hội nói trên đã rất chú trọng bổ sung các nội dung có tác dụng góp phần phát triển lý luận về Đảng cầm quyền của giai cấp công nhân.

Khi Điều lệ Đảng khẳng định, bổ sung nội dung "Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc"² vào nguyên tắc cơ bản và chung nhất, thể hiện bản chất Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là đã khẳng định rõ ràng vị trí mới của Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền, là người lãnh đạo duy nhất đối với dân tộc, đại diện lợi ích của cả dân tộc.

1,2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr. 810, 916.

Trong điều kiện hòa bình, lãnh đạo đất nước phát triển kinh tế, văn hóa, đời sống xã hội, Đảng ta cần rất coi trọng quyền làm chủ của dân gắn liền với thực hiện chế độ dân chủ nội bộ Đảng, đồng thời cũng thấy rằng chủ nghĩa cá nhân, nguồn gốc sâu xa của nhiều nguy cơ như sự sa sút về nhiệt tình cách mạng và tình đồng chí, tính bản vị, cục bộ, tệ tham nhũng, sách nhiễu nhân dân, sự tha hóa biến chất trong lối sống và tệ quan liêu, xa quần chúng (như Lênin và Hồ Chí Minh đã chỉ rõ) có điều kiện để phát triển. Các báo cáo về xây dựng Đảng tại các kỳ Đại hội nói trên đã phân tích đề cập nhiều về mặt lý luận và thực tiễn, về các nguy cơ đó và đã thể hiện tinh thần các nội dung cơ bản về đặc điểm của Đảng cầm quyền vào các nguyên tắc về xây dựng Đảng, đồng thời có các quy định cụ thể vào Điều lệ Đảng nhằm ngăn chặn khắc phục các mặt tiêu cực.

Về mặt tổ chức, thay vì đề cập riêng rẽ ở phần mở đầu của Điều lệ Đảng một số nguyên tắc từ trước đã đề cập đến như tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, liên hệ với quần chúng, Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV đã có những bổ sung, sửa đổi quan trọng.

Về nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết khẳng định một cách khái quát nguyên tắc Đảng phải là "một khối thống nhất về ý chí và hành động", trong đó trình bày một cách có hệ thống các nguyên tắc khác bảo đảm sự thống nhất này trong điều kiện Đảng cầm quyền.

"ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM là một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh"¹. Tiếp đó đề cập các nguyên tắc khác thể hiện dân chủ và kỷ luật nhằm bảo đảm sự đoàn kết thống nhất đó.

Khi Lênin nói về cơ sở của sự đoàn kết thống nhất của Đảng đã nhấn mạnh hai mặt: đường lối chính trị và nguyên tắc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr. 920.

tổ chức của Đảng. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV nhấn mạnh thêm một ý: "Cơ sở của truyền thống *đoàn kết, thống nhất của Đảng* là đường lối, chính sách đúng đắn, thấm nhuần tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Cơ sở ấy được củng cố bằng tình cảm cách mạng trong sáng và tình thương yêu đồng chí sâu sắc của những người cộng sản đã tạo nên sức mạnh phi thường của Đảng ta"¹.

Các Điều lệ Đảng từ Đại hội IV đến Đại hội VI trong phần Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng quy định: "Đảng coi việc giữ gìn *đoàn kết nhất trí* trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị và nguyên tắc tập trung dân chủ là sinh mệnh của Đảng và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái trong Đảng. Giữa cán bộ, đảng viên phải xây dựng tình thương yêu đồng chí sâu sắc"².

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không dừng lại ở việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ Đảng.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội IV đã chỉ rõ "bảo đảm cho *đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, các quy tắc sinh hoạt Đảng, kế hoạch Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa được triệt để chấp hành* là nội dung cơ bản của việc tăng cường kỷ luật của Đảng trong điều kiện Đảng nắm chính quyền"³, và cũng chỉ rõ: "Lúc này, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng gắn liền với nguyên tắc tập trung dân chủ trong bộ máy Nhà nước, với việc xác định vị trí mỗi cấp, phân công trách nhiệm quản lý một cách đúng đắn nhất là về kinh tế".

Phát triển thêm một bước thể hiện tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) năm 1978, Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội lần thứ V đã chỉ rõ

1,2,3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.37,

những tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đối với công tác xây dựng Đảng và đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm thúc đẩy đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế và qua đó mà Đảng tăng cường chất lượng của việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.

Về nguyên tắc liên hệ với quần chúng trong điều kiện Đảng cầm quyền, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV đã chỉ rõ: "Trong mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, vấn đề đặt ra hiện nay không phải chỉ là Đảng và Nhà nước động viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước đề ra, cũng không phải chỉ là sự mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước nhằm thu hút quần chúng đóng góp ý kiến một cách chủ động, có sáng tạo vào công việc chung của Đảng và Nhà nước, mà hơn thế nữa, còn phải xây dựng bằng được một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân với cơ chế hoàn chỉnh và những biện pháp có hiệu lực, nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa"¹. Trong Điều lệ Đảng, thay vì chỉ nói đến nguyên tắc "đi đường lối quần chúng" phần nào nặng về phương pháp công tác, phong cách lãnh đạo, ở phần "Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng" đã đề cập sâu hơn cả về bản chất và phương pháp: "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM liên hệ chặt chẽ với quần chúng, không ngừng chăm lo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản"².

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, chẳng những Đảng liên hệ với quần chúng thông qua tổ chức Đảng, đảng viên, cán bộ

tr. 826 - 827, 921, 838.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd*, t.37, tr. 817 - 818.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd*, t.37, tr. 919.

và các đoàn thể nhân dân như trước, mà điều mới là Đảng còn phải thông qua Nhà nước mà liên hệ một cách rộng rãi và chặt chẽ với nhân dân trên mọi mặt đời sống xã hội. Bởi vậy coi trọng xây dựng tổ chức và phát huy vai trò của Nhà nước đã được phân tích kỹ càng trong các văn kiện của các Đại hội nói trên. Điều lệ Đảng ngoài chương nói về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, còn quy định trong phần mở đầu của Điều lệ Đảng khi đề cập đến mối liên hệ với quần chúng cũng như trong các điều cụ thể về nhiệm vụ của cấp uỷ, của tổ chức cơ sở Đảng, của đảng viên đều quy định việc phải coi trọng xây dựng Nhà nước, tuân theo pháp luật một cách chặt chẽ.

Về phương châm xây dựng Đảng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, khi chưa giành được chính quyền, Đảng ta nhấn mạnh phương châm: "Trải qua đấu tranh mà trưởng thành". Khi Đảng đã có chính quyền, phương châm này từng bước được phát triển tương đối toàn diện, nhất là từ cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở Đảng theo bốn yêu cầu (lãnh đạo sản xuất và chiến đấu; chấp hành chính sách; công tác vận động quần chúng; công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức; và gắn xây dựng chi bộ với nâng cao chất lượng đảng viên: "chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt"...) từng bước được tổng kết, hoàn chỉnh và nâng cao trong quá trình chuẩn bị Đại hội lần thứ IV của Đảng với Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương khóa III được ghi thành năm phương châm xây dựng Đảng. Các phương châm này được bổ sung và đưa vào Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV với vị trí là một trong các vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng.

Cũng trong Điều lệ Đảng được thông qua tại các kỳ Đại hội IV, V, VI, trước khi đề cập đến các phương châm xây dựng Đảng, Đảng ta đã khẳng định một nguyên tắc cơ bản của Đảng cầm quyền: "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM coi việc không ngừng xây dựng và củng cố Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr. 921.

Nguyên tắc đó cũng đồng nghĩa với việc xác định "xây dựng Đảng là then chốt" ngày nay, và cũng thể hiện quan điểm chống đa nguyên đa đảng đối lập và khuynh hướng xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Nghiên cứu kỹ Điều lệ Đảng và các Văn kiện Đại hội về công tác xây dựng Đảng từ khi Đảng cầm quyền, nhất là từ Đại hội lần thứ IV, chúng ta có quyền tự hào về sự quán triệt vận dụng có sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta trong từng thời kỳ, nhất là đã góp phần phát triển lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện của một nước vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến. Không phải ngẫu nhiên mà sau khi Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, có đại diện của một Đảng anh em yêu cầu gặp đại diện của Đảng ta và phát biểu về đại thể: Điều lệ Đảng của các đồng chí rất mácxít - léninnít, nhưng rất Việt Nam; rất coi trọng các yếu tố về Đảng cầm quyền, coi trọng vai trò của nhân dân và của chính quyền nhân dân; và hỏi có phải các đồng chí đã tổng kết phong trào Cộng sản Quốc tế không?

Ba là: Đổi mới công tác tổ chức gắn liền với đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, đưa công tác tổ chức đi trước một bước nhằm thúc đẩy đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Có ý kiến phê phán công tác tổ chức thường trì trệ không đáp ứng kịp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Điều này nhiều lần Đảng ta đã tự phê bình và chắc sẽ còn phải đề cập đến nhiều. Ở đây xin nói đến một ưu điểm của công tác tổ chức với tinh thần đổi mới trước thời kỳ đổi mới và đã góp phần thúc đẩy việc xây dựng đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội lần thứ VI.

Đầu năm 1978, Bộ Chính trị giao cho anh Lê Đức Thọ chuẩn bị Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khóa IV) với chủ đề kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc. Lúc này trong Ban Tổ chức Trung ương có hai loại ý kiến: tập trung giải quyết những mặt còn yếu kém về xây dựng Đảng

và bộ máy tổ chức; ý kiến khác là phải đi từ sửa đổi về quản lý kinh tế thì mới xây dựng Đảng, kiện toàn tổ chức tốt được. Đồng chí Lê Đức Thọ vốn nhạy cảm với thực tiễn ủng hộ ý kiến thứ 2 và kết hợp chặt chẽ với anh Nguyễn Duy Trinh để chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương xây dựng dự thảo Nghị quyết này. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) đã thảo luận bản dự thảo và ra Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 27-7-1978 về Kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

Nghị quyết này đi từ xác định yêu cầu đổi mới cơ cấu kinh tế và phương thức quản lý kinh tế để tiến hành kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc. Bộ Chính trị nhất trí với dự thảo và cho rằng thông thường thì quyết định về đổi mới kinh tế phải đi trước thì sửa đổi về tổ chức mới thuận chiều. Nhưng nếu như vậy thì chậm. Bộ Chính trị nhất trí trình Trung ương là Hội nghị Trung ương lần này "tuy chủ đề là tổ chức, chế độ làm việc nhưng đối với một số vấn đề đã chín muồi về cơ cấu kinh tế và quản lý kinh tế, cũng có thể và cần đề cập nhất là về vị trí, nhiệm vụ của cơ sở, địa phương, của ngành... Như thế Hội nghị bàn về tổ chức và chế độ làm việc lần này đặt thêm cơ sở cho việc nghiên cứu cụ thể hóa cơ cấu kinh tế và phương thức quản lý mới" (sau này gọi là cơ chế quản lý mới).

Nghị quyết số 10-NQ/TW, khóa IV (1978) đã chỉ rõ "do chưa nắm vững quy luật kinh tế và khoa học tổ chức, do chậm sửa chữa những khuyết điểm kéo dài trong tổ chức và chế độ làm việc, nên hiện nay bộ máy của chúng ta *kém hiệu lực*"¹ và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, trong đó nhấn mạnh: "*Cần đổi mới sâu sắc về quan điểm xây dựng tổ chức; đổi mới cách chỉ đạo*"²..., "*Về kinh tế, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải xuất phát từ những đòi hỏi của việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới... và phương thức quản lý mới*"³. Tiếp đó Nghị quyết đã đi ngay vào xác định vị trí, nhiệm vụ của cơ sở, trong đó có đoạn nói rõ: "Các cơ sở của nền

kinh tế quốc dân... là nơi trực tiếp diễn ra ba cuộc cách mạng; là nơi thể hiện cụ thể quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm sự nhất trí giữa quyền lợi của cả nước với quyền lợi của tập thể và quyền lợi của từng người lao động" (tức là ba lợi ích). Nghị quyết giao quyền tự chủ về tài chính cho đơn vị cơ sở, yêu cầu "cơ sở phải thực hiện cho được chế độ *hạch toán kinh tế*"⁴ và cho phép "các cơ sở có quyền *đặt quan hệ kinh tế trực tiếp* với các đơn vị kinh tế khác, với các viện nghiên cứu và trường học bằng những hợp đồng về phân công và hợp tác sản xuất, về cung ứng vật tư, về tiêu thụ sản phẩm, về vận chuyển hàng hóa, về đào tạo công nhân, về áp dụng và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật"⁵. Đó chính là những yếu tố đầu tiên của sự chuyển đổi cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế quản lý mới, cơ chế thị trường mới.

Đi từ phân tích vị trí, nhiệm vụ của cơ sở và các cấp, Nghị quyết đề cập đến việc hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật: "Tùy điều kiện mà lập nhóm sản phẩm, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty, và giao chức năng trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh cho các tổ chức kinh tế ấy"⁶. Trên cơ sở đó phân biệt chức năng quản lý Nhà nước của các bộ với chức năng trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế.

Nghị quyết xác định năm chức năng quản lý nhà nước của các bộ và chỉ ra phương hướng giải pháp tinh giản bộ máy của bộ, chuyển các chức năng quản lý cụ thể về các đơn vị kinh tế; bỏ cục, giảm vụ với chức năng vụ chỉ làm tham mưu không có quyền chỉ đạo đơn vị kinh tế, v.v.. Trên cơ sở đổi mới chức năng của cơ quan quản lý nhà nước, hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật mà đổi mới tổ chức nhà nước, từng bước giảm bộ, khắc phục hành chính hóa, quan liêu hóa trong các đoàn thể, cải tiến sự lãnh đạo của Đảng, khắc phục các mặt tiêu cực trong Đảng, ngoài xã hội, v.v.. Đó là một quá trình gắn liền đổi mới cơ cấu kinh tế, cải tiến phương thức quản lý với kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc.

1,2,3,4,5,6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.39,

Tiếp theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 27-7-1978, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 20-11-1980 về Công tác tổ chức (Thực hiện một sự chuyển biến sâu sắc về tổ chức nhằm tăng cường lãnh đạo và quản lý nhất là về kinh tế). Nghị quyết này cụ thể hóa và uốn nắn việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và đề ra yêu cầu *"phải có một sự đổi mới sâu sắc có tính cách mạng về quan điểm xây dựng tổ chức và cải tiến công tác quản lý"*¹ (tức đổi mới tư duy). Cùng với việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trong đó cho phép thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở miền Nam, việc thực hiện các Nghị quyết trên đây đã đem lại những chuyển biến bước đầu với Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư, các Nghị định 25/CP, Nghị định 34/CP của Hội đồng Bộ trưởng về đổi mới quản lý trong nông nghiệp, công nghiệp, v.v.. Tiếp đó, sau khi đã hình thành trên 60 liên hiệp các xí nghiệp, và Tổng công ty ở một số ngành, Bộ Chính trị ra dự thảo Nghị quyết số 306 ngày 8-4-1986 về Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; Bộ Chính trị cũng đã ra Nghị quyết số 34-NQ/TW (tháng 8-1986) về Kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực của bộ máy, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Nghị quyết này hoàn thiện một bước các nguyên tắc và giải pháp về đổi mới tổ chức gắn với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, mở rộng chống tập trung quan liêu sang cả các ngành, đơn vị sự nghiệp, và quyết định sáp nhập các bộ thấy đã chín muồi, giảm bớt một số ban ở Trung ương, và chủ trương bớt nhiều cơ quan trực thuộc Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa IV) đến Nghị quyết số 34-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa V) là một quá trình từng bước đổi mới tổ chức gắn liền việc đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, khác với một số nước

tr. 317, 318, 318 - 319, 321, 321 - 322, 330.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.41, tr. 446.

khác trong "cải tổ" đã đặt vấn đề sáp nhập các bộ không đi từ cải cách cơ chế quản lý ở cơ sở.

Tư tưởng chỉ đạo về đổi mới tổ chức gắn với đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội được thể hiện rõ nét trong các văn kiện về xây dựng Đảng được thông qua tại các Đại hội lần thứ V và lần thứ VI, đặc biệt được thể hiện xuyên suốt các phần của Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội V. Khi đề cập đến tệ quan liêu, Báo cáo nhấn mạnh trước hết tệ quan liêu trong việc đề ra chính sách, pháp luật và chỉ rõ: "Cần chấm dứt tình trạng quan liêu mệnh lệnh không thấy hết tác hại của việc dùng biện pháp hành chính đơn thuần thay cho biện pháp kinh tế và giáo dục, quản lý kinh tế theo lối hành chính quan liêu bao cấp, nuôi mọi hoạt động bằng tiền của Nhà nước"..., "làm cho mọi hoạt động của bộ máy không tính toán hiệu quả kinh tế mà chỉ cần "xin lệnh cấp phát" từ trên xuống, nhất là làm theo quy định gò bó đã lỗi thời, thiếu vận dụng các chủ trương, biện pháp vào điều kiện mới", v.v..

Chỉ riêng việc thay cụm từ "nâng cao *năng lực* quản lý của Nhà nước" trong Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ VI bằng cụm từ "nâng cao *hiệu quả* quản lý của Nhà nước" cũng đã có ý nói đến bên cạnh yếu tố "năng lực" còn có các yếu tố tổng hợp khác tạo nên hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, trong đó một yếu tố cực kỳ quan trọng là Đảng và Nhà nước phải đề ra được cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý đúng.

Tư tưởng chỉ đạo về đổi mới tổ chức gắn liền với quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý là một tư tưởng chỉ đạo có tính chiến lược sẽ còn tồn tại lâu dài bởi vì đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội bản thân nó là một quá trình lâu dài, một Đảng cầm quyền phải coi trọng điều đó.

*

* *

Tinh kiên định về nguyên tắc và tinh thần đổi mới thể

hiện trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội nói trên cũng phản ánh tính kiên định về nguyên tắc và tinh thần đổi mới, một trong những đức tính được thể hiện khá rõ trong anh Lê Đức Thọ không chỉ trên lời nói, trong các bài viết, mà cả trong việc làm cụ thể. Được sự giáo dục của Đảng, của Bác Hồ, lại trải qua rèn luyện thử thách ở khắp các mũi nhọn của đấu tranh cách mạng trên nhiều lĩnh vực, trong anh thể hiện rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy nhạy cảm và đức tính thẳng thắn đấu tranh với mọi biểu hiện tiêu cực, nhất là bệnh chủ quan, nóng vội hoặc bảo thủ, trì trệ trên các mặt công tác, ngay cả trong công tác tổ chức mà anh chịu trách nhiệm.

Nhân dịp Đảng tròn 70 tuổi, và ngày giỗ lần thứ 10¹ của anh, xin nhớ lại đôi điều về anh mà tôi là một nhân chứng trực tiếp qua bốn kỳ Đại hội Đảng.

1. Năm 2000 (B.T).

ANH SÁU THỌ VỚI CÁN BỘ TỔ CHỨC

Vũ Trọng Kiên*

Là một trong những cán bộ công tác lâu năm ở Ban Tổ chức Trung ương và qua nhiều năm làm việc dưới sự chỉ đạo của anh Sáu Thọ, chủ yếu là về công tác cán bộ, tôi cũng như một số đồng chí đã được anh chỉ bảo nhiều. Từ ngày anh đi xa, mỗi khi nhắc tới anh, nhất là vào ngày giỗ anh, đến gia đình thấp nén hương tưởng niệm anh, tôi lại nhớ những lời anh dặn dò, chỉ bảo trong hội nghị có đông cán bộ cùng dự cũng như nhiều khi làm việc trực tiếp với anh trong căn phòng tiếp khách hoặc dưới hầm sâu, lúc phải tránh máy bay giặc Mỹ tại nhà riêng của anh.

Những điều anh Thọ nói về công tác tổ chức thì rất nhiều và sâu sắc. Sau đây tôi chỉ xin thuật lại một số điều mà anh thường nhắc nhở, chỉ bảo.

Xây dựng Đảng là một quá trình thống nhất bao gồm xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng và về tổ chức. Cả ba mặt công tác đó có quan hệ khăng khít với nhau, nếu tách rời hoặc xem nhẹ mặt nào thì đều không thể làm tốt mặt kia và không thể xây dựng Đảng vững mạnh.

Nếu Đảng không được xây dựng vững chắc trên lập trường tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, không vạch ra được đường lối chính trị rõ ràng, đúng đắn thì việc xây dựng tổ chức sẽ không có phương hướng, không có nội dung chính xác.

Bản thân việc xây dựng tổ chức phải tuân theo những

* Nguyên: - Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương,
- Trưởng Ban Tổ chức Chính phủ.

nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, phục vụ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng. Nên một trong những vấn đề mà anh Thọ thường nhắc nhiều là cán bộ tổ chức phải quán triệt quan điểm kết hợp chặt chẽ các mặt xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng, và về tổ chức; đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc như "Đảng vụ đơn thuần", tách rời các mặt đó trong bản thân ngành tổ chức cũng như trong các cấp uỷ và trong cán bộ các ngành khác.

Vì vậy, công tác tổ chức là một công tác hết sức trọng yếu và rộng lớn. Chỉ riêng công tác tổ chức của Đảng, chủ yếu là công tác cán bộ, công tác đảng viên và quản lý đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở và các cấp uỷ Đảng, kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách và nghị quyết về công tác tổ chức của Đảng cũng đã quan trọng và nặng nề biết chừng nào. Nó có quan hệ mật thiết tới nhiệm vụ chính trị, phải bảo đảm cho nhiệm vụ chính trị của Đảng được thực hiện. Công tác này không phải chỉ một mình cơ quan tổ chức làm nhưng Ban Tổ chức Trung ương với chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và các cấp uỷ Đảng giữ vai trò rất quan trọng.

Để có thể giúp cấp uỷ làm tốt công tác tổ chức xây dựng Đảng, cán bộ tổ chức một mặt phải ra sức học tập, nghiên cứu nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng, mặt khác tình hình thực tế của Đảng, của cách mạng nước ta không ngừng phát triển, nên cán bộ tổ chức còn phải thường xuyên quan tâm nghiên cứu sâu đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng, nắm vững tình hình thực tiễn và đặc điểm của Đảng ta, cách mạng nước ta trong từng giai đoạn, cũng như nắm vững tình hình đặc điểm của địa phương mình, ngành mình để từ đó suy nghĩ vận dụng đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh và có sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về xây dựng Đảng. Đồng thời cán bộ tổ

chức còn phải học tập không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, xã hội, về chiến tranh nhân dân; và hoạt động ở ngành nào phải có những hiểu biết cần thiết về chuyên môn kỹ thuật của ngành đó.

Anh còn thường nhấn mạnh một vấn đề rất quan trọng đối với cán bộ tổ chức là rèn luyện tu dưỡng đạo đức cách mạng. Anh nói: Nếu như tu dưỡng đạo đức cách mạng là yêu cầu đối với mọi cán bộ, đảng viên thì đối với cán bộ tổ chức, yêu cầu đó đặt ra càng cấp thiết. Cán bộ nào kém đạo đức cách mạng, mắc chủ nghĩa cá nhân cũng đều gây tác hại. Nhưng chủ nghĩa cá nhân ở cán bộ tổ chức có thể gây tác hại trong một phạm vi rộng lớn hơn nhiều, nhất là đối với những đồng chí làm công tác cán bộ. Ở lĩnh vực này, nếu cán bộ tổ chức thiếu công tâm, không khách quan, cảm tình riêng với ai thì nhấn nhiều mặt tốt, có định kiến xấu với ai thì nói nhiều mặt dở, làm cho cấp uỷ hoặc đồng chí phụ trách hiểu sai cán bộ, sẽ gây tác hại lớn. Chẳng những không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, mà còn làm tổn hại đến sinh mệnh chính trị của cán bộ, làm cho nội bộ lung củng mất đoàn kết. Cán bộ tổ chức phải chặt chẽ với bản thân, nghiêm khắc rèn luyện, nêu cao tinh thần chí công vô tư, đức tính trung thực, luôn đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Nhiều lần anh Thọ căn dặn chúng tôi, trong công tác tổ chức thì công tác cán bộ giữ một vị trí rất quan trọng. Phải hết sức quan tâm đến cán bộ và công tác cán bộ, giải quyết kịp thời tất cả cái gì có thể giải quyết được đối với cán bộ. Cán bộ thường có nhiều yêu cầu chính đáng trong cuộc sống liên quan đến quyền lợi về tinh thần, về vật chất của mỗi người, nên cấp uỷ và các đồng chí có trách nhiệm phải coi trọng xem xét, giải quyết. Tuy đó là công việc của cấp uỷ nhưng cấp uỷ không làm sao nắm được tất cả mọi việc, cho nên có quyết định hay không, có thực hiện được tốt hay không là do cơ quan tổ chức. Vì chúng ta là người nghiên cứu, người theo dõi hiểu biết cán bộ, nếu chúng

ta không báo cáo thì cấp uỷ không biết để quyết định. Nên đối với công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, chúng ta phải đem hết nhiệt tình cách mạng của mình để làm công tác đạt kết quả tốt. Anh còn nói, từ trước tới nay chúng ta đã có những cố gắng nhưng có thể nói chưa đầy đủ, chưa cố gắng hết sức trong việc giải quyết yêu cầu của cán bộ và nếu chưa làm cho cán bộ thấy cơ quan tổ chức là nơi mình có thể gửi gắm lòng tin thì đó là một khuyết điểm cần chú ý sửa chữa.

Anh luôn nhắc chúng ta phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, rèn luyện phương pháp tư tưởng và tác phong công tác đúng đắn. Công tác tổ chức cán bộ đòi hỏi chúng ta phải theo sát tình hình và nhiệm vụ chính trị của Đảng, của mỗi địa phương, mỗi ngành, xem xét phân tích tình hình trên nhiều mặt. Phải nắm vững đường lối, phương châm chính sách của Đảng nhưng lại phải đi sâu, cụ thể, nhất là khi tìm hiểu cán bộ. Nhận xét đánh giá từng người cán bộ, không thể chung chung, đại khái, nhưng cũng tránh sa đà vào những việc vụn vặt mà bỏ sót những việc lớn, nhất là đối với cán bộ giữ cương vị phụ trách. Do đó cần phân công, phân nhiệm cho rõ ràng. Ban Tổ chức là cơ quan trung tâm, phối hợp các cơ quan có trách nhiệm. Khi đã phân công, phân cấp quản lý rõ thì phải theo dõi sát, kiểm tra chặt chẽ.

Những lần nghe chúng tôi báo cáo về cán bộ, nhất là việc nhận xét đối với số cán bộ giữ chức vụ chủ chốt ở những ngành trọng yếu, anh Thọ thường hỏi chúng tôi rất kỹ; nếu thấy có vấn đề quan trọng hoặc còn có mắc mứu, mà xét thấy khả năng chúng tôi có hạn, anh kiên quyết sắp xếp thì giờ trực tiếp gặp gỡ cán bộ đó. Tôi nhớ có lần anh nổi nóng, phê bình chúng tôi là tìm hiểu vấn đề của cán bộ không sâu sát, không chắc chắn, nhưng rồi lại động viên, khuyến khích. Anh nói và anh thông cảm với chúng tôi vì công tác cán bộ khi đi vào từng con người thường gặp những vấn đề rất khó, cán bộ cũng là con người, có tư tưởng diễn biến mà ta không dễ thấy. Đối với cùng một cán bộ, thường có những nhận xét, đánh giá khác nhau, nên phải

nghiên cứu sâu, tìm hiểu kỹ. Muốn hiểu biết cán bộ đúng, điều quan trọng là phải tìm hiểu kết quả công tác của cán bộ. Nhưng công việc của cán bộ phải đảm nhiệm mỗi ngày một chuyên sâu, mà khả năng, trình độ kiến thức của cán bộ tổ chức thì còn nhiều hạn chế cho nên phải cố gắng học hỏi mới đáp ứng được nhiệm vụ.

Nhiều lần anh nhắc chúng tôi: Cán bộ tổ chức là người nắm lý lịch của cán bộ, hiểu biết nhiều điều bí mật của cán bộ. Vì thế cần phải tuyệt đối giữ bí mật. Những nhận xét về cán bộ, lý lịch của cán bộ không được đem nói lung tung với những người không có trách nhiệm. Nếu làm như vậy sẽ gây lúng củng trong nội bộ Đảng, làm cho cán bộ thối nản. Đó là điều mà mọi cán bộ ở cơ quan tổ chức phải chú ý.

Anh thường nói với chúng tôi, cán bộ tổ chức phải có tình thương và quý trọng cán bộ, coi cán bộ là vốn quý nhất mà Đảng phải đào tạo rèn luyện rất công phu, phải chăm lo săn sóc cán bộ trong công tác cũng như lúc ốm đau, cần thăm hỏi, giúp đỡ khắc phục khó khăn, kể cả khi cán bộ phạm sai lầm đến mức bị thi hành kỷ luật cũng không vì thế mà xa lánh. Trong lúc hoàn cảnh kinh tế của đất nước trong những năm trước đây có rất nhiều khó khăn, ngân sách còn nghèo nàn, anh vẫn chủ trương Ban Tổ chức Trung ương cần có một khoản tiền để trợ cấp cho một số cán bộ cao cấp, lão thành cách mạng tuổi cao, sức yếu có nhiều bệnh tật và một số là trí thức tiêu biểu. Số tiền tuy ít nhưng thể hiện tình cảm đối với cán bộ trong lúc cuộc sống khó khăn, anh còn giao cho mấy anh em chúng tôi thay phiên nhau hằng tuần đến thăm số cán bộ đau ốm do Trung ương quản lý nằm ở các bệnh viện.

Tình cảm của anh Thọ đối với cán bộ lúc ốm đau đã để lại trong tôi những dấu ấn không quên được. Tôi nhớ mấy lần bản thân tôi phải nằm bệnh viện để mổ thủng thận và lần bị chảy máu dạ dày nghiêm trọng; mặc dù lúc đó rất bận công việc, anh đã dành thì giờ đến thăm, an ủi động viên tôi. Những ngày hội đàm tại Pari, mặc dù đang cùng một số đồng chí phải đấu tranh

căng thẳng trên bàn Hội nghị, anh Thọ vẫn nhớ tới số cán bộ ốm đau, sức khỏe giảm sút nhiều, trong đó có tôi, anh đã giao cho bác sĩ bảo vệ sức khỏe mua thuốc gửi về cho chúng tôi chữa bệnh và bồi bổ cơ thể. Nhận mấy hộp thuốc của anh từ bên Pháp gửi về, chúng tôi rất cảm động.

Anh Thọ đi xa đã 10 năm¹, nhưng mỗi khi Ban Tổ chức Trung ương bảo tôi tham gia ý kiến vào công tác tổ chức xây dựng Đảng và những lần dự cuộc gặp mặt hàng năm của cán bộ hưu trí của Ban, tôi lại nhớ tới anh Thọ, anh Lương và số đồng chí đã công tác lâu năm ở Ban Tổ chức Trung ương, nay không còn nữa. Nhớ tới các anh, tôi nghĩ cần cố gắng đóng góp ý kiến vào công tác tổ chức khi Đảng yêu cầu.

1. Năm 2000 (B.T).

**ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ,
NGƯỜI ANH CẢ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ
LÀM CÔNG TÁC TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG
VÀ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

Lê Quang Thường*

Với lòng kính trọng sâu sắc nhà cách mạng lão thành, người anh cả của đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ ở Việt Nam, chúng tôi là những cán bộ làm công tác tổ chức thuộc thế hệ sau, xin có đôi lời, như là để dâng một bông hoa và thắp một nén nhang tưởng nhớ, nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh và lần thứ 21 ngày mất của đồng chí Lê Đức Thọ cùng trong tháng 10-2011 này!

Chúng tôi mãi mãi ghi nhớ đồng chí, là một trong những người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã góp phần to lớn vào việc đặt nền móng cho công tác tổ chức của Đảng và của hệ thống chính trị ở nước ta, ngay từ ngày đầu dựng nước, phần lớn thời gian trong cả hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược và trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước những năm hòa bình, cho đến khi đồng chí qua đời. Đồng chí được Đảng phân công trực tiếp phụ trách công tác tổ chức của Trung ương từ tháng 8-1945 đến cuối tháng 12-1948; Trưởng ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam từ năm 1949 đến năm 1954; Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng các thời kỳ: 1956 - 1973, 1976 - 1982; Bí thư Thường trực phụ trách công tác tổ chức của Đảng kiêm Trưởng ban Tổ chức Trung ương những năm 1980 - 1982,

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.

Trưởng Tiểu ban nhân sự Đại hội VI của Đảng năm 1986. Đó là một người kiên trung, tâm huyết với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; có tài năng xuất sắc, đa dạng, không chỉ trong công tác tổ chức, mà cả ở những lĩnh vực trọng yếu khác, như tư tưởng, ngoại giao, nội chính, quân sự... Đó là một trong những cán bộ lãnh đạo của Đảng, đã biến nhà tù đế quốc, thực dân thành trường học cách mạng; từng trải và hiểu biết sâu rộng tình hình Đảng và tình hình đất nước từ Bắc chí Nam; có nhiều sáng kiến và quyết đoán trong công việc, chân tình với mọi người.

Đồng chí nêu yêu cầu rất cao đối với công tác tổ chức là phải: "Chuyển mạnh công tác tổ chức, nâng trình độ tổ chức lên kịp trình độ chính trị"¹ của Đảng và nhân dân. Đồng chí Lê Đức Thọ có vinh dự và trách nhiệm chủ trì việc tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng để chuẩn bị, tiến hành và trực tiếp trình bày các báo cáo quan trọng này ở ba đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng: Đại hội lần thứ III (năm 1960), Đại hội lần thứ IV (năm 1976), Đại hội lần thứ V (năm 1982). Những quan điểm, chính sách, giải pháp và kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức, cán bộ thể hiện trong các báo cáo đó cho tới nay vẫn còn những giá trị lý luận và thực tiễn đúng đắn, cần tiếp tục được quán triệt và thực hiện, như: "Chúng ta phải chăm lo giữ vững và phát huy truyền thống liên hệ với quần chúng của Đảng, đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện xa rời quần chúng để có thể phát động đông đảo quần chúng dốc hết sức lực, tài năng cống hiến vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà..."²; hoặc: "Bảo đảm cho tổ chức Đảng có tính năng động cao, có cơ cấu tổ chức phù hợp, có kỷ luật nghiêm minh và có tác phong chỉ đạo sâu sát..."³; hoặc: "... tiến hành đổi mới việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, *bố trí đúng* và bảo đảm tính kế thừa trong việc xây dựng đội ngũ cốt cán... bảo đảm sự vững vàng

1. Tạp chí *Cộng sản*, số tháng 2-1962.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr. 661.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.37, tr. 797.

của Đảng trong mọi tình thế..."¹.

Trong công tác cán bộ, một thời gian dài đồng chí đã chủ trì, cùng với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, với sự giúp sức của Ban Tổ chức Trung ương, các ban khác và các cấp uỷ Đảng tập trung làm tốt công tác tuyển lựa, đào tạo, điều động, bố trí nhiều lớp cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể quân sự, kinh tế, văn hóa và những cán bộ cốt cán của Đảng làm công tác tổ chức, trong đó có nhiều cán bộ xuất sắc, góp phần bảo đảm cho sự thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến cứu nước và việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Tại Hội nghị cán bộ toàn quốc chuẩn bị Đại hội VI của Đảng (năm 1986), đồng chí đã phát biểu một nhận xét thực tế, rút ra từ kinh nghiệm trong công tác cán bộ, làm cho người nghe phải suy nghĩ nhiều, là trong công việc, ai mà chẳng có ưu, có khuyết, làm công tác cán bộ thật quan trọng và khó khăn, chỉ có thể bố trí đúng và phát huy được vai trò, tác dụng tốt của khoảng 60 đến 70% trường hợp mà thôi! Đó cũng là một lời tự phê bình nghiêm túc và thành khẩn của đồng chí về công tác cán bộ do mình phụ trách, theo tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật" để sửa chữa và đổi mới lúc bấy giờ.

Cùng trong thời gian này, với sự chỉ đạo của đồng chí, một số nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng đã được chuẩn bị, thông qua và triển khai thực hiện có nhiều chuyển biến tích cực, cho tới nay vẫn còn lưu lại trong tâm trí của nhiều người và trong kết quả thực tiễn công tác tổ chức, cán bộ của Đảng, như: Chỉ thị của Ban Bí thư số 45-CT/TW ngày 2-6-1978 Khẩn trương đẩy mạnh việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) số 10-NQ/TW, ngày 27-7-1978 về Kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới; Nghị quyết của Bộ Chính trị số 32-NQ/TW, ngày 20-11-1980 về Công tác tổ chức (Thực hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 272.

một sự chuyển biến sâu sắc về tổ chức nhằm tăng cường lãnh đạo và quản lý nhất là về kinh tế)...

Chúng tôi có một thời gian ngắn được làm việc và trực tiếp nghe những lời chỉ giáo của đồng chí về những vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ, khi đồng chí trực tiếp phụ trách công tác tổ chức của Đảng, đặc biệt là trong thời gian chuẩn bị và tiến hành Đại hội VI - Đại hội đổi mới của Đảng. Chúng tôi học tập được ở đồng chí thái độ nghiêm túc, sâu sát trong công việc, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến thấy là đúng của cộng sự và người dưới quyền. Lưu lại trong trí nhớ của chúng tôi hình ảnh của đồng chí - một chính khách cương nghị, có giọng nói âm vang, mạnh mẽ khi gặp những vấn đề gay cấn, hoặc trầm ấm, nhẹ nhàng khi cần thuyết phục, tâm tình với những người cùng làm việc với mình.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã nêu một tấm gương cho những người làm công tác tổ chức của Đảng và của hệ thống chính trị ở đất nước ta hôm nay và mai sau.

NHỚ MỘT LẦN ĐI CÔNG TÁC VÀ LÀM VIỆC VỚI ANH SÁU

Nhà báo Hữu Thọ*

Thời gian công tác ở Báo *Nhân Dân*, thỉnh thoảng tôi được một số đồng chí lãnh đạo gọi lên hỏi ý kiến hoặc giúp việc này việc khác. Với đồng chí Lê Đức Thọ (thường gọi thân mật là anh Sáu, hoặc anh Sáu Thọ) thì cho tới cuối năm 1979, tôi chưa từng được làm việc nhưng đã từng biết anh là đồng chí lãnh đạo Đảng rất có uy tín, rất sắc sảo và tôi đã từng nghe anh "nói vo" suốt hai buổi rất hùng hồn, khúc triết với những phân tích rất sâu sắc về thời cuộc tại Hội trường lớn Nguyễn Ái Quốc. Tôi có nguyên tắc là đồng chí nào gọi thì lên làm việc, còn không tự động xin gặp ai, cho nên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp mà tôi theo dõi, viết bài lại không phải là lĩnh vực đồng chí Lê Đức Thọ phụ trách cho nên tôi ít được gặp đồng chí.

Thế rồi, tôi nhớ là từ giữa năm 1980, thỉnh thoảng Văn phòng anh Sáu lại gọi tôi lên làm việc. Vào thời đó, sau khi có Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) với những quan điểm và chính sách có phần cởi mở, nhiều địa phương đã sáng tạo những mô hình sản xuất mới, thể hiện trong thực tiễn sự quan tâm trước hết tới lợi ích người lao động trong mối quan hệ ba lợi ích, "để cho sản xuất bung ra", từ việc cho gia đình xã viên mượn đất của hợp tác xã để trồng màu, rồi bán trâu, bán máy kéo cho xã viên để khỏi có tình trạng "cha chung

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Tổng Biên tập Báo *Nhân Dân*,
- Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

không ai khóc" ở Hà Sơn Bình; đặc biệt là chia đất "khoán chui" ở Đoàn Xá, Hải Phòng và nhiều nơi khác... Mô hình mới, chủ trương mới nào cũng có ý kiến đánh giá khác nhau, thậm chí tranh luận với nhau rất gay gắt, chụp mũ nhau rất nặng nề và nhiều người còn rụt rè tỏ rõ chính kiến vì ám ảnh chuyện cay đắng của anh Kim Ngọc (Vĩnh Phúc) hơn 10 năm trước. Thời gian này, tôi hoạt động rất xông xáo, viết nhiều bài điều tra đăng trên Báo *Nhân Dân*. Cũng nói cho công bằng thì có những bài của tôi ca ngợi mô hình làm ăn kiểu cũ nhưng dần dần do tiếp xúc thực tiễn, lắng nghe nông dân và cán bộ cơ sở, khuynh hướng ủng hộ các mô hình mới hình thành ngày càng rõ ràng trong các bài viết của tôi.

Việc xã hội, nhân dân quan tâm thì cũng là những vấn đề mà các đồng chí lãnh đạo hết sức quan tâm. Có thể do thấy tôi viết nhiều bài điều tra về những vấn đề mà các đồng chí lãnh đạo quan tâm cho nên có một số đồng chí lãnh đạo, trong đó có anh Sáu Thọ gọi tôi lên hỏi ý kiến, có đồng chí khen ngợi, cổ vũ, có đồng chí nhắc nhở cần thận trọng. Khi được tin anh Sáu gọi lên làm việc tại nhà riêng ở số 6 Nguyễn Cảnh Chân, tôi hơi ngại ngại vì cái uy và sự sắc sảo của anh mà tôi đã biết nhưng quan trọng hơn là cái tiếng "Sáu Búa" mà anh em miền Nam hay nói khi nhắc tới anh. Nhưng khi tiếp xúc, làm việc với anh, tôi thấy không khí rất thoải mái. Mở đầu, rất sòng phẳng, anh nói ngay: "Các bài báo của cậu tôi đã đọc, gọi cậu lên đây để cậu nói thêm những gì chưa viết, cứ nói cho thoải mái". Nghe anh nói thế, tôi biết anh là người quen làm việc và hiểu cánh nhà báo chúng tôi, vì có người từng nói "Nhà báo thường viết ra một nửa những điều họ nghĩ". Tuy nhiên, lúc đầu, tôi cũng dè dặt, chỉ nói thêm một phần những suy nghĩ của mình, những suy nghĩ quan trọng nhất vẫn chưa dám nói.

Tình hình tranh cãi về khoán sản phẩm rồi cũng chấm dứt khi Ban Bí thư có Thông báo số 22 vào cuối năm 1980 và đặc biệt là Chỉ thị 100 "khoán tới nhóm và người lao động" vào tháng Giêng năm 1981. Tưởng mọi sự đã êm mà vẫn không êm vì sau

một vụ sản xuất, có đoàn đại biểu kinh tế của Liên Xô sang nghiên cứu tình hình, Trưởng đoàn là đồng chí Patsca, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô, người được giao phụ trách các chương trình viện trợ cho Việt Nam, nghĩa là một người có tiếng nói trọng lượng với lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Tôi nghe nói trong báo cáo gửi các đồng chí trong Bộ Chính trị có kiến nghị không nên tiếp tục thực hiện khoán sản phẩm. Báo cáo đó tôi được đồng chí thư ký của một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị cho "đọc trộm" chứ Báo *Nhân Dân* không phải là địa chỉ được nhận. Cho nên một buổi, anh Sáu gọi tôi lên hỏi: "Có ý kiến cho nông dân mượn đất trồng màu và chia ruộng khoán cho xã viên là làm suy yếu kinh tế tập thể, cậu thấy thế nào?". Một câu hỏi thẳng thừng, hóc búa, phải chăng anh muốn tôi có ý kiến về kiến nghị trong báo cáo kia, và theo tôi biết thì đó cũng là ý kiến của một số đồng chí lãnh đạo một ban của Đảng. Trong không khí đã quen làm việc thoải mái với anh Sáu, hôm đó tôi mạnh dạn trả lời: "Thưa anh, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp thì cho đến trước khi khoán sản phẩm, ruộng đất của hợp tác xã ở miền Bắc bỏ hoang tới một vạn hécta, chẳng nhẽ để đất bỏ hoang lại làm cho kinh tế tập thể vững mạnh hay sao? Còn theo tôi thì tác động của khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 đã rõ trên đồng ruộng trong hai vụ rồi, cũng có một số khuyết điểm khi thực hiện nhưng không phải do khoán theo Chỉ thị mà là chưa khoán thẳng đến gia đình cho nên nông dân chưa có đầy đủ trách nhiệm làm chủ trên đồng ruộng của mình". Thực ra trong tình hình bức xúc và lúc hăng lên thì tôi nói thẳng ra thế nhưng nói xong rồi thì run vì câu trả lời có phần "hỗn" và ý kiến của tôi đến lúc đó chưa dễ được chấp nhận. Tuy nhiên, nghe tôi nói thế, anh cũng không tỏ thái độ gì vì chắc rằng ý kiến của tôi cũng chỉ là một loại ý kiến anh nghe được.

Khoảng một tháng sau, vào mùa xuân năm 1982, Văn phòng của anh thông báo là anh đã nghe nhiều ý kiến của người phụ trách và các chuyên gia nhưng anh muốn trực tiếp đi khảo

sát thực tế; anh muốn đi một nơi mà ở đó còn có ý kiến phân vân với chủ trương khoán. Các anh ở ban và bộ nói là nên đi Thái Bình. Anh hỏi tôi: "Ý kiến của nhà báo thế nào?". Đúng là phong cách làm việc cẩn trọng, cụ thể của anh Sáu mà tôi đã từng nghe và đã có lần được chứng kiến khi theo anh đi khảo sát mấy buổi dân tình khu Phúc Xá ngoài bãi sông Hồng, nơi có "tình hình xã hội phức tạp" để anh chuẩn bị có ý kiến về an ninh Thủ đô. Tôi trả lời là các anh đã kiến nghị đúng địa phương anh Sáu cần đi nghiên cứu. Lãnh đạo tỉnh lúc đó là anh Bái - Bí thư, anh Trịnh - Chủ tịch, anh Đồng - Phó Bí thư, anh Hạng - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Nông nghiệp... đều là những đồng chí có ý thức tổ chức kỷ luật cao, do đó chắc sẽ chấp hành nghiêm túc Chỉ thị 100. Nhưng Thái Bình lại là địa phương đầu tiên đạt 5 tấn thóc một héc-ta mà quản lý theo cơ chế cũ, lại có Vũ Thắng là hợp tác xã điển hình cả nước, có đồng chí Nghị, Chủ nhiệm được mời đi báo cáo khắp nơi, đã đến báo cáo trước mấy trăm học viên chính trị cao cấp cả nước tại trường Nguyễn Ái Quốc, cho nên trong lòng một số đồng chí còn phân vân là có lý do. Văn phòng anh Sáu cho gọi anh Nguyễn Ngọc Trìu, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình và tôi là Ủy viên Ban biên tập, Trưởng Ban Nông nghiệp Báo *Nhân Dân*, đã nhiều lần viết bài về Thái Bình, đi theo cùng khảo sát, nhưng dặn: chỉ nghe rồi có ý kiến gì thì báo cáo riêng với anh Sáu, có thể vì anh ngại phát biểu của chúng tôi có thể gợi ý cho cơ sở báo cáo, làm cho báo cáo thiếu trung thực... Nghe báo cáo, thảo luận cả ngày rồi đi cơ sở, tôi thấy rõ khi hỏi cũng như khi phát biểu, anh Sáu dần dần tỏ thái độ dứt khoát ủng hộ tiếp tục khoán sản phẩm trong nông nghiệp, nhưng anh nhắc cần chú ý tới thu nhập, đời sống của các gia đình chính sách, gia đình neo đơn, ít lao động khi thực hiện cơ chế mới. Tôi hiểu là khi lắng nghe ý kiến nhiều chiều (trong đó có tôi là nhà báo) và việc trực tiếp đi khảo sát thực tiễn là để anh có ý kiến

với kiến nghị của Đoàn đại biểu kinh tế Liên Xô về chủ trương thực hiện khoán mới ở nước ta.

Từ đó, anh hay gọi tôi lên làm việc, chủ yếu hỏi tình hình nông nghiệp, nông thôn. Bỗng một hôm, sau buổi làm việc, anh nói với tôi: "Cậu nên sang Bộ Nông nghiệp làm Thứ trưởng giúp thêm anh Trìu mảng quản lý". Nghe thế, tôi giật mình vội thưa: "Thưa anh, tôi hiểu quản lý nông nghiệp chỉ đủ để viết báo chứ không đủ trình độ quản lý ngành nông nghiệp". Nghe tôi trả lời thế, anh cũng không nói gì thêm. Khi tiễn tôi, anh Bùi Ngọc, thư ký của anh nói: "Sao cậu chống lại ý kiến anh Sáu?". Tôi giật mình nói "mình có chống gì đâu, chỉ nói thật thôi để xin anh cho tiếp tục làm báo". Tôi về báo cáo lại với Tổng Biên tập Hoàng Tùng thì anh Tùng nói: "Anh Sáu có trao đổi ý kiến với tôi, nhưng ý kiến ông Trưởng Ban Tổ chức ấy thì không ai cãi được đâu, cậu bướng cũng không được". Thế là tôi phải chuẩn bị ra đi, cũng là một thứ đề bạt thêm một nấc nhỏ, tuy vậy tôi không vui vì phải bỏ nghề báo. Nhưng hai hôm sau, anh Ngọc ở văn phòng anh Sáu gọi điện đến nói: "Anh Sáu nói, thôi để cậu ấy ở lại làm báo, viết cho đúng về nông nghiệp cũng rất cần, nói để ông yên tâm!". Tôi rất mừng vì được tiếp tục làm báo và nghĩ là tôi đã có lần "dám cãi lại" anh Sáu mà anh cũng bao dung chấp nhận lời cãi hợp lý đấy chứ!

CỐNG HIẾN TO LỚN CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ Ở NAM BỘ THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Lê Toàn Thư

Tôi không có may mắn được ở tù chung với đồng chí Lê Đức Thọ, nhưng lại có may mắn là thư ký riêng của đồng chí, khi đồng chí lãnh trách nhiệm Trưởng phái đoàn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào Nam Bộ công tác tháng 9-1948. Lúc đó, đồng chí Lê Đức Thọ là Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách Trưởng Ban Đảng vụ (sau là Ban Tổ chức) Trung ương, kiêm Trưởng Ban Dân vận Trung ương...

Trước khi được Trung ương Đảng điều động tới làm việc trực tiếp với đồng chí Lê Đức Thọ, tôi đã nghe danh tiếng của đồng chí là một cán bộ xuất sắc trong Thường vụ Trung ương Đảng, được Bác Hồ rất thương yêu, quý mến, được Tổng Bí thư Trường Chinh lúc đó rất tin cậy, là cánh tay rất đắc lực của Thường vụ Trung ương Đảng, đặc biệt là trong công tác tổ chức cán bộ.

Đồng chí Lê Đức Thọ biết rất nhiều cán bộ của Đảng, rất hiểu cán bộ, vì đồng chí đã hoạt động lâu năm trong Đảng, đã kinh qua nhiều nhà tù của địch, nhất là đã ở Côn Đảo, Sơn La. Đồng chí rất quý mến, yêu thương cán bộ, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, mắc mứu, âu lo của cán bộ và thường tìm mọi cách giúp đỡ cho cán bộ trong công việc chung, cũng như trong đời tư... Đồng chí Lê Đức Thọ nổi tiếng là một "ông mai" giỏi (mai có

nghĩa là môi). Đồng chí đã xe tơ - kết tóc cho nhiều cặp cán bộ nên vợ nên chồng...

Tôi có may mắn được dự Hội nghị cán bộ toàn miền Bắc lần thứ 5 vào khoảng tháng 5-1948 tại Việt Bắc, dưới sự chủ tọa của cố Tổng Bí thư Trường Chinh, và có những ngày Bác Hồ đã tới dự. Quả tình, lời đồn không sai. Tại Hội nghị này, tôi được chứng kiến sự hoạt động sôi nổi của anh Lê Đức Thọ.

Tháng 9-1948, tại Việt Bắc, tôi được điều động từ Văn phòng Tổng bộ Việt Minh, mà tôi là Chánh Văn phòng, sang Ban Tổ chức Trung ương Đảng để đi công tác vào Nam Bộ với đồng chí Lê Đức Thọ; đồng chí Hoàng Quốc Việt, lúc đó là Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Tổng bộ Việt Minh nói với tôi như vậy.

Ngày hôm sau, tôi sang cơ quan đồng chí Thọ và từ đó liên lạc với đồng chí cho tới năm 1954 mới chia tay nhau. Tôi ở lại Nam Bộ thi hành Hiệp định Giơnevơ, đồng chí Thọ trở ra Hà Nội làm việc trong Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Biết bao kỷ niệm sâu sắc không thể nào quên với đồng chí Lê Đức Thọ. Nhưng sâu sắc nhất là những kỷ niệm, những bài học tôi đã học được ở đồng chí về công tác tổ chức cán bộ, công tác xây dựng Đảng...

Đồng chí Lê Đức Thọ là một đồng chí rất vui tính, dễ gần, dễ nói chuyện, dễ chan hòa. Tôi sống liên lạc với đồng chí trong suốt những ngày tháng đi đường dọc dài đất nước, từ Việt Bắc tới các miền Nam Bộ. Tình cảm thật là gắn bó, vừa là đồng chí, vừa là anh em!

Ngay ngày đầu tiên làm việc với đồng chí, đồng chí đã chỉ hỏi tôi về cán bộ, những cán bộ mà tôi đã cùng ở tù ở Hỏa Lò - Hà Nội và Côn Đảo. Thật là một cuộc hỏi hán dài, khá kỹ lưỡng về cán bộ mà tôi không thể đáp ứng đầy đủ được! Qua cuộc trò chuyện của đồng chí về cán bộ, tôi thấy mình nông cạn quá, biết ít quá về những đồng chí sống chung trong nhà tù, biết những điều không quan trọng.

Dọc đường đi từ Bắc vào Nam, trước khi tới Đồng Tháp

Mười, căn cứ của Xứ uỷ Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ có những buổi làm việc ngắn với một số tỉnh uỷ, khu uỷ. Sau khi nghe tình hình các mặt, bao giờ đồng chí cũng căn dặn: Phải xây dựng, củng cố Đảng trong lực lượng vũ trang, trong công an, trong vùng bị địch tạm chiếm, phát triển Đảng phải luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng, phải dìu dắt đảng viên mới trong công tác thực tế, phải mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho họ. Phải luôn luôn chăm lo củng cố chi bộ. Thực hiện phê bình và tự phê bình, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, đề phòng bọn địch chui vào trong Đảng, phá hoại Đảng từ bên trong.

Tôi được Đồng Tháp Mười vào khoảng tháng 5-1949, đồng chí vô cùng mừng rỡ được gặp lại các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, và bao đồng chí đã từng ở chung trong nhà tù, lần đầu được gặp các đồng chí trong Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ: Phạm Văn Bạch, Nguyễn Thành Vinh, Kha Vạng Cân, Phạm Ngọc Thuần...

Tôi đặc biệt khâm phục tình đoàn kết gắn bó keo sơn, không may mắn gặp sóng gió giữa anh Lê Đức Thọ với các anh trong Xứ uỷ Nam Bộ lúc đó, đứng đầu là anh Lê Duẩn, Bí thư Xứ uỷ. Tôi thấy rất rõ anh Thọ có lòng thương yêu, kính trọng rất sâu sắc với các anh trong Thường vụ Xứ uỷ, đặc biệt là với anh Lê Duẩn. Trong những lúc riêng tư, anh Thọ thường trò chuyện với tôi về anh Lê Duẩn. Anh Thọ coi anh Lê Duẩn như một người anh, có trình độ lý luận và thực tiễn cao, đặc biệt là tinh thần sáng tạo, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào tình hình thực tế của Việt Nam. Anh Thọ rất đồng ý với anh em đồng chí Nam Bộ gọi anh Ba Lê Duẩn là đồng chí "đơ xăng bu gi" (tiếng Pháp có nghĩa đen là hai trăm nển, nghĩa bóng là rất sáng, sáng chói). Anh Thọ nói với tôi: "Anh Ba (Lê Duẩn) có tầm nhìn chiến lược, rất sâu sắc, rất rộng lớn, luôn căn cứ vào tình hình thực tế Việt Nam, phân tích, nhận xét để có những chủ trương, chính sách đúng đắn, thích hợp. Tôi (anh Thọ) rất mến phục anh Ba. Tuy nhiên anh Ba có rất ít thì giờ để lo việc tổ chức thực hiện".

Bản thân tôi, rất đồng tình với anh Thọ về điều trên đây, và theo tôi, anh Thọ, một cán bộ đầu ngành của Trung ương về công tác tổ chức cán bộ, được Trung ương phái vào Nam Bộ công tác thực sự đã là một sự bổ sung tuyệt đẹp cho anh Lê Duẩn, cho phong trào cách mạng ở Nam Bộ. Tôi thấy anh Lê Duẩn và anh Sáu Thọ đã cộng tác, hợp tác với nhau rất chặt chẽ, rất đẹp đẽ, làm gương sáng cho toàn thể Đảng bộ Nam Bộ noi theo.

Tôi thấy công việc đầu tiên của anh Thọ lúc bấy giờ ở Nam Bộ là đã cùng Thường vụ Xứ uỷ rà soát lại cán bộ trong các cấp uỷ Đảng: trong các khu uỷ, tỉnh uỷ, đặc khu uỷ, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, rà lại, nắm lại các đồng chí chủ chốt của các cấp uỷ này. Tôi ngày càng thấm thía đây là một công việc cực kỳ quan trọng, mà trong bất cứ thời kỳ nào, Đảng ta cũng đều quan tâm. Bởi vì theo tôi nghĩ, cấp uỷ Đảng các cấp là đầu não của phong trào cách mạng cả một địa phương. Đầu não có trong sạch, vững mạnh, thì phong trào cách mạng địa phương mới vững mạnh... Nếu ngược lại thì tất cả sẽ rất xấu...

Qua việc rà soát lại cán bộ trong các cấp uỷ Đảng, tôi thấy anh Thọ đã đề nghị với Thường vụ Xứ uỷ một số biện pháp khá khẩn cấp mà vững chắc, chấn chỉnh kiện toàn ngay lập tức một số cấp uỷ mà kết quả đã tỏ rõ là rất cần thiết, rất đúng đắn. Đối với một số cấp uỷ, tuy có vấn đề cần chỉnh đốn, nhưng chưa nghiêm trọng và cấp bách, Thường vụ Xứ uỷ chủ trương giải quyết từng bước, thận trọng...

Chúng ta đều biết, sau Khởi nghĩa Nam Kỳ bị thất bại, Đảng bộ Nam Bộ bị tổn thương rất nặng nề. Nhiều cán bộ ưu tú của Đảng bị địch bắn giết, tù đày... Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bùng nổ, nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng, giành được chính quyền chưa đầy một tháng thì thực dân Pháp đã gây hấn trở lại, buộc nhân dân Nam Bộ phải tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống giặc ngoại xâm.

Tất cả đều được xây dựng từ đầu, từ cơ sở tổ chức Đảng, đến các đoàn thể quần chúng, chính quyền, lực lượng vũ trang cách mạng... Nhân dân Nam Bộ vừa đánh giặc, vừa xây dựng

lực lượng cách mạng, vừa trưởng thành trong lửa đạn chiến tranh! Nhân dân Nam Bộ lúc đó rất thiếu cán bộ. Như trong một đêm nọ, khi phái đoàn Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh mới đến Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn có nói với tôi: "Anh Thọ và các anh vào trong này là lực lượng lớn cán bộ tăng cường cho Nam Bộ. Tôi sẽ xin Trung ương cho các anh ở luôn trong này làm việc".

Đúng như thế, anh Thọ và chúng tôi đã được Trung ương cho ở lại công tác lâu dài ở Nam Bộ.

Anh Thọ và Thường vụ Xứ uỷ đã từng bước xây dựng, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ uỷ, lề lối làm việc ngày càng có nền nếp, quy củ hơn.

Văn phòng Xứ uỷ được tăng cường cán bộ theo dõi, nghiên cứu các mặt hoạt động của phong trào cách mạng Nam Bộ, của các chiến trường khu, tỉnh. Có một thời gian, vào khoảng 1951 - 1952, đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc đó là Xứ uỷ viên được điều động về làm Chánh Văn phòng Xứ uỷ Nam Bộ.

Đồng chí Lê Đức Thọ chỉ đạo trực tiếp các Ban Đảng vụ (sau này đổi thành Ban Tổ chức - Kiểm tra và sau nữa tách hẳn thành Ban Tổ chức riêng biệt do đồng chí Lê Đức Thọ làm Trưởng ban, tôi làm Phó Trưởng ban Thường trực). Điều đó cho ta thấy Thường vụ Xứ uỷ rất quan tâm đến việc củng cố, tăng cường Văn phòng Xứ uỷ và Ban Tổ chức Xứ uỷ. Nhiều Ban chuyên môn của Xứ uỷ được củng cố hoặc được thành lập mới như Ban Dân vận, các Ban Công vận, Nông vận, Thanh vận, Tôn giáo vận (bao gồm Cao đài vận, Hòa hảo vận, Công giáo vận...), Hoa vận, Khơme vận,... được thành lập, hoặc tăng cường cán bộ.

Riêng Ban Tuyên huấn của Xứ uỷ thì đã có từ lâu và là một ban mạnh của Xứ uỷ.

Thường vụ Xứ uỷ định kỳ hoặc thường mời các đồng chí phụ trách các khu uỷ, tỉnh uỷ về làm việc với Thường vụ Xứ uỷ và thường phái cán bộ xuống nắm tình hình ở các khu, tỉnh.

Nhờ vậy mà sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường vụ Xứ uỷ đối

với các khu, tỉnh, Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định được chặt chẽ thường xuyên hơn.

Đồng chí Lê Đức Thọ và Thường vụ Xứ uỷ rất quan tâm báo cáo tình hình Nam Bộ với Thường vụ Trung ương Đảng và Bác, và xin chỉ thị của Bác và Thường vụ Trung ương về những vấn đề cần thiết.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Thường vụ Trung ương, của Bác đối với chiến trường miền Nam được thực hiện thông suốt và chặt chẽ.

Sau khi ta rời căn cứ của Xứ uỷ Nam Bộ, từ Đồng Tháp Mười xuống miền Tây Nam Bộ và khi bộ máy làm việc của Xứ uỷ đã bước đầu ổn định, đồng chí Lê Đức Thọ đã chủ động đặt vấn đề với Thường vụ Xứ uỷ: mở lớp huấn luyện bồi dưỡng, nâng cao trình độ của cán bộ tỉnh, khu, lấy tên là Trường Trường Chinh, biệt danh của đồng chí Tổng Bí thư Trung ương Đảng ta lúc đó. Giảng viên là các đồng chí Xứ uỷ viên, các đồng chí phụ trách các ban, ngành chuyên môn của Xứ uỷ. Học viên lấy từ Ninh Thuận, Bình Thuận trở vào cho tới mũi Cà Mau.

Từ năm 1950, Trường Trường Chinh đã liên tục mở được ba khóa, cho tới năm 1954, là năm đình chiến, thi hành Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam mới ngừng hoạt động. Hàng trăm cán bộ trung, cao cấp đã được bồi dưỡng, nâng cao trình độ ở Trường Trường Chinh. Nhiều đồng chí hiện nay còn giữ nhiều kỷ niệm sâu sắc, đậm ấm về mái trường này.

Và trước khi Nam Bộ hoàn thành việc tập kết, chuyển quân ra miền Bắc theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam, đồng chí Lê Đức Thọ cũng đã là một trong những giảng viên chủ yếu của lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ trung, cao cấp các tỉnh, thành Nam Bộ, được phân công ở lại hoạt động bí mật ở Nam Bộ.

Tôi còn nhớ tiếng nói ân cần, lưu luyến của đồng chí căn dặn chúng tôi, những cán bộ ở lại hoạt động trong lòng địch: Phải tuyệt đối trung thành với lợi ích của nhân dân, của Đảng!

Anh Lê Đức Thọ kính nhớ, anh đã đi xa!

Nhưng vắng vắng đâu đây, tôi vẫn nghe tiếng nói sang sảng của anh ngày ấy: "Phải tuyệt đối trung thành với lợi ích của nhân dân, của Đảng".

Chúng tôi đã và đang nghiêm chỉnh chấp hành lời căn dặn của anh, cũng là lời căn dặn của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

CÓ MỘT TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, CÓ MỘT CHÚ SÁU THỌ

Nguyễn Thị Ngọc Liên*

Năm 1969, tôi được Đảng và Nhà nước cử làm trưởng đoàn Anh hùng, Chiến sĩ thi đua, Dũng sĩ diệt Mỹ của các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, thăm các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước để tuyên truyền cho cuộc chiến đấu chính nghĩa giải phóng dân tộc đang ở giai đoạn cao trào tại miền Nam Việt Nam. Sau cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân, Mỹ buộc phải ngồi vào bàn Hội nghị Pari. Hồi đó, những cuộc đấu trí nổi tiếng của phái đoàn ta trên mặt trận ngoại giao - đặc biệt vai trò của đồng chí Lê Đức Thọ - được bạn bè khắp thế giới biết đến như một điểm son của cuộc kháng chiến.

... Ra tới Hà Nội, tôi được sắp xếp ở khu nhà 103 Quán Thánh. Mọi việc, từ khâu tổ chức và tham gia các Hội nghị quốc tế đến khâu tuyên truyền vận động, đối với tôi còn hết sức mới mẻ. Ngoài chương trình thăm các nước, tôi còn được giao tham gia Hội nghị liên hoan Thanh niên Dân chủ thế giới tổ chức tại Henxinki (Phần Lan). Đang lo lắng cho chuyến đi thì được thông báo chú Sáu Lê Đức Thọ tới thăm tôi. Chú mới từ Pari về. Tiếng tăm của chú Sáu từ các cuộc đối thoại với Kítxinhgiơ, tôi đã từng nghe và kính nể. Đó là lần đầu tiên tôi gặp chú Sáu; một cuộc gặp gỡ ngắn và thân thương như đứa con đi xa về gặp lại người cha. Chú hỏi thăm tình hình, căn dặn vài nét chính

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

yếu của công tác ngoại giao: "Cuộc chiến đấu của nhân dân ta rất vĩ đại. Cháu đi lần này là một con người thật việc thật từ cuộc chiến đấu ấy. Qua cháu, bạn bè và nhân dân thế giới hiểu được thực chất cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam". Tôi nghe trong lời căn dặn đó như hơi thở hào hùng của dân tộc, một dân tộc nhỏ đang đứng ở mũi nhọn của dòng thác cách mạng vĩ đại của lương tri loài người đối diện với thách thức cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc...

Từ đó, mỗi lần đi công tác về, chú Sáu Thọ đều đến thăm tôi. Chú khen: "Cháu làm ngoại giao khá lắm, để lại nhiều ấn tượng cho bạn bè năm châu". Năm 1971, tôi báo cáo xin chú cho về miền Nam tiếp tục cùng đồng đội chiến đấu. Chú nhìn tôi rất lâu và nói sẽ xin ý kiến Bộ Chính trị, vì ý định của cấp trên muốn giữ một số anh hùng, dũng sĩ để cho đi học, xây dựng nguồn cán bộ lâu dài. Cuối cùng, tôi cũng được chấp thuận cho trở lại chiến trường và cùng đồng đội tiếp tục chặng chót của cuộc chiến đấu 30 năm.

Sau ngày miền Nam giải phóng, lúc tôi được cử làm Bí thư Huyện uỷ Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, địa bàn có đông đồng bào Công giáo di cư năm 1954, tôi lại được vinh dự tiếp chú Sáu Thọ về thăm và làm việc. Chú ở lại ba ngày, vừa nắm tình hình, vừa theo dõi sát sao công tác lãnh đạo của Huyện uỷ. Chú lắng nghe, xem xét từng việc, từng chủ trương, theo dõi phong cách điều hành từng cuộc họp giao ban, từng buổi sinh hoạt Thường vụ. Sau này, khi được đưa vào danh sách ứng cử và được Đại hội Đảng toàn quốc bầu vào cương vị Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, tôi mới biết chuyến đi đó của chú Sáu là chuyến đi thiết kế nhân sự trước Đại hội Đảng. Suốt nhiều nhiệm kỳ, chú Sáu tận tụy đến tận nơi xem xét, cân nhắc thận trọng trước khi giới thiệu cán bộ vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Sức mạnh của Đảng trước hết là ở đội ngũ cán bộ từ Trung ương tới địa phương, và tham mưu cho việc nhận xét, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ có phần trách nhiệm rất lớn của bộ máy *đảm trách công tác tổ chức*. Vì *công tác tổ chức* là yếu tố quyết

định, là khâu then chốt, cơ bản nhất bảo đảm cho mọi thắng lợi của công cuộc cách mạng dù ở bất kỳ thời kỳ nào.

Lênin đã từng nói: "Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, và chúng tôi sẽ đảo ngược nước Nga lên"¹, mà công tác tổ chức thực chất là việc sắp xếp, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ một cách hết sức cụ thể, tùy thuộc vào phẩm chất, năng lực (đức, tài) của từng người vào những cương vị thích hợp.

Bởi có chủ trương, đường lối, chính sách đúng chưa đủ, mà cái quan trọng là ai là người chỉ đạo, triển khai thực hiện?

Thực tế cho thấy, không ít địa phương, ban, ngành nhiều khi chủ trương một đằng, thực hiện lại một nẻo.

Nhân dân tin và làm theo hay không là họ nhìn vào đạo đức, tác phong của từng cán bộ hàng ngày.

Điều ấy đã được Bác Hồ đúc kết: "*Cán bộ nào, phong trào ấy*".

Trong mọi thứ "nhầm" thì "nhầm" người không có gì cứu chữa nổi. Thực tế diễn biến ở Liên Xô những năm gần đây là một bài học đau xót cho chúng ta rút kinh nghiệm.

Muốn công tác tổ chức cán bộ được tốt, trước tiên đòi hỏi những người làm công tác tổ chức cán bộ phải thực sự là tấm gương cho mọi người soi vào, nghĩa là phải trung thực, trong sáng, công tâm, tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhà nước, có một tư duy sắc sảo, tác phong sâu sát quần chúng và cơ sở.

Tôi càng hiểu vì sao chú Sáu Thọ lại tận tụy đến từng nơi xem xét, cân nhắc trước khi giới thiệu cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Phong cách làm việc của chú Sáu Thọ - Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng để lại nhiều bài học cho công tác xây dựng Đảng; trong đó, khâu nhận xét cán bộ phải xuất phát từ phong trào cách mạng của quần chúng. Chính chú Sáu Thọ, chứ không phải chỉ dựa trên một hệ thống báo cáo nhiều khi mang tính hình thức mà đích thân chú đến tận nơi xem xét cụ thể từng việc và từng con người khi cần phải cân nhắc.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 162.

Với những kỷ niệm không quên về chú Sáu Thọ, tôi tâm niệm tiêu chuẩn đáng quan tâm nhất đối với cán bộ Đảng trong mọi thời kỳ là phải được nhân dân tin tưởng, yêu mến. Đảng chỉ có thể phát triển và giữ vững ngọn cờ lãnh đạo với một đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững vàng mà mỗi người phải là một hạt nhân, một địa chỉ tin cậy gửi gắm của quần chúng nhân dân.

VÀI MẪU CHUYỆN VỀ ANH SÁU

Nguyễn Thị Yến*

Về mặt Đảng, anh Sáu giữ trọng trách cao, nhưng chúng tôi, những người thân thiết của anh Sáu, vẫn gọi anh thân mật theo thứ là anh Sáu - Anh Sáu Thọ, cũng như đã gọi các anh Ba (Lê Duẩn), anh Hai (Phạm Hùng), v.v..

Tháng 4-1950 có cuộc Hội nghị mở rộng Phụ nữ toàn Nam Bộ, đây là cuộc hội nghị lớn nhất đầu tiên họp ở Khu 9 khi cơ quan vừa ổn định nơi ở, sau cuộc di dời từ Đồng Tháp Mười về Khu 9. Cơ quan Phụ nữ Nam Bộ lúc đó đóng tại nhà ông Tư Mẹo, ấp Rạch Ruộng, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Rạch Giá. Cuộc hội nghị mở rộng này nhằm đẩy mạnh phong trào phụ nữ lên những bước tiến xa hơn sau khi có chủ trương hợp nhất các tổ chức phụ nữ vào Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Đến dự Hội nghị có đông đủ đại biểu phụ nữ các tỉnh Nam Bộ. Tất nhiên có mặt cả các đồng chí Trung ương. Hội nghị được đón đoàn cán bộ Trung ương vào dự, trong đó đồng chí Lê Đức Thọ làm trưởng đoàn. Ngoài ra, đi cùng với đoàn còn có các anh Nguyễn Đức Thuận, Lê Toàn Thư... Cuộc hội nghị này cũng là lần gặp gỡ đầu tiên của tôi với anh Sáu. Cuộc gặp gỡ tuy ngắn ngủi nhưng hình ảnh anh đọng mãi trong tôi. Sau lần ấy, đến tháng 12-1953, tôi tập kết ra Bắc, có gặp anh trong các hội nghị hay những lúc anh đến thăm chị Mười Thập (Nguyễn Thị Thập).

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Đại biểu Quốc hội, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp thực phẩm,
- Chánh Văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ Nam Bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Mặc dù không trực tiếp làm việc với anh Sáu nhiều, nhưng những lần tiếp xúc với anh tạo cho tôi một sự quý trọng kính mến, không chỉ đối với một người lãnh đạo cao trong Đảng, mà còn ở tình cảm chân tình, điềm đạm và cương nghị của anh. Có hai mẫu chuyện về anh làm tôi nhớ mãi.

Cuối tháng 12-1977, giáp những ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, tiết trời se se lạnh của mùa chuyển tiếp đông sang xuân, anh Sáu đến nhà tôi chơi. Tôi thực sự bất ngờ và xúc động bên bàn trà hương, trà móc câu chính hiệu xứ Thái nóng hôi hổi, tỏa lan vị thơm ngọt ngào càng làm cho câu chuyện của chúng tôi thêm đậm đà. Anh Sáu vui vẻ và cởi mở hỏi thăm từng người trong gia đình tôi, hỏi thăm về công tác, công việc và cuộc sống của tôi. Sau đó anh hào hứng kể chuyện Chiến dịch Hồ Chí Minh mà anh trực tiếp tham gia chỉ đạo. Nghe anh kể mà tôi như thấy khí thế hùng hục của quân và dân ta trong Chiến dịch đại thắng mùa Xuân năm 1975 "Thần tốc, thần tốc, đại thần tốc" tiến thẳng vào Sài Gòn như vừa mới diễn ra; như thấy niềm hân hoan, rạo rực của dân Nam Bộ quê hương mà tôi xa cách đã hơn 20 năm, mừng vui đón chiến thắng. Anh Sáu kể: trước khi lên đường vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Ba (Lê Duẩn) đưa tiễn ân cần dặn dò quyết tâm của Đảng, của Chính phủ phải toàn thắng trong Chiến dịch này. Và anh có làm bài thơ hứa với anh Ba chiến thắng mới trở về. Từng trận đánh, từng ngày đêm, từng diễn biến lớn nhỏ của Chiến dịch đều được anh Sáu ghi chép tỉ mỉ, báo cáo ra Trung ương, ra Bộ Chính trị... Sau đó anh Sáu có tặng tôi tập thơ của anh làm ngay trên đường Chiến dịch, giữa mưa bom đạn nổ, trong sự thoái chạy thảm hại của quân địch và chiến thắng của ta. Tôi vô cùng tâm đắc và xúc động khi đọc lại những bài thơ của anh, và tôi có mấy dòng thơ nôm na gửi lại anh Sáu:

Xuân về rừng núi đón anh đi

Tóc bạc đường xa có sá gì

Thuận lợi thời cơ ta nắm được

*Bên tai lời dặn nước non nhà
Giục giã miền Nam tiếng pháo xa
Vượt suối băng đèo tam cá nguyệt
Nhịp bước chân anh chiến thắng về
Rộn ràng pháo trận thiếp anh đưa
Đảng dẫn lòng ghi buổi tiễn đưa
Hôm nay đến nhờ anh đề tặng
Nhật ký niềm vui buổi xuân về.*

Tình cảm của anh Sáu đối với gia đình tôi thật là sâu đậm, thân thương. Tình cảm càng đậm đà hơn khi câu chuyện thứ hai xảy ra khiến tôi canh cánh mãi trong lòng. Không phải do mình mà nghe sao nhức nhối như có tội với Đảng, với dân. Đã hai mươi năm trôi qua mà sao câu chuyện ấy chẳng hề phai trong tôi. Dù đó chỉ là chuyện hiểu lầm nhưng nó cũng chứng tỏ sự quan tâm của anh đối với gia đình tôi. Đúng hơn đó là sự quan tâm của người lãnh đạo cao cấp đến sinh hoạt của đồng đội, của người dân.

Bây giờ tôi đã ngoài bảy mươi tuổi đời, năm mươi tuổi Đảng, đã thuộc lớp người xưa nay hiếm. Nhân đầu xuân Canh Thìn, thế giới sắp bước sang thế kỷ mới và kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Bác Hồ, lại đúng vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3-2-1930 – 3-2-2000), cả nước đang trong giai đoạn xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tôi xin kể chuyện này như một bài học quý báu về đạo đức người đảng viên, cũng là nhắc kỷ niệm khó quên giữa tôi và anh Sáu.

Lúc ấy sắp vào Đại hội Đảng lần thứ V, anh Sáu là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng, tôi đang là Tổng Giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp đồ hộp miền Nam. Một buổi sáng ở phòng làm việc tại cơ quan tôi, bỗng chuông điện thoại đổ dồn, tôi nhắc máy, đầu dây bên kia vang lên một giọng nói đàn ông:

- Alô! Có phải chị Yến không?

- Xin lỗi ai ở đầu dây đấy? - Tôi hỏi.

- Tôi là thư ký của anh Sáu đây. Anh Sáu có việc gấp muốn gặp chị.

- Có việc gì quan trọng không anh? - Tôi lo lắng hỏi lại.

- Có, anh Sáu muốn gặp trực tiếp chị hỏi vài chuyện. Chị thu xếp đến T78 gặp anh Sáu nhé. Tôi sẽ chờ đón chị.

Tôi không biết chuyện gì nhưng cũng đoán được chuyện khá quan trọng nên anh Sáu mới gặp gấp như vậy. Tôi vội vã thu xếp công việc, bồn chồn ra xe đưa đi. Tại T78, anh Sáu đã đợi tôi sẵn sàng ở phòng làm việc của anh. Khi chỉ có tôi và anh, anh vẫn giữ thái độ điềm đạm, ân cần nhưng trong sắc mặt, giọng nói kém vui, không như các lần gặp mặt trước. Tôi thầm nghĩ: "Chà! Chắc là có việc gì làm anh Sáu bận tâm lắm đây nên anh Sáu không được vồn vã lắm". Tôi điểm nhanh trong đầu những việc mình đã làm gần đây không có gì sai phạm nên cũng hơi yên tâm. Sau những lời hỏi thăm về sức khỏe, công việc, anh Sáu nhìn tôi dăm dăm hỏi đủ chuyện. Tôi không nhớ hết cuộc đối thoại nặng nề ấy, nhưng ý chính là: Anh Sáu biết về tôi nhiều, tin tưởng tôi và gia đình tôi. Anh bằng lòng về công tác và công việc của tôi. Nhưng gần đây anh có nghe chuyện không hay xảy ra trong gia đình tôi nên gặp hỏi thẳng xem hư thực thế nào. Tôi lo lắng hỏi lại anh:

- Anh Sáu nghe chuyện gì về tôi?

Lưỡng lự giây lát, anh nói chậm rãi:

- Gần đây tôi có nghe nói về việc chị đối xử với con dâu thế nào đó để đến nỗi nó phải tự tử!

Tôi bàng hoàng cả người, thực ra đã khá lâu tôi và anh Sáu không gặp nhau. Anh lại giữ một trọng trách lớn của Đảng, công việc bận nên anh có thể ít biết về gia đình tôi sau này. Tôi ngập ngừng hỏi lại anh Sáu:

- Anh nói gì nghe kỳ vậy! Anh Sáu biết rất rõ về em và gia đình em mà. Mấy chục năm trời theo cách mạng, theo Đảng, em chưa làm gì sai trái cả. Xin báo cáo với anh Sáu yên lòng, đến ngày hôm nay mấy đứa con em còn ở trong quân đội, kể cả con gái, chưa có cháu nào lấy vợ gả chồng, thì lấy đâu ra dâu với rể để em đối xử khắc nghiệt với chúng đến nỗi nó phải tự tử.

Nghe nói đến đó, anh Sáu cướp lời, đập mạnh tay xuống bàn:

- Bậy thiệt! Người ta đồn như vậy có chết người ta không kia chứ. Nếu tôi không gặp chị thì nguy to. Tôi biết chị mà, đâu thể có chuyện đó được. Vì thế tôi mới gặp trực tiếp chị là vậy.

Đúng là tính cách của anh Sáu, việc gì cũng làm đến nơi đến chốn, chuyện gì cũng phải hiểu cặn kẽ, không tin lời đồn đại. Anh lại cười ha hả nắm chặt bàn tay tôi như vừa thoát được khỏi đám mây mù sắp có cơn giông, và kể vui cho tôi nghe một câu chuyện thật là thấm thía:

Ở đời này có bốn ông thầy:

Một là, ông thầy giáo, ta phải hết lòng kính trọng.

Hai là, ông thầy thuốc, người mà ta phải quý mến.

Ba là, ông thầy mo, làm ta mê tín.

Bốn là, ông thầy dùi, khiến ta phải cảnh giác mọi lời đồn đại, tin vẹt cũng từ ông thầy dùi mà ra. Riêng với ông thầy dùi, nếu mất cảnh giác, không chỉ con người từ tốt thành xấu mà ngược lại, tổ chức Đảng cũng tan nát. Làm người lãnh đạo càng phải đề phòng những thầy dùi này. Là người làm công tác tổ chức cán bộ lâu năm không phải lúc nào cũng trực tiếp gặp gỡ cán bộ cấp dưới được, tất nhiên cũng không thể tránh khỏi sự sai sót qua những thông tin như trên, nhất là sự đánh giá cán bộ trong công tác xây dựng Đảng vững mạnh.

Bây giờ dù đã nghỉ hưu nhưng ấn tượng về lần gặp mặt cách đây hai mươi năm ở T78 ấy vẫn như bài học quý đối với tôi trong cuộc sống. Đó cũng là bài học chung đối với người lãnh đạo, nhất là đối với người làm công tác tổ chức Đảng.

MẪU MỰC TRONG LỐI SỐNG

Minh Châu*

Lần đầu tiên tôi được gặp anh Lê Đức Thọ là vào một ngày thu đông năm 1948. Đó là lúc anh dẫn đầu một đoàn cán bộ của Trung ương Đảng tăng cường cho Nam Bộ, Bình Trị Thiên và đến công tác ở một nước bạn.

Đi đến Đô Lương (Nghệ An), đoàn nghỉ lại ban ngày ở nhà một cơ sở cách mạng. Trong đoàn có một đồng chí người Nghệ An. Đồng chí này xin phép anh Thọ đi thăm một người bà con, hẹn đến 12 giờ trưa thì về. Đã 12 giờ rồi, đồng chí ấy chưa về. Sau nửa giờ đợi chờ, đoàn đành phải ăn cơm trước. Gần một giờ sau, đồng chí ấy mới có mặt. Khi ấy anh Thọ rất khó chịu, đã nghiêm khắc phê bình đồng chí ấy và dặn chung cả mọi người: "Làm công tác mà Trung ương giao cho lần này, có rất nhiều gian khổ, chúng ta phải hết sức giữ gìn, giữ bí mật, giữ kỷ luật, chịu đựng mọi hy sinh vất vả, giữ nghiêm mọi quy định đi đường, quy định công tác". Nói rồi, anh ân cần an ủi đồng viên đồng chí người Nghệ An, hỏi han việc chuẩn bị quần áo, thuốc men và mọi thứ khác cần cho cá nhân. Vì đồng chí này là người đầu tiên trong đoàn sắp tách ra, theo con đường bí mật khác đi sang một nước bạn.

Lần thứ hai tôi được làm việc với anh Lê Đức Thọ là vào mùa thu năm 1958. Anh vào Vinh (Nghệ An) để cùng Liên khu uỷ 4 thực hiện việc giải thể Liên khu uỷ 4.

Nội dung chính trị của cuộc họp để công bố quyết định của

* Nguyên: - Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ An,
- Khu uỷ viên, Chánh Văn phòng Liên khu uỷ 4,
- Phó Văn phòng Trung ương Đảng,
- Quyền Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

Trung ương và bàn những công việc phải làm, anh bàn với Thường vụ Liên khu uỷ. Riêng về bữa cơm thân mật có các đồng chí trong Liên khu uỷ và đại diện chính quyền, mặt trận, các đoàn thể Liên khu uỷ 4, thì anh Thọ căn dặn tôi rất kỹ: "Phải chu đáo, trọng thị, hợp khẩu vị mọi người, nhưng phải hết sức tiết kiệm".

Trong thời gian anh nghỉ lại trụ sở, ăn cơm hàng ngày hết bao nhiêu tiền, anh bảo đồng chí cần vụ thanh toán đầy đủ với Văn phòng Liên khu uỷ.

Thế rồi, sau khi Liên khu uỷ 4 giải thể, tôi được Trung ương Đảng điều động ra Hà Nội giữ chức vụ Phó Văn phòng Trung ương Đảng. Từ đây, thường xuyên tôi được làm việc với anh. Tôi phụ trách công tác tài chính, quản trị của Trung ương Đảng. Công việc này liên quan đến nhiều cấp, nhiều người nên khi giải quyết những vấn đề liên quan ngoài chế độ, chính sách, tôi phải xin ý kiến của anh. Bất kỳ chủ trương lớn hay việc cụ thể, anh đều cho ý kiến và dặn dò kỹ càng. Có việc tế nhị quá, anh bảo: "Việc này để mình làm cho, cậu đừng nói, e có sự hiểu lầm".

Đầu năm 1960, anh giao cho tôi chuẩn bị bản quy định mới của Ban Bí thư Trung ương Đảng về một số chế độ đối với cán bộ cao cấp của Đảng. Trong đó có những vấn đề như: giúp đỡ khi gia đình gặp khó khăn, chăm sóc sức khỏe, bố trí nhà ở, cung cấp phương tiện đi công tác xa, v.v.. Để làm việc này, anh nhắc nhở tôi phải tìm hiểu kỹ càng và hết sức quan tâm đến đời sống gia đình của một số nhân sĩ trí thức tiêu biểu. Khi tôi chuẩn bị xong bản dự thảo quy định, anh sửa chữa và bổ sung nhiều ý kiến rất xác đáng, chặt chẽ, rất phù hợp với hoàn cảnh gia đình cán bộ lúc bấy giờ. Anh lưu ý đến những vấn đề rất tinh tế.

Về cuộc sống riêng tư của anh, anh luôn căn dặn chúng tôi: "Chế độ mà Trung ương quy định có những gì thì làm đúng như vậy, không được làm gì ngoại lệ".

Giữa những năm 60 thế kỷ XX, ngôi nhà gia đình anh ở, có dãy nhà cầu bị đột, sân nhà bị hư đôi chỗ, tường nhà bị rêu mốc.

Chúng tôi đề nghị anh cho quét vôi tường nhà, lát lại sân và chữa lại nhà cầu. Anh nhất định không chấp thuận và bảo rằng: "Trong lúc đất nước còn chiến tranh, ngân sách của Nhà nước và của Đảng còn khó khăn lắm, các cậu không nên bày ra làm những việc ấy, tốn kém lắm. Chỉ chữa chút ít những viên ngói hỏng, những thanh gỗ bị mối, mọt mà thôi". Mãi đến khi anh đi công tác ở nước ngoài, nhân lúc Bộ Quốc phòng xây hầm trú ẩn tránh bom địch cho các đồng chí lãnh đạo, chúng tôi mới chữa được nhà cầu bị hư hỏng quá nặng.

Anh đi công tác nước ngoài mấy năm liền, áo quần chẳng may sắm gì, quanh quẩn chỉ dùng hai bộ may theo kiểu "đại cán". Ngoại tệ được cấp để dùng cho việc bảo vệ sức khỏe, chi hết bao nhiêu, còn bao nhiêu, khi về Hà Nội, anh đều chỉ thị cho đồng chí thư ký riêng thanh toán đầy đủ với Văn phòng Trung ương, tiền thừa nạp vào quỹ của Đảng.

Cuối thu năm 1988, tôi sang nhà riêng thăm anh, anh và tôi trao đổi với nhau về nhiều vấn đề. Đây là lần cuối cùng anh nói chuyện với tôi lâu nhất trong những năm tháng cuối đời anh. Khi nói đến những chuyện về nhân tình thế thái, tôi đọc luôn một câu ca dao: "*Thức khuya mới biết đêm dài, sống lâu mới biết lòng người thủy chung*". Anh liền uốn nắn lại ngay cho đúng câu ca dao này. Phải nói là:

*"Thức lâu mới biết đêm dài,
Ở lâu mới biết là người có nhân".*

Đúng vậy, anh nhắc tôi nói cho đúng câu đó, không chỉ anh là con người nhớ và am hiểu ca dao, tục ngữ Việt Nam, mà còn muốn thổ lộ tâm niệm của anh là con người ta sống ở trên đời bao giờ cũng phải giữ cho lòng mình "có nhân, có nghĩa".

Tôi nhớ mãi ý sửa của anh. Nhớ anh, một con người nhân hậu, mẫu mực.

NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC CỦA TÔI VỀ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

GS. Phạm Thành*

Tôi có vinh hạnh được tiếp xúc và gặp gỡ đồng chí Lê Đức Thọ nhiều lần. Tên anh từ rất sớm đã gọi cho tôi một thiện cảm đặc biệt. Có lẽ vì Đức Thọ chính là quê hương thân thiết của tôi là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Phải chăng có một mối liên hệ nào đó giữa người tôi khâm phục và địa phương nơi chôn nhau cắt rốn của tôi. Chính vì vậy những cuộc gặp gỡ và tiếp xúc ấy đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc.

1. Lần đầu tiên tôi gặp đồng chí Lê Đức Thọ là vào khoảng tháng 9 đến tháng 11-1946. Lúc đó, tôi được Tỉnh uỷ Hà Tĩnh cử đi học một lớp huấn luyện cán bộ, đảng viên do Trung ương tổ chức lần đầu tiên ở Hà Đông cùng với ba đồng chí khác là Nguyễn Phồn, Thường vụ Tỉnh uỷ làm Trưởng đoàn và hai đồng chí nữa là Hà Xuân Trường và Lê Dỵ. Đây là lớp học đầu tiên của Đảng sau Cách mạng Tháng Tám do Trung ương tổ chức mà giảng viên toàn là cán bộ cao cấp của Đảng: đồng chí Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trừng. Được học lớp này là một vinh dự rất lớn đối với tôi lúc đó là một đảng viên vừa mới được kết nạp vào Đảng. Đồng chí Lê Đức Thọ vừa là người phụ trách lớp học vừa là giảng viên phân xây dựng Đảng. Đồng chí đã giảng những điều rất lý thú và mới mẻ đối với tôi. Cho nên tôi cũng như nhiều anh chị em học viên khác

đều chăm chú lắng nghe bài giảng của đồng chí Lê Đức Thọ, cũng như của các giảng viên khác. Tôi còn nhớ như in cho đến nay hai vấn đề cơ bản mà đồng chí Lê Đức Thọ trình bày đó là: Nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Tôi đã thu nhận đầy đủ những bài giảng của đồng chí Lê Đức Thọ về nguyên tắc xây dựng Đảng mà tôi đã truyền đạt lại rất có hiệu quả cho các học viên ở các lớp huấn luyện đảng viên và nhân sĩ trí thức ở tỉnh nhà sau đó. Chỉ riêng điều này cũng nói rõ sự chăm chú của tôi đối với bài giảng của đồng chí Lê Đức Thọ lúc đó đến mức nào.

Nhưng có một sự kiện thuộc lĩnh vực tư cách sinh hoạt của tôi lúc đó mà tôi luôn luôn nhớ mãi. Hồi ấy tôi còn thanh niên, hiếu động và có phần "nghịch ngợm" nữa. Số là giữa bài giảng của đồng chí Lê Đức Thọ, bỗng nhiên tôi phá lên cười, một tiếng cười hồn nhiên khi nhìn thấy một bạn học viên ở bàn trên có một động tác bất thường, nhưng có lẽ thầy Thọ tưởng rằng tôi gây cười không nghiêm túc trong học tập. Thầy bỗng nghiêm khắc chỉ tay về hướng tôi và nói to lên với một thái độ phê bình nghiêm khắc: "Đồng chí cười cái gì? Sao đang nghe giảng bài lại cười. Học hành thì phải nghiêm túc chứ!". Tôi cúi gằm mặt xuống không nói năng gì, nhưng từ đấy đã rút ra được một bài học đích đáng cho mình. Trong lúc học phải có thái độ nghiêm túc, chăm chú nghe giảng bài.

2. Từ lần gặp gỡ đầu tiên đồng chí Lê Đức Thọ đến lần gặp thứ hai là đúng 30 năm trời đằng đẵng: năm 1976, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tôi có dịp vào Thành phố Hồ Chí Minh để tìm hiểu tình hình tại chỗ của một vùng mới trở về với Tổ quốc thân yêu sau hàng bao năm bị đế quốc hết Pháp đến Mỹ xâm chiếm. Để thực hiện yêu cầu tìm hiểu của mình, tôi đã xin gặp đồng chí Lê Đức Thọ từ sau giải phóng

* Nguyên Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Sự thật, nay là Nhà

miền Nam Việt Nam là Phó ban đại diện Đảng và Chính phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi còn nhớ lúc đó đồng chí ở tại một địa điểm gần hồ Con Rùa và Nhà thờ lớn của thành phố. Đồng chí đón tiếp tôi thân mật và dành cả gần một buổi sáng nói cho tôi nghe về tình hình miền Nam và nhất là tình hình Thành phố Hồ Chí Minh mới được giải phóng. Tôi có nhắc lại chuyện cũ cách lúc đó gần 30 năm. Đồng chí cười với một nụ cười vui vẻ và hồn nhiên, đầy tình thương yêu tha thiết đối với tôi. Sau khoảng hai giờ nói chuyện giữa tôi và đồng chí Lê Đức Thọ, tôi xin phép ra về để khỏi làm phiền đồng chí đang bận rộn trăm công nghìn việc. Với một tình cảm buồn vui lẫn lộn có thương yêu, có hối tiếc, có biết ơn, tôi đã làm một bài thơ tặng đồng chí Lê Đức Thọ ngay sau chuyến gặp gỡ này, bài thơ in ở phần sau sẽ nói lên điều đó.

3. Sau buổi làm việc với đồng chí Lê Đức Thọ ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với đồng chí. Nội dung của các cuộc tiếp xúc này chủ yếu là để bàn về một số vấn đề lý luận mà tôi đặc biệt quan tâm với tính cách là Tổng biên tập Nhà xuất bản Sự thật.

Có hai lần tiếp xúc đã để lại cho tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc nhất:

Lần thứ nhất tôi gặp đồng chí để tìm hiểu quan điểm của Đảng ta về chế độ làm chủ tập thể. Vấn đề do đồng chí Lê Duẩn đề xướng và để nhiều công sức tổng kết. Tôi đã trình bày rất dài với đồng chí Lê Đức Thọ về lý luận làm chủ tập thể mà tôi được phân công tham gia nghiên cứu về chủ đề này mà bản thân tôi cũng rất tâm đắc như nội dung và bản chất của chế độ làm chủ tập thể, cơ chế tổ chức của chế độ làm chủ tập thể, vai trò của các tổ chức và tầng lớp xã hội trong chế độ làm chủ tập thể, v.v.. Nghe tôi trình bày xong, đồng chí Thọ phát biểu hết sức ngắn gọn, nhưng đầy sức thuyết phục. Đồng chí nói

đại ý, chúng ta cần nhớ rõ: làm chủ tập thể là một vấn đề mới của lý luận. Trong công tác nghiên cứu lý luận phải luôn gắn lý luận với thực tiễn. Lời chỉ dẫn của đồng chí Lê Đức Thọ ngắn gọn, tôi thấm thía rằng: thực tiễn rất sinh động, lý luận gắn với thực tiễn cũng rất sinh động. Muốn cho nhân dân làm chủ thì phải thông qua thực tiễn để tìm ra cơ chế để nhân dân làm chủ từ thấp lên cao, trong thời kỳ quá độ, không thể đốt cháy giai đoạn.

Lần thứ hai tôi đã gửi lên đồng chí Lê Đức Thọ một bản kiến nghị của tôi lên Trung ương về một số vấn đề về đường lối, chính sách. Trong bản kiến nghị này, tôi có một số nhận xét về các vấn đề kinh tế như quy luật giá trị, giá cả, cạnh tranh thị trường, v.v.. Có lẽ đồng chí Lê Đức Thọ đã xem kỹ bản kiến nghị của tôi, cho nên đồng chí đã trả lời tôi tuy vắn tắt nhưng rất rõ ràng. Đồng chí nói: "Tôi đã nhận được thư của anh. Những ý kiến góp ý của anh đúng thời gian qua những việc đó làm chưa tốt, cho nên tình hình còn có khó khăn. Hoan nghênh ý kiến của anh, sau này anh có ý kiến gì, anh cứ viết thư cho tôi. Chúc anh mạnh luôn."

Thân ái!

Thọ"

Phong cách của đồng chí Lê Đức Thọ như đã nêu ra ở đây đã động viên tôi rất nhiều. Từ lần trao đổi ý kiến bằng văn bản này, tôi đã thường xuyên nghiên cứu lý luận và trình bày lên cấp trên những vấn đề mà bản thân đã tâm đắc. Bức thư của đồng chí viết cho tôi là một bút tích quý hiếm. Bản thân tôi đã cất giữ cẩn thận bức thư này làm kỷ niệm từ mấy chục năm nay.

4. Nói đến ý kiến của đồng chí Lê Đức Thọ, về các vấn đề lý luận, tôi không thể không nhắc lại buổi làm việc của đồng chí với chúng tôi (đồng chí Trịnh Thúc Huỳnh, đồng chí Trần Đức Minh và tôi) thay mặt Nhà xuất bản góp ý kiến vào quyển sách

Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam của đồng chí gồm một số bài nói và bài viết được chuyển cho Nhà xuất bản. Là cán bộ biên tập của Phòng Chính trị do đồng chí Huỳnh phụ trách, theo thủ tục của Nhà xuất bản, đồng chí Trần Đức Minh đã đọc kỹ bản thảo và nêu lên một loạt vấn đề xin ý kiến tác giả. Lúc đó đồng chí Thọ đang ở Thành phố Hồ Chí Minh đã cho gọi cán bộ Nhà xuất bản vào làm việc. Sau khi đã đọc lại kỹ bản thảo của mình và đã nghiên cứu kỹ những kiến nghị của Nhà xuất bản, đồng chí nói với chúng tôi: "Tôi hoan nghênh ý kiến góp ý của Nhà xuất bản. Chỗ nào tôi đồng ý tôi đã ghi trong bản thảo. Tôi chỉ đề nghị Nhà xuất bản chú ý mấy điểm sau đây: các bản viết của tôi ứng vào các hoàn cảnh trước đây. Cho nên những điểm nào đã có tính lịch sử thì cứ để nguyên như cũ, biên tập chủ yếu nên chú trọng về quan điểm, lập trường và phải hết sức nhạy cảm về chính trị và phải chú trọng về mặt hình thức".

Lời chỉ bảo của đồng chí Lê Đức Thọ rất quý đối với chúng tôi, đã hướng dẫn chúng tôi trong việc biên tập bản thảo các sách của các đồng chí lãnh đạo mà chúng tôi có trách nhiệm xuất bản.

Sau những buổi làm việc, chúng tôi xin phép được chụp chung với đồng chí Thọ một tấm ảnh làm kỷ niệm. Đồng chí vui vẻ nhận lời. Thế là chúng tôi có được một tấm ảnh đẹp chụp chung ngay trước nhà nghỉ của Đảng ở T78, gồm bốn người là các đồng chí Lê Đức Thọ, tôi, Trịnh Thúc Huỳnh và Trần Đức Minh.

5. Trong các buổi tiếp xúc tập thể thì buổi đến thăm của đồng chí Lê Đức Thọ đến Nhà xuất bản Sự thật nhân dịp Nhà xuất bản kỷ niệm 40 năm thành lập, ngày 5-12-1985, là đáng ghi nhớ nhất.

Khác với nhiều cuộc đến thăm của cán bộ lãnh đạo với một tập thể cơ quan, đơn vị, đồng chí Lê Đức Thọ không trực tiếp nói chuyện ngay với cán bộ, nhân viên của Nhà xuất bản. Đồng

chí bảo tôi triệu tập cán bộ lãnh đạo trong cơ quan đến họp trước với đồng chí. Trong cuộc họp này, đồng chí ngồi nói chuyện rất vui vẻ, thân mật với anh em, trao đổi ý kiến với anh em để nắm chắc tình hình của Nhà xuất bản và dặn dò anh em một cách thẳng thắn và thân tình về công việc cần làm của Nhà xuất bản. Sau khoảng vài tiếng đồng hồ làm việc như vậy, đồng chí Lê Đức Thọ mới ra hội trường lớn nói chuyện với anh em toàn thể cơ quan. Cách làm việc này tạo nên một không khí vừa thân mật, vừa nghiêm trang, vừa sâu sát. Trước đông đảo anh em của Nhà xuất bản, đồng chí biểu dương những thành tích 40 năm qua của Nhà xuất bản đồng thời cũng nghiêm khắc phê phán sai lầm đã phạm phải như có lần đã xuất bản sách không đúng theo chức năng của mình, có nguy cơ để lọt quan điểm không đúng quan điểm của Đảng. Đồng chí căn dặn Nhà xuất bản của Đảng phải phản ánh đường lối, chính sách của Đảng, phải bám sát cơ quan lãnh đạo và các cơ quan quản lý của Đảng và phải chọn được một đội ngũ cộng tác viên tốt. Anh em lắng nghe và ghi chép đầy đủ những ý kiến của đồng chí. Sự có mặt của đồng chí Lê Đức Thọ vào đúng dịp kỷ niệm 40 năm của Nhà xuất bản Sự thật đã làm cho ngày kỷ niệm trở nên phong phú và bổ ích. Đối với tôi, một cán bộ đã làm việc ở Nhà xuất bản nhiều năm nhất, kể từ năm 1951, khi cơ quan còn ở chiến khu Việt Bắc thì đây là một kỷ niệm, đã để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc nhất trong đời công tác của tôi. Những tấm hình chụp được trong ngày này với đồng chí Thọ và anh em cơ quan là những vật kỷ niệm quý báu nhất còn lưu lại mãi trong tập sách ảnh của tôi.

6. Để nói hết kỷ niệm sâu sắc của tôi về đồng chí Lê Đức Thọ, tôi xin ghi lại dưới đây bài thơ của tôi đề tặng đồng chí. Bài thơ nói về buổi tiễn đưa lưu luyến giữa tôi với đồng chí Thọ ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 1976. Đồng chí là người đã được Bộ Chính trị giao cho trách nhiệm nặng nề là đại diện Bộ Chính trị trong hai sứ mệnh có ý nghĩa lịch sử không bao giờ phai mờ

không chỉ trong tâm khảm cá nhân: đồng chí đã đại diện Bộ Chính trị cùng Bộ trưởng Xuân Thuỷ lãnh đạo Đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đàm phán với Mỹ tại Hội nghị Pari những năm 1968-1973; sau đó, đồng chí lại được Bộ Chính trị cử vào miền Nam để cùng các đồng chí Bộ Chính trị đã có mặt trong đó chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

*

* *

BUỔI TIỀN ĐƯA ĐẦY LƯU LUYẾN

Kính tặng anh LÊ ĐỨC THỌ

*Anh tiền tôi ra cửa,
Mái tóc anh tuyết trắng phau!
Tôi ngập ngừng một lúc sau:
"Thưa anh, đã bao tuổi?"
Anh nhìn tôi trù mếu,
Ôi! cái nhìn của một người anh.
Một người anh luôn luôn đứng ở đầu trận tuyến,
Của mẹ hiền, Tổ quốc Việt Nam.
Một người anh "trung hiếu" vẹn toàn với giang san,
Với Tổ quốc, với quân chúng lâm than.
Một người anh theo chân Bác,
Trọn đời vì nước vì dân.
"Tôi sáu mươi",
Tiếng anh nói tan đi trong giọng cười giòn giã.
Tôi trầm ngâm.
"Đã ba mươi năm.
Nhanh quá nhỉ!
Mới ngày nào,
Hồi thời gian với chiều sâu... và chiều cao.*

*Hay phía trước và đằng sau!
Sao mà chóng thế!"*
Nụ cười anh, vẫn nụ cười sau chiến thắng ở Pari.
"Hồi Pari căng lắm". Rồi anh nhỏ nhẹ:
"Còn đi chiến dịch thật ung dung".
Ừ! Ung dung thật, anh nhỉ,
Ung dung trong những bài thơ lạc quan, tươi trẻ.
"Nhưng giờ đây,
Sao mà căng thế,
Nào phá âm mưu kẻ thù,
Nào xây dựng chính trị,
Nào quét văn hoá đồi trụy của thực dân,
Nào phục hồi kinh tế, nhất là kinh tế.
Từng ngày... từng giờ... không dễ,
Phải đắn đo, suy nghĩ".
Căng thế, nhưng vẫn nụ cười rạng rỡ đầy lạc quan,
Trong những giờ phức tạp khó khăn,
Ở Hội nghị Pari lịch sử.
"Tôi còn làm việc nhiều lắm được dăm năm".
Tôi nghĩ thêm:
"Còn ít thế, sao anh?
Đâu có lẽ".
Giọng anh trầm trầm, lời anh thiết tha.
Và thoáng qua,
Có nét buồn trong câu nói đùa ý nhị.
Anh chìa bàn tay thân thiết:
"Anh đi bộ hay đi xe?"
"Tôi ở phố Hàm Nghi gần nên đi bộ",
"Thôi anh về nhé!".
Nắm bàn tay anh
Sao mà ấm thế

*Một niềm tin và cả một tình thương.
Tràn trề...
Tâm hồn và cả... mắt tôi.
"Còn ít thế sao anh? Đâu có lẽ".
Tôi ngoảnh mặt nhanh ra về,
Đôi mắt nhòa lệ.*

NHỮNG KỶ NIỆM CỦA TÔI VỀ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

GS. Phạm Như Cường*

Lần đầu tiên tôi được gặp đồng chí Lê Đức Thọ là khi đồng chí gặp đoàn cán bộ thứ ba được cử đi học lý luận Mác - Lênin ở Trường Đảng cao cấp Liên Xô tại Mátxcơva vào năm 1960, để căn dặn những điều cần thiết về nhiệm vụ và thái độ học tập. Tuy nhiên, trước đó tôi đã được nghe nói nhiều về đồng chí.

Năm 1964, sau khi ở Mátxcơva về đang chờ được bố trí công tác, vào tháng 5, tôi được đồng chí Lê Đức Thọ cho gọi lên gặp. Đây là cuộc gặp trực tiếp đầu tiên của tôi với đồng chí.

Đồng chí nói cho tôi biết là Ban Bí thư đã quyết định cử tôi làm Viện trưởng Viện Triết học thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước với nhiệm vụ định hướng lại hoạt động nghiên cứu và củng cố tổ chức của Viện Triết học. Tôi có phần bất ngờ về quyết định điều động đó, vẫn nghĩ rằng chắc mình sẽ tiếp tục công tác ở Trường Nguyễn Ái Quốc, như trước khi đi học cách đây bốn năm. Tình hình tư tưởng của anh chị em ở Viện Triết học lúc này có nhiều diễn biến phức tạp, tôi cũng chưa có bao nhiêu kinh nghiệm trong việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu khoa học, tuy đã được Đảng chú ý đào tạo, bồi dưỡng, cho đi học lần lượt ở Trường Đảng cao cấp ở Trung Quốc, Liên Xô, cộng lại là 6 năm. Thêm vào đó, lúc này Viện trưởng Viện Văn học là đồng chí Đặng Thai Mai, Viện trưởng Viện Sử học là đồng chí Trần Huy Liệu, đều là những đồng chí mà về tuổi đời, thời gian

* Nguyên: - Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng,
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội.

tham gia hoạt động cách mạng và uy tín học thuật trong ngành đã khá cao và vững chắc, không biết việc cử tôi làm Viện trưởng Viện Triết học có tương xứng và được đón nhận một cách thuận lợi không. Trong lòng tôi lúc đó vừa có sự phấn khởi về sự tín nhiệm của Đảng, vừa có sự băn khoăn không biết liệu mình có hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao không. Tôi đã trình bày những suy nghĩ đó với đồng chí Lê Đức Thọ. Đồng thời cũng mạnh bạo hỏi thêm: Tôi đi học ở Liên Xô về (lúc này quan điểm của ta và lãnh đạo Liên Xô về đường lối đấu tranh cách mạng có sự khác nhau lớn), thành phần xuất thân của tôi cũng không thuộc những thành phần cơ bản, liệu đồng chí và Ban Bí thư có yên tâm và tin tưởng không. Buổi gặp để giao công tác diễn ra khá dài, đồng chí Thọ chú ý lắng nghe, hỏi thêm trong khi nghe tôi nói và cuối cùng nói với tôi: Ban Bí thư và tôi đã cân nhắc và xem xét kỹ trước khi quyết định cử cậu làm Viện trưởng Viện Triết học lúc này. Có khó khăn phức tạp đấy, nhưng cố gắng làm tốt nhiệm vụ được giao. Tìm hiểu tình hình cho kỹ, dựa vào anh chị em, sửa chữa, uốn nắn những thiếu sót, sai lầm vừa qua, nhưng phải đoàn kết, quy tụ được anh chị em vào công việc. Những vấn đề thuộc về phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu thì tranh thủ xin ý kiến chỉ đạo của anh Ba, anh Năm. Phải khiêm tốn, nhưng cũng không nên tự ti, làm việc với một tư thế đàng hoàng.

Buổi gặp mặt này đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc. Những lời căn dặn của đồng chí Thọ đã động viên, chỉ dẫn cho tôi rất nhiều trong thời gian đầu về công tác ở Viện Triết học.

Vài việc mà tôi kể thêm dưới đây cũng giúp ta hiểu thêm về đồng chí Thọ trong công tác cán bộ, trong sự quan tâm đến số phận của những con em chúng ta khi mới bước vào đời.

Lúc tôi được cử làm Viện trưởng Viện Triết học thì Ban Bí thư chưa bổ nhiệm thêm ai làm Viện phó. Tôi có nêu vấn đề này với đồng chí Thọ để có người cùng chia sẻ trách nhiệm và tiến cử anh Vũ Khiêu, một đồng chí đã từng đi học với tôi ở Trường Đảng cao cấp Trung Quốc ở Bắc Kinh, cùng về công tác ở

Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Tôi hiểu anh Vũ Khiêu là người có tri thức uyên thâm về vốn văn hóa dân tộc, là một cây bút già dặn sắc sảo, lại đi sâu nhiều hơn so với tôi vào các lĩnh vực đạo đức học, mỹ học... Anh có chủ kiến riêng của mình trong các vấn đề, nhưng đúng là tính anh mềm mỏng, ít tham gia vào các cuộc tranh luận chính trị - lý luận thường diễn ra ở Viện lúc này. Anh Lê Đức Thọ đánh giá cao anh Khiêu, nhưng cũng thấy nhược điểm này của anh nên chưa đồng ý. Một thời gian sau, khi tình hình ổn định, hoạt động của Viện được đẩy mạnh hơn, tôi lại nêu lại đề nghị bổ nhiệm anh Vũ Khiêu làm Viện phó và đã được anh đồng ý. Ở đây tôi thấy rõ việc sử dụng cán bộ của anh Thọ là xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, không định kiến với cán bộ.

Từ những năm 1960, Chính phủ ta ký Hiệp định với các nước xã hội chủ nghĩa, hồi đó hàng năm gửi con em cán bộ và nhân dân đi đào tạo công nhân kỹ thuật. Con gái đầu của anh Vũ Khiêu đăng ký xin tuyển đi đào tạo ở Bungari. Mọi thủ tục đã làm xong, đã nhận hộ chiếu. Nhưng hai ngày trước khi lên đường cùng đoàn thì nhận được thông báo là cháu sẽ ở lại, không đi nữa và yêu cầu trả lại hộ chiếu. Không ai nói rõ lý do, nhưng chúng tôi ngầm hiểu rằng quyết định này có liên quan đến sự đánh giá không đúng của ai đó đã ngộ nhận về bố của cháu. Tôi hình dung rõ sự đảo lộn, bi quan, hoang mang về tâm lý, tình cảm của cháu. Phải tìm cách giúp cháu thoát khỏi cảnh ngộ đáng thương này. Nhưng bằng cách nào, vì với lẽ lối, quy trình giải quyết những vấn đề loại này, thời gian hai ngày không đủ để trải qua các khâu cần thiết trước khi đến được người có thẩm quyền. Suy đi tính lại, tôi thấy chỉ còn cách là trình bày thẳng trường hợp này lên đồng chí Lê Đức Thọ là người thường dám quyết đoán trước sự việc như thế này. Tôi làm việc đó với ý thức trách nhiệm - đạo đức của mình đối với anh Vũ Khiêu và con gái anh ấy. Tôi trình bày với đồng chí Lê Đức Thọ thực trạng trên đây.

Đồng chí Lê Đức Thọ cho ý kiến tôi là thẳng thắn, thấu

tình đạt lý, và kết quả đáng mừng là con gái anh Vũ Khiêu đã được nhận lại hộ chiếu và kịp lên đường đi Bungari cùng với các bạn.

Tôi chuyển ngành từ quân đội ra ngoài năm 1957, khi được Ban Bí thư điều về Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, lúc này được giao nhiệm vụ chuẩn bị để mở lớp học dài hạn về chủ nghĩa Mác - Lênin và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tôi vẫn nằm trong ngạch sĩ quan dự bị và vẫn có tình cảm sâu đậm với quân đội, nơi đào tạo, rèn luyện đầu tiên cho tôi có những phẩm chất của người cán bộ cách mạng. Khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc và chuyển sang chiến tranh cục bộ ở miền Nam, Bộ Quốc phòng đã có giấy gọi tôi trở lại quân đội. Khi nhận được tin báo, tôi coi đó là nghĩa vụ tự nhiên của mình, sẵn sàng lại một lần nữa lưng đeo ba lô, chân đi dép lốp lên đường. Nhưng khi Ủy ban Khoa học xã hội báo cáo lên Ban Bí thư thì đồng chí Lê Đức Thọ cho ý kiến: Ban Bí thư sẽ bàn lại với Bộ Quốc phòng, tuy bên quân đội cần thêm cán bộ, nhưng có nhiều nguồn bổ sung khác, còn mặt trận khoa học hiện nay đội ngũ cán bộ còn thiếu nhiều, nguồn bổ sung lại hiếm, mặt trận khoa học nay mai còn cần phát triển và ngày càng có vị trí quan trọng, không nên điều động đi số cán bộ hiện nay còn ít ỏi. Thế là tôi lại tiếp tục ở lại làm Viện trưởng Viện Triết học.

Cũng như sau đó, khi Hiệp định Pari đã được ký kết, tôi được Ban Thống nhất Trung ương gọi đi học lớp cán bộ chuẩn bị tăng cường cho mặt trận tư tưởng - văn hóa ở miền Nam. Nhưng khi học xong chờ nhận công tác lên đường thì lại có ý kiến của Ban Bí thư giữ lại. Đây không phải là một chính sách đối với cá nhân cán bộ, mà là một cách bố trí cán bộ có tầm nhìn xa; mặt trận khoa học - lý luận ngày càng quan trọng, có yêu cầu ngày càng cao, đội ngũ của chúng ta còn mỏng, sự trưởng thành của một cán bộ khoa học xã hội, cán bộ lý luận đòi hỏi nhiều công phu và thời gian, không nên xáo trộn, thay đổi công tác của họ một cách đơn giản. Một số kinh nghiệm, vấp vấp của chúng ta sau này trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy

và nghiên cứu lý luận đã chứng minh điều đó.

Trong quá trình công tác ở Viện Triết học và Ủy ban Khoa học xã hội, tôi có mấy lần được làm việc trực tiếp với đồng chí Lê Đức Thọ, lần thì tôi xin được gặp để xin ý kiến, đề xuất kiến nghị, lần thì đồng chí Lê Đức Thọ cho gọi đến. Điều đồng chí Lê Đức Thọ thường xuyên khuyên, nhắc nhở tôi qua những lần gặp là phải luôn luôn bám sát thực tế, điều tra nghiên cứu thực tế, đưa hơi thở của cuộc sống vào lý luận, tránh giáo điều sách vở, lý luận suông. Đó là một lời căn dặn, nhắc nhở không bao giờ thừa và vẫn còn ý nghĩa thực tiễn nóng hổi đối với sinh hoạt lý luận của chúng ta hiện nay.

Cho đến nay, công tác lý luận của chúng ta vẫn lạc hậu hơn so với cuộc sống. Theo tôi, điều đó có một nguyên nhân quan trọng là chúng ta chưa nhận diện đúng và đầy đủ về căn bệnh giáo điều để có quyết tâm và biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục nó.

Hai ấn tượng sâu đậm đọng lại trong tôi về đồng chí Lê Đức Thọ cho đến nay là lần được nghe đồng chí Lê Đức Thọ kể về những thu hoạch, cảm nhận nóng hổi của mình sau khi đi thăm cán bộ và chiến sĩ các đơn vị bộ đội chốt giữ các điểm ở biên giới phía Bắc, và lần đồng chí yêu cầu tôi phát biểu ý kiến riêng của mình với tư cách là người nghiên cứu về chế độ làm chủ tập thể. Một cách nói chuyện rất tâm tình, chia sẻ những cảm nhận và lắng nghe những ý kiến của cán bộ. Theo tôi đây là những phẩm chất rất đáng quý của đồng chí.

Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng ta trong một thời gian dài. Cống hiến to lớn của đồng chí không chỉ trong phạm vi công tác tổ chức - cán bộ, mà cả trong nhiều lĩnh vực khác, đặc biệt là trong ngoại giao, quân sự.

Những điều tôi trình bày trên đây chỉ là những kỷ niệm của một cán bộ trung, cao cấp bình thường, đã có dịp được làm việc trực tiếp với đồng chí Lê Đức Thọ về công việc mà mình được giao. Tuy vậy, qua những việc cụ thể này cũng có thể thấy được một số nét đáng trân trọng về con người, tính cách của đồng chí Lê Đức Thọ.

Trong một lần làm việc với các cán bộ sử học vào tháng 9-1988, đồng chí Trường Chinh có nói: "Việc phản ánh chân thực lịch sử là yêu cầu số một. Yêu cầu đó phải được bảo đảm khi viết về lịch sử của Đảng, cũng như về cuộc đời hoạt động của một cá nhân. Không tô hồng, thay thế sự thật lịch sử bằng giai thoại lịch sử, nhưng cũng không bôi đen, vấy bùn nhơ lên lịch sử".

Để tỏ lòng kính mến đối với đồng chí Lê Đức Thọ, một chiến sĩ cộng sản thuộc lớp đảng viên đầu tiên của Đảng đã hy sinh suốt cuộc đời của mình vì lý tưởng cao cả, người cán bộ lãnh đạo trung kiên, xuất sắc đã có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, tôi xin viết đôi dòng về đồng chí.

*
* *

Giới thiệu cho cán bộ, nhân dân một sự hiểu biết, đánh giá khách quan, công bằng về những đồng chí đã từng hiến dâng cả cuộc đời mình và có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc là việc làm cần thiết, đúng lúc. Đó cũng là những kinh nghiệm và bài học quý báu cho đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay trong việc phấn đấu nâng cao trí tuệ và phẩm chất của mình.

Đó còn là nghĩa vụ tâm linh đối với những đồng chí đã đi xa, nghĩa vụ tình cảm, đạo đức đối với những người thân trong gia đình của những đồng chí đó đang cùng chúng ta nối tiếp sự nghiệp của cha anh.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP CÁCH MẠNG SÁNG TẠO

TS. Bùi Công Hùng*

Trong một số lần được trực tiếp tiếp xúc, làm việc với đồng chí Lê Đức Thọ, và qua nhiều tác phẩm đồng chí để lại cho đời, tôi nhận thấy đồng chí Lê Đức Thọ không chỉ là nhà lãnh đạo xuất sắc về công tác tổ chức, ngoại giao, quân sự, mà còn là nhà tư tưởng, nhà lý luận của Đảng, của cách mạng nước ta, xứng đáng là học trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Qua hơn hai mươi tác phẩm của đồng chí Lê Đức Thọ, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta, mà tôi đã được đọc, tôi thấy đồng chí Lê Đức Thọ đã quan tâm nhiều vấn đề, đặc biệt là vấn đề *phương pháp cách mạng sáng tạo* bên cạnh các vấn đề khác như công tác tư tưởng, công tác bồi dưỡng của đảng viên. Đảng ta đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam làm Cách mạng Tháng Tám thành công, xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đảng ta đã có chiến lược và sách lược tài tình để đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và thực dân mới Hoa Kỳ, để bảo vệ nền độc lập tự do thiêng liêng của Tổ quốc, để vừa xây dựng, làm tròn nghĩa vụ dân tộc, vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế vô sản. Các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta, trong đó có đồng chí Lê Đức Thọ, đã sáng tạo phương pháp cách mạng mới mẻ, độc đáo, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở cách mạng thực tiễn của dân tộc, trên cơ sở truyền thống lâu đời, kinh nghiệm lâu đời

* Nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí *Văn học*, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

của dân tộc, trên cơ sở nhân dân làm chủ tập thể lịch sử dân tộc, vận mệnh dân tộc.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã từng suy nghĩ, đã từng trực tiếp tham gia lãnh đạo kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, Hội đàm ở Pari, chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tham gia nghĩa vụ quốc tế, tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng ta và đã đúc kết về lý luận trong nhiều quyển sách từ năm 1949 đến năm 1989.

Muốn chọn lựa được phương pháp cách mạng sáng tạo, việc đầu tiên có tính nguyên tắc, có tính quyết định là phải thấu suốt, nắm vững sâu sắc một cách chủ động, toàn diện chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm được kinh nghiệm cách mạng thế giới trong lịch sử thế giới, nắm được kinh nghiệm đấu tranh của dân tộc và giai cấp qua lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng. Ngay từ năm 1949, trong Hội nghị cán bộ toàn Nam Bộ lần thứ hai, tháng 10-1949, đồng chí Lê Đức Thọ đã phê phán khuynh hướng khinh thường lý luận, chỉ chú trọng kinh nghiệm cụ thể, vì nếu không nắm vững các nguyên lý lý luận cơ bản thì chẳng những không thể sáng tạo đúng hướng, mà còn có thể xảy ra tả khuynh hoặc hữu khuynh, hoặc xét lại hoặc giáo điều. Đồng chí đã nhấn mạnh nguyên tắc cơ bản này: "Việc học tập, Trung ương đã ra nghị quyết từ sau Cách mạng Tháng Tám, bắt các đồng chí mỗi ngày phải bỏ ra hai giờ học tập, Trung ương đã sớm nhận thấy các đồng chí cũ thì kém văn hóa, các đồng chí mới thì chính trị còn non, nếu không học tập thì không thể lãnh đạo chính quyền được. Nghị quyết đó đã gần bốn năm, Đảng bộ Bắc Trung đã đem lại ít nhiều kết quả, nhưng riêng Nam Bộ chúng ta có thể nói gần như không có học tập... Những đồng chí có kinh nghiệm công tác lại còn khinh thường lý luận đã trở nên hẹp hòi thiển cận... Số sách báo xuất bản còn không đủ và phát hành không phổ cập đến tận chi bộ"¹.

Có lý luận, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững

1. *Gấp tiến tới xây dựng một Đảng quần chúng mạnh mẽ*, Tỉnh ủy Cần Thơ phát hành, 1950.

kiến thức văn hóa nhân loại và dân tộc, người lãnh đạo cách mạng trong quá trình lãnh đạo cách mạng mới có *tầm nhìn bao quát*, không sa vào thiển cận, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa, bè phái. Khi nói về Lênin, nhân kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Người, đồng chí Lê Đức Thọ đã nêu lên vai trò của tầm nhìn đó, vị trí quan trọng của sự kết hợp giữa cách mạng và khoa học. Vì sáng tạo ấy là sáng tạo trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, phê phán, sáng tạo trên những phương hướng chiến lược đã thống nhất. Sáng tạo tùy tiện không có bờ bến, vô nguyên tắc, thì có khả năng trở thành xét lại, chống lại chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nói đến V.I. Lênin, đồng chí Lê Đức Thọ nhấn mạnh đặc điểm này: "Là phượng hoàng đại ngàn của cách mạng thế giới, Lênin đã nêu tấm gương mẫu mực của người lãnh đạo và người cộng sản, có tầm nhìn bao trùm toàn thế giới và khái quát cả thời đại, luôn kết hợp cách mạng với khoa học, lý luận với thực tiễn, đầy nhiệt tình, năng động, dũng cảm, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, khó khăn cũng bình tĩnh, sáng suốt, tin tưởng không bờ bến vào sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, suốt đời sống giản dị và gần gũi với quần chúng"¹.

Muốn sáng tạo phương pháp cách mạng mới, còn phải hoạt động lăn lộn trong thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, nâng lên thành lý luận. Ở trong thực tiễn, lý luận trong quá trình vận động sẽ bộc lộ mặt mạnh, yếu, sẽ phát triển. Quy luật sẽ biểu hiện trong những hoạt động cụ thể, hoạt động cụ thể giúp ta tìm ra quy luật sâu xa bên trong. Bao giờ đồng chí Lê Đức Thọ cũng dành phần đúc kết các bài học rút ra từ tình hình cụ thể. Để đúc kết lý luận về chế độ quản lý mới trong hợp tác nông nghiệp, đồng chí Lê Đức Thọ đã đến các hợp tác xã Vũ Thắng, Đông Vinh, Đông Quang, Minh Quang, Phú Lương, Hải Vân, Khánh Phú,

Lộc Hạ, các huyện Đông Hưng, Nam Ninh thuộc các tỉnh Thái Bình, Hà Nam Ninh. Càng đi sâu, lắng nghe, đồng chí càng tin rằng: "Phải lắng nghe ý kiến quần chúng, lắng nghe những ý kiến "thuận tai" cũng như ý kiến "trái tai", tổng kết những sáng kiến của quần chúng để bổ sung chính sách... Tình hình đang khó khăn, nhưng khó khăn thường là những vấn đề cụ thể, những vấn đề cụ thể lại phải được xem xét và đánh giá nó trong thực tiễn đầy sinh động và dưới ánh sáng đường lối của Đảng. Sáng kiến về khoán sản phẩm càng làm cho chúng ta tin tưởng một chân lý mà Lênin thường nhắc nhở chúng ta: "Quần chúng luôn luôn sáng tạo"¹. Đồng chí Lê Đức Thọ coi trọng việc lăn mình vào hoạt động thực tiễn, kiểm tra và bổ sung đường lối trong thực tiễn đấu tranh và cách mạng: "để biến Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng thành hiện thực, cụ thể và hành động phải là khẩu hiệu của chúng ta. Phải cụ thể thì mới hành động được... Lăn mình vào hành động lại là một dịp để kiểm nghiệm chính sách của chúng ta, kịp thời bổ sung, làm cho chính sách cụ thể hơn nữa, gần với cuộc sống hơn nữa, do đó có khả năng trở thành hiện thực hơn nữa"².

Đồng chí Lê Đức Thọ quan niệm một cách hoàn chỉnh về nội dung của tổ chức thực tiễn: "Nói tổ chức thực tiễn là nói đến hàng loạt những khâu hoạt động hợp thành một hệ thống hoàn chỉnh từ đề ra chủ trương thích hợp đến thực hiện đạt kết quả cụ thể và tổng kết kinh nghiệm rút ra những bài học bổ ích"³.

Để có được phương pháp sáng tạo cách mạng, đồng chí Lê Đức Thọ cho rằng cần phải có tinh thần cách mạng tiến công, năng động, dám nghĩ, dám làm; kiên cường trong đấu tranh và dũng cảm chống bảo thủ trì trệ. Ngay từ năm 1949, đồng chí Lê

1. Lê Duẩn - Lê Đức Thọ: *Kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh V.I. Lênin*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.

1,2. Xem: Lê Đức Thọ: *Phát huy nhân tố mới, hoàn chỉnh chế độ quản lý mới trong hợp tác xã nông nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.

3. Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, ngày 27-3-1982. Báo Nhân Dân, ngày 31-3 và ngày 1-4-1982.

Đức Thọ đã phê phán thái độ rụt đầu, rụt cổ, uốn éo, quanh co, quan liêu, trống rỗng: "Chính sách đường lối trung gian không phải là chính sách của Đảng ta, đó là chính sách của một chính đảng rụt đầu, rụt cổ, uốn éo, quanh co, ngày càng hủ bại. Chính sách đó không tránh khỏi làm cho Đảng hóa ra một cơ quan quan liêu, trống rỗng, không khác gì tượng gỗ, không gây được tác động gì, mà lại xa lìa giai cấp công nhân"¹.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã chỉ ra bảo thủ trì trệ thể hiện trên ba mặt:

1. Không kịp thời sửa đổi cơ chế quản lý bao cấp, trói buộc bên dưới nặng nề, không kịp thời đề ra cơ chế quản lý mới và chủ trương mới, những chính sách và đòn bẩy kinh tế.

2. Kéo dài tình trạng kém cỏi trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Cơ chế hành chính quan liêu bao cấp.

3. Bảo thủ trì trệ trong tất cả các khâu công tác cán bộ². Đồng chí Lê Đức Thọ đã nói lên tình trạng bảo thủ trì trệ, bằng hình ảnh "đi lên dốc bằng chiếc xe bò bánh vuông". Xe bò bánh vuông mà leo dốc thì còn gì là tốc độ, còn gì là sức mạnh, sự trì trệ là lẽ đương nhiên. Nhưng đồng thời, đồng chí Lê Đức Thọ cũng nhìn nhận một cách đúng đắn và toàn diện. Từ khó khăn, từ vấp vấp, điều quan trọng hơn cả mà Đảng ta đã biết rút được các bài học kinh nghiệm để tiến lên, chứ không bi quan, nản chí, mà rút kinh nghiệm để tiến hành cách mạng nhanh hơn, tốt hơn. Cách nhìn nhận vấn đề sáng suốt, tỉnh táo rất cần thiết trong quá trình tìm tòi phương pháp cách mạng thích hợp "Điều quan trọng là Đảng ta đã rút ra được bài học kinh nghiệm quý báu trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội"³.

Từ các quan điểm nói trên, đồng chí Lê Đức Thọ cho rằng Đảng ta đã sáng tạo ra phương pháp cách mạng mới thích hợp với từng thời kỳ, từng đối tượng, có nhiều đóng góp cho kho tàng

1. *Gấp tiến tới xây dựng một Đảng quân chúng mạnh mẽ*, Tỉnh uỷ Cần Thơ phát hành, 1950.

2,3. Lê Đức Thọ: *Phấn đấu nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.

kinh nghiệm cách mạng thế giới. Đó là thành tựu nổi bật của Đảng ta. Đảng ta là một Đảng có tính chiến đấu cao, lại là một Đảng trình độ lý luận cao, có nhiều lãnh tụ có sức sáng tạo mạnh mẽ như Bác Hồ, như đồng chí Lê Duẩn... Sự sáng tạo ấy thể hiện trong các mặt:

- Lãnh đạo đường lối,

- Hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh. "Lịch sử cách mạng nước ta trong nửa thế kỷ qua chứng minh Đảng ta thật sự là một Đảng Mác - Lênin không những về phương diện lãnh đạo đường lối mà còn cả về phương diện sáng tạo hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh. Đúc kết được nhiều kinh nghiệm phong phú và độc đáo về phương pháp cách mạng là một thành tựu nổi bật của Đảng ta"¹.

Đồng chí Lê Đức Thọ cho rằng Đảng ta sáng tạo được phương pháp cách mạng đúng đắn nhờ ba nguyên nhân cơ bản:

- + Triệt để khai thác một cách sáng tạo kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- + Coi trọng tổng kết tình hình thực tế.

- + Nắm vững nguyên tắc liên hệ chặt chẽ với quần chúng, với thực tiễn chống quan liêu, chủ quan, bảo thủ, chống tự do vô kỷ luật, thiếu dân chủ, vô trách nhiệm².

Song để sáng tạo phương pháp cách mạng mạnh mẽ hơn, đồng chí cũng cho rằng ta cần có "một cơ cấu làm việc đồng bộ và mạnh từ cơ quan đến cơ sở, cần xây dựng được phong cách và chế độ làm việc cách mạng khoa học" hơn nữa, đồng chí Lê Đức Thọ quan tâm đến việc đổi mới phương pháp làm việc vì: phương pháp và chế độ làm việc là một yếu tố đặc biệt để bảo đảm tính chính xác của việc đặt ra các quyết định và biến nó thành

1. Xem: Lê Duẩn - Lê Đức Thọ: *Kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh V.I.Lênin*, Sđd.

2. Xem: *Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, ngày 27-3-1982, báo *Nhân Dân* ngày 31-3 và ngày 1-4-1982.

hiện thực¹. Đó là phương pháp lãnh đạo và tác phong công nghiệp mà chúng ta cần phấn đấu xây dựng.

Sự sáng tạo phương pháp cách mạng của Đảng ta theo đồng chí Lê Đức Thọ là thể hiện tinh thần độc lập tự chủ và sự sáng tạo ấy có được còn nhờ vào các yếu tố cụ thể hơn:

1. Phân tích sắc bén tình hình,
2. Có chiến lược cách mạng tiến công,
3. Khéo phối hợp mọi lực lượng,
4. Sử dụng sức mạnh tổng hợp của Đảng¹.

Nội dung cụ thể của việc sáng tạo phương pháp cách mạng theo đồng chí Lê Đức Thọ phải bao gồm cả ba khâu công tác lãnh đạo cụ thể:

1. Lãnh đạo chính trị,
2. Lãnh đạo tổ chức,
3. Lãnh đạo xây dựng đường lối chính sách³.

Phương pháp cách mạng sáng tạo của Đảng thể hiện sự "kiên cường vững vàng về đường lối, đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi thử thách nghiêm trọng của đất nước, luôn phát huy tinh thần cách mạng tiến công để đưa cách mạng tiến không ngừng". Có được phương pháp cách mạng sáng tạo là nhờ: Đảng ta đã nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã phấn đấu cao để làm tròn nghĩa vụ quốc tế⁴.

Phương pháp cách mạng sáng tạo chỉ là một trong các vấn đề mà đồng chí Lê Đức Thọ quan tâm. Trong bài này, tôi chỉ trình bày sơ qua một cách có hệ thống vấn đề mà đồng chí Lê Đức Thọ đã nghiên cứu và đúc kết trong cuộc đời hoạt động của đồng chí. Sự phát triển lý luận của đồng chí Lê Đức Thọ còn phong phú, đa dạng hơn, nhất là trong lĩnh vực tổ chức quản lý

1,4. Xem: *Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, ngày 27-3-1982, báo *Nhân Dân* ngày 31-3 và ngày 1-4-1982.

cán bộ, lĩnh vực đối ngoại, lĩnh vực an ninh, lĩnh vực xây dựng Đảng, lĩnh vực văn nghệ mà tôi không đề cập trong bài viết nhỏ này.

Đồng chí Lê Đức Thọ ra đi đã 10 năm², nhưng những bài học về lý luận mà đồng chí Lê Đức Thọ đề cập vẫn có tính thời sự nóng hổi, vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu vận dụng trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, trong chỉ đạo công tác cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

1,3. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.

2. Năm 2000 (B.T).

KỶ NIỆM VỀ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

GS, TS. Nguyễn Ngọc Trân*

Phong trào Việt kiều tại Pháp có may mắn đặc biệt đã được Bác Hồ gây dựng cách đây 81 năm, khi Bác, lúc đó là Nguyễn Ái Quốc, thành lập *Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp*, và đã được nhiều dịp gặp các vị lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Tôi còn nhớ trong những năm chống Mỹ, cứu nước, qua mỗi lần được tiếp xúc, phong trào như được tiếp thêm sức mạnh và niềm tin, sự gắn bó với đất nước được quyen chặt thêm, bất chấp không gian, cách trở, bất chấp những nguy hiểm mà chính quyền Sài Gòn có thể gây ra cho bản thân và cho gia đình chúng tôi ở miền Nam.

Người mà phong trào đã được gần gũi trong nhiều năm, và đã để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc, là đồng chí Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, khi đồng chí dẫn dắt, cùng với đồng chí Bộ trưởng Xuân Thủy, công việc đàm phán tại Hội nghị Pari về Việt Nam từ năm 1968 đến năm 1973.

Chúng tôi vẫn thường nói với nhau, thời gian Hội nghị Pari về Việt Nam là những năm tháng vô cùng quý báu, đầy ý nghĩa đối với phong trào và đối với mỗi anh chị em chúng tôi. Bằng việc trong nước lựa chọn Pari làm nơi đàm phán với Mỹ, chúng tôi cũng nhận thức được rằng chúng tôi phải cố gắng công tác gấp đôi, gấp ba để xứng đáng với sự tin cậy mà trong

* Nguyên: - Đại biểu Quốc hội khóa X, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước,
- Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài,
- Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

nước đặt vào phong trào.

Tôi vẫn còn nhớ rõ ba hình ảnh về đồng chí Lê Đức Thọ: nét mặt tập trung và bước đi "như đo như đếm" trong sân Choisy Le Roi¹; nét mặt khi đồng chí gặp lại Ngoại trưởng Mỹ Kítxinhgiơ ngay sau khi Mỹ ném bom B52 suốt 12 ngày đêm Hà Nội, Hải Phòng và nét mặt thân thương gần gũi khi đồng chí gặp gỡ kiều bào và các cháu thiếu nhi.

Hình ảnh đầu tiên gợi cho tôi liên nghĩ tới những năm tháng đồng chí đã trải qua trong ngục tù của thực dân đế quốc. Đối với tôi, hình ảnh đó là biểu tượng về niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, đạt được bằng từng bước vững chắc.

Nét mặt thứ hai đối với tôi thể hiện vừa sự kiên định, vừa sự căm ghét, khinh miệt thái độ lạt lọng, tráo trở đầy tội lỗi. Tôi hiểu thêm phần nào quyết định của đồng chí không nhận Giải thưởng Nôben Hòa bình vì đã không có sự phân biệt giữa xâm lược và bị xâm lược.

Hình ảnh thứ ba tôi cảm nhận được qua nét mặt của đồng chí là cả niềm thương yêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân trong nước dành cho kiều bào, là niềm động viên chúng tôi hãy sống xứng đáng với hình ảnh của nhân dân Việt Nam trong mắt nhân dân Pháp, nhân dân các nước; hãy cố gắng trau dồi chuyên môn, tinh thông một ngành, một nghề, để khi đất nước hòa bình thống nhất, trở về nước phục vụ.

Ba hình ảnh trên đây, cùng với những năm tháng phong trào Việt kiều được tiếp xúc với đồng chí, với Bộ trưởng Xuân Thủy và với hai đoàn đàm phán, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam, là một phần đặc biệt quan trọng trong vốn sống của chúng tôi, là những bài học kinh nghiệm cho công tác mà suốt đời chúng tôi khắc mãi vào tâm trí.

1. Trụ sở của Phái đoàn nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Trường Đảng Maurice Thorez của Đảng Cộng sản Pháp, đặt tại Choisy Le Roi, ngoại ô đông nam của Pari.

Tháng 9-1976, tôi về nước cùng với gia đình, giảng dạy ở Trường đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, rồi sau đó ra Hà Nội công tác.

Tôi rất cảm động vì đồng chí Lê Đức Thọ, mặc dù bề bộn công tác vẫn luôn nhớ đến phong trào ở Pháp. Mỗi lần gặp tôi, dù chỉ trong khoảnh khắc, đồng chí đều hỏi về Hội người Việt Nam tại Pháp, các Hội Phụ lão, Công nhân, Công thương, các Hội trí thức, sinh viên, Báo *Đoàn kết*. Đồng chí còn nhớ từng người, cụ Ty, cụ Mạc (Hội Phụ lão), anh Đồng, anh Châu, anh Nghiệp, anh Thiều, anh Khải, bác Hoàng Xuân Hãn, bác sĩ Hoàng Xuân Mãn, kiến trúc sư Võ Thành Nghĩa, giáo sư Bùi Trọng Liễu,... đồng chí không quên bác sĩ Phan, bác sĩ Jeanne Phi, bác sĩ Hoàng, bác sĩ nha khoa Nguyễn Vĩnh Huê và các anh chị khác, những người đã chăm sóc sức khỏe cho hai đoàn đàm phán. Đồng chí cũng rất quan tâm đến tình hình kiều bào ở các nước khác trên thế giới. Mỗi lần, đồng chí đều nhắc đến sự cần thiết phải củng cố Hội và mở rộng đoàn kết.

Đối với những anh chị em đã về nước sau năm 1975, đồng chí không quên hỏi thăm từng người, từng gia đình, anh Hà, chị Huệ, anh Mỹ, anh Ủy, chị Phụng, anh Hiền, chị Yến, anh Nhường, chị Ngọc Phụng, anh An, chị Vân, anh Anh, chị Mai, anh Bình, chị Vân, anh Thọ, anh Cương,... sinh sống ra sao, công tác có thuận lợi không và các cháu học hành có giỏi không. Vào dịp Tết, mỗi khi vào Thành phố Hồ Chí Minh công tác, đồng chí không quên cho gọi chúng tôi đến đón Xuân. Nhắc chuyện Pari, nói chuyện hôm nay, chúng tôi hiểu đồng chí muốn nhắn nhủ chúng tôi giữ mãi nhiệt tình cách mạng, công tác không tính toán riêng tư như ngày trước để hăng hái tham gia vào công cuộc xây dựng Tổ quốc hòa bình, thống nhất hôm nay.

Tôi còn nhớ, như mới hôm nào, một buổi sáng năm 1985, đồng chí cho gọi tôi lên gặp như thỉnh thoảng đồng chí vẫn làm. Trong câu chuyện, đột nhiên đồng chí hỏi tôi: "Cậu hiểu quản lý

Nhà nước như thế nào?"¹. Tôi có hơi bị động và sau một thoáng lựa lời, tôi đã đáp: "Thưa anh², theo tôi nghĩ đó là Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở để cơ sở hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ mà Nhà nước muốn cơ sở làm, nhằm đạt được mục tiêu chung mà Nhà nước đề ra". Nghe tôi nói xong, đồng chí mỉm cười. Một lát sau, đồng chí nói: "Quản lý Nhà nước phải sâu sát. Phải về cơ sở, đi thực tế. Nhưng chưa đủ. Muốn sâu sát còn *phải biết nghe, phải biết nhìn và phải biết hỏi*". Tôi nhớ mãi những kinh nghiệm công tác súc tích mà tôi đã nhận được, những kinh nghiệm đã giúp ích tôi rất nhiều trong công tác cho tới nay.

Năm 1990, được tin đồng chí Lê Đức Thọ đau nặng, khó qua khỏi, tôi liên hệ với bác sĩ Thuận để xin vào thăm. Đến hẹn, trước khi tôi vào phòng, anh Thuận dặn: "Anh Sáu rất yếu, anh chỉ thăm 15 phút thôi nhé. Nhớ đừng nói chuyện gì làm anh Sáu phải suy nghĩ". Tôi hứa. Đồng chí lại là người luôn chủ động hỏi tôi. Lần thứ nhất, anh Thuận vào, đồng chí ra dấu để tôi ở lại thêm. Lần thứ hai, tôi đứng lên giã từ. Siết tay tôi, đồng chí nói: "Mình gặp cậu lần gặp này là lần chót. Mình hôn Hồng và hai cháu. Trân nói với Hà, Huệ, Uỷ, Phượng, Nghiệp, Châu, Đồng và anh em quen biết là mình chào từ biệt. Cố gắng công tác thật tốt. Làm thật tốt mọi nhiệm vụ Đảng giao. Đó là tính Đảng".

Nghẹn ngào, tôi ôm hôn từ biệt đồng chí, lòng tràn đầy thương kính.

1. Lúc này, tôi là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.

2. Trong giao tiếp từ khi còn ở Pari, đồng chí đề nghị chúng tôi gọi đồng chí là anh Sáu cho thân mật.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC

Lưu Văn Mẫn*

Một hôm, vào khoảng giữa năm 1985, đồng chí Bí thư chi bộ nơi đồng chí Lê Đức Thọ sinh hoạt Đảng (chúng tôi thường gọi là Chi bộ đồng chí Sáu Thọ), mời tôi, khi đó là Phó Văn phòng Trung ương, Bí thư Đảng uỷ cơ quan, sang dự cuộc họp chi bộ kiểm điểm một đồng chí đảng viên phạm khuyết điểm.

Lúc tôi sang đến nơi đã thấy đồng chí Lê Đức Thọ đang nói chuyện vui vẻ với anh chị em trong chi bộ. Sau khi đồng chí đảng viên trình bày xong bản tự kiểm điểm, một số đồng chí trong chi bộ phát biểu ý kiến. Đến lượt mình, đồng chí Sáu Thọ đã phân tích rõ ưu, khuyết điểm của đồng chí đảng viên này, sau cùng, đồng chí đề nghị: "Cho đồng chí đảng viên đó trở về cơ quan cũ, thôi không giúp công tác của đồng chí nữa; thế cũng là kỷ luật rồi, không nên có hình thức gì khác". Chi bộ thảo luận thêm một lúc rồi kết luận nhất trí với ý kiến của đồng chí Sáu Thọ.

Cuối tuần, trong cuộc họp thường kỳ của Thường vụ Đảng uỷ cơ quan, trong đó có đồng chí Uỷ viên Thường vụ, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra của Đảng uỷ, tôi báo cáo lại sự việc và ý kiến của chi bộ, trong đó có ý kiến của đồng chí Lê Đức Thọ đề nghị không có hình thức kỷ luật gì đối với đồng chí đảng viên phạm sai lầm nói trên.

Thường vụ Đảng uỷ thảo luận thấy: mấy năm qua, trong

* Nguyên Phó Văn phòng Trung ương Đảng, Bí thư Đảng uỷ cơ quan.

Đảng bộ cơ quan Văn phòng Trung ương ít có các vụ kỷ luật Đảng, nhưng một, hai vụ phạm khuyết điểm còn nhẹ hơn vụ này mà cũng có hình thức kỷ luật; trường hợp này, nếu không thi hành kỷ luật cảnh cáo thì khó giáo dục đảng viên trong Đảng bộ. Thường vụ Đảng uỷ giao cho tôi sang báo cáo lại với đồng chí Sáu Thọ và chi bộ. Khi đó, tôi cũng khá băn khoăn thấy ý kiến của Thường vụ Đảng uỷ cơ quan khác với ý kiến của đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị thì trình bày sao đây.

Tôi trao đổi với đồng chí Bí thư chi bộ và đề nghị thu xếp để tôi sang báo cáo lại với đồng chí Sáu Thọ. Đồng chí Sáu Thọ cho tôi gặp ngay buổi chiều hôm đó sau khi đồng chí đi họp về.

Thấy tôi đến, đồng chí vui vẻ hỏi: "Có việc gì đấy?". Tôi cũng vững tâm và trình bày hết ý kiến của Thường vụ Đảng uỷ. Đồng chí Sáu Thọ hỏi kỹ thêm một số vụ kỷ luật trước đây trong Đảng bộ. Sau đó, đồng chí cười hiền hậu và nói: "Thôi, Thường vụ Đảng uỷ đã quyết định như thế thì tôi chấp hành. Anh về báo cáo lại với Thường vụ Đảng uỷ".

Tôi ra về, lòng thật sự nhẹ nhõm và phấn khởi với ý nghĩ: "Đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng mà sinh hoạt chi bộ đều và quan tâm lắng nghe ý kiến của Đảng bộ cơ sở như thế thì thuận lợi cho việc giáo dục đảng viên biết bao".

NHỚ VỀ ANH SÁU THỌ VỚI TẤM LÒNG TÔN KÍNH VÀ CẢM PHỤC

Lưu Văn Lợi*

Ngày 2-6-1968 là ngày đáng ghi nhớ trong đời tôi: Lần đầu tiên tôi được tiếp cận với anh Sáu Thọ tại một biệt thự trên "Đồi Lênin" Mátxcơva, nơi anh Thọ dừng chân trên đường đi dự Hội nghị Pari với tư cách Cố vấn đặc biệt của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Xuân Thủy làm Trưởng đoàn.

Anh Thọ vừa tới sân bay, bạn đã thông báo: lãnh đạo cao cấp Liên Xô sẽ đến thăm và đề nghị hội đàm với anh tại biệt thự.

Anh Thọ yêu cầu sứ quán báo cáo tin tức mới nhất xung quanh Hội nghị Pari, dư luận thế giới. Đại sứ Nguyễn Thọ Chân báo cáo vắn tắt tình hình Liên Xô, quan hệ giữa hai nước. Tôi được phân công làm tin cho anh Thọ, đúng "nghề" của tôi là tùy viên Phòng Văn hóa báo chí, vẫn thường tổng kết tin tức hằng tuần cho đại sứ quán và lưu học sinh tại Mátxcơva. Anh Thọ nghe và hỏi rất kỹ về dư luận Mỹ và phương Tây. Tôi như học trò thuộc bài, nên tự tin. Làm tin vừa xong thì lãnh đạo cao cấp của Liên Xô đến. Tôi phiên dịch luôn cho anh Thọ trong hội đàm.

Một bất ngờ lớn đối với tôi là sau bữa cơm tối, anh Thọ gọi tôi và anh Phạm Thế Đống (thư ký riêng của anh Thọ) vào phòng khách và nói: "Cậu Lợi thu xếp mai cùng đi với tôi sang Pari. Tôi cần người thông thạo ngoại giao ngoại ngữ đi với tôi.

* Nguyên: - Thư ký riêng đồng chí Lê Đức Thọ,
- Chuyên viên cao cấp Bộ Ngoại giao,
- Phó Bí thư Đảng ủy, Tham tán công sứ Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô.

Công việc cụ thể, cậu Đống sẽ trao đổi với cậu. Nếu không kịp làm thủ tục thì cậu sang sau, nhưng cần sang sớm. Cậu Đống sẽ nói với Đại sứ để điện về Bộ Ngoại giao ý kiến của tôi". Trước quyết định của anh Thọ, tôi vừa vui, vừa lo. Vui vì được đi phục vụ một đồng chí lãnh đạo Đảng quan trọng như anh vào thời điểm lịch sử có một không hai. Còn lo là do công việc mới mẻ và vô cùng phức tạp. Nghe anh Đống phác họa công việc của thư ký, tôi yên tâm, khẩn trương bàn giao, và làm thủ tục "đi Tây" như anh Thọ dặn. Tôi trở thành người giúp việc cho anh Thọ từ dạo đó cho tới cuối năm 1980 thì bị ốm nặng. Anh Thọ cho tôi trở lại ngành ngoại giao để có điều kiện kết hợp trị bệnh sau 12 năm công tác liên tục với anh.

Anh Thọ rất lo cho sức khỏe của tôi. Lúc đầu anh nói với Ban Tổ chức Trung ương cho tôi đi nghỉ ở Ba Lan, nhưng theo ý kiến bác sĩ, tôi phải được chữa lâu dài và cơ bản.

Tôi sang lại địa bàn Liên Xô quen thuộc công tác nhiệm kỳ thứ ba. Thỉnh thoảng tôi biên thư thăm anh và gia đình. Anh tự tay biên thư cho tôi đôi lần. Tôi còn giữ làm kỷ niệm thư của anh gửi cho tôi năm 1982. Anh viết: "Lúc này công việc bê bối quá lại nhớ tới cậu. Lúc nào về thì lại về chỗ mình làm việc. Hồi này bận Đại hội không mở mắt ra được, không lấy một ngày nghỉ. Đã xong phần Báo cáo chính trị và Báo cáo xây dựng Đảng đã được Hội nghị Trung ương thông qua. Nay đến phần nhân sự là hóc búa nhất. Đòi hoạt động cách mạng của mình khó nhất là vấn đề này, nhưng sẽ cố gắng làm tốt".

Năm 1984 về nước, tôi đến chào anh và gia đình. Thấy tôi sức khỏe khá trở lại, anh bảo: "Cậu nghỉ đi vài ngày rồi lại về làm việc với mình. Công việc đỡ hơn rồi, không vất vả như trước đâu. Vả lại bây giờ tôi dùng hai thư ký cũng đỡ bận hơn. Công việc của cậu bây giờ là giúp tôi mảng công tác ngoại giao, tư tưởng, văn hóa - văn nghệ - báo chí, giải quyết thư từ, quản lý văn phòng và nắm tin tức hằng ngày. Có hai thư ký nên phải phân công rõ cho dễ làm việc".

So với trước, công việc của tôi thế là nhẹ đi nhiều. Nghe anh tâm tình và giao việc, tôi tâm niệm lời anh lúc này là thế

hiện tình cảm và tín nhiệm của anh đối với tôi. Tôi hiểu điều đó và thậm chí phải cố gắng không phụ lòng tin của anh.

Lần thứ hai giúp việc cho anh Thọ vào đúng thời kỳ đất nước lâm vào giai đoạn muôn vàn khó khăn, anh Thọ bận nhiều công việc. Do tính khẩn trương trong công tác, phục vụ anh Thọ, cuối năm 1989 thì tôi đột quỵ.

Khi xa anh lần thứ hai lúc sức khỏe của anh Thọ cũng bắt đầu yếu, nhưng tôi không ngờ anh chuyển bệnh mau quá. Khi nhận được điện của Bộ Ngoại giao, do đồng chí Thứ trưởng ký, gửi cho tôi lúc đó đang ở Liên Xô báo tin: "Anh Thọ ốm nặng, chắc khó qua. Lợi nên thu xếp về ngay", tôi đã xin phép về thăm anh ngay. Bước vào phòng anh Thọ nằm ở tầng 1 nhà số 6 phố Nguyễn Cảnh Chân, nơi trước đây bố trí phòng làm việc của anh, trông anh gầy quá, xanh xao, nhưng trí óc anh vẫn tỉnh táo. Anh vui khi có tôi bên cạnh chuyện trò. Bác sĩ Thuận dặn tôi đừng kể chuyện nhiều làm anh mệt. Hầu như mấy ngày về nước tôi đều đến thăm anh. Rảnh rỗi lúc nào anh lại gọi tôi vào nghe chuyện về Liên Xô, về thế giới. Tôi cố tìm chuyện vui kể anh nghe, nhưng anh bảo: Tôi biết hết rồi, cậu cứ nói thoải mái đi, tôi muốn nghe sự thật dù có là sự thật đau lòng về diễn biến tình hình ở Liên Xô và Đông Âu lúc đó.

Sáng ngày 29-7-1990, tôi đến chào anh và gia đình để trở lại Mátxcova, anh ôm tôi và nói trong nước mắt: "Tôi yếu lắm rồi. Chắc gặp cậu lần cuối cùng. Cậu đi khỏe nhớ. Cho tôi gửi lời hỏi thăm chị và các cháu. Tôi biết có lúc tôi không phải với cậu, cậu thông cảm. Tôi không bao giờ quên những năm tháng cậu làm việc với tôi, nhất là tình cảm của cậu đối với tôi".

Còn tôi lúc đó không sao nói được nên lời, tôi chỉ gật gật đầu và ôm hôn anh lần đầu tiên trong 18 năm công tác với anh, cái hôn trong nước mắt với lòng thương nhớ.

*

* *

Anh Lê Đức Thọ đi xa thăm thoát đã tròn 10 năm¹. Hình ảnh của anh, tên tuổi và sự nghiệp của anh gắn liền với những thành quả của cuộc cách mạng vĩ đại của Đảng ta và nhân dân ta. Thực vậy, 10 năm qua, cứ mỗi khi có những ngày kỷ niệm lớn, những ngày truyền thống vẻ vang của đất nước, của các ban ngành của Đảng, chúng ta lại được nghe nhắc đến tên anh một cách trân trọng. Mười năm qua đã có biết bao nhiêu bài báo, hồi ký, hồi ức của nhiều nhà hoạt động văn hóa xã hội, của nhiều danh tướng nước ta có đề cập tới vai trò của anh Thọ với các thời kỳ lịch sử của hai cuộc kháng chiến thần thánh và cuộc Hội đàm Pari về Việt Nam.

Anh đã để lại cho chúng ta rất nhiều tác phẩm lý luận thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ, về công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng... Ngoài ra còn hàng trăm bài báo, bài nói, trả lời phỏng vấn và với một số lượng hàng ngàn thư điện vào Nam, ra Bắc được lưu giữ tại các cơ quan lưu trữ của Đảng và Nhà nước. "Phông" tài liệu của anh Thọ được lưu tại cơ quan lưu trữ Trung ương rất lớn và phong phú. Tôi nhớ rõ lời anh dặn: "Trước khi cậu về ngoại giao, toàn bộ tài liệu và ảnh liên quan đến công tác của tôi cậu lập thành danh sách và trao cho Cục Lưu trữ Trung ương. Đó là tài sản của Đảng. Tôi không có cái gì là của riêng, có chăng chỉ có mấy tập thơ". Tôi đã làm đúng ý anh. Sau này tôi được biết các đồng chí thư ký sau tôi cũng làm y như anh đã căn dặn tôi.

Ở với anh Thọ từng ấy năm, tôi luôn coi anh vừa như người thầy, người thủ trưởng, vừa là người anh mà tôi luôn luôn kính trọng, cảm phục. Anh là người thầy thực sự vì tôi học được ở anh rất nhiều kiến thức đến tác phong, nhất là về cách đối nhân xử thế của anh. Chính cuộc đời anh với 64 năm hoạt động cách mạng liên tục, những năm tháng trải qua các nhà tù tàn ác nổi tiếng từ Hỏa Lò đến Côn Đảo, từ Sơn La đến Hòa Bình,

1. Năm 2000 (B.T).

đã là tấm gương sáng về lòng yêu nước, ý chí kiên cường một lòng một dạ vì sự nghiệp của Đảng. Tôi cảm phục anh ở ý chí tiến công, đã làm việc gì là anh tập trung cao độ để hoàn thành. Có lần anh tâm sự khi tôi hỏi anh sao trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, anh không làm bài thơ nào, mà chỉ trong chuyến đi 10 ngày thăm Trường Sơn Xuân 75 anh làm cả chục bài. Anh trả lời chỉ khi người ta có cảm hứng thực sự mới làm thơ được, còn chín năm ở Nam Bộ, tôi tập trung vào công tác lãnh đạo kháng chiến cùng các anh trong Trung ương Cục, công tác tổ chức, công tác huấn luyện, không còn thời giờ vật chất để nghĩ đến thơ. Phải nói anh Thọ có vốn tri thức, tư duy lý luận rất phong phú về nhiều lĩnh vực, cộng với trí nhớ vào loại đặc biệt. Đã bao lần theo anh đi dự những buổi gặp gỡ, tiếp xúc, hội thảo, trong tay anh chỉ có ghi những ý lớn gạch đầu dòng; anh trình bày vấn đề lý luận gắn với thực tiễn với những suy nghĩ, đánh giá, nhận xét rất rõ ràng, khúc chiết, mạch lạc, sinh động cuốn hút người nghe. Đặc biệt hai lần theo anh đến Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam nơi anh đã phát biểu liên ba bốn buổi về những vấn đề quan trọng mà sau này căn cứ vào những bản ghi chép, sau khi chỉnh lý lại không nhiều đã được in thành những tập sách hoàn chỉnh.

Tôi nhớ mãi một lần tôi đề đạt nguyện vọng tới anh Thọ cho tôi được đi học lớp lý luận ngắn ngày để có kiến thức cơ bản về phục vụ tốt hơn. Anh Thọ bảo: "Cậu có nguyện vọng ấy là tốt nhưng cậu mà đi học lúc này thì không có người quen việc ở nhà. Cậu đã được đào tạo cơ bản rồi, bây giờ cứ chịu khó qua công tác thực tiễn kết hợp với tự nghiên cứu các tài liệu cần thiết cậu sẽ trưởng thành. Cậu phải nhớ thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết càng nhiều, càng có kinh nghiệm, mà kinh nghiệm là mẹ thành công, thành công chính là hiệu quả công tác. Học tập là việc cả đời. Học trong thực tiễn đối với cậu lúc

này thích hợp nhất". Từ đó tôi yên tâm công tác và làm theo đúng ý kiến của anh.

Nói về tính chu đáo, cẩn thận, chính xác kịp thời thì ít ai bằng anh Thọ, anh đã giao việc gì là anh nhớ lắm, anh kiểm tra luôn. Bao giờ anh cũng dặn làm việc gì cũng phải có kế hoạch, phải định rõ thời hạn, phải có trả lời của các cơ quan mà anh đã có thư gửi đi. Anh luôn nhắc: "Không bao giờ được đánh trống bỏ dùi, có việc tưởng là nhỏ nhưng có khi lại đụng chạm đến quyền lợi thiết thực sống còn của người cán bộ, người dân. Nếu cứ nghĩ là nhỏ mà bỏ qua thì anh chị em không còn biết trông cậy vào đâu? Vì tắc trách mà quên hoặc không giải quyết đến nơi đến chốn là có tội".

Anh Thọ là người rất ngay thẳng, có khi nóng tính nhưng lại cũng là người rất hiền. Đúng như lời đồng chí Trường Chinh ghi sau tấm ảnh đề tặng anh Thọ ngày 14-9-1948 trước lúc anh Thọ được Bác Hồ và Trung ương cử vào Nam Bộ tham gia lãnh đạo kháng chiến: *"Thân mến tặng anh Thọ và noi gương ngay thẳng của anh"*. Nhà thơ danh tiếng Tố Hữu cũng vào dịp đó tặng anh Thọ tấm ảnh với lời ghi: *"Hôn anh, nhớ anh, nhớ lắm, người anh khổ hạnh với mình, dịu hiền với đồng chí như người mẹ và quyết liệt cách mạng như một vệ quốc quân dũng cảm lúc xung trận. Anh, anh nhớ làm thơ nhé, gửi cho Lành xem"*. Đồng chí Hoàng Quốc Việt thì ghi sau ảnh: *"Kính tặng anh Thọ, một đồng chí rất kiên nhẫn bền bỉ và sáng suốt luôn luôn có mặt trong hàng ngũ Đảng 18 năm nay"*.

52 năm đã trôi qua, mà những lời mộc mạc, chân thành quý giá đó, tôi vẫn thấy rất đúng với nhân cách và cốt cách trước sau của anh Lê Đức Thọ.

Đôi lần anh tâm sự với chúng tôi về tình cảm của anh đối với anh Trường Chinh, anh Lê Duẩn và anh Phạm Văn Đồng, đặc biệt đối với Bác Hồ thì tình cảm, lòng tin thật đặc biệt. Việc tổ chức phục vụ chăm lo sức khỏe, cuộc sống của Bác Hồ hết sức chu đáo. Chúng tôi cũng cảm nhận được qua các câu chuyện

được nghe, Bác Hồ rất quý và tin tưởng anh Thọ trong việc giúp Bác chọn những người lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Bác đã chọn anh Thọ là người phụ trách tổ chức sau Cách mạng Tháng Tám, đã hai lần giao cho anh nhiệm vụ vào Nam Bộ tham gia chỉ đạo kháng chiến. Chính Bác cũng đã đề nghị với Bộ Chính trị điều anh Thọ ở trong Nam ra để gánh vác nhiệm vụ ở Hội nghị Pari.

Khi thấy Bác Hồ đau, anh rất lo lắng. Từ năm 1967, Bác càng ngày càng yếu nhiều. Với trách nhiệm là người phụ trách công tác tổ chức của Đảng, anh rất lo cho sức khỏe của Bác và nghĩ nếu Bác mất thì phải ướp thi hài của Bác để sau này các cháu thiếu niên và nhi đồng, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào miền Nam chưa bao giờ được gặp Bác Hồ đều có thể nhìn thấy hình dáng của Bác. Cùng năm ấy, anh Thọ đã chủ động trao đổi với anh Nguyễn Lương Bằng, sau đó đề nghị với đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính trị nhờ Liên Xô giúp đỡ việc này. Đồng chí Lê Duẩn đã trình bày và được Bộ Chính trị đồng ý ngay. Anh Thọ cùng anh Nguyễn Lương Bằng bí mật chọn ba bác sĩ cử đi Liên Xô học kỹ thuật bảo quản thi hài. Việc làm này cũng được giữ bí mật với các đồng chí khác. Chỉ riêng mấy đồng chí đi học và anh Nguyễn Thọ Chân biết thôi. Thời gian ba bác sĩ sang Liên Xô, tôi được Đại sứ Nguyễn Thọ Chân gọi lên cho biết về nhiệm vụ của đoàn bác sĩ đi học; anh Chân nói: ngoài cán bộ cơ yếu, tôi và cậu biết việc này, không được để lộ với bất cứ ai. Anh Chân giao nhiệm vụ cho tôi giữ liên lạc với Ban Đối ngoại Đảng Cộng sản Liên Xô và giúp đỡ anh em về mọi mặt theo yêu cầu, thư từ đều qua hộp thư của cán bộ đi B do tôi nhận và chuyển. Thời gian mấy tháng đầu các bác sĩ còn được khuyên không đi chơi, không tiếp xúc với ai, sợ gặp người quen lộ chuyện. Các quy định này đều do anh Thọ đề ra cốt sao giữ kín chuyện hoàn toàn.

Nhờ việc cử người đi học kỹ thuật bảo quản thi hài được kịp thời nên sau một thời gian đi học với các phương tiện được

chuẩn bị về nước thì vừa lúc Bác đi xa. Ta chủ động bảo quản thi hài của Bác được tốt. Đó là điều may mắn đối với đất nước.

Tôi kể lại chuyện này chỉ cốt nói lên một điều: anh Thọ và Bộ Chính trị tuy đã giấu Bác về quyết định trên, nhưng đó là một quyết định rất sáng suốt và kịp thời, đáp ứng được nguyện vọng thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta muốn suốt đời được chiêm ngưỡng thi hài của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh thiên tài, vĩ đại.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ VỚI TRÍ THỨC NGÀNH Y

Đại tá Vũ Văn Thuận*

Tôi vốn là bác sĩ phục vụ sức khỏe Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Sau khi đồng chí Nguyễn Chí Thanh mất (6-1967), tôi được Tổng cục Chính trị điều sang công tác ở Tổ y tế I thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, trực tiếp phục vụ sức khỏe cho các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và một số đồng chí lão thành cách mạng diện chính sách ưu đãi. Do tận tâm phục vụ, năm 1985, Tổ y tế I đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

Từ tháng 2-1968 đến ngày 13-10-1990, tôi đã được vinh dự phục vụ sức khỏe trên hai mươi năm cho đồng chí Lê Đức Thọ, cùng anh vào Nam ra Bắc, nhiều lần đi các chiến trường, nhiều lần đi công tác ở Pari, Mátxcova, Bắc Kinh, Lào, Campuchia... Trên hai mươi năm chung sống, bao giờ cũng thấy đồng chí Lê Đức Thọ là một người cộng sản chiến đấu kiên cường, trung thực, thẳng thắn, chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, ngày đêm tận tụy với công việc kể cả những lúc ốm đau. Tôi biết nhiều chuyện hay về cuộc sống... và cách làm việc của đồng chí Thọ nhưng trong bài viết này chỉ xin nói đến quan hệ mật thiết của đồng chí Thọ với trí thức ngành y, với ngành quân y.

Đồng chí Lê Đức Thọ, khi làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương đã được Trung ương cử kiêm Trưởng Ban Bảo vệ sức khỏe Trung ương.

Do vị trí công tác và mối quan hệ thân tình, tôn trọng trí

thức, đồng chí Lê Đức Thọ bao giờ cũng sẵn lòng giúp đỡ anh chị em trong ngành trong mọi trường hợp cần thiết. Có lần bác sĩ Tôn Thất Tùng cần hóa chất để mổ gan khô, nhưng thứ hóa chất này chỉ có thể nhờ Giáo sư Bửu Hội mới kiếm được. Do vậy, anh Thọ giao cho tôi trình bày với anh Mai Văn Bộ, Tổng đại diện Việt Nam tại Pháp nhờ ngỏ ý với ông Bửu Hội. Kết quả tôi đã mang về được loại hóa chất để mổ gan khô đưa Giáo sư Tùng.

Nhân đó, Giáo sư Tôn Thất Tùng bảo tôi về cảm ơn anh Thọ và đề nghị anh Thọ cho mua một số thuốc cần thiết để chữa bệnh cho Giáo sư Đinh Công Thắng. Sau khi tôi xin ý kiến, chẳng những anh Thọ đồng ý ngay mà còn bảo: "Cậu cứ lo cho anh ấy theo yêu cầu và sau này nếu những đồng chí nào thật cần thiết thuốc gì mà trong nước không có thì cho phép cậu cứ tìm cách giải quyết mà không phải có ý kiến của tôi nữa". Được lời dặn như vậy, tôi chưa bao giờ phụ lòng tin của anh, tất cả những yêu cầu cần thiết, tôi đều có tranh thủ đầy đủ ý kiến của các đồng chí có trách nhiệm trong Hội đồng Bảo vệ sức khỏe Trung ương và Ban Tài chính quản trị Trung ương giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Một lần khác, Giáo sư Tôn Thất Tùng đến mời anh Thọ dự họp bàn việc phong giáo sư ngành y dược (quân dân Y). Cụ Hồ Đắc Di mời anh Sáu cho ý kiến.

Đồng chí Lê Đức Thọ góp ý kiến về cách lựa chọn học hàm, học vị và góp một số ý kiến về ngành y: Bộ Y tế phải đề đạt với Chính phủ tạo ra nhiều cơ sở khoa học kỹ thuật và các phương tiện cần thiết khác, có chính sách ưu đãi tương xứng với khả năng và sự cống hiến của cán bộ, để đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật ngành y dược có điều kiện cống hiến theo tài năng. Trong công tác tổ chức, cần đưa nhiều cán bộ trẻ vào quân đội, cán bộ quân đội đến độ tuổi nào đó ra cơ quan bệnh viện, trường dân y. Đây là sự chuyển đổi có tính xây dựng liên hoàn rất có ý nghĩa nhưng khi thực hiện cần vận dụng chế độ, chính sách thỏa đáng, đừng để cán bộ phải hụt hẫng.

* Bác sĩ, quân y, biệt phái Tổ y tế I, trực tiếp chăm sóc sức khỏe của đồng chí Lê Đức Thọ.

Sau này, nghĩ lại thấy các thầy Di, thầy Tùng, thầy Tước và một số vị khác dự buổi họp đó đã làm được nhiều việc như lời anh Thọ gợi ý hồi đó.

Sau năm 1975, với cương vị đại diện Bộ Chính trị một thời gian tại miền Nam, anh đã đến thăm các bệnh viện. Anh Thọ bàn với anh Phạm Hùng lấy Bệnh viện Vì Dân làm nơi điều trị cho cán bộ cả quân sự và dân sự ba miền vào làm việc khi đau ốm. Ngoài ra, ở miền Trung sau này cũng cần phải có bệnh viện cán bộ. Hai anh đã thống nhất ý kiến: anh Sáu sẽ làm việc với lãnh đạo quân đội, anh Hùng sẽ thông báo cho anh Vũ Văn Cẩn và có quyết định rõ ràng. Ngoài ra, anh Thọ còn góp ý tu bổ, sửa sang Bệnh viện Nhi đồng I, Nhi đồng II một cách cụ thể. Anh Thọ cũng đã cho nghiên cứu chính sách đối với cán bộ ngành y tế cũng như các ngành khác ở lại công tác tại miền Nam sau ngày giải phóng.

Tuy bận chăm lo công việc chung, anh vẫn quan tâm góp ý, giải quyết những việc mà lãnh đạo ngành y đề xuất. Mấy năm trước khi anh mất, anh cũng có ý kiến đề đạt việc củng cố lại Tổ y tế phục vụ Trung ương, bảo tôi dự thảo phương án. Dựa theo ý kiến của anh, tôi đã làm và báo cáo lại với anh, rồi gửi anh Vũ Văn Cẩn.

Các nhà trí thức đã gần anh, hay làm việc với anh, hoặc do anh chủ động tìm gặp đều có lòng mến phục và yêu quý anh.

Trong dịp đàm phán với Mỹ ở Pari, anh Thọ đã nhiều lần gặp gỡ đồng bào Việt Nam ở Pháp và các nước khác. Mọi cuộc gặp đều diễn ra vui vẻ, chân thành. Giáo sư Nguyễn Đạt Xưởng, một nhà khoa học xuất sắc đã từng được tặng Huân chương cao quý của nước Pháp, các cụ Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Xuân Mãn và gia đình đều dành cho anh Thọ tình cảm chân thành và quý trọng. Ngay cả những quan chức cao cấp của chế độ cũ như cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu, tướng Trần Thiện Khiêm, Trần Văn Đôn, sau lần gặp đồng chí Lê Đức Thọ cũng đều tỏ ra vinh dự và bội bạch hối lỗi với tổ tiên, với quê hương đất nước, với công đức của

Cụ Hồ, cũng mong con cháu sẽ thay họ góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng thịnh vượng.

Khi lâm bệnh, anh là người chiến đấu kiên cường với bệnh tật, nghiêm túc tập luyện, uống thuốc và ăn ở theo đúng quy định của y tế để bảo vệ sức khỏe.

Khi anh nằm bệnh viện, biết sức không còn được bao lâu, anh gọi tôi vào và nói: "Tôi muốn có chút quà cho anh em phục vụ, không biết nên tặng cái gì". Thấy anh băn khoăn, tôi đề nghị anh tặng mỗi người một quyển thơ của anh, ghi ý kiến của anh về từng đồng chí và món quà ấy đã làm tất cả chúng tôi cảm động, ghi nhớ.

Ngày đêm ấy, anh lại gọi tôi vào dặn dò một vài việc và nói:

"Có lúc nóng, bực mình đã mắng cậu, Thuận thứ lỗi cho mình. Nhờ cậu nói với những đồng chí đã từng làm việc rằng nếu mình có điều gì làm các đồng chí đó không hài lòng thì cũng thông cảm mà thứ lỗi cho mình".

Ôi một lời trăng trối chân thành thực tâm, quý hơn ngàn vàng! Nhân kỷ niệm 10 năm¹ ngày mất của anh, tôi xin ghi lại bài thơ tôi đã làm ngày 13-10-1990:

*Anh Sáu từ nay khuất bóng rồi!
Bao nhiêu trần trở khắc tim tôi,
Nhiều năm gian khổ anh từng trải,
Phú quý, vinh hoa nhường cho đời,
Nghĩa dân, tình Đảng anh trọn vẹn,
Liêm - Trung - Trí - Dũng được như lời,
Trần trở bao điều "yêu cuộc sống",
Ngàn năm an giấc anh Sáu ơi!*

1. Năm 2000 (B.T).

MỘT NGÀY LÀM VIỆC CỦA ANH LÊ ĐỨC THỌ

Bùi Ngọc*

Tôi làm thư ký riêng cho anh Lê Đức Thọ trong một thời gian không dài, nhưng trong tôi vẫn giữ mãi một hình ảnh về anh - một người lãnh đạo thông minh, sắc sảo, bản lĩnh, thẳng thắn và kiên quyết, đồng thời cũng là một người anh rất đỗi thân thương, chân thành, gần gũi, chu đáo và rất đáng kính.

Nét nổi bật trong nếp sống của anh là giản dị, nhưng trong công việc, anh luôn đòi hỏi ở mình và các đồng chí xung quanh tinh thần tận tụy, khẩn trương, chu đáo và tính nguyên tắc cao.

Để bảo đảm thời gian, thường ngày từ 7 giờ sáng, anh vừa ăn sáng vừa nghe thư ký báo cáo tình hình trong nước và thế giới. Anh luôn yêu cầu tôi khái quát những thông tin mới và chỉ báo cáo những điều đã biết, những vấn đề quan trọng thì trích đọc văn bản báo cáo, thông tin do các cơ quan có trách nhiệm gửi đến. Mỗi đầu tôi thường báo cáo tình hình hoặc đọc những thông tin quan trọng về an ninh, quốc phòng, kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và tình hình quốc tế, đặc biệt là về các nước lớn, các trục quan hệ Mỹ - Xô, Mỹ - Trung, những diễn biến mới ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á và những diễn biến ở thế giới, khi có những nội dung mới. Anh vừa nghe, vừa nhập tâm ngay cả những con số quan trọng. Anh rất chú ý đến những vấn đề đặt ra cùng những tồn tại, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Những tư liệu, báo cáo quan trọng thường do anh tự đọc và nghiên cứu.

* Nguyên Thư ký riêng đồng chí Lê Đức Thọ.

Trong một số lần bị mệt, không thể đi gặp được đồng chí nào đó trong Bộ Chính trị, anh bảo tôi: cậu sang báo cáo với anh là "đáng lẽ anh Sáu sang gặp anh để trao đổi, nhưng anh mệt không sang được, có cho tôi sang báo cáo lại ý kiến của anh Sáu với các anh". Sau đó, anh thường có kiểm tra lại xem tôi có báo cáo đúng ý kiến của anh không.

Tôi được biết là nhiều lúc thức giấc từ 4 hoặc 5 giờ sáng, anh đã hệ thống lại những thông tin hằng ngày, hằng tuần xem nổi lên những vấn đề gì cần lưu ý, vấn đề nào chưa rõ cần phải cho đi khảo sát, xem lại những ý kiến của mình đã trao đổi với các cán bộ đến làm việc hằng ngày. Nếu có chỗ nào chưa chuẩn xác thì bỏ khuyết ngay sáng hôm sau. Có những lúc vừa vào đến bàn ăn sáng, anh đã bảo tôi gỡ sổ ra ghi ngay những đầu việc để khi ăn xong, anh sẽ làm việc cụ thể với tôi.

Sau khi làm việc với thư ký (trừ những ngày đi họp), anh trở về phòng riêng để tự nghiên cứu, đọc các tài liệu chuẩn bị họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các thư của các Ủy viên Bộ Chính trị, các đồng chí Bí thư và của cán bộ, nhất là của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng; có khi gặp các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương hoặc nghe báo cáo trực tiếp của một số ngành.

Buổi sáng, anh thường làm việc đến 11 giờ 30 phút, có lúc kéo dài tới tận 12 giờ. Buổi chiều anh làm việc từ 14 giờ đến 17 giờ 30 phút, có khi kéo dài đến 6 - 7 giờ tối. Buổi chiều anh thường có các cuộc gặp với các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ. Thường thì mỗi buổi chiều anh chỉ gặp được ba, bốn cán bộ. Nhiều khi anh dành đến nửa buổi chiều để trả lời thư của cán bộ hoặc cho ý kiến để các cơ quan chức năng giải quyết. Anh dặn tôi phải theo dõi và báo cáo định kỳ với anh về kết quả giải quyết thư của cán bộ, nhân dân. Có lần anh dành cả buổi chiều để gặp một, hai đồng chí Ủy viên Trung ương là Bộ trưởng để trao đổi, tìm hiểu về những dư luận này nọ; nếu thấy đúng thì

anh nhắc nhở hoặc yêu cầu làm rõ, nếu không đúng thì đề phòng. Anh thường nói với tôi: "Giúp cán bộ thấy rõ khuyết điểm đã khó và làm cho cán bộ sửa chữa được khuyết điểm lại càng khó hơn".

Khi đã tìm hiểu, xác minh rõ ràng những dư luận về những hành vi tiêu cực, sai trái trong lối sống của cán bộ, anh thường thẳng thắn nhắc nhở riêng, có khi phê bình công khai trong các cuộc hội nghị và yêu cầu chấm dứt ngay, nếu sau này ai còn tiếp tục vi phạm thì sẽ bị kỷ luật của Đảng. Trong kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, anh em thường gọi anh là "Sáu Búa". Nhưng trong một chuyến đi công tác cùng anh vào miền Nam, một đồng chí cán bộ lão thành đã giải thích với tôi là "Sáu Búa" nhưng là "búa nhung", vì anh rất thẳng thắn trong phê bình, nhưng không thành kiến trong công tác cán bộ; sau khi đã sửa chữa khuyết điểm, nếu đồng chí nào đủ tiêu chuẩn vẫn được đề bạt. Anh nói: "Nếu có ai hỏi tôi trong công tác cách mạng có việc gì khó? Tôi sẽ trả lời: khó nhất là công tác cán bộ vì công tác này vừa cụ thể do có quan hệ trực tiếp đến sự trưởng thành của một người nhất định, lại vừa trừu tượng do khó có thể cân đong, đo đếm được năng lực, phẩm chất, bản lĩnh của cán bộ, đó là còn chưa nói tới câu: "cai quan định mệnh". Cho nên, khi làm công tác cán bộ phải theo dõi thường xuyên, sâu sát cán bộ, đánh giá cán bộ qua kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ được giao, qua phẩm chất, lối sống; phải nghe nhiều "tiếng chuông", phải khơi dậy và phát huy được ưu điểm của cán bộ... Vì khó khăn như vậy nên trong công tác đề bạt cán bộ nói chung nếu đúng được 80% là tốt rồi".

Trong đợt chuẩn bị cho Bộ Chính trị ra Nghị quyết về xây dựng Thủ đô Hà Nội, anh đi khảo sát thực tế các cơ sở sản xuất kinh doanh, phường, quận... Anh đề nghị cả một số ban, ngành chức năng cử cán bộ cùng đi nghiên cứu. Anh xuống tận tổ dân phố, cửa hàng thực phẩm, công ty, đồn công an, và cả nhà giam... để xem xét, tìm hiểu tình hình và trao đổi với cán bộ,

nhân dân trước. Sau đó, anh mời một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị cùng nghe Quận uỷ, Công an Quận, Sở Công an, Thành uỷ báo cáo.

Trong đợt đi khảo sát tuyến phòng thủ biên giới, anh đã lên tận chốt tiền tiêu, tổ chức riêng một cuộc họp không có cán bộ trung đội và đại đội tham gia để anh em chiến sĩ tự do phát biểu. Anh yêu cầu một chiến sĩ kể về một ngày trực chiến, tập luyện, lao động, sinh hoạt như thế nào. Anh còn tìm hiểu khẩu phần ăn của các chiến sĩ về lương thực, thực phẩm như rau, thịt, cá có bảo đảm đủ tiêu chuẩn không, tự tay anh xem xét chăn, áo trấn thủ của chiến sĩ dày, mỏng thế nào, có đủ ấm không. Anh còn tìm hiểu cụ thể đôi giày đi được bao lâu thì rách vì dọc đường lên chốt anh thấy có chiến sĩ mặc quần rách, đi chân đất. Sau đó anh mới nghe cán bộ đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn báo cáo, xem xét toàn bộ tuyến bố phòng, kho quân nhu; nghe Tổng cục Hậu cần báo cáo rồi mới làm việc với Bộ Quốc phòng.

Thông thường, cứ hai, ba tháng một lần, hoặc có khi một tháng một lần anh dành cả buổi sáng hoặc chiều ngày chủ nhật đi thăm một số anh em cán bộ trung cao đang nằm điều trị tại Bệnh viện Việt - Xô, Bệnh viện Quân y 108. Anh yêu cầu một đồng chí Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương cùng đi, và đề nghị trợ cấp cho những đồng chí cán bộ gặp nhiều khó khăn trong khi nằm viện.

Anh rất chú ý tới thái độ và tác phong làm việc của thư ký. Có lần sau khi nghe ý kiến phản ánh của các cán bộ đến làm việc, anh gặp tôi và chỉ bảo cặn kẽ: "Biết cậu làm việc nhiều, có khi phải làm cả buổi trưa mà không được nghỉ, nhưng khi có cán bộ đến liên hệ làm việc thì thái độ đón tiếp phải niềm nở, vui vẻ vì họ đến đều là vì công việc chung cả, ngay cả trường hợp yêu cầu giải quyết chính sách, chế độ thì cũng có vấn đề trách nhiệm chung của công tác tổ chức - cán bộ".

Trong những chuyến đi công tác hay chữa bệnh ở nước

ngoài, anh luôn dặn tôi cụ thể về vấn đề tài liệu mang đi, yêu cầu kiểm tra kỹ hành lý của đoàn cả khi đi lẫn khi về, cấm chỉ việc lợi dụng, buôn bán. Anh luôn chú ý đến vấn đề bảo mật, anh dặn tôi cùng anh em trong đoàn không được báo cáo hoặc trao đổi tình hình ở trong phòng, mà nên thực hiện khi cùng đi bách bộ ngoài vườn. Có lúc nhân một cuộc họp Bộ Chính trị, anh đã đề nghị với đồng chí Chánh Văn phòng Trung ương làm việc với các đồng chí thư ký của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác bảo mật. Anh còn đề nghị phân công một đồng chí trong Ban Bí thư định kỳ gặp các phu nhân của các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhắc nhở các chị chú ý giữ uy tín cho chồng.

Mặc dù rất bận việc, nhưng anh vẫn luôn dành tình cảm cùng sự quan tâm chu đáo đối với những người xung quanh, kể cả đối với vợ con của cán bộ giúp việc.

Trong những lúc giải lao giữa buổi, anh thường tranh thủ chơi với các cháu hay xuống bếp gặp chị cấp dưỡng hỏi han về việc làm, gia đình của chị, về tình hình giá cả thị trường... Tôi nhớ một lần ở một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, biết tiếng anh Sáu chặt chẽ, nên Văn phòng Tỉnh uỷ cho anh em cùng đi ăn uống bình thường. Riêng anh Sáu do đau ruột vì bị tù đầy nhiều năm, nên có cấp dưỡng đi theo để nấu chế độ ăn kiêng. Làm việc được hai, ba hôm, anh hỏi tôi: "Mấy hôm nay các cậu ăn uống thế nào?". Tôi báo cáo là anh em cũng ăn uống bình thường như cán bộ ở văn phòng. Nhân khi đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ đến thăm, anh nói là mấy đồng chí cán bộ miền Bắc cùng đi lần đầu tiên đến miền Tây Nam Bộ, có gì ngon cho anh em cùng thưởng thức. Thế là ngay hôm sau chúng tôi được chiêu đãi đặc sản quý của miền Tây.

Mười năm đã qua, khi ngồi viết lại những dòng này, trước mắt tôi hiện rõ vẻ mặt hiền hậu và rạng rỡ của một người anh hết sức chân thành, giản dị, thẳng thắn và luôn gần gũi, chu đáo, thương yêu cán bộ. Anh Lê Đức Thọ là thế đấy.

GIA ĐÌNH TÔI MANG ƠN BÁC LÊ ĐỨC THỌ SUỐT ĐỜI

Nguyễn Hanh*

Từ tháng 5-1941, phong trào Việt Minh phát triển rất mạnh, thu hút sự hưởng ứng rộng rãi của đông đảo quần chúng yêu nước. Ba mẹ con tôi đã tham gia tích cực phong trào ngay từ đầu năm 1945. Càng gần tới tháng 8-1945, hoạt động ủng hộ phong trào của ba mẹ con tôi càng tích cực hơn, nhất vào đầu tháng 8-1945, hoạt động gần như công khai.

Hai anh em tôi lúc đó đang là thanh niên học sinh, "chí nam nhi" thúc giục, không thể ngồi yên khi cao trào cách mạng ủng hộ Việt Minh, giành độc lập, tự do cho đất nước đang sục sôi trong cả nước. Còn mẹ tôi là nhà tư sản có tiếng tăm vào bậc nhất nhì ở Hà Nội và Hải Phòng cũng đã sớm giác ngộ cách mạng, ủng hộ phong trào Việt Minh của Cụ Hồ. Mẹ tôi đã chủ động và mạnh dạn vận động bạn bè mua tín phiếu Việt Minh, mua vải đỏ, vải vàng may cờ đỏ sao vàng năm cánh, giúp các đoàn khất thực lúc đói kém, ủng hộ tiền Đông Dương, gửi thuốc men, thóc gạo, dụng cụ ẩn lốt lên chiến khu Việt Bắc, v.v..

Mẹ tôi đã có một hành động đặc biệt mạnh bạo là: sáng ngày 19-8-1945, bà dùng xe ô tô du lịch của gia đình, trưng cờ đỏ sao vàng ngay đầu mũi xe chạy lên Thái Nguyên để kịp báo tin mừng lớn cho con trai thứ hai là Hoàng Công đang hoạt động bí mật dưới sự chỉ đạo của các ông Đào An Thái, Nhị Quý, Hoàng Thế Thiện, Song Hào ở Võ Nhai để báo tin: "Hà Nội đã

* Con trưởng bà Nguyễn Thị Năm, tức Cát Hanh Long.

khởi nghĩa". Quá phấn khởi, bà quên cả nguy hiểm dám cho xe chạy quanh thành phố Thái Nguyên một vòng rồi mới sang Đồng Bẩm, lên La Hiên, Đình Cả. Lúc này bọn Nhật chưa đầu hàng chính thức.

Tinh thần giác ngộ cách mạng và hành động dũng cảm của bà đã động viên và thúc giục hai anh em tôi. Em tôi - Hoàng Công tham gia Tổng khởi nghĩa ở Thái Nguyên, còn tôi - Nguyễn Hanh tham gia Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội tại Khâm sai Bắc Bộ phủ và sau đó được cử đi bảo vệ phái đoàn gồm có các ông Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Cù Huy Cận vào Huế tiếp nhận sự thoái vị và nhận ấn kiếm vàng của Bảo Đại đem về Hà Nội, đúng vào lúc đang diễn ra lễ mít tinh ở Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945. Cả một rừng cờ đỏ sao vàng năm cánh mừng thắng lợi Cách mạng Tháng Tám và chào đón bản Tuyên ngôn Độc lập của Bác Hồ.

Do tinh thần yêu nước và có những hoạt động cách mạng cụ thể, thiết thực, nên gia đình tôi đã được Trung ương giao trách nhiệm giúp đỡ và chăm sóc các cán bộ Đảng trong đó có gia đình ông Hoàng Hữu Nhân (Bí thư đầu tiên của Hải Phòng) và bác Lê Đức Thọ. Lúc đó, Thái Nguyên là nơi đón tiếp cán bộ, chiến sĩ từ chiến khu về. Riêng bác Lê Đức Thọ, gia đình chúng tôi đã có những cảm tình thân thiết ngay từ những ngày đầu. Cách ăn ở giản dị, thân mật, gương mẫu trong mọi sinh hoạt của bác đã nhanh chóng chiếm được tình cảm và sự kính phục của gia đình. Trong những lúc rảnh rỗi, bác Lê Đức Thọ thường hay nói chuyện với chúng tôi như anh em trong gia đình, giảng giải cho chúng tôi về phong trào và mặt trận, về các chủ trương và chính sách của Chính phủ ta với bọn Tàu Tưởng (lúc này, bọn này đang ra sức tuyên truyền phản động và phá rối trật tự xã hội).

Bác còn giảng giải cho chúng tôi về *Tư bản luận*, giải thích dễ nghe, dễ hiểu, khơi dậy và củng cố cho gia đình chúng tôi niềm tin tưởng vào tương lai chủ nghĩa xã hội, mặc dù lúc này tình thế "thù trong, giặc ngoài" ở nước ta rất phức tạp. Bác cũng

chân tình tìm hiểu xuất thân của gia đình tôi từ công chức của Pháp, đi buôn sắt cũ, gặp vận may nên đã trở thành người buôn bán ở Hải Phòng, tích lũy được ít vốn bỏ ra mua ruộng đất, chủ yếu là để lánh nạn, vì lúc đó giặc Nhật đã xâm chiếm Đông Dương, chứ không phải ruộng đất đã có từ lâu đời.

Bác rất vui vì động cơ tham gia cách mạng của gia đình là đúng đắn. Em trai tôi - Hoàng Công được bác Lê Đức Thọ chuyển từ Thái Nguyên về Hà Nội công tác, được giao nhiệm vụ vận động học sinh, sinh viên. Khi toàn quốc kháng chiến, Hoàng Công đã được tham gia chiến đấu ngay từ những ngày đầu tiên bảo vệ Thủ đô và đã bị thương gãy chân tại mặt trận Ngã Tư Sở. Thời kỳ này bác Lê Đức Thọ đã báo cho gia đình tôi chuyển về hậu phương, tham gia kháng chiến trường kỳ. Về hậu phương Thái Nguyên, mẹ tôi đã xung phong đi đầu thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến" trong buổi mít tinh lớn ở Thái Nguyên, làm gương cho mọi người noi theo. Mẹ tôi còn trực tiếp tham gia công tác phụ nữ và được bầu là Hội trưởng Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên và là Ủy viên Liên khu Hội Phụ nữ¹. Trong thời kỳ đầu kháng chiến, bác Lê Đức Thọ thường có viết thư về thăm hỏi và động viên gia đình theo kháng chiến đến cùng. Nghe lời bác, mẹ tôi hăng say hoạt động, có năm được bầu đi dự Đại hội Phụ nữ toàn quốc.

Một ngày mùa thu năm 1948, bác Lê Đức Thọ về Thái Nguyên thăm gia đình và cổ vũ, động viên mẹ tôi tiếp tục tích cực công tác kháng chiến. Sau này, chúng tôi mới biết là hôm đó bác đến chia tay với gia đình để vào Nam Bộ công tác. Trong thời gian bác xa miền Bắc, gia đình tôi chẳng những không còn được bác ân cần chỉ bảo, động viên, mà còn phải gánh chịu một sự mất mát to lớn không gì bù đắp nổi là sinh mạng mẹ tôi. Trong thời gian cải cách ruộng đất, mẹ tôi bị quy là địa chủ và bị gán tội là Việt gian - Quốc dân Đảng và bị xử oan. Mẹ tôi đã từng không hề tiếc tài sản lớn của mình ở Hà Nội và Hải

1. Chúng tôi chưa có điều kiện để xác minh tư liệu này (BT).

Phòng để theo Mặt trận Việt Minh; hết lòng chăm nuôi cán bộ, chiến sĩ; tích cực hoạt động trong phong trào phụ nữ kháng chiến; trong "Tuần lễ vàng" ở Hải Phòng, đã ủng hộ 100 lạng vàng (vào loại nhất nhì ở Hải Phòng) và cũng có đóng góp cả ở Thái Nguyên.

Cũng thật may chung cho nhiều gia đình bất hạnh, trong đó có gia đình tôi, là Đảng và Bác Hồ cũng đã thấy những sai lầm nghiêm trọng trong cải cách ruộng đất và có chủ trương thực hiện sửa sai. Sau khi tập kết ra miền Bắc, cuối năm 1955, bác Lê Đức Thọ được Bác Hồ và Bộ Chính trị giao phụ trách công tác sửa sai trong cuộc vận động cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Dưới sự chỉ đạo sát sao, cụ thể và tận tình của bác, nhiều gia đình đã được giải tỏa những nỗi oan khiên, đau đớn, tủi nhục; uy tín của Đảng cũng được khôi phục và đề cao. Mẹ tôi đã được minh oan, sửa lại thành phần là *"tư sản, địa chủ kháng chiến"*. Tuy nhiên, không phải mọi việc sau này đều thuận buồm, xuôi gió ngay đối với con cháu của bà...

Con gái đầu lòng của tôi được vào đại học, nhưng khi tốt nghiệp, phân công công tác, không được cơ quan nào chấp nhận vì bà nội cháu đã bị xử trong cải cách ruộng đất. Con trai thứ hai, theo gương bố và chú, xin vào bộ đội. Đơn vị thấy cháu công tác tốt và có khả năng, đã cử cháu đi học đại học tại chức. Vừa học, vừa công tác tốt, nhưng đến khi tốt nghiệp, khi phát hiện ra cháu là cháu nội địa chủ, nhà trường đã không cho cháu thi tốt nghiệp. Nhờ có sự giúp đỡ tận tình của bác Lê Đức Thọ, nên cả hai con tôi mới thoát nạn.

Ba năm sau khi sửa sai cho mẹ tôi, hai anh em tôi mới được xét lại thành tích phấn đấu từ thời Việt Minh bí mật và nhờ có sự giúp đỡ nhiệt tình của bác Lê Đức Thọ, nên chúng tôi được phục hồi công tác. Chỉ tiếc rằng việc thực hiện sửa sai không nhất quán và không làm đúng ở cơ sở. Em trai tôi chưa được chứng nhận là thương binh và phục hồi đảng tịch. Không may là em tôi đã mất trước thời kỳ đổi mới nên không được xét khen thưởng theo Nghị quyết 28/CP của Chính phủ. Còn tôi

may mắn hơn, sau này được xét là "cán bộ tiên khởi nghĩa". Bác Lê Đức Thọ còn sống thì hẳn là rất mừng cho tôi. Gia đình tôi đời đời nhớ ơn bác đã dìu dắt, giúp đỡ, an ủi, động viên cả gia đình tôi tham gia cách mạng cũng như khi bị oan sai. Sau này bác Lê Đức Thọ đã đến thăm gia đình chúng tôi, tặng một tập thơ, ở trang đầu có ghi mấy dòng chữ tự tay bác viết: "Thân tặng Hanh và Công, để đánh dấu chấm dứt sự đau buồn kéo dài lâu năm của gia đình và cũng là của chung".

Không bút nào tả xiết nỗi vui mừng của gia đình chúng tôi được bác giác ngộ, giáo dục, động viên. Vâng lời bác, chúng tôi kiên trì, nhẫn nại, sống lành mạnh, tự lực cánh sinh khắc phục khó khăn, công tác tốt cho đến khi được nghỉ hưu. Nhất là các cháu còn trẻ tuổi, được giáo dục cố gắng đóng góp công sức cho đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh. Các con cháu nội ngoại của bà đều có trình độ đại học, cao học. Có cháu dạy môn toán ở Đại học Bách khoa, có cháu hết tuổi quân làm kỹ sư luyện gang thép, có cháu làm kỹ sư điện lạnh...

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của bác Lê Đức Thọ (10-10-1911 – 10-10-2011), chúng tôi cùng họ hàng, con cháu bà Nguyễn Thị Năm (tức Cát Hanh Long), xin cúi đầu trước ảnh bác, nguyện suốt đời nhớ ơn bác và làm theo lời bác.

Phần thứ tư

**LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC
NGOẠI GIAO**

*Bút tích của Bác Hồ về việc cử đồng chí Lê Đức Thọ
đi dự Hội nghị Pari về Việt Nam*

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC NGOẠI GIAO

Phạm Bình Minh*

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh đồng chí Lê Đức Thọ - tên thật là Phan Đình Khải (10-10-1911 – 10-10-2011), thế hệ ngoại giao hôm nay thành kính và biết ơn tưởng nhớ về một nhà lãnh đạo tiền bối của Đảng "có tài năng về nhiều mặt", "một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã có nhiều cống hiến lớn cho sự nghiệp cách mạng, để lại cho đồng bào, đồng chí chúng ta những tình cảm vô cùng quý mến"¹.

Trong cuộc hòa đàm lịch sử kéo dài 5 năm ở Pari (1968 - 1973), đồng chí Lê Đức Thọ đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của một nhà ngoại giao chiến lược thời đại Hồ Chí Minh. Để chuẩn bị cho việc mở mặt trận ngoại giao, vừa đánh vừa đàm theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (khóa III) tháng 1-1967, trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 22-4-1968, khi bàn về việc đàm phán với Mỹ, Bác Hồ đã dự định: "Việc tiếp xúc với Mỹ phải chuẩn bị kỹ, lấy anh Sáu (tức anh Lê Đức Thọ) tham gia đoàn, có thể làm cố vấn"². Sau khi đã trao đổi thống nhất với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Bác Hồ đã trực tiếp viết thư gửi Bộ Chính trị yêu cầu đồng chí Lê Đức Thọ bàn giao cho đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

1. Báo *Nhân Dân*, ngày 18-10-1990.

2. Nguyễn Xuân: *Nhà ngoại giao Lê Đức Thọ và Hiệp định Pari - chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 415.

Cục miền Nam, những công việc mà đồng chí được Bộ Chính trị phân công về cách mạng miền Nam để nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí Lê Đức Thọ vừa được cử vào miền Nam tháng 2-1968 để cùng Trung ương Cục miền Nam tham gia lãnh đạo cách mạng miền Nam, lại được điều ra miền Bắc để đi Pari "nói chuyện" với Mỹ. Bác Hồ và Bộ Chính trị phân công đồng chí cùng với đồng chí Nguyễn Duy Trinh phụ trách mặt trận ngoại giao, đồng chí Lê Đức Thọ đặc trách chỉ đạo đàm phán Pari với vai trò công khai là Cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Bộ trưởng Xuân Thủy là Trưởng đoàn.

Khi chọn người làm "Cố vấn đặc biệt" cho đoàn đàm phán Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đoàn đàm phán Chính phủ Hoa Kỳ, Bác Hồ biết rằng: đàm phán với các chính khách chuyên nghiệp, lọc lõi và cơ mưu của Hoa Kỳ - siêu cường hùng mạnh, trong lịch sử cận đại chưa từng thua cuộc chiến tranh nào, có ưu thế tuyệt đối về phương diện chiến tranh so với Việt Nam, là một việc vô cùng khó khăn, phức tạp. Đây là một cuộc đấu trí, đấu lý hết sức cam go ở một trung tâm của phương Tây, xa Trung ương, nên lãnh đạo đàm phán trực tiếp không chỉ cần tinh thần cách mạng tiến công và ý thức kỷ luật mà còn phải có tầm tư duy chiến lược, bản lĩnh vững vàng và phương pháp sáng tạo, khôn khéo. Đồng chí Lê Đức Thọ là người thích hợp nhất khi đó vì ở đồng chí có sự hội tụ đủ các yêu cầu của một nhà đàm phán quốc tế về mọi vấn đề liên quan tới chiến tranh và hòa bình của Việt Nam - một quốc gia có chủ quyền.

Là "một người năng nổ, xông xáo, kiên nghị, thường được cử đi những nơi quyết định vào những lúc quyết định"¹, nên khi được Bác Hồ và Bộ Chính trị giao nhiệm vụ phụ trách đàm phán trực tiếp với Mỹ, đồng chí xác định đó là một nhiệm vụ cách mạng và ý thức sâu sắc được những thuận lợi và khó khăn cần phải khắc phục để hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt này. Trước

1. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Chiến trường là nơi gặp gỡ* (Hồi ức về đồng chí Lê Đức Thọ), in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Sđd, tr. 38.

khi sang Pari, đồng chí Lê Đức Thọ đã được Bác Hồ trực tiếp gặp và dặn dò, giao nhiệm vụ. Trong suốt quá trình chỉ đạo và thực hiện trực tiếp đàm phán với đại diện của Mỹ ở Pari, đồng chí đã luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng triệt để tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh. Từ đây có thể rút ra một số bài học quý báu cho thế hệ ngoại giao Việt Nam hôm nay và mai sau:

Một là, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác ngoại giao nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia.

Là Ủy viên Bộ Chính trị, được đồng chí Lê Duẩn ủy quyền là "Tư lệnh chiến trường" có "toàn quyền" ở mặt trận đàm phán Pari, nhưng đồng chí Lê Đức Thọ đã luôn quán triệt sâu sắc và giải quyết thấu đáo mối quan hệ giữa lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách, duy trì "mối liên hệ chặt chẽ với Hà Nội, trực tiếp báo cáo tình hình cuộc đàm phán, nêu lên các sáng kiến và tiếp nhận những chỉ thị của Bộ Chính trị để tiến hành đàm phán"¹.

Trong trường hợp chưa có sự thống nhất về một nhận định đánh giá hay về một kiến nghị cụ thể nào đó giữa "Pari" với "Hà Nội", đồng chí luôn chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng. Sau cuộc gặp riêng ngày 11-10-1968 tại nhà riêng của đoàn Mỹ ở phố Touraine (Tuaren), thị trấn Sceaux (Sô) giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy với Hariman và C. Vanxơ, trong khi một thỏa thuận chung về việc *Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc và sau đó họp bốn bên có cả Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn* đang tiến tới trong tầm tay thì chiều 13-10-1968, Cố vấn Lê Đức Thọ nhận được chỉ thị của Hà Nội, trong đó yêu cầu đòi *"Mỹ phải nói chuyện với Mặt trận và chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách. Như vậy mới có hội nghị bốn bên được"*². Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy cùng các thành viên trong

1. Nguyễn Thị Bình: *Lê Đức Thọ - Nhà thương thuyết tâm cỡ lớn*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Sđd, tr. 351.

2. Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 39.

đoàn suy nghĩ, trao đổi rất nhiều về việc làm sao có thể thi hành được một chỉ thị quá khó khăn này.

Ta cần đề cao vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhưng lúc đó vẫn còn trên nửa triệu quân Mỹ và quân Đồng minh cộng với 70 vạn quân ngụy và hệ thống chính quyền địch kiểm soát phần lớn miền Nam. Mỹ tuy bị áp lực bầu cử tổng thống sắp tới, song trên chiến trường, kế hoạch tấn công của ta đợt 2 (tháng 5), đợt 3 (tháng 8) sau Tết Mậu Thân đều không thực hiện được, lực lượng của ta cũng đã có tổn thất lớn. Như vậy, yêu cầu này là quá cao, không phản ánh đúng tương quan lực lượng trên chiến trường. Cả đêm đó và cả sáng hôm sau đoàn họp rất căng thẳng. Nếu thực hiện theo chỉ thị thì có nguy cơ bỏ lỡ thời cơ buộc Mỹ chấm dứt ném bom và họp bốn bên và còn có thể dồn đối phương vào đường cùng liêu lĩnh. Thời gian thì không còn nhiều, thời cơ sẽ qua nhanh. Cần báo cáo hỏa tốc về Hà Nội, có thể Hà Nội chưa có đủ thông tin cần thiết, dùng điện thì không thể trao đổi hết được tình hình.

Sáng 14-10, đồng chí Lê Đức Thọ cấp tốc rời Pari, tới Bắc Kinh đã có một chuyên cơ chờ và ngày 16-10 đã về tới Hà Nội. Đây là chuyến đi nhanh nhất của Cố vấn Lê Đức Thọ từ Pari về Hà Nội trong suốt thời gian đàm phán ở Pari. Trong ba ngày 17, 18, 19-10-1968, Bộ Chính trị đã họp liên tục để nghe báo cáo và thảo luận về tình hình đàm phán ở Pari. Trong chỉ thị gửi cho đoàn ở Pari ngày 20-10-1968 có sự điều chỉnh: *"Vấn đề đòi Mỹ nói chuyện với Mặt trận và đòi Sài Gòn thay đổi chính sách không phải là điều kiện bắt buộc Mỹ phải chấp nhận trước, sau này vào hội nghị bên ta sẽ tiếp tục đấu tranh"*¹. Thế là sự cố "trục trặc" đầu tiên giữa "Pari" với "Hà Nội" đã được hóa giải, cả Đoàn thảo phào nhẹ nhõm và tranh thủ thời gian để kịp đi tới

1. Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari, Sđd*, tr. 44.

thỏa thuận về việc Mỹ quyết định chấm dứt ném bom miền Bắc không điều kiện ngày 31-10-1968 và sau đó sẽ tiến hành họp bốn bên. Đây là thắng lợi ngoại giao quan trọng đầu tiên trong triển khai thực hiện Nghị quyết 13 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa III): *"Trước mắt, chúng ta cần tập trung vào khẩu hiệu đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"*¹.

Thắng lợi ngoại giao này đã phục vụ trực tiếp cho lợi ích đất nước. Từ đây, miền Bắc có điều kiện thuận lợi hơn để khôi phục và phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh phá hoại, xây dựng hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam, đồng thời họp bốn bên sẽ mở ra triển vọng mới cho đàm phán, tiến tới giải pháp. Ý thức sâu sắc về lợi ích dân tộc tối cao một cách tự nhiên đã thấm vào máu đồng chí Lê Đức Thọ ngay từ những năm tháng của hai đợt tù đầy lao khổ 11 năm của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi (tháng 10-1929 được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng, tháng 10-1930 đã bị địch bắt lần đầu và bị kết án 10 năm tù khổ sai đi Côn Đảo). Chính vì vậy mà trong suốt quá trình đàm phán, đồng chí luôn nặng lòng với lợi ích thiết thân của đồng bào, đồng chí. Khi Mỹ muốn trì hoãn việc trao trả tù chính trị ở miền Nam Việt Nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã công phần thực sự với đối phương: *"Ông hãy tự đặt mình vào địa vị tôi. Tôi sẽ ăn nói thế nào với nhân dân tôi nếu tôi ký kết với ông mà anh em đồng chí tôi không ra khỏi nhà tù?"*².

Hai là, nâng tâm tư duy chiến lược và tập trung trí tuệ tập thể vào công tác nghiên cứu chiến lược để xây dựng các luận cứ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.28, tr. 176.

2. Nguyễn Đình Phương: *Anh Sáu và đàm phán Paris*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Sđd, tr. 477.

khoa học cho các sáng kiến, kiến nghị và giải pháp trong quá trình đàm phán.

Tư duy chiến lược của đồng chí Lê Đức Thọ đã được phát triển trong quá trình tham gia lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đồng chí đã được cử vào Thường vụ Trung ương tại Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng ở Tân Trào tháng 8-1945. Ý chí về thống nhất đất nước của đồng chí đã được thể hiện trong bài thơ *Tình Nam Bắc* viết kỷ niệm một năm ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-1946). Tháng 12-1946, đồng chí dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định toàn quốc kháng chiến do Bác Hồ chủ trì. Về văn bản dự thảo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, đồng chí Lê Đức Thọ có đề nghị thêm vào 5 chữ được hội nghị nhất trí hoàn toàn.

Từ hoạt động thực tiễn cách mạng đa dạng và sự cầu thị, kiên trì học hỏi, tư duy chiến lược của đồng chí Lê Đức Thọ ngày càng được hoàn thiện. Trong quá trình chỉ đạo đàm phán ở Pari, đồng chí luôn *kết hợp phát huy tối đa trí tuệ tập thể với trách nhiệm của từng cá nhân*. Đồng chí tâm sự với anh em làm nghiên cứu: "Đánh Mỹ trên chiến trường đã khó, đấu với Mỹ trên bàn đàm phán chắc không phải dễ. Phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, học hỏi. Ở đây xa Trung ương nên phải tập thể bàn bạc cho kỹ và Trung ương ở xa nên ta phải chủ động nghiên cứu đề xuất"¹.

Thấm nhuần lời dặn của Bác: "Muốn thành công, phải biết trước mọi việc", đồng chí yêu cầu bộ phận nghiên cứu trước tiên phải: nắm chắc "tình hình nước Mỹ, nghiên cứu kỹ lưỡng các mặt chiến lược, sách lược, có nhiều phương án tấn công địch, từng bước thăm dò ý đồ đối phương"². Do đã công tác nhiều năm ở

1. Trung tướng Đoàn Chương: *Mở đột phá khẩu*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 425 - 426.

2. Hà Văn Lâu: *Từ chiến trường đến bàn đàm phán - Nhớ về anh Sáu*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 364.

chiến trường Nam Bộ (đã từng kiêm chức Chính ủy Phân khu miền Tây Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp), rất nhớ địa danh và các địa phương, hiểu đặc điểm một số đơn vị, thậm chí tình hình các vị chỉ huy, nên để đánh giá tình hình chiến trường thật khách quan, đồng chí Lê Đức Thọ đề ra những yêu cầu rất cao về thu thập và xử lý thông tin. Tổ quân sự phải liên lạc thường xuyên với "nhà" để nắm tình hình mới nhất và Bộ Tổng Tham mưu đã phải huy động mọi khả năng có thể để đáp ứng yêu cầu của Đoàn đàm phán. Đối với một số đồng chí làm công tác báo chí, đồng chí Lê Đức Thọ đã sớm thấy sự lợi hại của làng báo Pari, nên đã chỉ thị: nhiệm vụ chính ở Pari là tiếp xúc các nhà báo quốc tế để thu thập, khai thác tin tức, tình hình.

Là người lãnh đạo cao nhất của ta trong đàm phán, lại là người có bản lĩnh vững vàng, có tính quyết đoán cao, nhưng đồng chí Lê Đức Thọ không bao giờ võ đoán. Làm việc gì, nhất là việc đưa ra những quyết định quan trọng, đồng chí đều bắt đầu từ sự phân tích tỉ mỉ tình hình, rút ra những kết luận cần thiết rồi xử lý một cách linh hoạt¹. Ngay sau sự kiện Lonnon làm đảo chính lật đổ Xi-han-úc (18-3-1970), đồng chí đã phân tích sự kiện này liên một mạch gần hai tiếng đồng hồ không nghỉ trong phòng "đặc biệt" và dự đoán rồi đây Mỹ sẽ đưa quân đánh vào Campuchia. Nhận định của đồng chí Lê Đức Thọ gửi về Hà Nội đã được "nhà" chấp nhận và sự thật cũng đã diễn ra đúng như dự đoán: ngày 24-4-1970, Ních-xơn đã cho quân Mỹ đánh vào Campuchia. Kết quả cụ thể của tư duy chiến lược phải là dự báo chính xác để định hướng đúng cho chuẩn bị các phương án và huy động lực lượng.

Đồng chí Lê Đức Thọ không chỉ nghe báo cáo, mà còn trực tiếp đọc kỹ các biên bản từng cuộc họp công khai và bí mật; nhận xét phát biểu của Mỹ và ý kiến của các thành viên trong đoàn;

1. Xem: Nguyễn Thị Bình: *Lê Đức Thọ - Nhà thương thuyết tâm cỡ lớn*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sổ đ*, tr. 351 - 352.

gợi ý cần tìm hiểu ý đồ, thăm dò thái độ, quan điểm của Mỹ và tự mình chuẩn bị nội dung phát biểu cho từng phiên họp¹. Quán triệt sâu sắc tư tưởng chiến lược của Bác Hồ "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào" và chỉ thị của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn là "Mỹ phải ra, còn quân ta ở lại", sau khi Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc không điều kiện, đồng chí Lê Đức Thọ đã chỉ đạo cho CP50 nghiên cứu công thức để trình Bộ Chính trị: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Chiến đấu để bảo vệ nước Việt Nam là quyền thiêng liêng của mọi người Việt Nam từ Nam đến Bắc. Sau khi Mỹ rút hết quân và chấm dứt can thiệp vào miền Nam, vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam do các bên Việt Nam cùng giải quyết"². Đây là một trong các nội dung cốt lõi được thể hiện trong Hiệp định được ký kết sau này. Đồng thời, đồng chí cũng đã giao cho tổ quân sự nhiệm vụ nghiên cứu rút kinh nghiệm các điều khoản quân sự của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam, dự kiến các âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong cuộc đàm phán kết thúc chiến tranh, đánh giá tương quan lực lượng ở chiến trường, chỗ mạnh, chỗ yếu của mỗi bên, cuối cùng là dự thảo các điều khoản quân sự về ngừng bắn, rút quân và kiểm soát³.

Trong một phiên họp với phía Mỹ vào mùa hè năm 1972, đồng chí Lê Đức Thọ đã chỉ rõ những căn nguyên tại sao Mỹ lại lảng tránh đề nghị của ta về việc phải thay nhóm Nguyễn Văn Thiệu, Henri Kítxinhiơ buộc phải thừa nhận rằng: "Sự phân tích của Lê Đức Thọ về chiến lược của Hoa Kỳ là đúng và khôn ngoan"¹. Vào cuối tháng 11-1972, khi cuộc đàm phán mật vào hồi gay cấn nhất, đồng chí Lê Đức Thọ cùng đồng chí Xuân Thủy sang thăm đoàn miền Nam ở Vơrie lơ Buysông. Sau khi

1. Xem: Hà Văn Lâu: *Từ chiến trường đến bàn đàm phán - Nhớ về anh Sáu*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 366.

2. Đinh Nho Liêm: *Nhà ngoại giao xuất sắc Lê Đức Thọ*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 392.

3. Xem: Thiếu tướng Nguyễn Đôn Tự: *Năm năm đánh - đàm ở Pari*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 432.

bàn xong kế hoạch đấu tranh công khai tại Hội nghị Clêbe, đồng chí Lê Đức Thọ đã nhấn nhủ đoàn bằng một câu Kiều:

"Dần lòng chờ đợi ít lâu

Chầy ra thì cũng năm sau vội gì".

"Hai tháng sau, tháng 1-1973, Hiệp định Pari về Việt Nam đã được ký kết"².

Ba là, khôn khéo giữ vững độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế.

Một trong những khó khăn lớn đối với đàm phán của ta ở Pari là sự khác biệt về quan điểm đối với đàm phán và mâu thuẫn Xô - Trung. Vào thời gian đó, trên thế giới có tâm lý ngại Mỹ và sợ Mỹ. Có lời khuyên không đàm phán, cứ đánh. Có ý kiến lại thúc giục đàm phán thật nhanh! Hai đồng minh chiến lược của ta là Liên Xô và Trung Quốc lại từ mâu thuẫn trong quan hệ về đường lối của Đảng đã dần chuyển thành mâu thuẫn đối kháng giữa hai Nhà nước, thậm chí đã xảy ra chiến tranh biên giới giữa hai nước năm 1969. Mỹ đã tận dụng tối đa mâu thuẫn này để ép ta. Vấn đề đặt ra là làm sao để vẫn vừa tranh thủ được sự ủng hộ của cả Liên Xô và Trung Quốc, vừa độc lập, chủ động được trong quyết sách, bảo vệ tốt nhất lợi ích của đất nước. Trong những chuyến đi về Hà Nội, khi qua Mátxcova và Bắc Kinh, đồng chí Lê Đức Thọ đã khéo léo thông báo cho lãnh đạo từng nước về cuộc đấu tranh ngoại giao của ta, tranh thủ, thuyết phục hai nước anh em đồng tình với các chủ trương đối ngoại của ta. Năm 1972, khi đàm phán đang đi tới hồi kết thì ta cũng phải đối mặt với thách thức lớn: hòa hoãn Mỹ - Xô - Trung. Trước khi Tổng thống Níchxơn đến Bắc Kinh độ nửa tháng, bạn gợi ý ta là trong thời gian Níchxơn ở Trung Quốc, đồng chí Lê Đức Thọ có thể gặp gỡ "thảo luận nghiêm chỉnh" với Kítxinhgiơ ở đó. Sáu ngày trước khi Níchxơn chính thức thăm Liên Xô, bạn lại nêu vấn đề Kítxinhgiơ muốn gặp riêng ta tại Mátxcova và sẵn sàng giúp đỡ ta tổ chức cuộc gặp

1,2. Hà Đăng: *Hai lần bàn kế sách*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Sđd, tr. 372, 378.

đó. Ta đã nhả nhận từ chối hai gợi ý đó và buộc Mỹ phải tiếp tục đàm phán trực tiếp với ta ở Pari. Đồng thời Cố vấn Lê Đức Thọ cũng nói thẳng và rất kiên quyết với Kítxinhgiơ: "Trong mấy năm qua, các ông đã chạy vạy chỗ này chỗ kia để tìm ra lối thoát nhưng không biết các ông có rút được kinh nghiệm không? Thực ra các ông chỉ uống công vô ích, làm phức tạp thêm vấn đề cho các ông... Không có cách thần kỳ nào để giải quyết vấn đề Việt Nam ngoài cách đàm phán nghiêm chỉnh với chúng tôi ở Hội nghị Pari trên cơ sở những đề nghị của chúng tôi và những đề nghị của các ông. Trong một ván cờ, quyết định thắng bại phải là người trong cuộc, không có cách nào khác. Chúng tôi độc lập giải quyết vấn đề của chúng tôi"¹.

Sau chuyến thăm của Tổng thống Níchxơn tới Bắc Kinh và Mátxcơva, Kítxinhgiơ thường tỏ thái độ khiêu khích trong đàm phán. Có lần mới vào họp, Kítxinhgiơ đã hỏi ngay Cố vấn Lê Đức Thọ: "Ngài Cố vấn qua Bắc Kinh, Mátxcơva, chắc đã được nghe bạn của ngài thông báo về ý kiến của chúng tôi trong đợt đàm phán này?". Cố vấn Lê Đức Thọ đã đáp trả ngay: "Chúng tôi chiến đấu chống quân đội các ông trên chiến trường, cũng chính chúng tôi đàm phán với các ông trên bàn hội nghị. Bạn chúng tôi hết lòng ủng hộ chúng tôi, nhưng không làm thay chúng tôi"². Ý chí sắt đá và tinh thần độc lập, tự chủ của tổ tiên được kế thừa, hun đúc trong tư tưởng Hồ Chí Minh: "Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào"³ luôn được đồng chí Lê Đức Thọ, Bộ trưởng Xuân Thủy và tập thể đoàn đàm phán quán triệt và thực hiện một cách khôn khéo và triệt để trong suốt quá trình đàm phán ở Pari.

1. Hà Đăng: *Hai lần bàn kế sách*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sđđ*, tr. 377.

2. Nguyễn Xuân: *Nhà ngoại giao Lê Đức Thọ và Hiệp định Pari - chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sđđ*, tr. 418.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.5, tr. 136.

Tinh thần độc lập, tự chủ, chủ động tiến công của cả Đoàn đàm phán trên toàn mặt trận ngoại giao ở Pari đã góp phần tạo ra sức mạnh đoàn kết quốc tế to lớn đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam và buộc đối phương không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải đàm phán nghiêm chỉnh với ta ở Pari. Đồng thời, sự khôn khéo trong ứng xử cũng đã giúp ta vẫn tranh thủ được tối đa trong chừng mực có thể sự giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc đối với cuộc chiến đấu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Bốn là, quán triệt sâu sắc phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong xác định mục tiêu cụ thể, biện pháp và hình thức đấu tranh ngoại giao.

"Mỹ phải ra, còn quân ta ở lại" là vấn đề hóc búa nhất trong quá trình đàm phán. Ta đã kiên trì và quyết tâm đấu tranh hàng năm để đạt được sự thỏa thuận đó. Đồng chí Lê Đức Thọ đứng mũi chịu sào về vấn đề này. Đây là một trách nhiệm rất lớn trước Đảng và nhân dân. Đối với bộ phận nghiên cứu giải pháp, đồng chí nhắc nhở: "Các cậu vẽ ra bao nhiêu phương án cũng được, càng nhiều phương án càng tốt, nhưng phải nhớ lời Bác "dĩ bất biến, ứng vạn biến", cái bất biến là Mỹ phải rút hết quân, còn quân miền Bắc thì vẫn tiếp tục ở lại miền Nam"¹. Chính tài chèo lái của đồng chí Lê Đức Thọ tại bàn đàm phán đã đưa đến kết quả là Mỹ rút quân mà không nhắc đến sự có mặt của quân đội Bắc Việt Nam tại miền Nam Việt Nam và đòi hai bên cùng rút nữa. Ngoài lý lẽ đầy sức thuyết phục, đồng chí đã tỏ ra rất kiên nhẫn nghe đối phương, nhưng vẫn kiên quyết giữ vững lập trường của mình¹.

Để khuất phục được Kítxinhgiơ - một chính khách lợc lõi và

1. Nguyễn Xuân: *Nhà ngoại giao Lê Đức Thọ và Hiệp định Pari - chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Sđd, tr. 419 - 420.

muờu mô, bản thân đồng chí Lê Đức Thọ đã lao tâm, khổ lực tìm hiểu con người Kítxinhgiơ, nghiên cứu thấu đáo tình hình, chuẩn bị ý tứ của từng câu chữ cho phát biểu trong từng phiên họp để sao cho đối phương thấy rõ quyết tâm của ta là dứt khoát không có chuyện rút quân về miền Bắc, hiểu được ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi của cả một dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác trong suốt mấy ngàn năm lịch sử đã đấu tranh kiên cường vì nền độc lập và tự do của Tổ quốc. Trong từng phiên họp với Kítxinhgiơ, đồng chí còn phải đấu trí quyết liệt, vạch ra những mưu mô ẩn náu đằng sau những tuyên bố của đối phương, buộc họ phải thay đổi cách tiếp cận vấn đề.

Đối với chương trình 7 điểm do Kítxinhgiơ đã đưa ra trong cuộc họp ngày 31-5-1971 (tuy đây là lần đầu tiên Mỹ đưa ra một giải pháp toàn Đông Dương, Mỹ sẵn sàng định thời hạn rút hết quân Mỹ, còn việc rút quân của Việt Nam do người Đông Dương giải quyết với nhau, nhưng lại "lờ đi" vấn đề chính trị...), đồng chí Lê Đức Thọ đã phê phán: "Các ông có thật sự giải quyết hay còn giở nhiều thủ đoạn nữa. Đó là điều chúng tôi rất băn khoăn, nghi ngờ vì qua các đề nghị của ông chúng tôi thấy các ông chưa thật sự muốn giải quyết. Các ông đặt cách giải quyết vấn đề chưa đúng. Trước hết, các ông muốn tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị. Nhưng đó là một đề nghị không thực tế. Hồi đầu năm 1970, các ông đã đồng ý thảo luận vấn đề quân sự và vấn đề chính trị đi đôi. Không có cuộc chiến tranh nào mà lại không có mục đích chính trị. Quân sự chỉ là một thủ đoạn, một phương tiện để đạt được mục đích chính trị mà thôi... Nếu cuộc chiến đấu của chúng tôi không đạt được mục đích chính trị, tức là hòa bình, tự do, độc lập thực sự, thì cuộc chiến đấu đó còn tiếp tục. Các ông đề nghị giải quyết vấn đề quân sự rồi ngừng bắn ngay trong khi chưa giải quyết vấn đề chính trị là nhằm mục đích củng cố ngụy quyền tay sai... để tiếp tục Việt

1. Xem: Nguyễn Đình Phương: *Anh Sáu và đàm phán Pari*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sđd*, tr. 475.

Nam hóa chiến tranh... Nếu các ông còn duy trì chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thì không giải quyết được vấn đề"¹.

Trong các cuộc đấu trí quyết liệt với các nhà thương lượng Mỹ, Cố vấn Lê Đức Thọ rất giữ vững nguyên tắc, kiên nhẫn bảo vệ quan điểm của mình, không lùi bước trước sức ép nào, không nao núng trước sự đe dọa nào. Ông thường đưa ra những lập luận sắc sảo và dồn đối phương vào thế bị động đối phó. Trong cuộc gặp bí mật ngày 24-11-1972, Tiến sĩ Henri Kítxinhgiơ cố tình đọc cho Cố vấn Lê Đức Thọ nghe hai bức điện với lời lẽ đe dọa mạnh mẽ của Tổng thống R. Níchxơn, Cố vấn đã bình tĩnh nghe hết hai bức điện rồi cất lên tiếng cười và chậm rãi nói bằng một giọng đanh thép: Chúng tôi biết giờ phút này là quyết định lắm. Chúng tôi có trách nhiệm với nhân dân, với Tổ quốc chúng tôi. Chúng tôi biết nếu chiến tranh tiếp tục nữa thì tổn thất rất lớn, nhưng nhân dân chúng tôi không thể chấp nhận một hiệp ước đầu hàng trá hình. Nếu không giải quyết được thì tất nhiên chúng tôi phải chiến đấu, dù muốn hay không muốn.

Đối với những vấn đề không thuộc về nguyên tắc, đồng chí Lê Đức Thọ luôn linh hoạt, ứng biến uyển chuyển theo lời dạy của Bác Hồ: "dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức"². Chẳng hạn, về tương lai của miền Nam, trong khi đối thoại với Kítxinhgiơ, đồng chí nói: "Miền Nam Việt Nam không thể trở thành thuộc địa kiểu thực dân mới, nhưng cũng không phải xã hội chủ nghĩa mà phải thực sự độc lập và trung lập, phải có một chính phủ hòa hợp dân tộc gồm các bên"³. Hay về tên gọi của hiệp định, đồng chí Lê Đức Thọ cũng nhắc CP50 "đưa công thức để phía Mỹ có thể chấp nhận được, tránh từ *xâm lược*... với tên gọi: "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập

1. Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari, Sđd*, tr. 162.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 316.

3. Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari, Sđd*, tr. 162.

lại hòa bình" vừa đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân ta, phù hợp với mong muốn của dư luận quốc tế, vừa tạo điều kiện cho Mỹ rút lui trong danh dự"¹.

Trong ứng xử với đối phương, đồng chí Lê Đức Thọ luôn chủ động với phong thái ung dung, tự tại, uyển chuyển, khiêm nhường của người đại diện cho một dân tộc chính nghĩa và văn hiến. Khắc sâu lời dạy của Bác: Làm ngoại giao thì phải nhanh trí, biết đối đáp có lý lẽ, buộc đối phương phải chịu, mới gìn giữ được quốc thể, đồng chí luôn ứng đối linh hoạt với những luận điểm sắc bén. Có lần khi đồng chí phê phán đề nghị rút quân mà Kítxinhgiơ đưa ra là một bước lùi so với những thoả thuận mà hai bên đã đạt được từ trước, Kítxinhgiơ đáp lại: "Lênin nói: một bước tiến, hai bước lùi. Tôi học tập Lênin đấy". Đồng chí đập lại ngay: "Chủ nghĩa Lênin phải được vận dụng linh hoạt. Còn ông thì máy móc". Một lần khác, đồng chí đã khôn khéo nói với đại diện Mỹ rằng, tôi thấy đề nghị của các ông cũng được, nhưng trong đoàn chúng tôi có luật gia Lưu Văn Lợi, theo ông ấy thì về mặt pháp lý không thể chấp nhận được. Tiến sĩ Kítxinhgiơ vừa phải nể người đối thoại, vừa ngại các cố vấn trong đoàn.

Trong hồi ký *Ở Nhà Trắng*, Henri Kítxinhgiơ đã viết về đối thủ của mình: "Tóc hoa râm, đường bệ, Lê Đức Thọ bao giờ cũng mặc bộ đại cán xám hoặc marông, đôi mắt to và sáng, ít khi để lộ sự cuồng tín đã thúc đẩy ông hồi mười sáu tuổi đi theo phong trào du kích cộng sản chống Pháp. Ông lúc nào cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một hai lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng của ông một cách tận tụy và khéo léo. Lê Đức Thọ tiếp tôi với một sự lễ phép có khoảng cách của con người mà ưu thế hiển nhiên đến mức không thể làm khác được bằng một kiểu lễ phép gần như sự hạ cố".

1. Đinh Nho Liêm: *Nhà ngoại giao xuất sắc Lê Đức Thọ*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, Sđd, tr. 393 - 394.

"Một hai lần" mà Kítxinhgiơ ám chỉ ở trên có cuộc gặp đầu tiên sau trận ném bom B.52 của Mỹ ở Hà Nội. Trên đường tới cuộc gặp, ngày 8-1-1973, tại địa điểm của ta ở Gifsur Yvette, đồng chí Lê Đức Thọ đã nói trước với đồng chí phiên dịch Nguyễn Đình Phương: "Hôm nay mình sẽ phê phán Mỹ mạnh đấy, mình sẽ nói thông thả cho cậu dịch, mình sẽ nói Mỹ ném bom trong đợt Nôn là *ngu xuẩn*, cậu dịch câu ấy cho đúng tình thần". Để biểu thị thái độ, đoàn ta ngồi tại bàn họp, không ai ra đón đoàn Mỹ như thường lệ. Mở đầu cuộc họp, nhìn thẳng vào mặt Kítxinhgiơ, Cố vấn Lê Đức Thọ lạnh lùng, nghiêm nghị hơn mọi hôm, bình tĩnh tấn công ngay, phê phán rất mạnh thủ đoạn xảo trá của Mỹ. Kítxinhgiơ cúi mặt không dám nhìn lại, chỉ nói: "Tôi có nghe thấy những tính từ... Tôi đề nghị dùng dùng những tính từ đó". Cố vấn Lê Đức Thọ đáp: "Tôi dùng những tính từ đó là kiểm chế lắm rồi, chứ dư luận thế giới, các nhà báo và ngay các nhân vật ở Mỹ còn dùng những câu dữ dội hơn nhiều". Sự ứng phó linh hoạt "vạn biến", "nhu" và "cương" đều đúng lúc và có lý của đồng chí Lê Đức Thọ đã buộc đối phương phải vị nể, khuất phục.

Năm là, kết hợp uyển chuyển giữa đàm với đánh trong bối cảnh ngoại giao đã trở thành một mặt trận nhằm tạo dựng và nắm bắt thời cơ để có thể xoay chuyển cục diện đánh - đàm sao cho có lợi nhất cho ta trong quá trình thực hiện phương châm giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Từ kinh nghiệm xương máu của Hiệp định Giơnevơ và từ chiến trường Nam Bộ trực tiếp đánh Mỹ - tới thắng Pari để "nói chuyện" với Mỹ, đồng chí Lê Đức Thọ thấu hiểu sâu sắc vai trò riêng và mối quan hệ giữa "đánh" và "đàm" trong bối cảnh mới. Kết quả đàm phán trước hết tùy thuộc vào thực tế và chiều hướng tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường. Bác Hồ đã chỉ rõ: "Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái

tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn"¹. Đồng thời, ngoại giao cũng có vai trò rất quan trọng. Nghị quyết Trung ương 13 (khóa III) khẳng định: "Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động"¹.

Với tư duy chiến lược sắc sảo và sự am hiểu chiến trường miền Nam từ kháng chiến chống Pháp đến kháng chiến chống Mỹ, đồng chí Lê Đức Thọ luôn chỉ đạo sát sao công tác nghiên cứu để đánh giá thật khách quan tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường miền Nam cũng như tình hình nội bộ đối phương nhằm xác định đúng mục tiêu cụ thể của từng bước đàm phán, sáng tạo những biện pháp đấu tranh thích hợp trong từng phương án cụ thể để phối hợp chặt chẽ với mặt trận quân sự cùng mặt trận chính trị tạo sức mạnh tổng hợp giành thắng lợi từng bước và khi có đủ điều kiện chín muồi thì chớp thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã làm nhụt ý chí xâm lược của Mỹ và buộc Mỹ phải nhận đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với phiên họp đầu tiên ở Hội trường Clêbe (Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Pari) ngày 13-5-1968. Khác với đàm phán ở Hội nghị Giơnevơ (đánh xong Điện Biên Phủ mới họp) đàm phán Pari bắt đầu khi ta đang đánh quyết liệt trên cả hai miền Nam, Bắc, nên đánh và đàm có thể hỗ trợ nhau. Việc Mỹ chấp nhận ngừng ném bom miền Bắc không điều kiện ngày 31-10-1968 đã hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự ở chiến trường miền Nam (lúc này ta cũng đang gặp khó khăn sau Tổng tiến công).

Ở Hội nghị Giơnevơ, các nước lớn trực tiếp đàm phán với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 126.

nhau, vai trò của ta cũng bị hạn chế. Trong đàm phán Pari, ta trực tiếp đối thoại với Mỹ trong cục diện đánh - đàm kéo dài, nên có thể khai thác tối đa mâu thuẫn trong nội bộ Mỹ (đặc biệt khi bầu cử tổng thống ở Mỹ cuối năm 1968 và cuối năm 1972) và mâu thuẫn giữa Mỹ với chính quyền Sài Gòn để tấn công đối phương. Cuộc tiến công chiến lược xuân hè 1972 ở chiến trường miền Nam đã hỗ trợ cho đợt tấn công ngoại giao tháng 10-1972 và thắng lợi oanh liệt của trận "Điện Biên Phủ trên không" tháng 12-1972 đã buộc Mỹ không còn lựa chọn nào khác hơn là phải ký kết hiệp định.

Khác với Hội nghị Giơnevơ, khi ta chỉ là một thành phần tham gia với tiếng nói hạn chế, lần này ta đã chủ động mở cả một mặt trận ngoại giao có các "binh chủng" khác nhau, kết hợp đàm phán với chiến trường và quốc tế, kết hợp giữa đàm phán ở Pari với trong nước cùng chung sức hiệp đồng tác chiến. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Nguyễn Duy Trinh, CP50 ở trong nước đã quán triệt được quan điểm của Bộ Chính trị và thông qua thảo luận tập thể có sự đóng góp tích cực của đồng chí Nguyễn Cơ Thạch nên đã hình thành kịp thời văn bản *Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam* và một số nghị định thư cần thiết trình Bộ Chính trị thảo luận và thông qua. Còn tại Pari, ta đã phối hợp nhịp nhàng giữa hai đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, "hai mà một" và "một mà hai". Những sáng kiến về giải pháp quan trọng nhất đưa ra trước diễn đàn công khai ở Pari đều được dành cho đoàn miền Nam để khẳng định địa vị pháp lý quốc tế của Chính phủ Cách mạng lâm thời và tranh thủ rộng rãi dư luận và sự ủng hộ quốc tế.

Cố vấn Lê Đức Thọ đã chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa đàm phán với đấu tranh dư luận phục vụ cả đàm phán và chiến trường. Đồng chí đã trực tiếp tác động vào nội bộ Mỹ, tranh thủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.28, tr. 174.

dư luận Mỹ ngay trong các phiên họp. Đồng thời, đồng chí chỉ đạo tập hợp lực lượng báo chí làm công tác tuyên truyền tranh thủ tất cả các diễn đàn để vừa đề cao chính nghĩa và thiện chí hòa bình của ta, vừa tố cáo tội ác của Mỹ - ngụy, phê phán các thủ đoạn nhằm hạn chế cuộc chiến đấu của ta như đòi hai bên cùng xuống thang, cùng rút quân, khôi phục khu phi quân sự, v.v. nhằm tranh thủ tối đa sự đồng tình và ủng hộ của dư luận thế giới đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Đồng chí luôn khuyến khích cán bộ phát huy vai trò cá nhân trong công tác: "Các cậu cứ mạnh dạn mà phát biểu không phải việc gì cũng xin ý kiến, như vậy còn gì là tư thế người phát ngôn".

Bị thất bại thảm hại trong cuộc tập kích chiến lược B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng, ngày 22-12-1972, Mỹ phải nêu vấn đề gặp lại ở Pari và Mỹ sẽ ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra từ ngày 30-12-1972. Bộ Chính trị đã thảo luận suốt ba ngày trong hầm Nhà Rồng ở trong thành. Nhiều ý kiến lật đi, lật lại, cuối cùng nhất trí cao với ý kiến do đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ đề xuất: phía ta nên gặp lại phía Mỹ để đi đến ký hiệp định. Ngày 23-1-1973, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Tiến sĩ H.Kítxinhgiơ đã ký tắt bản *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*. Đây là thắng lợi chung của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó có sự đóng góp của "binh chủng ngoại giao" được đồng chí Lê Đức Thọ trực tiếp bồi dưỡng và rèn luyện, có đủ bản lĩnh và trí tuệ để đấu trí, đấu lý với một đối thủ dày dạn kinh nghiệm và lão luyện về ngoại giao; biết tiến và biết lui đúng lúc để đạt được kết quả cao nhất.

Không chỉ khi được Bác Hồ và Bộ Chính trị phân công phụ trách mặt trận ngoại giao, đặc trách đàm phán với Mỹ tại Pari, đồng chí Lê Đức Thọ mới làm công tác ngoại giao. Trước đó, đồng chí đã thực hiện một số nhiệm vụ đối ngoại quan trọng của Đảng, trong đó có nhiệm vụ giúp các đồng chí Campuchia thành lập một đảng riêng theo chủ trương tách Đảng Cộng sản Đông

Dương ra làm ba đảng từ năm 1948 và dẫn đầu Đoàn đại biểu của Đảng ta thăm Pháp năm 1965 theo lời mời của Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Từ khi tập kết ra miền Bắc năm 1955, cùng với một số đồng chí khác trong Bộ Chính trị, đồng chí Lê Đức Thọ đã tham gia trực tiếp vào công tác hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Sau Đại hội VI của Đảng, với vai trò Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí vẫn tiếp tục đóng góp vào xây dựng chủ trương, nghị quyết của Đảng về đối ngoại nhằm phá vỡ thế bao vây cấm vận, giải quyết vấn đề Campuchia, thúc đẩy bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ. Riêng đối với Mỹ, trong trả lời phóng viên Hãng Thông tấn Mỹ (UPI) Sylvana Foa ngày 15-3-1985 nhân kỷ niệm 10 năm ngày giải phóng miền Nam, đồng chí đã bày tỏ: "Chúng tôi bây giờ cũng muốn có quan hệ bình thường với Mỹ. Tôi cho rằng bây giờ đã đến lúc hai nước nên gặp nhau... không có lý do gì lại không thể gặp nhau vì chiến tranh đã kết thúc hơn chục năm nay. Điều đó chỉ có lợi cho cả hai nước, cho cả hòa bình trong khu vực. Cả hai nước được nhiều cái lợi, cả về kinh tế cũng như chính trị. Không bao giờ chỉ một bên có lợi". Cùng nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã dự và chỉ đạo nhiều hội nghị ngoại giao từ thập niên 1960 cho đến khi đồng chí lâm bệnh vào cuối thập niên 1980. Trong các hội nghị ngoại giao, đồng chí đề cập đến tất cả các lĩnh vực mà ngành ngoại giao phải thực hiện: từ năm bất tình hình thế giới, tình hình trong nước đến nhiệm vụ ngoại giao và công tác Đảng, đoàn thể trong ngành ngoại giao với những chỉ đạo cụ thể có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác xây dựng và phát triển ngành ngoại giao hiện nay và trong tương lai:

Thứ nhất, nói đến ngoại giao là phải nói đến tình hình thế giới, tình hình khu vực. Cán bộ ngoại giao phải nhìn nhận, phân tích, đánh giá tình hình như thế nào cho đúng như nó đang diễn ra và tác động đến tình hình trong nước như thế nào, chúng ta phải chủ động đối phó ra làm sao? Chính các đồng chí

làm công tác đối ngoại, ngoại giao phải làm tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Đồng chí xác định rõ nhiệm vụ ngoại giao rất quan trọng, chỉ rõ ngoại giao cũng là một mặt trận, nên làm ngoại giao cũng là một nhiệm vụ chiến đấu, đòi hỏi phải chịu đựng gian khổ, hy sinh vì sự nghiệp chung. Cán bộ ngoại giao phải nắm vững đường lối của Đảng, nhất là đường lối đối ngoại, phải biết tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, nhiệm vụ trung tâm của từng giai đoạn; công tác ngoại giao rất khó vì liên quan tới thế giới bên ngoài - rộng lớn, phức tạp và thay đổi liên tục, vì vậy cán bộ ngoại giao không chỉ cần hiểu biết thấu đáo về chiến lược và chính sách, mà còn phải biết tận dụng sáng tạo, có sách lược đúng đắn và còn phải khôn khéo.

Thứ hai, muốn nhận biết về nhiệm vụ chiến lược, cần phải nắm vững tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, nắm được những lực lượng lưng chừng. Lực lượng này chỉ có thể làm chậm sự phát triển, nhưng không bao giờ ngăn cản được bước tiến của cách mạng. Đó là quy luật tất yếu của cách mạng. Phải nhận rõ bạn thù, bạn cũng có lúc hoang mang, dao động nên cần phải kiên trì giải thích để bạn hiểu ta. Do đó, muốn có sách lược ngoại giao đúng, vừa phải có cách nhìn toàn diện và tổng thể, đồng thời cần phải nghiên cứu sâu và cụ thể. Cán bộ ngoại giao phải chủ động chứ không thụ động, công tác ở địa bàn nào phải hiểu biết và sâu sắc về nơi mình công tác. Làm ngoại giao phải tỉ mỉ, biết những cái nhỏ, những cái chi tiết để nắm lấy cái lớn; phải luôn luôn học tập nâng cao tầm nhìn chiến lược, hiểu nơi mình công tác chưa đủ, phải hiểu cả khu vực, từ đó nhìn ra thế giới. Khi có sự việc gì xảy ra, phải xem xét, phân tích một cách toàn diện, tổng thể và đưa ra nhận định của riêng mình. Trong hoạt động ngoại giao, phương pháp đấu tranh ngoại giao phải rất toàn diện, không nên quan niệm đấu tranh ngoại giao chỉ là đàm phán, chỉ là gặp gỡ tiếp xúc, chỉ là phân hóa đối phương. Đấu tranh ngoại giao phải cả trên mặt trận tuyên truyền đối ngoại, cả trên mặt trận vận động quần chúng, tức là ngoại giao nhân dân. Phải kết hợp ngoại giao nhà

nước với ngoại giao nhân dân, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại nhưng phải có chỉ đạo sâu sát.

Thứ ba, với trọng trách phụ trách công tác tổ chức của Đảng trong nhiều năm (tháng 9-1944 sau khi ra tù đã được Trung ương giao phụ trách công tác tổ chức và huấn luyện cán bộ của Đảng), đồng chí Lê Đức Thọ chỉ đạo: sau khi đất nước thống nhất, quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới sẽ được mở rộng, yêu cầu hoạt động đối ngoại sẽ tăng lên nhiều, vì vậy cần phải tăng cường đội ngũ cán bộ đối ngoại, ngoại giao. Đồng chí yêu cầu Ban Đối ngoại Trung ương Đảng và Bộ Ngoại giao phải nắm được yêu cầu của các bộ, các ngành có liên quan đến đối ngoại để giúp họ trong hoạt động đối ngoại, làm sao từ chỗ họ phải dựa vào Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại đến tự họ hoạt động ngoại giao được trong những lĩnh vực họ phụ trách.

Về công tác đào tạo cán bộ ngoại giao, đồng chí Lê Đức Thọ yêu cầu lãnh đạo Bộ Ngoại giao phải biết kết hợp giữa sử dụng cán bộ ngoại giao lớn tuổi, có nhiều kinh nghiệm với việc đào tạo một thế hệ cán bộ ngoại giao trẻ, có trình độ văn hóa, ngoại ngữ và chính trị cao. Làm ngoại giao mà không biết ít nhất một ngoại ngữ thông thạo thì gay go. Làm ngoại giao, không chỉ chú ý đến hoạt động ngoại giao mà phải chú ý cả công tác xây dựng Đảng, xây dựng đoàn thể quần chúng. Làm tốt công tác Đảng, công tác quần chúng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Đảng lãnh đạo chuyên môn, thực hiện sinh hoạt dân chủ và phát huy trí tuệ tập thể. Đặc biệt, trong điều kiện hoạt động ở nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam đa dạng, công tác Đảng và đoàn thể sẽ giúp hoạt động ngoại giao nắm được cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, làm cầu nối giữa người Việt Nam ở nước ngoài với trong nước...

Suốt đời tận tụy phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc, đồng chí Lê Đức Thọ không mưu cầu lợi ích cá nhân, vì với đồng chí, hòa bình, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước là mục tiêu mà đồng chí đã toàn tâm, toàn ý phấn đấu. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, tên tuổi của đồng

chí, sự nghiệp cao cả và những cống hiến to lớn của đồng chí đối với Đảng, với dân tộc vẫn trường tồn. Lịch sử ngoại giao ghi công đồng chí như một nhà ngoại giao chiến lược tài ba, mưu lược và khôn khéo.

LÊ ĐỨC THỌ NHÀ THƯƠNG THUYẾT TÂM CỖ LỚN

Nguyễn Thị Bình*

Tôi nghe tên anh - Lê Đức Thọ - từ hồi kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Nam Bộ. Nhưng đến Hội nghị Pari về Việt Nam, tôi mới được trực tiếp làm việc với anh trong nhiều năm, kể từ đầu cho đến cuối Hội nghị. Lúc đó anh là Cố vấn đặc biệt của đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn. Còn tôi, lúc đầu là Phó trưởng đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, sau là Bộ trưởng Ngoại giao và Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị. Danh nghĩa công khai là như vậy, nhưng ai cũng hiểu rằng anh Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị và anh Xuân Thủy, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng là những nhà lãnh đạo chủ chốt các đoàn đàm phán của ta. Báo chí phương Tây, trong khi đánh giá rất cao phẩm cách và tài năng ngoại giao của Xuân Thủy, đã nhận xét rằng Lê Đức Thọ là một nhà thương thuyết đầy quyền uy, có tiếng nói rất quyết định trong đàm phán bởi quyền hạn và tính đại diện cao của ông. Sự thật thì cả Lê Đức Thọ và Xuân Thủy đều là những nhà lãnh đạo chính trị dạn dày kinh nghiệm được Đảng và Nhà nước Việt Nam

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục,
- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Pari về Việt Nam.

Dân chủ Cộng hòa giao trọng trách trong cuộc chiến đấu mới trên mặt trận ngoại giao mà cuộc đàm phán ở Pari là một trận tuyến mũi nhọn. Suốt cả quá trình thương lượng, kể từ cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ từ ngày 10-5-1968 đến ngày 31-10-1968, dẫn đến việc Mỹ buộc phải chấm dứt ném bom hoàn toàn không điều kiện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong Hội nghị bốn bên tại Pari, cho đến khi Hội nghị Pari diễn ra và đi đến kết thúc với Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, cả Lê Đức Thọ và Xuân Thủy đều tỏ ra là những nhà thương thuyết đầy tài năng, một cặp bài trùng không thể thiếu được trong ván bài lật ngửa giữa các nhà đàm phán Việt Nam và Mỹ tại Hội nghị Pari thời bấy giờ.

Thông thường, người ta hay nghĩ rằng, những nhà ngoại giao là những người có biệt tài, giống như các nhà thuyết khách thời Xuân Thu - Chiến Quốc, chỉ cần uốn ba tấc lưỡi là đảo ngược được tình thế, biến nguy thành an, chuyển bại thành thắng, giành lấy cái mà tưởng như mình không thể nào giành được. Cũng có người nghĩ rằng làm ngoại giao thì phải có nhiều mưu mô và thủ đoạn, biết đánh lừa kẻ địch, tạo ra tình huống giả mà như thật, thật mà như giả để buộc đối phương phải chấp nhận những gì mà mình muốn. Lê Đức Thọ không bao giờ nghĩ như vậy. Anh biết rõ Hội nghị Pari là một trận chiến quyết liệt, như keo vật không dứt giữa những đối thủ kỳ phùng. Nắm vững tinh thần Nghị quyết 13 của Trung ương Đảng (khóa III) mở mặt trận ngoại giao để phối hợp với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị trong nước, tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm chiến thắng kẻ thù. Anh cho rằng trên bàn đàm phán, ta không thể giành lấy cái mà trên chiến trường ta không giành được. Kết quả đàm phán tùy thuộc trước hết vào tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường. Tài trí ngoại giao không thể thay cho thực lực, nó chỉ góp một phần, thậm chí một phần quan trọng làm tăng thêm thực lực. Cùng với Xuân Thủy, Lê Đức Thọ thường

xuyên trang bị những kiến thức cần thiết cho đội ngũ những nhà đàm phán của ta ở Pari. Hai anh giữ mối liên hệ chặt chẽ với Hà Nội, trực tiếp báo cáo tình hình cuộc đàm phán, nêu lên các sáng kiến và tiếp nhận những chỉ thị của Bộ Chính trị để tiến hành đàm phán. Những nhà lãnh đạo của ta thường nói: Ta đã biết mở đầu cuộc chiến tranh thì ta cũng sẽ biết kết thúc cuộc chiến tranh. Tại bàn thương lượng, Lê Đức Thọ đã cùng các nhà đàm phán của ta kiên trì giữ vững mục tiêu chung của toàn bộ cuộc đàm phán cũng như mục tiêu cụ thể của từng bước đàm phán, sáng tạo tiến hành những biện pháp đấu tranh với đối phương trong từng phương án cụ thể để phối hợp với chiến trường, và khi điều kiện đã chín muồi thì đưa ra các kiến nghị về giải pháp.

Là người lãnh đạo cao nhất của ta trong đàm phán, lại là người có bản lĩnh vững vàng, có tính quyết đoán cao nhưng Lê Đức Thọ không bao giờ võ đoán. Làm việc gì, nhất là việc đưa ra những quyết định quan trọng, anh đều bắt đầu từ sự phân tích tỉ mỉ tình hình, rút ra những kết luận cần thiết rồi xử lý một cách linh hoạt. Cả anh và anh Xuân Thủy đều rất quan tâm đề cao vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời. Các anh nói thẳng với đối phương, cũng là cho toàn thế giới biết rằng đó là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam đang chiến đấu. Như Bác Hồ nói: miền Nam là của Việt Nam. "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"¹, "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi"¹. Các anh đã dành những tình cảm sâu đậm và cả những lời lẽ tốt đẹp cho Đoàn và Trưởng đoàn đàm phán miền Nam. Những sáng kiến về giải pháp quan trọng nhất đưa ra trước diễn đàn công khai ở Pari đều được dành cho đoàn miền Nam: Giải pháp toàn bộ 10 điểm ngày 8-5-1969 của Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; 8 điểm nói rõ thêm ngày 17-9-1970 của Đoàn Chính phủ Cách mạng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 45.

lâm thời và đề nghị 3 điểm ngày 10-12-1970 của Trưởng đoàn Nguyễn Thị Bình; lập trường 7 điểm ngày 1-7-1971 và sau đó là 2 điểm nói rõ thêm ngày 2-2-1972 của Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời, v.v..

Có nhiều thí dụ sinh động và lý thú. Theo biên bản các cuộc đàm phán mật, trong cuộc họp riêng ngày 26-6-1971 giữa Lê Đức Thọ và Xuân Thủy với Kítxinhgiơ (phụ tá Tổng thống Hoa Kỳ về các vấn đề an ninh quốc gia), đáp lại giải pháp 7 điểm ngày 31-5-1971 của Mỹ, Xuân Thủy đưa ra giải pháp 9 điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và thông báo cho Kítxinhgiơ rằng: "Bà Bình muốn gặp đại diện cấp cao của Chính phủ Mỹ để nói rõ ý kiến của bà ấy".

Kítxinhgiơ:

- Tôi sợ bà ấy lắm!

Xuân Thủy:

- Bà ấy là một phụ nữ mềm mỏng.

Kítxinhgiơ:

- Nhưng bà ấy ghê lắm. Để xem chúng ta có tiến bộ trong nói chuyện hay không, để xem triển vọng thế nào đã.

Thế rồi một bất ngờ đã đến với phía Mỹ. Sáu ngày sau đó, ngày 1-7-1971, chính Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời đã đưa ra tại bàn đàm phán công khai lập trường 7 điểm của mình, như đã nêu trên. Lập trường 7 điểm này gần giống như giải pháp 9 điểm nhưng chỉ thu hẹp trong phạm vi miền Nam Việt Nam và chĩa mũi nhọn vào Thiệu nhằm tác động đến tuyển cử sắp tới ở Sài Gòn.

Một chuyện khác. Ngày 27-11-1972, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy đến thăm đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời tại trụ sở của Đoàn ở Vorie le Buyxông (Verrière le Buisson). Đó là một ngày nghỉ, sau khi kết thúc những phiên họp kéo dài một tuần chưa ngã ngũ giữa Lê Đức Thọ, Xuân Thủy với Kítxinhgiơ, trong đó phía Mỹ lặt lọng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 246.

đưa ra rất nhiều điều sửa đổi so với bản dự thảo Hiệp định đã thỏa thuận ngày 20-10-1972. Tuy là cuộc thăm có tính chất nội bộ, nhưng Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đi xe có cấm cò và đoàn xe hộ tống. Lê Đức Thọ hiểu rằng, cuộc đi thăm này sẽ không lọt được tai mắt của giới báo chí. Quả nhiên, giới săn lùng tin tức ở Pari đã được dịp đưa tin rằng "cuộc hội kiến" giữa hai đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là nhằm thống nhất kế hoạch đấu tranh cho một Hiệp định cuối cùng. Họ nói đúng một phần. Các anh Lê Đức Thọ và Xuân Thủy đã thông báo cho chúng tôi diễn biến cuộc đàm phán mật và chúng tôi đã cùng bàn với nhau về chiến thuật đấu tranh trên diễn đàn công khai. Có điều mà giới báo chí Pari không biết là Lê Đức Thọ đã kết thúc "cuộc hội kiến" không phải bằng một kết luận chính trị hay ngoại giao mà là bằng một câu Kiều hàm ý nhắc nhở:

Dần lòng chờ đợi ít lâu

Chầy ra thì cũng năm sau vội gì.

Con người Lê Đức Thọ là như vậy. Anh xứng đáng được coi là một nhà thương thuyết tầm cỡ lớn.

LÊ ĐỨC THỌ - NHÀ NGOẠI GIAO CHIẾN LƯỢC TÀI BA

Nguyễn Dỵ Ni4n*

Mấy chục năm trong ngành ngoại giao, tôi đã có dịp tiếp cận đồng chí Lê Đức Thọ, một nhà lãnh đạo của Đảng đồng thời là nhà ngoại giao chiến lược tài ba. Hình ảnh lắg động nhất trong tôi về đồng chí Lê Đức Thọ là mái đầu bạc trắng khi đồng chí tuyên cáo với thế giới về thắng lợi của Việt Nam sau ký kết Hiệp định Pari năm 1973 và khi ngồi bên bàn làm việc. Những trọng trách mà đồng chí đã đảm nhận, những tháng ngày trắ trở trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán đã để lại dấu ấn trên mái tóc bạc phơ ấy khiến tôi không ít lần liên tưởng tới các vị tiền nhân suốt cả cuộc đời tận tụy phấn đấu và hy sinh, dành trọn trí lực và tâm hồn cho dân tộc và đất nước.

Khi trực tiếp hoạt động ngoại giao cũng như tham gia chỉ đạo công tác đối ngoại, đồng chí Lê Đức Thọ luôn là nhà ngoại giao xuất sắc với tầm nhìn xa trông rộng về chiến lược và khôn khéo, kiên quyết về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược. Tên tuổi đồng chí gắn liền với cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ ở Pari, đưa lại Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, một thắng lợi ngoại giao có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt Nam. Những cuộc đàm phán công khai và bí mật của đồng chí Lê Đức Thọ trong hơn 5 năm ấy ở Pari có thể được coi là một chặng đường của ngoại giao Việt Nam. Tài thao lược ngoại giao và công lao của đồng chí Lê Đức Thọ trong cuộc đấu trí với

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

những đại diện tinh tú nhất của nền ngoại giao Hoa Kỳ đương thời cũng còn thể hiện một đặc thù của nền ngoại giao hiện đại của Việt Nam: vượt qua tất cả mọi khó khăn và trở ngại, hiệp đồng hiệu lực với những mặt trận và binh chủng khác, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng phục vụ Đảng và nhân dân của mình, đồng chí Lê Đức Thọ luôn thể hiện là người chiến sĩ cộng sản nhiệt thành và kiên định, trung thành tuyệt đối với lợi ích của dân tộc, của đất nước. Tầm nhìn chiến lược của đồng chí xuất xứ từ những tính cách ấy, từ khả năng phân tích tổng hợp sắc sảo về thế và lực giữa ta và địch trên chiến trường, về tranh thủ cơ hội và tìm cách tạo dựng cơ hội trong đàm phán, từ sự kết hợp tài tình giữa kiên trì nguyên tắc và linh hoạt, mềm dẻo trong đối sách cụ thể, khiến cho đối phương luôn bị thuyết phục và ta luôn ở thế chủ động tiến công.

Những hoạt động ngoại giao của đồng chí Lê Đức Thọ để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho nền ngoại giao Việt Nam. Ở Hội nghị Pari, đồng chí đã vận dụng tài tình phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn hướng vào mục tiêu chiến lược là buộc Mỹ phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc và dính líu quân sự trên toàn Việt Nam, để từ chỗ làm cho "Mỹ cút" tiến tới đánh cho "ngụy nhào". Trong cuộc đấu trí dai dẳng và gian nan đó, đồng chí Lê Đức Thọ đã phát huy cao độ tác động của sách lược "đánh và đàm", chủ động tấn công ngoại giao đến cùng, làm thất bại mọi âm mưu và làm phá sản mọi con bài ngoại giao của đối phương.

Nhà ngoại giao tài ba Lê Đức Thọ đã kế thừa phong cách ngoại giao truyền thống của đất nước. Trong tư duy ngoại giao của đồng chí có dấu ấn và ảnh hưởng của tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, của những tinh tú ngoại giao

được cha ông đúc rút và truyền thụ cho đời sau, được giữ gìn trong hoài bão chung của mọi người Việt Nam về đất nước Việt Nam tự do, độc lập và phồn vinh, tỏa sáng qua bao thời đại, qua thăng trầm của lịch sử, cam go của số phận và trường tồn với lịch sử hào hùng của dân tộc.

Năm 2000, ngành ngoại giao kỷ niệm 55 năm thành lập ngành. Năm 2000 cũng kỷ niệm 10 năm ngày mất của đồng chí Lê Đức Thọ. Nhớ về đồng chí Lê Đức Thọ, thế hệ cán bộ, nhân viên ngoại giao ngày nay luôn nhớ đến những đóng góp quan trọng của đồng chí cho ngành ngoại giao Việt Nam, tự hào về những thành quả đối ngoại của đất nước và về nhà ngoại giao chiến lược tài ba Lê Đức Thọ.

*

* *

Kể từ ngày Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945, ngoại giao Việt Nam đã trải qua bốn giai đoạn:

Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương năm 1954.

Giai đoạn chống Mỹ, cứu nước và Hội nghị Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Giai đoạn chống chiến tranh biên giới phía Tây Nam và phía Bắc và chống bao vây cấm vận.

Giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế ngày nay.

Tôi tham gia công tác ngoại giao từ năm 1954 đến năm 2006 và được trải nghiệm qua hầu hết các giai đoạn đó. Điều vinh dự lớn đối với tôi là ngành ngoại giao được làm việc dưới sự chỉ đạo, dẫn dắt của những ngôi sao ngoại giao Việt Nam như các đồng chí Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh và sau này là đồng chí Nguyễn Cơ Thạch. Với đồng chí Lê Đức Thọ, điều tôi ấn tượng nhất là sự lãnh đạo của đồng chí ở hai giai đoạn: chống Mỹ, cứu nước và Hội nghị Pari; chống chiến tranh ở hai đầu biên giới và giải quyết vấn đề Campuchia.

Nhìn lại lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc hàng ngàn

năm của nhân dân ta, có hai cuộc đấu trí trên bàn thương lượng nổi bật nhất để buộc quân xâm lược phải rút quân về nước, từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam. Đó là cuộc nghị đàm giữa đại diện của nghĩa quân Lam Sơn với đại diện của quân xâm lược nhà Minh. Đầu năm Đinh Mùi (1427) theo lệnh của chủ tướng Lê Lợi, quan thừa chỉ Nguyễn Trãi đã năm lần vào thành Đông Quan (Hà Nội ngày nay) để nghị hòa với Vương Thông, chủ tướng của quân xâm lược Minh đang chiếm đóng nước ta. Với sự chỉ huy tài tình của Lê Lợi, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan cánh quân tiếp viện của bọn xâm lược nhà Minh, chém đầu tướng Liễu Thăng ở ải Chi Lăng, buộc cánh quân Mộc Thạch ở phía Tây Bắc phải bỏ chạy. Nghĩa quân Lam Sơn xiết chặt vòng vây thành Đông Quan và các thành trì khác, đồng thời kêu gọi Vương Thông và bọn cố thủ ở các thành trì ra đầu hàng. Với thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn trên các mặt trận và tài thương lượng của Nguyễn Trãi trên bàn nghị đàm, cuối cùng bọn xâm lược phải hạ vũ khí và kết thúc bằng hội thề Đông Quan. Bài văn *Hội thề* đã đi vào lịch sử như một bản hiệp định rút quân. Cuối năm 1427, hàng chục vạn quân xâm lược nhà Minh phải lần lượt rút về nước. Nhân dân Đại Việt ca khúc khải hoàn với bản hùng văn muôn đời *Bình Ngô đại cáo* của Bình định vương Lê Lợi do quan thừa chỉ Nguyễn Trãi soạn thảo.

Cuộc đấu trí thứ hai trong lịch sử đó là Hội nghị Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được tiến hành từ tháng 10-1968 đến tháng 1-1973. Cuộc đấu trí gần 5 năm này là cuộc thương lượng kéo dài nhất thế giới để chấm dứt một cuộc chiến tranh. Với đường lối chiến lược tài tình của Bác Hồ và của Trung ương Đảng, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của nhân dân miền Nam Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc phản công chiến lược mùa Xuân năm 1972 và trận Điện Biên Phủ trên không ở Hà Nội, Hải Phòng cuối năm 1972 đã buộc Mỹ đến Pari để nghị đàm với Việt Nam và ký kết hiệp định kết thúc chiến tranh. Ở đây có các cuộc thương lượng công khai và thương lượng bí mật. Thương lượng công khai để đấu lý và tranh thủ

dư luận. Thương lượng bí mật để mặc cả, đây mới là thực chất. Phía Mỹ cử Henri Kítxinhgiơ, một học giả kỳ cựu và là một trong những khối óc (think tank) lớn nhất của nước Mỹ thời bấy giờ, dẫn đầu đoàn Mỹ đàm phán bí mật. Phía ta, Bác Hồ đích thân lựa chọn đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu đoàn đàm phán Việt Nam. Vào thời điểm đó, đồng chí Thọ vừa được Đảng cử vào miền Nam đảm nhiệm chức vụ Phó Bí thư Trung ương Cục sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Mới đặt chân trên đất thành đồng Tổ quốc chưa được bao lâu, đồng chí đã phải trở lại Hà Nội gấp.

Sự lựa chọn của Bác Hồ và Bộ Chính trị cử đồng chí Lê Đức Thọ đi Pari là vô cùng chính xác. Đến nay cuộc đàm phán Việt - Mỹ tại Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, cuộc đối đầu trí tuệ Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ đã kết thúc gần 40 năm. Bây giờ có thời gian nhìn lại, chúng ta mới thấy hết tài năng tuyệt vời của nhà ngoại giao tài ba Lê Đức Thọ.

Đành rằng việc ký kết Hiệp định Pari là thắng lợi tổng hợp của cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, nhưng với nhiệm vụ kết thúc cuộc chiến tranh bằng những văn kiện pháp lý quốc tế thì vai trò thương lượng của người đứng đầu ở bàn đàm phán có vị trí vô cùng quan trọng.

Lê Đức Thọ trong suốt gần 5 năm đàm phán ở Pari, ông được ví như vị tướng ở ngoài biên. Ông thực hiện rất nghiêm túc đường lối chiến lược trong đàm phán mà Bác Hồ đã trực tiếp căn dặn và những chủ trương của Bộ Chính trị đã đề ra. Nhưng phần đóng góp của cá nhân ông thật là to lớn. Ông đã có sự vận dụng sáng tạo, luôn luôn giành thế chủ động tấn công, buộc đối phương phải đi vào đàm phán theo cách của mình. Đã có lúc Kítxinhgiơ phải thốt lên: "Tôi có thể làm tốt hơn nếu như đối diện trên bàn đàm phán không phải là ông Lê Đức Thọ", "đàm phán với ông Thọ quả là cân não!".

Sau khi Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết ngày 27-1-1973, cả thế giới ca

ngôi tài trí ngoại giao của ông Lê Đức Thọ. Hình ảnh của ông, danh tiếng của ông tràn ngập trên các trang báo lớn của Mỹ, phương Tây và các nước khác. Và vì vậy, ngay năm 1973, Ủy ban Giải thưởng Nôben đã quyết định trao Giải Nôben Hòa bình, một giải thưởng danh giá nhất thế giới cho ông. Với bản lĩnh và sự nhạy cảm của mình, ông đã từ chối nhận giải vì lúc đó Việt Nam chưa thực sự có hòa bình, nhưng thật ra trong thời điểm đó khó có thể nhận Giải Nôben Hòa bình cùng đứng liên danh Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ vì cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ quá khủng khiếp, tang tóc, đau thương còn hiển hiện khắp mọi nơi trên đất nước, nạn nhân của chiến tranh phải có thời gian mới nguôi ngoai được.

Nhiều lúc tôi tự hỏi một người như ông Thọ, không qua một trường lớp ngoại giao nào cả, có thể nói ngoại giao là nghề tay trái của ông vì sở trường của ông là chính trị, quân sự và tổ chức, nhưng tại sao trong ngoại giao, ông lại thể hiện tài ba đến như vậy, đến kẻ thù cũng phải kính nể ông. Có lẽ trong con người ông đã hội tụ những tố chất:

1- Đó là nhiệt huyết của con người cách mạng luôn phấn đấu cho độc lập, tự do, thống nhất của Tổ quốc. Ở tuổi 20, ông đã tham gia cách mạng, hai lần bị giam cầm trong nhà tù của thực dân Pháp, vào sinh ra tử trong các địa bàn nguy hiểm nhất của cuộc đấu tranh đã hun đúc trong ông ý chí và quyết tâm chiến đấu cho lý tưởng cách mạng dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2- Đó là sự thông minh bẩm sinh kế thừa truyền thống gia đình và quê hương. Nhưng không có sự thông minh nào mà không có sự rèn luyện, tìm tòi, học hỏi, tích lũy và sáng tạo và ông đã tích lũy được kiến thức trong cuộc chiến tranh, trong cuộc sống, trong nhân dân và nhất là sự tiếp cận với trí tuệ của lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam và của nhân loại và biến nó thành nguồn trí tuệ của ông.

3- Đó là một phương pháp khoa học hết sức lôgích, hết sức

hệ thống. Có lẽ ông nắm vững ngũ tri (năm điều biết: biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng và biết biến hóa). Ông là nhà lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm nên ông biết mình lắm, biết rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của Việt Nam ở chiến trường và những nơi khác. Biết người, ông tinh tường lắm, ông biết Mỹ đang bế tắc tìm lối ra khỏi vũng lầy chiến tranh, nhưng lại muốn ra đi trong thế mạnh và bảo toàn cho đồng minh của mình. Ông nắm vững thời thế lúc đó, khi phong trào chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam lan rộng ra toàn thế giới và trong lòng nước Mỹ, buộc chính quyền Mỹ phải sớm kết thúc đàm phán với Việt Nam. Đàm phán có lúc rất căng, ông phê phán Mỹ hết sức gay gắt, nhưng ông biết dừng đúng chỗ, đúng lúc. Khi đàm phán đi vào bế tắc, ngõ cụt, nhất là việc Mỹ đòi quân đội miền Bắc rút khỏi miền Nam như quân đội Mỹ. Đó là điều không thể được. Nhưng ông biết biến hóa phá vỡ bế tắc. Ông đưa ra sáng kiến vấn đề lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam do các bên Việt Nam giải quyết với nhau. Cuối cùng Mỹ không có sự lựa chọn nào khác đành phải chấp nhận phương án đó.

4- Đó là dũng khí của một chiến sĩ cách mạng kiên cường, của một nhà thương lượng ngoại giao đầy bản lĩnh. Trong suốt quá trình thương lượng, phía Mỹ không ít lần đưa ra những lời đe dọa. Ông Thọ đã không ngần ngại đáp lại: "Chúng tôi đã đánh nhau với các ông 10 năm và cũng đã đàm phán 5 năm rồi. Nay các ông có sẵn sàng mới đi đến giải quyết, không thể dùng đe dọa với chúng tôi được đâu". Và đúng như vậy, dưới mái đầu bạc trắng như mây, vẫn toát lên những lời nói đanh thép, nhiều lần Kítxinhgiơ phải cúi gầm mặt xuống nghe ông Thọ nói với những từ ngữ khá nặng nề như *lừa dối, ngu xuẩn, tráo trở, lật lọng...* Thật là dũng cảm! Không có dũng khí không làm được. Khi nghỉ giải lao, Kítxinhgiơ hỏi ông Thọ: "Ông có bao giờ mắng cán bộ mình như mắng tôi không?". Ông Thọ nói: "Tôi chỉ nói lên tiếng nói của nhân dân tôi thôi. Cán bộ của tôi có quay quắt, lật lọng, tráo trở đâu mà tôi mắng họ".

Ngũ tri và "dĩ bất biến, ứng vạn biến" là điều mà Bác Hồ luôn căn dặn các nhà ngoại giao Việt Nam. Ở ông Lê Đức Thọ, những điều đó hình như đã nhập tâm, đã nhuần nhuyễn. Cái bất biến trong thương lượng của ông với Kítxinhgiơ là "làm cho Mỹ rút, làm cho ngụy nhào" nhưng muốn bảo vệ được cái bất biến đó thì cần phải biết cách vạn biến và trí tuệ của ông được thể hiện chính là ở đây và điều này cũng toát lên tài trí và sự khôn khéo của nhà ngoại giao tài ba Lê Đức Thọ.

Với Hiệp định Pari 1973, nhân dân Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu đánh cho Mỹ rút, đưa đến đại thắng mùa Xuân năm 1975 hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước. Hòa bình được lập lại, nhân dân phấn khởi xây dựng đất nước, nhưng chẳng được bao lâu, năm 1978, bọn diệt chủng Pôn-pốt cho quân sang xâm lược, giết hại đồng bào ta ở biên giới Tây Nam. Đứng trước những hành động bạo ngược đó và hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh trả hành động xâm lược của bọn diệt chủng Pôn-pốt, đồng thời giúp đỡ nhân dân Campuchia loại trừ nạn diệt chủng vô cùng khủng khiếp đó. Và tiếp ngay sau đó, tháng 2-1979, lại nổ ra cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc. Thời kỳ đó, đất nước ta bị bao vây cấm vận nghiêm ngặt, nhiều khó khăn và thách thức đặt ra. Ông Lê Đức Thọ lúc đó được Bộ Chính trị phân công phụ trách mảng công tác đặc biệt khó khăn nhất, trực tiếp chỉ đạo công tác có liên quan đến quan hệ với Campuchia. Và sau đó ông phụ trách khối tư tưởng, nội chính và ngoại giao.

Công tác ngoại giao lại được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông. Thời kỳ đó ông có đóng góp rất lớn cho mối quan hệ Việt Nam - Campuchia và tìm giải pháp cho vấn đề Campuchia tiến tới việc ký kết hiệp định về Campuchia tháng 10-1991. Những năm sau này, tôi mới được làm việc trực tiếp với ông Thọ. Hơn 10 năm sau Hội nghị Pari mà ông vẫn sôi nổi, quyết liệt, quyết đoán và quyết tâm như hồi nào. Có một vài lần ông đã

cho những ý kiến nhận xét, phê phán gay gắt vào những đề án đấu tranh ngoại giao của chúng tôi trình lên nhưng chưa đạt yêu cầu. Nhiều lúc tôi ngồi nghe mà toát cả mồ hôi, nhưng về cơ quan bình tĩnh suy ngẫm kỹ mới thấy nhiều điều được soi sáng. Đầu năm 1990, thật là một tổn thất to lớn khi ông ốm nặng, chúng tôi không xin được ý kiến chỉ đạo của ông về công tác ngoại giao, nhất là những vấn đề liên quan đến Campuchia đang đi vào giai đoạn cuối của giải pháp.

Ngày 13-10-1990, ông ra đi vĩnh viễn. Ngành ngoại giao mất đi một người thầy, một người anh, một nhà lãnh đạo. Những năm tiếp theo, chúng ta đi những bước lớn trong quan hệ quốc tế, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, với Mỹ, gia nhập ASEAN, APEC và các mối quan hệ khác. Vắng ông Thọ ở tầm lãnh đạo cao, chúng tôi cảm thấy thiệt thòi. Không được tiếp nhận sự chỉ bảo và chỉ đạo của ông, nhất là không được nghe ông phân tích, lý giải sự việc để tránh được những mưu mẹo, ý đồ của người khác mà tầm suy nghĩ của chúng tôi chưa với tới. Có những bài học sau này làm tôi suy nghĩ - giá như ông Thọ còn sống thì chúng ta tránh được.

Vào những ngày cuối của cuộc đời, ông chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo. Bộ Ngoại giao lúc đó tìm được chiếc máy từ của Ấn Độ chữa trị cho căn bệnh đó. Anh Nguyễn Cơ Thạch bảo tôi cầm chiếc máy đó sang nhà ông để hướng dẫn cho bác sĩ điều trị. Nằm trên giường bệnh, ông chìa tay ra nắm tay tôi và nói: "Niên đấy à". Ít lần tôi được trực tiếp làm việc riêng với ông, nhưng ông vẫn nhớ tên. Vì bệnh tình lúc quá nặng nên không thể cứu chữa được nữa. Chúng tôi vô cùng xót xa và thương tiếc một tài năng như ông.

Những gì ông cống hiến cho nền ngoại giao Việt Nam là những bài học vô cùng quý giá cho các thế hệ ngoại giao hiện tại và tương lai. Học tấm gương sáng của ông, tôi nghĩ các nhà ngoại giao cần phải:

- Suốt đời phục vụ cho lợi ích của đất nước, của nhân dân;
- Bản lĩnh vững vàng, kiên cường bất khuất trong đấu

tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc;

- Không ngừng học tập để nâng cao tri thức về mọi mặt;

- Quyết liệt trong mọi công tác được giao phó để hoàn thành bằng được nhiệm vụ dù khó khăn đến đâu.

Lê Đức Thọ là con người đấu tranh không khoan nhượng để bảo vệ cái đúng, chống cái sai. Chính cái không khoan nhượng đó đã đưa đến sự nhận thức khác nhau về con người ông. Khi làm thơ thi sĩ phải thật lòng. Không thật thì làm sao có cảm xúc để có những vần thơ hay. Hãy đọc những vần thơ của Lê Đức Thọ. Trong thơ, ông giải bày tình cảm của ông đối với đất nước, quê hương, với đồng bào, đồng chí, với cán bộ, với chiến sĩ... Tình thương của ông là bao la, là chân thật từ trái tim ông. Tôi mong rằng thời gian sẽ giúp chúng ta nhìn nhận đúng như chính con người ông, không thêm bớt. Lịch sử vốn trung thực, nhân dân vốn công bằng. Những gì thuộc về ông hãy để lại cho ông. Đến đây tôi xin trích một đoạn thơ của con gái ông - Lê Trung Nguyệt viết về cha mình:

Đừng ai bỏ muối

Đừng ai pha đường

Ai đừng vắt chanh

Ai đừng rắc ớt

Ai đừng xúc nước hoa

Đừng ai tô phấn sáp

Để cha yên nghỉ - linh hồn Người

Chỉ nước trắng và hoa.

Từ lăng kính ngoại giao, chúng tôi chỉ muốn sự trung thực đến với ông, một con người đã hiến dâng trọn cuộc đời cho cách mạng và dân tộc. Hôm nay, nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của ông, tôi xin được thắp nén nhang với một chén nước trắng tinh khiết từ lòng đất của quê hương Nam Định trên bàn thờ ông để tỏ tấm lòng tôn kính và tri ân ông.

Hà Nội, tháng 10-2011

NHÀ NGOẠI GIAO XUẤT SẮC LÊ ĐỨC THỌ

Đinh Nho Liêm*

Học tập và kế tục nhà ngoại giao thiên tài Hồ Chí Minh, vào nửa sau của thế kỷ XX, nhiều nhà ngoại giao đã làm rạng rỡ nền ngoại giao Việt Nam trên trường quốc tế, trong đó có anh Lê Đức Thọ.

Được biết anh trong thời gian ngắn vào năm 1947, khi tôi còn làm thư ký riêng cho Tổng Bí thư Trường Chinh, anh Thọ ở trong Thường vụ Trung ương, tôi vài lần thấy được sự sắc sảo và tính quyết đoán của anh.

Từ năm 1968, sau cuộc Tổng tiến công Mậu Thân, thực hiện Nghị quyết Trung ương 13 (khóa III) nhấn mạnh ngoại giao giữ vai trò quan trọng, chủ động, tích cực phối hợp với quân sự - chính trị. Mở cục diện đánh - đàm, Bộ Chính trị phân công anh Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị cùng anh Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách mặt trận đối ngoại, anh Thọ chuyên trách chỉ đạo đàm phán với Mỹ. Làm Ủy viên Thường trực của Tiểu ban về Việt Nam (với tên CP50), tôi ngày càng thấy rõ bản lĩnh cách mạng và tài năng ngoại giao của anh Thọ.

Từ khi bắt đầu cuộc thương lượng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hoa Kỳ tại Pari ngày 13-5-1968 đến khi ký Hiệp định Pari vào tháng 1-1973, anh Thọ giữ vai trò quan trọng. Đi lại giữa Hà Nội - Pari, khi nghiên cứu ở trong nước, khi đàm phán tại Pháp, anh Thọ bỏ nhiều công sức vào cuộc đấu tranh ngoại

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao,
- Ủy viên Thường trực Tiểu ban về Việt Nam CP50.

giao với Mỹ, vào cuộc đàm phán lâu dài và phức tạp.

Giữa năm 1968, Tố Hữu có thơ chúc hai anh Lê Đức Thọ và Xuân Thủy đi đàm phán:

*Đánh đàm Nam - Bắc hai tay
Anh đi, muôn dặm trời Tây gặp ghềnh
Chúc anh bền sức đấu tranh
Ngày về, kết quả đôi cành Bắc - Nam.*

Bài này chỉ nói một số mặt trong công tác ngoại giao của anh. Anh Thọ với tư cách là người cùng anh Trinh đề xuất chủ trương với Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh và là người tổ chức thực hiện các chủ trương ấy. Hoạt động của anh Thọ rõ nét trên mấy mặt: đấu tranh trực diện với Mỹ, tác động vào nội bộ Mỹ, v.v., tập hợp đội ngũ cán bộ ngoại giao, báo chí.

1. Theo sáng kiến của Tổng Bí thư Lê Duẩn, Bộ Chính trị quyết định mục tiêu của cuộc kháng chiến là giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Do đã hoạt động ở miền Nam và theo dõi sát chiến trường, anh Thọ đã đề xuất những chủ trương về ngoại giao để thực hiện mục tiêu đó bằng cách kéo địch xuống thang từng bước. Bước đầu tiên là "buộc đối phương hạn chế để đi đến chấm dứt ném bom miền Bắc bằng đấu tranh quân sự (phòng không và không quân) phối hợp với ngoại giao". Mỹ tăng cường ném bom và có lúc phong tỏa miền Bắc là để làm suy yếu hậu phương lớn, uy hiếp tinh thần quân dân ta. Có ý kiến cho rằng: hễ Mỹ còn quân và đánh ở miền Nam thì họ không chấm dứt ném bom miền Bắc. Ta đánh giá khác. Nếu Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, không đạt mục đích phá hậu phương ta thì buộc phải xuống thang, nhất là sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, ý chí xâm lược đã bị lung lay, Mỹ phải ngồi lại cùng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để xác định việc chấm dứt ném bom miền Bắc và tìm giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam. Sau Tuyên bố ngày 3-4-1968 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng cử đại diện tiếp xúc với đại diện Mỹ, ngày

13-5-1968, cuộc thương lượng tay đôi Việt - Mỹ bắt đầu ở Pari. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do anh Xuân Thủy làm Trưởng đoàn. Thượng tuần tháng 6-1968, anh Lê Đức Thọ đến Pari với tư cách là Cố vấn đặc biệt của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn. Sau mấy tháng đấu tranh, phía Mỹ chấp nhận chấm dứt ném bom vào tối 31-10-1968. Ngày 3-11-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi, khẳng định sự đúng đắn của đường lối và chủ trương của chúng ta: "Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu... Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

2. Từ khi bắt đầu họp bốn bên ngày 25-1-1969, cùng với những cuộc họp công khai và những cuộc gặp riêng tay đôi (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Mỹ) vai trò của anh Lê Đức Thọ càng rõ với tư cách là đại diện của Bộ Chính trị tại chỗ để chỉ đạo cả hai đoàn Bắc và Nam, để chủ trì việc gặp riêng Mỹ. Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", phía ta quyết tâm và kiên trì đấu tranh trong bốn năm để đạt mục tiêu buộc Mỹ rút hết quân và chấm dứt xâm lược, chấm dứt can thiệp vào miền Nam. Từ đó, tạo nên so sánh lực lượng có lợi cho ta, bất lợi cho ngụy. Âm mưu của Mỹ trong đàm phán là cùng với việc rút quân Mỹ đòi quân miền Bắc cũng phải rút vì đều là "lực lượng ngoại nhập". Anh Thọ đã chỉ đạo cho CP50 nghiên cứu công thức để trình Bộ Chính trị duyệt: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Chiến đấu để bảo vệ nước Việt Nam là quyền thiêng liêng của mọi người Việt Nam từ Nam đến Bắc. Sau khi Mỹ rút hết quân và chấm dứt can thiệp vào miền Nam, vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam do các bên Việt Nam cùng giải quyết". Khôn khéo của ta là tách quân Mỹ với quân miền Bắc chiến đấu ở miền Nam, bằng sự khẳng định một bên là xâm lược, là phi nghĩa, một bên là lực lượng của cả dân tộc để bảo vệ Tổ quốc, là chính nghĩa. Cuộc đấu tranh về vấn đề lực lượng vũ trang này

kéo dài, nhưng do lập luận sắc bén của phía ta, nhất là của anh Thọ, cuối cùng Mỹ phải nhận ghi ở Điều 13 của Hiệp định: "Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết...". Trong quá trình đấu tranh ở Pari, cùng với thắng lợi quân sự ở chiến trường, ta buộc Mỹ phải rút dần dần quân.

Về *khâu phi quân sự*, âm mưu của Mỹ là muốn chia cắt lâu dài nước ta bằng công thức "miền Nam, miền Bắc tôn trọng khu phi quân sự và lãnh thổ của nhau". Anh Thọ đã bác bỏ và nêu đề nghị "miền Bắc và miền Nam sẽ thỏa thuận về quy chế khu phi quân sự và thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời". Chú ý: ta nhấn mạnh "giới tuyến quân sự tạm thời", chống việc chia cắt. Kết quả đạt được trong Điều 15 về "vấn đề thống nhất nước Việt Nam và vấn đề quan hệ giữa miền Bắc và miền Nam nước Việt Nam" ghi rõ: "Trong khi chờ đợi thống nhất, giới tuyến quân sự giữa hai miền tại vĩ tuyến 17 chỉ là tạm thời và không phải là một ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ...".

Về Điều 1 của Hiệp định "*các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam*". Khác với Hiệp định Giơnevơ 1954, các chương I, II và các điều khoản đầu nói về giới tuyến quân sự tạm thời, ngừng bắn, chuyển vùng của quân đội hai bên, v.v.. Hiệp định Pari mở đầu bằng điều khoản nói về các *quyền dân tộc, độc lập* cơ bản của nhân dân Việt Nam ta, đưa công thức: "Hoa Kỳ tôn trọng chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam" như Hiệp định Giơnevơ 1954 đã công nhận. Phía Mỹ không đồng ý với lý do là chưa bao giờ Mỹ ký một Hiệp định ràng buộc như vậy. Để đi đến thỏa thuận, anh Thọ đã đổi thành "Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam...". Kítxinhiơ chấp thuận công thức đó.

Dưới sự chỉ đạo của anh Thọ và anh Trinh, CP50 đã quán triệt được quan điểm của Bộ Chính trị và thông qua thảo luận tập thể có sự đóng góp tích cực của anh Nguyễn Cơ Thạch nên đã hình thành văn bản "Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến

tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" và một số Nghị định thư cần thiết trình Bộ Chính trị thảo luận và thông qua. Ngay tên gọi của Hiệp định, anh Thọ cũng nhắc chúng tôi đưa công thức để phía Mỹ có thể chấp nhận được, tránh từ *xâm lược*... Do đó, với tên gọi: "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình" vừa đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân ta, phù hợp với mong muốn của dư luận quốc tế, vừa tạo điều kiện cho Mỹ rút lui trong danh dự.

Đấu tranh của anh Lê Đức Thọ, anh Xuân Thủy và chị Nguyễn Thị Bình cùng hai đoàn ta, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, buộc Mỹ phải thỏa thuận văn bản. Ngày 20-10-1972, Tổng thống Níchxơn gửi công hàm cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định văn bản Hiệp định xem như đã hoàn thành và nói Kítxinhgiơ sẽ đi Hà Nội vào cuối tháng 10-1972 để ký tắt Hiệp định và sau đó ký chính thức ở Pari.

Nhưng Mỹ đã lật lọng với lý do Nguyễn Văn Thiệu bác bỏ Hiệp định và đòi đàm phán lại một số điều. Ngày 26-10, Chính phủ ta ra tuyên bố về "tình hình cuộc đàm phán" để tranh thủ dư luận và tác động vào nội bộ Mỹ. Nhiều người trong chính giới Mỹ cũng đòi Níchxơn ký Hiệp định đã thỏa thuận.

Từ ngày 18 đến ngày 30-12-1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích đường không bằng B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố ở miền Bắc, hòng gây sức ép. Với trận Điện Biên Phủ trên không, ta đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược tàn bạo này. Do đó, ngày 22-12-1972, Mỹ phải nêu vấn đề gặp lại ở Pari và Mỹ sẽ ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở lên từ ngày 30-12-1972.

Suốt ba ngày, Bộ Chính trị thảo luận trong hầm Nhà Rong ở trong thành, tôi làm thư ký ghi chép. Nhiều ý kiến lật đi lật lại, cuối cùng nhất trí cao với ý kiến do các đồng chí Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đề xuất: phía ta nên gặp lại phía Mỹ để đi đến ký Hiệp định. Mỹ dùng B52 và thất bại, đó là bước đường cùng, chủ bài cuối cùng của đối phương đã vô dụng. Ta ký trên thế thắng, tạo đà tiến lên.

Lúc bấy giờ anh Thọ đang bị sốt, còn anh Phan Hiền cần ở lại để đầu tháng 1-1973 đi cùng anh Thọ sang Pari nên anh Thọ gọi tôi xuống hầm thân mật nói: "Liêm ơi, tuy mệt cậu cố gắng đi Pari sớm đưa ý kiến thảo luận và quyết định của Bộ Chính trị sang báo cáo rõ với anh Xuân Thủy, chị Bình, anh Thạch và các đồng chí đoàn viên. Cậu chú ý bảo mật, nhớ kỹ trong đầu, không mang tài liệu. Sang Pari cậu không ra khỏi trụ sở đoàn". Tôi cảm động được anh Thọ tin cậy, giao nhiệm vụ đó và đã cố gắng làm tròn. Lúc anh Thọ có anh Hiền cùng đi Pari gặp lại Kítxinhgiơ để hoàn tất Hiệp định và ký tắt vào ngày 23-1-1973, tôi về ngay Hà Nội, chuẩn bị cho Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh đi ký chính thức vào ngày 27-1-1973.

3. Hiệp định Pari về Việt Nam - một thắng lợi to lớn của Việt Nam có ý nghĩa quốc tế quan trọng. Hiệp định buộc Mỹ rút quân chỉ để đổi lấy tù binh còn quân miền Bắc vẫn ở lại miền Nam, cũng không ràng buộc ta (sau khi ký) không được đưa quân đội với số lượng lớn vào để đánh nhào ngụy; Mỹ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam; tách vấn đề Việt Nam với vấn đề Lào và Campuchia. Đối với quốc tế, Mỹ lùi một bước về chiến lược, tránh "một Việt Nam thứ hai": một nước (như Panama) rút kinh nghiệm của Việt Nam đòi Mỹ tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của họ ở vùng kênh đào, nay đã thực hiện được. Hiệp định Pari tạo tiền đề cho ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh quân sự - chính trị ở miền Nam để giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc mùa Xuân năm 1975. Để chuẩn bị Đại thắng này, cùng với anh Trinh, anh Thọ đã hướng dẫn Bộ Ngoại giao đánh giá khả năng hoạt động của đế quốc Mỹ nếu ta tập trung lực lượng đánh đổ ngụy quyền, ngụy quân và đã đi tới một kết luận rất quan trọng là rất ít khả năng Mỹ đưa quân trở lại Việt Nam. Nên ta đã quyết chiến và quyết thắng trong thời gian ngắn.

Tóm lại, từ khi bắt đầu cục diện "đánh - đàm" đến khi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cùng anh Trinh (còn

phải lo chung các hoạt động ngoại giao khác), anh Thọ đã đóng vai trò quan trọng trên mặt trận đấu tranh ngoại giao, phối hợp với quân sự, chính trị, tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc.

4. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, anh Thọ rất chú ý: trong khi đấu tranh với đối phương cần phối hợp và tranh thủ tối đa sự ủng hộ giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, phối hợp cuộc đấu tranh của Việt Nam với cuộc đấu tranh của Lào và Campuchia, tranh thủ bè bạn, nhất là Pháp (cả nhân dân, Đảng Cộng sản và chính giới). Ta chống Mỹ trong bối cảnh quốc tế phức tạp: mâu thuẫn Xô - Trung, bất đồng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Mỹ hòng lợi dụng tình hình đó để cô lập cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc Việt Nam. Qua những chuyến đi, về Hà Nội, qua Bắc Kinh và Mátxcơva trên nguyên tắc độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế, anh Thọ đã kịp thời thông báo cho lãnh đạo hai nước Liên Xô và Trung Quốc về cuộc đấu tranh ngoại giao của ta, đề nghị bạn phối hợp và giúp đỡ Việt Nam về đối ngoại. Ở Pháp, cùng anh Xuân Thủy và chị Nguyễn Thị Bình, anh Thọ tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình của Đảng Cộng sản Pháp, của nhân dân Pháp và quan hệ đối với chính giới Pháp.

Sau khi ký Hiệp định Pari, anh Trinh và anh Thọ cùng về qua Mátxcơva và Bắc Kinh, được lãnh đạo hai nước đón tiếp long trọng, ca tụng thắng lợi của Việt Nam.

5. Mặt quan trọng khác là anh Thọ đã *vận dụng kinh nghiệm về tổ chức và cán bộ vào cuộc đấu tranh* để đạt được Hiệp định Pari: đoàn kết tất cả cán bộ chuyên trách, phối hợp chặt chẽ đoàn miền Bắc và đoàn miền Nam, phân công rõ ràng, tổ chức bộ phận tác chiến ở cuộc gặp riêng và diễn đàn công khai, bộ phận tham mưu trong nước (CP50), liên hệ chặt chẽ với Trung ương Cục, tập hợp cán bộ báo chí thông tin để tranh thủ dư luận quốc tế, tác động vào nội bộ Mỹ.

6. Cũng như đã học được nhiều điều ở các đồng chí lãnh đạo khác, trong khoảng 5 năm làm việc ở trong nước với anh

Thọ về đấu tranh ngoại giao, tôi học tập được một số điều bổ ích có tính sâu rộng, những điều học anh Thọ giúp cho tôi càng trưởng thành để công tác cho đến khi nghỉ hưu. Nay những bài học ấy vẫn còn giá trị đối với tôi để suy nghĩ về thời cuộc trong nước và quốc tế, phân tích, đánh giá phải, trái, thật, giả.

Với bề dày cách mạng sâu sắc, tầm nhìn xa rộng, bản lĩnh chính trị vững vàng, anh luôn luôn kết hợp tình hình trong nước với bối cảnh quốc tế, đánh giá ý đồ, âm mưu của đối phương, đánh giá ý kiến của bạn, dự kiến các khả năng, tìm ra mẫu số chung lúc bấy giờ: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng đấu tranh tổng hợp, trong đó ngoại giao là rất quan trọng. Lấy lợi ích của dân tộc Việt Nam với lợi ích của cách mạng và hòa bình thế giới làm mẫu số chung. Luôn luôn trăn trở với trí tuệ sắc bén, độc lập suy nghĩ, anh đưa ra những sáng kiến ngoại giao trong các đợt tấn công vừa nguyên tắc, vừa linh hoạt, giao cho CP50 đi sâu nghiên cứu, cụ thể hóa thêm. Lắng nghe mọi ý kiến, dù trái ngược, anh đã tập hợp được trí tuệ của bộ phận tham mưu ở Hà Nội với bộ phận tác chiến ở Paris dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị. Có thể nói: Cùng với anh Trinh, anh Thọ đã xây dựng được "quân chủng ngoại giao" để đấu trí, đấu lý; biết tiến, thoái đúng lúc, đối phó với ngoại giao của cường quốc Mỹ, với Kítxinhgiơ. Anh đã đào tạo được nhiều cán bộ ngoại giao, báo chí của cả hai miền, sau này làm cốt cán cho một số cơ quan. Đối với cán bộ, anh đối xử có tình, có lý, nghiêm túc nhưng giản dị, chan hòa, giúp nâng cao trí tuệ, phương pháp công tác, quan tâm sức khỏe, đời sống, tâm tư, nguyện vọng.

Anh Thọ đi xa đã 10 năm¹. Nước Việt Nam thống nhất đang tiến lên trong đổi mới và hội nhập quốc tế, trên tư thế độc lập, tự chủ, bảo đảm chủ quyền có nguyên tắc và linh hoạt. Một số điều anh mong ước đã được thực hiện hoặc đang được triển khai. Ngành ngoại giao Việt Nam, trước thêm thế kỷ XXI, đang

1. Năm 2000 (B.T).

vươn lên về tầm cao và về chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực với nội dung mới, trong quan hệ song phương và đa phương để cùng các mặt trận khác đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Nhiệm vụ ngoại giao so với khi chống Mỹ có thuận lợi nhưng cũng nặng nề, phức tạp hơn. Làm cho dân giàu, nước mạnh, nhân dân hạnh phúc, văn minh có cái khó riêng của nó, nhưng cái thuận lớn là đất nước đã giành được độc lập và thống nhất. Một số bài học anh Thọ để lại có thể bổ ích cho ngoại giao trong thời kỳ mới. Lịch sử ngoại giao Việt Nam ghi công anh:

Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay

Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.

Nhớ mãi hình ảnh thân thương của anh Lê Đức Thọ, một trong những học trò trung thành, sáng tạo của Nhà ngoại giao kiệt xuất Hồ Chí Minh.

ĐỐI MẶT VỚI HOA KỲ

Trần Quang Cơ*

Cách đây 10 năm, khi anh Lê Đức Thọ qua đời, tôi có viết bài *Anh Sáu Thọ ở Pari*¹ để tưởng nhớ anh. Khi ấy, trong lúc xúc động, tôi chỉ kịp ghi lại đôi dòng suy nghĩ của tôi về con người đã góp phần quan trọng đem lại thắng lợi ngoại giao cho ta trong quá trình chống Mỹ, cứu nước. Nay tôi thấy cần viết đầy đủ hơn những cảm nhận của mình về những cống hiến lớn lao của anh trong cuộc đối mặt với Hoa Kỳ trên bàn đàm phán ở Pari.

*
* *

Giai đoạn vừa đánh vừa đàm kéo dài gần nửa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đã diễn ra sau khi Hội nghị Trung ương lần thứ 13 khóa III (tháng 1-1967) ra Nghị quyết *Đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến công địch, phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta*.

Trước một địch thủ cực giàu và mạnh như Hoa Kỳ, là một dân tộc nhược tiểu vừa thoát khỏi chế độ thuộc địa, người Việt Nam không những phải có lòng dũng cảm, mà còn phải có trí thông minh; phải dũng mãnh đánh bại kẻ thù không đủ, mà còn phải biết khôn khéo vận dụng sách lược kéo địch xuống thang từng bước và làm chuyển biến so sánh lực lượng có lợi cho ta. Khi đấu tranh quân sự giành được thắng lợi quyết định thì

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao.
1. Báo *Nhân Dân*, ngày 17-10-1990, tr. 1.

ngoại giao phải biết kết thúc chiến tranh bằng giải pháp chính trị mở đường cho địch rút trong danh dự.

Trên tinh thần đó, tháng 5-1968 ta đã mở cục diện vừa đánh vừa đàm phán với Mỹ. Với tình hình quốc tế cực kỳ phức tạp, chủ trương vừa đánh vừa đàm phán của ta được bạn bè đón nhận với những thái độ có phần trái ngược. Có ý kiến cho rằng cần tập trung vào đánh, không nên quá vội nghĩ tới đàm phán; lại có ý kiến muốn rằng phải đẩy mạnh đàm phán cho sớm có kết quả. Với tinh thần độc lập tự chủ cao, tập thể lãnh đạo ta đã quyết tâm thực hiện chủ trương vừa đánh vừa đàm. Đàm mà không hạn chế đánh của ta, đánh mà không phá vỡ cuộc đàm phán giữa ta với Mỹ. Trái lại, đàm phán đã tạo ra một diễn đàn quốc tế rộng lớn để đề cao chính nghĩa của dân tộc ta, khuếch trương thêm dư luận thế giới thuận lợi cho ta tăng cường hoạt động quân sự, và ngược lại, thắng lợi trên chiến trường lại càng tôn thêm thế mạnh của ta trong đàm phán. Anh Lê Đức Thọ là một trong những kiến trúc sư xây dựng ra chủ trương đó và cũng lại là người đã trực tiếp vận dụng thành công đường lối đó trên bàn đàm phán, bảo đảm phương châm giành thắng lợi từng bước, làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường, mở đường cho việc kết thúc chiến tranh thuận lợi, đáp ứng những yêu cầu cơ bản của cách mạng ta.

Cuộc nói chuyện giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ bắt đầu được gần một tháng thì ngày 3-6-1968, anh Lê Đức Thọ mới tới Pari. Trước đó ít hôm, ngày 31-5-1968, trong lúc nghỉ giải lao (pause café) của phiên họp công khai lần thứ sáu ở Trung tâm Hội nghị Quốc tế Clêbe, phía Mỹ đã gặp đoàn ta đưa ra đề nghị, ngoài những phiên họp công khai, nên có hình thức gặp riêng giữa hai bên. Sự có mặt của anh Thọ ở Pari ngay sau đó đã được phía Mỹ coi như một tín hiệu đáp ứng của ta. Ngày 12-6-1968, lần đầu anh Thọ tới dự phiên họp công khai với Mỹ. Vào đầu phiên họp, Trưởng đoàn ta, Bộ trưởng Xuân Thủy, giới thiệu anh Thọ là Cố vấn đặc biệt của đoàn (đoàn Việt Nam lúc ấy đã có 5 cố vấn: Hà Văn Lâu, Phan Hiền, Nguyễn

Minh Vỹ, Nguyễn Thành Lê, Trần Công Tường). Lúc nghỉ giải lao, Trưởng đoàn đàm phán Mỹ, A. Hariman, tới gặp anh Thọ nói chuyện làm quen và nhắc lại đề nghị hai bên nên có cuộc gặp riêng cấp cao (trưởng đoàn hay cố vấn đặc biệt) hoặc cấp thấp hơn để bàn về việc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.

Sau khi kiểm điểm, đánh giá tình hình một tháng nói chuyện công khai, anh Thọ nhất trí với anh Xuân Thủy kiến nghị về nước nên bắt đầu tiếp xúc riêng, bước đầu chỉ tiếp xúc sơ bộ ở cấp cố vấn, rồi sẽ tùy tình hình nâng lên sau. Bước tiếp xúc sơ bộ ở cấp cố vấn giữa hai bên kéo dài trong hai tháng. Chủ trương của ta là tiếp xúc chỉ để thăm dò, tìm hiểu ý đồ đối phương, chưa đi vào mặc cả về giải pháp, để chờ đón những diễn biến mới trên chiến trường miền Nam.

Sau hơn hai tháng tiếp xúc sơ bộ, phía Mỹ lại đề nghị nâng cấp gặp riêng giữa hai bên để có thể có tiến triển trong đàm phán. Anh Thọ nhận định lý do chính khiến phía Mỹ nôn nóng muốn sớm đi vào đàm phán, về thực chất vấn đề là do tình hình chính trị nội bộ nước Mỹ đang có khủng hoảng sâu sắc. Lúc này đợt ba của cuộc tổng công kích của quân ta đã chững lại, tình hình chiến trường chưa có gì thúc bách đối với địch lẫn, nhưng cuộc vận động bầu cử tổng thống ở Mỹ đang đi vào giai đoạn gay gắt, trong đó vấn đề Việt Nam nổi lên như chủ đề số một của nội dung tranh cử giữa hai ứng cử viên của Đảng Dân chủ, cũng như giữa ứng cử viên của Đảng Cộng hòa và ứng cử viên của Đảng Dân chủ. Tổng thống Giôn-xơn rất cần có tiến triển trong đàm phán Pari để nâng cao vị thế của phe chính quyền trong cuộc tranh cử, nên ngày 4-9-1968 đoàn Mỹ chính thức đề nghị nâng cấp các cuộc gặp riêng giữa hai bên ở Pari. Anh Thọ chấp thuận vì thấy rằng đây là thời điểm thuận lợi để ta ép Mỹ phải sớm ngã bài trong vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc.

Từ ngày 8-9-1968, bắt đầu những cuộc gặp riêng giữa Lê Đức Thọ - Xuân Thủy với A. Hariman, C.Vance tại địa điểm do

phía ta hoặc phía Mỹ bố trí và giữ kín không cho nhà báo biết.

Để giành lại lợi thế cho Humphrey, ứng cử viên của Đảng Dân chủ, Giônxon cần phải chấm dứt ném bom miền Bắc để đẩy cuộc đàm phán Pari sang giai đoạn mới mà vẫn tranh thủ được dư luận Mỹ và thế giới, và không bị Đảng Cộng hòa của Níchxon công kích là "đầu hàng Việt Cộng". Vì vậy, Hariman cố bám giữ lập trường "chấm dứt ném bom có điều kiện", nguy trang những điều kiện đó dưới những mỹ từ như "cử chỉ đáp lại" của Bắc Việt Nam, "hoàn cảnh" để Mỹ chấm dứt ném bom. Cụ thể là Mỹ đòi khôi phục quy chế khu phi quân sự, đòi ta không tiến công, bắn pháo qua khu phi quân sự, đòi ta hạn chế việc đưa lực lượng và đồ tiếp tế vào Nam, không bắn pháo vào Sài Gòn và các thành phố lớn ở miền Nam. Sau gần hai tháng tranh cãi ráo riết, cuối cùng đến ngày 1-11-1968, Giônxon phải bỏ hết các yêu sách đó và tuyên bố chấm dứt "mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân, pháo binh và mọi hành động liên quan tới việc dùng vũ lực trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa" sau khi ta nhận "sẵn sàng họp một hội nghị bốn bên để tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam".

Đàm phán Pari chuyển sang giai đoạn mới. Cuộc nói chuyện tay đôi giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ từ ngày 25-1-1969 đã trở thành cuộc đàm phán bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu). Tháng 4-1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết khẳng định rõ: "Ngoại giao trở thành một mặt trận quan trọng, có ý nghĩa chiến lược".

Sau khi Níchxon lên cầm quyền, phía Mỹ thay toàn bộ ê kíp đàm phán. Henri Kítxinhgiơ khi đó làm trợ lý về các vấn đề an ninh quốc gia cho Tổng thống Níchxon, được phái sang Pari làm người đối thoại với anh Lê Đức Thọ. Kítxinhgiơ chỉ tập trung vào việc gặp riêng với ta, không tham gia các phiên họp công khai ở Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe. Tuy nhiên, đến ngày 21-2-1970, anh Lê Đức Thọ mới nhận gặp Kítxinhgiơ và đến

năm 1972 cuộc đàm phán giữa ta và chính quyền Níchxơn mới thực sự đi vào cốt lõi vấn đề. Năm 1972 là năm có những diễn biến sôi động trên chiến trường và cũng là năm Níchxơn tranh cử nhiệm kỳ tổng thống lần thứ hai.

Mùa xuân năm 1972, ta mở cuộc tiến công chiến lược mãnh liệt ở miền Nam. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" mà Níchxơn tập trung thực hiện từ khi lên cầm quyền hòng tìm lối thoát cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã tỏ ra vô hiệu quả.

Tận dụng sức ép của chiến trường cũng như sức ép chính trị nội bộ Mỹ trong thời điểm tranh cử tổng thống, được sự nhất trí của tập thể lãnh đạo, anh Thọ đã chuyển hướng đàm phán nhằm mở đường cho Mỹ đi vào giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Ngày 8-10-1972, trong cuộc gặp riêng với Kítxinhgiơ, ta đã chủ động tiến công trên mặt trận ngoại giao, lần đầu trong bốn năm đàm phán, ta đưa ra bản "Dự thảo Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" vạch ra toàn bộ giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, trên cơ sở bảo đảm những yêu cầu cơ bản của ta, trong đó có hai vấn đề chủ chốt:

1. Mỹ phải rút toàn bộ, triệt để và nhanh chóng các lực lượng vũ trang Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt mọi dính líu quân sự ở Việt Nam, không được can thiệp vào công việc nội bộ miền Nam Việt Nam.

2. Ta duy trì được lực lượng quân sự cũng như chính trị ở miền Nam Việt Nam, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho cách mạng ở miền Nam Việt Nam tiếp tục tiến triển.

Ta đã chọn đúng thời điểm để tung ra đòn quyết định này. Tình hình chiến trường đã khiến Níchxơn cảm thấy bức bách phải tìm ngay một lối thoát "danh dự" ra khỏi ngõ cụt, nhất là trong lúc cuộc tranh cử tổng thống ở Mỹ đang lúc nóng bỏng.

Bốn ngày tiếp sau đó là những ngày đàm phán hết sức khẩn trương về các điều khoản của dự thảo Hiệp định tại một địa điểm mới do Đảng Cộng sản Pháp có nhã ý thu xếp giúp ta tại thị trấn Gif-sur-Yvette ở ngoại vi thành phố Pari. Đó là một

ngôi nhà hai tầng xinh xắn, nguyên là chỗ ở của cố danh họa Pháp Phéc-năng Lê-giê (Fernand Léger). Nơi gặp riêng này đã sớm bị các nhà "săn tin" quốc tế phát hiện. Chiều 10-10-1972, khi chúng tôi đến nơi họp, đã thấy rất đông phóng viên báo chí - vô tuyến truyền hình các nước chờ sẵn bên ngoài. Lần đầu tiên nơi gặp riêng bị lộ. Có nhà báo đã dựng giàn giáo khá cao phía trước ngôi nhà để từ trên đó có thể quan sát và thu hình khu sân, vườn và phòng họp. Có lúc ngoài trời mưa lớn, họ vẫn kiên trì chịu đựng ướt át để săn tin, săn ảnh. Có người trèo lên cả nóc nhà bên cạnh để từ đó thả dây có micro xuống cửa sổ phòng họp hong ghi âm những tiếng động trong nhà.

Tôi còn nhớ mãi cuộc gặp riêng ngày 11-10-1972, không chỉ vì đó là phiên họp lâu nhất trong gần 5 năm đàm phán - kéo dài suốt từ 9 giờ 30 phút sáng ngày 11 đến tận 2 giờ sáng ngày hôm sau - mà còn vì trong phiên họp này bản dự thảo Hiệp định hầu như đã được hoàn tất. Hai bên mất rất nhiều thời gian bàn cãi về nội dung của từng điều khoản trong văn bản Hiệp định. Cuối cùng, khi nội dung Hiệp định về cơ bản đã được hai bên chấp nhận, chỉ còn tồn tại hai điều 7 và 8 về vấn đề thay thế vũ khí và vấn đề trao trả người bị bắt. Kít-xinh-giơ đã đưa ra một lịch ký kết cụ thể (ngày 17 tháng 10 Kít-xinh-giơ gặp Bộ trưởng Xuân Thủy để thỏa thuận toàn bộ Hiệp định và các Nghị định thư, ngày 21 đến ngày 23-10 Kít-xinh-giơ vào Hà Nội để ký tắt Hiệp định, ngày 30-10 tổ chức lễ ký chính thức ở Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe). Trong thông điệp ngày 20-10-1972 gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Ních-xơn đã xác nhận "văn bản Hiệp định coi như đã hoàn thành" và cam kết Hiệp định sẽ được chính thức ký kết ngày 31-10-1972 tại Pari.

Nhưng ngay trong những ngày mà cuộc đàm phán tưởng như đang tiến triển thuận lợi, anh Thọ cũng đã dự kiến những diễn biến phức tạp do các nhân tố khách quan, trong đó có mối quan hệ Mỹ - ngụy, vì trước nguy cơ bị chủ bỏ rơi, Thiệu không khỏi sẽ hô hoán lên, nín áo, thậm chí ngáng chân Mỹ như chúng đã làm với chính quyền Giôn-xơn tháng 10-1968.

Thật vậy, sau này, khi giải phóng Sài Gòn, ta đã thu thập được nhiều hồ sơ tài liệu của ngụy quyền bỏ lại, trong đó có những thư tín của Níchxơn gửi cho Nguyễn Văn Thiệu. Níchxơn phải thú nhận: "Hiện nay quảng đại dư luận công chúng Mỹ đều mong mỗi hòa bình". Chính quyền của ông ta "có nguy cơ rất lớn mất sự ủng hộ của công chúng Mỹ" nếu không sớm đạt được giải pháp hòa bình về Việt Nam. Ngay từ ngày 16-10-1972 Níchxơn đã viết cho Thiệu: "Chúng ta không có sự chọn lựa nào khác ngoài việc chấp nhận Hiệp định này". Níchxơn tỏ ra rất bức tức về những phản ứng công khai của ngụy quyền đối với việc đàm phán Hiệp định, nhất là khi Trần Văn Lắm, Ngoại trưởng của chính quyền Thiệu họp báo tuyên bố là "Mỹ đang thương lượng một cuộc đầu hàng". Níchxơn lên án ngụy mở chiến dịch báo chí ở Sài Gòn "đả kích vô căn cứ vào dự thảo Hiệp định", vạch Thiệu đã dùng "chiến thuật trì hoãn kéo dài thời gian" bằng cách không trả lời những điều Mỹ hỏi ý kiến chúng về văn bản dự thảo Hiệp định. Vấn đề nổi cộm lên hàng đầu trong mâu thuẫn Mỹ - ngụy về bản dự thảo Hiệp định là việc họ phải chấp nhận "sự có mặt của quân Bắc Việt Nam tại miền Nam" sau khi Mỹ đã phải rút quân. Thượng nghị sĩ Mỹ Phunbrai khi đó đã mỉa mai phát biểu: "Làm sao cái đuôi lại vẫy được con chó?". Quả là một nhận xét hóm hỉnh mà đầy ý nghĩa.

Níchxơn vừa vuốt ve dụ dỗ, vừa đe dọa nếu Thiệu không cùng Mỹ ký Hiệp định thì trước dư luận y sẽ trở thành "một vật trở ngại cho hòa bình". Mỹ sẽ buộc phải cắt hết viện trợ, ngụy quyền sẽ ở vào "địa vị hoàn toàn đối chọi" với Mỹ, điều đó sẽ là "tai họa" cho Thiệu mà Thiệu phải "hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hậu quả".

Tuy vậy, khi Thiệu tỏ ra kiên quyết chống thì Níchxơn không thể làm gì hơn, không thể đơn phương ký hiệp định và đoạn tuyệt với Thiệu vì làm như vậy sẽ gây đổ vỡ lớn, gây chấn động trong dư luận và nhất là trong nội bộ Mỹ, làm mất sự ủng hộ của cánh hữu trong lúc ngày bầu cử đang tới gần. Quan hệ Mỹ - Thiệu tiếp tục căng thẳng trong những tháng cuối năm 1972.

Trong cuộc họp hẹp với Kítxinhgiơ sáng 4-12-1972, anh Thọ nói: "Chúng tôi cũng đã dự tính là nếu không giải quyết được thì chiến tranh sẽ rất tàn khốc, có thể là các ông sẽ đem B52 đánh bom ô ạt đất nước chúng tôi... Chúng tôi đã chịu đựng hàng triệu tấn bom đạn của Mỹ, nhưng chúng tôi không hề khiếp sợ, chúng tôi không chịu khuất phục, không chịu làm nô lệ. Cho nên những lời đe dọa của các ông và việc các ông không giữ đúng lời hứa chỉ chúng tôi các ông "không phải là những người đàm phán nghiêm chỉnh"". Kítxinhgiơ chỉ luôn miệng thanh minh rằng Mỹ đang gặp nhiều khó khăn với Thiệu.

Ngày 18-12-1972, Mỹ bắt đầu dùng B52 đánh bom Hà Nội, Hải Phòng, đồng thời cũng trong hôm đó lại gửi công hàm tới đoàn ta ở Pari đề nghị nối lại đàm phán sau ngày 26-12-1972.

Đợt đột kích liên tiếp 12 ngày đêm của không quân chiến lược Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng bị thất bại trước tinh thần chiến đấu dũng cảm tuyệt vời của quân dân ta. Ngày 3-1-1973, anh Thọ lên đường trở lại Pari sau khi chính quyền Níchxơn đã buộc phải cam kết chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và giảm ném bom từ vĩ tuyến 20 trở vào, như trước ngày 18-12-1972.

Ngày 8-1-1973, bắt đầu đợt đàm phán cuối tại địa điểm của ta ở Gifsur Yvette. Để biểu thị thái độ, đoàn ta ngồi tại bàn họp, không ai ra đón đoàn Mỹ như thường lệ. Mở đầu cuộc họp, anh Thọ tấn công ngay, anh nhìn thẳng vào Kítxinhgiơ mắng như tát nước vào mặt, phê phán rất mạnh thủ đoạn xảo trá, lật lọng của Mỹ: "Các ông lấy cớ đàm phán gián đoạn để tiến hành một cách tàn bạo việc ném bom miền Bắc 12 ngày đêm bằng B52. Hành động đó hết sức trắng trợn, thô bạo. Các ông tưởng rằng làm thế có thể khuất phục được chúng tôi nhưng các ông nhầm...". Kítxinhgiơ cúi mặt không dám nhìn lại, chỉ nói: "Tôi có nghe thấy những tính từ... Tôi đề nghị dùng dùng những tính từ đó". Anh Thọ đáp: "Tôi dùng những tính từ đó cũng là kiểm chế lắm rồi, chứ dư luận thế giới, các nhà báo và ngay các nhân

vật ở Mỹ còn dùng những câu chữ dữ dội hơn nhiều...". Cuối cùng, y chỉ nói: "Cố vấn nói khe khẽ chứ không cánh nhà báo ngoài kia nghe thấy lại đưa tin là ông mắng chúng tôi... Tôi đề nghị chúng ta nên tránh tranh cãi về vấn đề này".

Khi văn bản Hiệp định và các Nghị định thư đã đạt được sự thỏa thuận của hai bên, kể cả vấn đề tranh cãi cuối cùng về khu phi quân sự, và sau khi đã thống nhất với ta các chi tiết cụ thể về lịch ký kết, ngày 20-1-1973 Níchxơn gửi thư cho Thiệu với lời lẽ như một tối hậu thư: "Chúng tôi sẽ ký tắt Hiệp định vào ngày 23-1-1973. Ngay bây giờ tôi phải được biết liệu ông có sẵn sàng cùng theo con đường đó với chúng tôi không. Tôi phải được biết câu trả lời của ông trước 12 giờ (giờ Hoa Thịnh Đốn) ngày 21-1-1973. Nếu cho tới lúc đó ông không thể trả lời tôi một cách tích cực, tôi sẽ báo với các lãnh tụ (hai đảng) trong Quốc hội (Mỹ) là tôi cho phép Tiến sĩ Kítxinhgiơ ký tắt Hiệp định dù không có sự thỏa thuận của chính phủ ông. Trường hợp đó, dù sau đó ông có quyết định cùng tham gia với chúng tôi thì khả năng được Quốc hội (Mỹ) tiếp tục ủng hộ cũng sẽ bị giảm đi rất nhiều". Và tất nhiên Thiệu không dám cưỡng lại quy luật của quan hệ chủ - tớ.

Sáng ngày 23-1-1973, lần đầu tiên cuộc gặp Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ được tiến hành công khai tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe để giải quyết những chi tiết cuối cùng của cuộc đàm phán và hai bên ký tắt Hiệp định cùng các Nghị định thư kèm theo. Bốn ngày sau đó mới làm lễ ký kết chính thức giữa Bộ trưởng Ngoại giao của bốn bên cũng tại nơi đó.

Việc ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam là một sự kiện chính trị vang dội trên thế giới. Ủy ban Giải thưởng Nôben đã quyết định trao Giải thưởng Hòa bình năm đó cho Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ. Anh Thọ không nhận. Trong lịch sử Giải thưởng Nôben, đây là lần thứ nhất, và có lẽ cũng là lần duy nhất mà người được Giải thưởng Nôben đã từ chối không nhận giải thưởng. Với anh, hòa bình và toàn vẹn của Tổ quốc là mục tiêu cần phải tiếp tục phấn đấu không ngừng. Anh nhận thức rõ

thắng lợi ngoại giao trong cuộc đối mặt với Hoa Kỳ tại Pari bắt nguồn từ những chiến công oanh liệt của quân và dân ta trên chiến trường Nam Bắc. Chính với ý nghĩ đó, ngay khi từ Pháp trở lại nước nhà, anh đã yêu cầu với Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho anh đi thăm anh em bộ đội phòng không - không quân, bộ đội tên lửa để tỏ lòng biết ơn những người đã tạo nên thế mạnh của ta, phá mưu đồ của đối phương hòng dùng sức ép của B52 uy hiếp ta trên bàn đàm phán.

Ngót hai mươi năm sau, đến tận những ngày tháng cuối cùng của đời anh, anh vẫn không ngừng suy nghĩ lo toan về công việc chung của đất nước. Khi lâm bệnh nặng, phải nằm tại chỗ ở nhà số 6 Nguyễn Cảnh Chân, anh vẫn cho gọi anh Nguyễn Cơ Thạch, anh Đinh Nho Liêm và tôi đến để nói lại những suy nghĩ của anh về phương hướng đối ngoại nhằm tạo dựng một môi trường quốc tế thuận lợi cho việc bảo đảm hòa bình và phát triển của Việt Nam.

*

* *

Viết những dòng này, trước mắt tôi vẫn như thoáng bóng dáng một mái đầu bạc lẫn trong những hoa tuyết trắng đầu đông đang rơi lả tả xuống khoảng sân nhà phái đoàn ta ở Choisy Le Roi - hình ảnh Lê Đức Thọ buổi sớm mai vừa lững thững tản bộ, vừa trầm ngâm suy tư trước khi bước vào một ngày đấu tranh ngoại giao căng thẳng.

CỐ VẤN LÊ ĐỨC THỌ VÀ VẤN ĐỀ MỸ CHẤM DỨT NÉM BOM MIỀN BẮC

Trần Quang Cơ*

Có lẽ lần đầu tiên trong lịch sử thế giới có một cuộc đàm phán kéo dài ngót 5 năm, từ tháng 5-1968 cho đến tháng 1-1973, qua hai thời Tổng thống Mỹ, thời kỳ cuối của Tổng thống L. Giôn-xơn (Đảng Dân chủ) đến suốt nhiệm kỳ của Tổng thống R. Ních-xơn (Đảng Cộng hòa). Đó là một cục diện đánh - đàm liên tục. Đánh để tạo thế cho đàm, đàm để hỗ trợ cho đánh, phối hợp chặt chẽ giữa quân sự và ngoại giao.

Cuộc đàm phán thực tế đã tiến hành trên hai diễn đàn:

1- Diễn đàn công khai: Các cuộc gặp công khai họp ở Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe mỗi tuần một lần, phóng viên báo chí, truyền hình quốc tế được phép có mặt. Diễn đàn này chủ yếu để đấu tranh trên dư luận quốc tế.

2- Diễn đàn của các cuộc gặp riêng (private meeting). Nơi họp của diễn đàn này không có địa điểm nhất định mà ở các địa điểm do hai bên luân phiên chọn, giữ kín không công bố và không cho người ngoài cuộc vào chỗ họp. Diễn đàn này là nơi đàm phán vào thực chất vấn đề. Người đàm phán chủ chốt của ta ở diễn đàn này chính là Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ.

Còn ở diễn đàn công khai, Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn đàm phán, Đại tá Hà Văn Lâu làm Phó đoàn. Những vị trí này của ta giữ nguyên không thay đổi trong suốt thời gian đàm phán. Còn về phía Mỹ thì luôn có sự thay đổi, đặc biệt là khi thay đổi Tổng thống ở Mỹ. Vì thế, có thể phân cuộc

đàm phán làm hai giai đoạn. Giai đoạn 1 kể từ đầu cuộc đàm phán đến khi L. Giônxon mất chức Tổng thống (tháng 11-1968) là thời gian cuộc đàm phán có tên gọi chính thức là "Cuộc nói chuyện chính thức giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ". Giai đoạn 2 là thời kỳ R. Níchxon làm Tổng thống. Trong giai đoạn này, cuộc đàm phán tay đôi giữa ta và Mỹ trở thành cuộc đàm phán bốn bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau trở thành Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Để kỷ niệm 100 năm ngày sinh của anh Lê Đức Thọ, tôi viết bài này, tập trung nói về giai đoạn 1 của cuộc đàm phán, "Cuộc nói chuyện chính thức giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ". Lãnh đạo đoàn Mỹ trong toàn bộ giai đoạn này, trên diễn đàn công khai cũng như trong các cuộc gặp riêng là Averell Hariman và Phó đoàn là Cyrus Vance.

Toàn bộ nội dung đàm phán trong cả giai đoạn này xoay quanh việc ta đòi Mỹ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Điều đó ta đã nêu ngay trong bài phát biểu của Trưởng đoàn ta tại phiên họp công khai đầu tiên ngày 13-5-1968. Đến phiên họp công khai thứ 6, ngày 31-5, A. Hariman mới đề nghị ta là hai bên nên có những cuộc gặp riêng để nói chuyện.

Ngày 3-6, đồng chí Lê Đức Thọ mới đến Pari với danh nghĩa là Cố vấn đặc biệt của đoàn, nhưng quyết định chưa nhận gặp riêng đoàn Mỹ ngay. Thời gian đầu, ta chỉ nhận gặp riêng Mỹ ở cấp thấp.

Ngày 21-8, trong phiên họp công khai ở Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe, lúc nghỉ họp giữa chừng (pause - café), A. Hariman ngỏ ý với Cố vấn Lê Đức Thọ là nên có gặp riêng cấp cao giữa hai bên.

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao.

Tình hình lúc này có nhiều yếu tố thuận lợi cho ta: Trong tháng 8, ở miền Nam, ta có một đợt hoạt động quân sự mạnh. Cũng trong tháng 8, ở Mỹ, cuộc vận động bầu cử tổng thống đang ở vào giai đoạn quyết liệt: ứng viên của Đảng Dân chủ là Humphrey (Giônxon không ra tranh cử) và ứng viên của Đảng Cộng hòa là Níchxon đều có khả năng trúng cử ngang nhau nên chính quyền Giônxon cần có một quyết định quan trọng để hỗ trợ cho ứng viên của Đảng Dân chủ.

Ngày 8-9-1968, Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy mới nhận gặp riêng A. Hariman và Cyrus Vance lần đầu ở Vitry-sur-Seine, ngoại vi Thủ đô Pari, tại một địa điểm do ta chọn.

Năm cuộc gặp riêng đầu, ta tập trung đòi Mỹ chấm dứt ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mỹ lúc đầu đòi hai bên cùng rút quân khỏi Nam Việt Nam và mở rộng cuộc đàm phán để chính quyền Sài Gòn tham gia, sau lại xoáy vào vấn đề khu phi quân sự với ý đồ ngăn không cho quân từ Bắc Việt Nam vượt qua khu phi quân sự vào miền Nam Việt Nam.

Ngày 30-9-1968, ở Mỹ, trong khi vận động bầu cử, Humphrey tuyên bố: "Nếu là Tổng thống Mỹ, tôi sẽ chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam với điều kiện cuộc đàm phán có tiến triển".

Trong cuốn hồi ký của mình, L. Giônxon cho rằng tuyên bố này là yếu tố kích thích Thiệu đòi tham gia đàm phán Pari.

Trong khi gặp riêng ta ở Pari, Mỹ nhấn mạnh trở lại việc để chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán một giải pháp cho vấn đề Nam Việt Nam là "hết sức cần thiết". Như vậy cuộc nói chuyện giữa hai bên - Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - sẽ trở thành cuộc đàm phán giữa "hai phía" (Mỹ không nói là "giữa bốn bên").

Ngày 13-10, Bộ Chính trị điện cho đoàn đàm phán Pari mấy điểm cần thiết về đàm phán bốn bên. Ngay hôm sau, ngày 14-10, Cố vấn Lê Đức Thọ rời Pari về nước để kiến nghị về Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 13-10.

Trong hồi ký của mình, Giônxon viết rõ là ngày 14-10,

Giônxon đã họp tất cả các cố vấn và trợ lý của mình để bàn về việc chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam. Cuộc họp đã nhất trí phải chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam (lúc này số quân Mỹ đổ vào miền Nam Việt Nam đã lên đến ngót nửa triệu - 480.000 quân - mà vẫn không xoay chuyển được tình thế nên Mỹ phải tính đến chuyện xuống thang chiến tranh).

Chính quyền Giônxon đã bàn với Nguyễn Văn Thiệu ra Thông cáo Mỹ - Sài Gòn về việc chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam để chứng tỏ đã có sự thỏa thuận với Sài Gòn về quyết định quan trọng này.

Nhưng đến cuối tháng 10, khi Thiệu đã quyết định "thay thầy đổi chủ", quay sang ủng hộ Níchxon và bắt đầu gây khó dễ với chính quyền Giônxon về dự thảo Thông cáo chung Mỹ - Sài Gòn về chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam, đòi thêm vào bản dự thảo câu "có đảm bảo là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xuống thang chiến tranh ở Nam Việt Nam". Vì vậy, Giônxon không ra được Thông cáo chung Mỹ - Sài Gòn về chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam.

Ngày 1-11, Giônxon tuyên bố đã ra lệnh ngừng mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân và pháo binh chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay sau đó, Chính phủ ta tuyên bố "sẵn sàng đi vào cuộc đàm phán bốn bên để tìm giải pháp cho vấn đề Việt Nam". Và ở Pari, ta cũng trao cho đoàn Mỹ văn bản tuyên bố này.

Ngày hôm đó, Thiệu ra thông cáo riêng, tuyên bố "không thấy lý do vững chắc nào để cùng Mỹ quyết định chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam". Ngày hôm sau, Thiệu lại đọc thông điệp ở Sài Gòn nêu ra hai điều kiện để chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam: Hà Nội xuống thang chiến tranh ở Nam Việt Nam; Hà Nội nói chuyện trực tiếp với Sài Gòn. Và để nói chuyện nghiêm chỉnh, Hà Nội phải cam kết sẵn sàng nói chuyện nghiêm chỉnh với Sài Gòn; cuộc nói chuyện này là giai đoạn hoàn toàn mới; đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở

trong đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cũng ngày hôm đó, 10 thượng nghị sĩ Sài Gòn tuyên bố ủng hộ Níchxơn tranh cử Tổng thống Mỹ.

Sự trở mặt trắng trợn của chính quyền tay sai ở Nam Việt Nam đã tác động ngay tới cuộc tổng tuyển cử Mỹ.

Ngày 5-11-1968 kết thúc cuộc tổng tuyển cử ở Mỹ, Níchxơn thắng cử, Humphrey (Đảng Dân chủ) thất cử. Chính quyền của Đảng Cộng hòa Mỹ sẽ lên thay chính quyền Giônxơn của Đảng Dân chủ. Do đó, đoàn đàm phán của Mỹ ở Pari do A. Hariman cầm đầu cũng được thay thế bởi người của chính quyền Níchxơn.

Ngày 18-1-1969, A. Hariman và C. Vance gặp Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy để chào từ biệt trước khi về nước hẳn. Cuộc gặp ở nhà của phái đoàn ta, số 11 phố Đác-tê thị trấn Choisy le Roi. Đây là lần gặp riêng cấp cao thứ 15 giữa ta và Mỹ. Song không còn là cuộc gặp riêng nữa vì lần này cho phép các phóng viên vào chụp ảnh và quay phim.

*

* *

Trong thời gian làm việc trong đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Pari, tôi đã học tập được nhiều qua phong cách làm việc và phương pháp suy nghĩ của các đồng chí lãnh đạo đoàn, nhất là của đồng chí Lê Đức Thọ, linh hồn của cuộc đàm phán, người đã luôn giữ vững đường lối độc lập tự chủ của Việt Nam, kiên trì đấu tranh và cuối cùng đạt được "thắng lợi tuyệt vời" (đánh giá của Thủ tướng Phạm Văn Đồng) là Hiệp định Pari về Việt Nam năm 1973. Theo đó cuối cùng Mỹ đã phải chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống miền Bắc Việt Nam và đơn phương rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Với tinh thần "ôn cố tri tân", hy vọng rằng chúng ta không quên nhắc lại chuyện ngày trước để từ đó rút ra những bài học vô cùng bổ ích để bảo vệ các quyền lợi chính đáng của

dân tộc, để nước ngoài phải "tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và biển đảo của Việt Nam" - đây cũng là tinh thần Điều 1 trong Hiệp định Pari về Việt Nam năm 1973 - để biết cách xử lý những chuyện ngày nay.

TỪ CHIẾN TRƯỜNG ĐẾN BÀN ĐÀM PHÁN NHỚ VỀ ANH SÁU

Hà Văn Lâu *

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi với trận Điện Biên Phủ lẫy lừng trên chiến trường và Hội nghị Giơnevơ 1954 trên bàn đàm phán. Từ hai sự kiện lịch sử đó, Đảng ta đã rút ra một quy luật của cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh là nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phải tiến hành đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao. Đấu tranh quân sự và chính trị có tính chất quyết định; ngoại giao là quan trọng và phải phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị, và thúc đẩy các cuộc đấu tranh đó.

Đường lối, phương châm trên đây đã được xác định trong những nghị quyết của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị về cuộc đấu tranh cách mạng của quân và dân ta từ khi Mỹ đưa quân vào xâm lược nước ta đến khi Hiệp định Pari được ký kết tháng 1-1973.

Anh Lê Đức Thọ chính là một trong số các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta đã góp phần vào việc xây dựng và thực hiện những đường lối, phương châm đó trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán.

Từng là một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác tổ chức của Đảng trong nhiều năm, nhưng khi chiến trường miền Nam đòi hỏi, anh Thọ đã được Bác Hồ và Bộ Chính

* Nguyên: - Phó Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong giai đoạn đầu cuộc tiếp xúc giữa hai đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ,
- Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

trị cử vào Nam để cùng với Trung ương Cục miền Nam trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam. Cho đến khi cục diện chiến trường chuyển biến có lợi cho ta sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn trong diễn văn ngày 31-3-1968 đã không che giấu nỗi sợ thất bại, tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ hai, xuống thang chiến tranh bằng cách hạn chế ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, thăm dò một giải pháp cho vấn đề Việt Nam mà Mỹ có thể chấp nhận được. Đây là một bước thay đổi có ý nghĩa chiến lược của Mỹ, biểu hiện ý chí xâm lược của Mỹ đã bị lung lay. Với ta, đây là một thời cơ để kéo Mỹ đi vào cục diện vừa đánh vừa đàm, nhưng thực sự đàm phán thì quá sớm, nên Bộ Chính trị chủ trương ta chỉ tiếp xúc nói chuyện với Mỹ để xác nhận việc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc, sau đó mới bàn các vấn đề liên quan đến hai bên, Chính phủ ta ra tuyên bố ngày 3-4-1968 nhằm thực hiện chủ trương đó.

Tuyên bố ngày 3-4 là một đòn tấn công ngoại giao chủ động thời cơ, tỏ rõ thiện chí hòa bình của ta, được dư luận thế giới và ngay ở nước Mỹ hoan nghênh, buộc chính quyền Giôn-xơn phải công nhận.

Giữa lúc đang chuẩn bị đợt hai cuộc Tổng tiến công Mậu Thân, Bác Hồ điện gọi anh Thọ ra để "tham gia phái đoàn ta đi gặp đại diện Mỹ" giúp Bộ Chính trị chỉ đạo cuộc tấn công ngoại giao. Bộ máy đàm phán bắt đầu chuyển động mạnh; CP50 là tên của tổ chức này đặt tại Bộ Ngoại giao dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Đoàn 37 được tổ chức để chuyên trách việc đàm phán. Cái tên 37 là do khi mới thành lập đoàn có 37 cán bộ, nhân viên, Bộ Chính trị cử anh Xuân Thủy, hàm Bộ trưởng làm Trưởng đoàn, tôi được chỉ định làm Phó đoàn. Có bốn cố vấn giúp việc là các anh: Phan Hiền, Nguyễn Thành Lê, Nguyễn Minh Vỹ, và Trần Công Tường. Các anh chị em khác mỗi người một việc: chuyên viên, thư ký, phiên dịch,

thông tấn báo chí, cơ yếu, văn thư, y tế, bảo vệ.

Ngày 4-4-1968, Mỹ gửi công hàm cho ta đề nghị hai bên tiếp xúc tại Gionevơ. Ngày 11-4-1968, ta trả lời Mỹ, nêu Vácsava làm địa điểm vì Ba Lan là một nước xã hội chủ nghĩa và ở đây cũng đang có cuộc nói chuyện giữa Mỹ và Trung Quốc. Mỹ đã từ chối đề nghị này, rồi đưa ra đến mười địa điểm - sáu ở châu Á, bốn ở châu Âu - kéo dài cuộc chiến bằng công hàm trong sáu tuần lễ. Mãi cho đến ngày 3-5-1968 (một ngày trước cuộc tổng tấn công đợt hai), ta gửi công hàm cho Mỹ và tuyên bố Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử Bộ trưởng Xuân Thủy làm đại diện để nói chuyện với đại diện Chính phủ Mỹ; với sự đồng ý của Chính phủ Pháp, lấy Pari làm địa điểm nói chuyện. Cuộc nói chuyện sẽ bắt đầu ngày 10-5-1968.

Chỉ 8 tiếng sau khi nhận được tin, Tổng thống Giôn-xơn chấp nhận đề nghị của Chính phủ ta, đây là bàn thắng đầu tiên của ta trên mặt trận ngoại giao, ta giữ được chủ động, địa điểm Pari có nhiều thuận lợi cho ta, nhất là về đấu tranh dư luận và tiếp xúc với đại diện các giới, các phong trào quan tâm đến vấn đề Việt Nam, có phong trào Việt kiều mạnh làm hậu thuẫn cho đấu tranh ngoại giao của đoàn ta.

Trước ngày tôi rời Hà Nội đi Pari vào đầu tháng 5-1968 cùng với một số đồng chí làm tiền trạm chuẩn bị cho cuộc nói chuyện của đoàn ta với phía Mỹ, các cố vấn trong đoàn được anh Thọ gặp và giao cho nhiệm vụ chung của Đoàn đàm phán Pari là:

- Tranh thủ dư luận, cô lập Mỹ, phục vụ chiến trường,
- Đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc vô điều kiện,
- Thăm dò ý đồ của Mỹ về một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Anh Thọ cho biết là anh Xuân Thủy và đoàn sẽ đến Pari trước ngày 10-5-1968 để tiếp xúc với Mỹ, và giao trách nhiệm cho chúng tôi liên hệ với Đảng Cộng sản Pháp hoặc Hội Việt kiều tại Pháp tìm địa điểm cho đoàn tạm trú và làm việc, sơ bộ tiếp xúc với đại diện Mỹ chuẩn bị thủ tục cho cuộc họp đầu

tiên chính thức giữa hai bên phải diễn ra sau ngày 10-5-1968. Anh Thọ nhấn mạnh: "Muốn tranh thủ dư luận tốt, lý lẽ của ta phải thật sắc bén, có sức thuyết phục, nhằm các vấn đề lớn, vạch Mỹ xâm lược, đề cao chính nghĩa và lập trường của ta, xoáy vào yêu cầu chủ yếu là đòi chấm dứt ném bom miền Bắc vô điều kiện. Nhiệm vụ chính là phục vụ chiến trường, thăm dò ý đồ của Mỹ chứ chưa phải đi vào giải pháp". Ngày 7-5-1968, bộ phận tiền trạm đến sân bay Óocly (Orly), Pari. Đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng lại có ý nghĩa, vì ngày 7-5 là ngày kỷ niệm chiến thắng của quân và dân ta ở Điện Biên Phủ, nó báo hiệu một viễn cảnh thắng lợi của cuộc đàm phán Pari - 14 năm sau Điện Biên Phủ.

Một kỷ niệm của tôi khó quên là khi bước xuống máy bay, phóng viên quốc tế rất đông, có người hỏi tôi: ông có lạc quan không? Tôi trả lời: "Là người cách mạng tôi luôn lạc quan". Nhưng ngay sau đó, có báo ở Pari đưa tin "Đại tá Hà Văn Lâu tuyên bố lạc quan về cuộc đàm phán với Mỹ". Hôm sau, tôi nhận điện từ Bộ Ngoại giao ở nhà "nhắc nhở", "cần phải thận trọng trong tuyên bố với báo chí".

Bộ phận tiền trạm nghỉ tại Khách sạn Lutécia ở tạm vài ngày để đi tìm địa điểm khác thuận lợi hơn về an ninh, bảo mật và ngân sách cho đoàn.

Ngay sau khi đến Pari, với giấy giới thiệu của anh Thọ, tôi đến gặp Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp. Đồng chí Gioócgior Mácse (Georges Marchais), Tổng Bí thư và đồng chí Giắccơ Đuyclô (Jacques Duclos), Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp đã niềm nở tiếp chúng tôi, nghe tôi trình bày đề nghị của Đảng ta. Đồng chí Đuyclô nói: "Với các đồng chí Việt Nam, Đảng Cộng sản Pháp không bao giờ từ chối điều gì, nhưng các đồng chí Việt Nam có thể cho biết cần trụ sở trong bao lâu?". Tôi trả lời: thực ra Đảng chúng tôi cũng chưa hình dung được thời gian nói chuyện với phía Mỹ là bao lâu, nhưng theo tôi nghĩ có lẽ cũng vài tuần đến vài tháng! Đồng chí Đuyclô nói: "Thế thì các đồng chí đến ở tạm tòa nhà của Trường Đảng cao cấp Maurice Thorez

ở thị trấn Choisy Le Roi, vào lúc này đang nghỉ hè, học sinh về nhà". Choisy Le Roi là một thị trấn, nằm trong "vành đai đỏ" ở ngoại ô Pari, gồm các thị trấn mà chính quyền do Đảng Cộng sản nắm. Nhưng từ vài tháng cho đến suốt gần 5 năm (tháng 5-1968 đến tháng 2-1973), Đảng Cộng sản Pháp vẫn dành cho Đoàn ta trụ sở Choisy Le Roi, và học viên của Trường Đảng cao cấp của bạn phải phân ra nhiều địa điểm khác để học và ăn ở. Không những vậy, Đảng Cộng sản Pháp còn cử một số đảng viên của Đảng phục vụ mọi sinh hoạt của đoàn như lái xe, bảo vệ, nấu ăn, nghỉ ngơi. Sự ủng hộ chí tình của Đảng Cộng sản Pháp, công lao của các đảng viên Đảng Cộng sản Pháp đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta qua cuộc đàm phán kéo dài ở Pari thật vô cùng to lớn.

Cuộc nói chuyện tay đôi giữa ta và Mỹ khai mạc lúc 10 giờ sáng ngày 13-5-1968, phía ta có anh Xuân Thủy, bốn cố vấn, năm chuyên viên, một phiên dịch. Phía Mỹ có đông đủ toàn đoàn như họ đã giới thiệu cho ta. Chúng tôi đã biết Hariman là một nhà ngoại giao kỳ cựu của Mỹ, nổi tiếng là một người thương lượng sành sỏi đã từng đại diện cho Tổng thống Mỹ Rudoven làm việc với Xtalin trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Cyruc Vance hiện là luật sư, giảng viên luật ở Đại học Mỹ.

Cuộc họp đầu tiên diễn ra trong không khí nghiêm túc, không căng thẳng, tuy nội dung phát biểu của cả hai bên đối chọi nhau khá kịch liệt.

Các phiên họp công khai tiếp tục, cách nhau hai, ba ngày, rồi năm ngày một lần, yêu cầu của ta là tranh thủ dư luận, phân hóa và cô lập đối phương, chưa phải là thăm dò hay mặc cả.

Ngày 3-6-1968, anh Thọ đến Pari, báo chí phương Tây bình luận, đoán mò, chắc có gì mới, hội nghị sẽ tiến triển... Dư luận càng thấy rõ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muốn đẩy cuộc nói chuyện đi tới và phía ta có thái độ nghiêm chỉnh trong đàm phán.

Một ngày sau khi đến, anh Thọ họp đoàn để phổ biến đại ý trước khi đoàn lên đường, quan niệm của ta về đàm phán Pari chưa thật rõ, nhưng sau đó nhận định của Bộ Chính trị đã rõ

thêm; ngoài những phiên họp công khai cần phải tiếp tục, ta chủ trương có tiếp xúc riêng để thăm dò ý đồ của Mỹ về chấm dứt ném bom miền Bắc trước khi đi vào giải pháp toàn bộ cho vấn đề Việt Nam, về quốc tế là kiểm soát của Ủy ban quốc tế.

Anh Thọ nhắc anh em chúng tôi phải luôn theo dõi tình hình chiến trường, tình hình nước Mỹ, nghiên cứu kỹ lưỡng các mặt chiến lược, sách lược, có nhiều phương án tấn công địch, từng bước thăm dò ý đồ đối phương, nói chung là gắn chiến trường với đàm phán, đàm phán phải phục vụ cho chiến trường, gắn quân sự với chính trị, gắn đấu tranh ngoại giao với tranh thủ dư luận, tích cực, chủ động trong đấu tranh trên bàn hội nghị, giữ vững lập trường nguyên tắc và khôn khéo trong sách lược.

Anh Thọ không những nghe chúng tôi báo cáo, mà còn trực tiếp đọc lại biên bản các phiên họp công khai, và về sau này, những cuộc họp tiếp xúc riêng của chúng tôi đều có biên bản, anh Thọ đọc kỹ từng cuộc họp, nhận xét phát biểu của phía Mỹ cũng như của chúng tôi, gợi ý cần tìm hiểu ý đồ, thăm dò thái độ, quan điểm của Mỹ.

Ngày 10-6, trả lời Hãng vô tuyến truyền hình Mỹ CBS, anh Thọ sau khi nhắc lại lập trường của Chính phủ ta trong các tuyên bố gần đây nhất, đã nói: "Cuộc họp Pari từ nay trở đi có tiến triển hay không là tùy thuộc ở phía Mỹ".

Đến ngày 12-6-1968, anh Thọ tham dự phiên họp công khai với danh nghĩa Cố vấn đặc biệt của Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hariman chủ động đến bắt tay anh Thọ hoan nghênh sự có mặt của "ngài Cố vấn đặc biệt" tại Pari.

Giữa tháng 6-1968, Bộ Chính trị có chủ trương cho đoàn thực hiện tiếp xúc riêng với Mỹ để thăm dò chứ chưa phải để mặc cả. Và ngày 20-6 cuộc gặp riêng giữa hai phó đoàn được tiến hành, từ đó, song song với các phiên họp công khai ở Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe, những cuộc gặp riêng cấp phó đoàn được tiến hành, ta nghe phía Mỹ trình bày các kế hoạch ngừng ném bom miền Bắc của họ theo lập trường "có đi có lại" mà ta

bác bỏ, nhất quyết đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc vô điều kiện mới đi vào bàn giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Sau 18 phiên họp công khai và bốn cuộc tiếp xúc riêng cấp phó đoàn, ngày 21-8-1968, phía Mỹ ngỏ ý tiếp xúc cấp cao, anh Thọ và anh Xuân Thủy nhận lời, đến ngày 8-9-1968 thì cuộc họp riêng cấp trưởng đoàn diễn ra tại nhà riêng của đoàn ta. Phía Mỹ có Hariman, Vance, Habib và Négroponte. Phía ta có anh Thọ, anh Xuân Thủy, tôi và anh Phương làm phiên dịch.

Trước khi đi vào tiếp xúc riêng cấp cao với mục đích thăm dò và mặc cả, ngày 19-8-1968, anh Thọ phổ biến chỉ thị của Bộ Chính trị cho đoàn: "Trên chiến trường, ta tiếp tục và quyết tâm tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhưng ta không có khả năng đánh sụp được toàn bộ quân Mỹ. Về ngoại giao, trên bàn đàm phán, ta cần mở đường cho Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc để đi vào giải pháp ngừng bắn, rút quân Mỹ - lập chính phủ liên hiệp và vấn đề quốc tế. Bộ phận nghiên cứu cần chuẩn bị nhiều phương án tiếp xúc riêng, từng bước thăm dò thế nào, vấn đề gì, đến lúc nào thì mặc cả, mặc cả vấn đề gì, luôn gắn chiến trường với đàm phán, đàm phán để phục vụ chiến trường, đàm phán đi đôi với đấu tranh dư luận". Sau khi thảo luận và nhất trí phương án trong đoàn, chính anh tự mình chuẩn bị nội dung phát biểu cho từng phiên họp.

Những cuộc tiếp xúc riêng cấp cao từ đầu tháng 9-1968 cho đến ngày thỏa thuận về việc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc không điều kiện để đi đến giải pháp chính trị ngày 30-10-1968, có thể chia làm hai bước: bước một là thăm dò, có 5 cuộc họp từ ngày 7-9-1968 đến ngày 10-10-1968. Bước hai, là mặc cả đi đến thỏa thuận, có 7 cuộc từ ngày 11-10 đến ngày 31-10-1968.

Trong 5 cuộc gặp riêng bước một, anh Thọ đều tham dự với anh Xuân Thủy. Ta chỉ thăm dò ý đồ của Mỹ xuống thang chiến tranh trong hoàn cảnh ngày càng gần với cuộc bầu cử tổng thống, và ứng cử viên Đảng Dân chủ là Humphrey đang ở thế bất lợi hơn Níchxơn, ứng cử viên Đảng Cộng hòa. Dần dần,

Hariman đã phải rút bớt các điều kiện để chấm dứt ném bom, chỉ còn yêu cầu ta cho chính quyền Sài Gòn tham dự đàm phán.

Về phía ta, thể theo chỉ đạo rất sát sao của Bộ Chính trị, anh Thọ và anh Xuân Thủy đã ép dần Mỹ phải lật ngửa con bài: chấm dứt ném bom miền Bắc vô điều kiện và họp bốn bên.

Một tình huống khó quên là trong phiên họp riêng ngày 20-9-1968, khi bàn vấn đề chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán, sau khi về Mỹ nhận chỉ thị mới sang, Hariman tuyên bố: "Đây là yếu tố quan trọng làm dễ dàng cho Tổng thống quyết định chấm dứt ném bom". Ông ta "mong ta chấp nhận để Tổng thống quyết định chấm dứt ném bom và bắt đầu nói chuyện một cách nghiêm chỉnh".

Anh Thọ và anh Xuân Thủy chất vấn lại Hariman đây có phải là điều kiện mới và là điều kiện duy nhất không, Hariman đã không giữ được bình tĩnh, nói: "Chúng tôi muốn nói chuyện nghiêm chỉnh thì phải có đại diện của Việt Nam Cộng hòa. Nhưng các ông bác đi như vậy thì chiến tranh lại tiếp tục, bom lại rơi trên đầu các ông".

Anh Thọ và anh Xuân Thủy bình tĩnh nhưng nghiêm khắc phê phán thái độ của Hariman. Cuối cùng Hariman xin rút câu "bom lại rơi trên đầu các ông".

Sau cuộc họp này, đoàn ta đã báo cáo về Bộ Chính trị, nhận định Mỹ đã ngả bài, đề nghị ta cần đi vào mặc cả để đi đến thỏa thuận việc chấm dứt ném bom và họp bốn bên.

Với sự đồng ý của Bộ Chính trị, đoàn ta đi vào bước hai, từ ngày 11-10 đến ngày 30-10 thì thỏa thuận. Nhưng sau cuộc họp riêng ngày 11-10, chỉ còn chưa đầy hai tuần nữa để giải quyết mọi vấn đề (đến ngày Tổng tuyển cử ở Mỹ), không thể dùng điện để trình bày hết ý với Bộ Chính trị được, nên anh Thọ phải về nước gấp. Anh Thọ rời Pari ngày 14-10 đi một mạch ba ngày, có chuyên cơ chờ sẵn ở Bắc Kinh, kịp về đến Hà Nội ngày 16-10.

Việc anh Thọ về nước lần này là rất quan trọng, giúp Bộ Chính trị chỉ đạo từng bước đấu tranh cụ thể của đoàn ở Pari, thực hiện được ý định chiến lược của ta buộc Mỹ chấm dứt hoàn

toàn ném bom miền Bắc vô điều kiện, để đi tới họp hội nghị bốn bên, bàn giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Từ đó đến ngày thỏa thuận, nhiều cuộc họp riêng cấp cao, và gặp riêng cấp phó đoàn đã diễn ra, trong đó có lúc đoàn Mỹ lúng túng, hứa rồi thất hứa, có ý chờ đợi, vì Mỹ bị ngại cản trở không chịu thỏa thuận. Lý do vì sát ngày bầu cử ở Mỹ, Thiệu với sự thúc đẩy của Níchxơn, cố kéo dài thời gian không để cho Tổng thống Giônxơn lợi dụng việc chấm dứt ném bom để tranh thủ lá phiếu có lợi cho Humphrey, tạo thêm thuận lợi cho Níchxơn thắng cử. Níchxơn trúng cử, nếu có giải pháp thì thuận lợi cho Thiệu hơn, nếu chiến tranh kéo dài thì chúng lại càng có lợi.

Mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương diễn ra cao độ, giữa Níchxơn và Giônxơn, giữa quan thầy Giônxơn với tay sai Thiệu. Anh Thọ đã phân tích như vậy và chỉ thị cho chúng tôi trước khi anh về nước, ta cần phải lợi dụng triệt để mâu thuẫn này để thực hiện một bước chiến lược, ép Mỹ xuống thang chiến tranh, chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc để đi đến họp bốn bên càng sớm càng tốt. Trong cuộc họp riêng ngày 24-10, Mỹ đề nghị ngày 30 hoặc ngày 31-10 chấm dứt ném bom, ngày 2-11-1968 sẽ họp bốn bên. Ta đòi chấm dứt ném bom ngày 25 hoặc ngày 26-10 để họp bốn bên ngày 2-11, nhưng Mỹ nói vì những lý do chính trị và thực tế nên không thể chấm dứt ném bom sớm hơn được. Ta chiếu cố khó khăn của Mỹ, không nhấn mạnh đòi hỏi của ta nữa.

Về phía Mỹ thì lúng túng ra mặt. Trong đêm 29-10 và chiều 30-10, Vance và Habib đã ba lần xin gặp chúng tôi để trì hoãn việc thỏa thuận, vì "chưa có tin gì từ Mỹ, cần có thêm thời gian". Trong cuộc họp chiều 30-10, theo chỉ thị của anh Thọ từ Hà Nội gửi sang, tôi đã báo cho Vance là vấn đề làm biên bản không quan trọng lắm. Ta mở đường cho Mỹ thêm một bước nữa, ép Mỹ phải đi đến quyết định chấm dứt ném bom. Sau này trong hồi ký của Giônxơn, ông ta viết rõ là vào 2 giờ 30 phút sáng, ông ta họp Hội đồng an ninh quốc gia và quyết định báo cho Thiệu là "phía Mỹ sẽ đi một mình", tức là không cần phải có sự đồng ý của Thiệu nữa.

Ở Pari vào đêm 30-10-1968, đoàn Mỹ xin gặp ta tại nhà riêng của ta ở Darthé, phía Mỹ có Hariman, Vance, và Habib. Đoàn ta có anh Xuân Thủy, anh Nguyễn Minh Vỹ và tôi. Cuộc gặp diễn ra từ 17 giờ 30 phút đến 2 giờ 45 phút sáng 31-10-1968.

Hariman đọc bản tuyên bố viết sẵn, thông báo việc Tổng thống Giônxon sắp ra lệnh vào tối ngày 31-10 sẽ chấm dứt hoàn toàn ném bom và mọi hành động chiến tranh trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Mệnh lệnh đó có hiệu lực vào 12 giờ sau đó. Cuộc họp theo kiểu "bốn bên" đã được thỏa thuận (tức có bốn đoàn: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam Cộng hòa) sẽ không tiến hành trước ngày 6-11-1968. Anh Xuân Thủy cũng đọc một tuyên bố chuẩn bị sẵn, nhấn mạnh ta hiểu qua tuyên bố của Mỹ là việc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc là không có điều kiện, ta khẳng định điều này... Hariman không trả lời, với nét mặt hân hoan, lấy ra một cuốn sách của ông ta viết về "nhân quyền", có nhiều bài thơ với câu đề tặng: "Kính tặng Bộ trưởng Xuân Thủy, nhà thơ - Pari 31-10-1968".

Cuộc họp diễn ra trong không khí hòa dịu, kết thúc một giai đoạn đàm phán.

Hôm sau, ngày 1-11-1968, Giônxon đọc diễn văn trên vô tuyến truyền hình, tuyên bố như đoàn Mỹ đã thỏa thuận với ta. Ngày 2-11-1968, Chính phủ ta ra tuyên bố đánh giá "Việc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc không điều kiện, sau 5 tháng làm bế tắc cuộc nói chuyện ở Pari, đánh dấu một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam ở hai miền, của phe xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc và hòa bình của nhân dân thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ".

Ngày 3-11-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi, nhấn mạnh đây "chỉ mới là thắng lợi bước đầu", "nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo*

vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc"¹.

Thắng lợi to lớn này bắt nguồn từ thế và lực trên chiến trường đã thay đổi có lợi cho ta sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, mâu thuẫn trong nội bộ nước Mỹ lên cao độ, thời cơ chín muồi, nhưng yếu tố quyết định là sự chỉ đạo chặt chẽ, sáng suốt của Bác Hồ và Bộ Chính trị, của cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn hội nghị đã giữ vững, kiên trì nguyên tắc và linh hoạt trong sách lược. Trong hai yếu tố quan trọng này, anh Lê Đức Thọ đã đóng góp hết sức mình vào thắng lợi chung. Trong bức thư tay gửi từ Pari về cho Bác Hồ, giữa những cuộc tiếp xúc riêng với phía Mỹ, anh Thọ viết: "Công việc khá phức tạp không khỏi không có thiếu sót, nhưng hứa với Bác chúng tôi hết sức cố gắng. Càng nhớ đến Bác và chiến sĩ, đồng bào miền Nam bao nhiêu, càng phải nỗ lực bấy nhiêu để đạt được kết quả tốt nhất ở bàn Hội nghị. Bạn mấy nhưng anh Xuân còn nghĩ ra được những vần thơ, còn tôi thì cứ suy nghĩ hết phương án này đến phương án nọ không sao nghĩ được vần thơ nào". Xin lấy mấy lời tâm huyết này của anh Lê Đức Thọ để kết thúc bài viết này, để tưởng nhớ về anh, sau 10 năm anh đi xa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 407.

LÊ ĐỨC THỌ - CUỘC GẶP RIÊNG VỚI KÍT XINH GIỜ

Lưu Văn Lợi*

Hai người biết tiếng nhau nhưng hôm nay, ngày 21-2-1972, họ mới gặp nhau lần đầu tiên theo yêu cầu của Kítxinhgiờ. Trong cái phòng khách nhỏ bé của ngôi nhà xinh xắn số 11 phố Darthes, thị trấn Choisy Le Roi, họ ngồi như sát nhau. Có người thường nói: Đông là Đông, Tây là Tây, Đông, Tây không bao giờ gặp nhau. Kìa trông Lê Đức Thọ và Kítxinhgiờ, Đông chẳng gặp Tây đó sao? Nhưng thật ra đó là hai con người, mà cũng có thể nói là hai thế giới. Kítxinhgiờ là nhà ngoại giao chuyên nghiệp, có người bảo là môn đệ Machiavelli¹, có người lại bảo là môn đệ của Metternich², khác hẳn với Lê Đức Thọ về nguồn gốc xã hội, điều kiện trưởng thành, và lý tưởng chính trị.

Tiểu sử Lê Đức Thọ giản dị hơn nhiều, giản dị như một câu chuyện dân gian. Mười sáu tuổi đang học cấp hai đã tiếp cận phong trào ủng hộ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh nên sớm tiếp thu học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp trọn đời. Bất chấp Côn Đảo, Hỏa Lò, Sơn La, Hòa Bình, ông có nhiều cơ hội tiếp xúc với các nhà hoạt động chính trị quốc tế, nhưng không được học trường

* Nguyên: - Cố vấn pháp lý của Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari về Việt Nam.

- Bộ trưởng - Trưởng ban Biên giới Chính phủ.

1. Machiavelli: Nhà ngoại giao Italia thế kỷ XVI đã viết cuốn sách ngoại giao nổi tiếng *Quân Vương* (Le Prince).

2. Metternich: Nhà ngoại giao Áo nổi tiếng chủ trì Hội nghị Viên để chia lại châu Âu sau khi Napôlêông thua.

đại học nào, trường ngoại giao nào. Sách của ông là các tác phẩm của C. Mác, V.I. Lênin, của Nguyễn Ái Quốc, kiến thức của ông là vốn sống của cuộc đời: tình thương yêu của đồng chí, sự hằn thù của thực dân, phong kiến. Làm ngoại giao đối với ông là nhiệm vụ cách mạng. Nếu nói theo kiểu người Trung Quốc có thể gọi ông là "nhà ngoại giao chân đất".

Người nông dân đất Kinh Bắc xưa thường nói: "Nhất kiến vi cữu", trao cho nhau miếng trầu cánh phượng để xây dựng mối duyên lành, ở đây hai nhà ngoại giao gặp nhau lần đầu làm quen với nhau để rồi thăm dò, tìm hiểu nhau và cái đó mới là điều quan trọng tất nhiên đối với cả hai bên. Kítxinhgiơ nói tới nguyện vọng của Mỹ muốn nhanh chóng giải quyết vấn đề Việt Nam. Lê Đức Thọ cũng nhẹ nhàng nói tới nguồn gốc chiến tranh, triển vọng của nó, nếu Mỹ sai lầm khi gây ra chiến tranh Việt Nam và khẳng định thái độ của Việt Nam: nếu Mỹ và Việt Nam cùng có thiện chí thì đàm phán sẽ có kết quả, nếu Mỹ không muốn giải quyết mà tiếp tục đánh thì Việt Nam sẵn sàng tiếp tục chiến đấu. Hầu như muốn phác họa bức tranh của cuộc đàm phán, ông chủ động nêu một loạt vấn đề: việc rút quân Mỹ, việc gạt bỏ chính quyền Thiệu - Kỳ - Hương, việc công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời; việc lập Chính phủ liên hiệp, cách thảo luận là bàn cả vấn đề quân sự và vấn đề chính trị. Gọi đó là một chương trình nghị sự cũng được.

Kítxinhgiơ gửi một báo cáo lạc quan về Nhà Trắng, coi đây là cuộc gặp quan trọng nhất kể từ khi bắt đầu cuộc nói chuyện năm 1968 với lời ông ghi vào nhật ký: "Tóc hoa râu, đường bệ, Lê Đức Thọ bao giờ cũng mặc bộ đại cán xám hoặc marông, đôi mắt to và sáng, ít khi để lộ sự cuồng tín đã thúc đẩy ông hồi mười sáu tuổi đi theo phong trào du kích cộng sản chống Pháp. Ông lúc nào cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một hai lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng của ông một cách tận tụy và khéo léo. Lê Đức Thọ tiếp tôi với một sự lễ phép có khoảng cách của con người mà ưu thế hiển nhiên đến mức không thể

làm khác được bằng một kiểu lễ phép gần như sự hạ cố".

Trong những lần gặp riêng sau - nay đã trở thành một diễn đàn bí mật song song với diễn đàn công khai tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe - quá trình đàm phán bắt đầu diễn biến theo quy luật thông thường, lúc mau lúc thưa, lúc căng lúc dịu, có lúc nghỉ mấy tháng liền. Bước ngoặt quyết định là vào tháng 7-1972 sau khi do diễn biến phức tạp của quan hệ giữa các đồng minh của ta và thời điểm có bầu cử tổng thống ở Mỹ, Bộ Chính trị Đảng ta chủ trương từ chiến lược chiến tranh chuyển sang chiến lược hòa bình để thực hiện lời tiên tri của Bác: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Biết rõ Nhà Trắng muốn chấm dứt chiến tranh, rút được quân Mỹ về, lấy được tù binh Mỹ, ta đồng ý với Mỹ đi vào vấn đề thực chất vào ngày 8-10-1972, ta chủ động đưa ra dự thảo Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đang hạn hán lại gặp mưa rào, toàn đoàn Mỹ nín thở để nghe Lê Đức Thọ đọc bản dự thảo của ta. Kítxinhgiơ lại ghi vào nhật ký: "Hầu hết các đồng sự của tôi và tôi hiểu ngay tầm cỡ của những điều chúng tôi vừa nghe. Tôi yêu cầu ngừng phiên họp ngay. Lord (thành viên của đoàn Mỹ) và tôi nắm tay nhau và tuyên bố: "Chúng ta đã thành công!". Tôi chưa bao giờ cảm động bằng buổi quá trưa mát mẻ của ngày chủ nhật mùa thu ấy". Tất nhiên còn phải nhiều vòng đàm phán nữa mới đi đến giải pháp.

Đoàn Mỹ đưa ra một dự thảo hiệp định đại để dựa vào bản dự thảo của ta. Cả hai bản dự thảo cùng đưa ra bàn. Khi đi vào thảo luận, những lời thể thốt thiện chí, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam được đưa ra nhẹ nhàng, coi như không có giá, nhưng những vấn đề cụ thể hóa các nguyên tắc đó lại phải trao đổi giá rất lâu, thậm chí có lúc Lê Đức Thọ phải nhắc tới thủ đoạn "lái trâu" ở Việt Nam.

Một buổi chiều cũng mùa thu ấy, hai đoàn bắt đầu thảo luận từng điều khoản một và lần đầu tiên tôi ra mắt công khai

với đoàn Mỹ. Bắt đầu cuộc họp, Lê Đức Thọ phát biểu:

- Tôi xin giới thiệu ông Lưu Văn Lợi, Cố vấn pháp luật của đoàn Việt Nam.

Kítxinhgiơ nguýt tôi qua cặp kính trắng:

- Luật giáo hội à (droit canonique)?

Mọi người coi là lối chơi chữ sở trường của ông, tôi cũng cười.

Cuộc thảo luận đến một khó khăn đầu tiên, Lê Đức Thọ chỉ tôi:

- Tôi có thể đồng ý được nhưng ông Lợi nói không nên.

- Thế à! - Kítxinhgiơ hỏi - Ông Lưu Văn Lợi muốn được thưởng huân chương cao quý đây.

Đến một chỗ bất đồng thứ hai, Lê Đức Thọ lại chỉ tôi:

- Ông Lợi khuyên tôi không nên nhận.

- À ra ông Lợi muốn người ta dựng tượng ông bên bờ hồ - Kítxinhgiơ đáp một cách khó chịu.

Lê Đức Thọ nói thêm:

- Chân bức tượng đó phải ghi những đề nghị sửa đổi hiệp định của ông Lợi.

Kítxinhgiơ cũng hiểu đây là một kiểu ứng xử của Lê Đức Thọ để không khí bớt căng.

Từ khi vào Nhà Trắng, Níchxơn thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh" mà mục đích là rút được quân Mỹ về, duy trì được ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu để tiếp tục chiến tranh. Đây không phải là một sáng tạo, càng không phải là một sáng tạo thông minh của Níchxơn vì các nhà lãnh đạo Mỹ từ Aixenhao, Kennơđý đến Giônxon đều đã dùng người Việt và vũ khí Mỹ để đánh người Việt và đều đã liên tiếp thất bại. Có nửa triệu quân Mỹ và không quân, hải quân hùng mạnh của Mỹ yểm trợ mà quân ngụy không đánh nổi quân giải phóng thì làm sao có thể đơn độc chống lại quân giải phóng? Kítxinhgiơ, có lẽ cả Níchxơn cũng hiểu điều đó cho nên họ vừa rút quân "nhỏ giọt", vừa đòi có đi có lại, nghĩa là quân miền Bắc cũng phải rút về Bắc. Ta không chấp nhận đặt người bị xâm lược ngang kẻ đi xâm lược. Mỹ đổi giọng, đòi quân miền Bắc phục viên sau hòa bình và "trở

về nguyên quán", ta cũng bác nốt và cuối cùng Mỹ phải nhận ngừng bắn tại chỗ, quân đầu đóng đó, nghĩa là quân miền Bắc vẫn ở lại miền Nam với nguyên tắc vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam sẽ do các bên Việt Nam giải quyết.

Về vấn đề chính quyền ở miền Nam, ta đòi lập một cơ cấu chính quyền ba thành phần, có chức năng đôn đốc hai bên thi hành Hiệp định. Mỹ kiên quyết phản đối chữ cơ cấu chính quyền, đòi thay bằng cơ cấu hành chính và không có quyền đôn đốc. Cuối cùng thỏa thuận ghi: thành lập Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc có nhiệm vụ đôn đốc (bản tiếng Anh thì ghi khuyến khích) hai bên miền Nam Việt Nam thi hành các hiệp định duy trì ký kết giữa các bên, tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ.

Về vấn đề những người bị bắt, ta gán vấn đề thời hạn rút quân Mỹ với vấn đề thả tù binh; Mỹ chịu nhận nhưng lại đòi vấn đề nhân viên dân sự của Mặt trận Dân tộc giải phóng giải quyết theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 theo sự thỏa thuận giữa hai bên miền Nam. Cuộc thảo luận rất căng, nhưng cuối cùng Kítxinhgiơ phải nhận tác động với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để thả hết.

Về việc hàn gắn các vết thương chiến tranh, ta đòi Mỹ bồi thường nhưng Mỹ không chịu và chỉ nhận đóng góp vào việc hàn gắn các vết thương chiến tranh và việc xây dựng sau chiến tranh. Ta đồng ý.

Ta đề nghị có Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát, có Hội nghị quốc tế để ghi nhận các hiệp định đã ký kết, Mỹ đều đồng ý, chỉ còn bàn thành phần Ủy ban quốc tế và Hội nghị quốc tế.

Đến ngày 20-10-1972, cả hai Chính phủ Việt Nam và Mỹ đều công nhận là Hiệp định đã hoàn chỉnh và thỏa thuận sẽ ký vào ngày 31-10-1972. Mọi việc tưởng thế là xong.

Nhưng đến ngày 24-10, Kítxinhgiơ lại gửi công hàm cho ta đề nghị có cuộc gặp riêng để thảo luận một số vấn đề về kỹ thuật và thực chất. Bộ Chính trị ta hiểu ngay rằng Mỹ lật lọng, không muốn ký bản Hiệp định đã thỏa thuận. Chính phủ ta

công bố tất cả các văn kiện của hai bên liên quan tới Hiệp định, từ toàn văn Hiệp định đến thư của Phạm Văn Đồng và Níchxơn chấp nhận Hiệp định và ngày ký. Bộ Ngoại giao ta cũng ra tuyên bố, hai đoàn đại biểu Bắc, Nam ở Hội nghị bốn bên ra tuyên bố phản đối rồi bỏ phòng họp đi ra. Toàn thế giới sững sốt vì ai nấy đều biết hai bên hoàn toàn thỏa thuận xong văn bản ngày 20-10-1972. Đây là đòn ngoại giao mạnh nhất mà ta giáng vào đầu Níchxơn. Kítxinhgiơ lúng túng, lại nói đại rằng "Hòa bình đã trong tầm tay", làn sóng phản đối của thế giới càng xô lên dữ dội. Kítxinhgiơ phải nài ta họp lại.

Hai bên họp lại từ ngày 20-11 đến ngày 13-12. Tuy hai bên có cơ sở thảo luận chung là bản Hiệp định ngày 20-10-1972, thật sự là thương lượng lại hiệp định vì Mỹ đưa ra 69 điểm của Nguyễn Văn Thiệu đòi sửa lại và một số vấn đề khác. Mở đầu bằng một tham luận dài của Lê Đức Thọ phê phán mạnh mẽ thái độ lật lọng của Mỹ, nhưng rồi hai bên cũng đi vào thảo luận, có lúc nhân nhượng nhau, nhưng phần nhiều các vấn đề về nguyên tắc, ta kiên quyết giữ không nhân nhượng. Có lúc bực mình quá, Lê Đức Thọ vạ Níchxinhgiơ:

"Chính công hàm của Tổng thống gửi cho chúng tôi đã nói văn bản Hiệp định đã hoàn chỉnh, vậy thì lời nói của Tổng thống các ông là thế nào?"

Khi Mỹ nêu lại vấn đề đòi rút quân miền Bắc trở nên căng thẳng, Lê Đức Thọ bình tĩnh nói:

"Tổng thống Níchxơn nói đến danh dự nước Mỹ, chúng tôi cũng có danh dự của chúng tôi. Các ông đem quân đến xâm lược nước chúng tôi, bây giờ các ông phải rút đi, lại đòi chúng tôi, những người chống xâm lược rút đi. Nếu có như vậy trong Hiệp định thì nhân dân chúng tôi làm sao mà chịu nổi".

Kítxinhgiơ không chịu các nguyên tắc về chính trị nội bộ miền Nam đã thỏa thuận, rồi lại hỏi có phải Lê Đức Thọ đưa ra tối hậu thư không, Lê Đức Thọ đập tay xuống bàn và nói to:

- Về chương IV (về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam) thì đúng là tối hậu thư.

Do sự tiết lộ của một nhân viên đoàn Mỹ, báo chí Mỹ tung câu chuyện này khiến Kítxinhgiơ cảm thấy bẽ mặt.

Đến ngày 13-12, còn vấn đề khu phi quân sự chưa giải quyết xong, nhưng toàn bộ Hiệp định và các văn kiện khác coi như đã bàn xong. Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ chuẩn bị về nước báo cáo. Một lần nữa Níchxơn lại tráo trở gửi tối hậu thư đòi ta phải đàm phán nghiêm chỉnh trong vòng 72 giờ (ngày 18-12 ta mới nhận được) đồng thời cùng ngày, Níchxơn ra lệnh dùng B52 tấn công ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng hòng ép ta nhượng bộ tối đa; nhưng chiến dịch mang danh Linebacker 2 dùng B52 đánh phá đã thất bại thảm hại. Quân và dân ta đã lập chiến công "Điện Biên Phủ trên không".

Sau thất bại của cuộc không kích chiến lược bằng B52, Mỹ phải yêu cầu gặp lại ta. Một lần nữa đồng chí Lê Đức Thọ đã kịch liệt phê phán thái độ tráo trở, lật lọng, trắng trợn của Mỹ. Ta có quyền tự hào đã giữ được nội dung chủ yếu của Hiệp định 20-10-1972: Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ và quân các nước Đồng minh, cam kết chấm dứt dính líu quân sự vào miền Nam, giữ vững lực lượng chính trị và vũ trang của phía Việt Nam không nên rút quân ta, buộc Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải công nhận miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị, giữ được về cơ bản chức năng của Hội đồng hòa giải hòa hợp dân tộc, gạt được ý đồ của Mỹ - Thiệu muốn hạ thấp vai trò xuống thành cơ quan bầu cử đơn thuần. Ta còn được con số góp phần xây dựng miền Bắc cao hơn hồi tháng 10-1972.

Lịch sử đã chứng minh do tác động của Hiệp định Pari, Mỹ không dám đưa quân trở lại cứu Nguyễn Văn Thiệu khi ta mở Chiến dịch Hồ Chí Minh, để ta thực hiện được đúng lời của Bác Hồ: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan 70 tuổi đi sứ tự răn mình mỗi ngày phải đọc thơ *Bạch Khuê* ba lần (thơ có câu nói: ngọc khuê trắng có vết có thể mài được, nhưng lời nói mà có vết không làm được việc gì). Nếu Lê Đức Thọ biết có bài thơ *Bạch*

Khuê chắc ông cũng đọc đi đọc lại như Trạng Bùng để tránh mọi sai sót, nhưng tôi biết ông ngày đêm chỉ tâm niệm một điều: làm sao hoàn thành nhiệm vụ đối với dân tộc, đối với Tổ quốc. Khi cùng Kítxinhgiơ ký tắt Hiệp định Pari là lúc ông hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng đó.

HAI LẦN BÀN KẾ SÁCH

Hà Đăng*

Dưới con mắt của đối phương, anh Lê Đức Thọ là nhà đàm phán cứng rắn và đầy mưu lược. Tiến sĩ Henri Kítxinhgiơ, Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ Níchxơn, người đối thoại chủ yếu với Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ tại Hội nghị Pari về Việt Nam, trong những trường hợp khác nhau, đã từng có những nhận xét rất khác nhau về anh, chung quy lại vừa có sự nể trọng, vừa có vẻ gồm một đối thủ mà ông cho "có chiến lược khôn ngoan", dám bóc cả tim đen người đối thoại với mình.

Mùa hè năm 1972, khi hai bên hầu như đã đưa ra công khai giải pháp của mình - 9 điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 7 điểm của Mỹ thì cái mắc chính vẫn là hai vấn đề cốt tử: thời hạn rút hết quân Mỹ gắn liền với vấn đề tù binh và chính quyền ở miền Nam. Ta đòi Mỹ phải thay nhóm Nguyễn Văn Thiệu, nhưng Mỹ thì lảng tránh vấn đề này và đòi phải thỏa thuận cái khung (của Hiệp định) trước, sau mới nói tới vấn đề cụ thể. Lê Đức Thọ nói không giải quyết hai vấn đề cơ bản ấy thì đây chỉ là "một cái khung không có xương sống". Và đồng chí phân tích: "Các ông đã nhúng tay quá sâu vào chiến tranh Việt Nam và chiến tranh Đông Dương. Trong quá trình đó, các ông đã gặp quá nhiều thất bại và hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc làm thế nào để giải quyết vấn đề Việt Nam và

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,
- Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,
- Tổng Biên tập Báo *Nhân Dân*.
- Tổng Biên tập Tạp chí *Cộng sản*.

Đông Dương. Chúng tôi cũng nhận thấy là hiện nay các ông cũng muốn rút ra khỏi chiến tranh Việt Nam và chiến tranh Đông Dương nhưng lại tính toán làm sao có lợi nhất cho các ông. Vì vậy các ông tính rút bằng hai cách: thương lượng và Việt Nam hóa chiến tranh. Ý định của các ông là lấy hai vấn đề này hỗ trợ cho nhau. Việt Nam hóa chiến tranh nhằm duy trì một chính quyền và một quân đội mạnh ở miền Nam Việt Nam bảo đảm cho các ông thực hiện ý định chủ nghĩa thực dân mới. Còn nếu không thương lượng được thì các ông cũng tích cực thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh để đạt được ý định của các ông là biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới... Cách thương lượng của các ông chính là nhằm đạt được mục đích đó...".

Kítxinhgiơ buộc phải nhận rằng "sự phân tích của Lê Đức Thọ về chiến lược của Hoa Kỳ là đúng và khôn ngoan". Rồi ông ta nói về chiến lược của Việt Nam như sau:

"Nếu tôi hiểu đúng thì chiến lược của các ngài là làm sao đạt được hai kết quả: Muốn quân đội chúng tôi rút càng nhanh càng tốt và khi chúng tôi rút đi thì lật đổ cơ cấu chính trị hiện nay ở miền Nam Việt Nam. Đòi hỏi của các ngài đề ra không phải là để nhân nhượng mà để đòi chúng tôi dâng cho Hà Nội cái mục tiêu mà các ngài muốn đạt...".

Một lần khác, Kítxinhgiơ lại bảo: "Các ngài cứ theo chiến thuật đưa ra đòi hỏi của mình rồi phê phán trả lời của chúng tôi *như kiểm tra một thí sinh vào vấn đáp*...".

Quả thật, trong đàm phán với Kítxinhgiơ, khi Mỹ động đến những vấn đề nguyên tắc (tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam, Mỹ rút hết quân mà không được đặt điều kiện nào...), anh Lê Đức Thọ đã thẳng thừng đập lại. Có lúc anh đập bàn và nói như quát đối phương, điều quan trọng là không bao giờ tự cho phép mình được sơ hở về chính trị. Có lần, sau cuộc tập kích của Mỹ bằng B52 vào Hà Nội - Hải Phòng vào dịp Noel 1972, ngày 8-1-1973, hai bên nối lại đàm phán trong một cuộc nói chuyện riêng ở Gisors Yvette, anh đã trút lên đầu Kítxinhgiơ

một cơn thịnh nộ với lời lẽ cực kỳ gay gắt mà bản thân người viết bài này chưa từng thấy. Anh cho rằng "hành động của Mỹ rất trắng trợn và thô bạo", rằng "các ông tưởng làm như vậy là có thể khuất phục được chúng tôi, nhưng các ông nhầm... Chính các ông đã làm cho cuộc đàm phán khó khăn, chính các ông đã làm cho *danh dự nước Mỹ bị hoen ố*". Còn nhiều từ ngữ nặng nề khác, đến nỗi Kítxinhgiơ không nén nổi phải cắt ngang: "Tôi có nghe những tính từ, tôi đề nghị không dùng những tính từ đó...".

Trong tác phẩm *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari*, tác giả Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ có nhận xét như sau: "Trong thương lượng với ta, Kítxinhgiơ đã nói Mỹ chẳng may mà gặp ta chứ họ không chọn đối phương là ta". Và các ông nói thêm: "Còn cái không may của Kítxinhgiơ, một nhà ngoại giao nhiều thủ đoạn, nhà thuyết khách có tài, lại đối mặt với một người như Lê Đức Thọ, một chiến sĩ đã được tôi luyện trong đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, một nhà lãnh đạo quyền uy, biết tiến, biết thoái, biết cương, biết nhu. Đấu tranh với Kítxinhgiơ, ông nặng lòng thông cảm với nỗi đau của đồng bào đồng chí, và vững tin ở sức mạnh ngàn năm của dân tộc bất kể vũ khí, thủ đoạn hay đe dọa nào, một Níchxơn, một Kítxinhgiơ không thể khuất phục được con người đó".

Lê Đức Thọ đối với đối phương là như vậy. Còn với anh em đồng chí thì sao? Tôi cứ nhớ mãi hai câu chuyện được chứng kiến tại Choisy Le Roi. Hai câu chuyện mà tôi cho là hai lần bàn kế sách, như cái đầu đề của bài viết này.

Lần thứ nhất là vào tháng 3-1970. Trời Pari hôm ấy còn lạnh lắm. Đã chín giờ sáng rồi mà sương mù vẫn còn dày đặc hầu như che lấp mọi vật, che lấp cả một con người đã cao tuổi, cứ đi qua đi lại trước nhà làm việc của mình, không phải để tập thể dục, mà là để suy tư về một điều gì hệ trọng lắm. Người đó là Lê Đức Thọ. Các đồng chí trong Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời chúng tôi, khi qua cổng trụ sở Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để họp phiên thường kỳ đều thấy cảnh tượng ấy

nhưng tất cả đều lặng lẽ tiến vào phòng họp, không một ai có ý định làm cắt đứt dòng suy tư của nhà lãnh đạo. Riêng tôi, có tính hay "liều mạng" với cấp trên. Tôi tiến lại gần và cất tiếng:

- Chào anh Sáu! Chắc là anh có điều gì suy nghĩ lung lắm!

Anh dừng lại:

- Cậu biết Lonnon làm đảo chính lật đổ Xihanúc rồi chứ?

Hãy lên phòng họp đi. Tôi sẽ phân tích vấn đề này.

Tại đó, trong cái phòng họp kín mà chúng tôi vẫn gọi là phòng mật, phòng họp người đông nên không khí có phần ngột ngạt, quạt thông gió không đủ để làm dễ thở, thế mà anh Lê Đức Thọ đã nói liền một mạch gần hai tiếng đồng hồ không nghỉ. Anh phân tích tình hình một cách rõ ràng, khúc chiết, càng nói càng hăng. Vào đầu năm 1970, trên chiến trường miền Nam Việt Nam, lực lượng kháng chiến vẫn ở trong thời kỳ khó khăn lớn. Mỹ thu được thắng lợi đáng kể trong Việt Nam hóa chiến tranh. Nhưng mối uy hiếp lớn cho Sài Gòn vẫn là lực lượng giải phóng miền Nam Việt Nam đang hoạt động dọc biên giới Campuchia - Nam Việt Nam, nhất là ở vùng Mỏ Vẹt và Móc Câu. Mỹ phải tìm cách thanh toán mối đe dọa đó. Thực hiện cái gọi là "điểm ngoặt đầu tiên trong cách tiến hành chiến tranh Việt Nam", Níchxơn ra lệnh cho máy bay B52 ném bom vùng Mỏ Vẹt - Móc Câu, đồng thời ngày 18-3-1970 đạo diễn cho lực lượng thân Mỹ do tướng Lonon cầm đầu làm đảo chính lật đổ Hoàng thân Nôrôđôm Xihanúc. Anh Lê Đức Thọ trình bày rằng đây là cuộc mở rộng chiến tranh của Mỹ trong thế phải xuống thang, thế yếu, thế bị động. Anh dự đoán rồi đây Mỹ sẽ đưa quân đánh vào Campuchia. Và như vậy, cả Đông Dương sẽ trở thành một chiến trường chống Mỹ. Một mặt trận nhân dân chống Mỹ toàn Đông Dương nhất định sẽ được thành lập, v.v. và v.v.. Anh nói hăng đến nỗi lúc đầu còn mặc áo đại cán, sau bóc ra chỉ còn chiếc áo lót và để phơi cả chiếc lưng quần, không phải thắt bằng thắt lưng da mà ngoặc ngược theo kiểu thắt bầu

lương. Chưa đủ. Anh ra lệnh mở toang hết cửa sổ cho dễ thở. Dương Đình Thảo, người phát ngôn của Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời, vốn thận trọng, cứ giơ tay lên trời ra dấu hiệu, rằng kẻ địch có thể ghi âm điều bí mật. Lê Đức Thọ không dừng lại. Anh bảo: Tôi biết tôi nói gì. Cứ mặc cho chúng nghe trộm! Sau buổi họp, anh báo cáo những ý chính mà anh phân tích về "Nhà", và ba hôm sau, anh báo lại rằng "Nhà" cũng đồng ý với nhận định của anh. Sự thật là ngày 24-4-1970, Níchxơn đã quyết định cho quân Mỹ đánh vào Campuchia. Và ngày 30-4, Níchxơn nói liều rằng "đã dám chơi với lửa thì phải chơi đến cùng". Rồi hai tháng sau, ngày 30-6, Níchxơn buộc phải ra lệnh cho quân Mỹ rút khỏi Campuchia... Cũng tháng 3 năm đó, Trung ương ta đề ra nhiệm vụ "kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và kinh tế kết hợp tiến công ngoại giao... đánh bại âm mưu địch xuống thang từng bước, kéo dài chiến tranh để tạo thế mạnh... làm thất bại chiến lược phòng ngự của địch, tạo ra chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh giành thắng lợi từng bước, đi đến thắng lợi quyết định".

Lần thứ hai tôi có ấn tượng sâu sắc về mưu lược Lê Đức Thọ là vào cuối tháng 2-1972. Hồi đó, các phương tiện thông tin đại chúng ở Pari đưa tin rầm rộ về chuyến đi Bắc Kinh của Níchxơn và những lời tuyên bố đầy vẻ đắc ý của ông ta. Vẫn như lần trước, trong giá lạnh đầu xuân, anh đi đi lại lại trước ngôi nhà làm việc của anh. Và cũng như lần trước cả đoàn miền Nam sang họp chung với đoàn miền Bắc, đã lặng lẽ tiến lên phòng họp. Riêng tôi, lại một lần nữa đánh liều. Tôi đi thẳng về phía anh Sáu và đánh tiếng:

- Đêm qua anh có ngủ được không ạ?
- Ngủ làm sao được! Tôi phải xem Níchxơn định làm cái gì đây?

Mặt anh đỏ phừng, sắc đỏ biểu hiện không phải sự hồng hào

của sức khỏe, mà là huyết áp đang lên cao. Rồi anh quay sang tôi:

- Cậu có nhớ bài thơ *Học đánh cờ* của Bác không?
- Tôi đọc:

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;*

Anh Sáu có vẻ thích thú:

*Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

Lên phòng mật, anh lại phân tích. Lần này còn sôi nổi hơn lần trước. Lý lẽ cũng đanh thép hơn lần trước. Và trong thái độ, có một cái gì đó rất kiên quyết. Cho đến bây giờ, tôi vẫn cho rằng bản phân tích tình hình của anh Sáu lúc đó là rất tỉnh táo và sáng suốt.

Còn nhớ, từ tháng 7-1971, Lê Đức Thọ đã từng nói thẳng với Kítxinhgiơ rằng: "Trong mấy năm qua, các ông đã chạy vạy chỗ này chỗ kia để tìm ra lối thoát nhưng không biết các ông có rút được kinh nghiệm không? Thực ra các ông chỉ uống công vô ích, làm phức tạp thêm vấn đề cho các ông". Và nói thêm: "Không có cách thần kỳ nào để giải quyết vấn đề Việt Nam ngoài cách đàm phán nghiêm chỉnh với chúng tôi ở Hội nghị Pari trên cơ sở những đề nghị của chúng tôi và những đề nghị của các ông. Trong một ván cờ, quyết định thắng bại phải là người trong cuộc, không có cách nào khác. Chúng tôi độc lập giải quyết vấn đề của chúng tôi".

Lúc này Kítxinhgiơ cũng buộc phải thừa nhận: "Chúng tôi biết muốn giải quyết chiến tranh Việt Nam bằng thương lượng thì phải giải quyết ở Pari. Chúng tôi tôn trọng và khâm phục tinh thần độc lập mà các ngài luôn tỏ ra... Chúng tôi không muốn tìm một giải pháp nào khác ngoài nơi đây".

Kítxinhgiơ và ông chủ Nhà Trắng đã không làm đúng lời thề thốt đó. Và sự chạy chọt của họ cũng đã không thể giúp họ tránh được nước cờ bí. Khác với Bộ trưởng Xuân Thủy, nhà ngoại giao biệt tài, là người rất say mê đánh cờ tướng, anh Lê

Đức Thọ hay nói về đánh cờ nhưng tôi ít thấy anh cầm quân bao giờ. Nước cờ mà anh nói đúng là nước cờ chính trị.

Trong đời thường, anh Lê Đức Thọ thường có hai thái cực: hay nổi nóng mà cũng hay cười nói xởi lởi. Trước khuyết điểm của bất cứ ai, anh đều nói thẳng, phê phán gay gắt, không rào đón gì. Nhưng cần khen ai, anh nói đúng mức nhưng cũng ngắn gọn. Đối với tôi, loại đàn em tép riu, tôi chưa bao giờ gặp phải sự phê phán của anh. Có lần, vào cuối tháng 11-1972, khi cuộc đàm phán mật vào hồi gay cấn nhất, anh cùng với anh Xuân Thủy sang thăm đoàn miền Nam ở Vờie lơ Buyxông. Sau khi bàn xong kế hoạch đấu tranh công khai tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe, anh nhắc nhở anh chị em chúng tôi bằng một câu Kiều:

Dần lòng chờ đợi ít lâu

Chầy ra thì cũng năm sau với gì.

Hai tháng sau, tháng 1-1973, Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết. Có một chị trong đoàn miền Nam nhắc lại câu nói đó của Lê Đức Thọ và bảo rằng anh Sáu tài thật, biết là mình dù có phải đánh đến "trầy da, tróc vẩy" thì vẫn cứ thắng, và thắng lợi đã đến gần. Do sự hiểu lầm về cách phát âm, chữ "chầy ra" thành ra chữ "trầy da". Tôi bèn dẫn thêm một câu Kiều, rằng chính Kiều đã bật đèn xanh cho Kim Trọng làm đủ mọi thứ, miễn là chỉ ngoài da:

Đừng điều nguyệt nọ hoa kia

Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai (chữ "ra" thành chữ "da")

Tôi còn nói rằng đúng ra là Kiều đã có mang qua câu thơ của Nguyễn Du:

Đầy sân gươm tuốt sáng lò,

Thất kinh Kiều chưa biết là làm sao (trong tai họa Khuyển Ưng, Khuyển Phệ).

Đem câu chuyện vui nói trên kể lại cho anh Sáu nghe, anh cười lớn: Cái cậu này, chỉ toàn chuyện tâm phào!

Sau khi nước nhà thống nhất, tôi có dịp làm việc nhiều lần với anh Sáu. Và sau Đại hội VI của Đảng, khi tôi đang làm

Tổng Biên tập Báo *Nhân Dân* thì anh ốm nặng, phải đi Paris chữa bệnh, sau đó lại trở về. Vài tuần trước khi anh qua đời, tôi có đến thăm anh, ngồi bên chiếc divăng mà anh vẫn nằm nghỉ, nghe anh nói về bệnh tình của mình. Vẫn nụ cười hồn hậu ấy, cái tính xởi lởi ấy, anh nói rằng anh rất thanh thản chờ ngày đi vào cõi vĩnh hằng.

NHÀ NGOẠI GIAO LÊ ĐỨC THỌ VÀ HIỆP ĐỊNH PARI VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Xuân *

Trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 22-4-1968 bàn về tình hình chiến trường miền Nam và việc tiếp xúc với Mỹ, Bác Hồ có ý kiến: "Việc tiếp xúc với Mỹ phải chuẩn bị kỹ, lấy anh Sáu (tức anh Lê Đức Thọ) tham gia đoàn, có thể làm cố vấn". Do những cuộc tiếp xúc ban đầu ở Pari chủ yếu bàn về chấm dứt ném bom miền Bắc, nên mãi đến tháng 5-1969 Bộ Chính trị mới chính thức cử anh làm Cố vấn đặc biệt Đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn.

Nhiệm vụ chủ yếu của anh là tiến hành đàm phán mật, nhất là với Tiến sĩ Henri Kítxinhgiơ, Cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ từ tháng 2-1970 đến tháng 1-1973.

Trong vòng ba năm, đã có hàng chục cuộc họp bí mật, được tiến hành thành nhiều đợt, có đợt ngắn, có đợt dài, lúc liên tục, lúc đứt quãng, diễn ra rất khẩn trương, nhất là trong năm 1972.

Đầu năm 1972, tình hình có những diễn biến quan trọng trên chiến trường miền Nam, Mỹ đã rút hơn 40 vạn quân, chỉ còn khoảng 15 vạn, ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược rộng khắp, gây cho Mỹ - ngụy nhiều thiệt hại; ở Mỹ, phong trào chống chiến tranh đòi rút quân Mỹ về nước phát triển mạnh; trên quốc tế, chính phủ nhiều nước và dư luận rộng rãi ủng hộ mạnh mẽ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta; tại bàn

* Nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

đàm phán, Mỹ đã buộc phải chấp nhận những nguyên tắc cơ bản cho một giải pháp chính trị: chấm dứt chiến tranh, rút quân Mỹ về nước, tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, thừa nhận ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị và sẽ tiến hành tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam.

Tuy nhiên, ở miền Nam ta thắng lớn nhưng cũng bị tổn thất không nhỏ, đòi hỏi phải có thời gian để chấn chỉnh, củng cố và tăng cường lực lượng; ở Mỹ, Níchxơn ra tranh cử thêm một nhiệm kỳ tổng thống, vừa rêu rao "hòa bình trong tầm tay", hứa hẹn "rút quân về nước", vừa khẳng định phải là "hòa bình trong danh dự", "hòa bình trong thế thắng" nhằm lừa bịp dư luận đồng thời thỏa mãn cả phái bồ câu lẫn phái điều hâu trong giới cầm quyền ở Mỹ để thắng cử. Tình hình quốc tế cũng có phức tạp mới, nhất là sau khi Níchxơn thăm Trung Quốc (tháng 2-1972) và Liên Xô (tháng 5-1972).

Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị chủ trương chuyển hướng chiến lược đồng thời đẩy mạnh quân sự, chính trị trên chiến trường, ra sức lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, nhất là trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc Mỹ chấp nhận một giải pháp chính trị, chấm dứt chiến tranh theo những nguyên tắc cơ bản mà Mỹ đã chấp thuận trên bàn đàm phán, ta giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định, làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam sau khi Mỹ rút, tạo điều kiện và thời cơ thuận lợi cho cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Thực hiện ý đồ chiến lược của Đảng, trong một cuộc họp riêng đầu tháng 10-1972, ta đã đưa ra bản dự thảo: "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam". Phía Mỹ hoan nghênh thiện chí của ta và tuy có đưa ra những phản đề nghị, nhưng đồng ý lấy bản dự thảo của ta làm cơ sở để thảo luận và thỏa thuận.

Từ đây, cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán đã diễn ra gay go, quyết liệt, có lúc rất căng thẳng. Có những phiên họp kéo dài từ sáng sớm đến tối. Đặc biệt có phiên kéo dài từ 9 giờ 30

sáng hôm trước đến 2 giờ sáng hôm sau. Chẳng những tranh luận từng chương, từng điều của Hiệp định, mà có những lúc trao đi đổi lại từng câu, từng từ, có câu, từ tranh luận hàng tiếng đồng hồ vì câu, từ đó liên quan đến những nguyên tắc cơ bản của Hiệp định; có câu, từ phía Mỹ đã thỏa thuận hôm trước, phiên họp trước, nhưng hôm sau, phiên họp sau phía Mỹ lại đòi sửa đổi...

Trong thời gian đàm phán căng thẳng như vậy, anh em chúng tôi, những người phụ tá cho anh, rất lo lắng về sức khỏe của anh. Những phiên họp kéo dài, ngay chúng tôi cũng như thành viên đoàn Mỹ phụ tá cho ông Henri Kítxinhgiơ cũng phải thỉnh thoảng thay phiên nhau ra ngoài hoặc dùng cà phê đậm, nhưng anh thì vẫn tỉnh táo tranh luận với Henri Kítxinhgiơ. Những lúc anh nói về truyền thống chống ngoại xâm, về chính sách hòa hiếu của ông cha ta, với giọng trầm ấm, anh nói say sưa, đầy sức thuyết phục. Những lúc anh lên án Mỹ ném bom, bắn phá hủy diệt thành cổ Quảng Trị, ở An Lộc... hay tội ác của Mỹ - ngụy đối với nhân dân miền Nam, giọng anh sắc và đanh lại, như quan tòa đang vạch tội kẻ can phạm. Có lần, hình như không tự kiềm chế được, anh vừa nói to, vừa cầm bút chì thỉnh thoảng chỉ vào Kítxinhgiơ mà lên án. Còn Kítxinhgiơ, hình như cũng để tự kiềm chế, đã ngậm cán bút chì ngang miệng, mở to đôi mắt mà nghe. Tôi còn nhớ trước lúc nghỉ ăn trưa tại chỗ hôm đó, Kítxinhgiơ đã nói một câu: "Hiện giờ ông Cố vấn đàm phán với tôi thì ông nói như mắng tôi; sau này kết thúc đàm phán, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình rồi, thì ông mắng ai?", anh Thọ cười, rồi nghiêm nét mặt, đáp lại: "Xin ngài chớ quá nặng lời, lúc trình bày với ngài, tôi chỉ nói lên tiếng nói của nhân dân mà thôi". Có nhiều lần, nhất là sau khi Níchxơn đi Bắc Kinh và Mátxcơva, Kítxinhgiơ thường tỏ thái độ khiêu khích, mới vào họp đã hỏi ngay anh Lê Đức Thọ: "Ngài Cố vấn qua Bắc Kinh, Mátxcơva, chắc đã được nghe bạn của ngài thông báo về ý kiến của chúng tôi trong đợt đàm phán này". Không chần chừ, anh Thọ trả lời: "Chúng tôi chiến đấu chống quân đội

các ông trên chiến trường, cũng chính chúng tôi đàm phán với các ông trên bàn hội nghị. Bọn chúng tôi hết lòng ủng hộ chúng tôi, nhưng không làm thay chúng tôi". Có lần Kítxinhgiơ giở trò đe dọa là nếu phía ta không chịu sửa đổi một số điều trong dự thảo Hiệp định, thì Mỹ không thể tiếp tục chấm dứt ném bom miền Bắc và rút quân khỏi miền Nam được. Anh Thọ trả lời: "Đàm phán đạt kết quả phải do thiện chí của cả hai bên. Nay nếu các ông muốn tiếp tục chiến tranh, thì chúng tôi không có cách nào khác là sẽ tiếp tục chiến đấu đến cùng để giành thắng lợi. Hà tất ông phải đe dọa như thế!".

Có lẽ do những cuộc đối đáp trên, mà sau này, trong cuốn sách *Ở Nhà Trắng* xuất bản năm 1979, Kítxinhgiơ đã viết về anh Lê Đức Thọ như sau: "Ông bao giờ cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một vài lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng một cách khéo léo và tận tụy".

Trong thời gian đàm phán khẩn trương và căng thẳng như vậy, anh rất ít ngủ. Thường anh đi ngủ vào khoảng tám, chín giờ tối, nhưng đến một, hai giờ sáng, anh đã dậy, phòng anh sáng đèn, anh đi đi lại lại rồi ngồi vào bàn làm việc. Thông cảm giờ giấc của anh, chúng tôi cũng tranh thủ ngủ sớm và sẵn sàng làm việc về khuya lúc anh cần. Thường thì chúng tôi chuẩn bị điện báo cáo về nước về phiên họp vừa qua, dự kiến những điểm xin chỉ thị Bộ Chính trị, chuẩn bị nội dung và các phương án cho các phiên họp tiếp theo. Sau đó chúng tôi vào phòng mật, trao đổi ý kiến lần cuối và chờ anh. Những buổi làm việc trong phòng kín như vậy, anh không ngồi được lâu (anh không chịu được điều hòa không khí); độ nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi lại phải tắt điều hòa, mở cửa để anh dễ thở, sau đó mới đóng cửa, mở điều hòa và tiếp tục làm việc.

Những lúc chúng tôi tỏ vẻ nôn nóng khi đàm phán giậm chân tại chỗ, anh thân mật bảo chúng tôi: "Các cậu phải nhớ lời Bác Hồ: phải đúng thời cơ như kỹ thuật nấu cơm, sớm quá thì cơm sống, muộn quá thì cơm cháy". Anh cũng thường lấy lời Bác

Hồ đề nhắc nhở chúng tôi: "Các cậu vẽ ra bao nhiêu phương án cũng được, càng nhiều phương án càng tốt, nhưng phải nhớ lời Bác "dĩ bất biến, ứng vạn biến", cái bất biến là Mỹ phải rút hết quân, còn quân miền Bắc thì vẫn tiếp tục ở lại miền Nam".

Anh rất quan tâm đến cuộc sống của chúng tôi: Anh nhắc anh nuôi lo cho chúng tôi tô mì, cốc sữa, nhắc bác sĩ cung cấp gói thuốc, củ sâm; thấy chúng tôi phờ phạc vì thiếu ngủ, anh cười bảo: "Về Hà Nội, mình sẽ để các cậu tha hồ ngủ bù", nhưng rồi sức nghĩ điều gì, anh lại bảo: "Nói thế thôi, chứ đấu tranh hoàn thành Hiệp định đã khó, nhưng đấu tranh đòi đổi phương thi hành Hiệp định lại càng khó khăn, gian khổ hơn".

Cuộc đàm phán kéo dài đến 20-10-1972 thì hai bên đã thỏa thuận về toàn bộ văn bản Hiệp định, hai bên cũng thỏa thuận ngày 22-10, Mỹ chấm dứt ném bom trên toàn miền Bắc, từ ngày 21 đến ngày 23-10 Henri Kítxinhgiơ vào Hà Nội để ký tắt Hiệp định, ngày 27-10 sẽ công bố văn bản Hiệp định ở Thủ đô hai nước và ngày 31-10 sẽ ký chính thức tại Pari.

Nhưng Kítxinhgiơ đã không vào Hà Nội lại đòi có thêm cuộc gặp riêng để sửa đổi nhiều điều quan trọng trong Hiệp định. Để vạch trần thủ đoạn lật lọng của phía Mỹ, ta đã công bố bản dự thảo Hiệp định hai bên đã thỏa thuận và thư của Níchxơn gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định chấp nhận bản dự thảo Hiệp định. Ta cũng đã đề cao cảnh giác ráo riết chuẩn bị chiến đấu chống Mỹ ném bom trở lại miền Bắc. Sau khi đắc cử Tổng thống, Níchxơn cho sử dụng tối đa máy bay B52 ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố khác hòng buộc ta khuất phục, chấp nhận một giải pháp hòa bình theo yêu cầu sách lược của Mỹ. Bị thảm bại trong chiến dịch ném bom này, Níchxơn buộc phải chấp nhận ký kết Hiệp định Pari ngày 27-1-1973 với nội dung cơ bản như đã thỏa thuận với ta ngày 20-10-1972.

Hiệp định Pari được ký kết, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, là kết quả tổng hợp của

cuộc đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, trong đó yếu tố chiến trường có ý nghĩa quyết định nhưng đấu tranh ngoại giao đóng vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo và có tác dụng thúc đẩy, cổ vũ khí thế chiến thắng ở chiến trường. Anh Lê Đức Thọ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Bác Hồ và Bộ Chính trị đã tin cậy giao phó, góp phần quan trọng cùng quân dân ta "đánh cho Mỹ cút".

Hai năm sau, anh lại lao vào nhiệm vụ mới. Ngày 28-3-1975, theo sự phân công của Bộ Chính trị, anh Lê Đức Thọ vào chiến trường cùng các anh Phạm Hùng và Văn Tiến Dũng, thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - góp phần "đánh cho ngụy nhào" và "Bắc Nam sum họp".

Trong những ngày tháng của năm 2000 đầy những kỷ niệm hào hùng của Đảng và của dân tộc và cũng là kỷ niệm 10 năm anh vĩnh viễn ra đi, chúng tôi nhớ đến anh với niềm thương tiếc vô hạn.

Vâng, anh vĩnh viễn ra đi, nhưng anh Sáu ơi, tên anh, sự nghiệp cao cả và công lao to lớn của anh đối với Đảng và với dân tộc vẫn tồn tại mãi mãi.

LÊ ĐỨC THỌ, NGƯỜI CHIẾN THẮNG

Nguyễn Minh Vỹ*

"Ông Lê Đức Thọ trở lại Pari như là người chiến thắng chứ không phải là một người tử vì đạo". Đó là đầu đề cũng như nội dung chủ yếu của các bài báo của báo chí phương Tây, nhất là báo Mỹ, tường thuật buổi tiếp đón anh Sáu ở sân bay Buốcgiê đầu tháng giêng năm ấy (1973), sau trận Điện Biên Phủ trên không trên bầu trời Hà Nội - Hải Phòng trong 12 ngày đêm lịch sử cuối năm (từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972).

Quả thế, nhìn tám ảnh các báo đăng phóng to trên trang nhất khi Lê Đức Thọ từ trong máy bay bước ra đứng trên cầu thang chào đám đông đi đón tiếp, đến nay sau hơn 17 năm chúng tôi còn nhớ hình ảnh anh cao lớn, tóc bạc phơ, nụ cười mở rộng, tay phải đưa lên cao vẫy chào... Lòng chúng tôi, lòng bà con Việt kiều, lòng các bạn năm châu, nhất là các bạn Pháp, các đồng chí cộng sản Pháp, vô cùng xúc động, tự hào... Đúng là hình ảnh của con người chiến thắng, đàng hoàng, oai nghi chinh phục và thuyết phục mọi người. Phen này thì Níchxơn hết kế và kẻ đối thoại trực tiếp ở các cuộc gặp riêng với Lê Đức Thọ cũng không còn lẻo mép cách gì được nữa.

Nhân đây cũng xin nói một điều, ngay trên đất Pháp, ngay tại Pari, mà nêu chiến thắng của ta hạ 34 siêu pháo đài bay B52 là một "Điện Biên Phủ trên không" thì có phần nào không tế nhị chăng? Không, không có gì, vì chính đó là đầu đề của các báo toàn cầu chứ không phải là của báo ta. Hai nữa, đây lại là một điều thú vị đối với dư luận công chúng Pháp - vì ở Pháp, từ

* Nguyên: - Cố vấn đoàn đàm phán Pari về Việt Nam,
- Tổng cục trưởng Tổng cục Thông tin,
- Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương.

"Điện Biên Phủ" đã hầu như trở thành một danh từ thông dụng, có nghĩa là một thất bại không cứu vãn được của kẻ xâm lược. Chẳng những thế, từ "Điện Biên Phủ" còn trở thành một động từ "Điện - Biên - Phủ-ê" có nghĩa là đánh cho đối phương hay đối thủ một trận nốc ao, đo ván.

Đồng chí Lê Đức Thọ trở lại Pari trong tình hình sau khi quân và dân Việt Nam đã cho đối thủ của mình một trận đo ván - cho nên trong những cuộc gặp riêng cuối cùng để nhanh chóng đi đến hai bên ký tắt và sau đó bốn đoàn ký chính thức Hiệp định Pari, đối thủ của Lê Đức Thọ chỉ còn có cách ngồi nghe "bài giảng chính trị" về cuộc đấu tranh hàng thế kỷ của dân tộc Việt Nam để chống xâm lược trước kia và sau này từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, những người đảng viên cộng sản Việt Nam và những người lãnh đạo cộng sản bất khuất... Điều mà mỗi lần gặp riêng, anh Sáu vẫn có cái "tật" nói đi nói lại, mà Kítxinhgiơ rất ngán nhưng cứ phải nghe, nhất là lần này...

Cũng ghi thêm một chi tiết là anh Sáu đi nói chuyện ngoại giao với đối phương - giáo sư Trường đại học Havót của Hoa Kỳ - mà cũng gần như nói với cán bộ chúng ta, nghĩa là tiếng oang oang như ta đều biết và cũng chỉ mặt lên tay, thậm chí lần gặp sau khi trở lại Pari như người chiến thắng, còn nói thẳng ra rằng Kítxinhgiơ là kẻ nói láo! Và ngày ấy các báo phương Tây, trước tiên là báo Pháp đều truyền đi giai thoại là lúc Lê Đức Thọ đến gặp Thủ tướng Pháp Misen Đobrê để chào xã giao, trong câu chuyện thân tình, Thủ tướng Pháp đã hỏi anh Sáu là có thật như thế không, thì anh chỉ cười... Cái cười có thể giải nghĩa là đối với một kẻ xảo trá, tàn bạo kiểu ấy thì ở chiến trường đã thắng B52, ở bàn đàm phán ngoại giao cũng hạ đối thủ như hạ B52 vậy.

Và khi về đoàn, kể lại chuyện cho anh chị em nghe, anh đã cười - cười ha hả sau những lời nói oang oang, mặt đỏ lên:

- Ta là đại diện cho cả một dân tộc chiến thắng mà! Như báo phương Tây ghi đầu đề... Thế cũng là lịch sử ngoại giao thôi!

MỘT NHÀ ĐÀM PHÁN KIẾT XUẤT

Mai Văn Bộ*

Đầu năm 1970, lần đầu tiên Kítxinhgiơ gặp riêng Lê Đức Thọ với nhiệm vụ chung là cùng thương lượng Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nhưng hai người lại hoàn toàn khác nhau, đối lập nhau về tất cả mọi phương diện.

Trong hồi ký *Ở Nhà Trắng*, Kítxinhgiơ đã mô tả Lê Đức Thọ như sau:

"Tóc hoa râm, đường bệ, Lê Đức Thọ bao giờ cũng mặc bộ đại cán xám hoặc marông, đôi mắt to và sáng, ít khi để lộ sự cuồng tín đã thúc đẩy ông hồi mười sáu tuổi đi theo phong trào du kích cộng sản chống Pháp. Ông lúc nào cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một hai lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng của ông một cách tận tụy và khéo léo. Lê Đức Thọ tiếp tôi với một sự lễ phép có khoảng cách của con người mà ưu thế hiển nhiên đến mức không thể làm khác được bằng một kiểu lễ phép gần như sự hạ cố".

Còn Kítxinhgiơ thì sao?

Ngồi trước mặt Lê Đức Thọ, Kítxinhgiơ nổi bật lên là một nhân vật phản diện một trăm phần trăm, khuôn mặt tròn, đôi môi dày, nước da ngăm ngăm, thân hình vạm vỡ khiến người ta nghĩ đến một đô vật hơn là một nhà trí thức. Nếu là trí thức,

* Nguyên: - Tổng đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Cộng hòa Pháp,
- Cố vấn của Bộ trưởng Xuân Thủy tại Hội nghị Pari về Việt Nam.

Kítxinhgiơ chỉ có trí thức ở hai mắt, khi thì suy tư, khi thì thao láo nếu bị kích thích, sau cặp kính cận đặc biệt dày của ông ta.

Nhưng, chính sự đối lập toàn diện đó sẽ cột hai người vào nhau, bắt họ phải đấu tranh, mặt đối mặt, ăn miếng trả miếng, cho đến khi bức màn định mệnh buông xuống, như trong một vở kịch Hy Lạp.

*

* *

Tổ ý mừng vì được gặp ông Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, Kítxinhgiơ xin phát biểu trước. Ông nói gần một tiếng đồng hồ và khi chấm dứt, ông cười và xin lỗi bằng cách nói rằng các giáo sư Trường đại học Havót (cũng như ông) có thói quen nói 55 phút.

Dựa vào tình hình chiến sự mà ông còn cho là thuận lợi cho Mỹ ở miền Nam, Kítxinhgiơ đưa ra hai nguyên tắc:

- Bất cứ giải pháp chính trị công bằng nào cũng phải phản ánh tương quan lực lượng chính trị hiện có ở miền Nam.

- Chúng ta phải thừa nhận rằng không một bên nào có thể cho rằng bên kia sẽ từ bỏ ở bàn đàm phán những gì mà họ không thể chịu bỏ ở chiến trường.

Kítxinhgiơ cũng nói sau chiến tranh chấm dứt, Mỹ sẽ sẵn sàng giúp nhân dân Việt Nam - toàn thể nhân dân Việt Nam - đổi mới và xây dựng lại.

Buổi chiều, chủ yếu là dành cho bài phát biểu tổng quát của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ.

Đáp lại những lời phát biểu buổi sáng của Kítxinhgiơ, Lê Đức Thọ nói:

- Các ông quen đánh giá về tình hình chúng tôi không đúng với thực tế chiến trường hiện nay. Đó là quyền của các ông. Nhưng chúng tôi muốn nhắc lại điều này để từ đó các ông thấy phải đánh giá như thế nào cho đúng. Có đánh giá đúng thì giải quyết vấn đề mới đúng được.

- Không phải chúng tôi không có hy sinh mất mát lớn và cũng có nhiều gian khổ, nhưng chúng tôi đã thắng!

Chúng tôi đã thắng và các ông đã thất bại. Đến nay, các

ông chưa thấy sự thật khách quan. Do đó, các ông chưa muốn giải quyết vấn đề một cách nghiêm chỉnh. Níchxơn nói nhiều về Việt Nam hóa chiến tranh để thúc đẩy thương lượng. Có phải các ông định dùng Việt Nam hóa chiến tranh để làm sức ép ở bàn hội nghị không?

- Trước đây, hơn một triệu quân Mỹ và quân ngụy mà các ông đã thất bại. Bây giờ thì các ông làm thế nào mà thắng nếu chỉ để cho quân đội bù nhìn một mình tiến hành chiến tranh và chỉ có sự yểm trợ không thôi, thì làm sao các ông có thể thắng được?

- Có phải ông Níchxơn cử ông sang đây để nói chuyện riêng để giải quyết vấn đề hay thỉnh thoảng ông sang đây để thăm dò thế này thôi?

Lê Đức Thọ kết luận:

- Trong hai con đường hòa bình và chiến tranh, các ông nên chọn lấy một. Nếu các ông chọn con đường hòa bình thì chúng ta có thể giải quyết vấn đề một cách hòa bình và như ông nói, sau hòa bình lập lại, quan hệ giữa hai nước sẽ mở ra một trang sử mới.

Kítxingiờ hoan nghênh sự thẳng thắn của Lê Đức Thọ.

Thế là một diễn đàn mới đã xuất hiện, mỗi bên một hoặc hai người có thẩm quyền gặp riêng, thường xuyên di chuyển, giữ bí mật, cho đến khi nào tìm được giải pháp chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Sau gần bốn năm diễn ra các cuộc gặp riêng, trong điều kiện so sánh lực lượng trên chiến trường và dư luận thuận cho ta, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đưa ra dự thảo mới "Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam".

Ngày 8-10-1972, Lê Đức Thọ phát biểu, trình bày nội dung cụ thể của dự thảo Hiệp định đó gồm 10 chương, 23 điều khoản nhằm mục tiêu *chấm dứt sự dính líu về quân sự của Mỹ và chỉ nêu lên một số nguyên tắc về vấn đề nội bộ Việt Nam*.

Lê Đức Thọ nói: "Để bảo đảm nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình và để tỏ thiện chí của chúng tôi, hôm

nay chúng tôi đưa ra đề nghị mới cả về nội dung và cách đàm phán rất thiết thực và đơn giản như sau: trên cơ sở 10 điểm của chúng tôi và 10 điểm của các ông, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ sẽ thỏa thuận và ký kết "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam". Hiệp định này chỉ nhằm *giải quyết các vấn đề quân sự* (rút quân Mỹ, trao trả những người bị bắt, ngừng bắn có kiểm soát và giám sát quốc tế, hàn gắn vết thương chiến tranh); còn các vấn đề quân sự, chính trị của miền Nam Việt Nam thì chúng ta chỉ thỏa thuận về nguyên tắc chính.

Ngoài Hiệp định nói trên, hai bên sẽ ký một số văn bản thỏa thuận về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

... Trong khi đưa ra những đề nghị mới này, chúng tôi không để vấn đề chính trị miền Nam Việt Nam là vấn đề khó khăn kéo dài đàm phán của chúng ta nhằm nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân hai nước...".

Khi Lê Đức Thọ dứt lời, với một thái độ trân trọng, Kítxinhgiơ đứng lên tuyên bố:

- "Tôi hoàn toàn chia sẻ những ý kiến mà ông Cố vấn đặc biệt vừa phát biểu. Hai nước chúng ta phải đi đến hòa bình và hòa bình phải mở ra những quan hệ mới giữa hai nước chúng ta. Mối quan hệ đó là thay đổi tình hình đối địch giữa hai nước chúng ta trong nhiều năm qua. Căn cứ vào lời phát biểu và cách trình bày của ông Cố vấn đặc biệt, tôi nghĩ rằng các ông đã mở ra một trang sử mới trong thương lượng và có khả năng chúng ta có thể giải quyết sớm".

Dự thảo Hiệp định và cách đàm phán của ta đưa ra là rất thực tế và rất khách quan. Mỹ không thể không chấp nhận.

Ta phấn đấu giữ thời điểm thứ nhất do ta đưa ra ép Mỹ đạt được trong 3 cuộc gặp riêng các ngày 8, 9, 10 tháng 10-1972 thỏa thuận cơ bản về nội dung Hiệp định, sau đó đồng ý cho

Kítxinhgiơ vào Hà Nội để cùng hoàn thành việc giải quyết vấn đề Việt Nam và bàn các vấn đề khác mà hai bên quan tâm, thời điểm thứ hai: ký kết Hiệp định vào ngày 20-10.

Kítxinhgiơ một mặt thừa nhận các văn kiện do ta đưa ra ngày 8-10 là rất quan trọng và tin là có thể thỏa thuận được, nhưng lịch do Kítxinhgiơ đưa ra lại kéo tới ngày 25, 26 tháng 10 mới ký Hiệp định.

Tuy nhiên, đoàn vẫn cho rằng có nhiều dấu hiệu Mỹ muốn vượt bầu cử. Đoàn đề nghị nắm chắc chủ động về thời điểm và cách đàm phán, không cho Mỹ kéo dài các vấn đề tồn tại. Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng để nếu Mỹ không chịu ký kết thì ta kịp chuyển sang tấn công công khai.

Đợt gặp riêng này rất căng thẳng, có cuộc gặp kéo dài từ 9 giờ ngày 11-10 đến 2 giờ sáng ngày hôm sau.

Cuối cùng, trước ngày 20-10, văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận mà bản thân Chính phủ Mỹ gửi công hàm cho Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xác định "Văn bản Hiệp định ngày 20-10-1972 có thể coi là đã hoàn thành".

Nhưng Thiệu cản đường Níchxơn. Thư của Níchxơn gửi cho Thiệu chẳng giải quyết được gì. Thiệu từ chối thảo luận với Kítxinhgiơ về nội dung Hiệp định mà Níchxơn cho là đã hoàn thiện.

Phát ngôn của Thiệu đòi xóa bỏ tên Chính phủ Cách mạng lâm thời, đòi rút quân miền Bắc...

Trên thực tế, Thiệu đòi Nam Việt Nam được coi như là một quốc gia riêng.

Trong cuộc thương lượng lại vào ngày 20-11-1972, Kítxinhgiơ cũng đề ra đến 16 vấn đề về thực chất cộng với 69 điều sửa đổi do Sài Gòn đòi hỏi. Nhìn một cách tổng quát thì Mỹ - ngụy đòi sửa đổi hầu hết các chương theo Hiệp định, nhất là các chương về ngừng bắn, rút quân và chính trị nội bộ miền Nam, gồm các vấn đề thực chất.

Sau này, Kítxinhgiơ viết trong cuốn hồi ký của mình:

"... khi tôi đề cập đến 69 điều sửa đổi do Sài Gòn đòi hỏi đó

là một sai lầm nặng nề về chiến thuật. Danh sách đó quá vô lý, nó vượt quá những điều mà chúng tôi đã dự tính công khai cũng như trong nội bộ và chắc chắn nó làm tăng thêm ý đồ vốn mạnh mẽ của Hà Nội giữ nguyên lập trường cũ của họ và đợi cho chúng ta ngẹt thở về thời gian mà quốc hội đề ra cho chúng ta. Nếu tôi đưa ra những yêu sách đó là cốt để cho người ta khỏi trách tôi không chú ý tới quyền lợi của Sài Gòn và để cho Thiệu dễ chấp nhận"¹.

Ngày 28-11-1972, báo cáo về đột gặp riêng từ ngày 20 đến ngày 23-11, Lê Đức Thọ và Xuân Thủy nhận định: "Mỹ đã thay đổi nội dung Hiệp định lật ngược lại vấn đề quan trọng coi như đàm phán lại. Chương nào cũng sửa đổi về thực chất như những yêu sách vô lý về rút quân miền Bắc, về giảm quân số, hủy bỏ quy định vùng kiểm soát... Do ta đấu tranh mạnh, Mỹ đã lùi trên một số vấn đề sửa đổi, nhưng vẫn ngoan cố giữ một số điểm rất quan trọng thuộc nội dung và thực chất của giải pháp, nhất là đòi ta rút một số lớn quân miền Bắc. Mỹ lại dùng thủ đoạn đe dọa rất láo xược. Mỹ muốn giành thêm lợi thế cho ngụy và đạt một giải pháp càng lợi cho Mỹ càng tốt".

Chủ trương của phía Việt Nam thời gian tới vẫn là: "Tiếp tục thực hiện phương hướng của Bộ Chính trị đã đề ra tranh thủ khả năng giải quyết sớm trên cơ sở đảm bảo yêu cầu đặt ra, đồng thời tích cực chuẩn bị khả năng chiến tranh kéo dài... Ngay từ bây giờ cần chuẩn bị sẵn sàng đối phó với trường hợp Mỹ liều lĩnh đánh phá trở lại miền Bắc".

Ngày 27-11-1972, Mỹ gửi công hàm đề nghị đàm phán trở lại. Đột gặp riêng lần này bắt đầu từ ngày 4-12 kéo dài tới ngày 13-12. Kết quả: ngoài những vấn đề tồn tại trong văn bản, quan điểm hai bên trong các Nghị định thư cũng xa nhau. Lê Đức Thọ và Kítxinhiơ thỏa thuận tạm ngừng các cuộc họp chính thức để hai bên về xin chỉ thị của Chính phủ mình.

Mỹ lật lọng, từ bỏ Hiệp định đã thỏa thuận, nêu những

1. H. Kítxinhiơ: *Ở Nhà Trắng*, bản dịch tiếng Pháp, Nxb. Fayard, 1979, tr. 1476.

sửa đổi quan trọng, thậm chí dùng cả B52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng suốt 12 ngày đêm để ép ta chấp nhận yêu sách của Mỹ. Nhưng pháo đài bay không lật được thế cờ. Lê Đức Thọ trở lại Pari trong ánh hào quang của trận *Điện Biên Phủ trên không*. Cần lưu ý: từ ngày 23-11-1972, Níchxơn điện cho Kítxinhgiơ: "thỏa thuận ngày 8-10-1972¹ là phù hợp với quyền lợi của chúng ta. Ông cần chú ý cải thiện được càng nhiều càng tốt những điều kiện của Sài Gòn nhưng điều quan trọng hơn cả là phải thừa nhận rằng thực tế cơ bản là chúng ta không có sự lựa chọn nào khác là đạt được thỏa thuận theo đường lối của các nguyên tắc ngày 8-10"².

Khách quan so sánh văn bản tháng 10-1972 và văn bản ký tháng giêng năm 1973, Việt Nam vẫn giữ nguyên được nội dung chủ yếu của văn bản ngày 20-10-1972.

Còn phía Mỹ được gì? Cuộc tập kích chiến lược khủng bố vô nhân đạo, tàn bạo bằng B52 chỉ làm ô danh nước Mỹ; hàng triệu người Mỹ cúi đầu vì xấu hổ và nghi ngờ sức khỏe tâm thần của tổng thống của họ. Đó là dư luận của chính nước Mỹ phê phán sự lật lọng của Mỹ.

Chính Kítxinhgiơ thừa nhận trong hồi ký của mình: "Điều đó có bổ công không? Những sự thay đổi liệu có đủ quan trọng để biện minh cho nỗi lo âu và cay đắng trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh không? Không, đối với chúng ta, hẳn rồi, gần như là chắc chắn đối với Sài Gòn mà sự sống sót, nói cho cùng, là cái cốt của chiến tranh"³.

Trước cũng như sau khi Hiệp định được ký kết ngày 27-1-1973, Níchxơn cho lập cầu hàng không chở thêm vũ khí đạn dược cho Thiệu. Thiệu bắt đầu chiến dịch "Tràn ngập lãnh thổ" đúng vào ngày ký Hiệp định.

Nhưng chế độ Thiệu đã sụp đổ tan tành vào ngày 30-4-1975.

Kết quả chung:

1. Thực ra là ngày 20-10 (T.G).

2. R. Níchxơn: *Hồi ký*, tr. 722.

3. H. Kítxinhgiơ: *Ở Nhà Trắng, Sdd*, tr. 1524 - 1525.

Việt Nam được gì?

Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước một lòng xây dựng lại một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hòa bình, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Còn Mỹ - Thiệu?

- Mỹ rút được quân, lấy được tù binh về nước.

- Mục đích của Mỹ - Thiệu là biến miền Nam thành một quốc gia riêng. Nhưng tham vọng điên cuồng đó là một hành động tự sát, đã rút ngắn thời gian sống sót của Thiệu. Cuối cùng, Níchxơn mất Thiệu, mất cả miền Nam.

*

* *

Anh Lê Đức Thọ đã góp công lớn vào sự thành công của Hiệp định Pari (đánh cho Mỹ cút) và góp phần vào thắng lợi vinh quang của dân tộc ta ngày 30-4-1975 (đánh cho ngụy nhào).

MỞ ĐỘT PHÁ KHẨU

Trung tướng Đoàn Chương*

Không ngờ một ít vốn tiếng Pháp học ở Trường Quốc học Huế lại đem đến cho tôi hai điều bất ngờ thú vị.

Lần thứ nhất, năm 1945 tại Quảng Trị quê tôi, sau khi khởi nghĩa (ngày 23-8) thắng lợi, cần người biết chữ Pháp để tiếp quản Ty Liêm phóng, tức Sở Mật thám Pháp, nơi có nhiều hồ sơ, tư liệu liên quan đến cách mạng. Thế là tôi được tiến cử cùng anh Lê Đình Thu vừa ra tù, tiếp quản nơi năm năm trước đó tôi bị mật thám Pháp bắt đến hỏi cung, sau một vụ rải truyền đơn. Giờ đây, tôi 18 tuổi, mặt còn "non choẹt" ngồi hỏi cung, đấu trí với mấy tên mật thám cáo già, sa cơ lỗ vận, trong đó có cả tên Mệ Yển trước đã cùng với Vidalen - trùm mật thám Quảng Trị hỏi cung tôi.

Lần thứ hai, năm 1968, tôi đang làm Cục phó Cục Chính trị Quân chủng Phòng không - Không quân, đang chuẩn bị đi nhận nhiệm vụ Chính uỷ Sư đoàn phòng không 377, đơn vị chuẩn bị vào Nam chiến đấu, thì được điện anh Phạm Ngọc Mậu, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị gọi sáng mai lên gặp.

Đúng hẹn, tôi đến phòng chờ, đã có anh Hồ Quang Hóa, anh Nguyễn Đôn Tự cùng đợi. Giữa lúc ba chúng tôi đang ngơ ngác chưa biết chuyện gì, thì anh Phạm Ngọc Mậu đến. Anh Mậu cho biết: "Bộ Chính trị cử anh Lê Đức Thọ làm Cố vấn đặc biệt cho phái đoàn đàm phán của Chính phủ ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam, anh Lê Đức Thọ lấy mấy cán bộ biết tiếng Pháp, tiếng Anh để giúp việc. Anh Thọ chấm ba cậu làm chuyên

* Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược quân sự - Bộ Quốc phòng.

viên quân sự". Rồi hướng về tôi, anh Mậu nói: "Anh Thọ biết cậu từ hồi làm thư ký của anh Nguyễn Chí Thanh. Cậu được cử làm tổ trưởng". Sau khi dặn dò những điều cần giữ gìn khi đi công tác nước ngoài, anh Mậu đặt cho mỗi người một bí danh và chỉ thị sáng hôm sau ra Ban Tổ chức Trung ương Đảng gặp anh Thọ để nhận nhiệm vụ.

Theo kế hoạch đã định, anh Lê Đức Thọ đi trước. Cùng đi có anh Xuân Oanh, công tác ở Ủy ban hòa bình thế giới của Việt Nam, rất giỏi tiếng Anh, đã nhiều lần đi công tác nước ngoài. Còn lại 8 người đi sau, trong đó ngoài 3 anh em cán bộ quân đội chúng tôi, còn có luật sư Trần Công Tường và cô Nga, nhân viên têlêtip.

Đoàn 8 người chúng tôi bay đến Mátxcơva, thì các đồng chí ở Bộ Ngoại giao Liên Xô cho biết ở Pháp tháng 5 này đang có đình công tại các sân bay dân dụng, nên bạn đã bố trí cho anh Lê Đức Thọ đi chuyên cơ đáp xuống sân bay quân sự của Pháp, còn đoàn 8 người chúng tôi phải đợi thu xếp đi máy bay dân dụng sang Bỉ, rồi từ Bỉ đi ô tô sang Pháp.

Theo kế hoạch bố trí của bạn, khi đoàn 8 người chúng tôi xuống sân bay Brúcxen (Bỉ), cả sứ quán Liên Xô tại Bỉ ra đón "cho thêm phần trọng thị" như bạn nói. Cũng vì thế mà gây nên sự chú ý và tò mò của lũ khách và nhân viên sân bay đổ ra xem "người Việt Nam dám đánh Mỹ". Ăn trưa xong, hai xe Hải âu, một do Bí thư thứ hai Đại sứ quán Liên Xô tại Bỉ lái, một chiếc nữa chắt từ Pháp sang cũng do một đồng chí Liên Xô lái đưa chúng tôi đi Pháp. Cả hai xe đều có biển số mang ký hiệu CD (tức ngoại giao đoàn).

Chẳng mấy chốc mà xe vượt qua biên giới Bỉ - Pháp trong sự ngỡ ngàng của chúng tôi, vì biên giới ở đây không có núi non hiểm trở mà hai nước chỉ cách nhau có một con đường. Dọc theo xa lộ thênh thang, hai xe Hải âu gắn biển số "ngoại giao đoàn" nhưng không có cờ, gây sự chú ý đối với mọi xe qua lại. Chúng tôi lưu ý những tình tiết thú vị: nhiều xe vượt qua xe chúng tôi rồi, nhưng sau khi biết đoàn ngoại giao Việt Nam thì chậm lại,

nhường cho xe chúng tôi đi trước, nhất là xe của các bạn da màu, rồi nối đuôi theo sau, cùng dừng lại giải khát ở các cây xăng bố trí cách nhau 50 km dọc xa lộ. Ở đây bạn bè quốc tế rồi rít bắt tay chào mừng, xin chữ ký, chụp ảnh, v.v.. Cảm động nhất là có một bà người Québec (Canada) ôm cô Nga vào lòng khóc mếu máo: "Con ơi! khổ lắm! gầy lắm!", mà đúng là cô Nga gầy thật vì cô vừa đi mổ dạ dày xong mấy ngày trước ngày đi công tác. Bà ấy lấy trong túi ra một tờ báo Canada có in ảnh một hầm trú ẩn có trồng hoa trên nắp hầm, rồi hết lời ca ngợi cuộc chiến đấu anh hùng chống Mỹ của nhân dân ta. Xem kỹ bức ảnh thì đó là dãy hầm phòng không ở vườn hoa Hàng Đậu, Hà Nội vì nó ngay cạnh cái tháp nước.

Chúng tôi về đến Pari giữa lúc thành phố đã lên đèn, Pari đúng là "thành phố của ánh sáng". Xe của cơ quan Tổng đại diện ta tại Pháp đến Đại sứ quán Liên Xô tại Pháp đưa chúng tôi về trụ sở của phái đoàn đàm phán của ta đóng ở Trường Đảng Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp.

Thế là tôi trở thành tân binh ngoại giao. Cũng may trước công việc mới và ở nơi xa xứ này, vẫn có nhiều người quen biết. Ngoài anh Lê Đức Thọ, còn có anh Xuân Thủy, anh Hà Văn Lâu, anh Phan Hiền, anh Nguyễn Thành Lê,... đều là những anh đã quen biết từ lâu.

Tổ chuyên viên quân sự chúng tôi với tổ chuyên viên chính trị của anh Phan Hiền thành bộ phận phương án trực tiếp làm việc với anh Thọ. Mỗi khi họp bộ phận phương án thường phải vào buồng mật cách âm mà các đồng chí công an thiết kế một cách đặc biệt để chống nghe trộm. Nhưng anh Thọ có bệnh huyết áp cao, nên vào họp một hồi, mặt đỏ lên, phải ra ngoài. Vì vậy mà anh Thọ hay bố trí ra dã ngoại bất ngờ, nay dừng nơi này, mai thay nơi khác, để họp chớp nhoáng, tránh tai mắt tình báo. Cũng nhờ thế mà chúng tôi quen thuộc rừng Bulônơ, rừng Vauxen, v.v. khá đẹp của Pari.

Anh Lưu Văn Lợi và anh Nguyễn Anh Vũ đã dành một

công trình hơn 500 trang, khổ 16 x 24cm để viết về cuộc đàm phán Pari về Việt Nam dưới tiêu đề *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari*. Sau 30 năm nhớ lại những ngày đầu tôi ở bên ấy, tôi thấy đúng là "vạn sự khởi đầu nan", và trong ngoại giao, đánh thắng trận đầu cũng rất quan trọng.

Gặp giao nhiệm vụ và đồng viên chúng tôi, anh Sáu Thọ nói đại ý: "Tôi cũng như các cậu, đều là tân binh ngoại giao. Đánh Mỹ trên chiến trường đã khó, đấu với Mỹ trên bàn đàm phán chắc không phải dễ. Phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, học hỏi. Ở đây xa Trung ương nên phải tập thể bàn bạc cho kỹ và Trung ương ở xa nên ta phải chủ động nghiên cứu đề xuất...". Đồng thời không quên nhắc nhở: nắm chắc tình hình chiến sự và báo cáo kịp thời.

Sau Tết Mậu Thân, với Hội nghị Pari về Việt Nam, ta đã buộc được Mỹ ngồi vào bàn thương lượng đúng như kế sách "vừa đánh, vừa đàm" mà Nghị quyết Trung ương 13 đề ra. Nhưng phản ánh tương quan lực lượng thực tế, không phải mọi việc đều "thuận buồm xuôi gió" mà phức tạp, gay gắt ngay từ thủ tục ban đầu.

Trong giai đoạn đầu, cả hai bên đều tranh thủ tuyên truyền lập trường của mình và tìm hiểu đối phương. Ta nhất mực hai điểm: một là nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của chiến tranh Việt Nam là từ chính sách xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ và hai là chấm dứt ném bom vô điều kiện, sau đó sẽ bàn các việc có liên quan. Đối lại, Mỹ cho rằng miền Bắc xâm lược miền Nam và đòi "có đi có lại". Giằng co như hai võ sĩ vờn nhau trên võ đài.

Hariman, Trưởng đoàn đàm phán của Mỹ trong giai đoạn đầu, có lúc nói đại ý: "Tôi đã làm ngoại giao 40 năm, đã từng là nhân vật số 2 tại Hội nghị Yalta đàm phán với Xtalin, Xtalin rất "cứng rắn" nhưng vẫn "có đi có lại". Các ông còn "cứng rắn" hơn Xtalin, vì trước sau các ông chỉ một mục chấm dứt ném bom không điều kiện sau đó sẽ bàn các việc có liên quan. Tuy nhiên các ông là những người có thể nói chuyện được, vì các

ông có phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, không như Khorút xốp rút giày đạp trên diễn đàn Liên hợp quốc hay như ở Bàn Môn Điếm, người ta cựa chân ghế đoàn Mỹ cho thấp xuống...".

Có những cái ta không để ý, chẳng hạn như cái cười. Bình luận về cái cười của anh chị em đoàn ta, báo chí Anh hồi đó viết: "cái cười" có ba ý nghĩa: *một là*, biểu hiện luôn luôn lạc quan dù phải chiến đấu rất gian khổ, *hai là*, khó hiểu vì đồng ý hay không đồng ý cũng cười và *ba là*, cười là rất dễ gần. Và người ta chú ý Hariman thì hiếm khi cười, trong lúc đó anh Xuân Thủy của ta luôn luôn tươi như hoa.

Có hôm Hariman gợi ý khéo muốn "có cái gì đó" để gây tín nhiệm với Tổng thống. Theo sự chỉ đạo của anh Thọ, đoàn thảo luận và đề nghị về nhà cho thả mấy tù binh nhân dịp Quốc khánh Mỹ, nhưng tránh để họ bị các nhà chức trách Mỹ giữ lại không cho về gia đình như các lần trước. Sau khi ở nhà chấp thuận, đoàn đã bắn tiếng cho Đại sứ quán Liên Xô tại Pháp để họ đánh tiếng cho phái đoàn Mỹ. Sáng hôm sau đến phiên họp thường lệ, Hariman nấn ná dò hỏi xem "phải chăng có cọng rơm trong gió". Ta cho biết ta sẽ thả 3 tù binh nhân dịp Quốc khánh Mỹ, Hariman cảm ơn rồi rút và hỏi một lần nữa chắc chắn không để điện về báo cáo Tổng thống. Ta trả lời khẳng định và cho biết sẽ mời đại biểu phong trào hòa bình Mỹ đến nhận để bảo đảm cho tù binh được trở về đoàn tụ gia đình. Sau khi Hariman báo cáo "lập công" với Tổng thống, ông ta thông báo lại: để thể hiện lập trường "có đi có lại", Mỹ sẽ thả 12 lính hải quân Việt Nam "đã vi phạm vùng biển khu phi quân sự".

Qua một thời gian tìm hiểu lẫn nhau, để cho cuộc nói chuyện đi vào thực chất, cần có một sự đột phá; tiếp xúc mật. Từ tiếp xúc cấp phó đoàn và chuyên viên để thăm dò và chuẩn bị tiến lên tiếp xúc cấp trưởng đoàn. Cuộc tiếp xúc cấp trưởng đoàn đầu tiên nên nói gì, nên bắt đầu từ đâu? Đó là chủ đề mà "hội đồng tham mưu" bàn bạc sôi nổi. Cuối cùng anh Thọ kết luận và nhấn mạnh lập trường của ta trước sau như một và đã nói nhiều rồi, bây giờ cũng phải nhắc lại, những điều quan trọng là nói rõ ta độc lập tự chủ. Theo kết luận ấy, tham mưu

cũng chuẩn bị, anh Thọ cũng chuẩn bị. Đến cuộc gặp, anh Thọ trình bày một mạch, vừa cứng rắn, vừa mềm mỏng. Đối phương tuy có bình luận ít nhiều nhưng chủ yếu là lắng nghe và yêu cầu họp kín một tuần nhiều lần. Điều tra kết quả phản ứng, anh Nguyễn Thành Lê cho biết đối phương hỏi "Phải chăng theo ông Thọ nói, chìa khóa của hòa bình là ở Hà Nội, chứ không phải ở Mátxcova hay ở Bắc Kinh?". Như vậy là họ đã nắm đúng ý của ta và đòi họp kín nhiều lần là đã "cắn câu".

Tiếp đó qua các cuộc tiếp xúc mật, khi ở bên ta, khi ở bên phía Mỹ, các cuộc đấu đá, mặc cả cụ thể sắp đi đến một thỏa thuận chung là Mỹ chấm dứt ném bom, sau đó họp bốn bên, có cả Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn. Bỗng nhiên đầu tháng 10-1968, Hà Nội có chỉ thị sang là buộc "Mỹ phải nói chuyện với Mặt trận" và "chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách" trước khi họp Hội nghị bốn bên, "thời gian họp Hội nghị bốn bên phụ thuộc vào việc Mỹ bàn với Mặt trận". Thật là gay gắt. "Hội đồng tham mưu" của đoàn bàn cãi rất nhiều thấy khó mà thực thi vì Mỹ tuy bị bức bách với bầu cử tổng thống sắp tới, nhưng thực tế chiến trường đợt 2 (tháng 5), đợt 3 (tháng 8) sau Tết Mậu Thân đều không thực hiện được kế hoạch, tương quan lực lượng thực tế không cho phép ép hơn được nữa, "già néo đứt dây". Anh Lê Đức Thọ suy nghĩ rất nhiều. Anh Thọ cử tôi về gấp báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị và điện gấp sang.

Tôi bay về Bắc Kinh, sau đó đi tàu hỏa về Hà Nội. Về đến nhà, tôi tức tốc đến gặp anh Nguyễn Duy Trinh để báo cáo, thì được biết anh Thọ cũng vừa về và đã báo cáo Bộ Chính trị. Mừng quá, tôi đến nhà gặp anh Thọ. Anh Thọ cho biết: "Sợ cậu về chậm quá, căng quá dễ lỡ việc, tớ bay cấp tốc về và đã báo cáo Bộ Chính trị chấp thuận ý kiến của đoàn, tớ đang cho điện sang cho anh Xuân Thủy". Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Anh Thọ nói: "Đạt được chấm dứt ném bom, sau đó họp bốn bên là đánh thắng trận đầu. Rồi đây họp bốn bên nhất định sẽ phức tạp khó khăn hơn nhiều, dù sao chấm dứt ném bom là đã mở được "đột phá khẩu"".

NĂM NĂM ĐÁNH - ĐÀM Ở PARI

Thiếu tướng Nguyễn Đôn Tự

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng cho Mỹ một đòn choáng váng và đặt Mỹ đứng trước nguy cơ thất bại thảm hại. Tổng thống Giôn-xơn đã phải tuyên bố sẵn sàng đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tìm cách rút ra khỏi cuộc chiến tranh. Chính phủ ta chấp nhận; cuộc đàm phán diễn ra ở Pari từ giữa tháng 5-1968.

Mỹ gây ra cuộc chiến tranh, dùng bộ máy quân sự khổng lồ hòng đè bẹp ý chí độc lập của dân tộc ta. Với ý chí kiên cường, chúng ta đã kiên trì đấu tranh, tổn nhiều xương máu để đánh bại ý đồ xâm lược của tên đế quốc số một trên thế giới. Nay ngồi vào bàn đàm phán để kết thúc chiến tranh với một kẻ thù chưa từng thua cuộc chiến tranh nào, tiềm lực lại còn rất lớn, là một công việc hết sức phức tạp đòi hỏi sự chỉ đạo phải sáng suốt, khôn khéo và tinh táo. Trung ương đã cử Bộ trưởng Xuân Thủy và Ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ, là hai người dày dặn trong đấu tranh cách mạng, để trực tiếp tiến hành cuộc đàm phán này. Đồng chí Lê Đức Thọ với cương vị Cố vấn đặc biệt của Đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn, nhưng chủ yếu đồng chí chủ trì đàm phán bí mật với Mỹ. Đây quả thực là một cuộc đấu trí quyết liệt, làm sao biến thắng lợi trên chiến trường thành thắng lợi trên bàn Hội nghị.

Nắm chắc tình hình địch, tình hình ta là việc đầu tiên mà đồng chí Lê Đức Thọ quan tâm. Theo chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Thọ, tổ quân sự trong phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm các cán bộ Cục Tác chiến, Cục Tình báo, có nhiệm

vụ phải liên lạc thường xuyên với Bộ Tổng Tham mưu để nắm tình hình mới nhất. Cuộc đàm phán trực tiếp với kẻ thù để chấm dứt chiến tranh đòi hỏi sự đánh giá tình hình chiến trường thật khách quan. Đồng chí Lê Đức Thọ đề ra những yêu cầu rất cao, Bộ Tổng Tham mưu phải huy động mọi khả năng để đáp ứng vì hiểu rằng đoàn đàm phán cần phải có đầy đủ tình hình các mặt. Từ tình báo chiến lược đến trinh sát trên chiến trường, đặc biệt nguồn cung tù binh là các giặc lái, đã giúp cho sự hiểu về địch khá rõ ràng.

Với tinh thần trách nhiệm cao trước sự hy sinh xương máu của đồng bào và chiến sĩ, đồng chí Lê Đức Thọ cùng lãnh đạo đoàn nắm chắc mục tiêu của cách mạng cũng như của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trước tiên ta đòi Mỹ chấm dứt *không điều kiện* ném bom và mọi hành động chiến tranh khác có liên quan đến vũ lực đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau đó mới bàn các vấn đề khác.

Ta đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc là chính đáng và có cơ sở, nhưng khi thấy Mỹ không chấp nhận và đàm phán kéo dài, nhiều nước bạn bè cho là ta đòi hỏi cao quá, Mỹ có tiềm lực rất mạnh, có thể kéo dài vô thời hạn việc ném bom, có người khuyên ta nên bỏ cụm từ "không điều kiện". Ta kiên trì giữ vững yêu cầu này, và sau sáu tháng vừa đàm phán công khai, vừa bí mật, Mỹ đã phải chấp nhận đòi hỏi của ta. Sau khi Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc không điều kiện, ta đồng ý họp hội nghị bốn bên. Đồng chí Lê Đức Thọ giao cho Tổ quân sự nhiệm vụ nghiên cứu rút kinh nghiệm các điều khoản quân sự của Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam, dự kiến các âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong cuộc đàm phán kết thúc chiến tranh, đánh giá tương quan lực lượng ở chiến trường, chỗ mạnh, chỗ yếu của mỗi bên, cuối cùng là dự thảo các điều khoản quân sự về ngừng bắn, rút quân về kiểm soát. Theo tư tưởng chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Thọ có thể có nhiều phương án đề xuất, nhưng cái bất biến là giữ quan điểm mấu chốt của vấn đề quân sự là Mỹ và chư hầu phải rút hết quân trong khi ta vẫn

giữ nguyên lực lượng ở miền Nam (không chấp nhận tập kết chuyển quân như Hiệp định Giơnevơ 1954).

Công việc chưa kịp bắt đầu thì sự kiện xảy ra ở Mỹ làm ta phải có phương án thích ứng mới: Níchxơn, khét tiếng điều hâu, trúng cử tổng thống trong cuộc bầu cử ngày 7-11-1968. Níchxơn là con người thế nào? Dưới thời Aixenhao, ông ta ủng hộ việc Mỹ ném bom và đưa quân vào giúp Pháp ở Điện Biên Phủ (nhưng không được chấp nhận). Năm 1962, ông ta đòi Kennơđý tăng cường cuộc chiến tranh chống nổi dậy ở miền Nam Việt Nam. Năm 1964, ông ta đề nghị đưa lực lượng vào tấn công Lào và Bắc Việt Nam. Năm 1966, ông ta đòi đưa ngay nửa triệu quân Mỹ vào miền Nam.

Ngay sau khi trúng cử tổng thống, Níchxơn qua trợ lý H.Robert Haldeman dọa dẫm ta: *"Tôi muốn Bắc Việt Nam hiểu là tình hình đã đến mức tôi có thể làm bất cứ điều gì để chấm dứt chiến tranh*. Chúng ta hãy bắt tin cho họ là Níchxơn đã chán ngấy chủ nghĩa cộng sản, không thể kiềm chế khi ông ta nổi giận và ông ta có quyền bấm nút hạt nhân. Như thế chỉ sau hai ngày, Hồ Chí Minh sẽ phải tự mình đến Pari để xin hòa bình". Níchxơn bổ nhiệm Kítxinhgiơ làm cố vấn an ninh quốc gia. Ông này cũng là điều hâu có tiếng, sau này đã được Níchxơn cử là đại diện Mỹ trực tiếp đàm phán bí mật với Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ. Với bản chất hiếu chiến của kíp Níchxơn - Kítxinhgiơ, Mỹ muốn đàm phán trên thế mạnh. Theo đánh giá của trong nước, Níchxơn không cưỡng được chiều hướng phải rút quân Mỹ, nhưng vẫn muốn ép ta trên chiến trường bằng ba biện pháp chiến lược là: *Một là*, đánh thẳng vào đầu não lãnh đạo của ta ở miền Nam và cơ quan lãnh đạo ở Hà Nội để khuất phục ý chí chống Mỹ. *Hai là*, đánh vào nguồn nhân lực, tức là gây thiệt hại nặng nề sinh mạng để cộng sản không còn khả năng tiếp tục chiến tranh. *Ba là*, đánh vào nơi xuất phát các tuyến tiếp tế, kể cả việc mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào và bịt cảng Hải Phòng. Ba biện pháp này bù đắp cho việc rút dần quân Mỹ khỏi miền Nam, tạo thế mạnh cho đàm phán.

Đúng như dự đoán, mới lên cầm quyền chưa được hai tháng, ngày 17-3-1969, Níchxơn đã bí mật ra lệnh ném bom trên lãnh thổ Campuchia, bất chấp mọi luật lệ quốc tế. Tuy nhiên, trước những tổn thất lớn và thế bí trên chiến trường và thái độ kiên quyết của ta cộng với sức ép ngày càng mạnh của phong trào chống chiến tranh ở Mỹ, ngày 8-6-1969, Níchxơn đã phải tuyên bố bắt đầu rút quân về nước từ tháng 7-1969.

Đầu năm 1970, Níchxơn nhận định điều quan trọng nhất lúc này là *phải chấm dứt cho được khả năng tấn công của "Việt cộng" ở chiến trường Nam Bộ*. Níchxơn nghĩ ngay đến việc tiêu diệt Trung ương Cục miền Nam và các tuyến hậu cần tiếp tế cho Nam Bộ đóng ở tỉnh Soài Riêng, Campuchia. Mỹ huy động 2 vạn quân Mỹ và tay sai đánh sang khu Mỏ Vẹt, Campuchia ngày 30-4-1970, mặc dù ngày 20-4-1970 Níchxơn mới tuyên bố rút 150.000 quân trong một năm. Cuộc hành quân quy mô lớn này được không quân Mỹ yểm trợ mạnh mẽ nhưng đã thất bại nặng nề vì ta đã di chuyển do dự kiến sẽ có cuộc hành quân này. Cuộc mở rộng chiến tranh sang Campuchia đã bị gần nửa triệu người biểu tình phản đối ở thủ đô Mỹ.

Các cuộc họp ở Clêbe chỉ có tác dụng tuyên truyền. Các vấn đề thực chất được bàn trong các cuộc gặp bí mật giữa đồng chí Lê Đức Thọ với Kítxinhgiơ. Từ tháng 2-1970 đến tháng 4-1970, có ba cuộc gặp, nhưng chưa đạt được một thỏa thuận nào. Trong hơn hai năm các cuộc họp bí mật coi như giậm chân tại chỗ trong khi mỗi bên đều tìm cách giành ưu thế trên chiến trường để có thế mạnh trong đàm phán.

Trước làn sóng phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam ngày càng mạnh, việc rút quân Mỹ không thể ngừng lại được, ngày 7-10-1970, Níchxơn tuyên bố đã rút 165.000 quân và sẽ rút 90.000 quân vào mùa xuân tới. Níchxơn rất lo ngại là trong khi Mỹ rút quân, nếu Bắc Việt Nam vẫn tăng viện được cho quân Giải phóng thì quân đội Sài Gòn có nguy cơ bị đánh tan rã. Vấn đề đặt ra là phải bịt đường mòn Hồ Chí Minh từ gốc phía bên Lào. Nhưng sau vụ đưa quân sang Campuchia, Quốc hội không cho

phép đưa quân Mỹ sang Lào, nên Níchxơn quyết định đưa quân đội Sài Gòn mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 ngày 8-12-1971 theo đường 9, mục tiêu là Tchéppôn, sâu vào đất Lào hơn 40 km. Đây cũng là một dịp để thử thách kết quả "Việt Nam hóa chiến tranh". Sài Gòn dùng hai sư đoàn có sự yểm trợ quy mô lớn của không quân Mỹ. Ta đã dự kiến trước cuộc hành quân này vì là ý đồ từ đầu của Níchxơn, ta cũng nắm rất chắc từ lúc chuẩn bị cho đến lúc triển khai mặc dù địch có nhiều hoạt động nghi binh. Ta đã giáng cho quân Sài Gòn một đòn chí mạng: tiến chưa được nửa đường đã bị thương vong trên 5.000 tên, xe tăng và thiết giáp bị phá nằm ngổn ngang trên đường, Mỹ huy động 600 máy bay lên thẳng cho cuộc hành quân này và thừa nhận 107 chiếc bị hạ. Ngày 30-3-1972, quân ta tiến công tỉnh Quảng Trị, mở đầu cho chiến dịch mùa Xuân quy mô lớn toàn miền Nam. Sau thất bại trên đường 9 Nam Lào, lần này quân Sài Gòn không chịu nổi sự tấn công của quân Giải phóng, Quảng Trị được giải phóng ngày 1-5-1972, nhiều đơn vị nguy ở các địa phương bị tiêu diệt hoặc bỏ chạy, hàng trăm đồn bốt ở đồng bằng sông Cửu Long bị tiêu diệt, công trình bình định ở nhiều tỉnh đông dân bị sụp đổ. Ở các tỉnh miền Trung, nhiều huyện được giải phóng. Mỹ bị bất ngờ về quy mô và thời gian của cuộc tấn công. Ngày 15-4-1972, Níchxơn cho ném bom trở lại miền Bắc, cho thả mìn ở các cảng và cửa sông ở miền Bắc.

Tháng 8, rồi tháng 9-1972, Kítxinhgiơ lại gặp đồng chí Lê Đức Thọ. Lúc này Mỹ đã thăm dòn tấn công giữa năm 1972 và cũng sắp đến ngày bầu cử tổng thống nên hai bên đều tỏ ra mềm dẻo để có thể đi đến thỏa thuận. Vấn đề chính của ta là Mỹ không đòi rút quân miền Bắc nên ta cũng không đòi giải tán chính quyền Thiệu mà để hai bên miền Nam sẽ bàn về việc thành lập Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Vấn đề không rút quân miền Bắc là vấn đề phức tạp và khó khăn nhất. Đồng chí Lê Đức Thọ đứng mũi chịu sào về vấn đề này, trách nhiệm rất lớn trước Đảng và nhân dân, sẽ chèo chống ra sao trước con người xảo quyệt thuộc loại nhất nước Mỹ là

Kítxinhgiơ? Sự chuẩn bị của cơ quan chỉ giúp được phần nào, bản thân đồng chí Lê Đức Thọ phải lao tâm khổ lực, tìm hiểu con người Kítxinhgiơ, chuẩn bị từ ý tứ đến câu chữ sao cho đối phương thấy rõ quyết tâm của ta là dứt khoát không có chuyện rút quân về miền Bắc, thấy rõ ý chí sắt đá của cả một dân tộc trong cuộc đấu tranh kiên cường không sợ hy sinh gian khổ của nhân dân Việt Nam, không phải chỉ ngày nay mà cả trong suốt hàng nghìn năm lịch sử. Sự kiên trì và khôn khéo của đồng chí Thọ đã từng bước lay chuyển Kítxinhgiơ, từ đòi rút toàn bộ quân miền Bắc, đến chỉ đòi rút quân chủ lực từ miền Bắc vào tham gia cuộc tấn công năm 1972, rồi chỉ đòi ngừng tiếp tế cho quân ở miền Nam và cuối cùng không còn nêu vấn đề rút quân miền Bắc!

Việc Mỹ chịu rút hết quân mà không đòi miền Bắc rút quân là thắng lợi quan trọng nhất của ta, nhưng vẫn còn một nỗi lo: Níchxơn và đám diều hâu ở Nhà Trắng vẫn có tư tưởng đánh cho miền Bắc tan tành trước khi chấm dứt chiến tranh, vậy chúng có thể làm gì? Tất nhiên các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta đã lường trước các tình huống cần đối phó.

Ngày 20-10-1972, đồng chí Lê Đức Thọ thỏa thuận về bản dự thảo Hiệp định và dự kiến ký ngày 30-10-1972. Kítxinhgiơ chuyển ngay bản dự thảo cho Thiệu. Sau một ngày, Thiệu phản ứng quyết liệt, cho là Mỹ dọn đường cho cộng sản nắm quyền ở Sài Gòn, phản đối sự có mặt quân đội miền Bắc ở miền Nam, đòi khu phi quân sự phải là biên giới có bảo đảm, tóm lại là muốn thay đổi hẳn Hiệp định, muốn miền Nam là một quốc gia có chủ quyền. Tình hình trở nên phức tạp hơn khi Thiệu công khai lên án bản dự thảo Hiệp định và ra lệnh quét thật sạch, thật nhanh và không thương tiếc các tổ chức cộng sản. Ngày 26-10-1972, đài Hà Nội công bố bản dự thảo Hiệp định và lên án Mỹ đã lật lọng. Kítxinhgiơ lúng túng họp báo tuyên bố "hòa bình trong tầm tay, Hiệp định trong tầm nhìn".

Ngày 5-11-1972, Níchxơn trúng cử tổng thống nhiệm kỳ hai, muốn chấm dứt chiến tranh trước ngày nhậm chức 20-1-1973 nên Kítxinhgiơ chuyển cho đồng chí Lê Đức Thọ 69 điều bổ

sung của Thiệu vào bản dự thảo Hiệp định. Trong cuộc họp lại, đồng chí Lê Đức Thọ đã có thái độ cứng rắn. Mỹ muốn lật lại bản Hiệp định. Ngày 13-12-1972, đồng chí Lê Đức Thọ trở về nước. Ngày 14-12, Níchxơn gửi tối hậu thư cho ta đòi ta phải đàm phán nghiêm chỉnh trong vòng 72 giờ (ngày 18-12 ta mới nhận được), đồng thời chỉ thị cho đô đốc Thôm Morơ, Chủ tịch Tham mưu trưởng Liên quân tiến hành chiến dịch mang danh Linebacker 2, dùng B52 và các loại máy bay chiến đấu ném bom nhiều khu vực ở miền Bắc Việt Nam, chủ yếu là Hà Nội và Hải Phòng. Đây là cuộc ném bom dữ dội nhất đối với miền Bắc, bắt đầu từ ngày 18-12-1972, chấm dứt ngày 30-12-1972. Dùng B52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng là biện pháp chiến lược cuối cùng mà Níchxơn rắp tâm từ lâu nhằm đánh vào quyết tâm chống Mỹ của ban lãnh đạo ở Hà Nội, biểu dương sức mạnh của Hoa Kỳ để răn đe mọi phiêu lưu quân sự sau này của đối phương, đồng thời trấn an tinh thần ngụy quân, ngụy quyền đang có nguy cơ sụp đổ. Nhưng Níchxơn đã tính lầm, sức mạnh của vũ khí không bao giờ đè bẹp được ý chí của người Việt Nam, trái lại không quân chiến lược của Mỹ bị giáng cho một đòn thất bại nặng nề chưa từng có trong lịch sử nước Mỹ. Xét toàn cục trên chiến trường kể từ khi Níchxơn làm tổng thống, ba biện pháp chiến lược lớn mà Níchxơn và đám điều hâu ở Nhà Trắng cũng như Tham mưu Liên quân hy vọng sẽ thay đổi thế chiến lược đều đã thất bại thảm hại: cuộc tấn công sang vùng Mỏ Vẹt ở Campuchia, cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh sang đường 9 Nam Lào và cuộc dùng B52 ném bom Hà Nội, Hải Phòng. Công tác bình định võ từng mảng lớn. Tiền viện trợ Mỹ giảm làm suy yếu chính quyền và quân đội Sài Gòn, cuộc tấn công của ta năm 1972 đã chứng minh ngay với hỏa lực rất mạnh của không quân và hải quân Mỹ, quân Sài Gòn không chống đỡ nổi, nhiều đơn vị bị tiêu diệt, nhiều vùng rộng lớn được giải phóng. Có thể nói sự phối hợp chiến trường với bàn hội nghị thật đẹp, khiến Níchxơn và những kẻ hiếu chiến nhất ở Mỹ cũng phải bó tay, biện pháp chuẩn là thượng sách!

Tình hình chính trị nội bộ ở Mỹ cũng rất rối ren. Nhiều nghị sĩ điều hâu nay thay đổi thái độ, đòi Níchxơn mau rút ra khỏi cuộc chiến tranh. Hạ viện muốn thông qua luật để buộc Tổng thống phải chấm dứt chiến tranh. Nửa triệu dân Mỹ biểu tình ở Hoa Thịnh Đốn phản đối cuộc hành quân sang Campuchia. Bản thân Níchxơn đang đau đầu về vụ Oatơghết.

Căn cứ vào sự đánh giá tình hình như trên, lãnh đạo ta thấy việc Mỹ phải rút khỏi Việt Nam là không thể đảo ngược và sớm muộn Mỹ phải ký Hiệp định. Chúng ta đồng ý với đề nghị của Mỹ tiếp tục cuộc đàm phán sau khi Mỹ ngừng ném bom. Cuộc họp Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ diễn ra ngày 8-1-1973 lại là cuộc gặp gay gắt nhất, đồng chí Lê Đức Thọ phê phán Mỹ kịch liệt về hành động tráo trở, thô bạo của Mỹ. Mỹ phải rút những điều mà Thiệu đưa ra trước đây, ta giữ nguyên những nguyên tắc cơ bản của dự thảo ngày 20-10-1972 đã thỏa thuận. Níchxơn tuyên bố: "Cuối cùng là chúng ta đã đạt được hòa bình trong danh dự!" và gửi tối hậu thư cho Thiệu buộc phải chấp nhận Hiệp định.

Ngày 23-1-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và trợ lý Tổng thống Mỹ Kítxinhgiơ ký tắt và ngày 27-1-1973 đã được bốn bên ký chính thức ở Pari.

Cuộc đàm phán Pari kéo dài gần 5 năm đã kết thúc. Đồng chí Lê Đức Thọ cùng Bộ trưởng Xuân Thủy và Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình đã kiên trì đấu tranh, giữ vững lập trường, kết hợp chặt chẽ giữa chiến trường và bàn Hội nghị. Chúng ta đã không lùi bước trước bất kỳ sức ép nào, sự đe dọa nào. Trước sau chúng ta luôn tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng. Ở đây cần nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Thọ, một nhà lãnh đạo giàu kinh nghiệm, một nhà ngoại giao tầm cỡ lớn.

Trong cuộc đấu trí quyết liệt với Mỹ, đồng chí Lê Đức Thọ là người rất tôn trọng nguyên tắc, rất kiên nhẫn bảo vệ quan điểm của mình, thường coi trọng tin tình báo chiến lược, giúp anh thêm cơ sở để suy nghĩ, tính toán. Anh đã ở chiến trường

nhiều năm, rất nhớ địa danh các địa phương, hiểu đặc điểm một số đơn vị, thậm chí tính tình các vị chỉ huy.

Hiệp định Pari được ký kết, nhân dân cả nước và nhiều nước trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh. Chúng tôi rất vui mừng là đã tới đích của một chặng đường quan trọng. Điều chúng tôi khoái nhất là đạt được không phải rút quân miền Bắc khỏi miền Nam. Đạt được điểm này, chúng ta nắm chắc phần thắng trong tay. Thực tế đã diễn ra như vậy và hơn hai năm sau, chúng ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Người có công lớn cùng với quân và dân ta thực hiện lời Bác Hồ "đánh cho Mỹ cút" qua Hiệp định Pari, lại đã góp phần vào "đánh cho ngụy nhào" qua cuộc Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đó chính là đồng chí Lê Đức Thọ thân yêu của chúng ta.

TIẾNG CƯỜI LÊ ĐỨC THỌ

Lý Văn Sáu*

Tôi về công tác tại Ban miền Nam, trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng, được thành lập cuối năm 1973, sau Hội nghị Trung ương lần thứ 21. Người Trưởng ban đầu tiên của Ban này là anh Sáu. Đây là lần thứ hai tôi được làm việc "dưới trướng" của anh, sau những năm tháng Hội nghị Pari về Việt Nam. Mặc dầu bận lo toan nhiều việc trọng đại, anh vẫn thường đến 58 Quốc Tử Giám, trụ sở của Ban. Điều quan tâm của anh là chỉ vẽ cho chúng tôi phương pháp tư duy về tình hình miền Nam và phong cách làm việc, anh không chỉ đạo công việc cụ thể của từng Vụ trong Ban mà chỉ vạch ra chủ trương, đường lối rồi để anh em tự làm. Làm việc với anh vì vậy ai cũng rất thích, đồng thời cũng rất lo. Thích vì anh dạy bảo cho chúng tôi nhiều điều bổ ích, nhưng cũng lo vì anh thường "kiểm tra" nhận thức của chúng tôi và rất nghiêm khắc khi ai đó trong chúng tôi nhận thức sai lạc.

Tôi không bao giờ quên được cuộc họp cuối cùng anh dành cho chúng tôi trước khi anh lên đường vào Nam theo quyết định của Bộ Chính trị để cùng các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đã có mặt tại chiến trường chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, bước quyết định sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta.

Cuộc họp diễn ra tại Văn phòng Trung ương Đảng. Lúc ấy là lúc quân ta vừa đánh chiếm Phước Long, tỉnh lỵ đầu tiên của

* Nguyên: - Người phát ngôn cho đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị Pari về Việt Nam.
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban phát thanh - truyền hình Việt Nam.

ngụy quyền được giải phóng, gây sửng sốt lớn trong dư luận thế giới. Hôm ấy anh nghiêm trang khác thường, anh phân tích tương quan lực lượng trên chiến trường, thời cuộc trên chính trường Mỹ và nêu ra những khả năng diễn biến của tình hình, nhấn mạnh quyết tâm của Bộ Chính trị kịp thời nắm bắt thời cơ để giành thắng lợi lớn nhất. Có một đồng chí hỏi: Ta có chắc là Mỹ sẽ không can thiệp trở lại không và nếu có thì đối phó như thế nào? Anh bật lên tiếng cười to và sảng khoái, tiếng cười mà tôi đã được nghe trong một số trường hợp khác nhau, thường là vào những lúc thời cuộc đi đến những khúc ngoặt quan trọng, tiếng cười mà tôi muốn được gọi là *Tiếng cười Lê Đức Thọ* vì không phải ai cũng cười được như anh, và cười như anh vào những thời điểm như vậy. Tiếng cười giòn vang chấm dứt và anh nói: Làm cách mạng mà lúc nào cũng đòi nắm chắc tình hình rồi mới hành động thì không bao giờ làm cách mạng được. Người lãnh đạo không bao giờ nắm được toàn bộ tình hình, nếu nắm bắt được năm mươi phần trăm đã là giỏi, được bảy, tám mươi phần trăm là rất giỏi. Điều quan trọng là phải biết nắm tình hình đến đâu thì hành động, chờ cho đến khi biết hết rồi thì còn gì mà làm cho kịp nữa! Nói xong, anh lại cười, một tiếng cười độ lượng mà dứt khoát, rồi tiếp tục phân tích tình hình, dặn dò những gì chúng tôi phải làm trên mặt trận thông tin, tuyên truyền trong mỗi tình huống cụ thể... Anh dặn "phải luôn chủ động, phải mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm".

Anh Sáu là như vậy đó, anh là con người chiến lược, con người của tư duy và hành động cách mạng. *Tiếng cười của Lê Đức Thọ* tôi cũng được bắt gặp trong một trường hợp khác, tại Pari, vào giữa tháng Giêng năm 1973 khi ta và Mỹ đã hoàn thành về cơ bản Hiệp định Pari về Việt Nam. Đi đến được Hiệp định: "chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình", sau 5 năm đàm phán gay go, chúng tôi ai cũng mừng nhưng thú thật thì "trong bụng" rất lo. Lo vì tất cả những "yếu tố xung đột" vẫn còn đó, "thiện chí của Mỹ - ngụy" thì chúng ta đã quá biết và

con đường phía trước còn "ngổn ngang" và lắm chông gai. Trước ngày anh Sáu về nước để báo cáo với Bộ Chính trị, anh gặp mặt một số anh đoàn viên của hai đoàn. Có một đồng chí trong đoàn miền Nam "tâm sự", hỏi anh Sáu: Kháng chiến bấy nhiêu năm, xương máu đổ ra như vậy, đàm phán gần hai trăm phiên mà bây giờ ký kết thì Thiệu vẫn còn đó, vẫn còn "hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát", vậy thì còn phải hy sinh bao nhiêu nữa?

Thực vậy, theo Hiệp định Pari, ở miền Nam, Mỹ rút đi nhưng vẫn còn ngụy quyền, vẫn còn quân đội ngụy, vẫn còn vùng giải phóng của ta và vùng kiểm soát của địch. Câu hỏi này là câu hỏi thốt ra từ đáy lòng của một người con gái của miền Nam từng chịu tù đầy và bao nhiêu đau thương, mất mát. Câu hỏi này cũng là câu hỏi của nhiều người trong chúng tôi. Anh Sáu lắng nghe câu hỏi, anh xem chừng xúc động, rồi anh bỗng bật ra tiếng cười quen thuộc và sau một lúc, anh nắm tay người đồng chí và nói bằng một giọng trầm lắng: "Thế thì không ký kết là hơn à? Ký rồi ta lại tiếp tục cuộc đấu tranh chứ!". Sự lạc quan, sáng khoái của anh có sức mạnh lạ thường, làm cho mọi người có mặt cũng cười với anh, như được giải tỏa thắc mắc và được tiếp thêm nghị lực. Sự việc diễn ra sau đó càng chứng tỏ tính đúng đắn nhận định và tính kiên định chiến lược mà anh luôn thể hiện, cũng cho thấy, anh là người nắm vững tư tưởng của Bác Hồ: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Tiếng cười Lê Đức Thọ còn vang lên trong nhiều cuộc gặp riêng giữa anh, đại diện cho Việt Nam và Kítxinhgiơ, đại diện Tổng thống Mỹ. Những cuộc gặp này chúng tôi không được dự, nhưng theo các đồng chí có mặt kể lại, trước những lời lẽ đe dọa, thách thức của Kítxinhgiơ, anh luôn bình tĩnh rồi có lúc cười to, tiếng cười đặc biệt của anh và danh thép trả lời đối phương, dồn họ vào chỗ bí.

Đặc biệt chúng tôi được biết trong cuộc gặp riêng ngày 24-11-1972, theo kịch bản đã dàn dựng trước, ngay phút đầu Kítxinhgiơ đã "nổ súng", trình trọng đọc hai bức điện mà

Kítxinhgiơ nói là Tổng thống Níchxơn mới được tái cử đã "gửi riêng" cho ông ta.

Một bức điện có đoạn viết: "Tổng thống rất bức mình về giọng nói và thực chất của cuộc họp vừa qua với Lê Đức Thọ. Trong hoàn cảnh như vậy, nếu phía bên kia không tỏ ra biết điều, tôi - tức Níchxơn - ra lệnh cho ông (Kítxinhgiơ) ngừng đàm phán và chúng ta sẽ tiếp tục có những hoạt động quân sự cho đến khi những người đối thoại của chúng ta sẵn sàng đàm phán. Phải cho họ thấy là họ đã lầm nếu họ tưởng rằng chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải chấp nhận một giải pháp theo ý muốn của họ. Ông phải thông báo thẳng cho họ mà không mập mờ gì cả rằng: chúng ta có sự lựa chọn... Tổng thống không ngần ngại tiến hành những biện pháp mà ông ta cho là cần thiết để bảo vệ những lợi ích của Mỹ". Rõ ràng là một bức điện thảo ra để gửi đến cho chúng ta một "thông điệp", một lời đe dọa trắng trợn và xác xược.

Bức điện thứ hai còn hiếu chiến hơn, có đoạn: "Bây giờ bầu cử đã qua, chúng ta phải chú ý đến những hy sinh của không biết bao nhiêu người từ trước tới nay và phải làm những gì cần phải làm dù có buộc chúng ta phải trả giá rất đắt trước dư luận...".

Anh Sáu đã bình tĩnh nghe đến cùng hai bức điện, cất tiếng cười quen thuộc rồi chậm rãi nói bằng một giọng đanh thép: "Chúng tôi biết giờ phút này là quyết định lắm. Chúng tôi có trách nhiệm với nhân dân, với Tổ quốc chúng tôi. Chúng tôi biết nếu chiến tranh tiếp tục nữa thì tổn thất rất lớn, nhưng nhân dân chúng tôi không thể chấp nhận một Hiệp ước đầu hàng trá hình. Nếu không giải quyết được thì tất nhiên chúng tôi phải chiến đấu, dù muốn hay không muốn".

Trong những năm Hội nghị Pari, tôi "thủ vai" một trong những người phát ngôn cho đoàn đại biểu của Mặt trận Dân tộc giải phóng và từ tháng 6-1969 là của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Với công tác này, chúng tôi đã có những dịp được gặp anh để xin ý kiến hoặc để nghe anh nhận xét về những câu trả

lời của chúng tôi. Thường là anh rất thoải mái, độ lượng và phóng khoáng. Anh nói: "Các cậu cứ mạnh dạn mà phát biểu, không phải việc gì cũng xin ý kiến, như vậy còn gì là tư thế người phát ngôn". Những lần chúng tôi có câu trả lời "hay" và anh được thư ký báo cáo, anh thường cho gọi đến vở vai "Trả lời như thế là được". Lời khen của anh "dè xẻn" lắm nhưng tiếng cười cất lên sau đó được chúng tôi xem là sự đánh giá lớn nhất.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi còn có thời gian được gần anh tại "làng Đại học" Thủ Đức. Lúc này ta đã giành toàn thắng, nhưng công việc còn bề bộn, mỗi lúc lại có các đồng chí đến xin ý kiến anh. *Tiếng cười Lê Đức Thọ* giòn giã nhất mà tôi nghe được là lúc anh ôm hôn Bác Tôn khi Bác xuống máy bay tại Tân Sơn Nhất. Hôm đó trời nắng đẹp, Bác Tôn và anh hôn nhau, vừa vui mừng vừa xúc động, Bác Tôn nhẹ tay lau nước mắt còn anh cất tiếng cười thân quen, đôi mắt sáng và hàm răng sáng bóng mở rộng.

Anh Sáu ra đi đã mười năm¹, nhưng tiếng cười của anh, tiếng cười của một con người cách mạng lạc quan, sáng suốt, kiên định trong mọi tình huống luôn vang vọng trong tôi như một kỷ niệm không thể quên về một người cộng sản chân chính.

1. Năm 2000 (B.T).

ANH SÁU THỌ

Nguyễn Việt*

Trong đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari về Việt Nam, chúng tôi thường gọi đồng chí Lê Đức Thọ, Cố vấn đặc biệt là anh Sáu, gọi đồng chí Bộ trưởng Xuân Thủy là anh Xuân.

Tại Hội nghị Pari về Việt Nam, tôi có dịp được trực tiếp phục vụ hai anh hằng ngày, ít ra là mỗi buổi sáng, lúc họp "giao ban" trong "phòng mật".

Hồi đó, tôi là trợ lý của anh Phan Hiền, Trưởng Ban 2, về công khai, tôi là Chánh Văn phòng, về Đảng, tôi là Phó Bí thư Đảng uỷ của Đoàn.

Hôm nay tưởng nhớ đến anh Sáu kính yêu, tôi ghi lại mấy hình ảnh của cuốn phim kỷ niệm đang hiện lên trong tâm trí.

Cuốn phim từ trong tiềm thức lần lượt hiện ra không theo thứ tự thời gian.

Việc chuẩn bị cho Hội nghị Pari về Việt Nam diễn ra từ rất lâu. Ngày 7-5-1968, ngày kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, một số chúng tôi lên đường sang Pari với nhiệm vụ coi như đoàn tiền trạm.

Hôm đón anh Sáu từ Hà Nội sang, đông đảo cán bộ ta và Việt kiều có mặt trong niềm hân hoan. Quan chức ngoại giao của Pháp, nhiều Đại sứ trong đoàn ngoại giao cũng có mặt. Báo chí viết nhiều về anh Sáu. Tôi nhớ là báo *France Soir* (Nước Pháp buổi chiều) chú thích dưới tấm ảnh anh Sáu "Trong bộ quần áo

* Nguyên: - Trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,
- Đại sứ Việt Nam tại Bắc Âu và Nam Âu.

giản dị, ông Lê Đức Thọ có nụ cười của La Giôcôông" (một bức họa nổi tiếng thế giới của họa sĩ thiên tài Lêôna đờ Vanhxi).

Tôi không bình luận về lời chú thích của tờ báo nhưng đúng là nụ cười của anh Sáu cùng với ánh mắt anh cùng cười theo là một nụ cười hồn nhiên tỏa ra sự thông minh, đôn hậu, nhân ái. Hôm đó, anh Sáu mặc bộ đại cán, mà gần như anh chỉ luôn mặc đại cán. Có lần, đến báo cáo với anh ở nhà riêng, vì làm việc kéo dài, tối giờ ăn, tôi xin về. Anh giữ lại ăn cơm, bữa cơm thật đơn giản. Trong bữa ăn, anh bảo bây giờ không nói chính trị và hỏi tôi về tình hình địa phương vì anh biết làng tôi cách làng anh là làng Địch Lễ chỉ mấy kilômét.

Anh nói: "Làng tôi dọc suốt đến làng cậu đều nghèo, nông dân còn thiếu thốn quá, dù cho huyện Nam Trực ta cũng là một thí điểm chỉ đạo của nông nghiệp, nông dân hiện nay còn vất vả hơn công nhân. Công nhân còn có tem phiếu, nông dân không có...". Anh hỏi thăm gia đình tôi rồi vui miệng anh nói về gia đình anh: "Ông cụ sinh ra tôi làm nghề trồng hoa, cây cảnh. Ông bác thì làm quan. Ba anh em tôi đều sớm đi làm cách mạng từ lúc nhỏ, đều sớm bị Tây nó bắt bỏ tù".

Trong ba anh em của anh Sáu nay chỉ còn đồng chí Mai Chí Thọ. Đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Đinh Đức Thiện đã qua đời. Tôi đã đọc quyển sách về công lao của đồng chí Đinh Đức Thiện, quyển sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia in ấn và phát hành... lòng tôi se lại nhớ tới anh Sáu.

Tôi đã có nhiều dịp nghe anh Sáu nói lại một số hội nghị về vấn đề xây dựng Đảng. Anh luôn nhắc nhở phải luôn luôn tự phê bình và phê bình để đoàn kết nội bộ tốt hơn. Trong đấu tranh nội bộ, phải có tình, có lý, không được thành kiến, chống chủ nghĩa cá nhân, chống chủ nghĩa cơ hội, cấm chỉ việc vui dập người khác để leo lên địa vị cao, phải biết chờ đợi nhau.

Công lao to lớn của anh Sáu Thọ đóng góp vào việc xây dựng Đảng ta quá rõ ràng, ai cũng biết. Tại đoàn ta ở Pari, mặc dù ngày đêm lo nghĩ về những vấn đề chiến lược to lớn, anh Sáu vẫn thường hỏi tôi về tình hình tư tưởng đảng viên, tư tưởng

anh chị em ngoài Đảng. Anh hỏi cụ thể: "Anh chị em suy nghĩ thế nào về mặt trận ngoại giao này?". Tôi trả lời và nói thêm anh chị em tin tưởng là ta sẽ thắng, rồi tôi nói về một chuyện vui có thật: anh em nói đùa với nhau rằng đoàn do anh Lê Đức Thọ, Cố vấn tối cao lãnh đạo - chứ Thọ là lâu dài, lại có anh Hà Văn Lâu cũng nghĩa là lâu dài.

Anh cười rất tươi rồi nói giọng sang sảng: "... hay đấy, các cậu nói vui thế mà gần đúng sự thật đấy. Mỹ ngoan cố lắm, xảo quyệt lắm...". Anh phân tích rất sâu về mặt quân sự như một vị tướng thao lược tài ba, rồi anh nói: "... Mỹ ngoan cố, Mỹ mù quáng tin vào sức mạnh của vũ khí. Ta có sức mạnh của dân, của Đảng, có sự lãnh đạo và chỉ bảo từng bước của Bác Hồ. Ta phải đánh cho Mỹ lùi từng bước. Nó sẽ đem hết sức ra để chống lại quân dân ta một cách dã man và liều lĩnh, điên cuồng. Nhưng ta sẽ giáng cho chúng nó những đòn nảy lửa có tính quyết định như ta đánh trận Điện Biên Phủ năm xưa thì ý đồ xâm lược của chúng mới lung lay và chúng mới chịu rút. Khi đó bọn ngụy sẽ đổ nhào. Các cậu nhớ mặt trận ngoại giao thực chất có thể nói là tấm gương phản ánh diễn biến quân sự trên chiến trường, đồng thời lại phối hợp với chiến trường hỗ trợ cho chiến trường. Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ ta cực kỳ quan trọng. Những đoàn của các tầng lớp nhân dân Mỹ mà tôi tiếp mấy ngày qua cho biết phong trào phản chiến đang lên và còn dâng cao mãi cho đến lúc ta toàn thắng... Ta có chính nghĩa, đó là một mặt của sức mạnh, ta phải làm cho chính nghĩa của ta tỏa sáng khắp thế giới...". Những điều anh Sáu nói cứ vang vọng mãi trong tôi. Ý kiến của anh đã được chứng minh qua quá trình diễn biến của chiến trường và của mặt trận ngoại giao.

Rồi vị tướng ngoại giao xuất sắc đó đã trở thành một trong mấy đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị được giao nhiệm vụ thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Tôi bồi hồi nhớ lại bài thơ đăng trên trang 2 của báo *Nhân Dân* mà anh Sáu làm tặng đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, mở đầu bằng câu: "Anh dặn ra đi, thắng mới về".

Tôi nao nao trong lòng khi tưởng tượng ra hình ảnh một đồng chí trong hàng ngũ các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng hồi đó, một Ủy viên Bộ Chính trị, mặc cho tuổi cao sức yếu, vẫn kiên quyết leo lên chốt nơi biên thù. Có đoạn cao và dốc quá, anh em can nhưng anh khẳng khái đòi lên đỉnh chốt bằng được. Có đoạn anh trèo, có đoạn anh em chiến sĩ trai tráng thay nhau cõng anh Sáu lên, và anh Sáu đã lên được đỉnh chốt.

Đến đây, tôi lại nhớ câu thơ: "Nước chấm đại dương, bát canh toàn quốc..." mà nhiều người thuộc cả bài.

Anh Sáu kính yêu! Chúng tôi là những đảng viên thế hệ sau, tuy nay cũng đã có tuổi nhưng vẫn luôn nhớ những lời anh căn dặn: "Chúng ta phải vững vàng vượt qua khó khăn, gian khổ đi theo con đường Bác Hồ đã vạch ra, phải tuân thủ và thực hiện từng câu, từng chữ Bác Hồ dạy bảo. Làm được như vậy, chúng ta sẽ thành công".

Thưa anh Sáu, chúng tôi không bao giờ quên lời anh căn dặn.

CỐ VẤN ĐẶC BIỆT LÊ ĐỨC THỌ

Trịnh Ngọc Thái*

Người ta biết anh Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo chính trị nhiều hơn là một nhà lãnh đạo về đối ngoại. Nhưng anh lại rất nổi tiếng về ngoại giao khi anh làm Cố vấn đặc biệt cho Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Pari về Việt Nam. Cũng không phải đó là lần duy nhất và đầu tiên anh làm công tác đối ngoại.

Năm 1964, Mỹ dựng lên cái gọi là "Sự kiện vịnh Bắc Bộ" để bắn phá miền Bắc, mở đầu cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Ngay từ ngày đầu, quân và dân ta đã đánh trả quyết liệt và bắn rơi nhiều máy bay Mỹ. Đồng thời với mặt trận quân sự, ta lên tiếng tố cáo Mỹ và kêu gọi nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta. Với kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp, ta đã xem mặt trận đấu tranh dư luận là một nhân tố quan trọng giành thắng lợi.

Năm 1965, nhận lời mời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, Đảng ta đã cử một đoàn đại biểu do đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu sang thăm Pháp. Lúc đó tôi đang công tác ở Ban Đối ngoại Trung ương Đảng cũng được cử đi cùng đoàn. Trong đoàn có các anh Trần Quang Huy, Lưu Văn Lợi, Mai Văn Bộ, Nhữ Thế Bảo... Bạn đã đón tiếp đoàn hết sức chu đáo và nhiệt tình, bố trí cho đoàn ở nhà khách của Đảng ở Ivry sur Seine, ngoại ô Pari, bố trí người tháp tùng, bác sĩ, bảo vệ, lái xe và người phục vụ. Người mà đoàn nhớ nhất là

* Nguyên: - Thư ký riêng của Bộ trưởng Xuân Thuỷ,
- Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng,
- Đại sứ Việt Nam tại Pháp, Hà Lan, Lúcxambua.

bà Eugène Rouet, lúc đó đã nhiều tuổi nhưng chăm sóc đoàn chúng tôi như người trong gia đình. Anh em trong đoàn gọi bà là Mammy. Sau này bà liên tục tham gia các hoạt động ủng hộ Việt Nam. Bà mất năm 2004 và trước thời điểm đó, tôi đã có dịp đến thăm bà tại nhà ở La Courneuve, ngoại ô Pari.

Hai Đảng lúc đó xem cuộc đi thăm Pháp của đoàn anh Lê Đức Thọ là một chiến dịch vận động dư luận thế giới, trước hết là dư luận Pháp, lên án Mỹ và ủng hộ nhân dân Việt Nam. Để đạt mục đích đó, bạn đã tổ chức cho đoàn tham dự nhiều cuộc mít tinh ở Pari, Mácxây và Lơ Havơ (một hải cảng lớn ở phía bắc nước Pháp), những nơi có đông đảo người lao động Pháp.

Tại các cuộc mít tinh, hàng nghìn bạn bè Pháp và Việt kiều đến đông kín cả phòng họp, có người không có ghế ngồi, phải đứng suốt cả cuộc mít tinh. Anh Thọ đã giới thiệu tình hình Việt Nam rất cụ thể và rõ ràng, phân tích rất thuyết phục nên thỉnh thoảng hội trường lại vang lên những tiếng hô to "Hồ Chí Minh muôn năm", "Nhân dân Việt Nam nhất định thắng", "Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược",... Cuối buổi mít tinh, người người nối tiếp nhau lên bỏ tiền ủng hộ vào những hộp bằng nhựa, thậm chí có nơi không kịp chuẩn bị, bà con phải bỏ cả vào những thùng giấy. Về đến cơ quan đại diện tại nhà số 2 phố Lơ Vơriê (Le Verrier), quận 6, Pari, anh em mở ra kiểm lại tiền thì thấy có những số tiền mặt không có phong bì, không ghi tên, có người thì ủng hộ bằng cả ngân phiếu.

Đó là một hoạt động quan trọng trong cuộc vận động phong trào nhân dân Pháp ủng hộ Việt Nam và mở đầu cho việc hình thành Mặt trận nhân dân thế giới, một nhân tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của nhân dân ta.

Tháng 3-2005 vừa qua, tại Hội nghị quốc tế về chất độc da cam ở Pari, trong buổi chiêu đãi của Thượng viện Pháp, chị Hêlen Luc, thượng nghị sĩ, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp và chị Madôlen Riphô nói: "Trước đây nhân dân Pháp ủng hộ nhân dân Việt Nam đánh thắng Mỹ trong chiến tranh, ngày nay nhân dân Pháp lại tiếp tục ủng hộ nhân dân

Việt Nam hàn gắn vết thương chiến tranh, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam do Mỹ rải xuống miền Nam Việt Nam trong suốt 10 năm 1961 - 1971".

Năm 1968, chiến thắng của cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968 đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán. Ngày 13-5-1968, cuộc họp đầu tiên giữa đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đoàn đại biểu Chính phủ Mỹ bắt đầu tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe, gần Khải hoàn môn, ngay trung tâm Pari, mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm. Như vậy là thực hiện chủ trương của ta tiến hành cuộc đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao.

Cuộc đàm phán ở Pari diễn ra làm hai giai đoạn:

Từ ngày 13-5-1968 đến ngày 31-10-1968 là cuộc đàm phán hai bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ. Phía Mỹ đòi giải quyết cả gói và đòi "có đi có lại", thực chất là ra điều kiện nếu Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc thì ta phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Còn ta thì yêu cầu Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn và vô điều kiện ném bom miền Bắc rồi sau đó mới bàn đến các vấn đề khác. Sau hai tháng đấu lý quyết liệt trên bàn đàm phán, Mỹ đã phải chấp nhận điều kiện của ta. Ngày 31-10-1968, Mỹ đã chấm dứt ném bom hoàn toàn miền Bắc, mở đầu cho cuộc đàm phán có sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn.

Từ ngày 25-1-1969, hội nghị bốn bên gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam (lúc đầu là đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam), Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam Cộng hoà. Từ đó nảy sinh cuộc tranh cãi kéo dài hai tháng về hình thức cái bàn: hình vuông, hình chữ nhật, hình ôvan hay hình tròn, thực chất là Mỹ không thừa nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, ta không thừa nhận Chính phủ Việt Nam Cộng hoà (tức chính quyền Sài Gòn). Do đó hình thù cái bàn là thể hiện hội nghị hai bên,

ba bên hay bốn bên. Nhiều người không hiểu, tưởng đây là cuộc tranh luận về hình thức nên gửi đến hàng chồng hình mẫu cái bàn mà không hiểu rằng đây hoàn toàn là vấn đề chính trị. Cuối cùng, các bên đã thoả thuận bàn hội nghị là một bàn tròn, đối diện đường kính có hai bàn chữ nhật cho thư ký ngồi. Ai muốn hiểu thế nào cũng được.

Anh Xuân Thuỷ, Uỷ viên Ban Bí thư Trung ương Đảng, Bộ trưởng làm Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Anh Trần Bửu Kiếm làm Trưởng đoàn và chị Nguyễn Thị Bình làm Phó Trưởng đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau khi thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, anh Trần Bửu Kiếm về nước còn chị Nguyễn Thị Bình được cử làm Bộ trưởng Ngoại giao và Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Anh Lê Đức Thọ được giao nhiệm vụ thay mặt Bộ Chính trị chỉ đạo toàn bộ cuộc đàm phán với danh nghĩa công khai là Cố vấn đặc biệt đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cùng với anh Xuân Thuỷ chỉ đạo cụ thể cuộc đàm phán. Chính ở đây có câu chuyện "một là hai, hai là một". "Hai" là hai đoàn đại biểu của ta. "Một" là hai đoàn đều dưới một sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta.

Như vậy là anh Lê Đức Thọ gánh vác một trách nhiệm rất quan trọng và nặng nề. Nói đến anh, tôi còn nhớ mãi một câu chuyện do anh Xuân Thuỷ kể lại: vào cuối những năm 30, đầu những năm 40 của thế kỷ XX, hai anh đều bị bắt và bị giam ở Nhà tù Sơn La cùng với nhiều đồng chí cách mạng khác, trong đó có anh Nguyễn Lương Bằng, anh Nguyễn Cơ Thạch, anh Trần Huy Liệu... Anh Thọ vốn tính thẳng thắn đến mức có lúc nóng nảy, anh nói giọng to và thẳng, không quanh co. Vì vậy, anh em trong tù nói đùa rằng nếu sau này Đảng ta nắm được chính quyền thì chớ để anh ấy làm ngoại giao. Với tác phong ấy của anh, trong thời gian kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường miền Nam, anh đã được mang cái tên là "anh Sáu Búa". Nhưng rồi chính Bác Hồ tự tay viết thư gửi

Bộ Chính trị nói anh Sáu bàn giao công việc cho anh Bảy Cường (tức anh Phạm Hùng) xong trước tháng 5 và sau khi bàn giao xong, ra ngay Hà Nội để đi Pari gặp đại biểu Mỹ. Thế là ngày 3-6-1968, anh Thọ đến Pari với cương vị mới.

Theo chủ trương của ta thì cuộc đấu tranh tại Hội nghị Pari có ý nghĩa lịch sử quan trọng và là một mũi nhọn cơ bản trên mặt trận ngoại giao. Tuy nhiên, thắng lợi của ngoại giao không thể tách rời thắng lợi trên các mặt trận khác kể cả chính trị lẫn quân sự, và về cơ bản là tương quan lực lượng ở chiến trường. Anh Thọ là Ủy viên Bộ Chính trị và là người rất am hiểu chiến trường miền Nam từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp đến chống Mỹ. Anh Thọ và anh Xuân Thuỷ lãnh đạo chung các cuộc họp công khai và bí mật, mà chủ yếu ở các cuộc họp bí mật, sự chỉ đạo của anh Thọ mang tính chiến lược và đó cũng là nơi giải quyết thực chất cuộc đàm phán. Anh Xuân Thuỷ làm Trưởng đoàn đàm phán, có nhiều kinh nghiệm về ngoại giao, vận động quần chúng và hoạt động báo chí vì anh đã từng là Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, phụ trách công tác dân vận và mặt trận, Chủ tịch Hội Nhà báo. Chị Nguyễn Thị Bình là người đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam vừa thông minh, năng động, kiên quyết nhưng lại rất dịu dàng nên báo chí ở Pháp vinh danh chị là "Nữ hoàng Việt cộng".

Thắng lợi của Hội nghị Pari cho thấy việc lựa chọn ba người phụ trách các lĩnh vực khác nhau của hai đoàn ta là hoàn toàn chính xác. Việc lựa chọn này đều có ý kiến của Bác Hồ.

Trong các cuộc gặp riêng, anh Thọ và anh Xuân Thuỷ trong giai đoạn đầu đàm phán với Averell Hariman, trong giai đoạn thứ hai với Henri Kítxinhgiơ. Do nắm tình hình rất chắc về chiến trường, phong trào chính trị dư luận quốc tế, ý đồ của Mỹ và đặc biệt là chủ trương của ta nên anh Thọ đã trình bày một cách rất thẳng thắn, có lý có tình. Có lần anh tỏ ra rất khôn khéo khi nói với đại diện Mỹ rằng, tôi thấy đề nghị của các ông cũng được nhưng trong đoàn chúng tôi còn có ông Lưu Văn Lợi

là một luật gia, theo ông ấy thì về mặt pháp lý không thể chấp nhận được. Vì vậy không những Kítxinhgiơ rất kính nể anh Thọ nhưng đồng thời cũng rất ngại các cố vấn khác trong đoàn. Kítxinhgiơ sau này nói đùa là phải tặng huân chương và tạc tượng cho ông Lưu Văn Lợi.

Sau này, năm 1972, Averell Hariman khi đứng đầu một bộ phận quan trọng trong Đảng Dân chủ Mỹ đã chống lại chính sách về Việt Nam của Níchxơn. Người cầm đầu đó của đoàn đại biểu Mỹ tại Hội đàm Pari đã đòi quân Mỹ rút hoàn toàn khỏi Việt Nam.

Năm 1970, trong lúc Hội nghị về Việt Nam đang họp ở Pari thì anh Thọ được Trung ương Đảng ta cử dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam dự Đại hội lần thứ XIX Đảng Cộng sản Pháp họp tại Nanterre. Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do anh Đặng Quang Minh dẫn đầu. Tại Đại hội, với sự có mặt của 960 đại biểu Pháp và 66 đoàn đại biểu các Đảng anh em khác, anh Thọ phát biểu: "Với tinh thần quốc tế cao cả, Đảng Cộng sản Pháp luôn gắn chặt cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp với sự ủng hộ tích cực các dân tộc bị áp bức đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Đảng Cộng sản Pháp đã dành sự ủng hộ hết lòng cho cuộc đấu tranh của nhân dân chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng, điều mà Đảng và nhân dân chúng tôi không bao giờ quên". Cuối cùng, Đại hội đã thông qua một Nghị quyết, do đồng chí Gustave Ansart, Ủy viên Bộ Chính trị đọc, gửi Đảng Lao động Việt Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam: "Đảng Cộng sản Pháp đã tăng cường đấu tranh ngay từ đầu chống sự xâm lược của Mỹ và sẽ mở ra một đợt đấu tranh mới ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam".

Không có bài phát biểu nào của đại biểu các đảng anh em, sau khi nói về tình hình nước mình, lại không đề cập đến cuộc đấu tranh ủng hộ Việt Nam, xem đó là một trong những nhiệm

vụ hàng đầu của cuộc đấu tranh chống đế quốc, là hòn đá thử vàng của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Từ đó phong trào ủng hộ Việt Nam đã được đẩy mạnh thêm một bước quan trọng.

Vào tháng 10-1972, ta và Mỹ đã thoả thuận bản dự thảo Hiệp định Pari và sắp chuẩn bị để ký chính thức, nhưng Kítxinhgiơ viện cớ phải hỏi ý kiến Nguyễn Văn Thiệu và ông ta đã đi Sài Gòn. Sau khi trở lại Pháp, Kítxinhgiơ đề nghị sửa đổi tới 69 điểm thuộc nội dung Hiệp định, gần như lật ngược lại nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có những yêu sách vô lý đã bị ta bác bỏ từ lâu, như lại đòi ta rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, giảm quân số, v.v.. Ta đã đấu tranh mạnh buộc Mỹ phải lùi bước nhiều yêu sách, nhưng vẫn cố giữ một số điểm cơ bản thực chất thuộc giải pháp. Cuộc gặp riêng bế tắc. Hai bên thoả thuận sẽ gặp lại. Anh Thọ trở về Hà Nội để báo cáo và xin ý kiến Bộ Chính trị. Về đến Hà Nội được một thời gian ngắn thì tháng 12-1972, Mỹ ném bom B52 suốt 12 ngày đêm Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và miền Bắc. Bị thất bại trong trận "Điện Biên Phủ trên không", Mỹ đã phải đề nghị nối lại cuộc gặp riêng. Tháng 1-1973, cuộc gặp riêng giữa anh Thọ, anh Xuân Thuỷ và Kítxinhgiơ đã nối lại. Với tác phong thẳng thắn của mình, anh Thọ đã mắng Kítxinhgiơ như tát nước vào mặt.

Buổi họp đầu tiên của đợt đàm phán cuối cùng bắt đầu ngày 8-1-1973 tại một căn nhà ở Gif sur Yvette. Khác với những lần trước, đoàn ta không ra cửa đón Kítxinhgiơ. Anh Thọ mở đầu bằng những lời chỉ trích mạnh mẽ cuộc ném bom 12 ngày đêm của Mỹ ở Hà Nội, Hải Phòng. Anh giận dữ nói Mỹ lấy cớ cuộc đàm phán bị gián đoạn để ném bom lại miền Bắc Việt Nam bằng máy bay B52. Hành động của các ông thật trắng trợn và tàn bạo. Các ông nghĩ rằng làm như thế thì khuất phục được chúng tôi, nhưng các ông đã lầm to. Anh Thọ tức giận đến mức đập bàn nhiều lần: "Thật là ngu xuẩn". Kítxinhgiơ nói đã được nghe những tính từ ấy nhiều lần trong lời bình luận của ông, tôi đề nghị không nên dùng những tính từ ấy nữa. Anh

Thọ trả lời rằng đã dùng những tính từ ấy với tất cả sự khiêm chế. Công luận thế giới, báo chí Mỹ và các nhân vật chính trị Mỹ còn dùng những lời lẽ nặng nề hơn tôi nhiều, Kítxinhgiơ xoa dịu nói bây giờ số vấn đề phải giải quyết còn rất ít và hy vọng rằng đợt họp lần này sẽ đem lại được hoà bình cho Việt Nam và Đông Dương.

Cuộc họp riêng cuối cùng diễn ra ngày 13-1-1973 tại Saint Nom La Bretech, hai bên đã thỏa thuận ký kết Hiệp định Pari. Và cuối cùng Mỹ đã phải ký Hiệp định Pari gần hoàn toàn giống bản thảo tháng 10-1972.

Trong quyển *Không hoà bình, không danh dự*, Larry Berman, Giáo sư Trường đại học California viết: "Khi xuất hiện trước công chúng, Lê Đức Thọ với mái tóc muối tiêu, cao 1m70, luôn luôn mặc bộ quần áo màu đen may theo kiểu Mao Trạch Đông. Dưới cái bề ngoài tươi cười là một con người cách mạng sắt đá. Các cán bộ dưới quyền của ông gọi ông là ông "Sáu Búa"".

Dưới sự chỉ đạo của anh Thọ và anh Xuân Thuỷ, tổ chức của đoàn cũng phản ánh sự phối hợp chặt chẽ giữa các mặt trận đấu tranh, trong đoàn có: tổ nghiên cứu, tổ quân sự, tổ vận động dư luận, tổ báo chí. Mỗi buổi sáng họp giao ban, anh Thọ và anh Xuân Thuỷ nghe báo cáo tình hình mọi mặt và hai anh phân công cho các bộ phận, và cứ đều đặn như thế từ khi bắt đầu cho đến khi ký kết Hiệp định Pari ngày 27-1-1973. Thắng lợi cơ bản của Hiệp định Pari là "quân Mỹ ra đi, quân ta ở lại", từ đó tương quan lực lượng ở miền Nam Việt Nam thay đổi hoàn toàn, tạo điều kiện cho thắng lợi lịch sử 30-4-1975.

Nay anh Thọ, anh Xuân Thuỷ và một số thành viên khác trong đoàn như: Nguyễn Cơ Thạch, Phan Hiền, Nguyễn Minh Vỹ, Trần Công Tường, Đinh Bá Thi và nhiều cán bộ khác tham gia hội đàm Pari đã ra đi. Nhưng những kỷ niệm sâu sắc và sự đánh giá về tài năng và sự đóng góp của anh Thọ với thắng lợi của Hội nghị Pari vẫn còn mãi mãi, Huân chương Sao vàng và con đường mang tên Lê Đức Thọ ở ngay Thủ đô Hà Nội là những bằng chứng lớn ghi nhận công lao của anh.

ANH SÁU VÀ ĐÀM PHÁN PARI

Nguyễn Đình Phương*

Sách báo đã viết nhiều về nội dung cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ tại Pari (1968 - 1973), nhưng ít ai đề cập đến những người trực tiếp đối thoại với Mỹ. Đó là đồng chí Lê Đức Thọ (mà anh em trong đoàn đàm phán quen gọi là anh Sáu) và đồng chí Xuân Thủy (được thân mật gọi là anh Xuân). Hai anh đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc không thể nào quên, mặc dù hơn ba mươi năm đã trôi qua từ đó đến nay. Sở dĩ như vậy vì các vấn đề được đưa ra tranh luận vô cùng phức tạp, mà lập trường hai bên lại hoàn toàn khác nhau. Tất nhiên về phía ta, sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng rất sát sao cặn kẽ, nhưng trên bàn đàm phán, thể hiện lập trường quan điểm của Đảng sao cho phù hợp với tương quan lực lượng hai bên, tình hình chiến trường, tình hình chính trị ở nước ta và ở Mỹ, đồng thời đáp ứng được dư luận thế giới, thì vai trò của anh Sáu, anh Xuân, nhất là của anh Sáu là quyết định.

Cuộc đàm phán kéo dài 5 năm, từ tháng 5-1968 đến tháng 1-1973, gồm hai giai đoạn: *giai đoạn đầu* nhằm đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, tham dự có đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đoàn Mỹ; *giai đoạn hai* nhằm giải quyết toàn diện vấn đề Việt Nam, có bốn đoàn tham dự là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam

* Nguyên: - Vụ trưởng Vụ Tây Bắc Âu, Bộ Ngoại giao,
- Đại sứ Việt Nam tại Bắc Âu.
- Phiên dịch chính của Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari.

Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (chính quyền Sài Gòn).

Trong cả hai giai đoạn đều có đàm phán công khai và đàm phán bí mật. Tại *đàm phán công khai*, thành viên mỗi đoàn đều đến đông đủ; anh Xuân thay mặt đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là người phát ngôn. Tại *diễn đàn bí mật, trong giai đoạn 1*, về phía ta chỉ có anh Sáu, anh Xuân và một vài cố vấn cùng chuyên viên; về phía Mỹ chỉ có Hariman, Vance (trưởng, phó đoàn Mỹ) và vài chuyên viên. Anh Xuân là người phát ngôn trong những cuộc gặp riêng đầu tiên, đến khi anh Sáu sang Pari thì anh Sáu phát ngôn với tư cách là Cố vấn đặc biệt của đoàn Việt Nam. *Trong giai đoạn 2 của đàm phán bí mật*, về phía ta thành phần đoàn như cũ; về phía Mỹ chỉ có Kítxinhgiơ do phía Mỹ đề nghị khi cần thiết, lúc đó Kítxinhgiơ mới đến Pari để gặp đại diện Việt Nam: Lê Đức Thọ.

Đối với từng vấn đề đàm phán, yêu cầu của hai bên trái ngược nhau nên đàm phán nói chung căng thẳng và kéo dài, phải chú ý từng lời, từng ý của đối phương, phán đoán ý đồ thực sự của họ để trả lời thẳng vào vấn đề. Ngôn ngữ và thái độ lại phải đàng hoàng nghiêm túc kín đáo, không để lộ ý đồ của ta.

Là phiên dịch nên tôi được tham dự các cuộc đàm phán bí mật; tôi đã chứng kiến quá trình đàm phán, từ buổi đầu cho đến khi Hiệp định chấm dứt chiến tranh được ký kết ngày 27-1-1973. Chính các cuộc đàm phán bí mật này đã để lại trong tôi ấn tượng lâu dài về anh Sáu, anh Xuân. Hai anh thể hiện đầy đủ các đức tính nhất thiết phải có của người đại diện Việt Nam đi đàm phán với Mỹ; kiên quyết giữ vững lập trường nguyên tắc, linh hoạt về chi tiết, quyết đoán khi cấp bách, sắc sảo trong nhận định. Đối với đối phương thì kiên trì thuyết phục, nhẫn nại lắng nghe, bình tĩnh giải thích, nhưng lúc cần cũng tỏ công phần và to tiếng, nhất là trong tư thế của anh Sáu.

Sau đây tôi kể lại một số tình huống trong thương lượng đã gọi cho tôi những suy nghĩ trên đây về anh Sáu, anh Xuân,

nhất là anh Sáu vì anh trực tiếp thương thuyết với đại diện Mỹ trong hầu hết mọi cuộc gặp riêng.

Đàm phán đòi chấm dứt ném bom vô điều kiện - ném bom miền Bắc là con chủ bài của Mỹ để cản trở miền Bắc tiếp tế cho miền Nam và hạn chế nhân dân miền Nam chiến đấu chống Mỹ - ngụy; vì vậy Mỹ đòi ta phải trả giá cho việc họ chấm dứt ném bom, đặt hết điều kiện nọ đến điều kiện kia, theo nguyên tắc "có đi có lại". Trong quá trình mặc cả lâu dài, Mỹ đã phải rút bỏ dần dần các điều kiện; cuối cùng chỉ yêu cầu: Sau khi Mỹ chấm dứt ném bom sẽ có đàm phán "ngghiêm chỉnh" tìm giải pháp cho vấn đề Việt Nam, với sự tham gia của Mỹ, chính quyền Sài Gòn, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đạt được thỏa thuận này, ngày 31-10-1968, Mỹ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh khác trên toàn miền Bắc Việt Nam. Thế là sau gần 10 lần gặp riêng, rải rác trong hơn 5 tháng, giai đoạn 1 của cuộc thương lượng đã chấm dứt.

Trong thời gian này có một tình huống đáng nhớ. Hôm đó bàn về việc tiếp tục đàm phán sau khi Mỹ chấm dứt ném bom, Hariman nêu vấn đề tham dự của chính quyền Sài Gòn, cho đó là dấu hiệu của đàm phán nghiêm chỉnh.

Anh Xuân phản ứng: "Ông lại đặt điều kiện, lại đòi có đi có lại à? Chính quyền Sài Gòn không đại diện cho nhân dân miền Nam, chúng tôi không thừa nhận Thiệu - Kỳ".

Hariman: "Đây không phải là điều kiện. Muốn nói chuyện nghiêm chỉnh thì tất nhiên phải có đại diện của Việt Nam Cộng hòa. Không nói chuyện nghiêm chỉnh thì chiến tranh còn tiếp tục, bom lại rơi trên đầu các ông".

Xuân Thủy đập tay xuống bàn, to tiếng: "Ông dọa à, dọa ném bom trở lại à? Chúng tôi sẵn sàng chống lại".

Anh Sáu thêm, bình tĩnh hơn: "Ông dọa bằng chiến tranh không được đâu. Chúng ta đã đánh nhau nhiều năm rồi còn gì nữa".

Các đại biểu Mỹ khác không nói gì. Hariman ngồi lặng

một lát rồi nói: "Tôi rút câu nói về bom rơi trên đầu các ông, ý tôi chỉ muốn nhấn mạnh thế nào là đàm phán nghiêm chỉnh".

Một tình huống nữa đáng nhớ là khi bàn về khoảng cách giữa ngày Mỹ chấm dứt ném bom và ngày họp phiên đầu tiên của Hội nghị bốn bên, Hariman còn đề thêm một tuần nữa, thậm chí từng giờ, anh Sáu bảo chúng tôi: "Bọn này bủn xỉn quá nhỉ, việc lớn đã định rồi mà còn nèo kéo về chi tiết". Sự thực thì lúc này Thiệu và Giôn-xơn đã không thống nhất với nhau nữa, Thiệu muốn trì hoãn việc Mỹ chấm dứt ném bom và đẩy lùi hội nghị bốn bên; nếu như vậy Đảng Cộng hòa sẽ thắng cử. Thiệu muốn chờ Ních-xơn lên làm Tổng thống rồi mới bắt đầu nói chuyện, hy vọng Ních-xơn sẽ ủng hộ nhiều hơn. Sau cuộc bầu cử ở Mỹ, qua việc tranh luận về hình thù cái bàn đàm phán, ta mới rõ điều này.

Giai đoạn hai càng thêm phức tạp vì đàm phán mở rộng ra nhiều vấn đề, vấn đề nào cũng hắc búa, rất khó dung hòa. Đối với Việt Nam, đàm phán nhằm đòi rút hết quân Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam và thay thế chính quyền Sài Gòn thân Mỹ bằng một Chính phủ liên hiệp ba thành phần tán thành hòa bình trung lập. Ngược lại, yêu cầu cơ bản của Mỹ lại là rút quân Mỹ và đồng minh đồng thời với việc rút mọi lực lượng không phải miền Nam Việt Nam, đưa được tù binh Mỹ về nước và giữ được chính quyền Sài Gòn. Trong điều kiện lập trường hai bên đối lập nhau và tình hình mọi mặt chưa có gì thúc bách Mỹ thì thương lượng tất nhiên không thể dễ dàng nhanh chóng.

Chính tài chèo lái của anh Sáu tại bàn đàm phán đã đưa đến kết quả là Mỹ rút quân mà không nhắc đến sự có mặt của quân đội Bắc Việt Nam tại miền Nam Việt Nam và đòi hai bên cùng rút nữa, nhưng cũng phải mất hàng năm kể từ khi bắt đầu bàn vấn đề này. Ngoài lý lẽ đầy sức thuyết phục, anh Sáu đã tỏ ra rất kiên nhẫn nghe đối phương, nhưng vẫn kiên quyết giữ vững lập trường của mình. Đối phương không nghe thì chuyển sang vấn đề khác, rồi sau lại quay lại vấn đề cũ, tiếp tục phê

phán "Việt Nam hóa chiến tranh"; để tỏ ra "mềm dẻo, thiện chí", thỉnh thoảng anh cũng có đề nghị xây dựng, đúng nguyên tắc.

Đến vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam thì khó khăn hơn, phía Mỹ chỉ lập luận là không thể tự mình thay thế chính quyền Sài Gòn; phải tổ chức tuyển cử, Mặt trận Dân tộc giải phóng có thể tham gia như các lực lượng chính trị khác; có như vậy mới phản ánh được đúng tương quan lực lượng chính ở miền Nam, phía ta nói thế nào cũng không chuyển. Đến giữa tháng 8-1972, khi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị các vấn đề chính trị ở miền Nam sẽ do Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn giải quyết, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ chỉ thỏa thuận các nguyên tắc lớn thì các vấn đề này mới thực sự được bàn bạc chi tiết.

Tôi nhớ mãi những buổi tranh luận gắt gao về vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam, vì tuy đã chịu nhận lập một cơ cấu hành chính ba thành phần, Mỹ vẫn giữ ý đồ dành cho chính quyền Sài Gòn ưu thế quyết định ở miền Nam Việt Nam. Lý lẽ của anh Sáu phân tích tính chất của ngụy quyền và ý đồ của Mỹ thật sắc sảo, không thể bác được. Kítxinhgiơ viện lý chính quyền Sài Gòn là một thực thể, chưa bầu cử thì làm sao biết được tương quan lực lượng giữa các thành phần? Nhưng mọi lập luận của ông ta đưa ra, anh Sáu đều nắm được ý đồ cốt lõi và trả lời ngay tức khắc, rất nhạy bén.

Dần dà, mọi vấn đề đều được thỏa thuận, như đã thể hiện trên Hiệp định hoàn thành ngày 20-10-1972 giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ. Một thời gian biểu được ấn định cho Kítxinhgiơ và Oasinhtơn, đi Sài Gòn, và đi Hà Nội ký tắt, thậm chí dự kiến cả lễ ký chính thức vào ngày 31-10 tại Pari. Nhưng tất cả những hành động đó chỉ nhằm mục đích bảo đảm cho Níchxơn thắng cử, nên đến ngày 23-10 Mỹ lật lọng với cớ là Thiệu phản đối Hiệp định và sửa đổi nhiều điều khoản.

Cuộc đàm phán bị đứt quãng đến sau cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ, đến ngày 20-11-1972, Kítxinhgiơ gặp lại Lê Đức Thọ. Níchxơn đã được tái cử, không còn bị thời gian thúc bách,

nên theo yêu cầu của Thiệu, phía Mỹ còn nêu nhiều vấn đề mới, khơi sâu nhiều khía cạnh mới; đòi xóa tên Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Hiệp định, đòi hai bên miền Nam phục viên quân sĩ với số ngang nhau và đưa về sinh quán, nhấn mạnh hai bên miền Nam phải tôn trọng khu phi quân sự và lãnh thổ của nhau, đòi ngừng bắn đồng thời ở cả ba nước Đông Dương, v.v..

Chính trong đợt đàm phán này, sự sáng suốt và tính kiên quyết giữ nguyên tắc của anh Sáu thể hiện rất rõ, lời lẽ nặng nề hơn, có lúc như lấn át đối phương, có lúc mỉa mai châm biếm. Xin nêu vài ví dụ:

Mỹ đòi sửa đổi Điều 1 về sự tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và đưa điều này xuống dưới, lẫn vào giữa Hiệp định, anh Sáu không chịu, nhất thiết đòi điều này phải là điều đầu tiên của Hiệp định và ghi rõ: Hoa Kỳ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam... Cuối cùng Mỹ phải đi đến thỏa thuận là "Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng...".

Mỹ muốn trì hoãn việc trao trả tù chính trị ở miền Nam Việt Nam. Anh Sáu công phần thực sự: "Ông hãy tự đặt mình vào địa vị tôi. Tôi sẽ ăn nói thế nào với nhân dân tôi nếu tôi ký kết với ông mà anh em đồng chí tôi không ra khỏi nhà tù?".

Về khu phi quân sự, anh Sáu vạch ý đồ chia cắt lâu dài Việt Nam của Mỹ, nhất định không chấp nhận một câu chữ nào ám chỉ sự có mặt của quân đội Mỹ tại miền Nam Việt Nam và dứt khoát bác đề nghị của Kítxinhgiơ muốn ghi "miền Bắc và miền Nam tôn trọng lãnh thổ của nhau". Mỹ còn gán vấn đề khu phi quân sự với việc trao trả tù chính trị ở miền Nam, đòi ta phải có quy chế chặt chẽ cho việc đi lại qua khu phi quân sự và bố trí lại lực lượng quân sự của ta ở miền Nam.

Phía Mỹ còn muốn nhân viên dân sự phục vụ cho quân sự được ở lại miền Nam hai năm, không rút đồng thời với quân Mỹ và đồng minh trong 60 ngày. Phía ta không chịu, phía Mỹ phải rút dần yêu cầu xuống 15 tháng, rồi 14 tháng, cuối cùng 12 tháng.

Mỹ còn yêu cầu nhiều điều khác nữa nên đợt đàm phán này thực chất là thương lượng lại Hiệp định đã thỏa thuận ngày 20-10-1972. Vì thế, cuộc mặc cả dai dẳng hết giờ này sang giờ khác, hễ Kítxinhgiơ đòi sửa một điểm, anh Sáu cũng đòi sửa một điểm khác, Kítxinhgiơ nhượng bộ một điểm thì anh Sáu cũng nhượng bộ một điểm khác. Anh Sáu ứng phó rất nhanh, cứ như trong óc đã sẵn một loạt vấn đề có thể đổi chác được.

Đến ngày 13-12-1972, chỉ còn hai vấn đề tồn tại (khu phi quân sự và cách ký Hiệp định), hai bên quyết định về nước hỏi ý kiến chính phủ, trong khi các chuyên viên tiếp tục rà soát lại văn bản. Ngày 15-12-1972 anh Sáu rời Pari, ngày 18-12-1972 vừa về đến Hà Nội thì đợt ném bom ác liệt bằng B52 của Mỹ bắt đầu. Đợt ném bom khủng bố này kéo dài đến ngày 30-12 gây chết chóc cho dân thường và nhiều thiệt hại cho Việt Nam, nhưng Mỹ thất bại to lớn về chính trị, bị lên án mạnh mẽ ở trong nước và trên thế giới, bị mất nhiều máy bay và phi công. Xảo quyết nhất là ngay ngày 18-12, Mỹ đề nghị nối lại thương lượng bất cứ lúc nào sau ngày 26-12. Ta không trả lời ngay, đúng ngày 26-12 ta mới trả lời: khi nào tình hình trở lại như trước ngày 18-12, đàm phán mới tiếp tục, đề nghị vào ngày 8-1-1973, nên họp.

Ngày 8-1-1973, ngồi trên ô tô đi đến chỗ họp, anh Sáu bảo tôi: "Hôm nay mình sẽ phê phán Mỹ mạnh đấy, mình sẽ nói thông thả cho cậu dịch, mình sẽ nói Mỹ ném bom đợt Nôen là ngu xuẩn, cậu dịch câu ấy cho đúng tinh thần...". Vào cuộc họp, quả thật anh Sáu nghiêm nghị hơn mọi hôm, nét mặt lạnh, nhưng anh vẫn bình tĩnh, không to tiếng. Kítxinhgiơ không cãi lại chỉ nói: "Tôi đến đây lần này để giải quyết những việc xảy ra mới đây có nhiều nguyên nhân và do nhiều hoàn cảnh gây nên, cự nự nhau bây giờ không bổ ích gì...".

Sau màn giáo đầu này, đợt thương lượng cuối cùng bắt đầu. Vấn đề phải bàn không còn nhiều, chủ yếu là giải quyết những bất đồng tồn tại, thảo luận các nghị định thư và định thể thức ký Hiệp định. Đến ngày 13-1-1973, đàm phán kết thúc và

ngày 27-1-1973, Hiệp định được chính thức ký kết.

Tuy nhiên, phía Mỹ vẫn còn nêu vấn đề quân miền Bắc tại miền Nam, nhưng bị bác bỏ thẳng thừng. Đến vấn đề Mỹ đóng góp xây dựng lại Việt Nam (Mỹ tránh không dùng cụm từ "bồi thường chiến tranh"), anh Sáu nói nhiều về đạo lý nhằm tăng số tiền Mỹ phải đóng góp (về sau trong thư của Níchxơn gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Mỹ nhận viện trợ không hoàn lại 3,25 tỷ đôla trong 5 năm). Trong những buổi họp cuối cùng, không khí bớt gay gắt, căng thẳng, có phần vui vẻ, ngoại giao hơn.

Để kết luận, tôi nghĩ anh Sáu là một nhà thương thuyết có tài, kiên quyết bảo vệ lập trường nguyên tắc nhưng không cứng nhắc, lập luận một cách thẳng thắn, không dùng câu chữ lắt léo lừa dối đối phương như Kítxinhgiơ. Bản thân Kítxinhgiơ phải kính nể, không bao giờ to tiếng phản ứng sự phẫn nộ của anh Sáu. Trong bữa ăn cùng nhau cuối cùng, Kítxinhgiơ hỏi anh Sáu: "Tôi xin hỏi ông một câu, ông không muốn trả lời thì thôi: khi họp Trung ương, ông có gắt mắng đồng sự của ông như ông đã làm với tôi không?". Anh Sáu cười tươi, rất hiền, nói: "Các đồng chí ấy có quay quắt, nuốt lời và đòi hỏi vô lý đâu". Khi Kítxinhgiơ đến Hà Nội, đi thăm Bảo tàng Lịch sử cùng anh Sáu, Kítxinhgiơ nghe lời thuyết trình rất chăm chú. Đến trước bản đồ vẽ về cuộc chiến đấu chống quân Nguyên của nhân dân ta, cô hướng dẫn giới thiệu "nhân dân Việt Nam phải chống quân xâm lược Nguyên ba lần rất gay go gian khổ". Anh Sáu nói: "Tôi tin rằng quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ từ nay sẽ tốt. Chúng tôi không phải chiến đấu với các ông nữa". Kítxinhgiơ vừa cười vừa nói: "Nhất định không, chúng tôi đến Việt Nam một lần cũng quá đủ rồi".

Cuối cùng, tôi muốn nói vai trò của người phiên dịch là làm trung gian cho hai người khác đối thoại với nhau, tức là phải cố dùng ngôn ngữ diễn đạt cho được tinh thần của câu nói và tình cảm của người nói mà không biểu lộ tình cảm của bản thân mình. Dịch cho anh Sáu đàm phán với Kítxinhgiơ, tôi cũng

cố giữ vai trò đó, cố không để lộ tình cảm của mình ra nét mặt hay trong giọng nói. Nhưng không chắc lúc đó tôi có làm được như vậy không vì tôi là một bên trong cuộc. Tôi chỉ nhớ trong quá trình thương lượng, cảm xúc của tôi thực đa dạng, hỉ, nộ, ái, ố, lạc đều có cả, nhưng nổi trội nhất vẫn là lòng tự hào, tự hào được dịch cho đại diện Việt Nam phát biểu, phê phán, công kích, bắt bẻ, gắt gỏng, đấu trí với đại diện Mỹ và giành được sự vị nể, thán phục, phần nào lấp vế của Kítxinhgiơ.

ĐẤU TRÍ QUYẾT LIỆT, THẮNG LỢI TRỌN VẸN

Võ Anh Tuấn*

Cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam chính thức khai mạc ngày 13-5-1968 tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe của Thủ đô Pari (Pháp) đưa đến việc ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam ngày 27-1-1973, theo đó "Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm một nghìn chín trăm năm mươi tư về Việt Nam đã công nhận" (Điều 1).

Đó là kết quả của 5 năm đàm phán vừa công khai vừa bí mật. Lúc đầu là hội nghị công khai giữa hai đoàn đàm phán của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và của Hoa Kỳ. Đến ngày 25-1-1969 trở thành hội nghị bốn bên với sự tham dự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (tức chế độ Sài Gòn). Đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, ngày 12-6-1968 lần đầu tiên tham dự phiên họp công khai với danh nghĩa Cố vấn đặc biệt của Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn.

Đành rằng chiến trường quyết định kết quả đàm phán, bởi vì không thể giành được trên bàn hội nghị cái mà ta không giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, bản lĩnh và kỹ năng "thuyết khách" của các nhà đàm phán có ảnh hưởng nhất định đến kết quả đàm phán. Những cuộc họp công khai là cần thiết

* Nguyên Đại sứ Việt Nam tại Liên hợp quốc.

để các bên nói lên lập trường, quan điểm và yêu cầu tối đa của mình, để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của dư luận. Tuy nhiên, đến lúc cần giải quyết vấn đề, thì phải có những cuộc đàm phán bí mật, đi vào thực chất, tránh xa báo chí để không bị tiết lộ những thông tin tế nhị hoặc bình luận có tính chất suy diễn, không có lợi cho tiến trình mặc cả giữa các bên.

CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN BÍ MẬT DƯỚI THỜI GIÔN XƠN

Sau khi phía Mỹ yêu cầu ba lần, ngày 8-9-1968 *lần đầu tiên* diễn ra cuộc gặp bí mật giữa đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đoàn Mỹ. Tham dự về phía ta có Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Hà Văn Lâu. Về phía Mỹ có Hariman, Vance, Habib. Cuộc nói chuyện kéo dài ba tiếng đồng hồ. Cố vấn Lê Đức Thọ nhắc lại cơ sở để giải quyết vấn đề Việt Nam là *Bốn điểm* của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và *Năm điểm* của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Trưởng đoàn Mỹ tỏ ra nôn nóng muốn sớm đi vào bàn các vấn đề thực chất. Mười một lần gặp bí mật tiếp theo diễn ra trong tháng 9 và tháng 10-1968 với thành phần tham dự cơ bản như lần đầu, trong đó tập trung vào việc Mỹ chấm dứt không điều kiện ném bom miền Bắc và sau đó là triệu tập hội nghị bốn bên.

Ngày 1-11-1968, Mỹ chấm dứt không điều kiện "mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân, pháo binh và mọi hành động khác liên quan đến việc sử dụng vũ lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

Ngày 25-1-1969 khai mạc hội nghị bốn bên tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe ở Pari.

CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN BÍ MẬT DƯỚI THỜI NÍCH XƠN

Sau khi đắc cử tổng thống, Níchxơn tiếp tục các cuộc tiếp xúc bí mật với ta như dưới thời Tổng thống Giôn xơn.

Ngày 21-2-1970 diễn ra cuộc gặp riêng đầu tiên tại Pari giữa Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy với

Kítxinhgiơ, Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ, mở ra giai đoạn gặp riêng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ.

Sau nửa năm không có cuộc gặp riêng nào, theo đề nghị của phía Mỹ, ngày 26-6-1971, diễn ra cuộc gặp riêng Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ, phía ta đưa ra *Giải pháp chín điểm*, tập trung đòi Mỹ thay Nguyễn Văn Thiệu.

Sau một số lần gặp riêng khác, cuộc thương lượng bí mật Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ ngày 19-7-1972 *đi vào thực chất*.

Bắt đầu đợt gặp riêng lần thứ 19 (từ ngày 8 đến ngày 12-10), Lê Đức Thọ trao cho Kítxinhgiơ bản *Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*. Ngày 11-10, cuộc họp kéo dài đến 2 giờ sáng hôm sau. Hai bên đã thảo luận về dự thảo Hiệp định và lịch trình như sau:

- Ngày 18-10 chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc,
- Ngày 19-10 ký tắt Hiệp định tại Hà Nội,
- Ngày 26-10 ký chính thức tại Pari,
- Ngày 27-10 ngưng bắn ở Nam Việt Nam.

Sau đó Mỹ lật lọng, lấy cớ Nguyễn Văn Thiệu bác bỏ hiệp định để đòi bàn thêm và sửa đổi nhiều điều đã thỏa thuận. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố các văn kiện mà ta và Mỹ đã thỏa thuận và yêu cầu Mỹ ký văn bản đã thỏa thuận.

Ngày 20-11, hai bên thương lượng lại. Kítxinhgiơ trao cho Lê Đức Thọ 69 điểm kiến nghị của Thiệu, theo đó, Mỹ đòi sửa hầu hết các vấn đề thực chất. Cuộc thương lượng bị bế tắc.

Bộ Chính trị gửi điện cho đoàn đàm phán, nhận định rằng địch còn rất ngoan cố, khẳng định quyết tâm của ta: nếu địch cứ ngoan cố thì ta tiếp tục kiên quyết đánh cho đến khi thắng lợi cuối cùng.

Kítxinhgiơ đưa cho đoàn ta xem bức điện (có tính chất đe dọa) của Níchxơn gửi cho ông ta, có đoạn viết: "Tôi ra lệnh cho ông (Kítxinhgiơ) cắt đứt nói chuyện và chúng ta phải hoạt động quân sự trở lại cho đến khi đối phương phải đàm phán nghiêm chỉnh".

Từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, máy bay B.52 của Mỹ ném bom rải thảm Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi ở miền Bắc nước ta. Việt Nam đánh bại cuộc tập kích chiến lược này. Thế giới coi chiến thắng của Việt Nam là "*Điện Biên Phủ trên không*".

Sau đó Mỹ đề nghị họp lại. Hầu hết các yêu cầu của chúng đòi sửa đổi dự thảo Hiệp định đều bị ta bác bỏ.

Ngày 13-1-1973, hai bên hoàn thành văn bản Hiệp định. Đây là *cuộc gặp riêng cuối cùng*.

Ngày 23-1, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Cố vấn Henri Kítxinhgiơ ký tắt *Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam* với nội dung cơ bản như dự thảo hai bên đã thỏa thuận hồi tháng 11-1972.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pari về Việt Nam được chính thức ký kết.

KÍT XINHGIƠ "NGÁN" LÊ ĐỨC THỌ

Đối thủ của đồng chí Lê Đức Thọ trong đàm phán bí mật là những nhà ngoại giao sừng sỏ của tên đế quốc hùng mạnh nhất thế giới, như Hariman, một nhà ngoại giao kỳ cựu, nổi tiếng là nhà thương lượng sành sỏi, đã từng đại diện cho Tổng thống Rudoven làm việc với Thống chế Xtalin, hay Kítxinhgiơ là giáo sư lâu năm của Trường đại học Havót nổi tiếng thế giới. Anh Sáu không qua một trường lớp ngoại giao nào, nhưng nhờ trải nghiệm của trường đời, nhờ thực tiễn đấu tranh cách mạng, anh đã tự rèn luyện bản lĩnh chính trị sắc bén, có kỹ năng đàm phán "cương - nhu" để ứng phó với mọi tình huống khiến đối phương kính nể, đồng đội tin tưởng, đã đấu trí quyết liệt với đối phương, giành thắng lợi trọn vẹn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nặng nề mà Đảng giao phó.

Trong cuốn hồi ký dày 860 trang, gồm 31 chương, viết về *Nền ngoại giao* từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Kítxinhgiơ dành ba chương nói về cuộc chiến tranh Việt Nam, trong đó ông ta nhiều lần nhắc đến Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ với lòng vị nể.

Nhận xét về việc anh Sáu lần đầu tiên đến Pari, Kítxinhgiơ viết: "Việc ông Lê Đức Thọ đến Pari chứng tỏ Hà Nội đồng ý nói chuyện. Mặc dù là nhân vật đứng thứ năm trong thứ bậc của Hà Nội, Lê Đức Thọ tự nhận mình chỉ là một Cố vấn đặc biệt của quan chức ngoại giao Xuân Thủy". Kítxinhgiơ viết tiếp: "Lê Đức Thọ tin tưởng một cách tuyệt đối vào thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Khi có người hỏi ông về vấn đề này, ông hỏi vặn lại: "Làm sao có thể tin vào chiến thắng của chỉ một mình quân đội Nam Việt Nam (tức Sài Gòn) trong khi nó không thể thắng với sự giúp sức của 500.000 lính Mỹ?"".

Đồng chí Nguyễn Đình Phương, thành viên đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kiêm phiên dịch các cuộc đàm phán bí mật, thuật lại một trường hợp anh Sáu đáp trả thẳng thừng sự khiêu khích của Kítxinhgiơ. Một hôm như thường lệ, anh Sáu thuyết trình, Kítxinhgiơ lặng lẽ ngậm bút, chỉ ngồi nghe. Đột nhiên Kítxinhgiơ hỏi:

- Ngài Cố vấn qua Bắc Kinh và Mátxcơva chắc có nghe các bạn của Ngài thông báo về ý kiến chúng tôi trong cuộc đàm phán này? (Ám chỉ việc Níchxơn thăm Trung Quốc và Liên Xô).

Rõ ràng đây là một sự khiêu khích trắng trợn. Không cần phải suy nghĩ lâu, anh Sáu trả lời ngay:

- Chúng tôi chiến đấu chống lại quân đội của các ông trên chiến trường, và cũng chính chúng tôi đã đàm phán với các ông trên bàn Hội nghị. Các bạn của chúng tôi hết lòng ủng hộ chúng tôi, nhưng không làm thay chúng tôi.

Đồng chí Nguyễn Đình Phương kể tiếp: Sau khi Mỹ thất bại trong việc dùng B52 ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng, đàm phán được nối lại. Trên đường đi đến chỗ họp, anh Sáu dặn: "Hôm nay toàn đoàn ta không thêm ra đón đoàn Mỹ như thông lệ. Mình sẽ phê phán Mỹ mạnh đấy, sẽ nói Mỹ ném bom đợt Nôen là ngu xuẩn, cậu Phương dịch câu ấy cho đúng tinh thần nhé". Vào buổi họp, anh Sáu làm thật. Chưa lần nào Cố vấn "cương" và trút cơn thịnh nộ lên đối phương như hôm ấy. Anh Sáu dùng đủ các từ "lừa dối", "ngu xuẩn", "tráo trở", "lật

lọng". Kítxinhgiơ chỉ biết cúi đầu nghe, không dám phản ứng gì. Mãi sau ông ta mới lắp bắp nói:

- Tôi có nghe thấy những tính từ... Tôi xin ông không dùng những tính từ đó ở đây.

Anh Sáu liền nói tiếp:

- Đó là tôi chỉ mới nói một phần, chứ còn các nhà báo họ còn dùng những từ nặng hơn nữa kia.

Hôm đó báo chí "phục kích" ở ngoài rất đông, với hy vọng có thể "moi" được tin "giật gân" gì không, bởi vì đây là cuộc gặp đầu tiên sau 12 ngày đêm Mỹ ném bom B52 xuống Hà Nội, Hải Phòng. Kết thúc cuộc gặp, anh Sáu và Kítxinhgiơ bước ra khỏi phòng họp, hai người đi song song, trò chuyện vui vẻ như không có chuyện gì xảy ra. Hai người tươi cười bắt tay nhau khá lâu trước khi từ giã. Có anh em trong đoàn ta không hiểu cách ứng xử "nhu" có dụng ý của anh Sáu, thắc mắc hỏi:

- Tại sao anh Sáu nắm tay Kítxinhgiơ lâu vậy?
- Tại ông ta nắm chặt quá, tớ rút tay ra không được.
- Thế nhưng tại sao anh Sáu lại cười?
- Không lẽ tớ khóc à?

Đó là thêm một thí dụ về sự cố tình ứng xử "nhu" của anh Sáu để đánh lạc hướng báo chí.

Sau nhiều lần đấu trí gay go với Lê Đức Thọ, Kítxinhgiơ rút ra được chỉ ít hai bài học, một cho nước Mỹ, một cho bản thân.

Kítxinhgiơ thừa nhận ngoại giao Mỹ không kiên định bằng ngoại giao Việt Nam. Trong giắc thư mật nhan đề *Những bài học Việt Nam* gửi Tổng thống Giêrôn Pho, Kítxinhgiơ viết: "Chúng ta thường gặp phải tình trạng Hoa Kỳ không thể giữ vững được lập trường ngoại giao của mình chỉ trong vòng vài tuần hoặc vài tháng bởi sự công kích từ chính các nhóm chính trị trước đây đã từng ủng hộ lập trường đó. Kết cục là chúng ta phải thương lượng nội bộ và đi từ nhân nhượng này đến nhân nhượng khác, trong khi Bắc Việt Nam không hề thay đổi các mục tiêu ngoại giao mà chỉ thay đổi không đáng kể lập trường ngoại giao của họ".

Kítxinhgiơ "ngán" Lê Đức Thọ khó tính. Đồng chí Lưu Văn Lợi, cố vấn pháp lý của anh Sáu Thọ tại Hội nghị Pari về Việt Nam kể lại rằng: Trong một cuộc họp kín với hai anh Lê Đức Thọ và Xuân Thủy, Kítxinhgiơ thú nhận:

- Chúng tôi bất ngờ gặp phải các ông là đối phương, chứ chúng tôi không lựa chọn. Nếu chúng tôi lựa chọn thì chúng tôi lựa chọn đối phương dễ tính hơn.

Về sau, trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ công khai nhắc lại điều đó.

"Những viên chức nhà nước không thể lựa chọn lúc nào thì phục vụ đất nước, cũng không thể lựa chọn những nhiệm vụ đang chờ đợi họ. Nếu tôi có một chút hy vọng để lựa chọn, chắc chắn tôi sẽ chọn một người đối thoại dễ tính hơn Lê Đức Thọ".

NHỚ VỀ CÁC CUỘC TRAO ĐỔI GIỮA HAI NHÀ LÃNH ĐẠO PHẠM VĂN ĐỒNG VÀ LÊ ĐỨC THỌ VỀ CÁC VẤN ĐỀ ĐỐI NGOẠI

Trần Tam Giáp*

Thập kỷ 80 thế kỷ XX, khi đang là Phó Văn phòng Bộ Ngoại giao, tôi được điều động sang Văn phòng Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Thời gian này, tôi được chứng kiến những cuộc trao đổi giữa hai nhà lãnh đạo về đối ngoại, bao gồm cả những lĩnh vực an ninh chính trị, quốc phòng, di tản, tù binh, v.v. về những chủ trương mang tầm trí tuệ cao, tầm nhìn rộng lớn. Hai vị rất tâm đắc về việc giải quyết nhiều vấn đề mang tầm chiến lược. Nhiều tờ trình anh Tô thường hỏi anh Sáu đã có ý kiến chưa, hoặc có lúc hai vị gặp nhau trao đổi trực tiếp trong nhiều giờ. Nhiều vấn đề rất hóc búa nảy sinh nhưng qua trao đổi, mạn đàm giữa hai vị và sau đó đã được đưa ra các cuộc họp của Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định thông qua chứng tỏ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước. Những vấn đề trọng đại như cuộc đàm phán Pari, MIA, quan hệ với các nước lớn... đều có sự đóng góp trí tuệ của đồng chí Lê Đức Thọ. Ở đây chỉ xin nêu một vài sự kiện cụ thể mà tôi lĩnh hội được khi được giao phụ trách (đương nhiên là những phần phụ của những việc liên quan):

* Nguyên: - Thư ký của Thủ tướng Phạm Văn Đồng,
- Phó Văn phòng - Vụ trưởng Bộ Ngoại giao.

1. Vụ bảy viên tướng của Hàn Quốc bị ta bắt giữ sau khi giải phóng miền Nam

Chủ trương của ta là tạo điều kiện cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên trong cuộc đàm phán với Cộng hòa Triều Tiên để Chính phủ ta thả bảy viên tướng của Hàn Quốc về nước. Lúc đó hai bên đàm phán ở Niu Đêli - Ấn Độ tại Đại sứ quán Việt Nam. Sau nhiều năm hai bên không đi đến thỏa thuận nào do Hàn Quốc không đáp ứng đòi hỏi của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên mà họ cho là quá cao. Qua cuộc trao đổi với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ cho biết số tướng lĩnh này tuổi đã cao, điều kiện giam giữ của ta không đảm bảo, sức khỏe của họ giảm sút, nếu tính mạng họ có vấn đề gì nảy sinh thì sẽ rất khó cho ta. Sau đó ta đã giao cho Bộ Ngoại giao gợi ý bạn (Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên) nên có phương án hợp lý hợp tình. Bạn đòi giao số này cho họ nhưng ta không nhất trí. Lúc đó có sự vận động của Chính phủ Thụy Điển, qua Đại sứ Oberg chuyển thư của Tổng thống Pak Chung Hy thỉnh cầu Chính phủ ta (trong số này có người là bạn thân hoặc gia đình của Tổng thống). Thủ tướng Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ đã thảo luận với nhau nhiều lần, bàn nhiều khía cạnh và cuối cùng đã đi đến kết luận là thả tự do số tướng lĩnh này vì lý do nhân đạo. Đây là một quyết định không dễ dàng khi đưa ra Bộ Chính trị quyết định. Cuối cùng qua trung gian của Chính phủ Thụy Điển, một chuyên cơ đã được phép đến Hà Nội nhận số tướng lĩnh nói trên. Phía Hàn Quốc rất cảm kích và đánh giá cao quyết định của ta, họ tỏ ý muốn viện trợ kinh tế xứng đáng cho ta. Mặc dù lúc đó ta gặp rất nhiều khó khăn nhưng ta từ chối và nhấn mạnh ta thả họ đơn thuần vì lý do nhân đạo. Sau đó ta đã giải thích cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, tuy bạn không hài lòng nhưng không có phản ứng gì ngoài dự kiến và giữ được quan hệ hữu nghị bình thường.

2. Trả lời thư của Quốc vương Xihanúc gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Vấn đề Campuchia, hai vị thường xuyên trao đổi kết hợp những kiến nghị của Bộ Ngoại giao và báo cáo của các ngành về những diễn biến tại Campuchia. Khi Quốc vương Xihanúc gửi lá thư thứ ba, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có ý muốn trả lời theo thông lệ ngoại giao của các chính khách. Bộ Ngoại giao và Đại sứ Việt Nam tại các nước cũng có những báo cáo phản ánh tình hình và kiến nghị ta nên có hình thức trả lời nào đó. Nhưng đồng chí Lê Đức Thọ kiên quyết đề nghị Thủ tướng Phạm Văn Đồng chưa nên trả lời do có những khía cạnh nhạy cảm trong bối cảnh quốc tế và có thể ảnh hưởng đến đối sách của ta lúc đó. Tuy còn băn khoăn nhưng Thủ tướng Phạm Văn Đồng cuối cùng cũng đồng ý với ý kiến đồng chí Lê Đức Thọ.

3. Việc Giáo sư Trần Đức Thảo đi Đức nhận giải thưởng triết học

Hai vị thảo luận với nhau rất lâu nhiều chuyện liên quan đến các trí thức và những quan điểm của họ, trong đó có Trần Đức Thảo, Nguyễn Khắc Viện... Khi được gọi vào giao việc, tôi được nghe Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: Anh không lo, con người này tôi biết - rất tự trọng, gắn bó với đất nước, có lòng tự hào dân tộc, không sợ anh Thảo có phát biểu gì có hại gì cho chế độ và uy tín của anh ấy đâu, anh yên tâm cứ để anh ấy đi nhận giải thưởng, điều đó chỉ có lợi cho đất nước. Đồng chí Lê Đức Thọ nói thêm: Tôi đã đọc kỹ tác phẩm mang tính khoa học và có tính triết học cao của anh Thảo và đã có sự tìm hiểu về nhà trí thức này, nay có ý kiến của anh, tôi yên tâm và nhất trí với anh. Chuyến đi đạt kết quả tốt đẹp, Giáo sư Trần Đức Thảo đã trở về đúng hẹn, mang niềm vinh dự cho đất nước.

Sau này, theo đề nghị của Giáo sư Tôn Thất Tùng là Giáo sư Trần Đức Thảo bị ung thư giai đoạn cuối, trong nước phương

tiện điều trị thiếu thốn, đề nghị cho Giáo sư Thảo đi Pháp chữa bệnh, nếu không giải quyết sớm, Giáo sư Thảo có mệnh hệ nào thì không lợi. Đồng chí Lê Đức Thọ cũng trao đổi với Thủ tướng Phạm Văn Đồng và hai vị đều nhất trí với đề nghị của Giáo sư Tôn Thất Tùng. Sau một thời gian, Giáo sư Trần Đức Thảo đã mất tại Pháp.

Việc Giáo sư Cao Xuân Hạo đi Pháp nhận giải thưởng về ngôn ngữ cũng vậy. Có những ý kiến không thuận cho Giáo sư Cao Xuân Hạo đi Pháp. Hai vị cũng thảo luận và cuối cùng đồng ý giao cơ quan chức năng tạo điều kiện để Giáo sư Hạo đi Pháp nhận giải thưởng. Sau này có một vài khó khăn về thủ tục e không đến kịp thời gian trao giải thưởng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng còn chỉ thị Văn phòng Thủ tướng giúp đỡ để Giáo sư Hạo lên đường kịp thời. Khi đi Pháp về, Giáo sư Hạo có thư rất cảm động cảm ơn sự quan tâm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và lãnh đạo Đảng về chuyến đi Pháp của ông.

4. Việc đề bạt nhân sự cấp cao

Hai vị thảo luận rất kỹ càng trước khi thông qua Ban Bí thư và Bộ Chính trị. Có những trường hợp Thủ tướng Phạm Văn Đồng không nhất trí nói: qua phản ánh của anh em, tôi chưa yên tâm với trường hợp A, B... Nhưng với giải trình của đồng chí Lê Đức Thọ và sự tín nhiệm của anh Tô đối với anh Sáu, mọi việc đều đã giải quyết ổn thỏa.

Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo Đảng xuất sắc, có tầm nhìn chiến lược sâu rộng, một lòng vì đất nước, vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Khi được phân công việc gì đều quyết tâm hoàn thành xuất sắc, sáng tạo. Từ việc tham gia cuộc đàm phán lịch sử tại Pari với những đóng góp quan trọng của mình làm kẻ thù phải nể trọng, quốc tế ghi nhận tặng Giải thưởng Nôben đến việc chuẩn bị Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam với việc tiếp quản

Sài Gòn nguyên vẹn, việc chỉ đạo giải quyết các vấn đề vùng mới giải phóng - một khối công việc đồ sộ, đồng chí đã góp phần với các đồng chí lãnh đạo khác giành những thắng lợi quan trọng, đến việc làm nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia. Với bầu nhiệt huyết phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo có bản lĩnh, giàu trí tuệ, có tầm nhìn sâu rộng và đã góp phần xứng đáng của mình trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Phần thứ năm

**LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC
QUỐC PHÒNG - AN NINH**

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ VỚI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC, BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tướng Phùng Quang Thanh*

Đồng chí Lê Đức Thọ là nhà lãnh đạo tài năng thuộc lớp cán bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, một trong những người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một cán bộ lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm. Từng đảm nhiệm nhiều trọng trách trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, tổ chức cán bộ, xây dựng Đảng,... ở cương vị nào đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Với Quân đội nhân dân Việt Nam, với các cuộc kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc, đồng chí đã có những cống hiến to lớn.

1. Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo có tầm chiến lược cả về chính trị, quân sự, ngoại giao

Với tư duy sắc sảo và cái nhìn nhạy bén về nhiều lĩnh vực, đồng chí đã có đóng góp to lớn đối với hai cuộc kháng chiến của dân tộc và đối với quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1948, được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cử vào Nam Bộ, trên cương vị Phó Bí thư Xứ ủy kiêm Chính ủy Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây, đồng chí đã sát cánh với

* Ủy viên Bộ Chính trị - Phó Bí thư Quân ủy Trung ương - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn và các đồng chí trong Xứ ủy (từ năm 1949 đến 1954) lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và phát triển cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân Nam Bộ. Trong những năm tháng ấy, với phong cách sâu sát cơ sở, nắm bắt thực tiễn cuộc kháng chiến trên địa bàn, hiểu được những điểm mạnh, điểm yếu của địch và của ta, đồng chí đã cùng Thường vụ Xứ ủy đưa ra nhiều quyết sách quan trọng thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển. Những ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Thọ trong các cuộc hội nghị của Xứ ủy Nam Bộ, Bộ Tư lệnh quân khu, phân liên khu..., cũng như các bài báo của đồng chí thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối quân sự của Đảng vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của chiến trường, qua đó kịp thời chỉ đạo cuộc kháng chiến của đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ vượt qua khó khăn, phát triển mạnh mẽ.

Hơn 6 năm lăn lộn trên chiến trường Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp, bên cạnh những báo cáo quan trọng trình bày tại các hội nghị do Xứ ủy, Ủy ban Hành chính - Kháng chiến Nam Bộ cũng như Bộ Tư lệnh các quân khu, khu, phân liên khu và các cơ quan dân, chính, đảng triệu tập, đồng chí Lê Đức Thọ còn trực tiếp giảng bài tại các lớp học lý luận, các lớp "rèn cán, chỉnh quân". Các bài giảng, các báo cáo của đồng chí thể hiện nhãn quan chính trị sắc bén và tinh thần chiến đấu cao, như: Vấn đề xây dựng Đảng, quân đội và Mặt trận thống nhất vững mạnh để tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ; vấn đề mở rộng và phát triển chiến tranh du kích, xây dựng kinh tế kháng chiến và đẩy mạnh công cuộc kháng chiến trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa... Đồng chí đã tổng kết thực tiễn, nâng thành những vấn đề có tính lý luận quân sự, định hướng chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và phương thức phát triển cuộc chiến tranh nhân dân ở Nam Bộ như: Nguyên tắc vận động chiến; yếu tố chính trị - tinh thần quyết định một phần thắng lợi; phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân và vai trò của Đảng Cộng sản đối với Quân đội

nhân dân. Đồng chí chỉ rõ: Công tác chính trị bảo đảm cho việc thi hành nhiệm vụ quân sự được đến nơi đến chốn, nó đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong việc xây dựng Quân đội nhân dân chiến thắng. Bên cạnh đó, cuộc kháng chiến của chúng ta không phải chỉ có bộ đội là có thể thắng được mà phải huy động được toàn dân đồng lòng xông ra giết giặc bằng đủ mọi cách, trên tất cả mọi phương diện, mới mong chiến thắng hoàn toàn; chỉ có phát động được chiến tranh nhân dân mới là yếu tố quyết định cho sự thắng bại trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Năm 1950, trong Báo cáo tổng kết các chiến dịch đã tiến hành trên địa bàn Nam Bộ, đồng chí đã nêu rõ: Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng trong Quân đội nhân dân mới bảo đảm cho chiến thắng. Mỗi người cộng sản trong Quân đội nhân dân không được quên vai trò lãnh đạo của Đảng, luôn luôn phải lấy nó làm nòng cốt trong mọi hoạt động và phải làm gương ở bất cứ đâu hay trong bất cứ trường hợp nào.

Có thể nói, trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang, tư duy quân sự sắc bén của đồng chí Lê Đức Thọ đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường thực lực kháng chiến, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, binh, địch vận, tạo ra và nhân lên sức mạnh đánh thắng địch trên chiến trường Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp.

Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là từ năm 1967, khi được chỉ định tham gia Quân uỷ Trung ương, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cuộc kháng chiến; trong việc xây dựng và tăng cường sức chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. Sau đợt 1 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân tháng 2-1968, đồng chí được Bộ Chính trị cử vào miền Nam làm Phó Bí thư Trung ương Cục để cùng Trung ương Cục theo dõi chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968. Với tư duy quân sự sắc sảo và nhãn quan chiến lược của một nhà lãnh đạo tài năng, đồng chí đã cùng Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đề ra nhiều quyết sách quan trọng thúc đẩy cuộc kháng chiến đi tới

thắng lợi. Đặc biệt là trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đóng góp to lớn cùng tập thể Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương hoạch định, hoàn chỉnh kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đồng chí luôn theo sát diễn biến chiến trường, kịp thời đưa ra những nhận định, đánh giá về thời cơ giải phóng miền Nam và nhất là quyết định chuyển sang thực hiện phương án giải phóng Sài Gòn sớm hơn dự kiến. Đồng chí được cử vào miền Nam trực tiếp phổ biến quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và tham gia chỉ đạo trực tiếp các hoạt động tác chiến. Luôn nắm chắc toàn bộ diễn biến trên chiến trường cũng như các chỉ thị, điện văn của Bộ Chính trị, trên đường vào Nam, đồng chí truyền đạt quyết tâm của Bộ Chính trị tới các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy ở chiến trường và chỉ đạo điều động các đơn vị chủ lực theo ý định tác chiến của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương. Với đòn tiến công chiến lược giải phóng Sài Gòn - Gia Định, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định cử ba đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch và nhận chỉ thị trực tiếp từ Bộ Chính trị. Đồng chí Lê Đức Thọ đã truyền đến các đồng chí trong Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết tâm của Bộ Chính trị giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này. Với tác phong sâu sát và tư duy chiến lược sắc bén, đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đánh giá, lường định diễn biến tình hình, các tình huống trong tác chiến và cùng đồng chí Văn Tiến Dũng, Phạm Hùng trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra mọi mặt công tác phối hợp với chiến dịch và công tác chuẩn bị tiếp quản Thành phố Sài Gòn - Gia Định. Có mặt tại Sở chỉ huy cơ bản của chiến dịch và trực tiếp giải quyết những vấn đề chung của chiến trường, cùng với các đồng chí trong Bộ Tư lệnh chiến dịch, đồng chí Lê Đức Thọ đã chỉ đạo, xử lý nhiều tình huống phức tạp, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đến toàn thắng.

Có thể nói, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên từng cương vị được phân công, đồng chí Lê Đức Thọ luôn nhất quán tư tưởng chiến lược tiến công, sắc sảo, quyết đoán trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện những nhiệm vụ chiến lược, góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó có cán bộ quân đội, phục vụ cuộc kháng chiến ở miền Nam

Bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang cách mạng và các đoàn thể kháng chiến ở Nam Bộ hầu như phải khôi phục lại hoặc xây dựng lại từ đầu. Trong điều kiện đó, vào Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ cùng Thường vụ Xứ ủy đã rà soát lại đội ngũ cán bộ của các cấp ủy Đảng trong các khu ủy, tỉnh ủy, Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn; nắm lại các đồng chí cán bộ chủ chốt của các cấp ủy. Đồng chí đề xuất với Thường vụ Xứ ủy một số biện pháp chấn chỉnh, kiện toàn hệ thống cấp ủy Đảng; mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ tỉnh, khu; đào tạo hàng trăm cán bộ các cấp, các ngành, đáp ứng cho yêu cầu của các chiến trường ở Nam Bộ. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cùng với đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Lê Đức Thọ đảm nhận trọng trách vừa tham gia chỉ đạo thực hiện chuyển quân tập kết, vừa bố trí đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống tổ chức Đảng ở lại miền Nam.

Những năm sau đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Đức Thọ cùng Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặc biệt quan tâm công tác tổ chức cán bộ nói chung và cán bộ cho chiến trường miền Nam nói riêng. Đồng chí đặc biệt chăm lo công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ ưu tú, vững mạnh cả về bản lĩnh chính trị, năng lực công tác, kịp thời đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cuộc kháng chiến. Đồng chí đã

đề xuất thành lập Vụ miền Nam và Cục Cán bộ B trực thuộc Ban Tổ chức Trung ương để chuyên nghiên cứu tình hình tổ chức cán bộ miền Nam, giúp Ban Tổ chức Trung ương điều động cán bộ tăng cường cho các chiến trường, cũng như đón tiếp, bồi dưỡng cán bộ từ chiến trường ra miền Bắc học tập, công tác. Đồng chí chỉ đạo sát sao, thông qua kế hoạch cán bộ, đề ra phương hướng và tiêu chuẩn điều động cán bộ tăng cường cho từng vùng, từng chiến trường ở miền Nam sao cho phù hợp, nhằm phát huy hiệu quả, hạn chế tổn thất hy sinh trên chiến trường; trực tiếp xem xét danh sách cán bộ trung, cao cấp bổ sung cho chiến trường; nghe báo cáo lý lịch và hoàn cảnh cụ thể của từng người. Trong những năm tháng ấy, hàng vạn cán bộ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc được cử đi bồi dưỡng văn hóa, lý luận và nghiệp vụ ở các trường trong nước và nước ngoài, được đào tạo thành những cán bộ đủ phẩm chất, năng lực phục vụ cho công cuộc giải phóng và xây dựng quê hương.

3. Đồng chí Lê Đức Thọ đã hoàn thành xuất sắc vai trò chỉ đạo đoàn đàm phán tại Hội nghị Pari, hoàn thành mục tiêu "đánh cho Mỹ cút", tiến tới "đánh cho ngụy nhào"

Với vai trò Cố vấn đặc biệt của Phái đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari, đồng chí Lê Đức Thọ đã chứng tỏ là một nhà ngoại giao xuất sắc có tầm nhìn xa, trông rộng về chiến lược, kiên định về nguyên tắc và khôn khéo, mềm dẻo về sách lược. Cuộc đàm phán ở Hội nghị Pari gắn bó chặt chẽ với các hoạt động trên chiến trường và đó là sự kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, điều hành chiến tranh nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn đánh bại ý chí xâm lược của kẻ thù. Đồng chí Lê Đức Thọ đã cùng đoàn đàm phán Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn thành xuất sắc cuộc đấu tranh dũng cảm và mưu lược "vừa đánh, vừa đàm" kéo dài suốt trong 4 năm 9 tháng, với 202 phiên họp công khai và 24 cuộc tiếp xúc riêng, thậm chí

có những cuộc họp kéo dài 16 giờ đồng hồ liên. Có thể khẳng định, đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những cán bộ lãnh đạo góp phần to lớn vào việc xây dựng và thực hiện đường lối, phương châm "đánh - đàm", kết hợp giữa ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao trên bàn đàm phán.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã thực hiện xuất sắc chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến", lấy độc lập, chủ quyền, thống nhất đất nước và toàn vẹn lãnh thổ làm nền tảng, không thể đem ra mặc cả, đàm phán, nhưng có thể xử lý, mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, về các nội dung cụ thể. Đồng chí là một cán bộ lãnh đạo có phẩm chất của một nhà ngoại giao kiệt xuất, luôn kiên định lập trường, lý tưởng, luôn chủ động ở thế tiến công kẻ thù, có đối sách nhạy bén, sáng suốt, khiến đối phương phải kiêng nể.

Suốt quá trình đàm phán với phía Mỹ, đồng chí Lê Đức Thọ luôn nắm vững mọi diễn biến của chiến trường trong nước và tình hình trên thế giới có liên quan, kịp thời, chủ động đưa ra những đề xuất hay phản bác những quan điểm của phía Mỹ. Sau những thắng lợi trên chiến trường, đồng chí đã chỉ đạo và trực tiếp có các biện pháp phát huy những thắng lợi đó thành những đòn tiến công mạnh mẽ trên bàn đàm phán, buộc phía Mỹ phải đàm phán thực chất để hội nghị tiến triển. Bằng sự kết hợp tài tình giữa những thắng lợi trên chiến trường với những diễn biến trên bàn đàm phán, đồng chí Lê Đức Thọ đã cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta thực hiện xuất sắc phương hướng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Đánh cho Mỹ cút", tạo tiền đề để tiến tới "đánh cho ngụy nhào".

4. Đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đóng góp to lớn trong việc tổ chức lực lượng quân đội sau chiến tranh giải phóng và xây dựng, bố trí thế trận quốc phòng toàn dân trong thời kỳ mới

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,

đồng chí Lê Đức Thọ đã cùng tập thể Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương đề ra những chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới. Đồng chí đã có những đóng góp quan trọng, cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đề xuất chủ trương đúng đắn về quân sự, quốc phòng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội nhân dân vững mạnh về mọi mặt theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đồng chí đã cùng với tập thể Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương chỉ đạo Bộ Quốc phòng tổ chức biên chế lại lực lượng phù hợp với tình hình mới, tăng cường và tổ chức bố trí lực lượng phòng thủ trên các hướng, các địa bàn chiến lược quan trọng ở vùng biển đảo, vùng biên giới đất liền và các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa; tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp dân tộc Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng và từng bước hồi sinh. Là Uỷ viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, vừa tham gia Quân uỷ Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ vừa chăm lo công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quân đội, trực tiếp đến tìm hiểu tình hình và có những đề xuất chỉ đạo về chính sách đối với những cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ nơi biên giới, hải đảo.

Là một nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ không những đã dành tâm huyết cho việc xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng, mà còn luôn dành cho cán bộ, chiến sĩ quân đội sự quan tâm với tất cả niềm tin yêu, quý mến đặc biệt. Những năm chiến tranh, đồng chí luôn dành sự quan tâm sâu sắc tới cải thiện đời sống, sinh hoạt và bảo đảm sức khỏe của bộ đội, coi đó là một nhân tố quan trọng tăng cường sức mạnh và hiệu suất chiến đấu của bộ đội ta trên chiến trường. Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 thu non sông về một mối, trong bộn bề công việc, đồng chí vẫn luôn dành thời gian trực tiếp đến thăm nhiều đơn vị quân đội nơi biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Là một người lãnh đạo cao cấp của Đảng, có tác

phong giản dị, gần gũi với cán bộ, chiến sĩ, đồng chí Lê Đức Thọ đã đến tận từng đơn vị quân đội, quan tâm đến những chi tiết nhỏ nhất bảo đảm cuộc sống hàng ngày của bộ đội.

Những năm đầu của thập kỷ 80 của thế kỷ XX, dù tuổi đã cao nhưng đồng chí Lê Đức Thọ vẫn đi đến các đồn biên phòng xa xôi nơi biên cương Tổ quốc thăm hỏi, động viên các chiến sĩ đang đóng quân bảo vệ biên giới. Năm 1982, cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 531 đã vinh dự được đón đồng chí Lê Đức Thọ lên tận các chốt tiền tiêu ở Khau Chả - Cao Bằng, thăm hỏi, động viên và ngủ lại một đêm cùng cán bộ chiến sĩ Trung đoàn. Khi về lại Thủ đô, đồng chí Lê Đức Thọ đã yêu cầu cơ quan hậu cần quan tâm đến chiến sĩ biên giới hơn. Năm đó, các chiến sĩ Trung đoàn đã được xem chiếu phim lưu động phục vụ mỗi đơn vị một tối, tiêu chuẩn báo chí được tăng cường hơn. Bộ đội trên chốt được cấp thêm áo trấn thủ và chăn ấm, được tăng thêm thịt lợn sấy vào tiêu chuẩn ăn. Đến đâu, đồng chí cũng ân cần thăm hỏi, chia sẻ, động viên và nhắc nhở mọi người, trong cái khó khăn, thiếu thốn chung của một đất nước vừa ra khỏi chiến tranh, cùng thấu hiểu và chia sẻ với những khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của người chiến sĩ đang làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Chán chứa tình yêu thương, san sẻ với người lính, đồng chí đã nói hộ cho hàng triệu người ở hậu phương đang hướng về tiền tuyến, về biên cương niềm khâm phục, yêu thương và đến với những người chiến sĩ bằng tình cảm trong sáng, đẹp đẽ.

*

* *

Hơn 20 năm kể từ ngày đồng chí Lê Đức Thọ đi xa, nhưng trong tư tưởng, tình cảm của nhiều cán bộ chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam vẫn còn in đậm hình ảnh một nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp cách mạng và kháng chiến của dân tộc, cho sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam, một người luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm sâu sắc tới cán bộ, chiến sĩ quân đội. Thật

khó kể hết những đóng góp lớn lao của đồng chí Lê Đức Thọ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta, đối với quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ VỚI VIỆC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ CÔNG TÁC AN NINH TRONG CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tướng Trần Đại Quang*

Công an nhân dân Việt Nam ra đời từ những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và đã được Đảng, Nhà nước xác định là lực lượng vũ trang trọng yếu của Đảng, Nhà nước. Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, trong đó có vai trò hết sức to lớn của đồng chí Lê Đức Thọ, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban Tổ chức Trung ương - một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một cán bộ lãnh đạo giàu kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước, lực lượng Công an nhân dân đã không ngừng lớn mạnh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành mọi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Trong cuộc đời cách mạng gian khổ nhưng vẻ vang, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem hết tâm sức, tài năng, trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp của Đảng và của dân tộc. Với những đóng góp to lớn của mình, đồng chí Lê Đức Thọ đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều phần thưởng cao quý khác của các nước anh em, bè bạn quốc tế. Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí là tấm gương sáng về

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương - Bộ trưởng Bộ Công an.

truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và niềm tự hào của cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân.

Trong những năm khói lửa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đầy gian khổ, theo sự phân công của Trung ương Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ đã từ Việt Bắc vào Nam cùng một số đồng chí lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

Ở các cương vị lãnh đạo khác nhau, đồng chí đã cùng với các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam "Thành đồng Tổ quốc", xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương lớn của tiền tuyến lớn, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tiến hành cuộc đàm phán ở Pari thắng lợi, thực hiện mục tiêu "đánh cho Mỹ cút" tiếp đó cùng với một số đồng chí khác, thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đảng, Nhà nước đã tin cậy giao cho đồng chí giữ các cương vị trọng trách cao trong nhiều lĩnh vực công tác: năm 1944 là Ủy viên Trung ương Đảng, trực tiếp phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ; Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương, phụ trách tổ chức (năm 1945); Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam; Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng; Cố vấn đặc biệt của đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam; Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thường trực, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Trên các cương vị công tác trong từng giai đoạn cách mạng, đồng chí Lê Đức Thọ đã có những đóng góp lớn ở tầm chiến lược, trong đó có lĩnh vực xây dựng lực lượng vũ trang. Đối với lực lượng Công an nhân dân, đồng chí đặc biệt quan tâm công tác xây dựng Đảng trong Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và xác định đây là một trong những nhân tố quyết định hoàn thành nhiệm vụ chính trị của lực lượng Công an nhân dân.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đứng lên giành được chính quyền, nhưng chưa đầy một tháng sau thì thực dân Pháp đã gây hấn trở lại, buộc nhân dân Nam Bộ phải bước vào cuộc kháng chiến mới. Thời kỳ này, các tổ chức Đảng ở Nam Bộ vẫn còn non yếu, Xứ uỷ Nam Bộ phải bắt tay ngay vào xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng, lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đây là thời kỳ Xứ uỷ Nam Bộ rất cần những người lãnh đạo có năng lực về công tác tổ chức, cán bộ và kinh nghiệm thực tiễn hoạt động cách mạng để xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, các lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng... Vì vậy, cuối năm 1948, đồng chí được Đảng phân công vào Nam công tác. Trên đường từ Bắc vào Nam, đồng chí đã làm việc với một số tỉnh uỷ, khu uỷ, nghe báo cáo tình hình, trên cơ sở đó chỉ đạo ngay việc xây dựng, củng cố Đảng trong lực lượng vũ trang, trong công an, trong vùng bị địch tạm chiếm; chỉ đạo phát triển Đảng phải đi đôi với củng cố Đảng, phải dìu dắt đảng viên mới trong công tác thực tế và phải mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho họ; phải luôn luôn chăm lo củng cố chi bộ, thực hiện phê bình và tự phê bình; phải luôn luôn đề cao cảnh giác, đề phòng bọn địch chui vào trong Đảng, phá hoại Đảng từ bên trong. Nhận thức rõ vị trí, vai trò lãnh đạo của các tổ chức Đảng như đầu não của phong trào cách mạng, nên sau khi vào đến căn cứ của Xứ uỷ Nam Bộ (ở Đồng Tháp Mười), đồng chí Lê Đức Thọ đã cùng đồng chí Lê Duẩn và Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ gấp rút tiến hành rà soát, kiện toàn cán bộ trong cấp uỷ Đảng ở các khu uỷ, tỉnh uỷ, Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định; chỉ đạo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng ở địa phương. Thực hiện chủ trương của Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ, các tổ chức Đảng của Công an Nam Bộ được kiện toàn về tổ chức và rà soát, lựa chọn, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp uỷ. Do đó, tổ chức Đảng của Công an Nam Bộ được củng cố thêm một bước, lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị. Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Trung ương Đảng ngày 5-

5-1950 về Đảng lãnh đạo Công an, Xứ uỷ Nam Bộ đã chỉ đạo các thành uỷ, tỉnh uỷ nhận thức đúng vai trò quan trọng của công an trong bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, tăng cường lãnh đạo công tác công an. Mỗi cấp uỷ đều phải phân công một uỷ viên phụ trách, lãnh đạo các mặt công tác công an. Cấp trưởng ty phải được cơ cấu trong thường vụ tỉnh uỷ; phó ty là tỉnh uỷ viên. Các cấp uỷ có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an. Cử một số cán bộ đảng có năng lực tăng cường cho lực lượng công an.

Song song với việc chỉnh đốn, củng cố, kiện toàn và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác công an, đồng chí Lê Đức Thọ cùng với Thường vụ Xứ uỷ rất quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện vô cùng khó khăn, thiếu thốn của những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, để cán bộ vững về lập trường, tư tưởng, được trau dồi chủ trương, đường lối của Đảng, đồng chí có sáng kiến thành lập Trường Trường Chinh (tên đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh) để mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ khu và cấp tỉnh, trong đó có cán bộ công an tham gia lớp học. Tại các lớp nghiên cứu lý luận, chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, đồng chí luôn luôn phân tích, đánh giá sâu sắc bản chất phản động, âm mưu thâm độc và thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù. Đồng chí ân cần căn dặn đội ngũ đảng viên, cán bộ và chiến sĩ trong ngành công an phải luôn luôn rèn luyện đạo đức, phẩm chất, tác phong công tác, không ngừng phấn đấu để nâng cao tính đảng, dũng cảm chiến đấu, có ý thức tổ chức kỷ luật và mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng.

Là một trong những người thay mặt Trung ương Đảng chỉ đạo chiến trường Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ đã nắm chắc tình hình và có những chỉ đạo sáng suốt, kịp thời trong công tác phản gián, bảo vệ nội bộ. Với tư duy nghiệp vụ sắc sảo, sâu sát thực tiễn, đồng chí đã tham gia chỉ đạo lực lượng Công an Nam Bộ làm tốt công tác nắm tình hình, tham mưu cho Xứ uỷ trong

công tác phòng, chống các loại gián điệp, phản động. Đặc biệt là đấu tranh kịp thời, có hiệu quả với hoạt động của Đội biệt kích hỗn hợp nhảy dù (GCMA) do thực dân Pháp thành lập để điều tra tin tức và dò xét nội bộ ta, mua chuộc, lôi kéo những người trong hàng ngũ kháng chiến của ta đầu hàng; đồng thời sử dụng bọn này để khai thác nắm rõ tình hình bọn chỉ điểm, hoặc dẫn đường cho địch đi càn quét, đánh phá căn cứ cách mạng. Cùng với lãnh đạo Xứ uỷ, đồng chí Lê Đức Thọ đã chỉ đạo Công an Nam Bộ làm tốt công tác diệt tề gian ác, bảo vệ tốt các chiến dịch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não, căn cứ địa kháng chiến; đồng thời tập trung chấn chỉnh bộ máy, xây dựng tổ chức, sắp xếp cán bộ, làm cho nội bộ công an trong sạch, lựa chọn và cử những cán bộ cốt cán, trung thành, tin cậy bổ sung vào lực lượng công an.

Xác định cuộc kháng chiến còn lâu dài, gian khổ nên bên cạnh việc nâng cao trình độ cho cán bộ, từ đầu năm 1949, dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ Nam Bộ, Sở Công an Nam Bộ đã phát động thực hiện ba cuộc vận động lớn là "Xây dựng ý thức trường kỳ kháng chiến", "Kiểm thảo đường lối công an nhân dân" và "Kiểm thảo 6 điều Bác Hồ dạy". Qua học tập, cải tạo tư tưởng, các cuộc vận động chính trị, cán bộ, chiến sĩ công an đều tiến bộ, có tinh thần khắc phục gian khổ, ý thức tổ chức kỷ luật được nâng cao, tổ chức được củng cố.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với cương vị Trưởng ban Tổ chức Trung ương, đồng chí đã gắn bó với lực lượng công an, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức, bộ máy Bộ Công an, xây dựng lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong điều kiện miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện chi viện cho chiến trường miền Nam.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, được Đảng, Nhà nước giao cho trọng trách là Phó Ban đại diện Đảng và Chính phủ ở miền Nam Việt Nam, đồng chí đã có những chỉ đạo

sáng suốt để ổn định tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội lúc bấy giờ. Một trong những chỉ đạo quan trọng nhằm giải quyết vấn đề nổi cộm về di tản, đoàn tụ gia đình và con lai. Đây là vấn đề kẻ địch lợi dụng để xuyên tạc, làm rùm beng và gây rối tình hình ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng chí cùng Bộ Chính trị đã quyết định giao cho ngành ngoại giao và công an bàn với cơ quan HCR của Liên hợp quốc về một chương trình ra đi đoàn tụ gia đình trong trật tự (OOP), thực hiện chủ trương cho đoàn tụ gia đình với số người đã di tản từ trước và sau ngày 30-4-1975.

Trong các kỳ Đại hội III, IV, V, được Đảng tin cậy giao cho nhiệm vụ chuẩn bị dự thảo Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các văn kiện Đại hội, Điều lệ Đảng sửa đổi được thông qua tại các kỳ đại hội đã xác định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, ghi nhận một bước trưởng thành mới của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng và là định hướng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng của đất nước. Đối với công tác xây dựng Đảng trong Công an nhân dân, những nội dung trong văn kiện, Điều lệ Đảng sửa đổi là kim chỉ nam để thực hiện.

Những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước gặp nhiều khó khăn; các thế lực đế quốc, phản động tăng cường các hoạt động bao vây cấm vận, xâm nhập vũ trang, tiến hành phá hoại ngầm kết hợp với việc kích động các đối tượng phản động lợi dụng tôn giáo, dân tộc, bọn phản động trong ngũ quân, ngũ quyền, đảng phái cũ nổi dậy chống đối nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong bối cảnh đó, với vai trò là Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đồng chí đã trực tiếp nghe Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) báo cáo các chuyên án lớn và cho ý kiến chỉ đạo cụ thể; trực tiếp

xuống công an cơ sở để nghe báo cáo tình hình, chỉ đạo công tác. Với tác phong sâu sát, tư duy sắc sảo, am hiểu nghiệp vụ công an, đồng chí đã cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng có những chỉ đạo ở tầm chiến lược về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước vượt qua giai đoạn cực kỳ khó khăn trước khi bước vào thời kỳ tiến hành công cuộc đổi mới. Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, đồng chí rất quan tâm đến công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nghiên cứu lịch sử Đảng làm cơ sở để xây dựng và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng.

Trong 64 năm hoạt động cách mạng, những đóng góp to lớn, nhiều mặt của đồng chí Lê Đức Thọ đối với sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí, chúng tôi xin điểm qua vài nét về những chỉ đạo trực tiếp của đồng chí đối với công tác công an trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc như một sự khắc họa thêm về chân dung một nhà lãnh đạo tài năng và trí tuệ của Đảng ta.

NHỮNG ẤN TƯỢNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN VỀ ANH SÁU THỌ

Cao Đăng Chiếm*

Có đồng chí cho rằng tôi được gần anh Sáu Thọ nhiều. Điều đó quả không sai. Bởi trải qua nhiều thời kỳ công tác, tôi thường được dịp tiếp cận để báo cáo và thỉnh thị ý kiến chỉ đạo của anh về công tác nghiệp vụ của ngành mình.

Hồi tưởng lại cách đây 51 năm, lần đầu tiên tôi được gặp anh Sáu tại chiến khu Đồng Tháp Mười, sau khi anh cùng với phái đoàn của Trung ương Đảng và Chính phủ vượt qua vạn dặm đường từ căn cứ địa Việt Bắc xẻ dọc Trường Sơn vừa vào đến chiến trường Nam Bộ. Lúc đó, tôi đang làm Phó Giám đốc Sở Công an Nam Bộ kiêm Trưởng ty Công an Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Một hôm, anh Hai Phạm Hùng - Phó Bí thư Xứ uỷ, Giám đốc Sở Công an Nam Bộ gọi tôi về Sở làm việc và cho biết: Anh Lê Đức Thọ - Trưởng phái đoàn của Trung ương Đảng và Chính phủ mới vào, muốn được nghe báo cáo về tình hình địch và ta trên chiến trường Nam Bộ. Vậy anh hãy chuẩn bị ngay nội dung báo cáo. Thế là tôi lập tức bắt tay vào việc.

Khi tôi đến gặp, anh Sáu Thọ đã nhận ra ngay, vì anh đã được nghe anh Hai Hùng giới thiệu trước. Trong buổi làm việc hôm ấy, có mặt cả anh Hoàng Minh Đạo - Trưởng Ban Quân báo Nam Bộ. Nhân dịp này, anh Sáu Thọ giới thiệu để cho tôi và anh Hoàng Minh Đạo làm quen với nhau, thiết lập mối quan

* Nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng; Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

hệ công tác gắn bó giữa hai ngành Công an và Quân báo.

Dựa theo nội dung bản đề cương đã chuẩn bị, tôi lần lượt báo cáo với anh Sáu những nét chủ yếu về tình hình các mặt trên chiến trường. Anh Hoàng Minh Đạo cũng cùng ngồi nghe. Có một điều khiến tôi chú ý là, trong lúc tôi báo cáo, anh Sáu Thọ ngồi chăm chú nghe và ghi chép. Chỉ khi nào cần hiểu rõ thêm một đôi điều cần thiết, anh mới nêu lên vài câu hỏi ngắn. Ngay trong buổi làm việc đầu tiên với anh Sáu Thọ, tôi đã cảm nhận được sự quan tâm đặc biệt của anh đối với lĩnh vực công tác an ninh.

Kể từ ngày hôm đó, anh căn dặn tôi: Tất cả các báo cáo công tác gửi về Sở Công an Nam Bộ, cần sao gửi cho anh một bản - đặc biệt là những bản báo cáo về tình hình địch. Ngoài ra, anh còn trực tiếp giao cho tôi một số công việc.

Trải qua những tháng năm được tiếp cận và làm việc với anh Sáu Thọ, tôi rất quý trọng con người và phẩm chất của anh. Tính về mặt tuổi đời, đối với tôi, anh Sáu Thọ thuộc lớp đàn anh. Còn xét về cương vị công tác ở trong Đảng, anh thuộc vào hàng lãnh đạo chủ chốt cấp cao của Đảng. Có thể nói, trong thời gian làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam hồi kháng chiến chống Pháp, anh Sáu Thọ gần như là Giám đốc Sở Công an Nam Bộ. Anh hết sức quan tâm và đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động của ngành này. Chính vì vậy, chúng tôi đã được dịp học tập ở anh nhiều điều bổ ích - kể cả về các mặt lập trường, quan điểm và phương pháp công tác.

Bài học quý giá đầu tiên mà tôi học tập được ở anh Sáu Thọ là sự vững vàng kiên định về lập trường quan điểm, tính chiến đấu cao của người đảng viên cộng sản, ý thức cảnh giác cách mạng và tinh thần bảo vệ Đảng mạnh mẽ. Qua nhiều lần làm việc và gặp gỡ, cũng như trong các cuộc hội nghị và các lớp nghiên cứu về lý luận, chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, anh Sáu Thọ luôn luôn phân tích và đánh giá sâu sắc bản chất phản động, âm mưu thâm độc và thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù. Anh ân cần căn dặn đội ngũ đảng viên, cán bộ

và chiến sĩ trong ngành công an phải luôn luôn rèn luyện đạo đức phẩm chất, tác phong công tác, không ngừng phấn đấu để nâng cao tính đảng, dũng khí chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật và mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng.

Bài học quý giá thứ hai mà tôi đã tiếp nhận được ở anh Sáu là nhiệt tình công tác và ý chí tiến công của người cán bộ cách mạng. Một trong những đặc điểm nổi bật về phong cách và cá tính của anh Sáu là: Hễ nói là làm, làm tới cùng bằng những biện pháp và kế hoạch hành động cụ thể. Tác phong công tác theo chủ nghĩa tài tử và lối làm việc theo kiểu qua loa đại khái là điều tối kỵ đối với anh.

Anh cũng rất ghét những người báo cáo láo và tô hồng hiện thực. Anh nghiêm khắc đòi hỏi cán bộ cấp dưới phải luôn luôn trung thực, hễ biết thì nói biết, nếu không biết thì nói không biết. Không nên vì tư tưởng chạy theo thành tích mà lừa dối cấp trên và tự lừa dối ngay cả với chính mình. Anh căn dặn: phải xây dựng ý thức đầy đủ về nghĩa vụ và phải có lòng tự tôn tự trọng trong công việc.

Bài học thứ ba mà tôi đã học tập được ở anh Sáu Thọ là tấm lòng thương yêu, quý mến và sự quan tâm chăm sóc đối với cán bộ. Là một nhà lãnh đạo được Đảng tin cậy giao cho trọng trách làm công tác tổ chức cán bộ lâu năm, anh Sáu rất am hiểu cán bộ. Tôi có cảm giác dường như anh đã nhớ tới mức thuộc lòng đội ngũ cán bộ dưới quyền mình quản lý. Ở anh, luôn luôn có sự phân biệt rạch ròi. Một mặt, tôn trọng và thương yêu cán bộ. Mặt khác, rất nghiêm khắc đối với những điều sai trái lỗi lầm của họ.

Tuy có người đã đặt cho anh Sáu Thọ cái biệt danh là anh "Sáu Búa", cũng như họ đã đặt cho anh Hai Hùng cái biệt danh là anh "Hai Đe", song tôi vẫn nghĩ, chữ "đe" và "búa" ở đây không hề đồng nghĩa với việc sử dụng phương pháp "đao to, búa lớn" vào lĩnh vực phê bình, tự phê bình và trong công tác xây dựng Đảng. Đối với những cán bộ phạm phải khuyết điểm sai lầm, anh Sáu Thọ thường lý giải những điều hay lẽ phải có sức cảm

hóa, thuyết phục, làm cho người nghe tiếp nhận trong sự thấu lý đạt tình.

Nói đến anh Sáu Thọ, không thể nào không nhắc tới sự quan tâm chăm sóc của anh đối với cán bộ - cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần. Tôi được biết không ít người, trong số đó có cả tôi, thỉnh thoảng được anh Sáu gửi cho thuốc men, nhân sâm, cao hổ cốt và cả tiền bồi dưỡng - nhất là trong những lúc ốm đau bệnh tật.

Anh Sáu còn là một nhà lãnh đạo có tài năng đa dạng. Anh đã từng gánh vác những trọng trách cao trong nhiều lĩnh vực công tác quan trọng của Đảng: tổ chức, tuyên huấn, quân sự, đối ngoại, an ninh nội chính, tư tưởng và văn hóa... Tài năng của anh được thể hiện nổi bật trong việc tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt của nhân dân Nam Bộ, trong công tác xây dựng Đảng, trên bàn đàm phán với phía Mỹ tại cuộc Hội nghị Pari, trong việc trực tiếp tham gia chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân đại thắng tháng 4-1975.

*

* *

Trải qua hơn 40 năm được tiếp cận và cộng sự với anh Sáu Thọ trong nhiều thời kỳ công tác khác nhau, đã để lại trong lòng tôi những ấn tượng không thể phai mờ. Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày Nam Bộ kháng chiến và 10 năm¹ ngày qua đời của anh Sáu, tôi viết những dòng này để tưởng nhớ tới anh bằng tất cả những tình cảm tốt đẹp của mình, đã được kết tinh từ trong những năm tháng không thể nào quên của cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt trên chiến trường Nam Bộ.

1. Năm 2000 (B.T).

MÃI MÃI KÍNH YÊU ANH

Trung tướng Đồng Văn Cống*

Tôi được tiếp cận với anh Sáu Thọ trên chiến trường Nam Bộ từ trong những tháng năm gian khổ của cuộc kháng chiến chống Pháp. Tính đến ngày anh Sáu qua đời, tôi được gặp anh khoảng năm, sáu lần. Tuy nhiên, qua chừng ấy lần gặp gỡ, đã để lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm về hình ảnh của một lãnh tụ cách mạng tài năng và đức độ.

Trong kháng chiến chống Pháp, có người đã đặt cho anh cái biệt danh là "anh Sáu Búa". Theo tôi đó chỉ là cách gọi bông đùa của một số đồng chí đã từng có mối thân tình với anh. Thực ra, trải qua mấy chục năm trời quen biết, tôi chưa bị anh "búa" bao giờ và cũng chưa hề trông thấy anh "búa ai". Ngược lại, anh Sáu là một con người sống tình cảm, có tấm lòng quảng đại và cư xử với anh em thấu lý đạt tình.

Viết đến đây, khiến tôi bồi hồi nhớ lại một câu chuyện không thể nào quên đã xảy ra 46 năm về trước. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, một ngày nọ, anh Sáu mời tôi đến gặp anh. Vừa ăn cơm thân mật với tôi, anh vừa nói: "Đảng phân công cho anh ở lại tiếp tục hoạt động cách mạng tại Nam Bộ!". Thú thực, trong những giây phút đó, trong lòng tôi cảm thấy vui sướng vô chừng.

Thế là tôi trở về địa phương khẩn trương thu xếp việc nhà để sẵn sàng lao vào cuộc chiến đấu mới. Nhưng sau đó, sự việc lại diễn ra hoàn toàn khác hẳn.

Được lệnh triệu tập, tôi lại đến gặp anh Sáu. Thấu hiểu sâu sắc nỗi lòng tôi, anh vừa nhìn tôi trong ánh mắt chứa chan

tình cảm, vừa xúc động nói: "Sau khi cân nhắc và xem xét kỹ lại phương án bố trí cán bộ lãnh đạo, Đảng thấy cần phải đưa anh tập kết ra miền Bắc để góp phần vào việc xây dựng và củng cố sự vững mạnh của Quân đội ta. Tôi rất quý anh và hết sức cảm thông với nguyện vọng chính đáng của anh hiện tại". Chính thái độ chân thành và sức mạnh truyền cảm của anh Sáu đã giúp tôi nhanh chóng vượt qua những giây phút ngỡ ngàng và toàn tâm toàn ý tiếp thu quyết định về việc phân công công tác mới.

Nhân đây, tôi muốn kể thêm một câu chuyện nữa để chứng minh tài năng cảm hóa và chinh phục lòng người của anh Sáu Thọ. Vào khoảng giữa năm 1950, trong một cuộc hội nghị chuyên đề về quân sự của Quân khu 9, đã phát sinh ra cuộc tranh luận và không đi đến sự nhất trí ý kiến trong việc nhận thức về đường lối quân sự của Đảng giữa ba đồng chí lãnh đạo cốt cán trong Bộ Tư lệnh quân khu. Bằng những kinh nghiệm phong phú đã được tích lũy trong công tác thực tiễn trải qua nhiều năm tháng và với vốn kiến thức đa dạng của mình, anh Sáu Thọ nêu ra những ý kiến sắc sảo và xác đáng lý giải có sức thuyết phục, chẳng những đã giải quyết được sự thống nhất về nhận thức của ba người trong cuộc, mà còn làm cho mọi người ngồi nghe đều cảm thấy thoải mái đồng tình.

Chính thông qua cuộc họp này cũng như nhiều lần gặp gỡ khác, tôi đã cảm nhận được cái hay của anh Sáu Thọ trong việc cảm hóa những người đối thoại bằng sức mạnh truyền cảm của tấm lòng và bằng tư duy chính trị mẫn cảm, chứ không phải bằng việc sử dụng áp lực của chức tước, quyền uy và bằng cách nói năng theo kiểu "đao to, búa lớn". Thực ra, cũng có đôi khi do cảm thấy không được hài lòng trong công việc, anh biểu thị sự nóng nảy bức dọc, nhưng tuyệt nhiên không bao giờ anh có những hành động và lời lẽ làm tổn thương đến tình cảm đối với cán bộ cấp dưới của mình.

Nói đến anh Sáu Thọ, theo tôi trước hết là nói đến một

* Nguyên Phó Tư lệnh các lực lượng vũ trang Quân Giải phóng miền Nam.

nhà lãnh đạo tài ba. Anh có một khả năng thiên phú, am tường nhiều lĩnh vực công tác và hoạt động: quân sự, chính trị, công tác Đảng, hoạt động đối ngoại, văn hóa - nghệ thuật... Chỉ nói riêng trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang, tư duy quân sự sắc sảo của anh đã góp phần quan trọng trong việc chỉ đạo tác chiến và tạo ra chiến thắng trên chiến trường. Những ý kiến phát biểu của anh trong các cuộc hội nghị của Xứ uỷ Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây, cũng như các bài báo của anh tổng kết về phong trào du kích chiến tranh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đã soi sáng cho chúng ta nhận thức được nhiều điều quan trọng trong việc vận dụng một cách sáng tạo lý luận đấu tranh vũ trang của Đảng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của chiến trường Nam Bộ.

Có một lần, sau khi kết thúc cuộc hội nghị chuyên đề quân sự tại Phân liên khu miền Tây, anh Sáu lưu tôi lại để bàn bạc thêm về công việc chỉ đạo tác chiến. Lúc đó tôi đang làm Tỉnh đội trưởng tỉnh Bến Tre. Còn anh là Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam kiêm Chính uỷ Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ. Qua những câu chuyện đàm đạo thân tình giữa hai anh em, tôi rất khâm phục về việc theo dõi sát sao và sự am tường sâu sắc của anh về mọi mặt ở chiến trường.

Sau khi tuyên dương công lao thành tích chiến đấu của đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào trong tỉnh Bến Tre, anh đã phân tích một cách khoa học sự so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch. Anh căn dặn chúng tôi phải vận dụng đúng đắn phương châm hoạt động bí mật của Đảng trong vùng địch tạm chiếm đóng. Đồng thời, phải đặc biệt quan tâm đến công tác vận động và tổ chức quần chúng nhằm không ngừng bồi dưỡng, củng cố mở rộng và phát triển thực lực của ta, bóp bẹp và làm suy yếu dần lực lượng và phạm vi kiểm soát của quân Pháp và bọn tề nguỵ.

Có thể nói, cuộc đời binh nghiệp của tôi trên chiến trường Nam Bộ ngay trong giai đoạn khởi đầu của cuộc kháng chiến

chống Pháp oanh liệt, đã mật thiết gắn liền với sự lãnh đạo và dìu dắt của Đảng ta - mà hiện thân là anh Lê Đức Thọ. Nhờ biết tiếp thu, quán triệt vận dụng đúng đắn tư tưởng chỉ đạo của anh đã được trình bày và phát biểu trong nhiều cuộc họp cũng như qua các cuộc tiếp xúc riêng, tôi đã từng bước được nâng cao về tư tưởng và nhận thức. Từ người đội trưởng du kích tại một vùng quê, tôi đã trở thành một Tỉnh đội trưởng, một Tư lệnh phó của Quân Giải phóng ở chiến trường miền Nam, một tướng lĩnh cao cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tuy thời gian và năm tháng đã nhanh chóng trôi qua, nhưng lúc nào tôi cũng vẫn tâm niệm những lời huấn thị quan trọng của anh Sáu Thọ đối với những cán bộ cầm quân trên chiến trường. Giống như một sợi chỉ đỏ về tư tưởng xuyên suốt trong nhận thức, anh Sáu Thọ đã thành công qua việc truyền cảm mạnh mẽ đến chúng tôi, nhằm tiếp thu và quán triệt về các mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và quân đội, giữa quân đội và quần chúng nhân dân, cũng như việc tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất, đạo đức và tác phong của anh "bộ đội Cụ Hồ".

*

* *

Tôi không phải là người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật, cũng không phải là người cầm bút sáng tác, nên không thể nào diễn đạt được hết những hoài niệm và ấn tượng sâu sắc của mình qua những tháng năm "nằm gai nếm mật" với anh Sáu Thọ trên chiến trường Nam Bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Nhân kỷ niệm 10 năm¹ ngày mất của anh Sáu, thông qua bài viết ngắn ngủi này, tôi muốn biểu thị tấm lòng mãi mãi yêu thương và quý trọng anh - lúc anh đang còn chiến đấu với chúng tôi ở giữa chiến trường, cũng như sau khi anh đã vĩnh viễn ra đi vào cõi vĩnh hằng.

1. Năm 2000 (B.T).

MỘT LẦN GẶP GỖ KHÔNG THỂ NÀO QUÊN GIỮA ANH HAI TRUNG VÀ ANH LÊ ĐỨC THỌ

Lời tác giả: Trước Tết Kỷ Mão khoảng nửa tháng, tôi có đến thăm Thiếu tướng tình báo Nguyễn Văn Trung tức Hai Trung, Anh hùng Lực lượng vũ trang, nhân vật yêu dấu trong mấy cuốn tiểu thuyết của tôi. Thông thường nhân vật văn học phải phong phú hơn, tinh hoa tập trung hơn nguyên mẫu nhưng với tài năng của tôi, nhân vật Quân mãi mãi không lớn lên được bởi cái bóng khổng lồ của Hai Trung. Cho tới tận hôm nay, sau một phân tư thế kỷ là bạn bè, anh Trung vẫn còn là một bí mật với tôi, vẫn hấp dẫn, quyến rũ tôi như ngày đầu mới được quen biết. Trong câu chuyện của lần gặp này, anh Trung nói với tôi rất nhiều chuyện, vẫn là những chuyện lần đầu tôi được nghe, và anh đã nhắc lại một lần gặp gỡ không thể quên với đồng chí Lê Đức Thọ tại bưng biền U Minh Thượng vào dịp giáp Tết cách đây đã trên bốn chục năm. Nhân ngày giỗ lần thứ 10 anh Sáu Thọ, tôi xin ghi lại lần nói chuyện đó để mỗi chúng ta cảm nhận được tầm nhìn của một nhân vật trong Bộ Chỉ huy tối cao không chỉ với thời thế mà cả cái tài năng sẽ phát lộ ở một chiến sĩ trong mười mười lăm năm tới.

Nhà văn Nguyễn Khải

Trước Tết Kỷ Mão mấy ngày, tôi tới thăm anh Hai Trung vừa là chúc Tết sớm gia đình, vừa đưa tặng anh tờ báo Văn nghệ số Tết, có bài viết về anh của tôi, gọi là quà Tết của một thằng viết văn. Ngoài sách báo ra, cái thằng cầm bút chả còn gì quý hơn để tặng bạn bè. Ngồi nói chuyện tào lao, tôi mới hỏi lịch đi chúc Tết của hai ông bà mấy ngày tới. Anh Hai cười, người

thì mỗi năm mỗi già đi nhưng cái cười, cái nhìn, giọng nói như đứng ngoài thời gian, vẫn trẻ mãi, như cái thuở tôi mới gặp lần đầu, cách đây đã non một phần tư thế kỷ.

- Lịch đi chơi mấy ngày Tết hả? Ngày mồng Một ở nhà, mồng Hai ở nhà, mồng Ba vẫn ở nhà. Còn bà ấy muốn đi đâu thăm bạn bè mấy ngày Tết là việc riêng của bà ấy.

- Không phải đi chúc Tết ai cả sao?

- Tôi bây giờ là bậc trưởng thượng trong họ, chỉ có các em và các cháu thôi. Tụi nó phải đến đây chứ, mình đâu còn phải đến nhà ai nữa! Người già là người luôn luôn được ở nhà để đợi người khác đến.

Tôi nói, tuổi tác đã đẩy ông lên chỗ ngồi cao tít, ngồi ở trên cao ấy còn biết trò chuyện với ai nữa. Vẫn có những người để trò chuyện, Quân nói, là những bạn bè hiện nay đã vắng mặt nhiều. Quân nói tiếp, cứ mỗi lần Tết đến lại nhớ tới họ, nhớ đến day dứt, thật ra là nhớ lại một hình ảnh của chính mình. Ai đó đã viết, về già chỉ nhìn đời có một mắt, còn con mắt kia thì luôn dõi về cái phía trong của mình. Cái phía trong ấy là những năm tháng đã qua, việc vui và việc buồn, việc thành và việc bại, rồi ngồi cười tủm tỉm một mình. Nhưng nhớ nhiều vẫn là cái thời mình còn rất trẻ, chưa vợ con gì, hăng hái và thơ ngây, những năm tháng của mọi sự bắt đầu nên không thể quên, người không quên, cảnh cũng không quên, tất cả vẫn sống động, tươi tắn như mình vừa mới bước ra từ đó. Nào ngờ thấm thoát đã nửa thế kỷ rồi.

Năm 1953, Hai Trung vẫn còn làm ở Nha Thuế quan Sài Gòn, có nhiệm vụ thu thập tin tức về sự tăng viện và di chuyển của quân đội Pháp từ cảng Mácxây tới Sài Gòn, rồi từ đây chuyển sang các tàu nhỏ đưa quân ra miền Trung, ra miền Bắc qua các cảng Đà Nẵng và Hải Phòng, chuyển quân bằng đường biển thì an toàn hơn đường bộ nhiều. Tết năm Giáp Ngọ, tức là Tết năm 1954, tôi mới 28 tuổi, chưa vợ con gì nhưng đã vào nghề tình báo chiến lược được dăm năm, từ ngày đầu thành lập tổ chức này. Trước Tết khoảng mười ngày, tôi nhận được lệnh

trong hai ngày mồng 4 và mồng 5 Tết phải có mặt ở bưng để gặp Xứ uỷ nhận nhiệm vụ mới. Ngày mồng 3 Tết, tôi đi xe đồ xuống thị xã Bạc Liêu đến chơi và chúc Tết ông sếp đoàn ở đấy vì chúng tôi là đồng nghiệp, ngủ lại một đêm, sáng hôm sau lại đi xe đồ xuống Cà Mau thăm một ông anh, tôi nói thế. Bạc Liêu cách Cà Mau khoảng năm chục cây số nhưng chỉ đi nửa đường tôi xuống xe. Nơi đó tôi còn nhớ là Tác Văn, có một thánh thất của đạo Cao Đài, tôi lững thững tản bộ dọc đường số 4 khoảng một cây số nhìn về tay phải có một tiệm hớt tóc lợp lá là trạm liên lạc, liền rẽ vào hớt tóc. Tôi đã để tóc dài từ bữa nhận được lệnh ra bưng nên ngồi chờ hớt tóc là chuyện rất tự nhiên, không ai ngờ cả. Bên ngoài tiệm hớt tóc có một chị bán trái cây đẩy xe, chị liếc nhìn tôi rồi đẩy xe đi. Hớt tóc xong chỉ còn hai chúng tôi, một thợ một khách, người hớt tóc liền dẫn tôi vào buồng trong, thay bộ đồ Tây gói vào cái nóp, mặc đồ đen. Sau nhà là một cái lạch nước, có một cái xuống ba lá chờ sẵn. Chị bán trái cây đã ngồi ở phía lái. Chị nói: "Tôi đã nghĩ phải ngày mai anh mới tới". Tôi nói: "Tôi tới Bạc Liêu hôm trước để bữa nay tới đây cho sớm". Tôi cầm cái dầm cùng chèo, con thuyền lướt nhẹ theo sông Thới Bình vào sâu mãi trong cái mênh mông của U Minh Thượng, hai bên bờ sông là dừa nước và đủ loại trái cây của vùng nước mặn, lúp xúp có những mái chèo nhô lên trong đám lá xanh đen. Khung cảnh vừa tịch mịch vừa huyền bí của một vùng chiến khu, lại thêm nhiệm vụ đang gánh vác, lại có sẵn cái mộng mơ, cái lãng mạn của tuổi trẻ phút chốc cảm thấy mình với kháng chiến là một, mình với đất nước là một, mình là một phần tử của cái hùng vĩ bao la kia, nước mắt tự nhiên ứa ra với bao nhiêu cảm khái. Khoảng trưa thì tới trạm chờ, ăn cơm trưa và nghỉ lại khoảng vài tiếng rồi lại xuống xuống chèo tiếp vào Cái Bát là một điểm hẹn của Xứ uỷ Nam Bộ gặp cán bộ từ trong thành ra. Người gặp tôi tối hôm đó là đồng chí Lê Đức Thọ. Năm ấy ông Thọ mới ngoài bốn chục tuổi mà tóc đã bạc nhiều. Ông giao nhiệm vụ cho tôi phải tìm cách vào Bộ Tổng Tham mưu ngay trong năm nay vì sắp tới sẽ có cuộc chuyển giao chiến

lược chiến trường Đông Dương từ Pháp qua Mỹ. Dẫu Pháp còn cố chân chờ vì tiếc công tiếc của nhưng Mỹ sẽ nhanh chóng hất cẳng Pháp để nắm lấy Việt Nam nói chung và miền Nam Việt Nam nói riêng, chủ yếu là quân đội ngụy để kịp thời đối phó với những diễn biến phức tạp của tình hình. Nên người của mình phải sáp vô với Mỹ ngay từ bây giờ, đứng trong đội ngũ những người mà rồi đây Mỹ sẽ dùng, cộng tác với nó từ những ngày đầu, là một gương mặt quen thuộc, được tin cậy khi chúng còn lơ đãng thì sẽ rất có lợi cho những nhiệm vụ sau này. Nên nhớ tháng 2-1954 chưa có một dấu hiệu rõ rệt nào về những biến động có ý nghĩa lịch sử sẽ diễn ra trong những tháng tới, như ông Thọ nói. Nghe cấp lãnh đạo nói thế thì mình biết thế chứ trong bụng vẫn còn hồ nghi. Ông Thọ còn nói thêm nhiều chuyện khác nữa, khoảng hơn hai tiếng, lúc tôi sắp ra về, ông lại nhắc:

- Trung mới 28 hả? Còn trẻ chán! Những tháng tới là nhiều việc lắm đấy! Năm nay ngoài kia sẽ có đánh lớn, lớn hơn mọi năm nhiều, sẽ là một trận quyết chiến chiến lược. Sau đó có thể các bên phải ngồi vào bàn thương lượng, đã thương lượng thì chiến tranh có thể kết thúc trong năm nay. Chiến tranh tuy kết thúc nhưng chúng ta vẫn chưa hết việc đâu nhá, có khi còn nhiều hơn, mệt hơn vì kẻ thù chính lúc này là Mỹ, một đế quốc còn nguyên vẹn sức lực. Vẫn việc một chút là cậu phải lấy vợ đi chứ đợi xong việc có khi đã già. Mình sẽ bảo Mười Hương kiếm cho cậu một đám đàn ông hoàng (anh Mười là cấp trên trực tiếp của tôi).

Tháng 3-1954, trọng pháo của ta dội lửa xuống đồi Him Lam, mở đầu trận đánh Điện Biên Phủ. Tháng 5, toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ phải ra hàng. Từ đó những việc lớn liên tiếp xuất hiện ở miền Nam Việt Nam với bao nhiêu lo âu, nhốn nháo báo hiệu sự thay thầy đổi chủ. Nhân có lệnh động viên vào tháng 4-1954, các sĩ quan trừ bị phải nhập ngũ, tôi có người quen ở Bộ Tổng Tham mưu nên được về ngay phòng 5 của Bộ Tổng Tham mưu. Cuối tháng 5-1954, C.A.I.O thành lập, tức là tổ chức huấn luyện hỗn hợp của ba lực lượng: Pháp, Việt và Mỹ.

Lúc này người nói và viết thành thạo tiếng Anh trong quân đội còn rất hiếm nên tôi được đưa về bộ phận soạn thảo binh thư, tức là dịch các tài liệu tham mưu và hành quân của Mỹ sang tiếng Việt. Rồi làm cả phiên dịch khi cần, trở thành người cần thiết của cả ba bên, có lần tôi còn trực tiếp làm việc với Đại tá trưởng bộ phận huấn luyện của Mỹ. Nhiều sĩ quan cấp tá ngày ấy sau này đều là tướng hai sao, một người làm phó cho Oétmolen, một người làm Tư lệnh Sư đoàn Anh Cả Đỏ. Khi tôi đã làm nhà báo đến lấy tin, họ tiếp tôi ân cần như bạn cũ gặp lại chứ không có khoảng cách giữa ông Tư lệnh với các nhà báo, kể cả nhà báo Mỹ.

Tháng 7-1954, cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc nhưng tôi vẫn chưa rảnh việc để lo chuyện riêng của mình. Còn bạn hơn cả thời còn chiến tranh. Tiếng súng đã tắt nhưng chiến trường miền Nam Việt Nam lại sôi động hơn bao giờ hết với bao nhiêu âm mưu, bao nhiêu lực lượng giành giật nhau cái ghế Thủ tướng, sẽ là người ngoài của Pháp hay là người của Mỹ? Tháng 12-1954, cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm của lực lượng thân Pháp, Tổng Tham mưu trưởng cầm đầu bị thất bại đã buộc Mỹ và Diệm phải tổ chức lại quân đội. Việc tổ chức lại quân đội không chỉ nhằm đuổi hết các sĩ quan do Pháp đào tạo mà còn nhằm ứng phó với quân đội miền Bắc có thể bất thần tấn công một khi không có hiệp thương Tổng tuyển cử vào tháng 7-1956, sợ rằng tới lúc ấy cái đám lính tráng rệu rã của ngụy với 300 cố vấn quân sự của Mỹ như Hiệp định Giơnevơ quy định sẽ trở tay không kịp, có khi còn thua nhanh hơn cả trận đánh ở Điện Biên Phủ. Nên với tôi không có cái Tết năm 1956 (Bính Thân) vì cuối năm 1955 chính quyền Diệm đã vội vã thu gom các Tiểu đoàn khinh quân thời Pháp thành sáu Sư đoàn để đầu năm 1956 đã có thể hành quân được".

Anh Trung ngồi nín lặng một lúc rồi nói thêm:

- Bữa nọ có một người bạn Mỹ, nguyên là cấp tướng thời quân Mỹ còn ở Việt Nam nay là giáo sư ngành sử, qua Sài Gòn chơi, gặp tôi còn nói đùa: "Tôi là cựu chiến binh của quân đội Mỹ

còn ông là cựu chiến binh của những năm quân đội". Tôi nói: "Tôi chỉ là cựu chiến binh của Quân đội nhân dân Việt Nam thôi". Ông ta bảo không phải, rồi kể tôi là cựu chiến binh của quân đội Pháp là một, của Quân lực Cộng hòa là hai, của quân đội Mỹ là ba, của Việt cộng là bốn, của quân đội tôi đeo lon tướng hiện giờ là năm. Cũng đúng, hả? Tôi tuy là chiến sĩ của Quân đội nhân dân từ năm 1946, từ năm còn là một chiến sĩ quân báo nhưng quả thực cũng có dính líu nhiều tới công việc tham mưu của các đội quân kia, từ năm có chiến tranh tới năm kết thúc.

Tôi lại hỏi:

- Vậy anh tìm vợ năm nào?

- Năm 1957, công việc tạm ổn định đã định tìm vợ vì đã ngoài ba mươi rồi, gia đình cũng giục già nhiều lần rồi thì anh Mười lại gợi ý tôi nên tìm vợ bọc mồi để mở rộng phạm vi hoạt động sang các lĩnh vực khác. Theo anh Mười lúc này làm nghề báo là hay nhất, kiếm được việc làm cho một tờ báo Mỹ, có trụ sở ở Sài Gòn thì càng hay, sẽ có cơ hội tiếp xúc rộng mà hoạt động cũng tự do hơn. Thế là tôi xin giải ngũ, sang Mỹ học nghề làm báo. Năm 1959, còn đang học dở dang thì được tin anh Mười bị bắt ở Huế, các cơ sở tình báo ở nhà bị tổn thất nặng nề lắm, liền viện cớ xin về. Về là lao vào tìm một việc làm hợp pháp, chấp nối lại liên lạc để nhận chỉ thị mới. Mất hai năm vừa buồn vừa căng thẳng còn tâm trí đâu nghĩ đến chuyện vợ con. Mãi tới năm 1962 tôi mới gặp được bà nhà tôi hiện giờ.

Lấy nhau được vài năm, chị mới hỏi công việc thật của chồng và từ đó là người đứng sau mọi chiến công của chồng. Đã có lần tôi nói đùa với chị: anh là Anh hùng Lực lượng vũ trang thì chị phải là phó Anh hùng. Không có người vợ này thì làm sao có người anh hùng ấy?...

ANH SÁU THỌ TRÊN ĐƯỜNG RA TRẬN

Thiếu tướng Phan Hàm*

Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị họp tại Thủ đô Hà Nội. Tình hình chiến trường miền Nam dồn dập diễn tiến. Trong ngày 18, trên mặt trận Nam Tây Nguyên, lực lượng trinh sát mặt đất của ta trông thấy có nhiều đám khói cả trên đường 14 và đường 7. Triệu chứng gì đây? Quân địch rút lui chăng? Trung đoàn 16 lập tức cho một bộ phận đón đầu xuống nam Cheo Reo, còn phần lớn thì vòng qua đường 7, từ sau đuôi dồn tới. Máy vận quân địch ở Tây Nguyên đang bị kẹt lại trên đường lui quân về đồng bằng.

Cùng trong ngày 18 này, có tin quân địch ở đường 9 rút khỏi Quảng Trị.

Cả hai nguồn tin trên đã đưa đến một quyết định mới của Bộ Chính trị. Anh Ba Lê Duẩn kết luận hội nghị "Có phải chăng, đây là sự báo hiệu thời cơ để cho quân ta tổng tiến công để giải phóng toàn bộ miền Nam? Các đồng chí hãy suy nghĩ đi!". Và ngay tại phiên họp, Bộ Chính trị đã quyết định luôn: Anh Lê Đức Thọ lập tức vào miền Nam.

Thế là chỉ sau vài ngày chuẩn bị, anh Sáu lên đường ngay, anh đến Huế đúng vào ngày thành phố này được giải phóng. Khi vào tới Quảng Nam, anh mời anh Võ Chí Công lên Kon Tum làm việc. Nhưng chưa đến nơi, anh Võ Chí Công lại phải lo về, vì Quảng Nam được giải phóng vào ngày 29-3.

Bốn ngày sau đó, anh đã đến Buôn Ma Thuột. Địa điểm đón tiếp anh là căn cứ huấn luyện của Trung đoàn 45 ngụy, ở

phía đông thị xã. Đây là nơi tương đối an toàn nhất, vừa bảo đảm bí mật và trông bề ngoài có vẻ khang trang hơn các nơi.

Ài dè, trong lúc đang dọn quét phòng đón "ông khách quý", thì một tiếng nổ to đã phát ra gần đấy. Thì ra, trong khi anh em đang đốt rác bên ngoài, không ngờ trong đó có một quả lựu đạn và nhiều viên đạn nhỏ. Thế là lại phải cấp tốc tung người đi tìm chỗ khác. Chỉ còn non một tiếng đồng hồ nữa là "ông khách" sẽ đến.

Cuối cùng phải chọn nhà là cơ quan làm việc của ngụy quyền để lại, nhưng cũng chỉ có một phòng là còn nguyên lành. Cảnh vật xung quanh xơ xác. Khi đoàn vừa đến nơi, đã thấy đồng chí Bùi San và các đồng chí trong Tỉnh uỷ Đắc Lắc kéo đến. Lại làm việc, mất cả giấc ngủ trưa. Được gặp cấp trên để xin chỉ thị, trong lúc này còn gì bằng. Cho nên tuy biết là "ông khách" đi đường xa, mệt, nhưng chúng tôi vẫn cứ phải tranh thủ. Đồng chí bác sĩ đi theo đoàn cho biết sức khỏe của "ông già" chưa tốt lắm. Vì nóng lòng muốn vào sớm, nên luôn luôn phải vượt cung. Đã thế, đến địa phương nào cũng phải làm việc chẳng kể ngày đêm. Căng thẳng vô cùng.

Đường vào Nam Bộ lúc này đi lại khó khăn. Không phải vì đèo cao, dốc đứng, cũng không phải vì có suối sâu. Nhưng đường thì hẹp mà các đơn vị binh khí kỹ thuật, tên lửa, xe tăng choán hết cả mặt đường, cho nên phải đi theo đường 14 đầy bom mìn của hai bên ngụy và ta. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đoàn xe của "ông khách", tôi phải cho hai xe tải chở gạo đi trước và bản thân tôi dẫn đoàn đi, vì tôi cũng vào Nam Bộ.

Trạm đón tiếp của Trung ương Cục nằm dưới một lùm cây rậm. Gọi là trạm, nhưng lều tều chỉ có một cái lán nhỏ và một cái lán con. Trông qua dấu vết cũng biết xe qua lại nơi này rất nhiều. Nhác trông cũng thấy kỷ luật chiến trường ở đây rất nghiêm. Tất cả xe cộ đều núp kín, rải rác xung quanh. Từ đây

* Tham mưu phó Chiến dịch Hồ Chí Minh.

vào Trung ương Cục đi lại chỉ bằng một phương tiện duy nhất là xe Honda ôm, bất cứ khách là cấp gì.

Vừa đưa tay lên vành mũ chào, anh "lái xe ôm" đã ôm chầm lấy "ông khách" trước con mắt ngạc nhiên của mọi người.

- Anh Sáu, anh có khỏe không, anh Sáu. Anh Bảy (đồng chí Phạm Hùng) cho tôi ra đón anh đây! Mấy hôm nay, anh Bảy trông anh hết nói.

Đồng chí Lê Đức Thọ vỗ nhẹ vào vai "anh giải phóng". Lần thứ hai, mọi người ngạc nhiên.

- Ủa, Tư. Đạo này công tác ở đây à? Đã gặp vợ con chưa?

Vừa nói, anh Sáu Thọ vừa quàng xà cọt vào vai, rồi nhanh nhẹn leo lên chiếc Honda, ngồi gọn sau lưng "anh giải phóng" rất tự nhiên.

- Ta đi thôi!

Anh Văn Tiến Dũng, anh Phạm Hùng và các anh cán bộ Trung ương Cục đã đợi sẵn đứng đón từ ngoài. Vừa xuống xe, anh Sáu Thọ chạy đến ôm chàng lấy anh Phạm Hùng và anh Văn Tiến Dũng. Họ hôn nhau lâu hơn mọi lần, nghẹn ngào, chẳng nói nên lời. Mới xa nhau chỉ hơn 100 ngày mà tình hình đổi thay hơn cả một đời người, như những người vừa ra khỏi giấc mơ.

Suốt cả một đời, vào tù, ra tội, biết bao nhiêu lần đứng dưới máy chém nhìn lên, hay trong ngục tối nhìn ra, tính mệnh như nghìn cân treo sợi tóc, có ai trong họ nghĩ rằng có ngày họ cùng đứng bên nhau như thế này để nhìn đời xán lạn như hôm nay và tràn trề hy vọng về những ngày sắp đến. Trong cuộc đời làm cách mạng, mỗi người đều gánh vác nhiều trọng trách, nhưng có nhiệm vụ nào lớn hơn trách nhiệm mà Đảng đặt lên vai họ trong những ngày sắp đến: chỉ huy một Chiến dịch quy mô nhất, quan trọng nhất để kết thúc thắng lợi sau 120 năm cả dân tộc sống trong đêm dài nô lệ. Chiến dịch này còn thai nghén, nhưng thắng lợi gần như nắm chắc trong tay. Trong những cái hôn mặn nồng, thấm thiết, còn bộc lộ một ý chí sắt

đá, một quyết tâm cao độ và một sự nhất trí cao.

Ngày hôm sau bắt tay vào làm việc. Thượng tá Võ Quang Hồ cùng đi trong đoàn anh Sáu Thọ, có hé cho tôi biết hai điểm:

1. Quyết tâm của Bộ Chính trị đánh Sài Gòn - Gia Định rất cao,

2. Kế hoạch phải vững chắc. Nếu cần, có thể tăng thêm lực lượng phía sau lên và phải kết thúc Chiến dịch sớm.

- Bao giờ?

- Mùa khô.

Hôm thông qua kế hoạch tác chiến, có hai điểm mà cả ba anh Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng đã nhắc đi nhắc lại: Làm thế nào đánh vào một thành phố lớn hơn 3 triệu dân mà tránh cho được cảnh tên bay, đạn lạc cho đồng bào. Quân địch hãy còn quá đông, có thể đếm trên 300.000 tên. Làm thế nào để tránh bớt máu cho Sài Gòn.

Qua trao đổi, cả ba anh đều nhất trí đánh Sài Gòn không như đánh Buôn Ma Thuột, mà cũng chẳng giống như đánh Điện Biên Phủ. Mặc dù quân địch đông, đóng nhiều nơi, cả cái vỏ cũng rất cứng: Xuân Lộc, Nước Trong, Đồng Dù, Lai Khê, v.v. và cái ruột không yếu vì địch vừa có Quân khu 5, Khu 6, Trị Thiên kéo về. Cho nên không thể đánh bóc vỏ như kiểu Điện Biên Phủ, vì địch sẽ lùi dần vào trung tâm, kịch chiến dứt điểm ở đấy thì thế nào cũng đổ nát nhiều. Cũng không thể thọc thẳng vào trung tâm thành phố, bỏ qua bên ngoài được như ở Buôn Ma Thuột. Phải vừa đánh vòng ngoài, bao vây chúng lại, đồng thời có lực lượng mạnh đột vào trung tâm mà ở đây cũng chỉ đánh mấy mục tiêu chủ chốt thôi: Sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham mưu, Dinh Độc lập, Biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, còn các nơi khác thì quân chúng nổi dậy, dùng chính trị, binh vận làm cho địch tan rã, giành quyền làm chủ. Cho nên lực lượng chính trị, binh vận phải phối hợp chặt chẽ. Đây là nhiệm vụ của anh Nguyễn Văn Linh và các anh trong Trung ương Cục.

Ngoài Sài Gòn ra thì không dùng quân chủ lực để đánh các nơi khác. Chỉ cần đánh các đoàn quân đi tiếp viện, đi tăng

cường trên đường hành quân, còn vây chặt các nơi. Sài Gòn rồi thì các nơi sẽ rồi theo thôi. Bàn về kế hoạch tác chiến cụ thể, theo yêu cầu của anh Sáu Thọ, các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân trực tiếp xuống các kho hậu cần đôn đốc. Quân đoàn do tướng Nguyễn Hòa chỉ huy, được Bộ Tổng Tư lệnh tăng cường cho chiến dịch thần tốc hành quân bằng ô tô đang vào đến vùng tập kết nhận nhiệm vụ chuẩn bị xuất kích khi có lệnh.

Ngày mở màn chiến dịch không còn lâu mà mưa sớm đã bắt đầu ảnh hưởng đến vận chuyển đạn dược và hành quân cơ động của bộ đội. Chúng tôi thấy anh Sáu Thọ tỏ ra lo lắng, sốt ruột, anh đã nói lên tâm trạng của mình trong một bài thơ ngắn, bài *Mưa rơi*:

*Suốt đêm qua không ngủ,
Năm đêm tiếng mưa rơi,
Lo cho anh bộ đội,
Lầy lội quăng đường dài.*

...

*Hết tăng rồi lại pháo,
Mong chẳng thấy tăm hơi,
Chiến trường chờ từng phút,
Đừng mưa nữa, mưa ơi.
Đẻ đường mau khô ráo,
Cho xe vào đến nơi.*

(Lộc Ninh, 9-4-1975)

Khi kết thúc hội nghị xác định những vấn đề lớn để chuẩn bị gấp trước ngày thông qua lần cuối cùng 22-4-1975, anh Phạm Hùng luôn luôn tươi cười, thân ái nhìn mọi người. Trong bài phát biểu, anh đã nói lên tiếng nói của đồng bào Nam Bộ:

- Ở trong này, được tin quân ta thắng lớn ở Tây Nguyên, ai nấy đều vui mừng vì thấy có thể giải phóng cả miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong năm nay. Từ khi thành lập Đảng đến nay, đây là giờ phút lịch

sử vinh quang nhất, Đảng ta có truyền thống đoàn kết, nhân dân và Quân đội ta có truyền thống đoàn kết, Nam Bắc một nhà. Chúng tôi hoan nghênh sự có mặt kịp thời của các đồng chí trên chiến trường miền Nam.

Anh Phạm Hùng vừa ngồi xuống, mở hộp thuốc lá sợi vàng ra, anh Văn Tiến Dũng tiếp lời:

- Làm sao để chậm nhất đến ngày sinh nhật Bác Hồ, chúng ta có mặt ở Sài Gòn.

Anh Sáu Thọ bổ sung ngay:

- Trung ương giao cho Đảng bộ miền Nam, toàn thể các lực lượng vũ trang của ta phải hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam ngay trong tháng 4 này. Lúc ra đi, tôi có gặp riêng anh Ba Lê Duẩn, anh nói đại ý: Chúng ta nhất định thắng, nhưng cũng phải đề phòng có gì trắc trở thì ở luôn trong đó, làm xong nhiệm vụ rồi hãy về. Đó là quyết tâm của Bộ Chính trị.

Cuộc họp như có một luồng gió mới thoảng qua. Bầu không khí khác hẳn, anh Lê Đức Thọ móc từ trong túi áo một mảnh giấy nhỏ, rồi đọc:

*Anh dặn: ra đi thắng mới về,
Phút giây cảm động nói năng chi,
Lời anh là cả lời non nước,
Ngàn dặm Trường Sơn há ngại gì.*

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN

Đại tướng Văn Tiến Dũng*

... Hội nghị Bộ Chính trị vừa bế mạc thì hôm sau, ngày 9-1-1975, Thường trực Quân uỷ Trung ương họp, có mời thêm các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Hoàng Minh Thảo, Lê Trọng Tấn để quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị.

Chúng tôi nghe báo cáo của Bộ Tổng tham mưu về mục đích, yêu cầu của Chiến dịch Tây Nguyên. Đang họp thì được tin địch vẫn tiếp tục điều chỉnh sư đoàn dù để phòng thủ khu vực Đà Nẵng. Như thế là địch chưa phát hiện được lực lượng và chuẩn bị của ta ở Tây Nguyên.

Đến cuộc họp của Thường trực Quân uỷ, ý định đánh Buôn Ma Thuột mới thật sự rõ nét. Mọi người đều thấy ý nghĩa quan trọng của trận đánh vào thị xã này, nhưng cách đánh để thắng cho nhanh thì còn phải nghiên cứu thực tế tại chỗ mới đi tới quyết định được.

Cuộc họp vừa bắt đầu thì đồng chí Lê Đức Thọ bất ngờ mở cửa vào và ngồi họp với chúng tôi. Sau chúng tôi hiểu rằng Bộ Chính trị chưa thật yên tâm vì thấy ý định đánh Buôn Ma Thuột chưa được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch tác chiến, cho nên đã cử đồng chí Lê Đức Thọ đến tham gia góp ý kiến với chúng tôi là nhất quyết phải đánh Buôn Ma Thuột. Đồng chí Lê Đức Thọ nói sôi nổi: "Phải đặt vấn đề dứt khoát là giải phóng Buôn Ma Thuột. Ta có gần năm sư đoàn ở Tây Nguyên mà

* Nguyên: - Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng,
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

không đánh được Buôn Ma Thuột là thế nào?".

Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân uỷ Trung ương, kết luận xác định khu vực và mục tiêu tiến công, nhiệm vụ chiến dịch, hướng phát triển, sử dụng lực lượng, gợi ý về cách đánh, nhấn mạnh đến phương châm mạnh bạo, bí mật, bất ngờ, phải nghi binh rất nhiều để làm cho địch tập trung sự chú ý vào việc bảo vệ phía bắc Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên được mang mật danh "Chiến dịch 275".

Lúc này tại mặt trận Tây Nguyên, đồng chí Thiếu tướng Vũ Lăng, Tư lệnh mặt trận, cùng một số cán bộ bắt đầu lên đường đến vùng Buôn Ma Thuột nghiên cứu tình hình.

Theo đề nghị của đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ, Bộ Chính trị cử tôi vào chiến trường Tây Nguyên thay mặt Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh để chỉ huy trực tiếp tại chỗ...

...

Giữa lúc bộ đội Tây Nguyên nhanh chóng tiến quân xuống đồng bằng theo ba đường chiến lược, ngày 20-3, chúng tôi được điện báo cho biết Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương vừa họp xong để nhận định tình hình: thắng lợi to lớn của ta vừa qua có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu một bước ngoặt mới trong cuộc chiến tranh ở miền Nam, đánh dấu sự phát triển rất mới trong cục diện chung, một bước suy sụp mới của Mỹ, ngụy. Địch đang có ý đồ thực hiện cơ cụm chiến lược quy mô lớn nhằm tập trung lực lượng ở vùng Sài Gòn và một phần đồng bằng sông Cửu Long, có thể ở Đà Nẵng và Cam Ranh nữa, hòng tạo một thế tương đối vững để đi đến một giải pháp chính trị hoặc liên hiệp, hoặc chia cắt miền Nam. Vì vậy, ta cần tranh thủ thời gian cao độ, hành động khẩn trương; hết sức bất ngờ về thời gian, phương hướng, lực lượng và táo bạo, đồng thời bảo đảm chắc thắng. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị cân nhắc mọi mặt và *thực hiện phương án giải phóng Sài Gòn sớm hơn dự kiến.*

Bộ Chính trị sẽ cử đồng chí Lê Đức Thọ ngày 28-3 vào gặp bộ phận đại diện chúng tôi ở Tây Nguyên để phổ biến đầy đủ Nghị quyết. Đồng thời ở Hà Nội cũng đã điện triệu tập các đồng chí Phạm Hùng, Trần Văn Trà ở Nam Bộ, Võ Chí Công, Chu Huy Mân ở Khu 5 đến ngay chỗ chúng tôi ở Tây Nguyên để cùng dự nghe phổ biến và thảo luận kế hoạch thực hiện ý định của Bộ Chính trị.

Một cục diện mới đã mở ra. Một nhiệm vụ mới đang hình thành từ thực tiễn chiến đấu và từ bộ óc vĩ đại của Đảng ta. Một thời cơ lớn đã đến...

Chúng tôi đã chuẩn bị xong nơi họp để đón đồng chí Lê Đức Thọ vào phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị cho các đồng chí phụ trách trong này. Đây là một khu nhà tre, nửa dựng tạm thời ở Chư Leo cạnh đường số 14, phía tây Thuận Mẫn. Thấy tình hình diễn biến quá nhanh, nhất là suốt dải miền Trung Trung Bộ đã được giải phóng, chúng tôi điện về Bộ Chính trị đề nghị cho chúng tôi không họp ở Tây Nguyên nữa mà đi thẳng vào Nam Bộ, đợi đồng chí Lê Đức Thọ vào luôn trong đó. Đồng chí Lê Đức Thọ rời Hà Nội ngày 28-3, đáp máy bay vào Đồng Hới. Đồng chí đi lòng vui như hội và đêm đầu tiên dừng chân ở Quảng Bình đã làm mấy vần thơ tặng đồng chí Lê Duẩn:

*Anh dặn: ra đi thắng mới về,
Phút giây cảm động nói năng chi,
Lời anh là cả lời non nước,
Ngàn dặm Trường Sơn há ngại gì.
Đường vào tiền tuyến lắm tin vui,
Thắng trận reo mừng khắp mọi nơi,
Giục giã đường xa mau kịp bước,
Thời cơ thuận lợi tới nơi rồi...*

Ngày 31-3, cả đồng chí Lê Đức Thọ đang đi dọc Trường Sơn và tôi ở Buôn Ma Thuật đều nhận được điện hỏa tốc của

đồng chí Lê Duẩn chỉ thị: "Cần tranh thủ thời gian hành động khẩn trương. Vì vậy, anh Tuấn nên vào Nam Bộ sớm gặp anh Bảy Cường (Phạm Hùng) họp ngay. Anh Sáu (Lê Đức Thọ) vào luôn trong đó để họp. Anh Bảy Cường và anh Tư Nguyễn (Trần Văn Trà) không lên Tây Nguyên nữa". Cả đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân ở Khu 5 cũng nhận được điện thông báo của Bộ Chính trị không phải lên họp ở Tây Nguyên nữa.

Thật ra, đồng chí Võ Chí Công, khi Tây Nguyên vừa giải phóng, đã từ Khu 5 đi lên, đến Kon Tum thấy tình hình chuyển biến lớn, ở đồng bằng Quân khu 5 có thời cơ phát triển nhanh liền quay về ngay để kịp chỉ đạo. Về đến Khu, đồng chí nhận được điện thôi không phải lên Tây Nguyên để họp với đồng chí Lê Đức Thọ nữa. Đồng chí Bùi San, sau khi làm việc với tôi ở Buôn Ma Thuột, vội vã ra Kon Tum để gặp đồng chí Võ Chí Công, cũng chỉ được làm việc trong chốc lát rồi chia tay ngay, vì tình hình hết sức dồn dập, khẩn trương. Ngay sau đó, đồng chí Lê Đức Thọ trên đường vào Nam Bộ đã gặp đồng chí Võ Chí Công tại Bến Giàng phía tây Quảng Nam, phổ biến Nghị quyết Bộ Chính trị giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Nguyễn Xuân Hữu (Bảy Hữu) thay mặt Khu uỷ Khu 5 và toàn Đảng bộ Khu 5 hứa sẽ làm hết sức mình để giải phóng tiếp những tỉnh còn lại của Khu 5, và sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của trận quyết chiến cuối cùng giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Ở cấp lãnh đạo, đồng chí nào cũng thấy cần phải hết sức tranh thủ thời cơ mới này.

Trước thời cơ mới, trước quyết tâm chiến lược mới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hết sức nô nức phấn chấn, tất cả đều sẵn sàng đem sức lực và trí tuệ của mình thi đua hoàn thành bất kể nhiệm vụ gì được giao phó.

Khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng" đã biến thành hiện thực ở thời điểm cao nhất, vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã nhanh chóng dồn sức người, sức của vào chiến trường, vào tiền tuyến lớn miền Nam. Suốt đêm

ngày Quân đội ta rầm rập tiến về phía trước, tiến vào Nam Bộ với khí thế thần tốc và niềm tin chắc thắng...

Chiều ngày 7-4, chúng tôi đang họp thì một chiếc xe gắn máy đến đỗ ngoài sân, chở một đồng chí người dong dỏng cao, mặc áo sơ mi màu xanh da trời, quần kaki, đầu đội mũ cứng bộ đội, vai đeo một chiếc xà cọt to, bằng da màu đen. Chúng tôi nhận ra ngay đấy là đồng chí Lê Đức Thọ. Cả phòng họp náo động, vui lên, mọi người đứng dậy. Chúng tôi ôm hôn nhau, mừng rỡ sung sướng.

Đây là chuyến đi công tác thứ ba vào Nam Bộ của đồng chí Lê Đức Thọ trong ba mươi năm qua, kể từ khi Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ. Có lần đồng chí đi bộ, vượt qua những đoạn đường rừng hiểm trở mang theo cơm nắm, lương khô. Lần này đồng chí đi máy bay, đi xe hơi và đi cả xe gắn máy để vào tới đây.

Đồng chí Lê Đức Thọ tươi cười kể chuyện trong nước, dư luận thế giới trước thắng lợi của ta, chuyện hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa và cả chuyện đi đường. Đồng chí cho biết: trước khi đồng chí lên đường, Bộ Chính trị và Bác Tôn căn dặn là "Ra đi, thắng mới về".

Ngày 8-4, trong cuộc họp đông đủ của Trung ương Cục, Quân uỷ Miền và Bộ Tư lệnh B2, có thêm các cán bộ của Bộ Tổng Tư lệnh tham dự, đồng chí Lê Đức Thọ phổ biến nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị họp ngày 25-3 ở Hà Nội. Đồng chí nói về nhận định của Bộ Chính trị về tình hình địch, ta trên chiến trường, âm mưu Mỹ - ngụy trước những thất bại vừa qua và nguy cơ sụp đổ sắp đến của chúng. Sau đó đồng chí nói kỹ về quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, nhấn mạnh đến tư tưởng chỉ đạo để thực hiện bằng được quyết tâm đó.

Cuối cuộc họp, đồng chí phổ biến quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Bộ chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định gồm có tôi làm Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng, Chính uỷ, đồng chí Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh. Riêng

đồng chí Lê Đức Anh lại kiêm phụ trách chỉ huy cánh quân phía tây nam Sài Gòn tức là Đoàn 232. Đồng chí Trung tướng Lê Trọng Tấn đang chỉ huy cánh quân phía đông cũng được chỉ định làm Phó Tư lệnh Bộ chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Đồng chí Đinh Đức Thiện là Phó Tư lệnh phụ trách về mặt hậu cần, giúp đồng chí Thiếu tướng Bùi Phùng, Cục trưởng Cục Hậu cần Miền. Đồng chí Trung tướng Lê Quang Hòa đang phụ trách Bí thư Ban cán sự cánh quân phía đông được điều động về làm Phó Chính uỷ kiêm Chủ nhiệm chính trị của Bộ chỉ huy Chiến dịch. Đồng chí Lê Ngọc Hiền được chỉ định quyền Tham mưu trưởng chuyên trách về tác chiến.

Bộ chỉ huy Chiến dịch sử dụng các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần vốn có của Miền để làm việc, có tăng cường thêm số cán bộ của đoàn A.75 vừa ở Tây Nguyên tới và từ Bộ Tổng Tham mưu phái vào, trong đó có các đồng chí Thiếu tướng Doãn Tuế, Tư lệnh bộ đội Pháo binh, Đại tá Nguyễn Chí Diễm, Tư lệnh bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, Đại tá Lê Quang Vũ, Cục phó Cục Quân báo, Đại tá Nguyễn Quang Hùng, Phó Tư lệnh bộ đội Phòng không - Không quân, Thượng tá Trương Đình Mậu, Cục phó Cục Quân huấn, Thượng tá Lê Xuân Kiện, Phó Tư lệnh bộ đội xe tăng, v.v..

Trung ương Cục miền Nam, Quân uỷ và Bộ chỉ huy Miền vẫn tiếp tục nhiệm vụ như trước đối với toàn Miền, chỉ có một số đồng chí trực tiếp tham gia Bộ chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Và lần này, trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn có ba đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng được cử ra phụ trách trực tiếp lãnh đạo mặt trận và nhận chỉ thị thắng của Bộ Chính trị...

Bằng giọng rất cảm động, đồng chí Phạm Hùng nhắc: "Làm sao lúc kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ, chúng ta đã có mặt ở Sài Gòn".

Đồng chí Lê Đức Thọ căn dặn các quân đoàn:

"Trung ương giao cho Đảng bộ miền Nam, toàn thể các lực

lượng vũ trang của ta hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Quân đoàn là lực lượng mạnh, đánh hiệp đồng binh chủng lớn, có trang bị hiện đại, lại có sự phối hợp với các lực lượng tại chỗ, có sự yểm trợ của các binh chủng và quân chủng khác, phải hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ta đánh Sài Gòn lúc địch đang ở thế tan rã, không còn ở thế mạnh. Nhưng đây là sào huyệt cuối cùng của chúng. Chúng không có đường chạy, sẽ cụm lại để đối phó. Chúng có 5 sư đoàn, ta có 15 sư đoàn, chưa kể các lực lượng dự bị chiến lược khác. Như vậy chỉ cho phép chúng ta đánh thắng. Đó là ý kiến của Trung ương. Lúc tôi đi các đồng chí trong Bộ Chính trị nói: "Phải thắng, thắng mới trở về". Đó là quyết tâm của Bộ Chính trị".

Sau khi phân tích tình hình, đồng chí đã khẳng định: "Đế quốc Mỹ hoàn toàn không có khả năng trở lại. Hiện nay tất cả những tin tức của Mỹ mà ta nhận được đều nói rằng chúng không còn khả năng can thiệp được, và dù chúng có liều lĩnh can thiệp đi nữa thì chúng cũng không thể đảo ngược tình thế, chúng chỉ thất bại nặng nề hơn, ta nhất định thắng. Mười mấy năm chiến đấu vừa qua, nhân dân ta đã dạy cho chúng những bài học đích đáng. Tình hình đối với ta rất thuận lợi, khả năng rất dồi dào, ta phải nắm thời cơ, làm cho nhanh, làm cho chắc".

Đồng chí Lê Đức Thọ còn dặn các quân đoàn phải chú ý tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng địa hình vì các quân đoàn mới đến đang lạ chiến trường, tìm hiểu tính chất phức tạp của cấu trúc trong thành phố Sài Gòn, cách tổ chức thông tin liên lạc trong khi tác chiến, cách tổ chức phòng không khi tiến quân và trú quân, v.v..

Đồng chí nhấn mạnh tính bất ngờ, dặn các đơn vị cố tạo ra nhiều cái bất ngờ đối với địch, nhằm đánh đúng chỗ hiểm yếu, các cơ quan đầu não địch. Đồng chí nói rất sinh động, dẫn hình ảnh của hai bên đánh nhau, ngay dù kẻ địch còn mạnh, mình đánh địch bất ngờ trúng huyệt thì nó sẽ ngã ngay.

Đồng chí không quên nhắc cho các quân đoàn biết là nhân

dân Sài Gòn có phong trào, có truyền thống đấu tranh cách mạng, tuy tạm thời bị kìm kẹp, nhưng có nhiều khả năng nổi dậy nếu được lực lượng quân sự hỗ trợ tiến công nhanh, mạnh, dồn dập, từ bên ngoài.

Về thời gian, đồng chí nhắc, mùa mưa sắp đến rồi, cần phải nhanh chóng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trước mùa mưa, hoàn thành trong tháng 5-1975 thì càng có nhiều ý nghĩa.

Trong khu rừng căn cứ Lộc Ninh, giữa tiếng âm vang của hàng đoàn xe tăng, xe kéo pháo chạy ngoài đường, tiếng chuông reo của hàng chục chiếc máy điện thoại...

Sau khi bàn bạc, thảo luận rất kỹ lưỡng, lại được Bộ Chính trị chỉ thị hướng dẫn và tăng cường thêm cán bộ từ Trung ương vào, đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Phạm Hùng trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra công tác chuẩn bị tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Quân uỷ Trung ương cũng cử đồng chí Thiếu tướng Giáp Văn Cương, Phó Tổng Tham mưu trưởng, dẫn một đoàn cán bộ và nhân viên kỹ thuật quân sự kịp vào gặp chúng tôi trước ngày bắt đầu tổng công kích để nhận nhiệm vụ tổ chức tiếp quản các cơ sở quân sự.

Trong những ngày này, các đồng chí Trần Văn Trà, Đồng Văn Cống, Lê Ngọc Hiền và tôi tập trung sức giải quyết vấn đề tổ chức hiệp đồng, thông qua các kế hoạch hành động và kế hoạch bảo đảm của các hướng, các quân khu, các binh đoàn, các quân chủng, binh chủng, và tổ chức công tác kiểm tra. Sở chỉ huy Chiến dịch thật là nhộn nhịp. "Khách" từ các nơi đến Sở chỉ huy để nhận nhiệm vụ, để báo cáo tình hình, để hợp đồng kế hoạch...

Chúng tôi hết sức chú ý theo dõi sát tình hình địch, nhất là tin tức Mỹ di tản. Bộ Chính trị chỉ thị cho chúng tôi chuẩn bị khẩn trương, làm việc hết sức nhanh, đốc các cánh quân sửa soạn gấp, và nhắc chúng tôi chú ý sẵn sàng nắm thời cơ để hành động.

Đúng lúc các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng và tôi vừa

hợp xong để soát lại lần cuối cùng công tác chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh thì chiều 21-4, Nguyễn Văn Thiệu sụt sùi tuyên bố rút khỏi cái gọi là "Tổng thống Việt Nam Cộng hòa".

Thế là kết thúc cuộc đời chính trị xấu xa của một tên Việt gian hết sức tồi tệ làm tay sai cho Mỹ, đã gây biết bao tội ác đẫm máu đối với đồng bào ta trong cả nước. Hắn than thân trách phận và oán thầy, chửi tớ bằng một giọng lính tầy. Hắn tiếc nhất là không đủ viện trợ, không có sự can thiệp của Mỹ để kéo dài chiến tranh và thách Mỹ có giỏi thì vào một lần nữa để đánh "Việt cộng".

Thiệu đổ là sự tan vỡ một ảo tưởng của Mỹ mưu toan dùng tập đoàn Thiệu làm công cụ tiếp tục chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh"...

Ngày 22-4, Bộ chỉ huy Chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch chính thức của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bản đồ quyết tâm Chiến dịch mang nét vẽ màu đỏ tươi chỉ hướng tiến công của các binh đoàn vào Sài Gòn - Gia Định được trải rộng ra trên bàn.

Với sự có mặt của đồng chí Lê Đức Thọ - đại diện Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta tại Mặt trận, và các đồng chí khác trong Bộ chỉ huy Chiến dịch, đồng chí Phạm Hùng - Chính uỷ và tôi - Tư lệnh Chiến dịch, cùng ký vào bản quyết tâm đó.

Chúng tôi vô cùng vinh dự được thay mặt cho tất cả đồng bào và đồng chí thân yêu, thay mặt cho hàng trăm nghìn cán bộ, chiến sĩ trên mặt trận Sài Gòn - Gia Định này...

Sau khi đã hoàn thành mọi công tác tổ chức hiệp đồng giữa các hướng, các quân chủng, binh chủng, chúng tôi sắp xếp lại Bộ Chỉ huy chiến dịch thành hai bộ phận: Tôi và đồng chí Trần Văn Trà đi với Sở chỉ huy tiền phương để xuống sát các hướng quan trọng, nắm chắc tình hình kịp thời và tiện chỉ huy; các đồng chí Lê Đức Thọ và Phạm Hùng ở lại Sở chỉ huy cơ bản để nắm toàn diện các vấn đề quân sự, chính trị, ngoại giao có liên quan đến chiến dịch và giải quyết những vấn đề chung của chiến trường B2...

Mở sáng ngày 26-4, chúng tôi lên xe đi đến Sở chỉ huy tiền phương của Chiến dịch đóng trong một căn cứ cũ của một đơn vị biệt động Sài Gòn, ở tây bắc Bến Cát. Chính từ căn cứ này, các chiến sĩ biệt động ta trong nhiều năm đã tổ chức nhiều cuộc tiến công vào giữa Sài Gòn, làm cho Mỹ - ngụy thiệt hại nặng nề. Sở chỉ huy là một khu lán lợp lá sơ sài, gió thổi bốn bề và ngồi trong nhà, nhìn qua mái thấy những mảnh trời xanh. Hai hôm sau, ngày 28-4, các đồng chí Lê Đức Thọ và Phạm Hùng cùng tới Sở chỉ huy tiền phương vì Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ chiều 26-4, tình hình rất khẩn trương, ngồi phía sau cách chúng tôi 3 tiếng đồng hồ đi xe hơi, các đồng chí sốt ruột, thấy cần tập trung vào một mối để nhanh chóng nắm tình hình, nhanh chóng cùng nhau xử trí các tình huống xảy ra.

Thế là sau 24 ngày đêm làm việc căng thẳng kể từ hôm chúng tôi từ Tây Nguyên vào đến Bộ Tư lệnh B2, hồi 17 giờ ngày 26-4, tiếng súng đầu tiên của Chiến dịch Hồ Chí Minh đã nổ ở hướng đông. Cũng cần nhắc lại là theo kế hoạch đã định, sáng ngày 27-4 đồng loạt các hướng đánh vào vùng ven Sài Gòn. Riêng hướng tây nam phải cắt đứt được đường số 4 trên nhiều đoạn từ cầu Bến Lức đến phà Mỹ Thuận. Từ ngày 29-4 sẽ đồng loạt đánh vào nội thành...

Tối ngày 28-4, sau khi phân tích tình hình chung, Bộ Chỉ huy Chiến dịch thấy địch đang hết sức hoang mang, chỉ huy rối loạn, Bộ Tư lệnh Quân khu 3 ngụy ở Biên Hòa tan biến dần. Trong hai ngày đêm đầu của chiến dịch, các cánh quân ta thực hiện đúng kế hoạch, cho nên Bộ chỉ huy Chiến dịch ra lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận vào sáng ngày 29-4 để tiến vào Sài Gòn.

5 giờ sáng ngày 29-4, khi các cánh quân ta đồng loạt nổ súng tiến công thì chúng tôi nhận được điện của Bộ Chính trị gửi lời kêu gọi và những chỉ thị sau đây:

1. Nhiệt liệt khen ngợi toàn thể các đơn vị đã lập được chiến công lớn trong những ngày qua, đập tan tập đoàn phòng

ngự phía đông, bắc, tây bắc và tây nam, cắt đứt đường số 4, tiến công các sân bay lớn của địch, hoạt động tốt ở ven Sài Gòn và nội thành Sài Gòn.

Kêu gọi toàn thể các cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, với quyết tâm lớn nhất, hãy nhanh chóng đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch với khí thế hùng mạnh của một quân đội trăm trận, trăm thắng, đập tan mọi sức đề kháng của địch, kết hợp tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Đồng thời phải giữ kỷ luật nghiêm, triệt để chấp hành mọi chỉ thị, mệnh lệnh; bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân; nêu cao bản chất cách mạng và truyền thống quyết thắng của quân ta, hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, giành thắng lợi hoàn toàn cho Chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại...

Lời kêu gọi của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và lệnh động viên của Bộ Chỉ huy Chiến dịch cổ vũ, giục giã mọi người bước vào trận đánh với một quyết tâm rất cao.

Đã hơn ba ngày ba đêm rồi, hàng trăm nghìn chiến sĩ, cán bộ ta vượt qua nhiều khó khăn nguy hiểm thừa thắng xốc tới. Kể từ khi tiếng súng mở màn Chiến dịch Tây Nguyên đến nay, có nhiều người con yêu quý của đất nước hy sinh cho thắng lợi. Và lúc này, trước cửa ngõ Sài Gòn, lại có những đồng chí ngã xuống dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng cao cả, có những đồng chí bị thương phải rời tay súng...

Sở chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh hoạt động nhộn nhịp trong đêm 29-4. Ánh đèn pin, đèn bão, đèn pha lóe sáng trong các lán và trên các đường đi. Ánh đèn điện rực sáng trong phòng tác chiến. Những mái đầu bạc xen lẫn những mái tóc xanh cặm cùi trên tấm bản đồ, nhìn những mũi tên sắc nét màu đỏ đang được vẽ kéo dài, chỉ thẳng vào các mục tiêu lớn đã chọn sẵn trong Sài Gòn. Phía sau phòng tác chiến, một dãy máy điện thoại đã chiến làm việc không ngừng.

Các máy vô tuyến điện đang truyền vào không trung những tín hiệu. Đó là chỉ thị bổ sung của Bộ chỉ huy Chiến dịch gửi xuống tất cả các đơn vị trước 00 giờ ngày 30-4-1975...

Lịch sử có những khi lặp lại trong quá trình phát triển. Cũng như ông cha ta trong đêm trước những cuộc tổng công kích chiến lược cuối cùng chống ngoại xâm, các chiến sĩ ta trên mặt trận Sài Gòn đêm 29 rạng sáng ngày 30-4 sức sôi khí thế quyết thắng thần tốc. Trong giờ phút thiêng liêng này, trong ngày cuối cùng này của thời hạn giải phóng Sài Gòn do Bộ Chính trị ấn định, các chiến sĩ viết trên mũ, trên tay, trên băng súng lời hịch bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!"...

9 giờ 30 phút, bộ phận đi đầu đến cầu Rạch Chiếc. Cầu này đã được quân biệt động ta đánh chiếm trước và giữ cho đến lúc quân chủ lực tới.

Những bộ phận đi đầu của Đoàn 232 trên hai hướng Tây Nam và Nam, đang tiến gần về phía Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy.

Trên đường số 4, ta vận động tiến công tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ sư đoàn 22 ngụy mới khôi phục, liên đoàn 6 biệt động quân, giải phóng thị xã Tân An, đánh chiếm chi khu Thủ Thừa.

Cũng trong sáng ngày 30-4, để hòng vớt vát được chút gì, ngụy quyền Sài Gòn triệu tập một cuộc họp các "tổng trưởng" ngụy ở "Dinh Độc Lập" để làm lễ ra mắt "tân nội các" vào 10 giờ sáng.

Nhưng đã quá muộn. Đúng vào lúc 9 giờ 25 phút, chúng được tin đã mất bốn sư đoàn: 5, 18, 22 và 25, các lữ đoàn thủy quân lục chiến, thiết giáp bị đánh tan nát, quân ta đã đánh vào Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham mưu, các xe tăng ta đã vượt qua các cầu trên sông Sài Gòn, thành phố bị chia cắt hẳn với quân đoàn 4 địch ở đồng bằng sông Cửu Long. Trước tình thế đó chúng thấy: thế là hầu như không còn gì nữa và buộc phải đưa

ra một tuyên bố của "tổng thống" ngụy xin ngừng bắn. Bản tuyên bố ấy được viết, thu tiếng nói vào băng ghi âm tại "Dinh Độc Lập" và đưa đi phát thanh...

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị ngay cho mặt trận như sau:

"Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của địch".

Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, sau khi thảo luận tập thể, đã ra mệnh lệnh sau đây gửi ngay cho các quân khu, quân đoàn, các đơn vị:

1. Các quân khu, quân đoàn, đơn vị tiếp tục phát triển tiến công thật nhanh vào các khu vực và mục tiêu đã quy định trong thành phố và địa phương.

2. Kêu gọi quân địch đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí, bắt giữ và tập trung các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên.

3. Nếu chỗ nào địch chống cự thì lập tức tiến công tiêu diệt ngay...

Các cánh quân tiến nhanh về 5 mục tiêu chủ yếu để rồi từ đó tỏa ra...

Nhìn trên bản đồ tác chiến, năm cánh quân của ta như năm bông sen nở tung ra từ năm mục tiêu tiến công chủ yếu, Quân đoàn 1 đã chiếm Bộ Tổng Tham mưu ngụy và khu Bộ Tư lệnh các binh chủng địch. Quân đoàn 3 chiếm Sân bay Tân Sơn Nhất và đã gặp một cánh quân trụ sẵn ở đây: phái đoàn quân sự của ta ở trại Đêvít, một cảnh gặp nhau lý thú đầy xúc động. Quân đoàn 4 chiếm Bộ Quốc phòng ngụy, cảng Bạch Đằng và đài phát thanh. Đoàn 232 chiếm Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát ngụy. Quân đoàn 2 chiếm "Dinh Độc Lập", nơi bọn ngụy đầu sỏ tay sai Mỹ bán độc lập, buôn máu người và buôn lậu. Bộ đội ta xông ngay lên gác, nơi "nội các" ngụy đang họp và bắt giữ ngay tại chỗ toàn bộ đầu sỏ ngụy quyền trung ương, kể cả "tổng

thống" nguy. Bộ đội ta xử trí linh hoạt, tuyên bố vững vàng, biểu hiện khí thế một quân đội chiến thắng. Cờ cách mạng tung bay trên "Dinh Độc Lập". Lúc ấy là 11 giờ 30 phút ngày 30-4. "Dinh Độc Lập" trở thành hợp điểm của các cánh quân giải phóng Sài Gòn...

Điện của Bộ Chính trị gửi cho chúng tôi: "Đã nhận được tin ta đã cắm cờ trên "Dinh Độc Lập", gửi các anh lời chúc mừng đại thắng. Bộ Chính trị rất vui". Và có cả tiếng nói từ trái tim Tổ quốc qua máy điện thoại truyền đến chúng tôi "Chúc mừng đại thắng. Các anh trong ấy có nghe thấy tiếng pháo nổ không? Hà Nội đang ran tiếng pháo đấy".

...

Mới cách đây 17 ngày, khi giao nhiệm vụ cho từng Quân đoàn tiến công vào Sài Gòn và phân công tiếp quản thành phố, chúng tôi chỉ bàn với nhau trên bản đồ. Hôm nay ngồi giữa Sài Gòn đã giải phóng, chúng tôi đã nhìn tận mắt, đến tận nơi để bàn bạc và giao nhiệm vụ "trên thực địa". Có đồng chí thốt lên "Nhanh quá. Đẹp hơn cả giấc mơ".

Ít hôm sau, đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Võ Nguyên Giáp từ Hà Nội đáp máy bay vào Sài Gòn hạ cánh ở Sân bay Tân Sơn Nhất. Dưới ánh nắng tháng 5 rực sáng của Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Bí thư thứ nhất kính yêu của chúng ta bước xuống máy bay, tay cầm khăn chấm giọt nước mắt. Nhiều năm hoạt động gian khổ trên chiến trường miền Nam, đồng chí hiểu sâu sắc giá trị của chiến thắng vĩ đại hôm nay. Gặp các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Trần Quốc Hoàn, các đồng chí Trung ương Cục và tôi cùng nhiều đồng chí khác ra đón, đồng chí Lê Duẩn ôm hôn thấm thiết, biểu dương việc làm đã qua và nhắc tới nhiều việc quan trọng mới phải làm.

Hôm Chủ tịch Tôn Đức Thắng dẫn đầu Đoàn đại biểu miền Bắc vào Thành phố Hồ Chí Minh dự lễ chiến thắng, các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, các đồng chí trong Trung ương Cục, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc

giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát, các vị trong Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam và nhiều vị khác cùng hàng nghìn nhân dân Sài Gòn đủ lứa tuổi cầm cờ hoa ra đón Bác Tôn tại Sân bay Tân Sơn Nhất. Các đồng chí Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt và tôi lại là thành viên của đoàn miền Bắc. Máy bay vừa dừng bánh giữa tiếng reo mừng của nhân dân, chúng tôi lên máy bay đến chào Bác Tôn tại chỗ Bác ngồi. Tôi đứng nghiêm báo cáo với Bác Tôn:

"Báo cáo đồng chí Chủ tịch nước, các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam"...

Sau lễ chiến thắng trước Dinh Độc Lập, trở thành trụ sở Ủy ban quân quản thành phố lúc đó, và mừng kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, các cán bộ cao cấp chỉ huy các đơn vị, các cơ quan, các ngành tham gia Chiến dịch cùng về Đà Lạt dự Hội nghị sơ kết Chiến dịch. Tiết trời Đà Lạt tháng 5 làm nhớ đến tiết trời Hà Nội sang thu. Tính từ khi Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đến nay vừa tròn 5 tháng.

Hội nghị họp tại Khách sạn Palát, tòa nhà lớn nhất Đà Lạt nhìn xuống hồ Xuân Hương và cả một vùng trung tâm thành phố. Đây là nơi 29 năm về trước, trong cuộc đàm phán giữa ta và Pháp, thực dân Pháp ngoan cố đòi tách Nam Bộ khỏi Việt Nam và lập lại ách thống trị cũ dưới một hình thức mới. Hôm nay, tại đây, có đông đủ đại diện các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam đã giành toàn thắng cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã giành lại hòa bình, độc lập, thống nhất trọn vẹn cho dân tộc. Anh em đồng chí hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ bên nhau từ mọi hướng chiến dịch, từ mọi mặt trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy toàn thắng, người phía trước, người phía sau, lần đầu

gặp nhau đông đủ, tay bắt mặt mừng. Nhìn những khuôn mặt thân yêu, chúng tôi nhớ đến giọng nói, dòng chữ, qua đài, qua điện, bao nhiêu phút giây nghiêm trang hoặc căng thẳng, sáng khoải hay hồi hộp của mấy tháng trường chiến dịch đánh không nghỉ.

Đồng chí Phạm Hùng, Chính uỷ thay mặt Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, khai mạc hội nghị...

Đồng chí Lê Đức Thọ, thay mặt Bộ Chính trị, biểu dương chiến công vĩ đại của quân và dân ta, phân tích một cách sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân nói chung và đặc biệt của Chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh toàn thắng. Đồng chí nói đại ý:

Chúng ta thắng do nhiều nguyên nhân. Cái chính nhất, cơ bản nhất, quyết định nhất mọi thắng lợi là sự lãnh đạo đúng đắn và tài tình của Đảng. Thắng lợi còn do những nguyên nhân về truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân ta, tinh thần chiến đấu anh dũng của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của bè bạn trên thế giới.

Khi nói đến sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta cần thấy rằng sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương, trong quá trình cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này là rất chính xác và rất sắc bén. Thắng lợi hôm nay là kết quả một quá trình lâu dài 30 năm kháng chiến. Cả nước ta kháng chiến 30 năm và 30 năm ấy rèn luyện con người chúng ta, rèn luyện bộ đội chúng ta, cho ta nhiều kinh nghiệm quý. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám tạo điều kiện cho chúng ta kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi tạo điều kiện cho chúng ta xây dựng miền Bắc thành căn cứ cách mạng vững chắc của cả nước để thắng Mỹ. Ta đuổi được quân Mỹ ra mới tạo điều kiện đánh cho ngụy nhào. Ngay trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này cũng có sự liên tục chiến đấu để giành toàn thắng. Chúng ta giải phóng Buôn Ma Thuột mở ra đột phá khẩu chiến

lược, và giải phóng Tây Nguyên tạo ra cái thế đánh thắng địch ở Huế, Đà Nẵng và toàn bộ Khu 5, đập tan ý đồ co cụm chiến lược của địch. Thắng lợi Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Khu 5 cùng với những cuộc tiến công và nổi dậy có tính chất dây chuyền ở các vùng rừng núi, nông thôn Nam Bộ đã tạo ra tiền đề vô cùng thuận lợi cho trận quyết chiến cuối cùng - Chiến dịch Hồ Chí Minh đi đến toàn thắng.

Trong quá trình nhiều năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chúng ta đã làm cho chúng bị bất ngờ nhiều lần. Sau khi ký xong Hiệp định Pari, Kítxinhgiơ nói với ta rằng: Mỹ bị hai cái bất ngờ. Thứ nhất là, lúc Mỹ đánh Đường 9 - Nam Lào năm 1971, chúng không ngờ ta điều bộ đội tới đây nhanh đến như thế và lực lượng phòng không của ta ở đây mạnh đến như thế. Thứ hai là, năm 1972 Mỹ không ngờ ta đưa xe tăng vào tới tận An Lộc, vào xa đến như thế. Nhưng không phải chỉ có ở An Lộc, mà trên chiến trường miền Nam năm 1972, ta còn đánh trên một số mặt trận khác cũng bằng xe tăng. Mỹ không phải chỉ bị hai bất ngờ đó. Cuộc tiến công Tết Mậu Thân cũng là một bất ngờ với Mỹ làm cho chúng thiệt hại lớn và buộc chúng phải thay đổi chiến lược. Miền Bắc đánh thắng máy bay chiến lược B52 cũng là một bất ngờ đối với chúng. Mỹ định hủy diệt ta nhưng lại bị ta đánh cho thua đậm. Đây là một trận thắng tiếp sức rất lớn cho Đoàn đại biểu ta ở bàn đàm phán Pari. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 của ta, địch cũng lại bị nhiều cái bất ngờ lớn hơn. Nhưng điều bất ngờ lớn nhất đối với Mỹ chính là việc đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam. Đây là bất ngờ cơ bản nhất và là sai lầm chiến lược của chúng.

Đế quốc Mỹ luôn luôn ngoan cố và chúng phải gánh lấy hậu quả việc làm sai trái của chúng. Ngay sau khi ký xong Hiệp định Pari về Việt Nam, và trong tháng 6-1973, tại Pari, ta đã nói thẳng với Kítxinhgiơ như sau:

Chính Mỹ đã vi phạm nghiêm trọng Hiệp định Pari về Việt Nam, tiếp tục chiến tranh xâm lược thực dân mới. Mỹ cứ cố

tình và trắng trợn vi phạm Hiệp định mà lại đòi chúng tôi tôn trọng Hiệp định thì thật là hết sức vô lý. Chúng tôi không bao giờ khoanh tay ngồi nhìn các ông vi phạm Hiệp định, không để cho các ông muốn làm gì thì làm đâu. Chúng tôi không bao giờ chịu phòng ngự một cách bị động. Chúng tôi giành cho mình quyền tự do hành động trước việc Mỹ vi phạm Hiệp định.

Đây là điều ta đã cảnh cáo Mỹ từ lâu. Nhưng Mỹ và bè lũ tay sai cứ một mực ra sức phá hoại Hiệp định một cách có hệ thống và ngày càng đẩy mạnh chiến tranh, tăng cường các cuộc hành quân khủng bố, đàn áp nhân dân miền Nam. Để bảo vệ thành quả cách mạng và đập tan những cuộc hành quân lấn chiếm của chúng, chúng ta chỉ có một con đường là bạo lực cách mạng dựa trên lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, kiên quyết phản công và tiến công địch, để đi tới hoàn toàn giải phóng miền Nam.

V.I. Lênin từng dạy: Tránh nhất là khi thắng lợi rồi thì say sưa với thắng lợi. Say sưa thì dễ đi đến chỗ tự mãn và mất cảnh giác. Đế quốc Mỹ thất bại ở Việt Nam nhưng âm mưu đen tối của chúng chưa hết. Chúng cùng với những lực lượng phản động luôn luôn tìm cách phá hoại thành quả cách mạng của chúng ta. Chúng luôn luôn xen vào rất dữ, phá rất dữ. Cho nên chúng ta phải nâng cao cảnh giác, xây dựng một nền quốc phòng vững mạnh, một quân đội hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu và luôn luôn có ý chí quyết thắng cao để bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

Ngoài ra, chúng ta phải hết sức tránh tư tưởng công thân, địa vị. Như đồng chí Lê Duẩn đã nói, chiến thắng này thuộc về Đảng ta, thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, thuộc về nhân dân và các chiến sĩ anh hùng chúng ta, thuộc về các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc. Thắng lợi này là của cả nước, không thuộc riêng người nào, đơn vị nào, địa phương nào. Sức mạnh của toàn thắng là sức mạnh của cả nước, của mọi người và mọi gia đình, sức mạnh của tinh thần yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí Lê Đức Thọ còn phân tích rất sâu sắc nghệ thuật quân sự độc đáo của Việt Nam, đặc biệt nghệ thuật chiến dịch trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 36 - 316.

NHỮNG NĂM THÁNG QUYẾT ĐỊNH

Đại tướng Hoàng Văn Thái*

... Mấy ngày sau, Hãng Thông tấn AP (Mỹ) thú nhận: "số phi công Mỹ bị mất trong 5 ngày (từ 18-12 đến 22-12) bằng 13 phần trăm tổng số phi công đang bị giam ở Bắc Việt Nam". Tiếp đến Hãng Roito (Anh) bình luận: "các nhà quan sát quân sự ở Oasinhton ước tính rằng với mức độ bị bắn rơi như hiện nay, chỉ trong vòng 3 tháng nữa, Mỹ có thể hết nhả B52".

Phía Mỹ bắt đầu hạ giọng. Níchxơn phải tuyên bố ngừng ném bom, bắn pháo, thả mìn, phong tỏa bờ biển từ vĩ tuyến 20 trở ra. Kítxinhgiơ lại lên đường đi Pari, tiếp tục cuộc đàm phán. Một sự thú nhận thất bại của mưu đồ gây sức ép lớn nhất với ta.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh ngoại giao cũng gặp không ít khó khăn. Sau cuộc họp riêng với Kítxinhgiơ và khi bản dự thảo Hiệp định về cơ bản đã được hai bên thỏa thuận và sẽ được ký vào ngày 23-1-1973, anh Sáu Thọ điện về cho anh Phạm Hùng và Trung ương Cục biết: Cần dự kiến ba vấn đề lớn nổi lên trong việc thi hành Hiệp định sắp tới ở miền Nam:

1. Về mặt quân sự, thế nào bọn ngụy cũng còn đòi "rút quân miền Bắc".

2. Về chính trị, có vấn đề thành lập Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc.

3. Vấn đề thả những người bị bắt của hai bên.

Chúng tôi suy nghĩ và trao đổi ý kiến ngay về những vấn đề này.

Mấy tháng cuối năm, theo chủ trương của Trung ương

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,

Cục, một bộ phận gồm các anh Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Trần Bửu Kiếm và tôi cùng một số cán bộ giúp việc có nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, chuẩn bị cho việc thành lập Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc, nghiên cứu các thành viên của ta trong Chính phủ liên hiệp ba thành phần theo tinh thần dự thảo Hiệp định mà ta và Mỹ đã thỏa thuận, dự kiến những nhân vật trong thành phần thứ ba có thể hợp tác với ta...

Chúng tôi nhất trí với ý kiến của anh Sáu Thọ từ Paris điện về ngày 17-1 nói rằng cần đề phòng chiến tranh có thể trở lại do địch gây chiến ở một số khu vực nào đó, thậm chí chiến tranh có khả năng lan rộng. Bởi vậy, đi đôi với đấu tranh chính trị, ngoại giao và pháp lý, việc tranh thủ thời gian củng cố và xây dựng lực lượng, nhất là lực lượng vũ trang trong các vùng căn cứ và giải phóng, là cấp thiết để sẵn sàng đối phó với tình huống chiến tranh trở lại. Trước mắt, địch có thể tập trung lực lượng đánh ra để giành lợi thế trước khi có ký kết. Vấn đề sẵn sàng chiến đấu, tích cực đánh trả địch, giữ vững vị trí, giữ vững các vùng căn cứ và giải phóng của ta, cũng như vấn đề tranh thủ thời cơ nhanh chóng xây dựng và phát triển các cơ sở hậu cần kỹ thuật là hết sức quan trọng, cần được quán triệt xuống tận cơ sở...

Cuộc họp của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ngày 18-3 diễn ra trong bối cảnh cục diện chiến trường đang chuyển biến rất nhanh. Mở đầu, anh Ba vui vẻ thốt lên: "Tình hình phát triển nhanh quá". Đó dường như là suy nghĩ chung của các anh có mặt trong cuộc họp. Anh Ba nói tiếp:

- Tây Nguyên là một mối quan trọng để đánh phá địch. Vừa qua, chúng bị 4 bất ngờ:

1. Bất ngờ vì không phá được Hiệp định mà còn bị ta kiên quyết đánh lại.

2. Bất ngờ về quy mô tác chiến của ta, chúng cho rằng đến năm 1976 ta mới đánh lớn, chứ không phải năm 1975.

3. Bất ngờ về hướng tiến công của ta ở Tây Nguyên.

4. Bất ngờ vì Tây Nguyên võ quá nhanh.

Tiếp đó, anh nói về đánh địch co cụm và hướng phát triển tiến công về Sài Gòn.

Theo anh, nếu để cho địch co cụm được, chúng sẽ mạnh. Phải làm sao cho địch suy yếu ngay trong quá trình co cụm, ngay khi chúng còn đang phân tán cả ở Khu 5, đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông. Địch co cụm vì chúng thấy phân tán binh lực thì sẽ yếu. Nhưng ta khẳng định: Chúng càng co cụm càng bị tiêu diệt lớn hơn. Ta phải tạo ra ba quả đấm: chủ lực, nông thôn và đô thị, cả ba đều phải mạnh. Phải tạo nên binh biến. Phải tập trung 9 sư đoàn vào hướng Sài Gòn và phía sau phải có 4 đến 5 sư đoàn dự bị. Như vậy sẽ tạo được bất ngờ và sức mạnh sẽ tăng lên gấp ba đến bốn lần... Đánh Sài Gòn là khó. Phải diệt cho được ít nhất là 3 sư đoàn địch. Lực lượng quân sự phải tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch...

Anh Lê Đức Thọ đi sâu đánh giá khả năng can thiệp trở lại của Mỹ. Anh khẳng định sự suy sụp của quân ngụy trên chiến trường lần này là rất cơ bản vì không còn quân Mỹ làm chỗ dựa. Vấn đề đặt ra là Mỹ có trở lại không, chúng có dám liều không? Những khó khăn của Mỹ vượt ngoài cả sự suy nghĩ của ta. Chúng không còn khả năng trở lại can thiệp. Từ khi quân Mỹ trực tiếp nhảy vào đến nay (từ 1965 đến 1975) tức là 10 năm qua, chưa lúc nào ta có thời cơ tốt đẹp như hiện nay. Ta đã dự kiến địch co cụm, nay nó co cụm sớm hơn, nó mong giữ được lực lượng để co cụm, co cụm để giữ được lực lượng, nhưng chúng lại bị thiệt hại nặng nề. Ta phải đánh ngay trong lúc địch co cụm để chúng tiếp tục suy yếu đi. Nó co cụm ở đâu? Ta phá thế nào? Nó co về giữ đường chiến lược và các căn cứ chiến lược dọc bờ biển và đồng bằng. Ta phá trên hai mặt trận: tiến công của chủ lực và đòn nông thôn đồng bằng, phá bằng bao vây,

chia cắt và tiêu diệt. Như anh Văn nói, ta có cơ sở để dứt điểm trong năm 1975. Vấn đề là tổ chức, là hậu cần, là cán bộ...

Tiếp đó, điện của đồng chí Bí thư Quân uỷ Trung ương viết: Sau khi nhận được điện của anh (ý nói bức điện số 57 của anh Dũng)... tôi đã bàn với anh Sáu Thọ và xin ý kiến anh Ba, trước mắt nhất trí với kế hoạch phát triển và sử dụng lực lượng như trong điện của anh.

Động viên cán bộ và chiến sĩ có quyết tâm thật lớn truy kích tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng các tỉnh ven biển, kể cả Nha Trang và Cam Ranh; cần có kế hoạch tăng cường cán bộ và trang bị, nhanh chóng phát triển các lực lượng tại địa phương đã giải phóng, giao việc củng cố địa phương cho lực lượng tại chỗ, tập trung lực lượng lại càng sớm càng tốt để củng cố, đồng thời khẩn trương triển khai việc chuẩn bị mọi mặt ở hướng trọng điểm...

Trong cuộc họp chiều ngày 24-3, sau khi nghe chúng tôi báo cáo tổng hợp tình hình từ sau cuộc họp ngày 18-3, anh Ba nhắc lại tóm tắt những mốc lớn trong những năm qua,... anh Ba đặt vấn đề và các anh thảo luận... Anh Văn phát biểu thêm về vấn đề địch co cụm hay sẽ rút chạy khỏi Đà Nẵng... anh Phạm Văn Đồng đặt vấn đề phải đánh nhanh, thắng nhanh... Anh Lê Đức Thọ nhắc lại quyết tâm chiến lược của ta trước đây là hoàn thành giải phóng miền Nam trong hai năm. Nay nội dung đó không thay đổi, nhưng nhịp độ phát triển nhanh hơn, phải làm cho Tây Nguyên, Đà Nẵng và Sài Gòn là ba đòn liên tiếp không đầy một năm. Cuộc tổng tiến công đã bắt đầu từ Tây Nguyên và kết thúc với Sài Gòn. Sau Đà Nẵng, ta còn hai Quân đoàn dự bị, đạn còn nhiều, vận chuyển nhanh. Phải bắt đầu Sài Gòn từ bây giờ. Hiện nay B2 đã hình thành thế bao vây Sài Gòn. Chỉ có một điều là lực lượng tại chỗ chưa đúng mức thôi...

Trên đường vào Nam, ngày 1-4, anh Sáu Thọ¹ cũng điện ra cho anh Ba và anh Văn, đề nghị không nên cho Sư đoàn 10 tiếp tục phát triển xuống Cam Ranh rồi sau đó tiến theo dọc đường biển vào B2, mà nên từ Tây Nguyên vào gấp chiến trường trọng điểm. Anh Thọ cho rằng lực lượng Khu 5 cộng với một bộ phận lực lượng Tây Nguyên cũng đủ sức giải phóng Quy Nhơn - Bình Định, rồi phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hòa, Cam Ranh và cả Phan Rang, Phan Thiết. Các đồng chí lãnh đạo Khu 5 có kinh nghiệm vận dụng kết hợp ba thứ quân, kết hợp tiến công và nổi dậy...

Hôm sau, ngày 3-4, Bộ Tổng Tham mưu nhận được điện anh Thọ gửi anh Ba, anh Văn, đồng thời gửi anh Dũng, nhất trí với cách xử trí của Bộ Chính trị và Quân uỷ. Điện viết: ... Nếu Sư đoàn 10 đã tiến sâu như vậy thì có thể giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 10 và thêm 1 sư đoàn của Khu 5, phát triển giải phóng Phan Rang, Phan Thiết và tiến xuống giải phóng Bà Rịa - Ô Cáp. Hiện nay nhiệm vụ Khu 5 đã xong, có thể rút đi một sư đoàn để thêm sức với Sư đoàn 10 mà đánh. Tiến như vậy rất bất ngờ, có thể nhanh chóng tiến sát, bao vây Sài Gòn về hướng Đông. Đường tiếp tế tuy có kéo dài ra, nhưng ta lợi dụng được đường 1 và phương tiện vận chuyển trong dân vùng mới giải phóng thì có thể vận chuyển tiếp tế tương đối nhanh và thuận lợi hơn là hướng từ miền Đông xuống...

Như vậy là từ ngày 31-3, trong lúc sư đoàn khẩn trương phát triển từ đường 21 xuống phía Nha Trang, Cam Ranh thì các bức điện trao đổi đã dẫn đến sự nhất trí về việc sử dụng sư đoàn này cũng như toàn cánh quân ven biển - cánh quân hướng Đông.

Tình hình phát triển khẩn trương và những mục tiêu còn lại ở ven biển cực Nam Trung Bộ đặt ra yêu cầu cấp bách về mặt chỉ đạo chiến lược là tăng thêm lực lượng cho cánh quân

1. Sau cuộc họp ngày 25-3, theo sự phân công của Bộ Chính trị, ngày 28-3 anh Lê Đức Thọ vào chiến trường B2 cùng các anh Phạm Hùng và Văn Tiến Dũng thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

này, cũng tức là tăng thêm lực lượng cho hướng Đông và Đông Nam của chiến trường trọng điểm. Qua các bức điện trao đổi, anh Thọ, các anh ở B2 và Khu 5 đều nhất trí như vậy...

Mấy ngày cuối tháng 4, cơ quan tham mưu đang tổng hợp tình hình, chuẩn bị cho cuộc họp ngày 26 của Bộ Chính trị thì nhận được điện đề ngày 25-4 của anh Thọ gửi anh Ba. Bức điện dài 10 trang đánh máy mang đầy đủ tình hình mọi mặt của chiến trường B2 trong cả mấy tuần qua. Bức điện cho chúng tôi hiểu rõ hơn, đúng hơn tình hình cả về ta và về địch từ những ngày đầu đánh Xuân Lộc đến lúc bấy giờ, trước ngày mở màn trận quyết chiến cuối cùng.

Anh Thọ nhất trí với nhận định của Bộ Chính trị trong cuộc họp ngày 22-4 nói rằng thời cơ đã chín muồi, ta phải tranh thủ từng giờ để mở cuộc tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch. Để lâu, không những tình hình chính trị, ngoại giao càng thêm phức tạp mà những trận mưa đầu mùa đã sắp đến. Nhưng anh cho biết tình hình tại chỗ có những khó khăn cụ thể, khiến ta có muốn làm ngay cũng không thể được...

Về hậu cần, vì số đơn vị tăng vọt, chiến trường lại xa, đường dài, phương tiện vận chuyển thiếu, nên dù đã cố gắng rất lớn, hậu cần của Trung ương cũng như của chiến trường vẫn đứng trước rất nhiều khó khăn, nhất là về đạn dược.

Mặc dù đã cùng nhau xác định không được cầu toàn, vừa đánh vừa bổ sung, nhưng cũng phải bảo đảm những điều kiện tối thiểu để mở màn chiến dịch, đánh thắng giòn giã.

Hiện nay địch chưa phán đoán được cách đánh của ta, ta sẽ dùng lối vây ép, tiêu diệt chúng ở vùng ngoài, lấn dần rồi mới đột kích hay dùng lối đánh thẳng ngay vào bên trong?

Cách bố trí hiện nay của địch là nhằm ngăn chặn ta từ xa, nhất là ở hướng Bắc và Tây Bắc. Địch đã có kế hoạch phá cầu nếu chúng thấy không giữ nổi. Một trong những nỗi lo ngại nhất của bộ đội ta bây giờ là nếu địch phá được cầu thì trở ngại lớn cho việc tiến quân của các binh chủng kỹ thuật. Ta đã có kế

hoạch đánh chiếm cầu, giữ cầu và có cả kế hoạch làm cầu khác hoặc đánh trong điều kiện không có xe tăng và pháo binh vì không vượt được sông.

Anh Lê Đức Thọ cũng nói về kế hoạch kết hợp tiến công và nổi dậy và đã chuẩn bị những gì để thực hiện được sự kết hợp đó. Các anh đã kiểm tra và góp ý vào kế hoạch của các khu và tỉnh. Anh Võ Văn Kiệt đã xuống vùng đồng bằng để đôn đốc việc này. Các anh trong đó cũng tin rằng khi ta tiến công vào trọng điểm Sài Gòn, địch bị thất bại thì lực lượng của chúng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ tan rã và các địa phương sẽ có điều kiện nổi dậy.

Ở mặt trận trọng điểm Sài Gòn, các anh trong đó dự kiến địch có thể co cụm về hướng Bắc và Tây Bắc, về sát Sài Gòn hơn nữa và đã thảo luận với các quân đoàn đánh địch như thế nào khi chúng co cụm.

Bức điện của anh Thọ còn cho biết vì sao vừa qua bộ đội Miền không thực hiện được tốt chủ trương của Trung ương Cục là tranh thủ thời cơ thuận lợi cuối tháng 3, không đợi chủ lực ở ngoài vào, chủ động mở ra 3 hướng hoạt động ở Xuân Lộc, đường 4 và ở hướng Tây Nam sát Sài Gòn. Nguyên nhân hoặc là do tổ chức đánh và cách đánh chưa tốt, hoặc do lực lượng không đủ, hậu cần khó khăn vì quá xa, v.v..

Trở lại tình hình chuẩn bị đang diễn ra hết sức khẩn trương cho chiến trường trọng điểm Sài Gòn, điện của anh Thọ khẳng định:

"Các anh yên tâm, chúng tôi hết sức tranh thủ từng ngày, từng giờ và chỉ trong vài hôm nữa, một số nhược điểm trên cơ bản được khắc phục, thì bắt đầu tiến hành (mở màn chiến dịch) ngay như đã định".

Bức điện đã được đọc trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 26-4. Hội nghị nhất trí với nhận định và chủ trương của các đồng chí lãnh đạo ở chiến trường.

Khoảng 6 giờ, hai bức điện cùng đến một lúc, một của anh

Lê Đức Thọ, một của anh Phạm Hùng và anh Văn Tiến Dũng được viết hồi 13 giờ 30' ngày 30-4. Các anh nói về lời tuyên bố đầu hàng của Dương Văn Minh, về lệnh cho các cánh quân tiếp tục phát triển tiến công thật nhanh vào các khu vực và mục tiêu đã quy định; và lời kêu gọi quân địch còn lại đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí; về chỉ thị bắt giữ và tập trung các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên, nếu nơi nào địch chống cự thì lập tức tiến công tiêu diệt ngay. Các anh cũng đã chỉ thị cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long chớp thời cơ nổi dậy, đánh đổ toàn bộ chính quyền của địch, lập chính quyền cách mạng, lập uỷ ban quân quản ở địa phương...

Sau khi nghe điện báo cáo của các anh trong chiến trường, anh Ba tóm tắt những vấn đề đã được trao đổi ý kiến hôm nay và nhắc lại một số việc dự kiến bàn trong cuộc họp chính thức của Bộ Chính trị vào ngày 3-5 để chuẩn bị Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương sắp tới.

Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định* (Hồi ký), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 12 - 257.

KÝ ỨC TÂY NGUYÊN

Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp*

Sáng ngày 23-4, tôi và anh Vũ Lăng có mặt lần thứ hai tại Bộ chỉ huy Chiến dịch báo cáo quyết tâm và nhận nhiệm vụ chính thức. Nhiệm vụ lần này có thay đổi so với lần thứ nhất. Cụ thể như sau: Với lực lượng trong biên chế, có pháo binh và cao xạ Chiến dịch chi viện, quân đoàn đảm nhiệm một hướng tiến công chủ yếu của Chiến dịch Tây Bắc vào Sài Gòn. Dùng lực lượng cơ sở đoàn hoặc sư đoàn tăng cường tiến công tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, Tân Quy, Củ Chi, Trảng Bàng, bao vây tiêu diệt Sư đoàn 25 ngụy không cho co cụm về Sài Gòn. Tổ chức lực lượng đột kích mạnh binh chủng hợp thành thọc thẳng vào Sài Gòn, đánh chiếm Sân bay Tân Sơn Nhất, hiệp đồng với đơn vị bạn đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu, Dinh Độc Lập; đồng thời có nhiệm vụ giữ vững mục tiêu phụ trách, bảo vệ kho tàng và ổn định trật tự, an ninh thành phố.

Trên hướng tiến công của quân đoàn, lực lượng địch khá mạnh. Vòng ngoài gồm Sư đoàn 25, các liên đoàn biệt động quân số 9 và 32, liên đoàn 6 công binh, khoảng 2 vạn tên của Trung tâm huấn luyện Quang Trung, Trung đoàn thiết giáp số 10, Lữ đoàn nhảy dù số 4, 20 tiểu đoàn bảo an ở Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Bình Dương, Gia Định và lực lượng pháo binh có tới 86 khẩu từ 105 đến 175 ly. Ở Sân bay Tân Sơn Nhất có Sư đoàn 5 không quân, bộ đội tư lệnh dù, Bộ Tư lệnh không quân, Bộ Tư lệnh thiết giáp ngụy. Chiều sâu phòng ngự của địch trên hướng tiến công của quân đoàn khoảng 100 km.

* Nguyên: - Ủy viên Trung ương Đảng,

Sau khi nghe anh Vũ Lăng báo cáo quyết tâm chiến đấu của quân đoàn, các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Chiến dịch cho rằng quyết tâm của quân đoàn đã thể hiện tốt nhiệm vụ được giao. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, quân đội dành nhiều thời gian phân tích những vấn đề quân đoàn cần quan tâm giải quyết, để thực hiện nhiệm vụ một cánh quân trên một hướng chính của Chiến dịch.

Đồng chí Lê Đức Thọ nói:

- Ngày 22-4, Bộ Chính trị họp nhận định thời cơ đã chín muồi, ta phải tranh thủ từng giờ để mở cuộc tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch. Để lâu không những tình hình chính trị, ngoại giao càng thêm phức tạp mà các trận mưa đầu mùa đã đến. Quân đoàn 3 ngoài nhiệm vụ chính của mình còn phải hiểu những vấn đề chung của Chiến dịch lịch sử này. Thắng lợi của quân và dân Tây Nguyên là một bước ngoặt chiến lược mở đột phá khẩu cho toàn miền Nam, buộc địch đi vào co cụm chiến lược. Nhiệm vụ của quân đoàn là đột phá vào hướng chính, hướng mà có lực lượng địch đông hơn các hướng khác. Đánh vào Sài Gòn - thành phố lớn, trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế là đánh vào dinh lũy cuối cùng của địch. Chúng có phần cố thủ để giữ nhưng cũng có phần cố thủ để rút. Ưu thế của ta hiện nay hơn địch nhiều (địch có nhiều nhất là 5 sư đoàn), thời cơ thuận lợi, tương quan lực lượng cũng rất thuận lợi cho ta. Các sư đoàn của ta sung sức, có kinh nghiệm, trang bị mạnh hơn trước. Vì vậy, không cho phép không thắng, Trung ương đã dồn toàn bộ lực lượng vào thực hiện quyết tâm đó. Phải tranh thủ thời cơ mau hơn nữa, phải tranh thủ từng ngày, phải chuẩn bị cơ sở tốt để đánh thắng. Ta không cầu toàn, nhưng không thể quá vội vã. Vội vã mà vấp thì càng khó khăn cả về chính trị và ngoại giao.

Ngừng một lát, đồng chí Lê Đức Thọ nói tiếp:

- Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

- Các đồng chí bàn gì thì bàn, cuối cùng phải là tổ chức thực hiện. Phải nói rõ cho quần chúng nhiệm vụ, phân tích tương quan lực lượng làm cho mọi người tin tưởng, phải bàn kỹ về tổ chức cho thật cụ thể. Tổ chức quyết định thắng lợi. Quân đội vào thành phải giữ tư cách đạo đức của quân đội cách mạng. Các đồng chí phải giáo dục bộ đội tinh thần cảnh giác, không để địch dùng tiền, dùng gái lôi kéo mua chuộc. Bộ đội phải có kỷ luật, giữ gìn tài sản quốc gia, chống tự kiêu, tự đại công thần. Sự nghiệp nào cũng là sự nghiệp chung, phải hết sức khiêm tốn.

Đại tướng Văn Tiến Dũng đứng dậy chậm rãi nói:

- Anh Sáu Thọ đã có ý kiến quyết tâm cao giành thắng lợi càng sớm càng tốt, nhưng đánh phải có tổ chức bảo đảm chắc thắng. Trong ba nhiệm vụ của quân đoàn đã nêu thì nhiệm vụ chủ yếu của Quân đoàn 3 là tổ chức lực lượng mạnh đột kích liên tục, đánh ngã địch, chiếm các mục tiêu trong thành phố. Đánh Sư đoàn 25 ở ngoài chỉ là điều kiện, không thể đánh sư đoàn này mà dùng nhiều lực lượng, hoặc giằng co mất nhiều thời gian. Đánh ngoài và đột vào trong là đồng thời, không chia thành bước. Nhiệm vụ chính là bên trong. Các đồng chí tìm cách để khỏi tốn thời gian, tổn binh lực. Mục tiêu chính của Quân đoàn 3 là Sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham mưu. Còn Phủ tổng thống là sau khi cơ bản làm xong hai mục tiêu trên. Vì Phủ tổng thống là nhiệm vụ chủ yếu của một đơn vị khác. Nếu họ giải quyết xong rồi thì Quân đoàn 3 không phải vào.

Với giọng nói Nam Bộ trầm ấm, truyền cảm, đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy Chiến dịch Hồ Chí Minh căn dặn:

- Quân đoàn 3 phải tổ chức công tác chính trị thật tốt cho tới từng chiến sĩ, thời gian rất khẩn trương, trước mắt là yêu cầu nhiệm vụ, sau lưng là thời tiết, các đồng chí phải ra sức khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Trung ương Cục, Quân ủy Miền mong Quân đoàn 3 vào đủ để cùng hoàn thành nhiệm vụ Bộ Chính trị giao. Ta kết thúc sự

nghiệp dân tộc dân chủ trong cả nước, hoàn thành thống nhất nước nhà, nghĩ đến đó mừng lắm. Chúng ta phải mang lá cờ quyết chiến, quyết thắng của Bác Hồ cắm lên thành phố vinh quang mang tên Người, lấy thành tích chào mừng kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Bác.

Từ ngày thành lập Đảng đến nay, đây là giờ phút vinh quang nhất của dân tộc, quân đội ta như Quang Trung vào Thăng Long, vừa đuổi quân xâm lược, vừa thống nhất đất nước. Quân đội phải giữ nghiêm kỷ luật dân vận, bám lấy nhân dân thì khó khăn gì cũng giải quyết được.

Trung ương Cục và Quân uỷ Miền hoan nghênh thắng lợi to lớn của Tây Nguyên, hoan nghênh sự có mặt của Quân đoàn 3 tham gia làm nhiệm vụ trên hướng chủ yếu.

Chúc trước chúng ta toàn thắng!

Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp: *Ký ức
Tây Nguyên*, Nxb. Quân đội nhân dân,
Hà Nội, 2000, tr. 467 - 471.

BẤT NGỜ GẶP LẠI ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ Ở CHIẾN TRƯỜNG

Thiếu tướng Trần Văn Phác*

Chúng tôi nhận được một điện hỏa tốc, gọi một thủ trưởng của Đoàn 232, đúng 7 giờ sáng ngày 25-4 có mặt ở Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Các anh nhất trí cử tôi đi, vì Đảng uỷ và Bộ Chỉ huy Đoàn 232 vừa họp xong đã thống nhất mọi vấn đề. Nhân tiện, tôi sẽ kết hợp giải quyết một số việc của Cục Chính trị Miền còn đọng lại từ khi tôi đi chiến dịch này.

Tuy vậy, mấy anh em tôi vẫn phải chuẩn bị linh kính mãi khuya mới chợp mắt được một lúc. Vừa tảng sáng, chúng tôi vội lên đường. Vì phải mất khoảng 17 đến 18 tiếng ngồi liên trên xe honda mới về tới chỗ làm việc.

Chúng tôi trở về theo con đường hành lang biên giới vừa được mở ra bằng xương máu của đơn vị và nhân dân Tây Ninh và Long An. Bữa trước còn phải đi đêm, hôm nay trở lại, xe honda chở tôi chạy ro ro giữa ban ngày. Các xe tải quân sự, những đoàn honda thô của hậu cần chiến dịch nối đuôi nhau đổ ra phía trước.

Khi qua đồn Mộc Bài, một đồn biên giới quan trọng nằm trên quốc lộ số 1, nối liền Sài Gòn với Phnôm Pênh, tôi dừng lại một lúc ở ngay cây số không để quan sát lại địa hình. Đây là

* Nguyên: - Uỷ viên Trung ương Đảng,
- Bộ trưởng Bộ Văn hóa,
- Chánh Văn phòng Quân uỷ Miền,
- Bí thư riêng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh,

một đồn lớn, trước có cả lính Lon Non và lính của Thiệu cùng đóng chung để chống lại các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam và Campuchia.

Hôm chúng tôi đánh Mộc Bài, cả Thiệu và Lon Non đều lệnh cho hạ cấp phải tử thủ đồn Mộc Bài, phải giữ cho ngọn cờ "chính nghĩa" của hai quốc gia mãi mãi tung bay nơi biên giới thân thiện đó, và sẽ nghiêm trị những kẻ đón hèn bỏ chạy... Nhưng kết quả là cả bọn lính Thiệu và lính Lon Non đều buộc phải ra hàng tại chỗ, không kịp chạy. Giờ đây, trên đồng đồ nát của Mộc Bài, vẫn còn lại hai cột cờ. Cột cờ Lon Non bị pháo ta bắn gãy gục, còn ở nơi mút cột cờ của ngụy chỉ còn một mảnh vải vàng to bằng một miếng vá, chẳng còn động đậy nổi trước gió. Lúc tôi đứng đó, nhân dân ta từ trong vùng địch tạm kiểm soát vẫn nhộn nhịp tản cư ngược trở ra vùng giải phóng. Rõ ràng đồng bào vững tin vào cuộc đổi đời thực sự rồi.

Suốt cả ngày hôm đó, dưới trời nắng gắt tháng tư, chiếc xe honda chở tôi vẫn phóng vù vù. Đường nhiều ổ gà, xóc quá. Tôi còn e ẩm cả người nữa là đồng chí lái xe chắc là mệt dữ lắm. Nhưng chúng tôi đã quyết tâm phấn đấu bằng bất cứ giá nào cũng phải về đúng hẹn. Vì thắng lợi của chiến dịch là trên hết. Trong cuộc hành trình này, nhiều đoạn đường bụi ngập cả bánh xe, phải bơi thêm bằng hai chân, xe mới chạy nổi. Bụi nhuộm đỏ cả người và xe. Mỗi lúc nghỉ, chúng tôi nhỏ ở miệng ra hàng bãi bụi, móc ở mũi, ở tai từng cục bụi đỏ thẫm.

Mãi 1 giờ sáng ngày 25-4, tôi mới về tới Cục Chính trị Miền. Thế còn là nhanh và vẫn còn chút thời gian để nghỉ ngơi thoải mái.

Tôi đến Sở Chỉ huy chiến dịch sớm hơn giờ hẹn. Thật bất ngờ đối với tôi, khi tôi thấy đồng chí Lê Đức Thọ ở đó, đang nghe đồng chí thủ trưởng cơ quan tham mưu báo cáo tình hình mới nhất.

- Cậu ở 232 về báo cáo hả? Ngồi đây nghe tình hình xong rồi làm việc - Thấy tôi, đồng chí Lê Đức Thọ vui vẻ hỏi ngay.

- Chính uỷ Quân đoàn 232 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Tôi nhanh chóng tìm chỗ ngồi, lòng phấn chấn hẳn lên vì không ngờ lại được gặp đồng chí ở Sở Chỉ huy của chiến dịch lịch sử này.

Thấm thoát đã hơn 7 năm, tôi mới lại có dịp được gặp anh. Tôi vẫn nhớ tháng 7 đáng ghi nhớ năm 1967. Sau đám tang anh Nguyễn Chí Thanh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gọi anh Hoàng Cầm và tôi đến giao những nhiệm vụ mới ở chiến trường. Và trước khi lên đường, hai chúng tôi còn được đến nhận chỉ thị của đồng chí Lê Đức Thọ đem ra tiền tuyến. Hình như hồi đó, mái tóc của anh chưa bạc trắng như bây giờ. Ở Hội nghị Pari, các báo chí phương Tây đã nói nhiều về ông già đầu bạc luôn luôn tiến công tới tấp kẻ thù trên mặt trận ngoại giao. Tôi nghe các đồng chí được dự Hội nghị Pari nói lại, có lần đồng chí Lê Đức Thọ của chúng ta đã nói thẳng vào mặt Kítxinhgiơ quen lặt lọng rằng: "Anh là một thằng nói láo". Tên bọm Mỹ phải cứng họng không dám cãi lại. Nay với mái tóc trắng phau, đồng chí lại vào lăn lộn với chúng tôi ở chiến trường.

Sau khi nghe tôi báo cáo xong, đồng chí Lê Đức Thọ nhận xét:

- Tình hình bây giờ đang phát triển nhanh, rất có lợi cho ta. Các anh theo dõi tình hình đã thấy thằng Thiệu đổ là một thất bại rất đau của đế quốc Mỹ. Tình hình của địch rối tới mức tổ đổ cho thầy, thầy đổ cho tổ, chửi nhau om sòm. Thằng Mỹ bí quá, phải đưa thằng Hương lên thay sẽ càng rối dữ. Anh em mình phải nhận cho rõ bước phát triển mới này, chớp lấy thời cơ, hành động thật kiên quyết, táo bạo, giành lấy phần thắng.

Sau đó, anh chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ của Đoàn 232:

- Trên đường 4, Sư 5 chấp hành nhiệm vụ tốt. Nhưng qua mấy trận chiến đấu, quân số đã hao hụt, hậu cần còn khó, bộ sẽ giúp các anh giải quyết những khó khăn đó cho anh em. Tình hình này về phía các anh, các anh phải chỉ đạo cho các sư khéo sử dụng lực lượng, đừng dàn đều, mà phải kiên quyết tập trung vào đánh những trận thôi động làm cho kẻ địch phải sụp đổ nhanh. Sư 5 phải đánh cho được trận thôi động vào thị xã Tân An.

Trận thôi động của Sư 3 là thị xã Hậu Nghĩa. Còn Sư 9 phải kết hợp với các đơn vị bạn, đột phá mạnh, thọc mạnh vào trái tim của địch.

Anh chỉ thị cho các cơ quan, rồi anh quay lại nói tiếp với tôi, nét mặt rất vui và thân mật:

- Kể cậu cũng khỏe đấy! Chắc còn mệt phải không? Nhưng công việc đã tới nơi rồi, nên dù có mệt mấy, cậu cũng phải gắng ra ngay tiền phương báo cáo với anh Văn Tiến Dũng để anh ấy cho thêm ý kiến chỉ đạo kéo chậm mất.

Tôi lại phóng ngay ra tiền phương để báo cáo đồng chí Tư lệnh chiến dịch.

Năm nay trời mưa sớm. Dọc đường, chúng tôi đã gặp trận mưa đầu mùa. Đường chiến dịch lồi lõm, lại trơn. Hùng - đồng chí lái xe của tôi cũng thấm mệt nên hai anh em ngã lên ngã xuống. Tôi phải chủ động nhắc Hùng nghỉ từng chặng. Nhưng Hùng vốn là một chiến sĩ cũ, một đảng viên rất nhạy cảm với tình hình và rất quen với những việc khẩn trương của chiến dịch, nên cậu ấy cũng tìm cách làm yên lòng tôi:

- Em cũng mệt ít thôi, mình ngã nhiều là do xe tăng của ta đi nhiều, phá đường quá xá như vậy đó!

Và có một điều mà cả tôi và Hùng đều cùng lo là phải đến được tiền phương chiến dịch trong ngày và càng sớm càng tốt.

Thật là may, chạng vạng tối thì chúng tôi tới cơ quan tham mưu chiến dịch. Anh Lê Ngọc Hiền cho biết ngay là đã thu xếp để tôi báo cáo với anh Dũng vào giờ đầu sáng mai rồi, còn bây giờ cứ nghỉ và chuẩn bị tiếp.

Đêm đó, vì quá mệt, tôi đặt mình xuống là kéo gối một mạch cho tới sáng không còn biết trời đất gì nữa!

Tôi đến chỗ họp rất sớm, ngồi chờ sẵn. Đúng giờ, đồng chí Văn Tiến Dũng ung dung bước vào với nét mặt rất vui, có cả anh Trần Văn Trà và anh Lê Ngọc Hiền nữa. Trong phút đầu gặp đồng chí Tư lệnh chiến dịch, bỗng nhiên tôi xúc động quá. Nhiều đồng chí được ở gần anh nói với tôi về bản lĩnh chỉ huy của anh. Ngay từ thời anh cầm quân đánh Pháp ở đồng bằng

miền Bắc, dù gặp những tình huống gay go phức tạp thế nào, anh vẫn ung dung giải quyết mọi vấn đề đâu ra đó. Hôm nay tôi lại càng thấy rõ bản lĩnh quý báu đó của anh trong giờ phút lịch sử trọng đại ở chiến trường.

Giương mặt hơi gầy và cặp mắt nghiêm nghị của anh làm tôi nhận ra ngay anh đang có suy nghĩ căng thẳng về những vấn đề nóng hổi của chiến lược, chiến dịch. Vì vậy, tôi xác định cố báo cáo thật gọn, đầy đủ để khỏi mất thì giờ của đồng chí Tư lệnh chiến dịch.

Sau khi tôi báo cáo xong, anh Dũng nhận xét với vẻ hài lòng:

- Tình hình ở chỗ các anh, cơ quan chiến dịch vẫn theo dõi và nắm chắc. Hôm nay nghe anh báo cáo, thấy được cụ thể hơn. Quyết tâm của Đoàn 232, đối với hướng tây của chiến dịch như vậy là phù hợp với ý định chung của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Cố mà thực hiện tốt.

Đến đây, anh dừng lại hỏi tôi:

- Liệu Sư đoàn 5 có bảo đảm ngày 27-4 cắt hẳn được lộ 4 không?

Tôi quả quyết:

- Báo cáo bảo đảm!

Trần Văn Phác: *Tuyển tập*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

ĐƯỢC GẶP CỐ VẤN LÊ ĐỨC THỌ TẠI SỞ CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Đại tá Nguyễn Văn Tòng*

Sở Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh đặt tại Tà Thiết, căn cứ của Bộ Chỉ huy Miền. Trong những ngày giữa tháng 4-1975, nơi đây rất nhộn nhịp, đông người, đặc biệt là có nhiều cán bộ cao cấp. Các cuộc họp mở ra liên tục để bàn kế hoạch tấn công, giải phóng Sài Gòn. Chủ trì hội nghị là các Ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng.

Sau khi đã ra nghị quyết cuối cùng về kế hoạch tấn công Sài Gòn, các anh có nghỉ xả hơi vài ngày. Nói là nghỉ nhưng anh nào cũng tiếp tục suy nghĩ về kế hoạch tấn công Sài Gòn.

Ngày 20-4-1975, chúng tôi gồm Bùi Thanh Khiết, Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Văn Tòng được cố vấn Lê Đức Thọ mời lên thăm.

Cả ba là Phó Chủ nhiệm Cục Chính trị Miền, mỗi người phụ trách một mảng công tác nhưng người nào cũng nắm được tình hình chung Nam Bộ và Khu 6 vì đã chiến đấu hơn 10 năm trên chiến trường này.

Cố vấn gặp thân mật nên không có thư ký ghi chép, chỉ có người của Cục Chính trị lo phục vụ nước trà, trái cây.

Như thường lệ, Cố vấn bắt tay từng người hỏi thăm sức khỏe và bắt đầu câu chuyện ngay.

Cố vấn hỏi:

- Các anh thấy kế hoạch tấn công giải phóng Sài Gòn chắc thắng không?

Chúng tôi đồng trả lời:

- Chắc thắng 100%.

Cố vấn nói:

Mình phải chuẩn bị kỹ, tập trung lực lượng tối đa, đánh nhanh giải quyết nhanh trước mùa mưa để cho Mỹ dù có tính toán gì cũng trở tay không kịp. Nhưng cũng cần suy nghĩ thêm xem có vấn đề gì cần bàn nữa không, nhất là các mặt công tác mà các anh phụ trách.

- Các kế hoạch cụ thể từng mặt, chúng tôi đã hoàn tất, xin anh cứ yên tâm.

- Theo các anh, dân thành phố có ủng hộ cuộc hành quân này không? Có nổi dậy không?

Chúng tôi báo cáo với anh tóm tắt như sau: Từ sau Hiệp nghị Giơnevơ đến giờ, dân thành phố đã nhiều lần xuống đường tham gia nhiều cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm và tay sai, đòi tự do, đòi quyền sống, đòi quyền làm người, bảo vệ văn hóa dân tộc mà các phong trào học sinh, sinh viên làm nòng cốt. Đặc biệt, Tết Mậu Thân năm 1968, ta đánh được vào Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc lập, v.v. là nhờ dân giúp đỡ. Đợt 2 Mậu Thân, tháng 5-1968, các đơn vị chủ lực tiến vào Sài Gòn với tinh thần chiến đấu dũng cảm, quyết tâm giành thắng lợi, chấp hành kỷ luật dân vận nghiêm chỉnh đã để lại trong lòng dân Sài Gòn nhiều hình ảnh tốt đẹp, nhiều nhà dân đã nuôi giấu thương binh và dần dần chuyển anh em về vùng ta kiểm soát. Có thể nói dân Sài Gòn đã tiếp xúc với Quân giải phóng bằng xương, bằng thịt, đã nuôi chứa thương binh, nuôi giấu nhiều chiến sĩ đi lạc. Nhờ sự tiếp xúc đó mà những lời lẽ hù dọa, hình ảnh chiến tranh tâm lý của địch bị mất hiệu lực. Chúng tôi tin rằng dân Sài Gòn sẽ tiếp đón đại quân cách mạng. Tôi bổ sung: Đầu năm 1973, tôi có nhiệm vụ vào Sài Gòn với Phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, mỗi lần có việc đến Ủy ban Quốc tế đóng ở khách sạn Kỳ Hòa

* Nguyên Phó Chủ nhiệm Cục Chính trị Miền (B2).

bây giờ thì nhiều thanh niên chạy sau xe tôi gạt đầu chào, mỉm cười thân thiết.

Còn về nổi dậy, chắc chắn là có vì Thành uỷ đã chuẩn bị kỹ, nhất là ở các khu phố người lao động mà ta có nhiều đảng viên nòng cốt đang hoạt động. Cần báo cáo thêm với anh, có hàng trăm ngàn người ở các tỉnh, chủ yếu là các tỉnh mà địch bình định ác liệt đã chạy lên tạm tránh ở Sài Gòn, nhất định số dân đó sẽ tiếp ứng Quân giải phóng, cùng với dân Sài Gòn nổi dậy.

Anh Sáu gạt đầu tán thành ý kiến của tôi rồi anh nhìn sang anh Bùi Thanh Khiết hỏi tiếp:

- Anh có nhiều năm công tác ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ, anh có dự đoán gì về quân nguy trong thời điểm ta tổng tiến công.

Anh Khiết báo cáo:

- Ta đã có chính sách vận động nguy quân từ lâu. Một số lớn lính nguy hiện nay là con em các gia đình nông dân ở các tỉnh đồng bằng do địch đã tiến hành bình định, gom dân bắt lính quyết liệt. Phần lớn các gia đình này ta nắm được, nhất là từ khi có chính sách xếp các gia đình này vào diện "gia đình đau khổ". Họ thấy cách mạng thông cảm với hoàn cảnh của họ. Họ đã tham gia đấu tranh từ thấp đến cao: Từ hình thức kéo vào bệnh viện đòi chồng con đến tham gia bịt nòng pháo, cản đường xe thiết giáp của Mỹ - nguy.

Trong phong trào Đồng khởi từ năm 1960, nhiều xã, ấp giành được quyền làm chủ về tay nhân dân, có sự đóng góp của binh lính hoặc các đồn trưởng nguy; từ đó phổ biến phương thức ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận trong các cuộc khởi nghĩa từng phần và suốt quá trình cách mạng giải phóng miền Nam. Theo tôi dự đoán, khi ta mở cuộc tổng tấn công vào Sài Gòn và đồng loạt tấn công khắp Nam Bộ, bọn chỉ huy nguy có thể chống lại, còn binh lính dễ đầu hàng, tan rã nếu ta có cuộc vận động gia đình họ khi súng nổ tổng tấn công.

Đường như những báo cáo của chúng tôi đã cung cấp thêm cho anh Sáu những chi tiết bổ ích, anh lắng nghe và hỏi thêm anh Khiết (trước khi về Cục Chính trị Miền, anh Khiết là Phó Chính uỷ Quân khu 8).

Anh Sáu nói:

- Ngay từ đầu tháng 4-1975, Trung ương Cục và Quân uỷ Miền đã ra chỉ thị cho đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị gấp cho tổng công kích và tổng khởi nghĩa để phối hợp với Mặt trận Sài Gòn - Gia Định, chỉ thị quy định đồng loạt tấn công và nổi dậy từ ngày 29-4 theo phương châm: "Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã bằng lực lượng bản thân mình".

- Vậy theo anh, các tỉnh đồng bằng có hoàn thành được nhiệm vụ không? Có cần phải đưa chủ lực xuống không?

Chúng tôi nghĩ trong đầu nhất định hoàn thành được. Có lẽ anh Khiết cũng nghĩ như vậy nhưng anh tranh thủ uống một tách nước trà để suy nghĩ thêm rồi báo cáo:

- Thưa anh Sáu, tôi tin chắc là quân và dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long sẽ hoàn thành nhiệm vụ này với những kinh nghiệm đã trải qua như sau:

Trước năm 1960, khi chưa có Nghị quyết 15, nhân dân đồng bằng sông Cửu Long đã rục rịch nổi dậy giành quyền làm chủ ở một số vùng và cũng đã tổ chức lực lượng vũ trang để bảo vệ quyền làm chủ đó. Có trận đánh ở Đồng Tháp tiêu diệt cả tiểu đoàn địch (trận Gò Quao tháng 9-1959).

Khi có Nghị quyết 15, phong trào Đồng khởi rầm rộ nổi lên giành quyền làm chủ ở cơ sở trong nhiều tỉnh mà Mỹ - Diệm không dập tắt được. Đến năm 1962 - 1963, Mỹ phải phát động "chiến tranh đặc biệt", cho xe thiết giáp, trực thăng đàn áp phong trào. Nhưng đến năm 1965, chúng phải nhìn nhận thất bại và cùng năm này, Mỹ xâm lược miền Nam, tiến hành "chiến tranh cục bộ".

Trong những năm này, nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long bị chà đi xát lại, bom đạn không tả xiết, cuộc sống bị đảo lộn liên tục. Nhưng nhân dân vẫn đứng vững, quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. Sau khi Mỹ rút, Níchxơn tiến hành "Việt Nam hóa chiến tranh" rất thâm độc, nhưng cuối cùng đi từ thất bại này đến thất bại khác và ngày nay đang đứng bên bờ thất bại cuối cùng. Trong những thất bại chiến lược của Mỹ, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long góp phần không nhỏ.

Với những kinh nghiệm sau 15 năm chiến tranh, đoàn kết, năng động, sáng tạo của mình, tôi tin chắc quân và dân đồng bằng sông Cửu Long sẽ hoàn thành nhiệm vụ "Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã bằng lực lượng bản thân mình", khỏi phải đưa chủ lực xuống.

Câu chuyện nói là thăm hỏi nhưng toàn là hỏi những chuyện quan trọng. Cuối cùng để kết thúc, anh Sáu hỏi:

- Các anh bây giờ cấp gì?

Chúng tôi báo cáo:

- Đại tá.

- Vậy xong cuộc này, các anh lên tướng là vừa.

Xin báo cáo với vong hồn anh, chúng tôi không có ai lên tướng!

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ XUÂN 1975

Đại tá, TS. Trần Văn Thức*

Mùa Xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tiến công nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, kết thúc vẻ vang cuộc chiến tranh cách mạng suốt 30 năm (1945-1975). Thắng lợi vĩ đại đó là mốc son chói lọi trong trang sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, mở ra kỷ nguyên mới, có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và tầm vóc của thời đại to lớn.

Thắng lợi của dân tộc ta trong mùa Xuân lịch sử 1975, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, quan trọng là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam.

Nói đến vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đại thắng mùa Xuân 1975, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà tiêu biểu là Bộ Chính trị, trong đó có đồng chí Lê Đức Thọ.

Trong mùa Xuân năm 1975, đồng chí Lê Đức Thọ trên cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, đã tham dự các cuộc hội nghị của Bộ Chính trị đóng góp ý kiến vào các chủ trương chiến lược của Đảng về giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và vào cuối tháng 3 năm đó, đồng chí vào chiến trường miền Nam cùng với các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Hồ Chí Minh.

* Chủ nhiệm Bộ môn Lịch sử kháng chiến chống Pháp, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

1. Trước ngày lên đường vào chiến trường

Theo Hồi ký *Đại thắng mùa Xuân* năm 1975 của Đại tướng Văn Tiến Dũng, vào ngày 9-1-1975 (nghĩa là chỉ một ngày sau khi Hội nghị Bộ Chính trị diễn ra từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975 kết thúc), Thường trực Quân uỷ Trung ương họp, có mời thêm các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Hoàng Minh Thảo, Lê Trọng Tấn, nhằm quán triệt và thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị. Tại cuộc họp này của Thường trực Quân uỷ, ý định đánh Buôn Ma Thuột mới thực sự rõ nét. Mọi người dự cuộc họp của Thường trực Quân uỷ ngày 9-1 đều thấy ý nghĩa quan trọng của trận đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột, nhưng cách đánh để thắng cho nhanh thì còn phải nghiên cứu thực tế tại chỗ mới đi tới quyết định được.

Khi cuộc họp của Thường trực Quân uỷ (9-1) vừa mới bắt đầu thì đồng chí Lê Đức Thọ bất ngờ vào dự họp và phát biểu: Phải đặt vấn đề dứt khoát là giải phóng Buôn Ma Thuột. Ta có gần 5 sư đoàn ở Tây Nguyên mà không đánh được Buôn Ma Thuột là thế nào? Sự có mặt và phát biểu ý kiến của đồng chí Lê Đức Thọ tại hội nghị nói trên là do Bộ Chính trị chưa thật yên tâm, bởi thấy ý định đánh Buôn Ma Thuột chưa được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch tác chiến, vì thế nên Bộ Chính trị đã cử đồng chí Lê Đức Thọ đến tham gia góp ý kiến với Thường trực Quân uỷ là nhất quyết phải đánh Buôn Ma Thuột¹.

Trước khi lên đường vào Tây Nguyên làm đại diện Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh tại mặt trận Tây Nguyên (A75), đồng chí Văn Tiến Dũng đến chào các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ cùng các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương. Chia tay đồng chí Văn Tiến Dũng, đồng chí Lê Đức Thọ nói: "Trận đánh lớn này mà ta thắng thì nhất định sẽ tạo ra một thế mới rất lợi cho ta"¹.

Theo Đại tướng Hoàng Văn Thái, trong phiên họp của Bộ

1. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tr. 37.

Chính trị và Quân uỷ Trung ương, ngày 18-3, đồng chí Lê Đức Thọ có bài phát biểu quan trọng, trong đó đi sâu đánh giá khả năng can thiệp trở lại của Mỹ; khẳng định sự suy sụp của quân nguy trên chiến trường lần này là rất cơ bản vì không còn quân Mỹ làm chỗ dựa. Những khó khăn của Mỹ vượt ngoài suy nghĩ của ta. Chúng không còn khả năng can thiệp trở lại. Thời cơ đã đến. Ta dự kiến địch sẽ co cụm và thực tế chúng đã sớm co cụm. Ta cần phải đánh ngay trong lúc địch co cụm. Địch co về giữ đường chiến lược cùng các căn cứ chiến lược bờ biển và đồng bằng. Ta phá trên hai mặt trận: tiến công của chủ lực và đòn nông thôn đồng bằng, phá bằng bao vây, chia cắt và tiêu diệt. Vấn đề quan trọng của ta là công tác tổ chức, hậu cần và cán bộ².

Kết thúc phiên họp này, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương "nhất trí *hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm ngay trong năm 1975*; xác định phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu là Sài Gòn và trước mắt cần phải tiêu diệt ngay Quân khu 1 của địch. Với quyết tâm đó, trên thực tế, *cuộc tiến công chiến lược đã chuyển thành cuộc tổng tiến công chiến lược*"³.

Đại tướng Hoàng Văn Thái cho biết trong phiên họp của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương, ngày 25-3, đồng chí Lê Đức Thọ "nhắc lại quyết tâm chiến lược của ta trước đây là giải phóng hoàn toàn miền Nam trong vòng hai năm. Nay nội dung đó không thay đổi, nhưng nhịp độ phải nhanh hơn, phải làm cho Tây Nguyên, Đà Nẵng và Sài Gòn là ba đòn liên tiếp không đầy một năm. Cuộc tổng tiến công bắt đầu từ Tây Nguyên và kết thúc với Sài Gòn. Sau Đà Nẵng, ta còn hai quân đoàn dự bị, đạn còn nhiều, vận chuyển nhanh. Phải bắt đầu Sài Gòn từ bây giờ. Hiện nay B2 đã hình thành thế bao vây Sài Gòn. Chỉ có

1. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân, Sđd*, tr. 45.

2. Xem: Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 200.

3. Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định, Sđd*, tr. 201.

một điều là lực lượng tại chỗ chưa đúng mức thôi"¹.

Kết thúc cuộc họp ngày 25-3, Bộ Chính trị nhận định *thời cơ chiến lược đã tới*, cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, có thể giành thắng lợi sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch trước, phải lợi dụng mấy tháng thời tiết còn tốt, kéo dài sẽ không có lợi. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị xác định quyết tâm mới: nắm vững thời cơ chiến lược, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay, *hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa*.

Chính trong cuộc họp này Bộ Chính trị cử đồng chí Lê Đức Thọ vào Tây Nguyên gặp bộ phận đại diện Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh (A75), để phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị. Các đồng chí Phạm Hùng, Trần Văn Trà ở Nam Bộ, Võ Chí Công, Chu Huy Mân ở Khu 5 cũng được Trung ương triệu tập đến Tây Nguyên nghe phổ biến và thảo luận kế hoạch thực hiện quyết định của Bộ Chính trị.

2. Trên đường vào Tây Nguyên, Nam Bộ

Ngày 28-3, đồng chí Lê Đức Thọ từ Hà Nội đáp máy bay vào Đồng Hới tỉnh Quảng Bình.

Đang đi dọc Trường Sơn vào Tây Nguyên, ngày 31-3, đồng chí Lê Đức Thọ nhận được điện hỏa tốc của đồng chí Lê Duẩn, chỉ thị "Cần tranh thủ thời gian hành động khẩn trương. Vì vậy, anh Tuấn nên vào Nam Bộ sớm gặp anh Bảy Cường (Phạm Hùng) họp ngay. Anh Sáu (Lê Đức Thọ) vào luôn trong đó để họp. Anh Bảy Cường và anh Tư Nguyễn (Trần Văn Trà), không lên Tây Nguyên nữa"². Các đồng chí Võ Chí Công và Chu Huy Mân cũng nhận được điện thông báo của Bộ Chính trị không phải lên họp ở Tây Nguyên, như dự kiến trước đó nữa.

1. Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Sđd, tr. 209.

2. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, Sđd, tr. 159.

Trên đường vào Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ đã gặp đồng chí Võ Chí Công tại Bến Giàng, phía tây Quảng Nam, phổ biến Nghị quyết Bộ Chính trị giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Các đồng chí Võ Chí Công, Nguyễn Xuân Hữu (Bảy Hữu), thay mặt Khu uỷ Khu 5 và toàn Đảng bộ Khu 5 hứa sẽ làm hết sức mình để giải phóng tiếp những tỉnh còn lại của Khu 5 và sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của trận quyết chiến cuối cùng giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

3. Tại Bộ Chỉ huy quân sự Miền

Chiều ngày 7-4, khi Đoàn A75 đang họp với Trung ương Cục và Quân uỷ Miền, thì đồng chí Lê Đức Thọ tới. Theo đồng chí Văn Tiến Dũng, thì chuyến đi công tác vào miền Nam lần này của đồng chí Lê Đức Thọ là chuyến thứ ba, trong 30 năm chiến tranh giải phóng của Tổ quốc ta (1945 - 1975). Đồng chí Lê Đức Thọ nói chuyện về tình hình trong nước, dư luận thế giới trước những thắng lợi của ta, về hậu phương miền Bắc và cho biết trước khi lên đường vào Nam, Bộ Chính trị và Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng căn dặn là: "Ra đi thắng mới trở về".

Trong cuộc họp ngày 8-4-1975, gồm đông đủ các đồng chí Trung ương Cục, Quân uỷ Miền và Bộ Tư lệnh B2 (gồm Nam Bộ và Khu 6) và cán bộ của Bộ Tổng Tư lệnh, đồng chí Lê Đức Thọ phổ biến nội dung nghị quyết của Bộ Chính trị họp ngày 25-3 ở Hà Nội. Đồng chí Lê Đức Thọ nói rõ nhận định của Bộ Chính trị về tình hình địch, ta trên chiến trường, âm mưu của đế quốc Mỹ và nguy quyền Sài Gòn trước những thất bại nặng nề của chúng vừa qua và nguy cơ sụp đổ của Việt Nam Cộng hoà. Đồng chí Lê Đức Thọ nói kỹ về quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, nhấn mạnh đến tư tưởng chỉ đạo thực hiện bằng được quyết tâm đó. Cuối cuộc họp, đồng chí Lê Đức Thọ phổ biến quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Khi Bộ tư lệnh các quân chủng, binh chủng, quân đoàn đến Sở Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định nhận

nhiệm vụ, đồng chí Lê Đức Thọ căn dặn: "Trung ương giao cho Đảng bộ miền Nam, toàn thể các lực lượng vũ trang của ta hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Quân đoàn là lực lượng mạnh, đánh hiệp đồng binh chủng lớn, có trang bị hiện đại, lại có sự phối hợp của các lực lượng tại chỗ, có sự yểm trợ của các binh chủng, quân chủng khác, phải hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ta đánh Sài Gòn lúc địch đang ở thế tan rã, không còn ở thế mạnh, nhưng đây là sào huyệt cuối cùng của chúng. Chúng không có đường chạy sẽ cùm lại để đối phó. Chúng có 5 sư đoàn, ta có 15 sư đoàn, chưa kể các lực lượng dự bị chiến lược khác. Như vậy, chỉ cho phép ta đánh thắng. Đó là ý kiến của Trung ương. Đồng chí Lê Đức Thọ nhấn mạnh rằng, lúc đồng chí đi vào Nam, Bộ Chính trị nói là phải thắng, thắng mới về. Đó là quyết tâm của Bộ Chính trị.

Sau khi phân tích tình hình địch, ta trong nước và ngoài nước, đồng chí Lê Đức Thọ khẳng định rằng đế quốc Mỹ hoàn toàn không có khả năng đưa quân trở lại miền Nam. Tất cả những tin tức mà ta nhận được đều nói rằng Mỹ không còn khả năng can thiệp được và dù chúng có liều lĩnh can thiệp đi nữa thì chúng cũng không thể đảo ngược được tình thế, chúng chỉ thất bại nặng nề hơn, ta nhất định thắng. Mười mấy năm chiến đấu vừa qua, nhân dân ta đã dạy cho chúng những bài học đích đáng. Tình hình đối với ta rất thuận lợi, khả năng rất dồi dào, ta phải nắm thời cơ, làm cho nhanh, làm cho chắc. Đồng thời, đồng chí Lê Đức Thọ còn dặn các quân đoàn chú ý tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng địa hình vì các quân đoàn mới đến đang lạ chiến trường, tìm hiểu tính chất phức tạp của cấu trúc trong thành phố Sài Gòn, cách tổ chức thông tin, liên lạc trong khi tác chiến, cách tổ chức phòng không khi tiến quân và trú quân. Đồng chí nhấn mạnh tính bất ngờ, dặn các đơn vị cố tạo ra nhiều cái bất ngờ đối với địch, nhằm đánh đúng chỗ hiểm yếu, các cơ quan đầu não địch. Đồng chí nhắc các quân đoàn biết nhân dân Sài Gòn có phong trào, có truyền thống đấu tranh cách mạng, tuy tạm thời bị kìm kẹp, nhưng có nhiều khả năng

nổi dậy nếu được lực lượng quân sự hỗ trợ tiến công nhanh, mạnh, dồn dập từ bên ngoài. Về thời gian, đồng chí nhắc, mùa mưa sắp đến rồi, cần phải nhanh chóng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trước mùa mưa, hoàn thành trong tháng 5-1975 thì càng có nhiều ý nghĩa¹.

Đến trung tuần tháng 4-1975, khi toàn bộ Tây Nguyên và miền Trung đã được giải phóng, quân ta đã tiến vào Xuân Lộc áp sát quanh Sài Gòn thì địch cũng đã phát hiện một số sư đoàn chủ lực đang vào miền Đông Nam Bộ, chúng cũng biết hướng tiến công của ta là thành phố Sài Gòn. Có thể nói sự bất ngờ về hướng tiến công, về lực lượng tiến công tuy có giảm đi, nhưng ta đang tạo nên bất ngờ khác quan trọng hơn đó là *cách đánh và thời gian đánh*. Trong quá trình thảo luận về kế hoạch chiến dịch do đồng chí Lê Ngọc Hiền trình bày, đồng chí Lê Đức Thọ cùng các đồng chí Phạm Hùng, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, v.v. đều có những phân tích sâu sắc các vấn đề về cách đánh, những mục tiêu quan trọng nhất và thời gian đánh một cách toàn diện, tổng quát và đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể và cân nhắc một cách toàn diện².

Theo Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp thì vào ngày 23-4, sau khi nghe đồng chí Vũ Lăng - Tư lệnh Quân đoàn 3, báo cáo quyết tâm chiến đấu của Quân đoàn 3, đồng chí Lê Đức Thọ đã phát biểu rằng Bộ Chính trị "nhận định thời cơ đã chín muồi, ta phải tranh thủ từng giờ để mở cuộc tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch. Để lâu không những tình hình chính trị, ngoại giao ngày thêm phức tạp mà các trận mưa đầu mùa đã đến. Quân đoàn 3 ngoài nhiệm vụ chính của mình còn phải hiểu những vấn đề chung của chiến dịch lịch sử này. Thắng lợi của quân và dân Tây Nguyên là một bước ngoặt chiến lược mở đợt phá khẩu cho miền Nam, buộc địch đi vào co cụm chiến lược. Nhiệm vụ của Quân đoàn là đột phá vào hướng chính, hướng mà có lực lượng địch đông hơn hướng khác. Đánh vào Sài Gòn - thành phố lớn, trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế là đánh

1,2. Xem: Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, *Sđd*, tr. 195 - 196, 224.

vào dinh lũy cuối cùng của địch. Vì vậy, không cho phép không thắng. Trung ương đã dồn toàn bộ lực lượng vào thực hiện quyết tâm đó. Phải tranh thủ thời cơ mau hơn nữa, phải tranh thủ từng ngày, phải chuẩn bị cơ sở tốt để đánh thắng. Ta không cầu toàn, nhưng không thể quá vội vã. Vội vã mà vấp thì càng khó khăn về chính trị và ngoại giao. Các đồng chí bàn gì thì bàn, cuối cùng phải là tổ chức thực hiện. Phải nói rõ cho quần chúng nhiệm vụ, phân tích tương quan lực lượng làm cho mọi người tin tưởng, phải bàn kỹ về tổ chức cho thật cụ thể. Tổ chức quyết định thắng lợi. Quân đội vào thành phải giữ tư cách, đạo đức của quân đội cách mạng. Các đồng chí phải giáo dục tinh thần cảnh giác, không để địch dùng tiền, dùng gái lôi kéo, mua chuộc. Bộ đội phải có kỷ luật, giữ gìn tài sản quốc gia, chống tự kiêu, tự đại công thần. Sự nghiệp nào cũng là sự nghiệp chung, phải hết sức khiêm tốn"¹.

Hồi ký *Những năm tháng quyết định* của đồng chí Hoàng Văn Thái cho biết: "Mấy ngày cuối tháng Tư, cơ quan tham mưu đang tổng hợp tình hình, chuẩn bị cho cuộc họp ngày 26 của Bộ Chính trị thì nhận được điện đề ngày 25-4 của anh Thọ gửi anh Ba. Bức điện dài 10 trang đánh máy mang đầy đủ tình hình mọi mặt của chiến trường B2 trong cả mấy tuần qua. Bức điện cho chúng tôi tìm hiểu rõ hơn, đúng hơn tình hình cả ta và địch từ những ngày đầu đánh Xuân Lộc đến lúc bấy giờ, trước ngày mở màn trận quyết chiến cuối cùng.

Anh Thọ nhất trí với nhận định của Bộ Chính trị trong cuộc họp ngày 22-4 nói rằng thời cơ đã chín muồi, ta phải tranh thủ từng giờ để mở cuộc tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch. Để lâu không những tình hình chính trị, ngoại giao càng thêm phức tạp mà những trận mưa đầu mùa sắp đến. Nhưng anh cho biết tình hình tại chỗ có những khó khăn cụ thể, khiến ta có muốn làm ngay cũng không thể được.

Trước hết là tình hình hành quân tập kết của các binh

1. Đặng Vũ Hiệp: *Ký ức Tây Nguyên*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 468 - 470.

đoàn: đến khoảng ngày 24-4 hầu hết 10 sư đoàn đưa vào chiến trường vừa đến nơi, đang ổn định tổ chức, nơi ăn ở và nghiên cứu chiến trường, một chiến trường (nhất là nội đô) chưa quen thuộc với nhiều cán bộ chỉ huy. Đơn vị nào cũng thấy thiếu rất nhiều thời gian.

Về hậu cần, vì số đơn vị tăng vọt, chiến trường lại xa, đường dài, phương tiện vận chuyển thiếu, nên dù có cố gắng rất lớn, hậu cần của Trung ương cũng như của chiến trường vẫn đứng trước rất nhiều khó khăn, nhất là về đạn dược.

Mặc dù đã cùng nhau xác định không được cầu toàn, vừa đánh vừa bổ sung, nhưng cũng phải bảo đảm những điều kiện tối thiểu để mở màn chiến dịch, đánh thắng giòn giã.

Hiện nay địch chưa phán đoán được cách đánh của ta, ta sẽ dùng lối vây ép, tiêu diệt chúng ở vòng ngoài, lấn dần rồi mới đột kích hay dùng lối đánh thẳng ngay vào bên trong?

Cách bố trí hiện nay của địch là nhằm ngăn chặn ta từ xa, nhất là ở hướng bắc và tây bắc. Địch đã có kế hoạch phá cầu nếu chúng thấy không giữ nổi. Một trong những lo ngại nhất của bộ đội ta bây giờ là nếu địch phá được cầu thì trở ngại cho việc tiến quân của các binh chủng kỹ thuật. Ta đã có kế hoạch đánh chiếm cầu, giữ cầu và cả kế hoạch làm cầu khác hoặc đánh trong điều kiện không có xe tăng và pháo binh vì không vượt được sông.

Anh Lê Đức Thọ cũng nói về kế hoạch kết hợp tiến công và nổi dậy và đã chuẩn bị những gì để thực hiện được sự kết hợp đó. Các anh đã kiểm tra và góp ý vào kế hoạch của các khu và tỉnh. Anh Võ Văn Kiệt đã xuống vùng đồng bằng để đôn đốc việc này. Các anh trong đó cũng tin rằng khi ta tiến công vào trọng điểm Sài Gòn, địch bị thất bại thì lực lượng của chúng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ tan rã và các địa phương sẽ có điều kiện nổi dậy.

Ở mặt trận trọng điểm Sài Gòn, các anh trong đó dự kiến địch có thể co cụm về hướng bắc và tây bắc, về sát Sài Gòn hơn

nữa và đã thảo luận với các quân đoàn đánh địch như thế nào khi chúng co cụm.

Bức điện của anh Thọ còn cho biết vì sao vừa qua bộ đội Miền không thực hiện được tốt chủ trương của Trung ương Cục là tranh thủ thời cơ thuận lợi cuối tháng Ba, không đợi chủ lực ở ngoài vào, chủ động mở ra ba hướng hoạt động ở Xuân Lộc, đường 4 và ở hướng tây nam sát Sài Gòn. Nguyên nhân hoặc là do tổ chức đánh và cách đánh chưa tốt, hoặc do lực lượng không đủ, hậu cần khó khăn vì quá xa, v.v..

Trở lại tình hình chuẩn bị đang diễn ra hết sức khẩn trương cho chiến trường trọng điểm Sài Gòn, điện của anh Thọ khẳng định: "Các anh yên tâm, chúng tôi hết sức tranh thủ từng ngày, từng giờ và chỉ trong vài hôm nữa, một số nhược điểm trên cơ bản được khắc phục, thì bắt đầu (mở màn chiến dịch) ngay như đã định".

Bức điện đã được đọc trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 26-4. Hội nghị nhất trí với nhận định và chủ trương của các đồng chí lãnh đạo ở chiến trường. Phân tích tình hình chính trị hiện nay ở Sài Gòn, Bộ Chính trị dự kiến Mỹ có thể đưa Dương Văn Minh lên, nên đã quyết định ra lời tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để giành chủ động về chính trị. Sau cuộc họp, Bộ Chính trị điện ngay vào chiến trường, nhấn mạnh: "Bộ Chính trị nhận thấy chúng ta cần hành động hết sức mạnh bạo, hết sức khẩn trương và kịp thời, nhất là trong tình hình hiện nay".

Dựa vào tin tức mới nhất, nhận được sau bức điện của anh Thọ, Bộ Tổng Tham mưu soát xét lại toàn bộ công tác chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn"¹.

4. Trong và sau ngày toàn thắng 30-4-1975

Trưa ngày 30-4, khi quân ta chiếm được Dinh Độc Lập, thì tại Sở Chỉ huy mặt trận, các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng,

Văn Tiến Dũng cùng các đồng chí khác ôm chầm lấy nhau, tất cả đều nghẹn ngào xúc động. Và tiếp theo đó các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng lo nghĩ đến nhiều công việc bọn bề đang đặt ra đối với thành phố Sài Gòn vừa mới giải phóng, cùng với đó là vấn đề giải phóng các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Sau lễ mừng chiến thắng trước Dinh Độc lập - đã trở thành trụ sở Ủy ban quân quản thành phố, và mừng kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể các đồng chí trong Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, các cán bộ cao cấp chỉ huy các đơn vị, các cơ quan, các ngành tham gia chiến dịch cùng về Đà Lạt dự hội nghị sơ kết chiến dịch. Tại cuộc họp này, đồng chí Lê Đức Thọ, thay mặt Bộ Chính trị, biểu dương chiến công vĩ đại của quân và dân ta, phân tích một cách sâu sắc và đầy đủ ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 và đặc biệt là Chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh.

*

* *

Thông qua những trang hồi ức của các đồng chí đã từng công tác rất mật thiết, gắn bó với đồng chí Lê Đức Thọ trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, chúng ta hiểu cụ thể, sâu sắc hơn về những hoạt động, những đóng góp của đồng chí Lê Đức Thọ đối với trận quyết chiến cuối cùng - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc 1945 - 1975.

1. Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Sđd, tr. 258 - 260.

ANH LÊ ĐỨC THỌ VỚI NGHĨA VỤ QUỐC TẾ GIÚP BẠN CAMPUCHIA

Phạm Chung*

Mùa thu năm 1977, tôi đang giúp anh Chu Huy Mân theo dõi tình hình biên giới thì nhận được điện của anh Thọ gửi anh Mân yêu cầu cho tôi vào Nam giúp anh theo dõi tình hình biên giới phía Tây Nam. Sau khi biên giới được dẹp yên và ở Campuchia, chế độ Pôn-pốt sụp đổ, tôi lại cùng anh đến Phnôm Pênh và được điều động vào Ban B68. Đây là thời gian mà tôi làm việc trực tiếp với anh lâu nhất và có nhiều kỷ niệm sâu sắc về anh.

Tôi xin kể một số sự kiện lịch sử mà anh đã có những đóng góp to lớn.

1. Sau khi Campuchia được giải phóng ngày 17-4-1975, bọn Pôn-pốt phản bội lại tình đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Campuchia, ngày càng đẩy mạnh việc chống Việt Nam một cách điên cuồng và tàn bạo.

Ngay sau khi chúng tiến vào Phnôm Pênh, hàng chục vạn Việt kiều vốn sinh sống lâu đời ở Campuchia đã bị chúng đánh đập, tàn sát, cướp đoạt tài sản và số đông đã bị chúng đuổi về nước. Ngày 1-5-1975 chúng bất ngờ tấn công đảo Phú Quốc và ngày 6-5-1975 mở một cuộc tấn công quy mô dọc biên giới Việt Nam - Campuchia. Ngày 10-5-1975, chúng lại đổ bộ lên đảo Thổ Chu giết sạch 500 dân Việt Nam ở trên đảo.

Tháng 4-1976, mặc dù phía Việt Nam đã tỏ thiện chí và

* Nguyên: - Phó Văn phòng Trung ương Đảng,

tạo mọi cơ hội để dàn xếp những vụ đụng độ trên tuyến biên giới, trên cơ sở thương lượng hòa bình, bảo vệ tình hữu nghị giữa hai dân tộc, bọn Pônpốt ngoài mặt "tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự giúp đỡ quý báu mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã dành cho cách mạng Campuchia", nhưng trên thực tế thì chúng vẫn tiến hành những cuộc hành quân lấn chiếm với mức độ và quy mô ngày càng nghiêm trọng.

Ngày 1-3-1977, Pônpốt đơn phương chấm dứt hoạt động của các ban liên lạc Việt Nam - Campuchia có nhiệm vụ giải quyết các cuộc xung đột ở biên giới hai nước. Ngày 30-4-1977, bọn Pônpốt mở cuộc tấn công trên toàn tuyến biên giới và công khai tuyên bố "Việt Nam là kẻ thù số một".

Trong thời gian ấy, một số cán bộ có trách nhiệm còn có những ý kiến khác nhau: "Đây đó việc bố phòng của ta còn có sơ hở, còn việc đánh trả có nơi, có lúc chưa đúng mức...".

Ngày 31-12-1977, Pônpốt ngang nhiên công khai phát động chiến tranh Việt Nam và điên cuồng mở những cuộc tấn công thọc sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Chúng kích động hận thù dân tộc đối với Việt Nam đến cao độ, kêu gọi "nhân dân Campuchia sẵn sàng hy sinh hai triệu người và chiến đấu 700 năm nữa để tiêu diệt hoàn toàn 50 triệu người Việt Nam".

Giữa năm 1978, sau khi nắm chắc tình hình và thống nhất ý kiến trong Bộ Chính trị, anh Sáu mở Hội nghị toàn Nam Bộ, bao gồm các đại biểu các binh chủng, bộ chỉ huy quân sự các khu, các tỉnh, các tỉnh uỷ biên giới và tỉnh uỷ hậu phương.

Sau Hội nghị này, lực lượng quốc phòng của ta ở các tỉnh biên giới được củng cố mạnh. Mặt trận toàn tuyến biên giới được thành lập do đồng chí Lê Đức Anh làm trưởng ban chỉ huy.

Cuối tháng 12-1978, bọn Pônpốt huy động 19F trong tổng số 23F của chúng sang phía Đông, mở một cuộc tấn công đại quy mô vào tỉnh Tây Ninh. Phải đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của bọn Pônpốt cuồng chiến mới giữ yên được bờ

cõi của Tổ quốc. Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng đã sẵn sàng đánh đòn phản công tự vệ quyết định. Thừa thắng xông lên, quân ta đã truy kích quyết liệt, quét sạch chúng khỏi bờ cõi nước ta.

2. Sau ngày 17-4-1975, tóm thâu được tất cả quyền bính vào tay mình, đồng thời với việc gây chiến tranh tàn bạo với Việt Nam, bọn Pôn-pốt đã thiết lập ở trong nước một chế độ độc tài quân phiệt giết gần hai triệu dân Campuchia và tiến hành một cuộc thanh trừng nội bộ cướp mất mạng sống của hàng nghìn cán bộ, đảng viên trung kiên, hàng vạn chiến sĩ cách mạng ưu tú.

"Tức nước vỡ bờ", đúng như Ph.Ăngghen đã nói: "Chế độ quân phiệt đó đã mang trong nó mầm mống của sự tiêu vong và việc đó nghĩa là chủ nghĩa quân phiệt bị nổ tung từ trong nội bộ của nó".

Từ cuối năm 1977 đến năm 1978, những cuộc nổi dậy của nhân dân Khơme bắt đầu xuất hiện, lúc đầu còn lẻ tẻ, sau càng mạnh hơn và đến cuối năm 1978 thì lan ra cả nước. Đầu tháng 11-1978, các lực lượng nổi dậy đã hoạt động mạnh ở nhiều huyện thuộc Kôngpôngchàm, ở Siempang thuộc Stung Treng, ở Bokheo thuộc Rattanakiri, ở Ottomeanchay, Siemreap - Pretvihia. Một đặc điểm rõ nét là các lực lượng nổi dậy đều thấy phải liên minh với Việt Nam. Các lực lượng nổi dậy đã cử đại biểu sang gặp Việt Nam. Được sự uỷ nhiệm của Bộ Chính trị Đảng ta, anh Thọ đã tiếp tất cả các đại biểu bạn. Thử theo nguyện vọng của bạn, cuối tháng 11-1978, anh Thọ đã tạo điều kiện giúp bạn tổ chức Đại hội xây dựng lại Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia. Đại hội đã tập hợp được 62 đảng viên còn sống sót từ nhiều nguồn, đã thông qua chính cương và điều lệ tạm thời, và bầu ra một Ban vận động xây dựng Đảng. Về sau, Ban này trở thành Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

Sau Đại hội Đảng, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời bắt tay ngay vào việc tổ chức Đại hội mặt trận dân tộc thống

nhất lấy tên là Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh 11 điểm kêu gọi "Toàn dân đoàn kết nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn-pốt - Iêng-xari, xóa bỏ chế độ độc tài phát xít trong nước..., xóa bỏ chế độ tàn ác đẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân phát huy truyền thống Ăng-co...".

Hưởng ứng lời hiệu triệu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, nhân dân Campuchia phối hợp với các lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia nổi dậy tấn công bọn Pôn-pốt từ mọi phía. Với những chiến thắng ngày càng to lớn, cục diện cách mạng Campuchia đã thay đổi. Cần nhanh chóng chớp thời cơ để đưa cuộc cách mạng đến toàn thắng.

Bạn đề nghị lực lượng vũ trang của ta phối hợp với bạn tấn công truy kích địch đến cùng. Đây là một vấn đề quan trọng mà lãnh đạo ta phải cân nhắc thận trọng. Trong thực tế đây vừa là nghĩa vụ quốc tế góp phần giúp bạn thoát khỏi nạn diệt chủng, vừa là nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc lâu dài về sau.

Từ ngày 26-12-1978 đến ngày 30-12-1978, lực lượng cách mạng của bạn phối hợp với Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm Bản Lung, thị xã Lomphátva Veunxai, Bokeo, Bokham, Cantuôt, Kratie, khu vực Suông, Chúp, Dambe (Kompongcham). Sau đó có nhiều cuộc tấn công khác. Đúng 12 giờ ngày 7-1-1979, Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Bọn Pôn-pốt đã chạy ra nước ngoài từ ngày 6-1-1979. Thừa thắng, quân đội cách mạng phối hợp với Quân đội nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng cả nước.

Chế độ Pôn-pốt đã hoàn toàn sụp đổ, chính quyền đã về tay nhân dân. Ngày 8-1-1979, Hội đồng nhân dân Cách mạng Campuchia đã được thành lập, do ông Hêngsomring làm Chủ tịch. Ngày 25-1-1979, tại lễ mừng chiến thắng ở Phnôm Pênh, Chủ tịch Hêngsomring đã long trọng tuyên bố với nhân dân trong nước và nhân dân thế giới: Cách mạng Campuchia đã hoàn toàn thắng lợi, chế độ độc tài quân phiệt gia đình trị của bọn Pôn-pốt đã sụp đổ vĩnh viễn, chế độ dân chủ nhân dân đã

được thành lập, và kêu gọi nhân dân tích cực thực hiện các nhiệm vụ trước mắt. Ngày 9-1-1979, nước Việt Nam và sau đó Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa công nhận nước Cộng hòa nhân dân Campuchia.

3. Mấy ngày sau khi bọn Pônpốt sụp đổ, anh Sáu đến Phnôm Pênh. Trước cảnh một thủ đô trước đây xinh đẹp và phồn thịnh, nay chìm đắm trong cảnh hoang tàn, không một bóng người dân, không điện, không nước, nhà cửa ngổn ngang, đường sá đầy cỏ rác, lòng anh buồn ngùi xúc động. Ra ngoại ô của thành phố, anh càng đau buồn khi được chứng kiến những đoàn người dân gầy gò ốm yếu, da bọc xương, đi sau những chiếc xe bò chở hết tài sản của gia đình chất không đầy xe, lết bộ từ các tỉnh phía Tây và Tây Nam trở về quê cũ ở Kandal, Preyveng, Svayrieng. Anh cảm thông được nạn đói, nạn đau do bọn Pônpốt gây ra đang đè nặng trên những người dân còn sống sót sau nạn diệt chủng. Nếu không có sự cứu trợ đúng mức, kịp thời, thì nhân dân Campuchia còn phải chết thêm hàng vạn, thậm chí hàng chục vạn người nữa. Thế là anh Thọ bắt tay ngay vào làm các việc cấp bách giúp bạn: kế hoạch bảo vệ Phnôm Pênh, bảo vệ các nhà lãnh đạo của bạn và bàn kế hoạch cứu đói, cứu đau đối với nhân dân bạn. Anh đề nghị Bộ Chính trị lập Tổng đoàn chuyên gia giúp bạn.

Anh bàn biện pháp thực hiện sáu nhiệm vụ của Bộ Chính trị đối với việc giúp bạn.

- *Đối với các đoàn chuyên gia, anh thường xuyên nhắc nhở:*

a) Mục tiêu cao nhất của việc giúp bạn là giúp cho bạn mau trưởng thành để tự đảm đương lấy sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước của mình và tăng cường đoàn kết, giúp đỡ giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia với tinh thần "giúp bạn tức là tự giúp mình".

b) Mỗi chuyên gia phải thường xuyên nâng cao tinh thần yêu nước chân chính, kết hợp với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Được làm chuyên gia ở Campuchia hiện nay cũng là dịp tốt để rèn luyện đức tính ấy.

c) Anh đề ra các nguyên tắc làm việc với bạn:

- Tôn trọng độc lập chủ quyền, tôn trọng luật pháp, phong tục tập quán của bạn, tôn trọng cán bộ, và nhân dân bạn. Tránh thái độ ban ơn, nước lớn.

- Hết lòng giúp đỡ bạn, nhưng không bao biện làm thay. Việc gì bạn làm được thì để bạn tự làm. Việc gì bạn chưa làm được thì ta giúp, nhưng phải có bạn tham gia và phải nhằm mục đích cuối cùng là bạn có thể tự đảm đương công việc.

- Mỗi chủ trương mà ta gợi ý đều xuất phát từ tình hình thực tế của bạn, phù hợp với trình độ của bạn. Mỗi vấn đề do ta trình bày, gợi ý, nhưng phải do bạn kết luận, quyết định.

d) Anh đề ra một số quy trình giúp bạn:

- Lúc đầu bạn chưa biết: ta làm, bạn học. Ta và bạn cùng tìm cán bộ,

- Ta và bạn cùng làm,

- Bạn làm, ta giúp,

- Bạn tự làm, ta rút dần.

Nói chung, các đoàn chuyên gia đã cố gắng thực hiện những lời anh chỉ bảo.

- *Đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng Đảng* là những công tác vừa cấp bách, vừa cơ bản của Cách mạng Campuchia, được anh coi trọng giúp đỡ. Tình hình xã hội Campuchia mà bọn Pôn-pốt để lại gây rất nhiều khó khăn cho các công tác này. Kinh nghiệm lịch sử của Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia trước kia đã sơ hở để cho bọn phản bội Pôn-pốt chui vào Đảng, chiếm quyền lãnh đạo của Đảng, phá hoại Đảng đến tận gốc rễ là một bài học xương máu. Vì vậy anh Sáu rất quan tâm đến vấn đề này.

Qua phát động quần chúng, hoặc qua công tác thực tế giúp bạn lựa chọn những phần tử tích cực trong quần chúng lao động, trí thức, học sinh, sinh viên, gia đình cán bộ hoặc con em những người bị giết hại, có nhiều thù nhiều khổ với bọn Pôn-pốt để bồi dưỡng thành cán bộ, mạnh dạn tập hợp và sử dụng các cán bộ khoa học - kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, giáo dục, y tế, chuyên

môn nghiệp vụ cũ, có thù có khổ với bọn Pôn-pốt. Sau đó giúp bạn mở lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ.

Sau khi học những lớp này ở Phnôm Pênh, các cán bộ lại được sang Việt Nam học những lớp trình độ cao hơn và dài hơn.

Anh và Tổng đoàn chuyên gia còn chú trọng giúp bạn đưa cán bộ của bạn xuống hoạt động ở cơ sở, tham gia phát động ba phong trào cách mạng và rèn luyện trong các phong trào ấy.

Thông qua các biện pháp ấy, bạn đã có một đội ngũ cán bộ ngày càng đông và từng bước trưởng thành. Ở Trung ương đã có Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, các ban, bộ, ngành Trung ương và mỗi tỉnh, thành phố đã thành lập ban cán sự tỉnh, thành phố gồm vài ba thành viên.

Vấn đề đặt ra là phải phát triển thêm đảng viên. Anh đề xuất với bạn ra chỉ thị về lập các "tổ nòng cốt" để có cơ sở làm tốt công tác phát triển Đảng. Ban lãnh đạo bạn đã mở lớp đào tạo cán bộ tổ chức về các địa phương làm công tác này.

Nhân dịp chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, các đảng bộ bạn đã tổ chức kiểm tra bước đầu tư cách đảng viên bằng cách tổ chức học tập về tôn chỉ mục đích của Đảng, tiêu chuẩn đảng viên, sau đó tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng.

Năm 1981, tình hình Campuchia đã có một bước ổn định trên mọi mặt. Anh Sáu đề nghị với bạn trong năm nay tổ chức bầu cử Quốc hội, bầu cử uỷ ban nhân dân phường, xã, và tổ chức Đại hội IV để củng cố thêm một bước về mặt chính trị. Cuộc bầu cử Quốc hội dân chủ đầu tiên trong lịch sử Campuchia đã thành công tốt đẹp. Cuộc bầu cử uỷ ban nhân dân xã, phường đã đạt được yêu cầu đề ra.

Tháng 4-1981, Đại hội lần thứ IV của Đảng bạn quyết định những đường lối, chính sách trong giai đoạn trước mắt, xây dựng điều lệ chính thức của Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 21 uỷ viên, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu ra Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Năm 1982, tại Đại hội lần thứ V của Đảng ta, Ban Chấp

hành Trung ương khóa V đã bầu đồng chí Lê Đức Anh vào Bộ Chính trị. Đồng chí Lê Đức Anh được phân công phụ trách giúp bạn Campuchia. Anh Sáu bàn giao trách nhiệm lại cho đồng chí Lê Đức Anh và trở về với những công việc thường xuyên trước đây của mình.

*

* *

Trong những năm này, Đảng ta, một Đảng Mác - Lênin chân chính đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản cao đẹp, thực hiện với Campuchia một kiểu liên minh chiến lược và chiến đấu thủy chung, tận tình, vô tư, trong sáng. Nhân dân Việt Nam ta nhân hậu và hào hiệp đã giúp đỡ nhân dân bạn không tiếc sức người, sức của. Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng không nề gian khổ hy sinh, đem xương máu và công sức của mình góp phần đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước bạn; các chuyên gia Việt Nam đã tận tụy, chân thành giúp đỡ cán bộ bạn mau trưởng thành. Trong ánh hào quang của tình đoàn kết chiến đấu cao đẹp ấy, anh Sáu Thọ đã nổi lên là một gương sáng tiêu biểu.

THƠ CỦA NGƯỜI ANH LỚN

Hoàng Trọng Nghĩa^{*}

*Chúng tôi đi không tính tháng, tính ngày,
Mặt trận an ninh thâm lặng thế,
Vẫn biết bàn chân mình không đơn lẻ,
Vẫn biết trái tim mình đập trong lồng ngực nhân dân,
Nhưng đọc thơ anh - sao vẫn bàng hoàng,
Những dòng chữ trải ra như cánh đồng xa tít tắp,
Những nhịp thơ như nhịp đập nội tâm mình rạo rức!
Trí tuệ lớn khi biết nhìn ra những điều nhỏ nhất,
Kích thước câu thơ vượt trên kích thước tâm hồn,
Thấy cái phi thường trong sự vật bình thường,
Mái tóc suy tư bộn bề việc nước,
Vẫn dành thơ - nhớ - đến - chúng - tôi,
Bài thơ như cơn mưa gặp được giữa trời,
Rũ sạch bao so sánh riêng tư,
Để lương tâm thêm một lần hổ thẹn,
Để ta bình tâm vào trận đánh,
"Giữ cho đời một cuộc sống yên vui
Trời sáng rồi, đào nở thắm cành tươi".*

^{*} Công an Hà Nội.

NHƯ CHẮP THÊM ĐÔI CÁNH

Tạ Đăng Quyến *

*Sáng xuân nay vui đến bất ngờ,
Đọc thơ anh trên trang đầu báo Đảng,
Tôi thấy mình như chắp thêm đôi cánh,
Vút bay lên, xao xuyến một trời xuân,
Ôi những vần thơ trong sáng vô ngần,
Một nửa, anh chỉ ra sách lược,
Một nửa kia là tình thương bát ngát,
Tỏa xuống hồn tôi, sáng mãi chặng đường xa.*

ĐỌC THƠ ANH

Đỗ Nghiê^m**

*Không phải công an mà hơn chính công an,
Anh hiểu sâu xa công việc tôi làm,
Hiểu thấu đáo tâm can người chiến sĩ,
Càng đọc sâu tôi càng hiểu kỹ,
Là quan tâm, không chỉ là thơ,
Là lòng tin, là mong muốn, ước mơ,
Là nhắc nhở, khuyên răn người chiến sĩ,
Thơ càng đọc tôi càng suy nghĩ,
Phải là gì - Hỏi người chiến sĩ an ninh.*

* P.A.16 Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

** Cục Thông tin liên lạc - Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

Phần thứ sáu

VỀ THƠ LÊ ĐỨC THỌ

CHẤT CÁCH MẠNG, CHẤT NHÂN VĂN TRONG THƠ LÊ ĐỨC THỌ

PGS, TS. Nguyễn Hồng Vinh*

Có một điều đặc biệt ở nước ta là nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Tố Hữu, Xuân Thủy,... trong quá trình hoạt động cách mạng rất yêu thích thơ, văn, sau này trở thành những nhà thơ, nhà văn của dân tộc. Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong số những nhà thơ - chiến sĩ đó.

Trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta, đồng chí Lê Đức Thọ được giao nhiều nhiệm vụ quan trọng, trong đó có những vị trí mang tính quyết định ở những thời điểm lịch sử cụ thể đối với quá trình cách mạng ở trong nước và quốc tế. Ở lĩnh vực văn chương, tuy không phải là nhà thơ chuyên nghiệp, tác phẩm không nhiều, không liên tục, nhưng những sáng tác của ông lại giàu tính tự sự, ngời sáng chất thép, chan chứa cảm hứng trữ tình, do vậy, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp văn học nước nhà. Song hành trên chặng đường cách mạng của ông là những tập thơ được viết ngay trên đường công tác, như: *Trên những nẻo đường* (1968), *Đường ngàn dặm* (1977), *Nhật ký đường ra tiền tuyến* (1978), *Thơ tuyển Lê Đức Thọ* (1983), *Gửi anh bộ đội* (1984). Ngoài ra, thơ Lê Đức Thọ có mặt trong nhiều tập thơ, tuyển thơ Việt Nam hiện đại, như: *Lê Đức Thọ và nhiều tác giả* (1995), *Hồ Chí Minh - Sóng Hồng - Lê Đức Thọ* (1997)... Trên 40 năm, mạch thơ của ông vẫn dồi dào tuôn chảy, nhiều

* Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

bài thơ, như *Hận rừng xanh*, *Ỗ xuân*, *Em liên lạc*, *Nhớ mẹ*, *Mưa rơi*,... được đông đảo bạn đọc yêu thích.

Là một trí thức lớn lên giữa cảnh nước mất nhà tan, đồng chí Lê Đức Thọ đã sớm giác ngộ cách mạng, dấn thân tự nguyện và dâng hiến cuộc đời mình cho Đảng và dân tộc. Trên con đường hoạt động cách mạng từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc và trên chính trường quốc tế, ông ngày càng nhận rõ một thứ vũ khí đấu tranh quan trọng - đó là thơ văn; dùng thơ văn phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng. Cũng như nhiều lãnh tụ của Đảng, ông quan niệm làm thơ cũng là làm cách mạng. Thơ đã trở thành thứ vũ khí đấu tranh sắc bén mà bất cứ người cộng sản nào (có năng khiếu văn chương) cũng sử dụng thường xuyên và triệt để đúng như phương châm làm thơ của người cộng sản Hồ Chí Minh:

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong;

hoặc như đồng chí Trường Chinh:

Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ

Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền;

còn với Lê Đức Thọ:

Bút sắc đâm bao thằng cướp nước

Mực hòa với máu viết thành văn.

Ở ông, con người chính trị và con người nhà thơ thống nhất chặt chẽ, sự nghiệp thơ gắn liền với sự nghiệp cách mạng, trở thành một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ hoạt động cách mạng của mình. Ở vai trò người chiến sĩ cộng sản, một cách tự nhiên, Lê Đức Thọ đã trải lòng với thơ, thông qua những suy nghĩ và trải nghiệm sâu sắc của mình. Vì lẽ đó, trên từng chặng đường lịch sử, những hoạt động cứu nước, cứu dân đều ghi dấu ấn trong thơ ông. Thơ Lê Đức Thọ ghi lại những cảm nghĩ khi tham gia bãi khóa, lãnh đạo phong trào đấu tranh của học sinh, dự lễ truy điệu nhà chí sĩ Phan Châu Trinh, những chặng đường vất vả, gian nan nhưng rực sáng niềm tin

lý tưởng. Thơ tiếp cho ông sức mạnh đấu tranh với kẻ thù ở chốn tù ngục. Khi ra tù, ông vẫn kiên định mục tiêu đã chọn, tiếp tục đấu tranh chống áp bức, bất công. Thơ giúp ông có thêm sinh lực, làm đẹp tâm hồn, tạo động lực tinh thần để đảm nhiệm xuất sắc những trọng trách của Đảng. Ở bất cứ cương vị nào (phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ, Phó Bí thư, kiêm Trưởng ban Tổ chức Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Cố vấn đặc biệt của Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari bàn về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam...), Lê Đức Thọ vẫn mang thơ bên mình làm hành trang chiến đấu.

Ở vị trí người nghệ sĩ, được sinh ra trên quê hương giàu truyền thống cách mạng và văn hóa (thôn Dịch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định), người chiến sĩ cộng sản Lê Đức Thọ đến với cách mạng cùng con đường văn chương. Quê hương, dòng họ, các bậc tiền nhân về văn chương nghệ thuật đã giúp ông rèn đúc nên tố chất người yêu nước; bồi đắp vẻ đẹp tâm hồn phong phú, trẻ trung, trong sáng, lãng mạn, tạo nên một tâm hồn chiến sĩ - nghệ sĩ. Trong phong trào thơ cách mạng thời kỳ trước năm 1945, thơ Lê Đức Thọ không thuộc vào những sáng tác viết theo lối cổ. Tác giả đã vượt qua những ràng buộc của thơ xưa, tiếp nhận những thành tựu của quá trình hiện đại hóa văn học, nghệ thuật để làm giàu cho thơ cách mạng; kế tục dòng thơ cách mạng đầu thế kỷ XX của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, thơ của các chiến sĩ cộng sản lớp trước ở nửa đầu những năm 30 nhưng đã được đổi mới trên cơ sở vận dụng những thành tựu hiện đại hoá thơ ca đương thời, đem đến cho văn học cách mạng một tiếng thơ sôi nổi, nhiệt huyết và tràn đầy cảm hứng lãng mạn cách mạng, góp phần làm sáng rõ khuynh hướng trữ tình chính trị - khuynh hướng lớn và có vị trí chủ đạo trong suốt mấy chục năm của nền thơ hiện đại Việt Nam. Con đường đi của Lê Đức Thọ và các nhà thơ cộng sản khác hẳn con đường của các nhà Thơ Mới, bởi vì thơ gắn liền với lý tưởng cộng sản và cuộc đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp giải phóng dân

tộc. Do đó, thơ ông giàu chất sống thực tế, chan chứa tình cảm cách mạng, thiết tha yêu đời, yêu con người. Những bài thơ ở trong tù, những bài thơ viết trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hay trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chiến tranh biên giới Tây Nam, những năm tháng sau chiến tranh phải vật lộn với bao khó khăn gian khổ - tất cả là hiện thực sinh động, tấm lòng nồng hậu, tin yêu, cảm thông, chia sẻ...

Điều đáng trân trọng là hai tập thơ ra đời đều gắn với hai lần ra tiền tuyến, hàm chứa những cảm xúc đầy tính nhân văn đối với những con người mà ông đã gặp trên con đường trường chinh cách mạng. Đó là người mẹ, em liên lạc, chiến sĩ lái xe, cô gái công binh cùng đồng cảm với những khó khăn gian khổ của nhân dân mình. Giữa chốn lao tù, những vần thơ của những người cộng sản không hèn mà vẫn có chung nơi gặp gỡ. Khi Lê Đức Thọ viết:

*Áo quần một bộ tả tơi
Chân cùm hai lỗ, chiếu trời nửa manh
Muối rệp đốt năm canh không ngủ
Nằm lại ngòi nhức mỗi khắp thân.*

hoặc:

*Cơm thóc sạn, rau già, cá thối
Thịt trâu gân chấm muối
Giăm hãm mãi hàng tuần không tắm
Chấy rận bò, ghét lẫn mồ hôi...*

Thì cũng không khác ngục tù đế quốc mà các vị lãnh tụ cách mạng khác đã từng nếm trải:

- "*Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muối lượn hung hăng tựa máy bay*"¹.
- "*Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 421.

Sốt soạt luôn tay tựa gậy đàn"¹.

(Nhật ký trong tù - Hồ Chí Minh)

- Trên ván lạnh không mảnh mền manh chiếu

(Trăng trời - Tố Hữu)

Bị thực dân Pháp bắt giam hai lần, ông bị đày ải tại nhà lao Nam Định, phải chịu bao nỗi cực khổ:

Chốn xà lim một mình vò vố,

Hận thù này biết ngỏ cùng ai.

(Xà lim oán)

Nhưng ông đã vịn, đã tựa vào thơ để sống, chiến đấu, để nhận mặt kẻ thù, sát cánh cùng các đồng chí chiến đấu chống kẻ thù xâm lược với tinh thần của người cộng sản. Lúc đó, thơ quả là sức mạnh tinh thần lớn lao:

Xích xiềng kia phải quyết phá tan.

Sao cho đời hết lầm than,

Dựng nên xã hội hoàn toàn tự do.

(Xà lim oán)

Một cách tự nhiên, thơ ông thường ẩn chứa những hiện tượng có tính chất đối lập: lòng yêu nước và lòng căm thù quân xâm lược; thực trạng bế tắc của cuộc sống thực tại với tinh thần vươn lên của người cách mạng; hình ảnh đen tối của xã hội với sắc màu thiên nhiên trong sáng, tươi mới... Dẫu có những cặp phạm trù đối lập, nhưng thơ ông lại thống nhất trong nhận thức, ý chí, tinh thần của người cộng sản nắm chắc chân lý, nhìn thấu tương lai.

Chính vì thế, thơ của đồng chí Lê Đức Thọ tràn trề cảm hứng xuân: *Ỗ xuân, Rừng mai, Lòng xuân chiến sĩ, Rượu xuân, Tin xuân, Những mảnh lòng xuân, Mùa xuân,...* Xuân trong thơ ông luôn tiềm tàng các khía cạnh sâu sắc, thi vị, vui buồn đan xen. Những mùa xuân trước cách mạng trong thơ ông luôn gợi nỗi buồn xa vắng, mệnh mang, chứa đựng những nghịch cảnh giữa thiên nhiên với cảnh đời:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 349.

*Nằm đón Xuân về trên ổ rạ
Xóm làng đã vắng bóng cây nêu
Pháo im tiếng pháo không giòn giã
Những mái nhà tranh vắng khói chiều.
Non nước đều hiu xơ xác quá
Xuân về như vẽ nét thê lương
Biết bao kiếp sống đang quần quai
Giữa cảnh điêu tàn của máu xương.*

(Ý xuân)

Từ xuân của cảnh đời đến xuân của lòng người là bước nhận thức sâu xa của người cộng sản. Không phải là niềm vui xuân của những cảm hứng lãng mạn xa lạ, mà xuân gắn với trách nhiệm trước non sông đất nước đang bị kẻ thù giày xéo:

*Xuân ở lòng ta đã khác rồi
Bao nhiêu mơ mộng bạn đời ơi
Đã đem chôn xuống mồ quên lãng
Thề hẹn non sông dám phụ lời.*

(Lòng xuân chiến sĩ)

Xuân giúp con người bền cùng, đau khổ nhận rõ nguồn cơn, đi đến hành động cách mạng cụ thể:

*Lòng tôi se lại trong đau khổ
Máu hận hun lên lửa bất bình
Muốn đập cho tan xiềng xích cũ
Đời người xóa hết vạn điều linh.*

(Ý xuân)

Trong bài thơ *Rừng mai*, mùa xuân trở thành biểu tượng của niềm tin, ước hẹn:

*Mai hẹn xuân về mai lại nở
Khách còn hẹn trước với chông gai.*

Xuân của ý niệm thời gian, của niềm tin yêu sự sống:

*Đường xa mãi miết quên ngày tháng
Dòng nước thời gian vẫn chảy đều.*

Mùa xuân mang tới ánh sáng mới lóe lên từ lòng người
đầy cảm hứng xuân:

*Một mùa xuân mới không xa nữa
Nó đã đương về với thế gian
Trăm cánh hoa lòng đều hơn hở
Không còn tiếng khóc với lời than!*

Đảng là hình tượng luôn tiềm ẩn trong chiều sâu thơ ông, dẫu không nhắc đến chữ "Đảng". Qua một số bài thơ như *Người đồng chí*, *Tặng Báo Nhân Dân* nhân kỷ niệm 30 năm ra số báo đầu..., nhà thơ cất lên tiếng lòng thăm sâu ơn Đảng. Đảng là ánh sáng, là tương lai, là mùa xuân dân tộc. Sự kiện con được kết nạp Đảng đã làm trái tim nhà thơ đập rộn ràng, nồng ấm:

*Hôm nay ba gọi con đồng chí,
Hai chữ mà sao lắm mến thương,
Tình nghĩa sắt son chung lý tưởng,
Vào sinh ra tử một con đường.*

Đến với Đảng, mỗi người tự nhủ lòng phải phấn đấu không ngừng để hoàn thiện mình. Nhân sự kiện "*ba gọi con đồng chí*", tác giả không quên nhắc nhở trách nhiệm người đảng viên trẻ:

*Muốn hái mùa xuân nhân loại ấy
Còn nhiều vất vả, lắm gian nan.*

Lời tâm tình với người con cũng là biểu hiện ân nghĩa của Đảng dành cho chính mình:

*Đảng đã cho con cả cuộc đời,
Cả mùa xuân thấm rộn vui tươi,
Chấp cho đôi cánh thần tiên đó,
Con hãy bay đi tận cuối trời.*

Và do vậy, đứng trong đội ngũ của Đảng càng phải bồi đắp ý chí cùng bản lĩnh vượt qua mọi thách thức, gian lao:

*Đường đời chưa hết cheo leo
Mặc cho sóng gió vũng chèo tiến lên.*

(Tặng Báo Nhân Dân)

Thơ Lê Đức Thọ hành trình cùng dân tộc. Những cảnh đời, con người trên con đường cách mạng đã đi vào thơ ông chân thành và cảm động. Những hình ảnh gần gũi trong cuộc sống cũng đi vào thơ ông một cách tự nhiên. Đó là bà mẹ kháng chiến ở quán nước bên đường vui mừng đón người con chiến sĩ:

*Đâu biết ngày nào mong gặp lại
Miếng trầu bát nước tiễn đưa con
Tuổi già vui với gian lâu hẹp
Một chút lòng thành gửi nước non.*

(Người mẹ)

Hình ảnh bà mẹ trong cái nhìn ngoái lại của anh bộ đội có sức gợi cảm lớn:

*Xa xa mẹ vẫn trông theo
Sương lam mờ núi ánh chiều dần tan.*

Đó là đứa em liên lạc mà nhà thơ gặp trên chặng đường hành quân:

*Nhìn em đôi mắt long lanh,
Căm hờn đã bén tuổi xanh những ngày.
Em ngồi gần nữa lại đây,
Cho bừng lửa hận, cho say đôi lòng.*

(Em liên lạc)

Đặc biệt, thơ Lê Đức Thọ nặng tình thương mến dành cho người chiến sĩ. Tập thơ *Gửi anh bộ đội* toát lên sự hiểu biết tận cùng mọi gian khổ, thiếu thốn của người lính qua cái ăn, cái mặc:

*Đời chiến sĩ còn nhiều khổ cực
Quần áo mỏng manh, cơm có bữa chưa no.*

Thật cảm động khi người chiến sĩ dành tình cảm cho tác giả:

*Tôi nhớ buổi chiều anh công tôi lên
Thương tôi yếu không thể nào leo hết dốc
Mỗi bước anh đi tôi đếm từng nhịp thở.*

Bài thơ *Qua đèo Ngang* họa vần lại bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan, ông họa thơ xưa để nói cái hào khí của dân tộc thời kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

*"Quân vượt đèo Ngang quyết diệt tà,
Chiến công nối tiếp nở như hoa,
Bom rơi chập đất thù muôn thuở,
Máu đỏ tràn sông hận mỗi nhà,
Đã quyết hy sinh cho đất nước,
Quản gì nát thịt với tan da.
Ngày vui thống nhất không xa nữa,
Nam Bắc sum vầy ta gặp ta".*

Niềm vui trong thơ ông luôn gắn với từng chiến công của dân tộc. Đặc biệt Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng mang tới không khí hồ hởi, náo nức cho cả đất nước:

*Đường vào tiền tuyến lắm tin vui,
Thắng trận gieo mừng khắp mọi nơi,
Giục già đường xa mau kịp bước,
Thời cơ thuận lợi tới nơi rồi.*

(Lời anh dặn)

Vẫn biết thơ là vũ khí đấu tranh, nhưng ông không đồng tình với lối thơ viết lấy được, xô bồ chữ nghĩa, thiếu độ tinh tế của cảm xúc, sự rung động của trái tim... Ông cho rằng, sáng tác thơ phải có hứng thú: "Sự nắm bắt thực tế và sự xúc động trước thực tế trở thành nguồn động lực thôi thúc mình viết"¹; dù nặng lòng với thơ, nhưng không phải lúc nào thơ cũng đến. Với ông trên hết vẫn là sự nghiệp cách mạng cứu nước, cứu dân, nên nhiều khi ông chỉ ấp ủ, "thai nghén" trong lòng, mà chưa có điều kiện bộc lộ. Ông tâm sự chân thành về nguồn cội những bài thơ của mình: "Những bài tôi viết ra phần nhiều trên các chặng đường đi, hay sau khi vừa kết thúc chặng đi. Lúc về nhà công việc ùn tới khó có thời

1. Bảo Định Giang: *Thơ anh mang hơi thở cuộc sống*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 547 - 548.

gian viết và cũng mất dần những hứng thú ban đầu để viết. Viết ngay những gì mình xúc động thì mới có sức sống thực tế trong thơ, nhưng sau khi bài thơ hoàn thành, thời gian dành cho sự gọt giũa cần thiết không có, nên không ít những bài thiếu tính nghệ thuật trong thơ..."¹.

Những bài thơ có tính chất tự sự của Lê Đức Thọ giúp người đọc hiểu hơn tính chân thực của cuộc sống, mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, giữa cảm xúc nghệ sĩ và sự thành công của tác phẩm.

Đến với thơ, Lê Đức Thọ không có ý định thành danh ở sự nghiệp văn chương này, mà là dùng tiếng nói tâm tình để thể hiện sâu sắc tấm lòng nhiệt huyết của mình với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân. Lý tưởng đó đã giúp người chiến sĩ cộng sản Lê Đức Thọ sống, chiến đấu không mệt mỏi, dâng hiến cả cuộc đời, "*không sợ tù gông, chấp súng gươm*".

Thơ của Lê Đức Thọ đầy ắp niềm tin vào con người, vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng:

Đường cách mạng là đường dài vô tận

Đầy chông gai nhưng cũng đầy cỏ lạ hoa thơm.

Gấp lại những trang thơ Lê Đức Thọ, lòng ta xốn xang, tin yêu, hy vọng vào tương lai sáng tươi của đất nước vì ngay trong những năm trước đổi mới, đất nước còn nhiều gian nan, thơ ông vẫn đầy lạc quan, tin tưởng:

Mai này đất nước thắm tươi

Một mùa xuân mới đầy trời nở hoa.

1. Bảo Định Giang: *Thơ anh mang hơi thở cuộc sống*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ, Sđd*, tr. 548.

THƠ ANH MANG HƠI THỞ CUỘC SỐNG

Nhà thơ Bảo Định Giang*

Ở nước ta, các nhà hoạt động chính trị, xã hội thường hay làm thơ, viết văn. Qua nhiều thời đại, đặc điểm nổi bật của nền văn học nước nhà là sự xuất hiện liên tục những bài thơ, áng văn của những chính khách, tướng lĩnh, nhà chiến lược, những người cầm đầu quốc gia. Trước những biến cố lịch sử, thời cuộc thăng trầm, một bài hịch, một lời kêu gọi có thể trở thành một áng văn bất hủ nếu bài hịch ấy, lời kêu gọi ấy chứa đựng một tình yêu Tổ quốc nồng nàn, một tinh thần quyết chiến, quyết thắng, đại diện được ý chí của nhân dân.

Trong thời đại chúng ta ngày nay, ngoài những thơ văn có giá trị lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương cũng cho ra đời nhiều bài thơ đăng báo, in thành tập. Tuy không phải là sáng tác của nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp, nhưng những tác phẩm của các đồng chí ấy có vị trí quan trọng trong sự nghiệp sáng tác văn học nước nhà. Việc có tên của các tác giả không chuyên này trong nhiều tuyển tập văn học, đã nói lên ý nghĩa tích cực của sự tham gia sáng tạo nghệ thuật, đem lại hiệu quả trong sự nghiệp kiến tạo tinh thần của nhân dân ta.

Trong cuộc hành trình lâu dài của các thời kỳ vận động cách mạng, ngoài công việc chính hằng ngày, đồng chí Lê Đức Thọ còn tranh thủ thời gian rảnh rỗi để làm thơ ghi lại những ý nghĩ và cảm xúc của mình. Thơ của đồng chí Lê Đức Thọ tuy

không nhiều, nhưng cũng không phải là ít. Mấy tập thơ đã xuất bản, những bài đã đăng báo chưa in thành tập đối với một nhà thơ không chuyên như thế cũng đã quý. Không dừng ở số lượng, tính tư tưởng và chất tình cảm đem lại sự rung động trong người đọc chính là chất lượng của khá nhiều bài, mà tác giả đã để tâm huyết sáng tác và công sức ra. Bên cạnh những bài ấy, một số bài tính nghệ thuật chưa được tác giả quan tâm đúng mức, nên khi đọc, ta có cảm giác như đứng trước một bức tranh mới phác họa, chưa hoàn chỉnh.

Dù nặng nợ với thơ, nhưng không phải lúc nào tác giả cũng có thơ. Nhìn những tháng, những năm ghi dưới các bài thơ, ta thấy thời gian tác giả sáng tác có lúc nhạt, lúc khoan. Khi thì dồn dập bài này gọi bài khác, bài trước kéo bài sau, khi thì hàng năm chẳng có bài nào.

Như đã có lần tác giả trao đổi ý kiến với anh chị em làm thơ: "... Làm thơ cũng có hứng thú. Khi nào có dịp đi đây, đi đó, được tiếp cận với sự vật thì khi ấy mới nảy ra những ý kiến muốn viết. Sự nắm bắt thực tế và sự xúc động trước thực tế trở thành nguồn động lực thôi thúc mình viết. Những bài tôi viết ra phần nhiều trên các chặng đường đi, hay sau khi vừa kết thúc chặng đi. Lúc về nhà công việc ứn tới khó có thời gian viết và cũng mất dần những hứng thú ban đầu để viết. Viết ngay những gì mình xúc động thì mới có sức sống thực tế trong thơ, nhưng sau khi bài thơ hoàn thành, thời gian dành cho sự gọt giũa cần thiết không có, nên không ít những bài thiếu tính nghệ thuật trong thơ...".

Tự sự của đồng chí Lê Đức Thọ chẳng những nói cụ thể về công việc làm thơ của chính mình, mà còn giúp chúng ta suy nghĩ mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, giữa sự hứng thú và quá trình hoàn chỉnh một bài thơ.

Những bài về nước Campuchia và chiến sĩ ta ở biên giới Tây Nam làm ra trong những ngày tháng giêng dương lịch năm 1979, những bài *Nam Bộ thương nhớ* làm ra trong ngày

* Phó Chủ tịch Ủy ban toàn quốc các Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam.

26-12-1983, những bài về Campuchia làm ra trong tháng giêng dương lịch 1984, những bài *Thăm lại miền Trung* làm ra trong những ngày cuối tháng 3-1985 là những bài thuộc mảng đề tài gắn với nhau như một hạt chuỗi trong sợi dây chuỗi, tác giả viết một mạch không muốn chấm dứt ở bất cứ bài nào trước tình hình và qua suy nghĩ triền miên của mình. Tình thần sôi nổi của từng bài thơ và cả chùm thơ ẩn chứa bên trong những suy tư và ý tình sâu lắng. Ta bắt gặp đâu đây những câu rất đối đậm đà, tha thiết khiến người đọc chẳng những rung động mà còn day dứt, bồi hồi qua một số bài thơ, đoạn thơ giàu tính trữ tình, hơn thế, giàu tính nhân đạo cộng sản, dù có một số câu, chúng ta chưa lấy làm thích, nhưng cốt lõi của đồng chí Lê Đức Thọ là như thế ấy và nó có sức truyền cảm mạnh mẽ cũng ra từ ấy. Ta có thể thấy rõ điều này qua bài thơ *Điểm tựa* tác giả làm khi đi thăm bộ đội ở biên giới phía Bắc. Với bài này, chẳng những tác giả nhận được rất nhiều thơ đáp lại của các chiến sĩ ở tuyến đầu Tổ quốc, mà còn nhận thức được những bức thư của bộ đội nhiều nơi gửi về nói lên nỗi xúc động của mình khi đọc bài thơ *Điểm tựa*.

Đón bạn Campuchia đến thăm Việt Nam lúc bạn diệt chủng Pôn-pốt trở mặt với nước bạn láng giềng vốn có quan hệ khăng khít lâu đời trong cuộc liên minh bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước, tác giả viết:

*Mấy chục năm rồi anh với tôi,
Miếng cơm manh áo sẻ làm đôi,
Chiến hào đôi bạn cùng xung trận,
Tình nghĩa anh em được thấm tười.*

*Bỗng chốc xui nên bạn hóa thù,
Dã tâm phản động có ai ngờ.*

(Tình nghĩa thủy chung)

Pôn-pốt xua quân gây hấn ở biên giới buộc ta phải ứng phó, thế là bộ đội ta sau bao ngày đêm đánh Mỹ, nay lại phải xông

ra trận. Thông cảm sâu sắc với lực lượng vũ trang của ta về những ngày gian khổ vừa qua, về nhiệm vụ do đất nước yêu cầu trong thời gian hiện tại, tác giả viết:

*Xa rừng chưa được bao lâu,
Súng thù đã nổ, rừng sâu lại về,
Lại hầm trú ẩn xưa kia,
Lại cơm trộn bắp, nước khe mát lòng,
Lại lều căng tấm ni lông,
Sương khuya lạnh ngắt, gió lồng bốn bên.*

(Biên giới Tây Nam)

Tin những người con trung hiếu trong việc nắm chắc tay súng giữ vững biên cương, đồng thời cũng tin ngày mai tươi sáng trên bầu trời hai nước láng giềng:

*Vẫn cầm chắc súng trong tay,
Biên cương Tổ quốc từ nay vững bền,
Dòng sông Sở Thượng đôi bên,
Có đàn cò trắng bay lên lưng trời.*

(Nhớ anh chiến sĩ)

Yêu chiến sĩ đồng thời cũng yêu cán bộ, suốt đời vì nước, vì dân:

*Trên đường lên biên giới,
Gặp anh giữa rừng chồi,
Tiếng súng thù vừa nổ,
Đã có mặt anh rồi.*

...

*Anh ôm choàng lấy tôi,
Mừng không nói nên lời,
Hai mái đầu tóc bạc,
Trời ngoài kia sáng rồi.*

(Thương anh cán bộ)

Đến thăm cán bộ, chiến sĩ ở biên giới Tây Nam, lại ra thăm cán bộ, chiến sĩ đang bảo vệ biên giới phía Bắc, thời tiết

tháng giêng miền Bắc rét đậm, biên giới càng rét hơn. Chính thời gian ấy, trên điểm tựa ở biên giới Cao Bằng, tác giả đã chứng kiến cảnh gian khổ nhiều bề của bộ đội và trách nhiệm nặng nề mà bộ đội phải gánh vác khiến lòng tác giả xao xuyến:

*Đêm nay trời rét lắm,
Cái rét biên thùi làm buốt thịt da,
Cả núi rừng chìm đắm dưới sương khuya,
Gió vi vút rít qua khe cửa nhỏ,
Trần trọc mãi thâu đêm chẳng ngủ,
Thương anh nhiều, anh chiến sĩ của tôi ơi!*

(Điểm tựa)

Trải qua thời tiết khắc nghiệt lại thiếu cái ăn:

*Gạo sậy, khoai, mỳ, "bát canh toàn quốc",
Và "nước chấm đại dương", đỡ lúc đói lòng,
Cũng có khi "thịt ấm chân răng",
Nhưng có bữa cơm toàn muối trắng.*

(Điểm tựa)

Thế mà những người con trung dũng, kiên cường của Tổ quốc càng thấy rõ nghĩa vụ của mình hơn bao giờ hết.

Thật là xúc động, một năm sau, với lòng yêu vô hạn của mình đối với bộ đội ngày đêm đang lăn lộn trên chiến trường biên giới, từ nơi cuối cùng của đất nước, tác giả hướng về biên thùi thăm và chúc một cái Tết tốt lành đến với bộ đội, những con người thân thương nhất.

*Đường lên biên giới đâu xa lắm,
Nhưng khó thăm anh lại một lần.
Mở đài nghe báo tin thời tiết,
Đợt rét mùa này rét rét thêm.
Tôi ở miền Nam tràn nắng ấm,
Ước gì nắng ấm cả vùng biên.*

...

*Xa anh nào biết anh sao nhỉ?
Muốn hỏi thăm anh rõ ngọn ngành,
Cuộc sống ngày càng mong đổi mới,
Cho rừng thêm đẹp, lá thêm xanh.*

...

*Thư anh, tôi gửi từ Minh Hải,
Anh ở biên thùỵ tận núi cao,
Đất nước hai đầu xa vạn dặm,
Mà lòng thương nhớ vẫn bên nhau.*

(Thăm anh)

Qua bài *Thăm anh*, ta bắt gặp một tình cảm lớn của tác giả dành cho các chiến sĩ yêu quý của mình. Tác giả nói hộ cho hàng triệu, triệu người ở hậu phương đang hướng về tiền tuyến khâm phục, thương yêu và luôn đến với họ bằng tình cảm trong sáng nhất, đẹp dễ nhất.

Những bài *Anh thương binh*, *Thương đời chiến sĩ viết thêm hay*, *Trọn vẹn bốn mươi năm*, *Anh chiến sĩ an ninh*, *Người chiến sĩ cuối cùng*, với nhiều khía cạnh khác nhau, tác giả đều tập trung ca ngợi lực lượng vũ trang, lực lượng nòng cốt của nhân dân ta trong việc canh giữ bầu trời, mặt đất, bảo vệ an ninh đất nước và an toàn xã hội.

Với thương binh, tác giả viết:

*Tôi nắm tay anh, một bàn tay lạnh ngắt,
Và anh nắm tay tôi, hai bàn tay siết chặt,
Đôi mắt anh đã nhắm lại tự lúc nào.
Tôi lặng nhìn anh, ôi thương mến biết bao!
Đặt nhẹ gói quà, trên chiếc ba lô đã dãi dầu mưa nắng.
Lặng lẽ ra về, tôi biết nói gì hơn.*

(Anh thương binh)

Cũng xuất phát từ tình thương yêu bộ đội, tác giả mong muốn những cây bút làm báo, viết văn trong bộ đội ngày càng

viết sắc, viết hay về đồng đội đang cầm súng của mình. Trong một bài tặng báo *Quân đội nhân dân*, tác giả viết:

*Bút sắc đâm bao thằng cướp nước,
Mực hòa với máu viết thành văn.*

...

*Bộ đội bây giờ muôn vẻ mới,
Thương đời chiến sĩ viết thêm hay.*

(Thương đời chiến sĩ viết thêm hay)

Với cán bộ và chiến sĩ công an nhân dân, tác giả viết:

*Một cuộc chiến tranh thâm lặng,
Không thời gian, và không có cả không gian,
Trước mặt, sau lưng, đâu cũng là trận tuyến.*

(Anh chiến sĩ an ninh)

Yêu chiến sĩ đang xông pha ngoài mặt trận, đồng thời tác giả cũng yêu những con người "giữ cho đời một cuộc sống yên vui". Trước mắt tác giả, họ là những con người không bao giờ biết lùi bước trước gian khổ, biết trọng nghĩa, khinh tài, biết nghĩ suy, biết yêu ghét. Tác giả gửi gắm vào những người có "chí kiên định", có "lòng son sắt thủy chung" ấy những nhiệm vụ nặng nề mà đất nước đang giao phó.

Đối với tác giả, trong đời "có những phút giây không thể nào quên được", đó là những phút giây trước giờ nổ súng đối với một trận giành thắng lợi sau cùng, chấm dứt nỗi đau thương từ lâu đè nặng lên cuộc sống quần chúng:

*Chỉ còn đêm nay nữa mà thôi,
Trận quyết chiến cuối cùng lịch sử,
Anh rạo rức làm sao khó ngủ,
Cây súng bên mình như nhấn nhủ điều chi.*

(Người chiến sĩ cuối cùng)

Đối với bộ đội ta bao giờ hướng đạn bay tới của họ cũng nhằm thẳng hướng quân thù, nhưng những giây phút cuối cùng

này có cái gì khác những trận đánh trước. Ở thế đang giằng co, dù thắng một hay hai trận, quân địch vẫn còn lực lượng. Cái khác trước đối với trận sắp mở màn mà ai cũng chờ đợi từ lâu là:

Loạt đạn cuối cùng này chấm hết những đau thương.

Bởi lẽ:

*Qua năm tháng hành quân ra trận,
Tất cả dồn vào trận đánh hôm nay,
Giải phóng miền Nam mong đợi từng ngày,
Đời bộ đội ước mơ nào hơn thế.*

(Người chiến sĩ cuối cùng)

Chính cái giờ im ắng nhất ấy lại là giờ rạo rục nhất trong mỗi lòng người chiến sĩ:

*Võng đu đưa mắc ở mé rừng,
Cùng đồng đội chờ giờ xuất kích,
Gió nhẹ nhẹ trong đêm khuya tĩnh mịch,
Muỗi vo ve, tiếng lá thổi rì rào,
Rừng trong đêm lấp lánh mảnh trời sao.*

(Người chiến sĩ cuối cùng)

Cái giờ cả nước reo hò ngày vui đại thắng cũng chính là cái giờ đầy thương tiếc đối với tác giả về sự mất mát những người con yêu quý của Tổ quốc trong trận đánh cuối cùng hiện lên cùng một lúc hòa nhau trong nhịp đập trái tim của mọi người:

*Và anh đã nhẹ nhàng nhắm mắt xuôi tay,
Sống đã đẹp mà ra đi cũng thật là tuyệt đẹp,
Cả đất trời lặng lẽ nhớ thương anh.*

(Người chiến sĩ cuối cùng)

Chiến thắng và sự mất mát trong chiến tranh là chủ đề của bài thơ đầy xúc động *Người chiến sĩ cuối cùng*. Ta hiểu đây

là giây phút cuối cùng kết thúc số phận kẻ xâm lược và cũng là giây phút cuối cùng của người chiến sĩ yêu quý của chúng ta ra đi "đã hiến trọn đời mình cho ngày vui đất nước".

Tác giả viết bài *Người chiến sĩ cuối cùng* đúng 10 năm sau đại thắng mùa Xuân năm 1975. Bài thơ không dừng lại ở một con người "tuyệt đẹp" quên mình vì đất nước, mà còn làm nổi bật mối tình mẹ con, mối tình đồng đội, lòng biết ơn vô hạn "không thể nào quên" của những người đang sống yên vui giữa đất nước độc lập, tự do.

"Cả đời người luôn sống mãi trong tôi" và "có những phút giây không thể nào quên được" một lần nữa nói lên tấm lòng vô vàn thương yêu, quý trọng của tác giả đối với bộ đội, đối với các chiến sĩ dũng cảm của chúng ta.

Những bài *Tội ác diệt chủng, Em gái mồ côi, Tình bạn chiến đấu, Tình nghĩa thủy chung* là những bài ghi đậm nét tội ác tày trời của bọn ăn thịt người Pôn-pốt, bọn gieo khổ đau tang tóc chồng chất lên hàng triệu người Campuchia, gây nợ máu đối với nhân dân nước láng giềng lúc nào cũng nặng tình, nặng nghĩa, trước sau như một với bạn bè:

*Tình bạn xuân về hoa thắm nở,
Ngàn năm mưa gió quyết không phai.*

(Tình nghĩa thủy chung)

Em gái mồ côi mà tác giả tình cờ gặp "trên quãng đường dài xa thẳm" ở "Phnôm Pênh vừa giải phóng", cũng như em bé gái gặp ở Tiền Giang đang đi học sau khi quê nhà được giải phóng là những hình ảnh thương tâm, đồng thời cũng là những nhân chứng về hành vi vô nhân đạo của lũ sói ăn thịt người. Một em đang đi lang thang giữa đám đông người; một em đã trải qua những ngày đau khổ dưới thời Mỹ - ngụy "lọt lòng cùng mẹ đã đi ở tù". Các em đã gây sự xúc động đối với tác giả bao nhiêu thì tác giả, người anh lớn của các em qua thơ, cũng truyền lại cho người đọc sự xúc động bấy nhiêu.

Về Đảng, tuy không trực tiếp, nhưng qua bài *Người đồng chí*, *Tặng báo Nhân Dân* nhân kỷ niệm 30 năm ngày báo ra số đầu và những bài khác, tác giả cất lên tiếng nói rất đỗi ngọt ngào. Để ghi nhớ ngày con được kết nạp vào Đảng, tác giả viết:

*Hôm nay ba gọi con đồng chí,
Hai chữ sao mà lắm mến thương,
Tình nghĩa sắt son chung lý tưởng,
Vào sinh ra tử một con đường.*

...

*Đảng đã cho con cả cuộc đời,
Cả mùa xuân thắm rộn vui tươi,
Chấp cho đôi cánh thần tiên đó,
Con hãy bay đi tận cuối trời.*

(Người đồng chí)

Dù Đảng đã cho "cả mùa xuân thắm" và cho "đôi cánh thần tiên", nhưng con đường đưa người đến hạnh phúc còn phải trải qua nhiều vất vả, lăm gian nan, đến với Đảng là cả một sự phấn đấu không ngừng. Bộc lộ cái vui được "gọi con đồng chí", tác giả không quên nhắc nhở trách nhiệm người đảng viên đối với cuộc đời:

*Muốn hái mùa xuân nhân loại ấy,
Còn nhiều vất vả, lăm gian nan.*

(Người đồng chí)

Ý nghĩa này quán xuyên trong tác giả khi đề cập đến Đảng, rằng con đường dẫn tới tương lai không thẳng tắp, điều quan trọng là có ý thức dám chấp nhận mọi khó khăn để đưa xã hội tiến lên:

*Đường đời chưa hết cheo leo,
Mặc cho sóng gió vũng chèo tiến lên.*

(Tặng Báo Nhân Dân)

Đừng quên nhau, nghĩa tình sau trước, ngọt bùi nhớ lúc đắng cay, giữ lòng chung thủy... được tác giả nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong nhiều bài. Chùm thơ *Nam Bộ nhớ thương, Thăm lại miền Trung* và nhiều bài khác, những tình cảm cao đẹp trên được thể hiện ra trên hầu khắp các mặt của cuộc sống, trong mọi thứ quan hệ ở đời, trừ bọn xâm lược và bọn bán nước.

Với đồng bào, đồng chí, chiến sĩ, mẹ già, em thơ, với nước bạn thì giọng của tác giả luôn luôn ấm áp, ngọt ngào, rất dễ đi vào lòng người, nhiều trường hợp gây xúc động sâu sắc.

Đọc thơ Lê Đức Thọ, điều ta cảm thụ trước hết là những chuỗi suy nghĩ sâu sắc và tình cảm chân thành của một nhà tư tưởng, nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp, nhà ngoại giao giàu bản lĩnh, một người cộng sản từng lăn lộn trên khắp nẻo đường đời. *Thơ của đồng chí là tiếng nói chính trị, là tiếng nói mang hơi thở của cuộc sống, là tiếng nói của cuộc sống, là tiếng nói của một trái tim nóng bỏng về cách mạng và về các mối quan hệ tốt đẹp trong xã hội.* Cái đẹp trong thơ của đồng chí là cái đẹp của đất nước, là những con người xuất hiện liên tục trên đất nước với tất cả phẩm chất cao quý đáng ca ngợi. Cái luôn luôn làm rung động nhà thơ không có gì khác hơn là những gương chiến đấu quên mình cho Tổ quốc, cho hạnh phúc chung của mọi người, nhất là anh em bộ đội, điều nhân nghĩa, tình chung thủy nảy sinh trong mối quan hệ giữa người với người qua chiến đấu và lao động. Nhiều ý hay, câu hay ta gặp đây đó trong những bài thơ của tác giả cũng ra từ những đề tài, những chủ đề lớn đó.

Bài thơ *Lời anh dặn* là bài thơ tặng đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua bài thơ, ta thấy rõ tính Đảng của tác giả rất cao, ý chí không hề suy giảm; trái lại quyết tâm giành chiến thắng mang tính lịch sử:

*"Phen này quét hết quân xâm lược,
Bắt bọn tay sai phải cúi hàng".*

Thơ của đồng chí Lê Đức Thọ có ảnh hưởng sâu rộng trong quân đội và công an. Những bài thơ của đồng chí đăng trên báo *Quân đội nhân dân* và *Nhân Dân* được các đồng chí trong lực lượng vũ trang rất ưa thích và gửi thư đến tác giả hoan nghênh.

ANH BỘ ĐỘI TRONG HỒN THƠ LÊ ĐỨC THỌ¹

Nhà thơ Vũ Quần Phương

Một đặc điểm bao quát thơ Lê Đức Thọ là thơ nói về những người chiến sĩ. Trong tập thơ *Gửi anh bộ đội*, Nhà xuất bản Quân đội chỉ chọn ba mươi sáu bài nói trực tiếp tới bộ đội trong toàn bộ thơ của tác giả. Nhưng nếu chọn tất cả, chủ đề tập thơ cũng không thay đổi. Hầu như Lê Đức Thọ không viết về đề tài sản xuất, xây dựng, ông không nói tới người công nhân hay nông dân. Có lẽ trong cuộc đời hoạt động cách mạng qua các giai đoạn, trọng trách giữ nước luôn luôn đè nặng trên vai ông. Ông chỉ viết khi có cảm xúc thực dấy lên từ những tiếp xúc cụ thể với cuộc đời nên mỗi bài thơ đều là không gian, thời gian của nhiệm vụ công tác. Ở đây có những bài trong chuyến đi từ Bắc vào Nam hồi kháng chiến chống Pháp, những bài viết từ Chiến dịch Hồ Chí Minh, những bài từ biên giới Tổ quốc. Ông có rất ít những bài ngồi nhà mà nghĩ ra, ông không có thời giờ thường xuyên cho thơ. Ông chỉ có thể viết ngay trên đường công tác. Thơ chụm vào các chuyến đi. Với tác giả, thơ chỉ là "sản phẩm phụ" trong hành trình của ông; nhưng chúng ta vẫn sống sót vì "năng suất" trong gần ba tháng tham gia chỉ đạo Chiến dịch giải phóng miền Nam, mười bảy bài in trọn vẹn một tập thơ, tập *Nhật ký đường ra tiền tuyến* (Nhà xuất bản Văn học, 1977). Đây là tập thơ mang dấu vết những tháng ngày lịch sử của đất nước. Tầm nhìn, tầm nghĩ, cương vị công tác đã biến những trang nhật

1. Bài đăng trên Tạp chí Văn nghệ Quân đội, tháng 11-1984 và tập *Những bài thơ một tấm lòng*, tháng 9-1985, có bổ sung và sửa chữa.

ký thơ ấy thành thiên sử thi về chiến tranh nhân dân giải phóng đất nước.

Thơ Lê Đức Thọ là thơ nặng tình thương mến. Lòng ông dễ bị lay động trước nỗi khổ của con người, trước những đau bể của mỗi số phận. Bài thơ *Người mẹ* viết trong kháng chiến chống Pháp ghi nhận một thành công tiêu biểu.

Tác giả ca ngợi tình cảm bà mẹ, ca ngợi tình cảm anh bộ đội không bằng bình luận mà bằng cái nhìn yêu thương của ông: Bà mẹ già yếu, tay run, mình gầy, chiếc quán của mẹ cũ yếu ớt, trơ trọi: *Cột gầy xiêu vẹo chống hàng lung lay*. Bà mẹ cần sự che chở. Anh bộ đội thì *vai nặng đường xa gối đã chôn* và trước mắt anh còn *vượt suối lại trèo non*. Nghĩa là anh cũng cần sự nghỉ ngơi, cần được chăm sóc che chở. Hai con người ấy đã che chở cho nhau. Hình ảnh bà mẹ trong cái nhìn ngoài lại của anh bộ đội có sức gợi cảm.

*Xa xa mẹ vẫn trông theo,
Sương lam mờ núi ánh chiều dần tan.*

Tư tưởng bài thơ cách mạng, nhưng phong vị lại dân tộc. Sự hòa quyện ấy trong thơ ca đầu kháng chiến chống Pháp không phải là nhiều, ngay ở các nhà thơ chuyên nghiệp. Đó là ưu thế của thơ Lê Đức Thọ, ưu thế ấy đến nay ông vẫn giữ được.

Một bài thơ khác cũng nói về bà mẹ. Ấy là vào năm 1975, trên đường Chiến dịch giải phóng miền Nam, khi qua sông Nhật Lệ, nơi mẹ Suốt chèo đò đưa bộ đội qua sông ngày đầu đánh Mỹ ở miền Bắc. Lê Đức Thọ thành kính tưởng nhớ người anh hùng đậm tính chất dân tộc ấy qua bài thơ *Nhớ mẹ*. Giọng thơ chân thành, khiêm tốn rất đáng quý. Tác giả, nhà lãnh đạo lão thành ấy, như thu nhỏ mình lại trước tấm lòng yêu nước của bà mẹ chân đất. Bà mẹ Suốt đã vượt qua một cuộc đời cụ thể để thành biểu tượng của hàng chục triệu người dân thâm lặng làm lụng và chiến đấu.

Khi nói tới cuộc đời chiến đấu của anh bộ đội, bất cứ ở bài

nào, Lê Đức Thọ cũng muốn chia sẻ những gian nan thiếu thốn. Hình như luôn canh cánh bên lòng ông nỗi khắc khoải về những hy sinh vô bờ bến của người lính: hy sinh trong chiến trận, hy sinh cả cái ăn, cái mặc, đến tình cảm thư từ. Ông cảm thông nỗi lòng anh bộ đội xa nhà. Năm 1948, ông chia sẻ cảnh tình yêu xa cách trong hai bài thơ nói tâm tình người đi (*Giây phút chia tay*) kể ở (*Gửi ai*).

Mười bảy bài thơ trong *Nhật ký Đường ra tiền tuyến* được đưa trọn vẹn vào tập này tạo thành một khối thơ liên mạch, từ đó chúng ta có thể thấy mối quan hệ giữa hiện thực đời sống với nguồn cảm hứng thơ của tác giả. Mỗi bài thơ đều cấu tạo từ một chi tiết thực, từ bài *Qua đèo Ngang* viết ngày 9-2-1975 đến bài *Trận đánh cuối cùng* viết ở Sân bay Tân Sơn Nhất ngày 2-5-1975, tác giả như có một niềm rung cảm thường trực trong tâm hồn, nên mỗi chi tiết của cuộc chiến đấu đọng vào đều làm ngân lên âm hưởng của thi ca. Đó là niềm rung cảm có tính chất sử thi được gọi lên từ nhiệm vụ trọng đại của chiến dịch. Câu đầu tiên của bài thơ đã cho thấy tính chất sử thi trong cảm hứng đó: *Quân vượt đèo Ngang quyết diệt tà*.

Bài thơ làm theo luật thơ Đường, họa lại bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan. Riêng sự họa lại ấy như đã gửi một sự giao hẹn với lịch sử, xưa Bà Huyện man mác buồn trong sự cô đơn: *Một mảnh tình riêng ta với ta*. Giờ đây tác giả khép bài thơ trong cảm xúc ngược lại:

Ngày vui thống nhất không xa nữa,

Nam Bắc sum vầy ta gặp ta.

Vui và sum họp. Xu thế lịch sử đã tạo cảm xúc mới cho thơ.

Bài thơ *Lời anh dặn* cũng có cốt cách như một lời hứa và bài *Trận thắng cuối cùng* là lời báo cáo hoàn thành nhiệm vụ.

Giấc mơ Bác đã thành hiện thực,

Lúc này đây Bác ngủ hẳn yên lòng.

Có lẽ đây là chùm thơ đẹp nhất trong đời viết của tác giả.

Đẹp về nhiều phương diện: trong cảm hứng thi sĩ có tự tin của người cầm quân, ngay ở bài thơ xuất quân như đã cầm chắc chiến thắng. Và trong việc cầm quân, người chủ tướng để lòng nghe cả tiếng mưa rơi và thao thức về nắm mồ một liệt sĩ vô danh trên đường tiến công. Có thể nói tới nhiều khía cạnh của chùm thơ này. Ở đây chúng tôi xin tự giới hạn trong sự ghi nhận những sắc thái tâm tình của tác giả đối với anh bộ đội giải phóng. Hãy nhìn vào các đề tài đã được tác giả quan tâm: anh bộ đội, anh lái xe, em gái công binh, con đường bom đạn, chuyến xe nhọc nhằn... Ông có cả một bài để nói về *Bụi Trường Sơn*. Đây không phải chỉ là sự cảm thông nỗi gian khổ của nhân dân mà đây là lời lẽ của người trong cuộc với những chi tiết có sức đập vào giác quan người đọc. Ở bốn câu kết, tác giả như đánh rơi mất mình (là người cũng tắm trong biển bụi ấy), lòng thương hướng về những anh lái xe:

*Thương mấy anh lái xe,
Suốt đêm ngày lặn lội,
Trường Sơn vượt mấy lần,
Đã hút bao nhiêu bụi?*

Trong lịch sử đã có những lúc chúng ta đọc bài thơ nhỏ của người làm và tưởng như thấy được cả thế lẫn lực của một đạo quân chính là do phẩm chất tâm hồn ấy.

Các bài *Mưa rơi*, *Mồ chiến sĩ không tên* ghi những giây phút lắng lại của tâm hồn người chỉ huy giữa chiến dịch. Bài thơ *Mồ chiến sĩ không tên* viết ngày 26-4-1975 giữa lúc mọi người háo hức trong không khí chiến thắng, chúng ta đã tiến đến cửa ngõ Sài Gòn. Lê Đức Thọ hướng lòng mình tới một nắm mồ vô danh:

*Giữa rừng nấm đất còn tươi,
Mồ ai mưa gió ai người viếng thăm,
...
Ngày vui, Tổ quốc nhớ anh,
Chiến công này có công anh góp phần.*

Trước niềm vui của chiến thắng cuối cùng, tác giả đã cân lại trên tim mình sức nặng của hy sinh. Cái tình ấy bao hàm cả trí tuệ. Trong cảm xúc Lê Đức Thọ, chúng ta luôn luôn thấy có một niềm thành kính đầy ơn nghĩa. Ông đánh giá rất cao sự hy sinh của bộ đội và đồng bào ta trong chiến đấu.

Thơ Lê Đức Thọ không có những chỗ thừa hào nhoáng và cũng không gây ngạc nhiên bằng sự điêu luyện của bút pháp. Đọc thơ ông, người ta bị lay động bởi cái tính chân thành. Nói chung, thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa đều chân thành. Nhưng ở ông, đấy là sự chân thành hiếm thấy. Những ai làm thơ, chỉ lấy thơ làm mục đích, nhằm nhằm làm thi hào thi bá, thường ít dám có sự chân thành ấy.

Thơ Lê Đức Thọ là thứ thơ viết để sống lại, sống hết những cảm xúc mình đã có. Nó ít quan tâm đến ngoại cảnh, cũng ít quan tâm đến thời thượng văn chương. Tự tin vào cảm xúc của chính mình, tác giả mạnh dạn nói những gì mình có.

Trong bài thơ *Điểm tựa* có một chi tiết, nếu không chân thực, lão thực, không chắc nhà thơ đã viết:

*Tôi nhớ buổi chiều anh công tôi lên,
Thương tôi yếu không thể nào leo hết dốc,*

Nói chân thực kia đã làm những yêu thương này có sức lay động:

*Mỗi bước anh đi tôi đếm từng nhịp thở,
Hai trái tim như thì thầm to nhỏ,
Hơi ấm lưng anh sưởi ấm cả lòng tôi.*

Đọc thơ Lê Đức Thọ, ít thấy tiếng nói to. Giọng thơ ông thâm thì tâm sự. Nhất là khi nói tới những khổ cực của đồng bào, đồng chí. Nói đủ nghe, ý hợp với tình, cứ mộc mạc mà diễn đạt. Càng cao tuổi, ông viết càng mộc mạc. Những bài thơ viết trước cách mạng còn có dấu vết của kỹ thuật ngôn ngữ, còn có những hình ảnh văn chương của thời đó. Giờ đây, ông muốn nói như cuộc đời vốn có. Phải chăng, do đã nắm được cái tình đích thực của đời nên không cần đến kỹ xảo của thơ:

*Đời chiến sĩ còn nhiều khổ cực,
Quần áo mỏng manh, cơm có bữa chưa no.*

Hiểu cái ăn, cái mặc, cái sống của đời chiến sĩ như thế là cụ thể nhất. Ở đây sự cụ thể cần hơn sự văn chương, vì từ câu thơ này có thể có tiếng đáp từ nỗi lòng dân đối với đời sống anh bộ đội.

*
* *

Ba mùa xuân liên tiếp 1983 (Tết Quý Hợi), 1984 (Tết Giáp Tý) và 1985 (Tết Ất Sửu), đồng chí Lê Đức Thọ viết thơ tặng những người cầm súng đang bảo vệ bờ cõi và cuộc sống yên bình của đất nước. Bài *Điểm tựa* tặng bộ đội nhân chuyển đi thăm biên giới. Cảm xúc của chuyến đi này còn dội tới bài thơ năm sau, bài *Thăm anh*. Bài thơ này được viết từ Cà Mau đầy nắng ấm mang lời thăm hỏi tới các chiến sĩ biên phòng đang mưa phùn gió bắc trong mùa đông xứ Bắc. Bài thơ *Anh chiến sĩ an ninh*, viết đầu năm 1985, năm kỷ niệm lần thứ bốn mươi ngày thành lập ngành công an. Ba bài thơ đã dấy lên một niềm yêu thương cảm phục của toàn dân đối với những người cầm súng đang chiến đấu gian khổ, hy sinh lặng thầm, đồng thời thắt chặt thêm sợi dây thân ái chân tình giữa Đảng với lực lượng vũ trang, giữa những người chiến sĩ bình thường với người lãnh đạo cao cấp trong Đảng. Tiếng dội của ba bài thơ này trong công chúng là một hiện tượng ít thấy trong sinh hoạt văn học.

Khi bài thơ *Điểm tựa* được đăng báo, người ta bàn bạc về nó ở khắp nơi: ở thư viện, các tòa soạn báo chí, đài, cơ quan, Hội Nhà văn... Sinh viên Trường đại học Tổng hợp dựa trên bài thơ này tổ chức hội thảo về anh bộ đội biên giới. Người ta ngạc nhiên rồi người ta phấn khởi. Ngạc nhiên vì sao "cụ" biết rõ đời sống lẫn tâm tư của lính tráng đến thế? Vì sao thơ thật và bạo thế? Những chi tiết đời sống trong *Điểm tựa* chúng hiện diện rất nhuần nhuyễn, hồn nhiên? Bài thơ mộc mạc mà sao xúc động, nhiều người lính biên giới đã khóc khi đọc thấy chính cuộc

sống của mình, tâm tư của mình trong câu thơ... Phấn khởi vì nghĩ bác Lê Đức Thọ biết, tức là Trung ương biết, mà Trung ương đã biết, đã quan tâm tới thì khó khăn sẽ dần dần được giải quyết. Phải trở lại năm 1983, khi lễ lối quan liêu bao cấp chưa bị đụng đến mới hiểu được nỗi vui của bộ đội ta (đặc biệt bộ đội biên giới) và của nhân dân ta khi thấy những chi tiết cụ thể của đời người lính đã đến được với Trung ương bằng con đường ngắn nhất, đường tình cảm - đường thơ. Từ bài thơ này, người ta còn hy vọng ra nhiều mặt khác của đời sống xã hội, của sự nghiệp xây dựng đất nước. Bao nhiêu lo nghĩ, trần trở khao khát bấy nay vùi ở đáy lòng và muốn vùi luôn vì ít hy vọng đạt được, nay bỗng nhiên được đánh thức dậy. Người ta thêm được bộc lộ, được giải bày với tác giả, với Đảng. Hàng loạt thư và thơ đã được gửi về các tòa báo, đài phát thanh và gửi trực tiếp tới đồng chí Lê Đức Thọ.

Thơ đã trở thành cái cầu nối những trái tim nhiệt thành, những cõi lòng tâm huyết. Hai bài thơ sau *Thăm anh* và *Anh chiến sĩ an ninh* cũng có tiếng dội như thế. Thơ thành một cuộc phát động tâm hồn, thành công luận, thành tình cảm xã hội, thành những biểu hiện vật chất góp vào sự chăm sóc bộ đội và công an.

Nhiều địa phương, nhiều ngành đã tìm các hình thức thăm hỏi hoặc kết nghĩa để góp phần chăm lo thường xuyên đời sống bộ đội biên giới.

Không thể kể hết những biểu hiện cụ thể của tình cảm đồng bào đối với bộ đội biên giới sau khi đọc bài *Điểm tựa* của đồng chí Lê Đức Thọ.

Thơ đã làm nhiệm vụ một nghị quyết và có khi còn nhanh hơn thế vì nó tác động vào tình cảm, day dứt vào hậu phương. Tiếng dội của lòng dân qua những chăm lo cụ thể đã cho thấy tác dụng lớn lao của bài thơ. Trong một lần trò chuyện thân tình với giới làm thơ, đồng chí Lê Đức Thọ đã vui vẻ nhắc lại ý kiến một cán bộ về bài thơ này: "Anh Sáu mới viết được, thẳng

khác viết là chết". Và đồng chí Lê Đức Thọ nói tiếp: "Chỉ nói cái tốt chưa đủ. Phải nói cả cái chưa tốt và phương hướng giải quyết. Toàn ca ngợi hoặc chửi tuốt là chết rồi". Đây chỉ là ý kiến tạt ngang trong câu chuyện của đồng chí Lê Đức Thọ. Nhưng đây chính là phương hướng của cả nền văn học nghệ thuật của chúng ta. Sự đánh giá đúng nhất đối với một tác phẩm có lẽ là sự đánh giá của người trong cuộc. Ở đây, đó là sự đánh giá của các chiến sĩ biên giới với các bài *Điểm tựa*, *Thăm anh*. Trong thư của bộ đội Lạng Sơn đề ngày 20-1-1984, có đoạn viết: "Chúng con xúc động vô hạn khi được đọc bài thơ của Bác từ Minh Hải gửi ra, Bác đã dành cho chúng con tình thương yêu triền miên. Tuy biên giới còn đang giá lạnh song chúng con đã thấy ấm vô cùng, để đáp lại lòng thương yêu vô hạn, chúng con nguyện chắc tay súng bảo vệ biên cương Tổ quốc". Và trong thư một cá nhân, đồng chí Vũ Duy Thư: "Cháu đọc bài thơ Bác trên báo, cháu xúc động quá. Cũng như bài thơ *Điểm tựa*, bài *Thăm anh* đơn vị cháu chuyền tay nhau đọc, nhiều người đã chép vào sổ tay lưu niệm".

Những tác động lớn lao đó của ba bài thơ của đồng chí Lê Đức Thọ là một hiện tượng thực tế. Những nhà nghiên cứu sẽ có dịp tìm hiểu thêm về sức mạnh của chủ nghĩa hiện thực, về nghệ thuật vị nhân sinh, về ý nghĩa và vai trò của tình cảm trong việc xử lý đề tài, về nhiều yếu tố thơ ca khác. Ở đây, qua thư và thơ của bạn đọc xa gần gửi tới, chúng tôi muốn nói tới một cội nguồn sức mạnh khác, có lẽ là chủ yếu, của ba bài thơ này. Sức mạnh của thơ nhưng lại nằm ngoài thơ, nằm ở cuộc đời tác giả. Vì đây không chỉ là thơ của một nhà thơ mà là tấm lòng của Đảng. Lời reo đầu tiên của một cán bộ công an khi đọc bài *Anh chiến sĩ an ninh* là: "Đảng nói về mình đây... Đảng đã hiểu rõ ta" (thư của Lê Hồng Nguyên, Bộ Nội vụ).

Bạn đọc thấy bóng dáng tâm hồn tác giả trong bài thơ chính là hiện thân của Đảng:

*Xuân về mang đến thơ anh
Những lời của Đảng ngọt lành mến thương.*
(Phạm Xuân Diệu - Thanh Hóa)

Mênh mông tình nghĩa nồng tim Đảng
(Chu Hà - Hà Nội)

Tình cảm của Đảng thể hiện qua bài thơ đã giúp anh bộ đội ý thức được những gian lao thiếu thốn mà mình đang chịu đựng:

*Chăn tuy chưa đủ, áo chưa nhiều
Tổ quốc còn nghèo, có bấy nhiêu
Nhưng thấy lòng ta sao ấm thế
Đảng dành cho cả trái tim yêu.*

(Đào Hữu An - Lạng Sơn)

Đồng chí Dương Khắc Thụ, Giám đốc Công an Hải Phòng, cũng nhận ở tấm lòng của Đảng:

*Bài thơ bảy mươi bảy dòng
Tặng công an cả tấm lòng Đảng trao.*

Và anh thấm thía lại những chặng đường đi của đời mình, của nghề nghiệp:

*Khi bão táp, lúc êm đềm
Khi vui thắng trận, khi trên phê bình
Từ sương sớm đến tàn canh
Lời thơ chỉ rõ ngọn ngành khúc nhôi
Ngẫm mình chỉ tại mình thôi
Vàng trắng vàng vạc Đảng soi rõ đường.*

Những trọng trách lớn lao mà tác giả gánh vác bên những chi tiết nhỏ bé mà bài thơ nói đến, cho thấy tình thương dào dạt của một tấm lòng:

*Bác lo bao việc nước non
Trong ngoài bè bạn cháu con muôn nhà,
Vẫn nhìn thấy hạt mưa sa
Vẫn nhìn thấy bữa cơm cà con ăn.*

(Trần Út - Công an Thanh Hóa)

*Mái tóc suy tư bộn bề việc nước
Vấn dành thơ nhớ đến chúng con.*

(Hoàng Trọng Nghĩa - Công an Hà Nội)

Chính đó là điều tạo nên sự cảm kích lớn lao trong bạn đọc. Trước tấm lòng ấy, mọi người đều muốn tự nhìn lại mình, thấy lại trách nhiệm của mình. Sự lay động của thơ ở đây là sự lay động vào lương tâm.

Thơ của Lê Đức Thọ, ở ba bài thơ này cũng như ở các bài khác là thơ được viết từ một trái tim trách nhiệm hay rõ hơn, từ trách nhiệm của trái tim, của lương tâm. Nhà thơ tâm sự: "Tôi không thể làm thơ khi không có những cảm xúc chân thực. Những cảm xúc nảy sinh từ sự tiếp xúc của tôi với cuộc sống thực tế vô cùng sinh động trong những năm tháng chiến đấu và dựng xây hết sức hào hùng của dân tộc ta". Ba bài thơ này là một bằng chứng, một kết quả của quan niệm đó. Cái tình chân thực nên cái nhìn không né tránh, lời thơ không quanh co, không hào nhoáng. Mộc mạc, giản dị mà lay động được người đọc là do sức mạnh của tình cảm. Cái tình cảm của bài thơ này là tình cảm mẹ thương con: cụ thể, chi tiết, không có một nghi thức nào. Cái hay ở đây là hay từ gốc, từ gốc trái tim, nên mọi tấm lòng dễ cộng hưởng, cảm thông. Sức phổ biến của thơ bắt đầu ở đây. Đặc trưng của thơ cũng là ở đây. Thực tế, ba bài thơ của đồng chí Lê Đức Thọ đã tạo được một con đường ngắn nhất từ trái tim đến trái tim. Không có một thứ công văn hành chính nào có thể làm một người lính thường, anh bình nhất, bình nhì thấy gần gũi nhà lãnh đạo cao cấp như thế.

Các anh bộ đội biên giới cũng như các chiến sĩ an ninh rất mực cảm kích khi đọc các bài thơ này vì tác giả đã nói tới công việc, đến đời sống cùng những vui buồn thầm kín của các anh rất cụ thể, tinh tế, thấu đáo. Ở một cương vị công tác cao, nhưng đồng chí Lê Đức Thọ đã có sự thấu hiểu sâu sắc đến từng người lính. Đồng chí Trần Út, công an Thanh Hóa nói sự cảm động và tự hào khi đọc thơ "Cảm động trước sự quan tâm chăm lo sát

sao của Đảng, tự hào là trong cuộc chiến đấu thâm lặng này luôn luôn được Đảng tin yêu vạch đường chỉ lối". Đồng chí Vũ Thông, P5.A22 thì cho rằng chưa một ai nói hết vất vả khó khăn ngành mình bằng bài thơ của đồng chí Lê Đức Thọ.

Làm thơ, ai cũng biết đưa nhiều chi tiết vào là việc khó. Nhiều nhà thơ chỉ dùng chi tiết một cách điểm xuyết đủ để khơi gợi cảm xúc hơn là để nói sự việc.

Đồng chí Lê Đức Thọ từ những năm bốn mươi đã có những bài thơ tràn đầy cảm xúc, được viết với một bút pháp lãng mạn, phóng khoáng, hư ảo, tài hoa:

*Nào biết Đà Giang lại có ngày
Con thuyền phiêu bạt ghé nơi đây
Cánh bướm đã giải màu sương nắng
Xuống thác lên ghềnh vẫn vững tay.*

(Rừng Mai, 1944)

Hoặc réo rất tiêu tao:

*Hơi sương để lạnh những chiều
Lưng trời cánh gió đuổi theo lá vàng.*

(Duyên văn, 1944)

Hoặc đắm say, bi tráng:

*Tiếng pháo nay là loại súng vang
Của quân du kích chốn sa trường
Xác thù tan tác trong sương sớm
Máu thấm vươn trên vạn nẻo đường.*

(Lòng xuân chiến sĩ, 1945)

Một tác giả đã đi qua những bút pháp như thế chắc hẳn không khó khăn gì trong việc lãng mạn hóa các chi tiết sống, tạo nên không khí thông thoáng, gợi cảm cho bài thơ. Nhưng tác giả đã không chọn cách nói bằng sự việc, sự việc để mặc. Cách đó khó cho thơ, nhưng lợi cho việc giải quyết hiện thực. Thơ lay động người đọc không chỉ bằng chữ nghĩa, hình ảnh, cảm xúc

mà chủ yếu là bằng sức mạnh hiện thực. Đối tượng miêu tả (và cũng là độc giả chủ yếu của các bài thơ này) cần thơ nói đúng và đầy đủ đời sống của mình. Dưới ngòi bút của đồng chí Lê Đức Thọ, chỉ có hai câu thơ:

*Đời chiến sĩ còn nhiều gian khổ
Quân áo mong manh, cơm có bữa chưa no.*

đủ lay động tâm hồn toàn quân và toàn dân ta. Cái hay của thơ ở đây không để rung đùi mà để dẫn tới hành động.

Hai câu thơ ấy, chúng ta nhìn kỹ lại xem, có hình ảnh mỹ từ pháp nào đâu. Ở đây không có cái hay của chữ cũng không phải cái hay của nhạc, đó là cái hay ở một cách nhìn, một thái độ đối với hiện thực, đó là cách nhìn tôn trọng hiện thực, tôn trọng hiện thực vì yêu thương con người. Đọc thơ Lê Đức Thọ nhiều lúc phải dừng lại, mắt nhìn vào dòng chữ mà lòng nghĩ ra ngoài đời mới hiểu được tấm lòng người viết:

*Gạo sậy, khoai, mỳ, "bát canh toàn quốc"
Và "nước chấm đại dương" đỡ lúc đói lòng.*

Những tiếng lóng đã thành khẩu ngữ của lính ta, "bát canh toàn quốc, nước chấm đại dương" nhập tịch vào thơ làm chúng ta mỉm cười và ứa nước mắt: lấy cái vui cái nhộn mà vượt lên khó khăn gian khổ vốn là sở trường của anh bộ đội Cụ Hồ. Tác giả dùng lại những từ này cho thấy mặt đồng tình, sự chia sẻ của mình. Đọc thơ Lê Đức Thọ, người ta thấy dễ thân, dễ gần, người ta muốn viết thư tâm sự thêm với tác giả, chính là từ yếu tố này.

Tôn trọng hiện thực, thực sự cầu thị, tác giả đã phát hiện ra những sự thật đương nhiên nhưng không mấy ai nói tới, không nói tới vì không nhìn thấy hay vì không định nhìn thấy? Không ít người trong chúng ta, do mong muốn cuộc đời vui vẻ, nên muốn hiện thực phải xuôi theo mong ước của mình. Nhưng mong ước thì chưa hẳn là cuộc đời, hiện thực không phải lúc nào cũng viên mãn. Cái khuynh hướng làm suôn sẻ cuộc đời

phức tạp, đơn giản hóa những biểu hiện phong phú của cuộc sống đã làm nhiều bài thơ, thậm chí nhiều bài báo, tự nhận là người thực việc thực, bị mất tác dụng thuyết phục, có khi còn bị phản đối, nơi phản đối mạnh nhất lại chính là nơi được nói tới. Đọc mấy câu thơ trong bài *Điểm tựa*:

Thư gửi người yêu mỗi mắt đợi chờ

Mực đã cạn thiếu tờ giấy viết

Mỗi tình thấm bỗng có lúc nghi ngờ phai nhạt.

Chúng ta sững sốt trước chi tiết "Mỗi tình thấm bỗng có lúc nghi ngờ phai nhạt". Hơi thở bộc bạch như lời tâm sự đã chạm tới phần sâu thẳm gan ruột của đời sống, đừng sợ nói hiện thực này làm rối lòng người ra trận. Quá nhấn mạnh vào nó thì không nên, nhưng đừng nghĩ rằng không nói đến nó là đã an ủi được người đi. Cái thói quen né tránh các mặt không thuận của đời sống đã làm mất dần nhà văn. Yêu sự thật là một bản năng của con người. Từ đó mà sinh ra tình cảm, sinh ra trí tuệ, từ đó mà nắm bắt được các quy luật của thiên nhiên, của xã hội và của nội tâm của con người. Cách nhìn hiện thực của những bài thơ này đã cổ vũ rất lớn cho khuynh hướng tiếp cận với hiện thực đích thực của văn chương thật sự nhập cuộc. Thơ không chỉ để ngâm vịnh, không phải do tức cảnh sinh tình mà có thơ. Thơ ở đây muốn giải quyết những việc cụ thể của đời sống, muốn đáp ứng những yêu cầu của cách mạng, của tình đồng chí, đồng đội. Ở bài *Thăm anh* có cái mặc, cái ăn, hỏi đời sống vật chất lại hỏi đời sống tinh thần, hỏi cả tới những tiêu cực xã hội mà anh bộ đội phải gánh chịu. Trong thơ, hỏi nhiều như thế rất khó viết, bút pháp trữ tình tìm mọi cách để né tránh cách diễn đạt nghi vấn. Muốn thơ, người ta phải đưa miêu tả thiên nhiên vào cho ý thơ thoáng, lấy không gian làm chỗ nghỉ cho tâm trí, người ta chọn chữ nghĩa cho câu thơ này quả là có làm với đi hương vị văn chương của bài thơ, nhưng lại làm dày lên rất nhiều cái tình của đời sống. Trong những cuộc hàn huyên, người mẹ là người hay hỏi các câu hỏi cụ thể về cái ăn cái mặc của

con, hỏi xong bà lặng lẽ xuống bếp nấu một bữa ăn ngon cho con, dành phần "mây gió trắng hoa tuyết núi sông" cho ông bố hoặc các vị hàng xóm. Với những câu hỏi ấy và chỉ bằng những câu hỏi ấy, người mẹ mới có thể yên tâm về cuộc sống của con mình. Đồng chí Lê Đức Thọ cũng có một dạng tâm tư ấy:

*Xa anh nào biết anh sao nhỉ
Muốn hỏi thăm anh rõ ngọn ngành.*

Thường thì lo ăn rồi lo mặc, nhưng trong bài thơ, tác giả quan tâm đến chuyện mặc trước. Điều này cho thấy tính tự nhiên, hồn nhiên trong mạch cảm xúc của nhà thơ. Bài thơ viết từ Minh Hải *tràn nắng ấm*, nhớ người biên giới phía Bắc là nhớ ngay đến cái rét, cho nên nghĩ ngay đến chăn, đến áo:

*Chăn lạnh bông thêm chùng mảy lạng
Hở sườn áo mặc có còn chẳng?*

Cái tất yếu của tình người nó phải đi như thế. Đồng chí Lê Đức Thọ là nhà thơ coi trọng cái tình thực, cái tình đang có trong lòng hơn là nói tới cái tình nghĩ rằng cần phải có. Cho nên thơ Lê Đức Thọ dễ đến với người đọc, người đọc dễ dàng trò chuyện lại với tác giả. Và đã là cái tình thực thì nhiều khi ở một chi tiết nhỏ cũng gây nên xúc động lớn. Trong bài thơ *Anh chiến sĩ an ninh*, nhiều chi tiết nhỏ bé nhưng thiết thân của người chiến sĩ đã được nói tới đầy yêu thương, trân trọng. Có những chi tiết làm người đọc ngạc nhiên, ngạc nhiên vì tính chân thực của sự việc và ngạc nhiên cả về sự chân thành của người viết, không một kiểu cách văn chương và cũng không một nghi thức gì khác.

Sự hưởng ứng từ khắp nơi cũng bắt đầu từ mối quan tâm cụ thể đó. Không có gì liên quan đến đời sống của những người cầm súng lại xa lạ với cảm hứng thơ Lê Đức Thọ. Đồng chí Vũ Minh Tuấn đã viết khá cô đọng và xúc động về cái tình đó của nhà thơ Lê Đức Thọ:

*Trái tim thương những anh hùng
Áo cơm dang dở, nỗi lòng đầy vơi.*

Về tấm lòng của đồng chí Lê Đức Thọ đối với những người cầm súng, chúng tôi đã có dịp nói tới trong một bài riêng khi đọc tập thơ *Gửi anh bộ đội* của đồng chí. Ở đây chúng tôi muốn nói thêm về tiếng vang của những bài thơ Lê Đức Thọ trong lòng người chiến sĩ.

Đồng chí Vũ Dũng Thịnh, bộ đội Lạng Sơn khi đọc bài thơ *Thăm anh* đã bấm đốt ngón tay tính lại ngày đón đồng chí Lê Đức Thọ năm trước:

*Ngày nào ngược núi trèo non
Bác lên điểm tựa đã tròn một năm
Xuân này chẳng kịp lên thăm
Thơ người lặn lội đến trăm ngọn đồi.*

Đồng chí Đỗ Minh, bộ đội Cao Bằng, cũng có cảm xúc tương tự:

*Cháu ở biên thù trên núi cao
Gió đông rét buốt nhớ hôm nào
Bác ngồi ở giữa đàn con cháu
Đằm ấm hàn huyên chuyện vui sao.*

Đồng chí Đỗ Bún xúc động vì sự chăm lo ân cần, cụ thể của đồng chí Lê Đức Thọ đã làm thơ tặng lại:

*Anh như cây bách giữa rừng
Nắng mưa đã trải, bão bùng từng qua
Hai vai gánh nặng sơn hà
Tuổi xanh tranh đấu, tuổi già đấu tranh.*

Cảm kích trước sự chia sẻ của đồng chí Lê Đức Thọ với đời sống bộ đội, Đỗ Bún muốn làm nhẹ nỗi lo phiền của người anh lớn:

*Mắm mè đã trải cùng nhau
Canh sương tạm, có sao đâu mà phiền
Chỉ mong non nước tiến lên
Vững vàng nền móng muôn nghìn năm sau
Xuân ơi nhuộm lại mái đầu
Cho anh trông tiếp muôn màu chồi xanh.*

Tiết trời và cảnh vật, thời gian và không gian lưu luyến hình ảnh người anh, người lãnh đạo. Những câu thơ lục bát đầm thắm và khá hàm xúc của Vũ Minh Tuấn vừa nói được tình cảm kính yêu mong nhớ của bộ đội với đồng chí Lê Đức Thọ, vừa phác họa đôi nét chân dung tâm hồn nhà thơ, người lãnh đạo.

*Bước đi còn rộn nắng hè
Bước về rét ngọt tê lê lá cành
Sân nhà, một mảnh vườn xanh
Bâng khuâng hoa nở để dành làm hương
Bao giờ cạn được tình thương
Quả tim còn đó, nẻo đường còn đây.*

Một cảm thông đầy tình nghĩa giữa dưới và trên:

*Mong manh chiếc chiếu cũ rồi
Đêm đêm trần trọc thương đời đêm đêm.*

Đối với một Đảng cầm quyền không phải ở đâu cũng có sự cảm thông ấy. Chỉ có trong tình đồng chí thật sự, trong cùng lý tưởng cách mạng cao cả mới có sự cảm thông ấy. Sức mạnh vô địch của Đảng tạo nên từ mỗi cảm thông đó. Câu thơ cho thấy vẻ đẹp ánh lên từ hai phía: Dân và Đảng.

Đặc điểm lớn trong thơ Lê Đức Thọ là cái tình, là lòng thương. Từ những năm cách mạng còn hàn vi cho đến nay, tình cảm ấy không thay đổi *Một niềm ưu ái chẳng hề phai* (Thơ Phạm Chí Nhân, Tổng cục Chính trị).

Đồng chí Nguyễn Thành Nam ở Bộ Nội vụ đã đọc được tình thương cảm chứa chan của nhà thơ ở những chi tiết thơ ngộ như bình dị. Bài thơ có sức cổ vũ động viên rất lớn bởi nó chia sẻ đúng vào những băn khoăn thường ngày của con người:

*Đọc thơ anh tôi sung sướng vô bờ
Càng vững tin vào hướng đi đã chọn
Dù bữa cơm rau, mấy quả cà gòn gòn
Áo nhuộm màu mưa nắng vẫn thanh cao.*

Những gian khổ được diễn đạt không che giấu trong cả bài thơ này đã làm tôn phẩm giá cao cả trong cuộc sống thường ngày của người chiến sĩ. Những lá thư của các chiến sĩ gửi tới, tác giả đều cho biết một cảm giác tự hào sâu sắc đã choán tâm trí họ khi đọc bài thơ. Những tâm tư mắc mứu, những thắc mắc dần vật như được dẹp lại, ít nhất là trong khoảnh khắc ấy, họ còn thấy mình được sống cao hơn, có ý nghĩa hơn. Thì ra, sự động viên cổ vũ của thơ lại bắt đầu từ sự chia sẻ. Có bài thơ chỉ định tâm tình lại có tác dụng giáo dục sâu sắc. Ngược lại nếu thơ chỉ nhằm nhiệm vụ giáo dục thôi thì lại ít có hiệu quả, có lẽ vì nó ít vào tâm tình. Phong cách thơ Lê Đức Thọ là phong cách của tâm tình, viết là giải bày lòng mình trên trang giấy, đọc mười bảy bài thơ liền mạch viết trong Chiến dịch Hồ Chí Minh thấy rất rõ điều ấy. Đọc lại các bài: *Người mẹ*, *Em liên lạc...* càng thấy rõ tính chất đó. Điều này góp phần giải thích sự hưởng ứng rộng khắp trong bạn đọc về ba bài thơ này. Nhà thơ cao niên Đoàn Văn Cừ viết thơ tặng tác giả Lê Đức Thọ bằng những lời tâm giao đầm thắm tình nghĩa văn chương:

*Bút son tô điểm sơn hà
Văn chương tình nghĩa làm quà tặng nhau
Yêu xuân tơ chẳng bạc đầu.*

Trong văn học, tâm tình, tâm sự là tiếng chim gọi đàn, một khi đã cất lên thế nào cũng gặp lòng tri kỷ. Lòng tri kỷ ở đây đẹp hơn ở đâu hết, vì đây là tri kỷ giữa Đảng và quân đội, giữa lãnh đạo và chiến sĩ. Anh bộ đội được nhà thơ quan tâm chia sẻ những gian lao thiếu thốn đã động viên lại nhà thơ, làm nhẹ nỗi lo cho người lãnh đạo bằng cách tự giải quyết tư tưởng cho mình:

*Tiếng rằng cung cấp được ưu tiên
Bác ơi, hàng ít tới vùng biên
Nước nghèo đời lính còn gian khổ
(...) Đói lòng húp bát canh toàn quốc
Đêm lạnh thay chăn có lửa hồng.*

(Vũ Duy Thư - Cao Bằng)

Hoặc:

Mặc dầu nước chấm đại dương

Bát canh toàn quốc cũng nhường chia nhau.

(Phạm Xuân Diệu - Thanh Hóa)

Trong bài *Thơ gửi Bác*, đồng chí Lưu Xuân Tứ, ở Hoàng Liên Sơn, đã báo cáo lại tất cả những điều đồng chí Lê Đức Thọ hỏi trong bài thơ *Thăm anh*, trong đó có những bộc lộ rất chân thực. Hãy nghe anh tâm sự về chuyện nghe đài ở biên giới:

Đài nhiều quá mở ra thì rú

Tắt đài thì lại nhớ hậu phương.

Trong hai câu thơ này, chúng ta không chỉ quan tâm tới lượng thông tin về tình hình đài nhiều (các đồng chí ở Ủy ban phát thanh và truyền hình qua thơ có thể nắm được tình hình nghiệp vụ của ngành mình ở vùng biên giới để khắc phục), điều chúng ta, những người đọc thơ, quan tâm đến hơn là lượng tâm tư - đó là nỗi nhớ hậu phương thường trực của anh bộ đội, nghe đài không chỉ là nghe tin mà còn nghe hơi thở của quê hương. Anh chiến sĩ được trực tiếp thổ lộ nỗi nhớ mong của mình với người lãnh đạo cấp cao trong Đảng. Đó là thành công của thơ, của nỗi lòng tri kỷ. Có những điều anh không nói hết nhưng bằng cái giọng của thơ, người lãnh đạo hiểu anh:

Việc phân phối còn thất thường Bác ạ

Chuyện tiêu cực giảm đi cũng khá

Nhưng còn nhiều vất vả lắm Bác ơi.

Vẫn là sự cảm thông của người trong cuộc, những người chung cách lo, cách nghĩ, trước những biểu hiện tiêu cực của đời sống. Trong tất cả thư và thơ của các chiến sĩ gửi tới đồng chí Lê Đức Thọ, chúng ta có thể đọc thấy một niềm tin cậy, một sự chân thực cảm động: những thuận lợi, những chuyển biến tốt được trình bày và cả những trở ngại, những tiêu cực cũng được nói tới, nhưng không lá thư nào tỏ ra bất mãn hay chán nản.

Điều mà người dân lo, chiến sĩ lo là sợ Đảng chưa biết hết, sợ các biện pháp khắc phục do đó sẽ không triệt để, không toàn diện, và cái xấu vẫn có đất tồn tại. Những bài thơ của đồng chí Lê Đức Thọ đã trả lời vào đúng bản khoăn đó của toàn quân, toàn dân ta: Đảng biết, biết rất rõ, rất cụ thể, không phải biết qua báo cáo, mà biết qua nhịp đập của trái tim.

THƠ LÊ ĐỨC THỌ

Hà Minh Đức*

Là một chiến sĩ cách mạng yêu thơ và làm nhiều thơ ngay từ khi còn bị giam cầm trong nhà tù đế quốc. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, trên hai hành trình công tác từ Bắc vào Nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã sáng tác nhiều bài thơ có giá trị được tập hợp in trong hai tập: *Trên những nẻo đường* và *Nhật ký đường ra tiền tuyến*.

Đồng chí Lê Đức Thọ không phải là một nhà thơ chuyên nghiệp nhưng những sáng tác thơ của anh có một ý nghĩa đóng góp đặc biệt. Thơ của anh giàu chất sống thực tế, chứa chan tình cảm cách mạng, thiết tha yêu đời, yêu người. Những bài thơ của anh ở trong tù, những bài thơ được viết ra trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, và trên biên giới Tây Nam Tổ quốc... vừa ghi lại được hiện thực cách mạng trong hoàn cảnh và thời điểm đặc biệt, vừa có giá trị truyền cảm lâu dài.

Đến với thơ với những thiết tha ân tình của tâm hồn người chiến sĩ cách mạng dày dạn trong đấu tranh, đồng chí Lê Đức Thọ đã có một tiếng nói riêng đáng quý trong thơ.

Trên những nẻo đường và *Nhật ký đường ra tiền tuyến*, hai tập thơ tập hợp những sáng tác được viết ra trong gần bốn chục năm qua. Anh viết không nhiều nhưng "chưa bao giờ dứt đoạn với thơ". Duyên thơ vẫn bền, vẫn thấm trong những giờ phút gian truân, hiểm nghèo của cảnh lao tù, nơi mà sự sống, cái chết đã phân biệt rõ hơn và làm sáng lên bao lẽ sống cao đẹp,

* Nguyên Viện trưởng Viện Văn học Việt Nam.

nơi mà những ngọt bùi, cay đắng chia sẻ có nhau càng gắn bó thêm tình đồng chí, đồng bào:

*Thời gian qua lớp sóng còn
Mực chưa cạn hết những nguồn thơ say
Đời chưa hết kiếp đọa đày
Tơ lòng giăng mắc biết ngày nào thôi.*

(Duyên văn)

Tiếng thơ ca ở đây chính là tấm lòng yêu nước sắt son, là nỗi hận thù trào sôi chế độ thống trị, là tình thương những cảnh đời xót xa tủi cực. Những năm tháng bị giam cầm đầy đọa trong xàlim Nam Định, Hòa Bình... những ngày hoạt động bí mật trong lòng dân, người chiến sĩ cách mạng qua tiếng nói của thơ ca đã ghi lại bao cảm xúc, tâm trạng sâu sắc ân tình. Nhiều bài thơ của Lê Đức Thọ viết trước cách mạng gắn với cảm hứng về mùa xuân như: *Ỗ xuân, Rừng mai, Lòng xuân chiến sĩ* và những năm đầu sau cách mạng như: *Rượu xuân, Tin xuân, Những mảnh lòng xuân, Mùa xuân* với lý tưởng cộng sản và tâm hồn những người chiến sĩ cách mạng vẫn cứ hòa nhập, gắn bó. Mùa xuân, cái khoảnh khắc đẹp đó của tạo vật làm bừng dậy sức sống của thiên nhiên sau những ngày đông nghiệt ngã. Cảm hứng về mùa xuân trong thơ Lê Đức Thọ được khai thác với nhiều khía cạnh sâu sắc thi vị. Không phải là niềm vui xuân của những cảm hứng lãng mạn xa lạ mà tình cảm phấn chấn phải gắn liền với trách nhiệm với non sông đất nước:

*Xuân ở lòng ta đã khác rồi
Bao nhiêu mơ mộng bạn đời ơi
Đã đem chôn xuống mộ quên lãng
Thề hẹn non sông dám phụ lời.*

(Lòng xuân chiến sĩ)

Làm sao có thể vui được khi xuân đến giữa cảnh sống tiêu điều, xóm thôn im tiếng pháo, bếp nhỏ vắng khói chiều. Mùa xuân trong đời cũng như trong thơ thực sự đã tạo nên từ những

ngịch cảnh giữa thiên nhiên tươi đẹp và cảnh đời ngang trái:

*Non nước điều hiu xơ xác quá
Xuân về như vẽ nét thê lương
Biết bao kiếp sống đang quần quai
Giữa cảnh điêu tàn của máu xương.*

(Ý xuân)

Những bài thơ của Lê Đức Thọ viết trước cách mạng luôn luôn nổi lên những mạch tình ý sâu sắc về cuộc đời chung qua những sắc thái liên tưởng riêng đa dạng với nhiều tương phản: Lòng yêu nước thiết tha của người chiến sĩ cách mạng và những xót xa căm giận chế độ thống trị, thực trạng bế tắc của hiện tại và niềm tin giải thoát ở ngày mai, hoàn cảnh xã hội tăm tối và khung cảnh tươi đẹp của thiên nhiên.

Mùa xuân do đó cũng trở thành biểu tượng của một niềm ước hẹn:

*Mai hẹn xuân về mai lại nở
Khách còn hẹn trước với chông gai.*

(Rừng mai)

Mỗi năm xuân về, ngày tháng vẫn tuần hoàn theo sự sống, con đường cách mạng vẫn trải dài trước mắt và người chiến sĩ cách mạng vẫn không dừng bước.

Mùa xuân cũng gợi lên ý niệm về thời gian và niềm vui của sự sinh trưởng theo quan niệm truyền thống quen thuộc. Ở đây ý niệm về thời gian gắn liền với ý thức trách nhiệm và nỗi lo lắng của người chiến sĩ:

*Đường xa mãi miết quên ngày tháng
Dòng nước thời gian vẫn chảy đều.*

(Rừng mai)

Biết bao nhiêu mùa xuân đã qua. Cây thời gian đã nhiều lần đâm bông kết trái, nhưng rồi năm tháng như những cột mốc ghi nhận một chặng đường để lại tiếp nối một chặng đường mới.

Và đúng thế, Cách mạng Tháng Tám thành công, tưởng rằng "Ước hẹn năm xưa đã trọn rồi" và đã có thể "Cùng nhau uống cốc rượu đầy, cười lên cho bỏ những ngày lâm than", nhưng rồi cuộc chiến đấu lại tiếp diễn, cuộc chiến đấu suốt ba mươi năm qua. Thơ Lê Đức Thọ gắn liền với hai cuộc hành trình của tác giả từ Bắc vào Nam trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, trong những năm chống Mỹ, cứu nước và chuyển đi thứ ba vào chiến trường biên giới Tây Nam. Tên gọi của hai tập thơ đã gợi đến những con đường, những chuyến đi. Không gian, thời gian không eo hẹp, không ngưng đọng mà mở ra bốn hướng, trải dài theo con đường của đất nước, đường đến tiền tuyến. Cuộc hành trình Bắc Nam đầy gian truân đó đã đem đến trong thơ anh một chất sống thực. Những cảnh đời, con người lần lượt hiện ra trên đường đó. Cái thấy, cái nghe đã hiện lên trong thơ anh qua những bức tranh, những câu chuyện kết chân thực và cảm động. Anh chú ý đến những hình ảnh gần gũi đang diễn ra trong sự sống hằng ngày của cuộc kháng chiến. Bà mẹ kháng chiến với quán nước bên đường mừng đón người con chiến sĩ vất vả trên chặng đường xa:

*Đâu biết ngày nào mong gặp lại
Miếng trầu bát nước tiễn đưa con
Tuổi già vui với gian lâu hẹp
Một chút lòng thành gửi nước non.*

(Người mẹ)

Cảnh sống của đồng bào tản cư theo kháng chiến thật giản dị mà thân thương, ấm cúng. Một vùng rừng hoang nước độc có bàn tay con người lao động khai phá đã mang khung cảnh của xóm làng:

*Đến nay có mái nhà tranh
Có chị bán bánh có anh đi cày
Con trâu vất vả tới ngày
Con gà thơ thần nuôi bây con xinh
Đất mầm nảy đợt khoai xanh,*

*Sấn cao vút ngọn, đổ nành ra hoa.
Chị người ở tận phương xa,
Anh ở đâu lại cũng là bà con.*

(Tản cư)

Những câu thơ không có sự tô điểm nghệ thuật nhưng gần gũi, hiền lành như chính bản thân sự sống. Người viết không thể sáng tạo nên được nếu như không có sự cảm thông sâu sắc và gắn bó như người ở trong cuộc. Anh đến với cuộc đời chung, với mọi người như người anh em, người đồng chí. Bài thơ *Em liên lạc* là biểu hiện sâu sắc của tấm lòng đầm thắm ấy:

*Nhìn em đôi mắt long lanh,
Căm hờn đã bén tuổi xanh những ngày.
Em ngồi gần nữa lại đây,
Cho bừng lửa hận, cho say đôi lòng.*

(Em liên lạc)

Con đường vào Nam thăm thẳm phải vượt qua bao suối sâu, đèo cao. Cảnh vật con người vừa giàu yêu thương khích lệ vừa gợi nên bao cảm giận xót xa. Tội ác của kẻ thù còn ghi lại qua bao dấu vết của sự tàn phá, hoang tàn:

*Kìa đồng khô cỏ cháy
Không một cánh cò bay
Năm xương trâu phơi trắng
Bên ruộng dở đường cày
Chiếc bừa răng gãy nát
Phủ kín lớp bùn lầy...*

(Hoang tàn)

Những đau thương xót xa không làm nản lòng mọi người. Cuộc sống vẫn phát triển, cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn. Vẫn "có tiếng căm hờn đất dội lên". Chiến trường bom đạn vẫn nổ với "bóng ai len lõi mé rừng đêm". Đi vào cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ của dân tộc, mỗi người đều có ý thức gác bỏ tình

cảm riêng tư của mình. Những chàng trai trẻ hăm hở lên đường, không phải không có những vấn vương với những kỷ niệm còn tươi mới, băng khuâng với bao mơ ước hẹn hò. Cuộc kháng chiến đã rèn luyện, thử thách tạo nên bao đổi thay đến từng cuộc đời. "Mưa gió nhuộm màu xám lại. Cầm hồn đôi mắt bốc men say". Trên hành trình vất vả, họ đón giao thừa trong niềm vui không hẹn mà gặp của những người chiến sĩ xa nhà. Ngày mai gươm súng lên đường, lại sống cuộc đời của người chiến sĩ:

*Vui với cuộc đời đầy khói lửa
Đâu lòng mấy lúc bạn tơ vương.*

Trên mỗi nẻo đường kháng chiến có biết bao nhiêu cảnh ngộ và tâm tình. Cái đích của nhà thơ là đi về phía trước cũng như chính cuộc đời đang đi nhanh về phía trước.

Trên những nẻo đường là những cảnh đời thực được ghi nhận với bao xúc động tâm tình. Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Nam còn chịu cảnh đau thương dưới ách của bọn Mỹ - ngụy. Nghĩ đến miền Nam trong xa cách, những kỷ niệm của chín năm kháng chiến chống Pháp lại trở về bồi hồi trong ký ức, trong thơ. Kẻ thù không thể nào dập tắt được phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam, những con người trung kiên một lòng một dạ với cách mạng. Bài thơ *Gửi bạn miền Nam* ghi lại tình cảm xúc động của những kỷ niệm đã qua, những suy nghĩ về thắng ngày hiện tại và niềm tin vào thắng lợi ngày mai. Từng hình ảnh cụ thể của đồng chí, đồng bào lại hiện lên trong tâm trí:

*Nhìn về phía trời Nam
Một mùa đông ảm đạm
Anh lẫn lộn giữa cuộc đời gian khổ.
Giờ nay đây anh ở nơi đâu?
Anh hội họp đồng chí
Anh kêu gọi đồng bào*

*Anh nằm trong bụi rậm hay ở vào hầm sâu?
Tuổi xanh sớm đã bạc đầu
Trán nhăn sớm đã nhuộm màu phong sương.
Còn má Hai nghèo quá
Có giữ được ruộng vườn
Hay phải trả về tay
Bọn cường hào địa chủ?
Tôi thương đời má gieo neo
Đói cơm rách áo sớm chiều mong con.*

Và rồi cũng không chỉ tình cảm với những con người cụ thể mà anh có dịp gần gũi quen biết. Miền Nam, nửa đất nước còn trong đau khổ luôn da diết trong tâm trí anh:

Miền Nam hồi, nhớ thương tha thiết lắm!

(Xuân về với những niềm tin)

Nỗi nhớ thương ấy cũng là tình cảm chung của mọi người dân sống trên đất Bắc. Nỗi nhớ thương ấy đang biến thành sức mạnh cụ thể. Trong thơ, anh luôn nhấn mạnh một lời hẹn ước:

*Tôi sẽ trở về Nam
Giữa một mùa xuân thắm.*

Mùa Xuân 1975, lời hẹn ước ấy đã trở thành sự thật. Cuộc hành trình Bắc Nam lần thứ ba này lại đem đến nhiều cảm hứng đẹp cho thơ. Thời gian gấp rút, khẩn trương vào những ngày chiến dịch. Đèo Ngang, Nhật Lệ, Cam Lộ, Đông Hà, Đắc Lắc, Lộc Ninh... những cái tên thân thuộc gần gũi, những cột mốc của một chặng đường dài và cũng là những địa danh kéo dài trang nhật ký về thơ. Cảm hứng của người ra trận thật phần chấn, con đường vào Nam là con đường vui, đường thắng lợi.

Tập thơ *Nhật ký đường ra tiền tuyến* đã thể hiện được sâu đậm không khí khẩn trương, sôi nổi của cả nước lên đường. Tác giả đã dành nhiều trang thơ đẹp để viết về những chiến sĩ lái

xe, những cô gái công binh... những người chiến sĩ đang tiếp bước nhau trên đường ra trận. Mỗi người đều có trước mắt cái đích thắng lợi, mang trong tâm hồn một khoảng trời xanh và trong tim là một lời nguyện ước. Lời nguyện ước ấy với anh cũng như bao chiến sĩ trên đường ra trận là lời của non nước, lời căn dặn của đồng chí đồng bào. Đường ra trận dọc theo dải Trường Sơn hùng vĩ, mở ra trăm lối dọc ngang, con đường đưa ta đến với những thắng lợi mang tầm vóc của thời đại. Không phải là những con đường đưa nhân loại tiến bước "đường lên vũ trụ", "đường xuống đại dương" mà là con đường của chủ nghĩa anh hùng cách mạng:

*Con đường đã đưa ta đi đánh Mỹ,
Để cho đời một khúc anh hùng ca.*

(Đường với xe)

Con đường ấy mở ra từ những đau thương tủi cực của những cuộc đời nô lệ, đi giữa những gian truân thử thách tột cùng và cũng thênh thang trong niềm vui thắng lợi. Trong thơ của tác giả, đó vừa là con đường chung của dân tộc, vừa là những con đường cụ thể. Trên đường ra tiền tuyến, Lê Đức Thọ đã quan sát, ghi chép và sáng tạo nên nhiều tứ thơ đẹp. Một cách nhìn châm biếm về một "đài kỷ niệm", nắm mô chôn chung của hai tên xâm lược cũ và mới:

*Xe tăng Mỹ tan xác,
Đồn giặc Pháp rêu phong,
Khen ai khéo xếp đặt,
Lập một đài chiến công.*

Một tấm lòng biết ơn ghi nhận qua bao nỗi niềm thương cảm những chiến sĩ vô danh ngã xuống trên những nẻo đường ra trận:

*Giữa rừng năm đất còn tươi,
Mô ai mưa gió, ai người viếng thăm.
Anh vui giấc ngủ ngàn năm,*

Thương anh ngày tháng hờn căm chất chồng...

(Mồ chiến sĩ không tên)

Cứ thế, cảm hứng thơ vừa bình thản, chủ động vừa khẩn trương, sôi nổi. Chiến thắng dồn dập, thời gian gấp rút, nhịp thơ cũng khẩn trương, gấp rút. Cuộc chiến đấu đã đi vào trận cuối cùng của lịch sử. Những lo lắng, chờ đợi, mong ước về tin thắng lợi của chiến trường xao xuyên tâm trạng của mỗi người. Lúc này cả thời tiết cũng thực sự tham gia trận đánh. Bài thơ *Mưa rơi* da diết tình cảm mà đắm sâu về ý tưởng. Nỗi lo lắng về những cơn mưa vào ngày chiến dịch khẩn trương nhất. Mưa rơi, làm sao cho xe tăng, trọng pháo vượt qua được những chặng đường lầy lội kíp khép đội hình vào trận đánh cuối cùng:

*Nghe chim tu hú gọi,
Rừng Lộc Ninh sáng rồi.
Suốt đêm qua không ngủ,
Nằm đếm tiếng mưa rơi...*

(Mưa rơi)

Những cơn mưa và những đêm không ngủ cũng đã đến trong thơ anh ba mươi năm về trước. Trong cảnh tù đầy nằm nghe mưa rơi giữa bốn bề đất nước còn đắm chìm trong cảnh đời nô lệ, lòng người sao khỏi xót xa, buồn tủi:

*Đêm nằm nghe tiếng mưa rơi
Trong khuya như có tiếng ai gọi chờ,
Xa xa, vắng tự bao giờ,
Ngàn thông hút gió bên bờ sông Đen.*

(Trong khuya)

Cơn mưa lại đến trong thơ nhưng không buồn trong nỗi xa vắng mênh mông, hiu hắt:

*Chiến trường chờ từng phút,
Đừng mưa nữa, mưa ơi!*

(Mưa rơi)

Câu thơ da diết trong nỗi lo lắng, trong trách nhiệm chung

và không mang một nét riêng tư nào. Giữa tiếng mưa rơi và tâm hồn người lắng nghe không có một sự giao cảm. Cũng vì thế mà suốt đêm tiếng mưa rơi... không có sự lắng nghe, giao cảm mà là sự nóng lòng, nóng ruột với yêu cầu cấp bách của chiến trường và tình trạng kéo dài của những cơn mưa không đúng lúc.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng. Chúng ta đã đến đích thắng lợi sau chặng đường dài chiến đấu suốt ba mươi năm:

*Ôi, những phút giây mừng đến rơi nước mắt,
Suốt đời người chỉ có một hôm nay.*

(Trận thắng cuối cùng)

Trong niềm vui lớn của dân tộc, anh nghĩ đến các chiến sĩ, những người đã trực tiếp làm nên chiến thắng, nghĩ đến lời căn dặn của Bác Hồ, nghĩ đến đất nước sẽ không còn những ngày gian truân, đói khổ... Nhưng rồi giữa những ngày vui chưa trọn vẹn, một trách nhiệm mới lại đặt nặng trên vai của mọi người. Bọn phản động Pôn-pốt - Iêng-xari đã phản bội dân tộc Campuchia và phản bội tình bạn chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Biên giới Tây Nam trở thành mảnh đất nóng bỏng. Tình cảm đầm ấm giữa nhân dân Campuchia và Việt Nam bị những kẻ phản bội xuyên tạc, thóa mạ. Phải kiên quyết vạch mặt kẻ thù phản bội và giữ lấy tình cảm yêu thương ruột thịt giữa hai dân tộc. Nhiều bài thơ của đồng chí Lê Đức Thọ đã hướng về miền đất thân yêu ấy với những tình cảm quốc tế sâu sắc, ân tình. Thực ra thì ngay từ trong những năm kháng chiến chống Pháp, Lê Đức Thọ đã có thơ hay viết về tình cảm Việt - Miên, những người cùng một trận tuyến chiến đấu chống thực dân Pháp. Cách nhau chỉ một dòng sông, một cánh rừng, thậm chí là một con đường mòn quen thuộc, người dân Việt và Miên đã có những quan hệ tình cảm tự lâu đời. Họ lại siết chặt tay trong nhiệm vụ chung của công cuộc kháng chiến chống Pháp. Cuộc gặp gỡ giữa hai người chiến sĩ thật cảm động:

*Anh thương tôi nhiều lắm
Mưa gió phải xông pha,
Anh đem cho gạo củi
Để thổi bữa cơm chiều
Lửa hồng trong bếp đang reo,
Lòng tôi như cả một triều sóng dâng.
Không gian yên lặng quá
Tiếng súng vọng ngoài khơi
Hai bàn tay siết chặt
Thăm lặng hiểu nhau rồi.*

(Tĩnh Miên - Việt)

Từ sau chiến thắng đế quốc Mỹ, bọn Pôn-pốt - Iêng-xari đã phản bội nhân dân lao động Campuchia là nạn nhân của một chế độ tàn bạo. Cả đất nước Campuchia trở thành nhà tù khổng lồ với những sự trả thù tra tấn, và giết chóc dã man. Từ những thắng lợi huy hoàng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân Campuchia đã rơi vào bi kịch đau đớn. Nhưng rồi lịch sử lại vận động đúng theo quy luật phát triển của nó. Nhân dân cách mạng Campuchia với sự chi viện của nhân dân Việt Nam đã quét khỏi vùng lên giành lại quyền làm chủ của mình. Thật vui mừng nào kể xiết đối với nhân dân Việt Nam, những người bạn chung thủy tình nghĩa. Đồng chí Lê Đức Thọ đã nói lên qua thơ những tình cảm sâu sắc của nhà thơ đồng thời cũng là của cả nhân dân Việt Nam với vận mệnh của đất nước anh em trong cơn sóng gió và ngày vui thắng lợi:

*Từ tháp Ăngco anh tới đây
Thoát vòng địa ngục bấy lâu nay
Đâu là ánh sáng, đâu chân lý
Tôi đón mừng anh triệu cánh tay.
Mấy chục năm nay anh với tôi
Miếng cơm manh áo sẻ làm đôi*

*Chiến hào đôi bạn cùng xông trận
Tình nghĩa anh em được thắm tươi.*

(Tình nghĩa thủy chung)

Với những bài thơ viết về nhân dân Campuchia, đồng chí Lê Đức Thọ đã xây dựng được tình cảm quốc tế vô sản sâu sắc với nhân dân Campuchia anh em, những người bạn láng giềng gần gũi, những người chiến sĩ cùng chung một chiến hào suốt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đây là một phần đóng góp đáng kể trong mảng thơ viết về tình cảm quốc tế vô sản của thơ ca thời kỳ hiện đại.

*

* *

Đi sát với những giai đoạn đấu tranh cách mạng, thơ Lê Đức Thọ phản ánh nhiều nét tiêu biểu của cuộc sống và con người ở thời kỳ trước cách mạng và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Hai tập thơ, hai lần ra tiền tuyến trên con đường xuyên Bắc Nam. Có lần, anh nói về thơ: "Trong cuộc đời chiến đấu của mình, thơ thường đến với tôi vào những lúc tôi ra đi đến một vùng mới, một ngã đường mới, một quê hương mới. Với tôi thơ là một loài cây không mọc dưới mái nhà được. Mỗi chuyến đi gặp những con người mới, những cảnh ngộ mới, những niềm vui nỗi buồn mới, tôi lại muốn đến với thơ như một thôi thúc sâu xa"¹. Thơ anh ghi lại được hình bóng của nhiều kiểu người rất đẹp và tiêu biểu của quần chúng cách mạng: Người mẹ chiến sĩ, em liên lạc, chiến sĩ lái xe, cô gái công binh. Anh ít muốn nói trực tiếp đến mình - anh xúc động ghi lại, kể các nhân vật với tình cảm đồng chí chan hòa; bản thân nhà thơ lại gắn bó với nhân vật như hình với bóng. Tác giả cũng đang chung cảnh gian khổ, vượt lên mọi thử thách như em bé liên lạc ở Trường Sơn. Anh cũng đang có mặt trên cung đường của cô gái công binh và người chiến sĩ lái xe. Cũng vì thế mà anh cảm nhận hết những gian khổ khó khăn của người trong cuộc.

1. Lê Đức Thọ: *Một vài suy nghĩ về thơ*, Báo Văn nghệ, số 13, 1982.

Trong thơ anh có hơi thở của sự sống, có những chất liệu đến từ giữa cuộc đời, những chi tiết chân thực. Cảnh tượng địch tàn phá với "những cánh đồng khô cháy", những "hố bom loang lổ cánh đồng" cho đến con đường Trường Sơn bụi mù mịt, tiếng chim tu hú gọi sáng trong rừng Lộc Ninh, phút gặp gỡ trào vui nước mắt trên Sân bay Tân Sơn Nhất.

Nhà thơ đã có mặt ở giữa cuộc đời với tư cách của người trong cuộc. Không xa lạ theo một cách quan sát và nhìn ngắm từ bên ngoài, một nhược điểm dễ thấy ở những bài thơ được viết ra trên một hành trình. Cũng không khuôn hẹp cách nhìn của mình vào một cảnh ngộ để dõi theo và miêu tả tỉ mỉ các chi tiết. Trong thơ anh, nhiều nhân vật chỉ xuất hiện trong một hoàn cảnh cụ thể, qua một lần gặp gỡ lại gọi lên một phẩm chất, một cuộc đời. Những nét riêng của bà mẹ nghèo bên một quán nước hoặc lái đò ở một bến sông nói lên nhiều năm tháng của một cuộc đời và tâm trạng của những tấm lòng nhân hậu sắt son. Và những cuộc đời ấy gọi lên hình ảnh của người mẹ của đất nước, tượng trưng cho hình ảnh của đất nước đang kiên trì, nhẫn nại vượt qua những thử thách, gian truân, đứng lên từ trong hoàn cảnh khó khăn của mình. Hình ảnh mẹ Suốt, người mẹ anh hùng cứ lớn dần lên trong lòng người đọc với những hành động cụ thể: "Giữa làn bom đạn xông pha - Thương con, thương nước thiết tha cháy lòng". Người mẹ ấy đã trở thành người mẹ của cuộc đời chung. Cũng vì lẽ ấy mà những xót xa được nói đến trong thơ khi mẹ Suốt không còn nữa không phải chỉ là những tình cảm riêng:

*Đò xưa vắng bóng Mẹ rồi.
Nhìn sông nhớ Mẹ, ngậm ngùi xót xa!
Quân thù đã giết Mẹ ta
Một đêm mưa gió, máu hòa dòng sông,
Mẹ về với những chiến công,
Ghi trang sử đẹp anh hùng Bảo Ninh.*
(Nhớ mẹ)

Cái riêng và cái chung, trực tiếp và gián tiếp thường tạo nên một sự hòa hợp kín đáo trong thơ anh. Đó là kết quả của một tư duy thơ ca năng động, sáng tạo và của trí tưởng tượng phong phú trong thơ: "Có lẽ tưởng tượng của người làm thơ là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa cái riêng và cái chung, giữa cái ảo ảnh xa xăm và cái hình hài thực trước mắt"¹. Hình ảnh người lái thuyền ở mũi Cam Ranh mà tác giả có dịp gặp gỡ qua một chuyến đi công tác đã đến với thơ như một nhân vật cụ thể, đồng thời cũng là biểu tượng cho một người chỉ huy và lãnh đạo tài giỏi con thuyền cách mạng, con thuyền ấy đang phải vượt qua bao hiểm nguy: thuyền đập trên ngọn sóng... thuyền chạy như thoi đưa và người thủy thủ giàu kinh nghiệm và quyết tâm:

*Tia mắt sáng bừng nhằm thẳng hướng
Thuyền chồm lượn sóng, quyết chèo qua.*

Cái thật trong đời sống mà tác giả chứng kiến và đưa vào thơ không phải là cái cố để bày tỏ tâm trạng của mình, nhưng cũng không phải là đích đi tới của thơ. Anh muốn từ cuộc đời người mẹ, công việc của cô gái công binh, cho đến một hố bom của giặc đã lại lên xanh lúa, năm mồ người liệt sĩ bên cánh rừng, cơn mưa trước khi bắt đầu một chiến dịch và cuối cùng là niềm vui toàn thắng... tất cả góp phần nói lên sự sống của một dân tộc anh hùng. Trên chủ đề này có thể có nhiều hướng sáng tạo. Những lý lẽ hùng biện có sức mạnh riêng của nó. Tác giả ít đi về phía chính luận mà vẫn muốn quan tâm hơn đến chính sự thuyết phục của bản thân sự sống. Những sự thật tiêu biểu của đời sống trước hết đã tạo nên ở tác giả những xúc động rất chân thành.

Thơ Lê Đức Thọ có tình, cái tình đời và tình người của những người đồng chí thân thương. Suốt những chặng đường dài của cách mạng, biết bao cảnh ngộ, vui buồn, sum họp, ly tán đã đến với cuộc đời, đã đến với thơ. Những thương cảm xót xa người đồng chí đã hy sinh trong tù ngục:

1. Lê Đức Thọ: *Một vài suy nghĩ về thơ*, Báo Văn nghệ, số 13, 1982.

*Bạn đã hy sinh trọn một đời,
Cành hoa sớm héo giữa ngày tươi,
Rừng xanh còn dấu vầng trăng giải,
Lòng vẫn còn in vết hận đời.*

(Hận rừng xanh)

Giây phút sum họp cuối cùng của tình đồng chí, trước lúc phải xa nhau:

*Gặp nhau không nói nửa lời
Trong yên lặng cả một trời đắm say.*

Thơ Lê Đức Thọ có nhiều cảnh gặp gỡ và lúc chia tay. Người chiến sĩ cách mạng không phải là người khách vô tình trên một hành trình vô định. Những sự gặp gỡ của tình đồng bào, đồng chí trong nhiệm vụ, lúc gian truân đã gây bao xúc động, yêu thương. Người mẹ chiến sĩ Nghệ An với quán nước bên đường, em bé liên lạc miền Quảng Bình, Quảng Trị, người chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn... gặp nhau có khi chỉ trong phút giây mà đã cảm thông với bao tình lưu luyến. Có khi nhà thơ để cho cảnh vật nói lên hộ tấm lòng:

*Ngàn cây sương phủ kín
Chim rừng thưa lời ca
Màn đêm dần đỏ xuống
Đôi bóng mờ trong khuya...
Một buổi chiều Dốc Bút
Chút tình bạn mến thương
Chung một niềm uất hận
Lòng vẫn thắm yêu đương.*

(Một chiều Dốc Bút)

Có lúc dường như không kìm được những xúc động, anh nói lên với bao tha thiết tình cảm yêu thương đồng chí, đồng bào. Anh xúc động đến xót xa trước những vất vả, gian truân mà em nhỏ liên lạc đang phải chịu đựng:

Gió lùa chi mấy gió ơi,

*Em đi trốn gió lại ngồi bên anh.
Lạnh lùng chiếc áo mong manh,
Tay gầy gở lở, mặt xanh nanh vàng.
Thương em thương quá là thương,
Lân la em kể đoạn trường anh nghe.*

(Em liên lạc)

Tấm lòng nhân ái, ân tình ấy đã gắn bó thêm người chiến sĩ, nhà thơ với quần chúng cách mạng và sự gắn bó đã mang lại sức mạnh thực sự trong đấu tranh. Ba mươi lăm năm sau, người đọc lại bắt gặp lại tấm lòng yêu thương ấy. Tình cảm trong thơ vẫn xúc động trẻ trung như ngày nào và càng sâu sắc đậm thắm hơn với thời gian.

Trong thơ Lê Đức Thọ cũng có đôi mạch tình cảm đi qua cuộc đời riêng. Từ tấm lòng riêng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy đến cuộc đời riêng của người cán bộ qua những năm tháng đấu tranh. Cái riêng và cái chung hòa hợp đậm thắm. Nghe tin con được kết nạp vào Đảng, anh xúc động khi nghĩ đến con, người đồng chí cùng chung lý tưởng chiến đấu:

*Đảng đã cho con cả cuộc đời,
Cả mùa xuân thắm rộn vui tươi,
Chấp cho đôi cánh thân tiên đó,
Con hãy bay đi tận cuối trời.*

Xuyên suốt trong thơ Lê Đức Thọ là tình cảm của người chiến sĩ hăng say hoạt động, băng về phía trước. Giọng thơ anh thanh thản hồn nhiên mà kiên quyết, nét kiên quyết của lòng quyết tâm và của hành động cách mạng. Tất cả đều hướng về một phía như con đường đi hướng đến đích xa. Ngay từ những năm còn trong tù ngục những ngày hoạt động trong bí mật, lời thơ đã khắc xuống một lòng quyết tâm: "Sao cho đời hết lầm than". "Đời người xóa hết vạ điều linh". Đến được cái đích đó phải trải qua biết bao thử thách, gian truân, đường cách mạng lại chủ yếu là nẻo đường ra tiền tuyến nên những khó khăn hy sinh lại càng chồng chất:

*Đường cách mạng là đường dài vô tận
Đầy chông gai nhưng cũng đầy cỏ lạ hoa thơm.*

(Người đảng viên cộng sản)

Quan niệm như thế về con đường cách mạng nên tình cảm trong thơ anh không ném xuống một cách lý trí khô khan, mà luôn thấm vào bên trong chất men say trong tranh đấu. Cảm hứng chung về tập thơ *Nhật ký đường ra tiền tuyến* bộc lộ rõ nét quyết tâm và niềm vui của người ra trận. Cùng một tình cảm và ý thơ, Tố Hữu có lần đã viết:

*Chưa bao giờ đẹp thế sắc trời xanh
Và sắc đỏ của lá cờ ra trận.*

Câu thơ mang một niềm vui đầm tụt bên trong, với những cảnh sắc đẹp của ngày ra trận. Niềm vui ấy cũng dào dạt trong thơ Lê Đức Thọ, cái vui náo nức của nhà thơ, rồi của mọi người, những dòng người đang như những con suối đổ vào sông, những dòng sông cuộn cuộn xô về biển cả trong Chiến dịch lớn Hồ Chí Minh:

*Đường vào tiền tuyến lắm tin vui,
Thắng trận reo mừng khắp mọi nơi,
Giục giã đường xa mau kịp bước,
Thời cơ thuận lợi tới nơi rồi.*

(Lời anh dặn)

Tất cả đang dồn về phía trước. Những bài thơ được viết ra như sự ghi nhận những cảm nghĩ vui nẩy ra trên mỗi chặng đường, thơ không níu giữ lại, không làm phân tán tâm tư người ra trận. Cũng vì thế mà trên hành trình Bắc Nam qua bao đèo cao suối sâu, bao phong cảnh lạ, thơ anh không bị hút vào cảnh vật. Qua Đèo Ngang, nơi địa danh và phong cảnh thiên nhiên nhiều chất thơ này không khởi xúc động đến tác giả. Bài thơ *Qua đèo Ngang* họa vắn lại bài thơ của bà Huyện Thanh Quan gọi lại một kỷ niệm bên cạnh một trách nhiệm của cuộc đời hiện tại:

*Quân vượt đèo Ngang quyết diệt tà,
Chiến công nối tiếp nở như hoa,
Bom rơi chật đất thù muôn thuở,
Máu đổ tràn sông hận mỗi nhà.
Đã quyết hy sinh cho đất nước,
Quản gì nát thịt với tan da,
Ngày vui thống nhất không xa nữa,
Nam Bắc sum vầy ta gặp ta.*

Bài thơ xưa với những câu thơ đẹp phản ánh một tâm trạng, một tấm lòng chân tình của nhà thơ cô đơn giữa cuộc đời và muốn tìm thấy ở nơi thiên nhiên cao đẹp này chút hòa hợp gần bó. Nhưng rồi nỗi cô đơn trong treo như lại càng thêm da diết hơn: *"Một mảnh tình riêng ta với ta"*.

Bài thơ này không lưu ý nhiều đến cảnh vật thiên nhiên, không có nhiều thời gian để nhìn ngắm tạo vật. Đoàn quân vượt đèo Ngang nhanh chóng để hướng tới đích xa. Lòng yêu nước và nỗi hận thù tội ác của kẻ thù càng như thúc giục bước đi để nhanh chóng đến ngày thắng lợi *"Nam Bắc sum vầy, ta gặp ta"*. Cũng vì thế mà câu thơ không dừng lắng để tìm sự yên tĩnh hoặc tự đi sâu vào mình. Đây là những vần thơ của người ra trận, những cảm nghĩ của hành động nên mang tính chất của một lời quyết tâm. Được viết ra trong những hoàn cảnh khác nhau của tâm trạng và cảnh đời, thơ Lê Đức Thọ có lúc nhỏ nhẹ tâm tình, khi dầm thấm trong chuyện kể, khi luận bàn sôi nổi. Thơ không đến với anh từ trong một chủ đích có trước mà trong những cảnh ngộ của cuộc đời. Trên bốn mươi năm qua mạch thơ vẫn bền bỉ tiếp nối theo dòng đời của những tháng năm nhiều gian truân, thử thách. Anh có thơ hay ở cả hai thời kỳ, trước và sau Cách mạng Tháng Tám. Một số bài thơ như *Hận rừng xanh, Ỗ xuân, Em liên lạc, Nhớ mẹ, Mưa rơi*, v.v., được nhiều bạn đọc yêu thích và có vị trí trong thơ ca cách mạng hiện đại. Trong phong trào thơ cách mạng thời kỳ trước năm 1945, thơ Lê Đức

Thơ không thuộc vào những sáng tác viết theo lối cổ. Tác giả đã vượt khỏi những ràng buộc của thơ xưa, nhưng anh cũng chưa biểu hiện rõ nét cho một lối viết mới. Anh có quan niệm sát đúng với sự phát triển của hình thức trong thơ "Càng ngày thơ càng phá tung những khuôn khổ hình thức cũ để giải bày tự do cảm xúc và tưởng tượng của nhà thơ". Nhưng đây đó, những nét xưa cũ trong hình thức biểu hiện vẫn xen lẫn trong thơ anh. Anh chăm sóc ý thơ và câu chữ nhưng chưa có nhiều dụng công tô điểm nghệ thuật. Đến với thơ anh không nghĩ đến một sự nghiệp mà tìm đến tiếng nói tâm tình. Biểu hiện sâu sắc tiếng nói tâm tình, anh luôn luôn nghĩ đến sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, mà thơ là người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi. Thơ anh ghi nhận chân thành tấm lòng chiến sĩ ấy qua những chặng đường dài của cách mạng.

VÀI HỒI ỨC VỀ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

Nhạc sĩ Xuân Oanh*

Hồi đó là vào năm 1947 - 1948, tôi được điều lên công tác ở Văn phòng Tổng bộ Việt Minh trên chiến khu Việt Bắc. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, lúc đó là Bí thư Tổng bộ, thường phái tôi đem thư từ tài liệu sang Văn phòng Trung ương Đảng đóng ở bên kia đèo Re. Đường đi sang đó phải qua một khu rừng có nhiều vùng cỏ gianh rậm rạp. Bà con bản làng rất ít qua nơi này vì sợ hổ và các thú dữ khác có thể bất ngờ nhảy ra tấn công. Nhưng đi nhiều lần thành quen, không thấy sợ. Và đã đến được địa điểm Văn phòng Trung ương là an toàn rồi.

Văn phòng đóng ở một nơi kín đáo trong rừng cây, rải rác một số nhà sàn của bà con người Tày. Mỗi nhà sàn ở Việt Bắc đều có một khoảng vuông ở giữa nhà đặt bếp lửa. Trên bếp bao giờ cũng có một nồi nước nóng hoặc vài ba củ sắn, củ khoai lùi sẵn trong đống tro. Chung quanh bếp thường là nơi cứ đến buổi chiều thì các đồng chí lãnh đạo đến ăn cơm, và sinh hoạt cùng anh em cán bộ, nhân viên. Hôm nào đẹp trời thì đánh bóng chuyền hay bóng bàn, không thì sinh hoạt văn nghệ. Mỗi lần sang đó, tôi chỉ có thể tới vào buổi chiều trước lúc mặt trời lặn. Tiện gặp bữa thì ăn cơm, không thì tham gia sinh hoạt văn nghệ. Các đồng chí lãnh đạo không ai nề hà, sẵn sàng tham gia với anh chị em bằng kể chuyện hoặc ngâm thơ. Không khí đó rất có tác dụng động viên anh chị em, nâng cao tinh thần đoàn kết chiến đấu và quên đi những gian khổ thiếu thốn của kháng chiến.

* Nguyên: - Tổng Thư ký kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam,
- Nguyên Tổng Thư ký Hội Việt - Mỹ.

Trong một lần sinh hoạt văn nghệ, đồng chí Lê Đức Thọ chỉ vào góc nhà chỗ tôi ngồi và nói: "Nghe anh Việt nói cậu hát khá lắm. Vậy hát một bài gì cho anh em nghe, được không?". Hôm đó, tiết trời đã sang thu, gió heo may chớm lạnh. Bên ngoài lại đang lấm tấm mưa. Tôi nghĩ bụng nếu lúc đó hát một bài về cách mạng kháng chiến chưa chắc đã được hoan nghênh vì mọi người nghe nhiều rồi. Tôi bèn chọn bài "Giọt mưa thu" của Đặng Thế Phong, nhưng giao hẹn trước: "Bài hát này lãng mạn, không có tính chiến đấu và không hợp với tai các đồng chí lắm đâu. Nhưng nó có thể hợp với không khí lúc này. Hát xong xin đừng phê bình, thì tôi mới hát". Đồng chí Lê Đức Thọ nói ngay: "Cậu này dở thật! Không lãng mạn thì làm cách mạng thế nào được? Mình nghe nói bài hát ấy hay lắm nhưng chưa được nghe. Cậu cứ hát đi". Thế là tôi hát. Chỉ hát suông, không có đàn đệm. Hồi đó ở trên rừng, một chiếc ghita cũng rất hiếm. Chiếc đàn của tôi còn để ở bên Tổng bộ.

*Ngoài kia giọt mưa thu thánh thót rơi
Trời lắng u buồn mây nước như ngừng trôi
Nghe gió thoảng mơ hồ trong mưa rơi
Ai khóc, ai than hờ!*
...
*Người mong mây tan, cho gió hiu hiu lành
Mây ngổ trời xanh
Gió ngừng đi, mây buồn chi, cho cõi lòng lâm ly*
...
*Gió xa xăm vẫn về, mây giăng buồn lê thê
Biết bao năm nữa trời
Vợ chồng Ngâu thôi khóc vì Thu*
...

Tôi hát hai lần. Hát xong, không khí chung quanh im ắng hẳn. Âm hưởng của bài hát như còn lắng đọng trong khói mờ của bếp lửa và những giọt gianh bên ngoài rỏ xuống sân sàn.

Không thấy ai nói gì. Lúc sau, đồng chí Lê Đức Thọ lên tiếng: "Sao lại có bài hát hay và mang nhiều tính nhân đạo thế nhỉ? Giọng hát của cậu cũng ấm nữa. Nó làm cho bài hát bớt đi cái vẻ thô lương lạnh lẽo". Tôi hơi ngạc nhiên, sững sờ về nhận xét của đồng chí. Bản thân tôi đã nhiều lần hát bài đó nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng nó mang tính nhân đạo. Điều đồng chí nói như xua đuổi ý nghĩ trong tôi thường cho các đồng chí lãnh đạo là khô khan mà dù không đi nữa thì cũng chẳng có thì giờ hay bụng dạ nào mà thưởng thức cái hay của một tác phẩm nghệ thuật. Thì ra bên trong con người của các đồng chí vẫn ẩn giấu những cảm nghĩ sâu sắc và rung động về nghệ thuật.

Lại một lần nữa sau này, vào năm 1972, khi đang diễn ra Hội nghị Pari về Việt Nam và lúc đó tôi cũng ở Pari với cương vị không phải một quan chức ngoại giao hay thành viên của đoàn đàm phán, mà là đại diện cho Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ. Trong một buổi rảnh rỗi sau phiên họp, đồng chí Lê Đức Thọ bỗng cho mời tôi đến phòng riêng ở trên gác tòa nhà của phái đoàn và đề nghị tôi giảng giải cho nghe về âm nhạc. Đồng chí nói: "Mình làm cái công việc chính trị, quân sự này lâu thành ra con người có vẻ như khô khan héo hắt thế nào ấy. Cậu dành ít thời gian nói cho nghe về âm nhạc đi. Mình rất thích thi ca nhưng không hiểu nhiều về môn này, mặc dầu mình biết nó có sức mạnh ghê gớm, vì chính trị mà không có văn hóa thì sẽ thành vô dụng. Cậu hãy lần lượt nói cho mình nghe về lịch sử âm nhạc, cả của phương Đông lẫn phương Tây đi".

Lại một lần nữa, tôi không ngờ một đồng chí lãnh đạo lại rất quan tâm đến nghệ thuật mà nhiệm vụ chính trị bận rộn quanh năm không cho phép có dịp tìm hiểu mà phải tranh thủ học hỏi vào những lúc tình hình đang nước sôi lửa bỏng như thế. Tôi cảm thấy rất kính phục. Tôi bắt đầu nói tóm tắt về lịch sử âm nhạc. Đồng chí nghe rất chăm chú với thái độ khiêm tốn như một anh học trò nhỏ. Mỗi đoạn giải thích, tôi minh họa bằng những làn điệu chèo, quan họ, bài chòi, hoặc nhạc cổ điển phương Tây. Rồi tôi trích mấy câu nhạc trong bản biến tấu của

Rachmaninoff về chủ đề của Paganini. Đồng chí nghe không biết mệt mỏi, mặc dầu còn đang mệt với phiên họp vừa qua ở bàn Hội nghị. Nghe xong, đồng chí nói: "Thật kỳ lạ! Sao người ta có thể nghĩ ra những giai điệu đẹp đến thế nhỉ? Nó đi thẳng vào tâm hồn con người và đọng lại ở đó mà không sao tiêu tan được. Đúng là nó có sức mạnh đến mức biến đổi được lòng người. Các cậu có cái may mắn là biết được những điều tuyệt diệu như thế. Còn mình thì thiệt thòi quá. Phải làm sao cho dân mình ai cũng có cái may mắn hiểu biết được tất cả những cái đó".

Sau này, trong quá trình đi đến ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam, đồng chí bận nhiều việc quan trọng khác, còn bản thân tôi cũng được điều đi một công tác khác nên không có dịp nói chuyện thêm với đồng chí về âm nhạc nữa. Nhưng chỉ vài buổi như thế thôi đủ cho tôi có những ý nghĩ tốt đẹp về những đồng chí lãnh đạo như đồng chí Lê Đức Thọ. Tôi nhận thức rằng các đồng chí lãnh đạo cao cấp là những người đều luôn rất quan tâm tìm hiểu sâu về lĩnh vực văn học và nghệ thuật, tác động của nghệ thuật đối với con người và xã hội.

Quan niệm của một số người nào đó về tính khí và đức độ của những đồng chí lãnh đạo nào đó có lẽ là xuất phát từ một vài thành kiến lật vặt mà không có sự thông cảm đến tận gốc nguồn và tấm lòng của những con người mà xã hội và dân tộc đã trao cho họ những nhiệm vụ cấp bách, thiêng liêng và cao cả.

LÊ ĐỨC THỌ NHÂN VẬT LỊCH SỬ - NHÀ THƠ

GS, TS. Mai Quốc Liên*

Tôi nhắm mắt lại và trước mắt tôi hiện ra một ông già cao gầy, tao nhã như một nhà nho, giọng nói nhỏ nhẹ. Đó là cái ấn tượng mà tôi luôn giữ về cụ già này, con người đã là Thường vụ Trung ương Đảng từ năm 1945, một trong những nhân vật đứng đầu cuộc kháng chiến ở Nam Bộ (sau đồng chí Lê Duẩn) và sau này cũng là một cộng sự gần gũi nhất của đồng chí Lê Duẩn. Ông làm tổ chức, an ninh, ngoại giao, quốc phòng, làm công tác tư tưởng, văn hóa, văn nghệ; lĩnh vực nào Đảng phân công, ông đều có mặt và làm hết tâm sức của mình. Đó là một con người quyết đoán, năng động, nhiều sáng kiến... Một đồng chí Trung ương nhắc tôi rằng đồng chí Lê Đức Thọ đã hai lần góp phần quan trọng vào việc xác lập Tổng Bí thư (lần thứ nhất là Lê Duẩn và lần thứ hai là Nguyễn Văn Linh - khi đó Lê Đức Thọ là Trưởng ban Nhân sự Đại hội VI). Đồng chí Lê Đức Thọ có thời gian từng làm Bí thư Trung ương Cục thay đồng chí Lê Duẩn, theo tư liệu của đồng chí Trần Hữu Phước, Thư ký đồng chí Lê Đức Thọ. Những điều này nhiều người biết và đã viết.

Trước khi gặp đồng chí Lê Đức Thọ, tôi đã nghe nói nhiều về ông. Rằng đó là một "quyền uy" lớn. Mà đã là "quyền uy" lớn thì "khó thương", "khó gần". Và đã là "quyền uy" thì có người thương, người ghét. Làm công tác tổ chức nhân sự, đánh giá, cất nhắc, "phế lập" con người, thì dù công tâm cách mấy cũng khó

* Ủy viên Hội đồng Lý luận, phê bình văn học - nghệ thuật Trung ương, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Quốc học kiêm Tổng Biên tập Tạp chí *Hồn Việt*.

tránh điều tiếng. Đưa anh lên, anh thỏa mãn thì tự mãn: đó là do tài đức, công lao của tôi đấy chứ; còn nếu vì lý do gì đó mà không được đưa lên, đưa vào hay "đưa ra" thì dĩ nhiên là mang oán. Tất nhiên công tác tổ chức là của cả tập thể Trung ương, Bộ Chính trị, nhưng cá nhân phụ trách phải chịu phần trách nhiệm. Công tác tổ chức của ta những năm chống Mỹ đã góp phần vào chiến thắng chung của dân tộc. Công việc này các đồng chí tiền bối biết rất rõ. Riêng tôi, tôi nghĩ: không ai có thể làm vừa lòng tất cả mọi người, chỉ có vấn đề là động cơ và hiệu quả. Cho đến ngày hôm nay, có người vẫn còn xì xào này kia về ông, còn người bịa đặt không bằng chứng thì không cần nói. Nhận xét một nhân vật lịch sử là việc vô cùng phức tạp. Tôi cho rằng sau tất cả các đánh giá chính thức của Đảng, Nhà nước ta, của các đồng chí cùng ở tù với ông, cùng công tác nhiều năm ở các công tác khác nhau, ta có thể khẳng định rằng: "Lê Đức Thọ là một trong những người học trò ưu tú của Bác Hồ, là người có công lớn, vào hàng khai quốc", dựng nền móng cho chế độ ta, cho Tổ quốc ta thống nhất, độc lập. Chưa có một người nào được tín nhiệm giao phó và lập công lớn ở nhiều lĩnh vực, nhiều mặt trận như vậy. Chỉ riêng trong lĩnh vực ngoại giao, việc đấu tranh kiên trì, kiên quyết, mưu lược để đi đến buộc Hoa Kỳ phải rút quân khỏi miền Nam, còn ta - nghĩa là cả miền Nam, miền Bắc là Việt Nam thì vẫn ở nguyên tại chỗ, dẫn đến "Mỹ cút" và sau này là "ngụy nhào". Đơn giản vậy thôi, nhưng đó là một chiến lược lớn, và đạt được nó trên bàn ngoại giao với Hoa Kỳ là phải tốn biết bao xương máu, công sức và thắng lợi ngoại giao này trực tiếp mở đường cho đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử. Sau thắng lợi ngoại giao tái lập hòa bình ở Việt Nam, người ta tặng đồng chí Lê Đức Thọ giải Nobel Hòa bình, cùng với Kítxinhgiơ nhưng ông không nhận (không thể nhận giải cùng với kẻ xâm lược nước mình). Sau Giăng Pôn Sác, ông là người thứ hai từ chối Giải Nobel.

Đối với những người làm văn hóa, văn nghệ như chúng tôi, một điều thú vị, Lê Đức Thọ là một thi nhân. Truyền thống

văn hiến nghìn năm của nước ta không thiếu những vị vừa "lập công" vừa "lập ngôn", để lại thơ văn có giá trị cho đời sau. Lê Đức Thọ là người Nam Định, một vùng đất cổ xưa, từ thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn... đều nổi tiếng là vùng đất văn hiến, sinh ra nhiều hiền tài, nổi tiếng thơ văn như Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh, Phạm Văn Nghị, Tú Xương... Lê Đức Thọ xuất thân trong một gia đình nhà Nho: khi xưa, nho sĩ thường làm thơ, thích thơ, và thường mang một tâm hồn thi sĩ. Cả một đời kháng chiến, cách mạng, Lê Đức Thọ chỉ để lại có mấy chục bài thơ, như vậy là rất ít. Nhưng mấy chục bài thơ đó giúp ta hiểu thêm con người nội tâm - con người tâm trạng, con người vừa bình thường vừa cao cả của một nhân vật lịch sử. Trong số đó, có thể nói là có mười bài xuất sắc. Và như thế cũng là nhiều đối với một nhà thơ không chuyên nghiệp.

Là một nhà thơ chỉ làm thơ khi cảm hứng chợt đến vào những dịp đi công tác, những dịp ra khỏi công việc quân quốc trọng đại, tác giả ít có thời gian gọt giũa ngôn từ, trau chuốt nghệ thuật mà thường là "có sao nói vậy", lấy chân tình, thật lòng làm cốt tử.

Nhưng trong nhiều bài thơ làm trên đường công tác ấy, có những câu thơ đẹp, nhiều chất thơ, nhiều xúc cảm và diễn đạt trọn vẹn trong vần điệu, câu chữ. Đương nhiên, tác giả là một nhà cách mạng chuyên nghiệp, điều đầu tiên và cũng là cuối cùng của hồn thơ là "non nước" và "đồng bào" - nhân dân:

*Non nước điều hiu xơ xác quá
Xuân về như vẽ nét thê lương
Biết bao kiếp sống đang quần quai
Giữa cảnh điêu tàn của máu xương.*

(Ý xuân)

Tổ quốc như thế, nhân dân như thế, mình đâu có quyền "lãng mạn", "mộng mơ" (theo nghĩa tiêu cực), mà phải tập trung vào nhiệm vụ, vào "thề hện non sông":

*Xuân ở lòng ta đã khác rồi,
Bao nhiêu mơ mộng bạn đời ơi.*

*Đã đem chôn xuống mồ quên lãng
Thề hẹn non sông dám phụ lời!*

(Lòng xuân chiến sĩ)

Tôi cho rằng, cái đáng quý ở thơ Lê Đức Thọ là dù cương vị, hoàn cảnh, truyền thống thơ... cho phép ông viết những lời "đại ngôn tráng chí", thể hiện khí phách trượng phu như người ta đòi hỏi và quan niệm, nhưng ông vẫn chân thành hướng về nhân dân, về đời thực cơm áo, hy sinh, gian nan của chiến sĩ, đồng bào. Đó là những mái lều tản cư, là những bà má kháng chiến, em bé liên lạc..., và cảm động nhất là những "mồ chiến sĩ không tên". Phát hiện ra nhân dân, suốt đời tâm niệm vì nhân dân, đó là cái cao cả của thơ một thời. Đỗ Phủ rất vĩ đại, cái vĩ đại của "ông thầy muôn đời" ấy có bí quyết ở tám lòng suốt năm lo cho dân (*cùng niên ưu lê nguyên*). Những nhà thơ cách mạng như Lê Đức Thọ kế thừa và phát huy được cái tinh túy ấy ở thơ truyền thống phương Đông và dân tộc, ở thơ Bác Hồ.

Mùa Xuân năm 1975 là cả một mùa thơ đối với tâm hồn thơ Lê Đức Thọ. Ông được Trung ương cử vào tham gia chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh, trận đánh lớn cuối cùng, giải phóng miền Nam. Còn có thời khắc nào thiêng liêng hơn là thời khắc ấy nữa. Nghìn năm mới có phút giây này. Ở tuổi 65, một đời chiến đấu say mê và gian nan, bây giờ lại "cung thân thượng chiến trường", ông đã làm một bài thơ thật xúc động và cũng thật hào sảng:

*Anh dặn: ra đi, thắng mới về,
Phút giây cảm động nói năng chi.
Lời anh là cả lời non nước,
Ngàn dặm Trường Sơn há ngại gì.*

...

*Cuộc tổng tiến công đã mở màn,
Quân ta thắng lớn địch hoang mang.
Phen này quét hết quân xâm lược
Bắt bọn tay sai phải cúi hàng.*

(Quảng Bình, 28-3-1975)

Trước đó, ngày 9-2-1975, nhà thơ qua Đèo Ngang và từ vần thơ hoài niệm buồn của bà Huyện Thanh Quan, Lê Đức Thọ đã đưa vào khuôn thơ Đường luật ngàn xưa ấy những tình cảm của thời chúng ta đang sống:

*Quân vượt đèo Ngang quyết diệt tà,
Chiến công nối tiếp nở như hoa.
Bom rơi chặt đất thù muôn thuở,
Máu đổ tràn sông hận mỗi nhà.
Đã quyết hy sinh cho đất nước,
Quản gì nát thịt với tan da.
Ngày vui thống nhất không xa nữa,
Nam Bắc sum vầy, ta gặp ta.*

(Đèo Ngang, 9-2-1975)

Thật thú vị, nhưng dù sao vẫn là thơ "họa". Tôi thích nhất bài thơ *Mưa rơi* tác giả làm ở Lộc Ninh, ngày 9-4-1975. Đó là thời điểm người chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh áp sát quyết chiến điểm cuối cùng - Sài Gòn.

*Nghe chim tu hú gọi,
Rừng Lộc Ninh sáng rồi.
Suốt đêm qua không ngủ,
Nằm đếm tiếng mưa rơi.
Lo cho anh bộ đội
Lầy lội quăng đường dài
Hết tăng rồi lại pháo
Mong chẳng thấy tăm hơi.
Chiến trường chờ từng phút
Đừng mưa nữa, mưa ơi!
Để đường mau khô ráo,
Cho xe vào tới nơi.
Trận cuối cùng lịch sử,
Tiếng súng bắt đầu rồi.*

Một nhát cắt của đời sống, của chiến trường, của tâm tình. Thơ Đông, Tây kim, cổ, có biết bao bài thơ hay về mưa. Thơ Đường, *Ba Sơn dạ vũ* (Mưa đêm ở Ba Sơn): "*Ba Sơn dạ vũ*

trường thu tri" (Đêm mưa Ba Sơn đầy ao thu), hay là thơ Pháp: *"Il pleut dans mon coeur, comme il pleut sur la ville"* (Nước mắt rơi trong tim tôi, như trời mưa trên thành phố) - Paul Verlaine. Và cả đại anh hùng, đại hiền Nguyễn Trãi trong *Thính vũ*: *"Chung tiêu thính vũ thanh... Đoạn tục đáo thiên minh"* (Suốt đêm nghe mưa rơi... Mưa rả rích dứt nổi đến sáng), đã nói nổi lòng ưu tư suốt đêm không ngủ.

Lê Đức Thọ cũng suốt đêm không ngủ, "nằm đếm tiếng mưa rơi" như thế. Nhưng ở đây là những nỗi lo thiết cốt, cụ thể, lo "tăng", lo "pháo" cho trận đánh "cuối cùng lịch sử" sắp tới. Xưa và nay đã gặp nhau, nhưng mỗi người ở những hoàn cảnh, những tâm trạng khác, nhưng nổi tiếp thật thú vị.

Sau đó, trong cuộc chiến tranh biên giới và chiến tranh Tây - Nam, đồng chí Lê Đức Thọ lại là người đứng mũi chịu sào, và đồng chí đã có bao vần thơ "lão thực" xúc động lòng quân. Rất nhiều tình thương mến, lòng cảm thông của mỗi tình "phụ tử chi binh":

*Tôi nhớ buổi chiều anh công tôi lên,
Thương tôi yếu không thể nào leo hết dốc.
Mỗi bước anh đi tôi đếm từng nhịp thở,
Hai trái tim như thăm thì to nhỏ,
Hơi ấm lưng anh sưởi ấm cả lòng tôi.*

(Điểm tựa)

Viên Mai trong *Tuỳ viên thi thoại* khi bình một bài thơ của một người con khóc mẹ: "Mẹ ơi! Tiếng con mẹ quen quá. Sao con gọi mẹ không thưa", có nói: "Lời tuy bình dị nhưng đọc lên làm biến cả thần sắc". Đó là hiệu ứng thẩm mỹ của loại thơ *mộc* - mà phải xuất phát từ trái tim chân thật, nồng nàn; và từ đời thực, chứ không có "tài thánh" nào tạo nên được.

Cũng nên ghi lại rằng, năm 1977, khi làm bài thơ đó, đồng chí Lê Đức Thọ đã gần 70 tuổi - tuổi "cổ lai hy" nhưng vẫn ráng lên trận địa để động viên chiến sĩ, chiến trường...

Tôi không nhớ lần gặp ông đầu tiên ở đâu và vào ngày nào, có lẽ là một lần ông ở Campuchia về ở tại T78 và gọi tôi lên chơi. Tôi không bao giờ gặp những nhà lãnh đạo mà tò mò hỏi về "nội bộ", "quốc sự". Lãnh đạo có nói thì nghe, tôi không hỏi thêm và cũng không bao giờ có ghi chép gì để sau này viết lại. Tôi chuyên nghiên cứu văn học cổ, chuyện lịch sử hiện đại là chuyện của người khác. Vì vậy câu chuyện của tôi với ông chỉ xoay quanh chuyện văn chương và các chuyện đời sống khác. Tôi ít tuổi hơn ông nhiều, nên ông xưng là "bác - cháu" (học sinh miền Nam chúng tôi thì quen gọi "chú" với bất cứ ai không phải Bác Hồ).

Vấn đề là tôi cố giữ khoảng cách, gọi là "giữ ý" cũng được, vì mình bao giờ cũng nghi ngại những nhân vật có quyền, sợ họ có hiểu lầm không, làm "khách khanh" chứ không làm "gia thần", và câu chuyện chỉ nên xoay quanh trực văn chương - văn hóa. Đó cũng là cái thích thú của ông, mà ông vì bận "quốc sự", không thể dùng thời gian để thỏa cái thích thú của cá nhân đó được. Vậy mà có lần tôi say sưa, vì "méo mó nghề nghiệp" chẳng - tôi nói một hồi dài về thơ Đường - Tống, thơ Úc Trai, bất chợt ông ngắt lời tôi:

- Cháu có thể dạy bác học được?
- Ấy chết, sao bác lại nói thế ạ?
- Thì bác làm chính trị, bác đâu có nhiều thì giờ...

Khiêm tốn quá mức chẳng? Để làm gì chứ, với tôi, một người trẻ tuổi chẳng hề có danh vọng gì so với hàng vạn người khác mà ông có thể có "dưới trướng". Phiden Catxtơrô có lần nói với G. Mácquét rằng kiếp sau ông muốn làm nhà văn; và một nhà lãnh đạo nổi tiếng khác ở ta, có lần tâm sự rằng ông rất yêu văn chương và tiếc rằng mình đã không có thì giờ học nó. Có lẽ văn chương cũng có một sức hút kỳ diệu nào đó. Tôi cho rằng dù hơi lạ lùng, câu nói đó của ông đã làm tôi càng thêm quý ông. Nghĩ cho kỹ cũng là điều đơn giản thôi, nếu cần "dạy" chữ Hán, về thơ Đường, thơ Tống thì đám Hán học chúng tôi có thể làm được lắm chứ. Tại sao mình lại ngạc nhiên? Nhạc sĩ Xuân Oanh có kể rằng, năm 1947 - 1948, khi ở Việt Bắc, trong một lần sinh hoạt văn nghệ, đồng chí Lê Đức Thọ chỉ định anh hát một bài,

và anh đã hát bài *Giọt mưa thu* của Đặng Thế Phong. Nhạc sĩ nói với mọi người: "Bài hát này lãng mạn, không có tính chiến đấu và không hợp với tai các đồng chí lẩm đầu"¹. Chẳng ngờ khi anh hát xong, đồng chí Lê Đức Thọ lên tiếng: "Sao lại có bài hát hay và mang nhiều tính nhân đạo thế nhỉ? Giọng hát của cậu cũng ấm nữa. Nó làm cho bài hát bớt đi cái vẻ thô lương lạnh lẽo"². Năm 1972, ở Pari, đồng chí Lê Đức Thọ lại mời anh đến giảng cho nghe về âm nhạc. Đồng chí tâm sự: "Mình làm cái công việc chính trị, quân sự này lâu thành ra con người có vẻ như khô khan héo hắt thế nào ấy. Cậu dành ít thời gian nói cho mình nghe về âm nhạc đi. Mình rất thích thi ca nhưng không hiểu nhiều về môn này, mặc dầu mình biết nó có sức mạnh ghê gớm, vì chính trị mà không có văn hóa thì sẽ thành vô dụng. Cậu hãy lần lượt nói cho mình nghe về lịch sử âm nhạc, cả của phương Đông lẫn phương Tây đi"³. "Tôi cảm thấy rất kính phục... Đồng chí nghe rất chăm chú với thái độ khiêm tốn như một anh học trò nhỏ... Đồng chí nghe không biết mệt mỏi, mặc dầu còn đang mệt với phiên họp vừa qua ở bàn Hội nghị. Nghe xong, đồng chí nói: "Thật kỳ lạ! Sao con người có thể nghĩ ra những giai điệu đẹp đến thế nhỉ? Nó đi thẳng vào tâm hồn con người và đọng lại ở đó mà không sao tiêu tan được. Đúng là nó có sức mạnh đến mức biến đổi được lòng người. Các cậu có cái may mắn là biết được những điều tuyệt diệu như thế. Còn mình thì thiệt thòi quá. Phải làm sao cho dân mình ai cũng có cái may mắn hiểu biết được tất cả những cái đó"⁴.

Thì ra, đó là phong cách của đồng chí Lê Đức Thọ, một phong cách nhất quán trong các lĩnh vực.

Ông Lê Đức Thọ có phong thái giản dị, dễ thân, dễ gần chứ không cậy quyền uy mà "hách", điều mà anh em văn nghệ chúa ghét ở một số người. Tôi để ý thấy ông thường mặc chiếc áo đại cán quân đội đã cũ, trên mình chỉ có cái đồng hồ đeo tay mặt

1,2. Xuân Oanh: *Vài dòng hồi ký về đồng chí Lê Đức Thọ*, in trong cuốn *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sđd*, tr. 607, 608.

3,4. Xuân Oanh: *Vài dòng hồi ký về đồng chí Lê Đức Thọ*, in trong cuốn *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sđd*, tr. 609.

trắng - có lẽ là của Thụy Sĩ - là "có giá". Một lần, ông mời tôi ăn cơm. Những năm đó mà có chả rán, gà luộc, giò chả... là sang lắm. Nhưng ông ăn được ít, vừa ăn vừa nói chuyện rồi chỉ vào các đĩa thức ăn: "Cháu ăn vấ đi". Tôi buồn cười trong bụng, ăn làm sao xiết, đặc biệt là khi nghe ông nói *ăn vấ*, là cách nói chỉ có người miền Bắc dùng mà thôi; nó có nghĩa là chỉ ăn thức ăn mà không ăn cơm. Như các đồng chí lãnh đạo thời đó, xem ra ông chẳng có gì, tất cả theo chế độ cung cấp và chắc không có "gia tài" nào để chia cho con cháu.

Những năm 80, cũng như một số anh em văn nghệ khác, chúng tôi hay gặp gỡ ông, nhất là lúc ông chỉ còn làm "cố vấn" thì có lẽ ông rỗi rãi hơn, tuy cũng còn rất bận. Nhưng không phải vì thế mà ông chỉ lo công việc mà không dành tình cảm cho cánh nhà văn. Nhớ một lần tôi ở Thành phố Hồ Chí Minh ra, ông ngồi trò chuyện say sưa với tôi gần 3 tiếng đồng hồ ở số 4 Nguyễn Cảnh Chân, thư ký của ông, anh Lưu Văn Lợi sau đó trách tôi nhẹ nhàng: "Hôm nay anh giữ thủ trưởng của tôi lâu quá đấy nhé". Tôi chỉ cười. Hôm đó có nhiều vị đến gặp đành phải chờ lâu. Tôi cũng lấy điều đó làm "khoái", vì như thế ông cũng trọng "văn nhân". Chắc rằng ở lâu trong thế giới quyền lực, ông cũng hiểu cái "mặt trái của tấm huân chương", và vì vậy ông muốn đi vào văn chương - cái thế giới có nhiều tình cảm hơn.

Những năm đó là những năm Liên Xô đang rục rịch sụp đổ. Bao nhiêu là hệ lụy phiền phức trong tâm trạng, suy nghĩ mỗi người. Đại hội nhà văn lần thứ IV thật sự là nơi giao phong của những luồng tư tưởng, tạm gọi là "cấp tiến" và "bảo thủ". Mới hôm qua còn là bạn, hôm nay vào đại hội đã không còn nhìn mặt nhau. Nếu ở ta diễn ra một cái gì đó tương tự như Liên Xô và có số người trong nước và ngoài nước hy vọng thế - thì chúng tôi cho rằng nó còn tệ hơn Liên Xô gấp trăm lần. Đất nước ta sẽ tan nát vì nhiều nguyên nhân. Do đó, cần phải tháo gỡ từ từ, tìm ra những con đường phải lẽ. Nhiều anh chị em nhà văn nghĩ như vậy, tiếc thay họ không phải đa số. Ông Lê Đức Thọ suy nghĩ vấn đề này dữ lắm. Trong nhiều lần nói chuyện về văn nghệ, ông

nói đến Goócbachốp ở Liên Xô mà ông gọi bằng "Gócbachốp". Ông có gặp Goócbachốp ở Mátxcova và có trình bày quan điểm của ông về "cải tổ". Tôi thăm nghĩ, đời nào họ nghe mình. Bây giờ thời thế đã khác lắm rồi. Tôi cảm thấy thương "ông già" này, chẳng biết trong lòng ông đang nghĩ gì về những chuyện tày trời đang xảy ra. Nhưng trông ông có vẻ bình tĩnh và nhất quán. Một lần, một số anh em chúng tôi tiếp xúc với Ban Bí thư về vấn đề văn nghệ, chính ông đã đi từ nhà sang dự, ông nói mình đang sốt đến 38°C, nhưng chuyện này quan trọng. Ông đề nghị Ban Bí thư (lúc đó đồng chí Nguyễn Thanh Bình là thường trực) chú ý lắng nghe và có giải pháp. Bởi theo ông: Hội Nhà văn, văn nghệ có ý nghĩa rất quan trọng trong toàn bộ công tác của Đảng.

Bác nói độ nửa tiếng rồi rời phòng họp. Tôi nhìn theo dáng đi của người già đang ốm mà lòng rưng rưng cảm khái.

Có lần xảy ra cuộc biểu tình chống đối ở thủ đô một nước. Chiều hôm ấy, tôi lên thăm ông, nhân tiện vừa mới đọc bản tin nhanh đưa tin này, tôi hỏi chuyện thì ông nói ông chưa kịp đọc. Nhưng kéo tôi đi bách bộ quanh sân nhà hàng tiếng đồng hồ, ông phân tích tỉ mỉ tình hình mới đó, rồi nói: "Không thể nào làm như thế được, làm như thế không giải quyết được vấn đề gì...".

Sự việc xảy ra sau đó chứng tỏ ông có cái nhìn đúng (và đó cũng chính là cái nhìn Việt Nam).

Những người thân của mình, mình không bao giờ nghĩ rằng họ sẽ ốm và có một ngày nào đó họ sẽ ra đi... Khi được tin ông Lê Đức Thọ ốm, tôi ngỡ ngàng khó tin. Tôi viết thư thăm và hai, ba lần ông trả lời thư, có cái nhờ người khác viết rồi ông ký tên. Ông gửi tặng tôi ảnh và sách. Bức thư cuối cùng ông viết trên giường bệnh, báo tin bệnh khó qua, chỉ cố gắng giảm đau. Ông gửi lời thăm và chúc anh chị em văn nghệ mà ông quen biết ở lại cố gắng phấn đấu cho sự nghiệp văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Ít ngày sau, ông ra đi.

Xin chép lại nguyên văn bức thư ông gửi cho tôi trên giường bệnh để lưu chút kỷ niệm ấm lòng:

"Lê Đức Thọ

Ngày 17 tháng 8 năm 1990

Cháu Liên thân mến,

Lúc bác đi chữa bệnh ở Pari cũng như khi về, bác qua Sài Gòn chỉ có một ngày nên không có dịp gặp cháu và một số anh em thân quen từ trước. Bác nhận được thư của cháu bác rất cảm động vì tình cảm của cháu đối với bác từ trước đến giờ, bác không bao giờ quên.

Bệnh của bác hiện nay đang phát triển xấu hơn trước, thuốc tây không có thuốc gì chữa được, chỉ có thuốc giảm đau, bác đang quay sang chữa bằng đông y, sức khỏe có sút kém hơn trước một ít nhưng bác quyết phấn đấu để bệnh phát triển chậm hơn, kéo dài được thời gian nào thì càng tốt chừng đó, chứ bệnh thì khó chữa khỏi.

Bác không cầm bút viết thư cho cháu được và cũng không viết dài hơn được vì sức khỏe không cho phép, bác mong cháu và gia đình luôn mạnh khỏe và hạnh phúc. Bác gửi lời thăm anh Bảo Định Giang, anh Anh Đức, chị Vũ Thị Thường và những anh em quen biết khác. Bác mong cháu và các anh chị em luôn mạnh khỏe, vững bước trên con đường văn học, nghệ thuật của Đảng để góp phần xây dựng đất nước trong lúc tình hình trong ngoài nước còn nhiều khó khăn. Chúng ta tin tưởng sẽ vượt qua tất cả để giành thắng lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hôn cháu"

ĐỌC LẠI BÀI THƠ *ANH CHIẾN SĨ AN NINH* CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ

Trần Liêu

Cách đây 20 năm, nhân dịp Tết Ất Sửu (1985) mà cũng là năm lực lượng Công an nhân dân tròn 40 tuổi, đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, nhà thơ, đã viết tặng cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân bài thơ *Anh chiến sĩ an ninh*. Hơn bảy nghìn ngày đã trôi qua, nhưng bài thơ vẫn còn nóng ấm tính thời sự và còn có ý nghĩa sâu sắc về sự chỉ đạo, giáo dục chính trị, nghiệp vụ của một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng đối với toàn lực lượng Công an nhân dân. Nhân dịp Tết Ất Dậu (2005) và cũng là dịp trước kỷ niệm lần thứ 60 Ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân, Chuyên đề *An ninh thế giới* - xin đăng lại nguyên văn bài thơ *Anh chiến sĩ an ninh* và lời "tự bình" của đồng chí Lê Đức Thọ, để chúng ta ôn lại, hiểu thêm về tình cảm, về sự lao động nghệ thuật rất nghiêm túc của tác giả.

... "Từ ngày biết làm thơ đến giờ, tôi làm thơ theo cảm hứng, không làm thơ theo yêu cầu của bất cứ người nào, ngành nào. Thế nhưng vừa rồi có hai bài thơ "ngoại lệ":

Trọn vẹn bốn mươi năm - theo đề nghị của anh em bên quân đội;

Anh chiến sĩ an ninh - theo đề nghị của Ban Biên tập Báo *Công an nhân dân*.

Chưa có bài thơ nào tôi phải trần trở như bài thơ *Anh chiến sĩ an ninh*. Đây là bài thơ tôi làm lâu nhất, phải suy nghĩ,

sửa đi sửa lại nhiều lần nhất so với những bài thơ tôi đã làm từ trước đến nay (có tiếng cười, vỗ tay...) bởi vì đây là đề tài khó, khô khan và không nhiều cảm hứng. Phải nói rằng tôi làm được bài thơ này là có sự đóng góp của đồng chí Tổng Biên tập Báo *Công an nhân dân*. Đồng chí ấy bắm tôi rất dai, rất chắc. Nếu trong lực lượng Công an nhân dân, các anh em an ninh, cảnh sát đều bắm chắc công việc của mình như thế thì nhất định thành công (vỗ tay kéo dài).

Trước đây hơn hai tháng, đồng chí Tổng Biên tập Báo *Công an nhân dân* có viết thư đề nghị tôi làm một bài thơ tặng anh em công an để đăng Báo *Công an nhân dân* số Tết Ất Sửu - năm 1985, cũng là năm lực lượng Công an nhân dân tròn 40 tuổi. Tôi viết thư trả lời là tôi cũng muốn làm lắm, nhưng vì chưa công tác liên lung, chưa đi sâu đi sát với anh em thành ra chưa có cảm hứng nhiều, nên khó làm thơ. Còn làm cho có thì thơ sẽ không được hay. Anh em thông cảm và miễn cho tôi. Sau đó, đồng chí Tổng Biên tập lại viết thư thứ hai, lại đến nhà đề nghị, lại nói trực tiếp bằng điện thoại. Tôi trả lời: "Nếu đến 20-12 mà không có thơ thì coi như không có thơ để đồng chí đỡ phiền mà tôi cũng đỡ bị bắm!" (có tiếng cười). Tuy là nói vậy nhưng trong lòng cũng đã chuyển động, thấy mình phải làm (cười rộ, vỗ tay kéo dài). Tôi hỏi một số nhà thơ chuyên nghiệp đã có ai làm thơ về người chiến sĩ an ninh chưa? Anh em trả lời: Chưa ai làm. Phần nhiều chỉ làm thơ về anh em cảnh sát và anh em chiến sĩ biên phòng. Còn an ninh, có liên quan đến những vấn đề bí mật, không hiểu được hết, khó làm lắm. Đúng là đề tài này rất khó. Cái khó đó khách quan chứ không phải ngại làm. Chỉ có anh em trong ngành, nhất là những anh em trực tiếp chiến đấu, công tác, hiểu tường tận công việc mới làm thơ hay được.

Khó khăn và trần trở. Tôi làm được ít câu rồi để đấy. Rồi lại làm tiếp mấy câu, rồi để đấy. Ít hôm lại thêm mấy câu nữa cả chính trị và nghiệp vụ. Gần hai tháng mới xong bài thơ (vỗ tay hồi lâu). Rõ ràng là làm việc gì cũng phải có quyết tâm

và phải bám chắc. Anh làm, có quyết tâm. Anh bám, phải bám chắc. Đây cũng là một kinh nghiệm công tác. Có đồng chí Tổng Biên tập Báo *Công an* ở đây không? Mời đồng chí lên đây..."

Đồng chí Lê Đức Thọ đã thân mật bắt tay và ôm hôn đồng chí Tổng Biên tập Báo *Công an nhân dân*.

Đồng chí Tổng Biên tập: Kính thưa anh Sáu, cho phép tôi thay mặt Ban Biên tập và bạn đọc Báo *Công an nhân dân*, tôi xin chân thành biết ơn anh nhân dịp Xuân Ất Sửu đã tặng cán bộ, chiến sĩ công an một bài thơ rất hay và có nhiều ý nghĩa sâu sắc về chính trị, nghiệp vụ, có tác dụng động viên toàn lực lượng Công an phấn khởi vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. (Vỗ tay hồi lâu).

"Làm xong bài thơ không phải là không có trở ngại. Có ý kiến cho rằng: "Anh viết thế này thấy anh em an ninh khổ quá, khó khăn quá,...". Tôi bảo: Không sao. Bài thơ *Điểm tựa* còn gay cấn hơn nhiều.

Gạo sấu, khoai, mỳ, "bát canh toàn quốc"
Và "nước chấm đại dương" đỡ lúc đói lòng
Cũng có khi "thịt ấm chân răng",
Nhưng có bữa cơm toàn muối trắng.

Anh em bình rất dữ. Cho rằng nói khó khăn nhiều quá sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của người ở hậu phương, đến cán bộ, chiến sĩ ở tuyến sau, và,... Tôi suy nghĩ nhiều và cuối cùng giữ nguyên những ý thơ đó. Có kinh qua gian khổ, thử thách mới thấy được cái chất cách mạng, anh hùng và tinh thần quyết chiến quyết thắng trong những con người chiến sĩ bình dị.

Sau một thời gian bài thơ *Điểm tựa* ra đời, tôi đã nhận được sáu, bảy mươi bức thư, bài thơ của anh em gửi đến, không có bài nào tiêu cực, mà trái lại, anh em rất hoan nghênh. Còn bài thơ này, mức độ gian khổ của anh em an ninh có khác hơn:

Bữa cơm rau với mấy quả cà,
Đi làm về phải nuôi lợn tăng gia,
Cũng cải thiện được một phần cuộc sống.

Như vậy, bữa cơm cũng còn có quả cà chứ không phải "canh toàn quốc" hoặc "toàn là muối trắng". Còn *"Chưa hết tháng, lương không còn một đồng dính túi"*, cái đó thì ai không biết mà phải giấu? (cười đồng tình). Có như vậy mới thấy cái bản chất cách mạng cao đẹp của anh chiến sĩ an ninh: *"Biết trọng nghĩa, khinh tài coi thường cái chết"*. Địch nó đánh ta bằng tiền, bằng gái. Mà tiền nó thì nhiều, gái nó chọn lựa thì đẹp. Anh không vững là chết. Không nói cái đó thì làm sao nổi bật anh em an ninh. Không thấy cái khổ đó thì không hiểu được anh em. Và, dấu nói như thế cũng chưa được năm phần mười cái khổ của anh em đã chịu đựng, vượt qua.

Một loại ý kiến khác, khi đọc thơ, anh em có đôi chỗ còn băn khoăn, nên tôi nói rõ hơn suy nghĩ của mình. Bài thơ có ba đoạn, đoạn đầu là hình thái cuộc chiến đấu, gồm cả chiến lược, chiến thuật; đoạn hai là chiến lược, chiến thuật ta đánh lại địch; và đoạn ba, anh em sống và làm việc.

Vì sao không có thời gian, không gian?

Về chiến lược mà nói, thì không có thời gian. Kháng chiến, làm tình báo. Hòa bình, làm tình báo. Xây dựng, làm tình báo... Đến chủ nghĩa cộng sản mới hết làm tình báo. Về chiến thuật, kết thúc một vụ án tất nhiên phải có thời gian. Tuy vậy, cũng có vụ, khi kết thúc lại bật ra một vấn đề mới, kéo dài hàng chục năm sau.

Về không gian, không có một vụ án nào đóng khung ở một nước nào cả. Nó vừa ở nước này lại vừa ở nước khác. Nó nặng nề còn hơn quân sự.

Máu không đổ mà vô cùng quyết liệt.

Chiến tranh gián điệp và tình báo, người ta gọi là "chiến tranh lạnh", khác "chiến tranh nóng" là dọ sức bằng súng đạn. Về chiến lược, "chiến tranh lạnh" không đổ máu (nhưng phải chú ý trọn câu: *Máu không đổ mà vô cùng quyết liệt*). Còn về chiến thuật thì có trường hợp anh em phải đổ máu, phải hy sinh

mới giành được thắng lợi. Trong thơ, có thể khái quát những nét đặc trưng, không thể "chẻ tóc làm tư" được.

...

Vũ khí chính trong anh là khối óc, trái tim.

Lúc đầu, câu thơ này không có chữ *chính*. Như vậy đọc nó nhẹ hơn. Nhưng tôi nghĩ lại, cân nhắc lại, phải thêm chữ *chính* vào. Chữ *chính* ở đây là cái chất "chính trị", dành phải hạ nghệ thuật xuống một chút để phục vụ chính trị. Nói *chính* có nghĩa là còn những thứ khác là thứ yếu, là phụ thôi. Dịch đánh ta không có chính nghĩa, không có nhân dân. Nó có nhiều tiền, nhiều hàng, nhiều gái đẹp. Ta thì dựa vào nhân dân; thậm chí, trong vùng địch, ta cũng phải dùng chính nghĩa, phải dựa vào nhân dân. Cho nên phải nói đến "mưu trí, thông minh, dũng cảm". Còn "ăn non bỏ dở nửa chừng", thường có trong công an. Tôi nằm nghĩ mãi mới đưa câu này vào sau, nhưng đúng chỗ của nó (cười vỗ tay). Và, câu này nữa, chắc anh em không biết. Ban đầu tôi viết: "*Nước da xanh đôi mắt đã thâm quầng*". Tôi nghĩ lại, hình ảnh anh chiến sĩ an ninh, đôi mắt là thể hiện trí thông minh, chí khí chiến đấu. Đôi mắt là trí tuệ, tâm hồn. Tôi sửa lại:

Đôi mắt anh trong sáng đã thâm quầng (vỗ tay).

Về bốn câu của bài thơ:

*Pháo giao thừa đã nổ trước nhà ai,
Anh len lỏi trong đêm khuya gió lạnh,
Giữ cho đời một cuộc sống yên vui,
Trời sáng rồi, đào nở thắm cành tươi.*

Nói lên tinh thần hy sinh thầm lặng của người chiến sĩ an ninh để giữ cho đời, cho đất trời một cuộc sống yên vui và mùa xuân tươi đẹp!" (Vỗ tay kéo dài).

THƠ LÊ ĐỨC THỌ SONG HÀNH VỚI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

TS. Lê Thị Bích Hồng*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đã tạo nên cảm hứng lớn lao, có sức cổ vũ mạnh mẽ, lôi cuốn một lực lượng sáng tác đông đảo, hùng hậu tiếp nối nhiều thế hệ nhà thơ. Theo nhịp bước hành trình giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đội ngũ nhà thơ chống Mỹ đã hình thành. Trong đội ngũ ấy, có các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Tố Hữu, Xuân Thủy, Lê Đức Thọ... dù bận công việc hệ trọng của đất nước vẫn luôn dành thời gian cho thơ, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn học chống Mỹ. Nhà thơ Lê Đức Thọ đã góp vào tiếng thơ hai tập thơ tiêu biểu là *Trên những nẻo đường* và *Nhật ký đường ra tiền tuyến*. Nhiều bài thơ của ông được nhân dân và chiến sĩ chuyền tay nhau, chép vào sổ tay, mang theo trong hành trang chiến đấu, công tác, như *Lòng xuân chiến sĩ*, *Lời anh dặn*, *Điểm tựa*, *Thăm anh*, *Trận thắng cuối cùng*, *Mưa rơi*...

Là một chiến sĩ cách mạng yêu thơ, Lê Đức Thọ đến với thơ ngay từ khi bị giam cầm trong các nhà tù của thực dân, đế quốc. Sau này, khi được Đảng, nhân dân tin cậy, giao phó những trọng trách lớn, ông vẫn tiếp tục làm thơ. Lê Đức Thọ làm thơ với hai tư cách: tư cách một chiến sĩ cách mạng hiểu sâu sắc sức mạnh của văn chương và dùng thơ như một thứ vũ

* Phó Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ Ban Tuyên giáo Trung ương.

khí đấu tranh cách mạng; tư cách một thi nhân, với ý thức làm phong phú thêm đời sống tâm hồn cho mình:

Quan điểm sáng tác nêu cao mục đích chiến đấu của văn chương, vai trò chiến sĩ của người cầm bút trở thành định hướng tư tưởng trong việc chỉ đạo đường lối văn nghệ "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy"¹.

Là học trò xuất sắc của Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ thấm nhuần sâu sắc quan niệm văn chương đó. Từ nhận thức sứ mệnh văn học, người cộng sản Lê Đức Thọ nắm chắc và mài giũa vũ khí văn chương để chiến đấu, phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng.

Lê Đức Thọ sáng tác không nhiều, không liên tục, nhưng duyên thơ luôn đầy đặn trong mỗi sáng tác của ông ở bất cứ thời điểm nào. Điều dễ nhận thấy là thơ ông giàu chất tự sự, ngồn ngộn thực tiễn cuộc sống, đầy ắp những sự kiện... Và trên hết ở ông chính là sự phong phú của một tâm hồn thi sĩ yêu văn chương; tha thiết yêu cuộc sống, con người; dày dặn trong đấu tranh cách mạng...

Thơ Lê Đức Thọ gắn liền với con đường từ Bắc vào Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước và chiến tranh biên giới Tây Nam. Trên hành trình Bắc Nam, con đường vào tiền tuyến, những địa danh ghi dấu chân qua, những con người đã gặp... đều đi vào thơ ông chân thực, gần gũi và cảm động. Khi qua sông Nhật Lệ, trái tim nhà thơ xao động nỗi niềm nhớ mẹ Suốt - người Mẹ đã bất chấp hiểm nguy hàng ngày chèo đò đưa bộ đội qua sông:

Chiều nay qua Nhật Lệ

Nghe sóng gió rì rào

Bâng khuâng như nhớ ngày nào

Con qua đò Mẹ, đi vào miền trong.

Nhìn cảnh đây mà người xưa vắng bóng, đan xen quá khứ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 368.

và hiện tại, thương cảm và tri ân cứ trào dâng khắc khoải trong lòng nhà thơ:

*Đò xưa vắng bóng Mẹ rồi.
Nhìn sông nhớ Mẹ, ngậm ngùi xót xa!
Quân thù đã giết Mẹ ta
Một đêm mưa gió, máu hòa dòng sông,
Mẹ về với những chiến công
Ghi trang sử đẹp anh hùng Bảo Ninh.*

Không đạt kỷ lục về số bài thơ viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhưng thơ Lê Đức Thọ viết về Người mang nét riêng độc đáo. Năm 1967, khi đi chữa bệnh ở nước ngoài, Bác Hồ có thơ gửi các đồng chí trong Bộ Chính trị, nhân sinh nhật lần thứ 77 của Bác, nhà thơ Lê Đức Thọ làm bài thơ *Chúc thọ Bác Hồ* họa lại bài thơ của Bác:

*Bảy bảy xuân qua hắt đã già
Tinh thần ngày một trẻ thêm ra
Non sông đáp lại lời kêu gọi
Chiến thắng xin mừng Bác ở xa.*

Và khi Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, trong *Trận thắng cuối cùng* - bài thơ đề tặng các đồng chí Bộ Chính trị và Trung ương Đảng, nhà thơ bồi hồi nhớ Bác và báo công với Bác trong niềm xúc động thiêng liêng:

*Lời Bác dặn đã hoàn thành trọn vẹn
Giờ này đây Bác ngủ hắt yên lòng.*

Trong những ngày nước sôi lửa bỏng, căng óc đấu trí với kẻ thù trên bàn đàm phán ở Hội nghị Pari về Việt Nam, văn hóa dân tộc đã trở thành điểm tựa vững vàng, giúp nhà thơ có được sự trợ lực kỳ diệu. Vì thế, ông đã giải bày lòng mình chân thành cùng với lời đề nghị: "Mình làm cái công việc chính trị, quân sự này lâu thành ra con người có vẻ như khô khan... Cậu hãy lần lượt nói cho mình nghe về lịch sử âm nhạc, có cả phương Đông lẫn phương Tây đi" và nhà chính trị đã đúc kết như một chân lý "chính trị mà không có văn hóa thì sẽ thành

vô dụng"¹. Rồi khi cuộc đàm phán vào hồi gay cấn nhất, cùng Xuân Thủy đến thăm đoàn Việt Nam ở Vorie lơ Buysông, ông khẳng định thế tất thắng của ta ở trên bàn đàm phán bằng sự vận dụng sáng tạo văn hóa dân tộc qua câu Kiều, mang hàm ý nhắc nhở:

*Dần lòng chờ đợi ít lâu
Chầy ra thì cũng năm sau vội gì.*

Một cách tự nhiên, thơ Lê Đức Thọ luôn thấm đẫm vẻ đẹp tâm hồn trong sáng. Ông trải lòng với mảnh đất, cảnh sắc thiên nhiên, nơi ông đã đặt chân qua, khi là địa danh, khi trên sông, lúc trong rừng... Vì thế, hơi thở cuộc sống, tiếng nói cuộc sống, sự đồng cảm với mọi kiếp người với trái tim nóng bỏng luôn thấm đẫm trong thơ ông:

*Nhẹ như gió thoảng ngoài kia
Giọng hò mái đẩy thuyền về bến xa
Nghiêng nghiêng chiếc nón bài thơ
Xanh xanh tà áo ước mơ những gì.*
(Bình Trị Thiên)

*Đôi bờ in bóng dứa xanh
Lưng trời cánh én tin xuân đang về.*
(Cửu Long)

Đặc biệt giữa khu rừng căn cứ Lộc Ninh, hiện lên chân dung người chiến sĩ cộng sản lo lắng đầy trách nhiệm với đất nước, nhân dân:

*Nghe chim tu hú gọi
Rừng Lộc Ninh sáng rồi
Suốt đêm qua không ngủ,
Nằm đếm tiếng mưa rơi.*
(Mưa rơi)

Vốn nặng tình với đất nước, với anh bộ đội, chị phụ nữ, em

1. Xuân Oanh: *Vài dòng hồi ký về đồng chí Lê Đức Thọ*, in trong sách *Nhớ anh Lê Đức Thọ*, *Sđd*, tr. 609.

giao liên, nghe tiếng mưa rơi, nhà thơ không ngăn được sự sốt ruột, lo lắng:

*Chiến trường chờ từng phút
Đừng mưa nữa mưa ơi!
Để đường mau khô ráo
Cho xe vào tới nơi.*

Bởi:

*Trận cuối cùng lịch sử
Tiếng súng bắt đầu rồi.*

Nếu không ở sát gần, không chung trải những gian lao, vất vả cùng các chiến sĩ, làm sao nhà thơ có thể ghi lại được những hình ảnh chân thực đến như thế này:

*Vòng đua đưa mắc ở mé rừng
Cùng đồng đội chờ giờ xuất kích
Gió nhẹ nhẹ trong đêm khuya tĩnh mịch
Muỗi vo ve, tiếng lá thổi rì rào
Rừng trong đêm lấp lánh mảnh trời sao.*

Qua dãy Trường Sơn, chúng kiến bụi, dốc, đá tai mèo... Lê Đức Thọ vừa chia sẻ những khó khăn, gian khổ, vừa ấm áp tình yêu thương với các chiến sĩ lái xe:

*Thương mấy anh lái xe,
Suốt đêm ngày lặn lội,
Trường Sơn vượt mấy lần
Đã hít bao nhiêu bụi?*

(Bụi Trường Sơn)

Gặp cơn mưa rừng, nhà thơ chạnh lòng xa xót:

*Lo cho anh bộ đội
Lầy lội quăng đường dài;
Hết tăng rồi lại pháo,
Mong chẳng thấy tăm hơi.*

(Mưa rơi)

Tin tưởng vào tương lai, qua bài thơ *Người chiến sĩ*

cuối cùng, nhà chính trị Lê Đức Thọ đã tiên đoán, dự cảm bằng thơ:

Loạt đạn cuối cùng này chấm hết những đau thương.

Bởi lẽ:

Qua năm tháng hành quân ra trận

Tất cả dồn vào trận đánh hôm nay

Giải phóng miền Nam mong đợi từng ngày

Đời bộ đội ước mơ nào hơn thế.

(Người chiến sĩ cuối cùng)

Thơ Lê Đức Thọ thể hiện suy nghĩ sâu sắc và tình cảm chân thành của một nhà tư tưởng, nhà hoạt động chính trị, nhà ngoại giao giàu bản lĩnh, một con người thông minh, tài trí, ứng biến linh hoạt trong những cuộc đấu trí với kẻ thù.

Lê Đức Thọ viết bài *Lời anh dặn* tại Quảng Bình, ngày 28-3-1975, tặng đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua bài thơ, ý chí, quyết tâm giành chiến thắng được thể hiện tập trung:

Phen này quét hết quân xâm lược,

Bắt bọn tay sai phải cúi hàng.

Ông đã từng trải qua những ngày tháng bị giam cầm tù ngục, đã nếm trải, chứng kiến những ngón đòn độc hiểm của kẻ thù. Nhiều đồng chí của ông đã anh dũng hy sinh. Thương cảm, xót xa, ông bày tỏ:

Bạn đã hy sinh trọn một đời,

Cành hoa sớm héo giữa ngày tươi,

Rừng xanh còn dấu vầng trăng giải,

Lòng vẫn còn in vết hận đời.

(Hận rừng xanh)

Thơ Lê Đức Thọ ở bất kỳ giai đoạn nào cũng nặng tình non nước, nặng nghĩa với đồng chí, đồng bào, trung thành với Đảng, với cách mạng và đồng cảm với các chiến sĩ... Người đọc cảm phục vì trong những vần thơ như có cánh, vẫn có một góc dành

riêng cho những người đã hy sinh vì đất nước. Trên đường ra tiền tuyến, đi qua những cánh rừng, nơi có những nấm mồ của các chiến sĩ vô danh, ông xúc động thốt lên:

*Giữa rừng nấm đất còn tươi
Mồ ai mưa gió, ai người viếng thăm
Anh vui giấc ngủ ngàn năm
Thương anh ngày tháng hờn căm chất chồng
Anh nằm dưới đó nghe không
Hôm nay bom đạn nổ tung Sài thành
Ngày vui Tổ quốc nhớ anh
Chiến công này có công anh góp phần.*

(Mồ chiến sĩ không tên)

Đến với khúc ruột miền Trung, ông nhớ đến những người đã ngã xuống nơi đây, nhớ đến mẹ Suốt anh hùng và trong sâu thẳm của tâm hồn, ông bày tỏ nỗi niềm "Nhớ mẹ":

*Giữa làn bom đạn xông pha
Thương con, thương nước thiết tha cháy lòng.*

Thơ ông giàu tính sự kiện. Mười bảy bài thơ trong tập *Nhật ký đường ra tiền tuyến* tạo sự liên mạch giữa hiện thực đời sống ngồn ngộn với cảm hứng thơ reo vui. Mỗi bài thơ đều bắt nguồn từ một chi tiết, sự kiện thực mang cảm hứng sử thi. Hội nghị Bộ Chính trị vừa bế mạc thì ngày 9-01-1975, Thường vụ Quân ủy Trung ương họp, các đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Hoàng Minh Thảo, Lê Trọng Tấn được mời đến quán triệt và triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị. Đồng chí Lê Đức Thọ dự họp và tham gia ý kiến: "Phải đặt vấn đề dứt khoát là giải phóng Buôn Ma Thuột. Ta có gần 5 sư đoàn ở Tây Nguyên mà không đánh được Buôn Ma Thuột là thế nào"¹. Theo sự phân công của Bộ Chính trị, ngày 28-3-1975, Lê Đức Thọ rời Hà Nội vào Nam trong tâm trạng vui mừng, phấn khởi như đi trải hội. Đêm đầu tiên dừng chân ở Đồng Hới (Quảng Bình), ông đã làm thơ tặng đồng chí Lê Duẩn:

1. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân* (Hồi ký), *Sđd*, tr. 36.

*Anh dặn: ra đi thắng mới về
Phút giây cảm động nói năng chi
Lời anh là cả lời non nước
Ngàn dặm Trường Sơn há ngại gì
Đường vào tiền tuyến lắm tin vui
Thắng trận reo mừng khắp mọi nơi
Giục giã đường xa mau kịp bước
Thời cơ thuận lợi tới nơi rồi.*

(Lời anh dặn)

Chiến thắng tạo cảm hứng lớn cho các nhà thơ - chiến sĩ. Ngày 01-5-1975, bài thơ *Trận thắng cuối cùng* ra đời tại Tân Sơn Nhất, đề tặng các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngay sau đó, ngày 9-5-1975, bài thơ được đăng trang trọng trên Báo Nhân Dân:

*Tôi biết lắm: đêm qua anh không ngủ
Trận cuối cùng, súng nổ sáng hôm nay
Anh trông chờ từng phút từng giây
Theo nhịp bước của miền Nam đang xốc tới...*

Lời kêu gọi của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và lệnh động viên của Bộ Chỉ huy chiến dịch cổ vũ, giục giã mọi người vào trận đánh mới với một quyết tâm rất cao:

*Quyết xây dựng lại tương lai đất nước
Cho Tổ quốc ta giàu đẹp gấp ngàn lần
Không còn những đói khổ gian truân
Tình ruột thịt Bắc Nam một nhà sum họp.*

Thơ Lê Đức Thọ đau đáu ước nguyện thống nhất hai miền Nam Bắc. Vì thế, miền Nam là chủ đề luôn da diết trong tâm trí nhà thơ:

- Miền Nam hồi, nhớ thương tha thiết lắm
- Tôi sẽ trở về Nam
Giữa một mùa xuân thắm

(Xuân về với những niềm tin)

Từ hiện thực cuộc sống có những bài thơ mang cảm hứng liên tưởng, giàu tính khái quát, triết lý:

*Con đường đã đưa ta đi đánh Mỹ
Để cho đời một khúc anh hùng ca.*

(Đường với xe)

*Đường cách mạng là đường dài vô tận
Đầy chông gai nhưng cũng đầy cỏ lạ hoa thơm.*

Con đường cụ thể đã trở thành con đường của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, con đường mà cả dân tộc ta đã thống nhất lựa chọn.

Trên đường ra tiền tuyến, nhà thơ ghi chép thật tỉ mỉ các sự kiện. Sự quan sát đã giúp nhà thơ nâng tầm suy nghĩ. Bài thơ *Đài kỷ niệm* làm trong cái nhìn châm biếm kẻ thù xưa và nay:

*Xe tăng Mỹ tan xác
Đồn giặc Pháp rêu phong.*

Sự khéo léo chính là việc nhà thơ sắp xếp cụm từ "*khen ai khéo*" gọi từ những cụm từ, chi tiết trong thơ mà của Bà Chúa thơ Nôm hay dùng, như: "*khen ai khéo khéo*", "*khéo khéo đi đâu*", "*khéo khéo bày trò*", "*kìa ai khéo khéo nhòm*", "*khen ai dẻo đá*", "*khen ai khéo tạc*",... thể hiện cái nhìn châm biếm hai kẻ thù chôn trong một nắm mồ chung:

*Khen ai khéo xếp đặt
Lập một đài chiến công
Mừng thắng lợi Đường 9
Nhuộm bao máu anh hùng
Xuân về trên đồn cũ
Phấp phới ngọn cờ hồng
Cả hai tên xâm lược
Chôn một nắm mồ chung.*

Những sáng tác của Lê Đức Thọ vừa giàu chất thực tế, có tính thời sự sâu sắc, vừa chứa chan tình cảm cách mạng, thiết tha yêu đời, yêu người. Trong nhiều bài thơ, chùm thơ ẩn chứa tình cảm, suy nghĩ sâu sắc và chân thành của một nhà tư tưởng, một nhà hoạt động chính trị tài năng, nhà ngoại giao

bản lĩnh, một chiến sĩ cộng sản kiên trung từng vào sinh ra tử trên khắp những nẻo đường cách mạng.

Trong sự nghiệp hoạt động cách mạng gian khổ, nhưng hào hùng, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem hết tâm sức, tài năng, trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc. Cuộc đời và sự nghiệp của Lê Đức Thọ là tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Ông đến với thơ là để làm cách mạng, để tìm tiếng nói tâm tình. Thơ và sự nghiệp của Đảng luôn xoắn bện chặt chẽ, hài hòa trong con người ông như sự lý giải của thơ:

Bộ đội bây giờ muôn vẻ mới

Thương đời chiến sĩ viết thêm hay.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM	9
- Đại hội VI tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng, vì dân của các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ (Do đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, trình bày ngày 17 tháng 12 năm 1986)	11
- Lời phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại lễ trao tặng Huân chương Sao vàng ngày 20-9-1990	13
- Lời phát biểu của đồng chí Lê Đức Thọ tại lễ trao tặng Huân chương Sao vàng	15
- Thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	16
- Tiểu sử đồng chí Lê Đức Thọ, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	18
- Lời diếu (Do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đọc tại buổi lễ tang ngày 17-10-1990)	22
- Nhớ về anh Lê Đức Thọ	25

ĐỖ MƯỜI

- Nhớ anh Thọ		28
	VÕ CHÍ CÔNG	
- Chiến trường là nơi gặp gỡ		30
	<i>Đại tướng</i> VĂN TIẾN DŨNG	
- Lê Đức Thọ - nhà lãnh đạo cách mạng kiên định mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc		33
	<i>Đại tướng</i> LÊ ĐỨC ANH	
- Anh Sáu Thọ - một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành, một nhà lãnh đạo tài năng		42
	VÕ VĂN KIỆT	
- Anh Sáu Thọ trong ký ức tôi		47
	PHAN VĂN KHẢI	
- Hình ảnh và sự nghiệp của đồng chí Lê Đức Thọ đã đi vào ký ức của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới		52
	VŨ OANH	
- Lê Đức Thọ - người đồng chí mẫu mực, người anh thân yêu của tôi		58
	NGUYỄN ĐỨC TÂM	
- Những kỷ niệm thân yêu của tôi		71
	HOÀNG TÙNG	
- Nhớ anh Sáu Thọ		76
	HỒNG HÀ	
- Người đồng chí chân tình		83
	MƯỜI HƯƠNG	
- Đồng chí Lê Đức Thọ và quê hương Nam Định		91
	PHẠM HỒNG HÀ	
- Tuổi trẻ của anh Phan Đình Khải trong phong trào cách mạng tại quê hương Nam Định		111
	TRẦN MINH NGỌC	
- Một cuộc gặp gỡ		118
	<i>Nhà văn</i> LÊ MINH	
- Nhớ về anh Lê Đức Thọ những ngày ở Nhà tù Hòa Bình (1943 - 1944)		126
	BÌNH PHƯƠNG	

- Nhớ anh Lê Đức Thọ những năm tháng đầu của Cách mạng Tháng Tám và toàn quốc kháng chiến	133
LÊ TRANG	
- Nhớ anh Sáu Thọ	142
VŨ KỲ	
- Nhớ anh Sáu	147
VŨ MÃO	
- Quê ta thêm sáng tên người	149
PHẠM QUỐC KHÁNH	
<i>Phần thứ hai</i>	
LÊ ĐỨC THỌ VỚI MIỀN NAM	151
- Đi theo phái đoàn đầu tiên của Trung ương Đảng và Chính phủ vào Nam Bộ kháng chiến	153
LÊ TOÀN THƯ	
- Anh Sáu Thọ và Nam Bộ mến yêu	165
<i>Trung tướng</i> DƯƠNG QUỐC CHÍNH	
- Đến Đồng Tháp Mười	169
LÊ HỒNG LĨNH	
- Những ấn tượng về anh Sáu Thọ	182
VÕ QUANG ANH	
- Nhớ anh Sáu Lê Đức Thọ	187
LŨ MINH CHÂU	
- Tôi luôn nhớ đến anh	195
UNG NGỌC KỲ	
- Những lần gặp anh Sáu	203
TÔ BỬU GIÁM	
- Vài kỷ niệm về anh Sáu Thọ	211
TRẦN QUANG LÊ	
- Đồng chí Lê Đức Thọ - một trong những nhà lãnh đạo chủ yếu Nam Bộ kháng chiến	219
NGUYỄN LINH	
- Anh Sáu Thọ với sự nghiệp đấu tranh cách mạng ở miền Nam	230
PHẠM CHẤN HÙNG	

- Những năm tháng sống bên anh còn nhớ mãi	238
TRẦN HỮU PHƯỚC	
- Một bước ngoặt trong cuộc đời	247
DƯƠNG ĐÌNH THẢO	
- Mãi mãi kính mến và quý trọng anh	265
ĐỖ DUY LIÊN	
- Bên anh	269
TRẦN THANH PHAN	
- Đồng chí Lê Đức Thọ những năm tháng ở Đồng Tháp Mười	271
LÊ VĨNH TÂN	
<i>Phần thứ ba</i>	
LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC TỔ CHỨC	
XÂY DỰNG ĐẢNG	281
- Về những đóng góp của đồng chí Lê Đức Thọ trong công tác tổ chức xây dựng Đảng	283
TÔ HUY RỬA	
- Vài kỷ niệm nhỏ về người anh lớn của ngành tổ chức	294
LÊ ĐỨC BÌNH	
- Nhớ anh Lê Đức Thọ	307
NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG	
- Anh Lê Đức Thọ - tính kiên định cách mạng và tinh thần đổi mới (qua bốn lần chuẩn bị Văn kiện Đại hội Đảng)	311
LÊ HUY BẢO	
- Anh Sáu Thọ với cán bộ tổ chức	325
VŨ TRỌNG KIÊN	
- Đồng chí Lê Đức Thọ, người anh cả của đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức của Đảng và của hệ thống chính trị	331
LÊ QUANG THƯỜNG	
- Nhớ một lần đi công tác và làm việc với anh Sáu	335
Nhà báo HỮU THỌ	
- Cống hiến to lớn của đồng chí Lê Đức Thọ trong công tác tổ chức cán bộ ở Nam Bộ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp	340
LÊ TOÀN THU	

- Có một Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng, có một chú Sáu Thọ	347
NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN	
- Vài mẫu chuyện về anh Sáu	351
NGUYỄN THỊ YẾN	
- Mẫu mực trong lối sống	356
MINH CHÂU	
- Những kỷ niệm sâu sắc của tôi về đồng chí Lê Đức Thọ	359
GS. PHẠM THÀNH	
- Những kỷ niệm của tôi về đồng chí Lê Đức Thọ	368
GS. PHẠM NHƯ CƯỜNG	
- Đồng chí Lê Đức Thọ bàn về phương pháp cách mạng sáng tạo	374
TS. BÙI CÔNG HÙNG	
- Kỷ niệm về đồng chí Lê Đức Thọ	382
GS, TS. NGUYỄN NGỌC TRÂN	
- Đồng chí Lê Đức Thọ chấp hành quyết định của tổ chức	386
LƯU VĂN MÃN	
- Nhớ về anh Sáu Thọ với tấm lòng tôn kính và cảm phục	388
LƯU VĂN LỢI	
- Đồng chí Lê Đức Thọ với trí thức ngành y	396
Đại tá VŨ VĂN THUẬN	
- Một ngày làm việc của anh Lê Đức Thọ	400
BÙI NGỌC	
- Gia đình tôi mang ơn bác Lê Đức Thọ suốt đời	406
NGUYỄN HANH	

Phần thứ tư

LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC NGOẠI GIAO	411
- Bút tích của Bác Hồ về việc cử đồng chí Lê Đức Thọ đi dự Hội nghị Pari về Việt Nam	413
- Đồng chí Lê Đức Thọ với công tác ngoại giao	414
PHẠM BÌNH MINH	

- Lê Đức Thọ - nhà thương thuyết tầm cỡ lớn	436
NGUYỄN THỊ BÌNH	
- Lê Đức Thọ - nhà ngoại giao chiến lược tài ba	441
NGUYỄN DUY NIÊN	
- Nhà ngoại giao xuất sắc Lê Đức Thọ	452
ĐINH NHỎ LIÊM	
- Đối mặt với Hoa Kỳ	461
TRẦN QUANG CƠ	
- Cố vấn Lê Đức Thọ và vấn đề Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc	471
TRẦN QUANG CƠ	
- Từ chiến trường đến bàn đàm phán - nhớ về anh Sáu	477
HÀ VĂN LÂU	
- Lê Đức Thọ - cuộc gặp riêng với Kítxinhgiơ	488
LƯU VĂN LỢI	
- Hai lần bàn kế sách	496
HÀ ĐĂNG	
- Nhà ngoại giao Lê Đức Thọ và Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam	504
NGUYỄN XUÂN	
- Lê Đức Thọ, người chiến thắng	510
NGUYỄN MINH VỸ	
- Một nhà đàm phán kiệt xuất	512
MAI VĂN BỘ	
- Mở đột phá khẩu	520
<i>Trung tướng</i> ĐOÀN CHƯƠNG	
- Năm năm đánh - đàm ở Pari	527
<i>Thiếu tướng</i> NGUYỄN ĐÔN TỰ	
- Tiếng cười Lê Đức Thọ	536
LÝ VĂN SÁU	
- Anh Sáu Thọ	541
NGUYỄN VIỆT	
- Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ	545
TRỊNH NGỌC THÁI	

- Anh Sáu và đàm phán Pari	554
NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	
- Đấu trí quyết liệt, thắng lợi trọn vẹn	563
VÕ ANH TUẤN	
- Nhớ về các cuộc trao đổi giữa hai nhà lãnh đạo Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ về các vấn đề đối ngoại	570
TRẦN TAM GIÁP	
<i>Phần thứ năm</i>	
LÊ ĐỨC THỌ VỚI CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH	575
- Đồng chí Lê Đức Thọ với Quân đội nhân dân Việt Nam và các cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc	577
<i>Đại tướng</i> PHÙNG QUANG THANH	
- Đồng chí Lê Đức Thọ với việc xây dựng lực lượng công an nhân dân và công tác an ninh trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc	587
<i>Trung tướng</i> TRẦN ĐẠI QUANG	
- Những ấn tượng không thể nào quên về anh Sáu Thọ	594
CAO ĐĂNG CHIẾM	
- Mãi mãi kính yêu anh	598
<i>Trung tướng</i> ĐỒNG VĂN CỐNG	
- Một lần gặp gỡ không thể nào quên giữa anh Hai Trung và anh Lê Đức Thọ	602
<i>Nhà văn</i> NGUYỄN KHẢI	
- Anh Sáu Thọ trên đường ra trận	608
<i>Thiếu tướng</i> PHAN HÀM	
- Đại thắng mùa Xuân	614
<i>Đại tướng</i> VĂN TIẾN DŨNG	
- Những năm tháng quyết định	633
<i>Đại tướng</i> HOÀNG VĂN THÁI	
- Ký ức Tây Nguyên	641
<i>Thượng tướng</i> ĐẶNG VŨ HIỆP	
- Bất ngờ gặp lại đồng chí Lê Đức Thọ ở chiến trường	645
<i>Thiếu tướng</i> TRẦN VĂN PHÁC	

- Được gặp cố vấn Lê Đức Thọ tại Sở Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh	650
<i>Đại tá NGUYỄN VĂN TÔNG</i>	
- Đồng chí Lê Đức Thọ trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử Xuân 1975	655
<i>Đại tá, TS. TRẦN VĂN THỨC</i>	
- Anh Lê Đức Thọ với nghĩa vụ quốc tế giúp bạn Campuchia	667
<i>PHẠM CHUNG</i>	
- Thơ của người anh lớn	675
<i>HOÀNG TRỌNG NGHĨA</i>	
- Như chấp thêm đôi cánh	676
<i>TẠ ĐĂNG QUYẾN</i>	
- Đọc thơ anh	676
<i>ĐỖ NGHIÊM</i>	
<i>Phần thứ sáu</i>	
VỀ THƠ LÊ ĐỨC THỌ	677
- Chất cách mạng, chất nhân văn trong thơ Lê Đức Thọ	679
<i>PGS, TS. NGUYỄN HỒNG VINH</i>	
- Thơ anh mang hơi thở cuộc sống	689
<i>Nhà thơ BẢO ĐỊNH GIANG</i>	
- Anh bộ đội trong hồn thơ Lê Đức Thọ	701
<i>Nhà thơ VŨ QUÂN PHƯƠNG</i>	
- Thơ Lê Đức Thọ	720
<i>HÀ MINH ĐỨC</i>	
- Vài hồi ức về đồng chí Lê Đức Thọ	739
<i>Nhạc sĩ XUÂN OANH</i>	
- Lê Đức Thọ, nhân vật lịch sử - nhà thơ	743
<i>GS, TS. MAI QUỐC LIÊN</i>	
- Đọc lại bài thơ <i>Anh chiến sĩ an ninh</i> của đồng chí Lê Đức Thọ	754
<i>TRẦN LIÊU</i>	
- Thơ Lê Đức Thọ song hành với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	759
<i>TS. LÊ THỊ BÍCH HỒNG</i>	

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội ĐT: 04.39422008 FAX: 84-4-39421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn



Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh sau khi nhận được báo cáo
Quân Giải phóng miền Nam đã đánh chiếm Dinh Độc Lập
vào 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975



Giá: 223.000đ